

NEW YORK TIMES BESTSELLER

SHEELAH KOLHATKAR

LỢI,
THỀ
ĐEN

BLACK EDGE



Cách làm giàu bằng tiền bản và giao dịch nội gián
của những ông trùm Phố Wall

Trần Trọng Hải Minh dịch



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN TRÍ THỨC

[ebook©vctvegroup]

LỢI THỂ ĐEN



Tác giả: Sheelah Kolhatkar
Người dịch: Trần Trọng Hải Minh
Phát hành: Nhã Nam
Nhà xuất bản Tri Thức 2018

Lời mở đầu

LẬT MẶT

Một tối tháng Bảy năm 2008, đặc vụ FBI B. J. Kang đang ngồi gò lưng trên bàn làm việc, đeo tai nghe, lắng nghe một cuộc điện thoại. Bên ngoài trời đã tối, còn anh vẫn chưa dùng bữa. Bao tử anh óc ách sôi.

“Raj, anh nên nghe lời em,” một phụ nữ nói giọng êm ái, nghe rõ cả hơi thở. “Làm ơn đừng có chơi em vụ này.”

“Được rồi,” một giọng đàn ông nói.

“Họ sẽ đánh xuống,” giọng phụ nữ nói tiếp. *Đánh xuống*^[1], Kang biết, một thuật ngữ quen thuộc của Phố Wall, có nghĩa là một công ty sẽ công bố lợi nhuận của họ thấp hơn so với kỳ vọng, đây rõ ràng là tin xấu; “họ” ở đây là một công ty Internet trị giá 800 triệu đô la^[2] đóng trụ sở ở Cambridge, Massachusetts, có tên gọi Akamai Technologies. “Em vừa nhận được một cuộc gọi từ người của em. Em vẫn khiến được gã này như chính dây đàn mà.”

“Anh đang bán khống, em biết mà, đúng không?” người đàn ông nói.

“Em muốn anh ở trên,” người phụ nữ thở thè. “Chúng ta phải là một cặp.” Cô ta không nói về tình dục, ít ra là lần này. Đây là chuyện tiền nong. “Hãy cùng nhau chơi cú này. Cứ tiếp tục bán khống mỗi ngày đi.”

Người phụ nữ này là ai? Kang nhủ thầm. Nghe ả ta đầy vẻ âm mưu một cách hài hước. Kang lắng nghe và ghi chú. Anh đang ở trong “phòng

nghe lén” của FBI, một sào huyệt không cửa sổ chứa mười bốn máy tính Dell cực xịn và một mớ đồ nội thất chẳng ăn khớp gì với nhau ở tầng hai mươi bốn của tòa nhà 26 tầng Federal Plaza thuộc khu Hạ Manhattan, nơi đóng trụ sở thực địa của Cục ở New York. Dọc theo tường là một kệ kim loại chất đầy những thanh lương khô, bánh quy Goldfish và sô cô la Kit Kat - đồ ăn của các đặc vụ ngỗ lì ở đây nhiều tiếng liền mỗi ngày, theo dõi các cuộc điện thoại trực tiếp.

Nghe lén các cuộc điện thoại nhìn chung bị coi là một việc chó chết, nhưng Kang không nhìn nhận như thế. Anh hiểu vấn đề là ở sự kiên nhẫn; nếu bạn để tâm vào công việc, rốt cuộc bạn sẽ được đền đáp. Vài tháng trước, ngày 7 tháng Ba, một thẩm phán liên bang đã trao cho Kang một món quà, cho phép nghe lén điện thoại di động của một tay thứ dữ Phố Wall mang tên Raj Rajaratnam. Kang đã sống trong căn phòng nghe lén này từ đó, thu thập bằng cứ về một vụ giao dịch nội gián khổng lồ. Anh không tham gia lĩnh vực tội phạm chứng khoán chỉ để bắt những vụ lừa đảo nhỏ nhặt mà anh từng làm hai năm trước. Anh muốn hạ những nhân vật lớn như Raj, một tay chơi quan trọng trong giới tài chính.

Là người đồng sáng lập của Galleon Group, một quỹ đầu tư phòng hộ^[3] trị giá 7 tỉ đô la, Rajaratnam năm nay khoảng năm mươi tuổi, và là một trong những tay giao dịch danh tiếng ở Phố Wall. Một phần cũng bởi tầm vóc của gã. Raj to béo và khoa trương, với sự thèm muốn quá khổ. Gã thích ăn, và thích tiêu tiền, sẵn sàng chi tiền cho 70 người bạn của mình bay tới Kenya để dự một tiệc sinh nhật kiểu đi săn^[4], và chi 250 ngàn đô la cho một bữa tiệc xem Super Bowl^[5] ở đảo Star trong vịnh Biscayne. Raj trái ngược hoàn toàn với Kang, đứa trẻ đầy kỷ luật lớn lên trong một gia đình nhập cư người Hàn Quốc, vóc dáng như một khối bê tông với mái tóc

đen cắt gọn ghẽ. Trong khi Rajaratnam sống để lan truyền tin đồn, mua bán trái phiếu và khoe khoang về kỹ năng đặc biệt của gã bất cứ khi nào có cơ hội, Kang là một người lao động lặng lẽ, mẫn cán, chỉ lên tiếng khi đặc biệt cần thiết. Ngay cả những đồng nghiệp gần gũi nhất của anh ở Cục cũng hầu như không biết gì về anh.

Sáu ngày sau cuộc gọi đó, Kang chứng kiến Akamai thông báo với cả thế giới rằng báo cáo kết quả kinh doanh tiếp theo của họ sẽ là một nỗi thất vọng, cổ phiếu của hãng giảm từ 31,25 xuống 23,34 đô la sau một đêm. Raj đã bán khổng 875.000 cổ phần, kiếm được hơn 5 triệu đô la trong một tuần. Người phụ nữ đã lộ tin cho gã, một tay môi giới tên là Danielle Chiesi, kiếm được 2,5 triệu đô la. Kang muốn biết ả đã tìm được ở đâu thông tin giá trị như thế về những gì Akamai sẽ làm, nên anh đã xin tòa được xem hồ sơ cuộc gọi của cô ả. Nhìn qua danh sách các cuộc gọi, anh có thể thấy rằng ả đã nói chuyện với một quản lý cấp cao ở Akamai ngay trước khi chuyển thông tin cho Raj.

“Em đã chơi đúng kiểu,” Rajaratnam nói với Chiesi sau đó, khi gã gọi cho ả để cảm ơn vì tin mật báo. “Cách mà em xử lý mối quan hệ ấy.”

Chiesi thở dài. “Đó là một cuộc chinh phục.”

Rajaratnam đã bị bắt quả tang làm chuyện phạm pháp rõ ràng: lấy thông tin mật, nội gián về Akamai, mua bán cổ phiếu dựa trên đó và kiếm lời. Không hề có mật mã hay bóng gió gì hết. Mọi mảnh ghép lộ ra một cách hoàn hảo, sẵn sàng cho một vụ khởi tố hình sự: cuộc gọi diễn ra vào tối 24 tháng Bảy; Raj đã bán khổng 138.550 cổ phần vào ngày hôm sau, đặt cược cổ phiếu sẽ rớt giá, và gã ta tiếp tục bán khổng nhiều nữa tới khi tin tức được công bố ngày 30 tháng Bảy. Chỉ dựa riêng vào bằng chứng này, một trong những tay giao dịch thành công nhất ở Phố Wall chắc chắn

sẽ vào tù. Kang có thể cảm thấy sự phấn khích tăng lên trong anh. Nếu Raj và Chiesi mua bán dựa trên thông tin nội gián một cách thoải mái và công khai như thế, hẳn phải có những kẻ khác cũng làm như thế.

Đường dây điện thoại của Rajaratnam thường bận rộn nhất vào buổi sáng, ngay khoảng thời gian thị trường mở cửa, và Kang chủ tâm làm sớm và lắng nghe. Raj sẽ gọi cho bạn bè và người quen của gã, tìm kiếm tin tức. Một số người mà gã trao đổi tin tức là bạn học cũ ở trường Wharton^[6] giờ đang đi đầu hành các công ty công nghệ hay quỹ phòng hộ. Nhiều người trong số đó được gã trả lương. Kang đã theo dõi Raj thu thập thông tin về những báo cáo kết quả kinh doanh sắp được công bố và những đề nghị mua bán sáp nhập chưa được tiết lộ và sử dụng đi đầu đó kiếm hàng triệu đô la khi mua bán cổ phiếu. Chỉ trong vài tháng, Kang đã nghe cả cuộc gọi của bạn bè Rajaratnam nữa.

Kang và các đặc vụ FBI khác bị sốc vì những gì họ nghe được. Những hành vi này là bình thường ở Phố Wall? Phải chăng thông tin nội gián dễ có được *như thế*? Họ đã quen với việc phát hiện những băng hoại trong ngành tài chính, nhưng những tương tác này quá trắng trợn, bất hợp pháp rõ ràng, và có vẻ như ở khắp nơi. Mỗi lần họ phát hiện ra một nhóm giao dịch nội gián, nhóm đó sẽ có vài người thuộc một nhóm khác, và họ có cả một danh sách những nghi can mới phải để mắt đến. Vấn đề lớn hơn cả Raj. Đó là cả một mạng lưới lớn, phức tạp.

Trong khi các tay đặc vụ lắng nghe và nghiên cứu hồ sơ cuộc gọi và những ghi chú thăm vấn, tên một quỹ phòng hộ cứ xuất hiện liên tục: SAC Capital Advisors. Kang quyết định để mắt tới nó.

Tấm biển của khách sạn Embassy Suites ở khu Nam San Francisco phủ bóng trên đầu khi B. J. Kang bẻ lái chiếc xe đi thuê cỡ trung ra khỏi bãi đậu và lái về phía Nam, hướng Cupertino, tập lại trước một căn nhà ba phòng ngủ trên con đường vắng lặng khoảng 40 phút sau đó. Anh và đồng đội, người đang ng ỡ im lặng bên cạnh, đã dành phần lớn buổi tối hôm trước diễn lại những kịch bản khác nhau có thể xảy ra khi họ tới nơi và gõ cửa. Sẽ ra sao nếu người họ đang tìm không có nhà? Sẽ ra sao nếu hấn nói họ cút đi cho khuất mắt? Nếu hấn có súng thì sao? Khả năng không cao, nhưng họ phải sẵn sàng cho mọi tình huống.

Đó là ngày 1 tháng Tư năm 2009, và mặt trời đang lặn. Kang và tay đặc vụ kia - Tom Zukauskas, được Kang gọi là “người yểm trợ” - đã ra khỏi xe và rảo bước trên lối đi dẫn vào nhà. Họ gõ cửa. Một người đàn ông tóc đen xuất hiện.

“Ali Far?” Kang nói. Người đàn ông gật đầu, vẻ bối rối. Kang móc phù hiệu trong túi áo khoác ra, giơ lên trước mặt ông ta. “Tôi là B. J. Kang. Tôi là người của FBI. Chúng tôi tới đây để trao đổi về giao dịch nội gián.”

Anh ngừng lại một chút để tạo ấn tượng.

Kang giải thích rằng Far đang ở trong tình thế khó khăn vì những đi ều ông ta đã làm, nhưng có thể vẫn có giải pháp. Kang và Far có thể giúp nhau. Vợ của Far, hai con gái, bà mẹ đẻ và bà mẹ vợ đang co rúm vì sợ trong sân sau nhà, cảnh giác theo dõi mọi chuyện. “Chúng tôi biết anh từng làm việc cho Raj Rajaratnam ở Galleon và anh đã giao dịch dựa trên thông tin nội gián,” Kang nói. “Chúng tôi có băng ghi âm.”

Băng ghi âm ư?

Sau đó Kang bật một đoạn ghi âm mà Far đang cung cấp thông tin nội gián cho Rajaratnam về một công ty sản xuất linh kiện bán dẫn. Khi đoạn

băng chạy, Far không nói nổi lời nào.

Far đã rời Galleon năm 2008 để khởi sự quỹ đầu tư phòng hộ riêng cùng bạn mình là Richard Choo-Beng Lee, người giờ được gần như tất cả mọi người trong giới biết với tên gọi tắt “C.B.”. Lee là một chuyên gia phân tích công nghệ, trước đó đã làm việc ở SAC Capital. Kang hy vọng rằng Far và Lee sẽ đưa anh tới gần SAC hơn, vốn là một trong những quỹ đầu tư phòng hộ lớn nhất thế giới. Kang đã tìm hiểu được ngày càng nhiều hơn về quỹ này và người sáng lập bí ẩn của nó, Steven Cohen, anh nghe được từ những người môi giới khác của Phố Wall rằng Cohen “luôn quyết định đúng” trong mọi giao dịch - đi đâu mà có vẻ, ít ra là bên ngoài, bất khả thi. Không ai trong ngành hiểu được bằng cách nào Cohen kiếm được nhiều tiền ổn định như thế; những đối thủ cạnh tranh của ông ta ghen tị và nghi ngờ. Dùng những kỹ năng họ đã phát triển ở Galleon và SAC, Far và Lee đã tiếp thị quỹ của chính họ, Spherix Capital, với các nhà đầu tư tiềm năng, một phần qua quảng cáo việc họ có thể tiếp cận các lãnh đạo cấp cao ở những công ty công nghệ, và họ có những thông tin giá trị bởi những mối quan hệ đó. Kang biết tất cả những chuyện này. Anh thích nói rằng anh hiểu sự khác biệt giữa “những quỹ đầu tư phòng hộ đơn bản, quan trọng”, “những quỹ đầu tư phòng hộ đơn bản mà ta không cần lãng phí thời gian” và “những quỹ đầu tư phòng hộ không quan trọng”. Anh đã tranh luận với các đồng sự ở FBI rằng họ phải đẩy cuộc điều tra ra ngoài phạm vi của Raj Rajaratnam và Galleon, tới những mục tiêu lớn hơn và hùng mạnh hơn như Cohen. Kang cho rằng Far và Lee, những người có quan hệ và có vẻ nhận được thông tin nội gián trực tiếp từ các nhân viên trong công ty, là nhóm thứ nhất, riêng nhóm đó đã đáng để theo đuổi. Nhưng với Kang, họ cũng là con đường dẫn tới thứ gì đó lớn hơn. Tất cả những gì

Kang phải làm là thuyết phục họ lật mặt.

Kang tin rằng Far đặc biệt khớp với hồ sơ của một điệp viên cho FBI. Anh ta có vẻ là một người tử tế, muốn làm đi ều tốt nhất cho gia đình mình.

“Anh muốn để con cái anh nghe hết những chuyện này sao?” Kang hỏi.

Anh nói Far hãy suy nghĩ kỹ về đề nghị của anh, bởi đó là đề nghị tốt nhất mà anh ta nhận được - chắc chắn là hấp dẫn hơn việc ngồi tù. Nếu anh ta không làm đi ều đúng, lần tới các đặc vụ FBI xuất hiện ở nhà anh ta sẽ là để bắt người. “Đừng nói với bất kỳ ai chuyện này,” Kang nói thêm, trước khi chào tạm biệt. “Chúng tôi sẽ theo dõi, và sẽ biết nếu anh nói với người khác.” Hai tay đặc vụ quay trở lại xe của họ.

Tối hôm đó, Far thấy thật khổ sở. Anh ta không ngủ được. Bất chấp cảnh báo của Kang, Far đã gọi cho cộng sự C. B. Lee. Có giọng hộp thư thoại trả lời. “FBI vừa tới nhà tôi,” Far nói, rồi vội vàng gác máy.

Với FBI, đi ều tối quan trọng là những tin tức về vụ đi ều tra và nghe lén không bị rò rỉ tới cộng đồng quỹ phòng hộ. Kang phải nói chuyện với C. B. Lee càng sớm càng tốt để cố gắng hạn chế sự tiết lộ tin tức. Lee sống với mẹ cách chỗ Far chỉ 20 phút đi xe, và hai ngày sau Kang tới gặp anh ta. Ngay khi Lee ra mở cửa, Kang nói anh biết anh ta đang giao dịch nội gián ở Spherix.

Lúc đầu, Lee từ chối trả lời các câu hỏi của FBI. Nhưng tới cuối cuộc trò chuyện, Kang cảm thấy tự tin là anh ta sẽ hợp tác.

“Chúng ta sẽ giúp lẫn nhau,” Kang nói với anh ta. “Anh đang làm đi ều đúng.”

Điện thoại reo trong văn phòng của Steven Cohen ở SAC Capital, C. B. Lee ở đầu dây bên kia. Anh ta và Cohen đã không nói chuyện với nhau một thời gian rồi.

“Chào, Steve, chúng tôi phải đóng quỹ của mình,” Lee nói với Cohen, cố tỏ ra trăn trăn. Anh giải thích rằng mình và Ali Far không còn hợp tác với nhau nữa vì không thể nhất trí việc chia lợi nhuận. “Tôi muốn lại được làm việc với ông,” Lee nói. Anh cố gợi lại những kỷ niệm về khoản tiền mà họ đã kiếm được nhiều năm trước khi Lee còn làm việc cho Cohen. Lee đề nghị một thỏa thuận trong đó anh sẽ trở lại làm tư vấn cho Cohen và họ có thể chia lợi nhuận nếu Lee cung cấp thông tin tốt. Anh liệt kê một số công ty công nghệ và khoe khoang khả năng có được những con số bí mật từ nội bộ các công ty đó.

“Tôi có nhiều mối quen biết,” Lee nói. “Tôi quen người ở lĩnh vực bán hàng và tài chính tại Nvidia sẽ cập nhật cho tôi thu nhập hằng quý, và tôi có mối liên lạc ở Taiwan Semiconductor sẽ cho tôi dữ liệu theo thời gian.”

Cohen thấy hứng thú. Lee từng là một trong những chuyên viên phân tích năng suất nhất, người có thể trông cậy được trong việc nảy ra những ý tưởng giao dịch ra tiền, cho tới khi anh ta rời SAC năm 2004. Nghiên cứu của Lee tốt tới mức Cohen và một trong các giám đốc đầu tư danh mục của ông từng tranh nhau để có nó. Nhưng Cohen không ngờ ngược. Ông muốn thận trọng.

“Tôi không muốn nói chuyện này qua điện thoại,” ông nói.

Tuy nhiên, ông thấy đủ hứng thú để yêu cầu người đứng đầu đơn vị nhân sự gọi lại cho Lee và nói với anh về thủ tục giấy tờ trở lại làm việc cho SAC. Hai người họ nói chuyện với nhau thêm vài lần.

Mấy tuần sau, Cohen nói với một giao dịch viên phân tích của mình

rằng ông đang nghĩ đến việc chiêu mộ lại C. B. Lee. Tay giao dịch viên nhún vai nhưng không nói gì. Anh ta vừa nghe một số tin đồn về Lee từ một người bạn làm việc ở Galleon, quỹ của Rajaratnam. Tin đồn nói các đặc vụ liên bang mới đây đã ghé thăm quỹ phòng hộ của Lee và Far. “Tôi không biết chuyện gì đang diễn ra ở đó,” tay giao dịch viên của Galleon đã nói khi nhắc tới chuyện này trong một bữa tối của cả nhóm ở Manhattan ba ngày trước. “Rất lạ.”

Sáng hôm sau, tay giao dịch viên phân tích nghiêng người về phía Cohen và lấy hết can đảm. Anh ta không hiểu vị sếp nóng tính của mình sẽ phản ứng ra sao với những gì anh ta sắp nói. “Chuyện này hoàn toàn có thể là đồn nhảm,” anh ta nói, “nhưng có tin đồn là nhân viên liên bang đã tới văn phòng của C.B. Ông có thể muốn xem xét chuyện này kỹ hơn.”

“Ý cậu là SEC^[7] hả?” Cohen nói.

“Không,” tay giao dịch viên trả lời. “Là FBI.”

Cohen chụp lấy điện thoại và gọi cho một người bạn, một cựu giám đốc danh mục SAC gần gũi với Lee. “Tôi nghe nói C.B. có thể đang hợp tác với FBI,” Cohen nói. “Chúng tôi nghe nói anh ta đang đeo thiết bị nghe lén.” Nghe có vẻ như đang diễn ra một cuộc đi điều tra liên bang với ngành quỹ phòng hộ. Ai mà biết được chuyện này sẽ dẫn tới đâu?

“Cẩn thận đấy.”

ooo

Đó sẽ là một cuộc đi điều tra chưa từng có tiền lệ trong lịch sử Phố Wall, một cuộc truy quét kéo dài một thập kỷ, với sự tham gia của nhiều cơ quan chính quyền nhắm vào hoạt động giao dịch nội gián gần như chỉ tập trung

vào các quỹ đầu tư phòng hộ. Cuộc đi đầu tra bắt đầu từ Raj Rajaratnam và Galleon Group rồi nhanh chóng mở rộng, giăng bẫy với những tay giám đốc doanh nghiệp, luật sư, nhà khoa học, giao dịch viên và chuyên viên phân tích ở vài chục công ty. Mục tiêu tối thượng là Steven Cohen, nhà sáng lập tỉ phú của SAC Capital Advisors, có lẽ là công ty đầu tư phòng hộ hùng mạnh nhất mà ngành này từng thấy.

Vào năm 1992, năm Cohen khởi sự SAC, một người bình thường chỉ biết rất mơ hồ một quỹ đầu tư phòng hộ là gì. Hầu hết các quỹ giống như của Cohen bắt đầu từ những hoạt động nhỏ lẻ, không chính thức, được tạo ra bởi các tay giao dịch viên lập dị mà tham vọng tài chính không thể được thỏa mãn ngay cả bởi những công ty chứng khoán hùng mạnh nhất Phố Wall. Họ không đủ kiên nhẫn với văn hóa doanh nghiệp và không bận tâm tới việc thương lượng về khoản thưởng của họ mỗi năm. Nhiều người mặc đồ jean và mang dép xỏ ngón đi làm. Mỗi ác cảm của họ với các ngân hàng và công ty môi giới lớn là nguồn nuôi dưỡng niềm kiêu hãnh của họ.

Các quỹ đầu tư phòng hộ được nhìn nhận là một dịch vụ nhỏ, gần như là may đo, như phương tiện để những người giàu có đa dạng hóa các khoản đầu tư của họ và tạo ra lợi nhuận ổn định, vừa phải, cách ly với những diễn biến thất thường của thị trường chứng khoán. Ý tưởng đằng sau các quỹ này thật đơn giản: một giám đốc quỹ sẽ xác định những công ty tốt nhất và mua cổ phần của những công ty này trong khi bán khống cổ phiếu của các công ty khác hoạt động có vẻ không tốt. Bán khống là đặt cược vào một cổ phiếu với kỳ vọng nó sẽ rớt giá, và cách làm này mở ra những cơ hội mới cho các nhà đầu tư tinh tường. Quá trình này bao gồm đi vay cổ phiếu (có trả phí), rồi đem bán nó trên thị trường, và nếu mọi chuyện thuận lợi, mua lại những cổ phiếu đó khi giá thấp hơn để trả lại số

cổ phiếu đi mượn. Trong một thị trường được mùa, khi phần lớn các cổ phiếu tăng giá, lợi nhuận trong giữ cổ phiếu dài hạn (long) sẽ che phủ các khoản thua lỗ từ việc bán khống (short); trong một thị trường thất bát, việc bán khống giúp giảm bớt thua lỗ với việc đầu tư cổ phiếu dài hạn. Đầu tư dài hạn một số cổ phiếu và bán khống một số cổ phiếu khác có nghĩa là bạn đang “phòng hộ”^[8]. Chiến lược này có thể áp dụng cho các công cụ tài chính khác ngoài cổ phiếu, chẳng hạn như trái phiếu và các hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai, ở bất cứ thị trường nào trên thế giới.

Những tổn thất với thương vị ngắn hạn^[9] có khả năng là không giới hạn nếu một cổ phiếu cứ tiếp tục tăng, nên đây được coi là một hoạt động rủi ro cao. Nguy cơ này, cộng thêm với việc nhiều quỹ phòng hộ sử dụng đòn bẩy tài chính, tức là tiền đi vay phải trả lãi, để lấy tiền giao dịch khi họ theo đuổi các chiến lược khác nhau ở những thị trường khác nhau trên toàn cầu, khiến giới chức điều hành ra sắc lệnh chỉ những nhà đầu tư tình nguyện nhất mới được đầu tư vào đó. Các quỹ phòng hộ được phép tìm cách kiếm tiền gần như theo bất cứ cách nào họ muốn, và thu bất kỳ khoản phí nào họ thích, chừng nào họ còn giới hạn các nhà đầu tư của mình ở những người giàu sụ, những người mà ít ra trên lý thuyết, có thể thua lỗ bao nhiêu cũng được.

Trong nhiều năm, các quỹ phòng hộ tồn tại nhìn chung biệt lập với các chu kỳ tăng trưởng - suy thoái của Phố Wall, nhưng tới giữa những năm 2000, các quỹ này bắt đầu di chuyển vào trung tâm của ngành tài chính. Một số quỹ bắt đầu tạo ra lợi nhuận khổng lồ mỗi năm. Theo thời gian, cái tên *quỹ phòng hộ* không còn liên quan gì tới chiến lược thận trọng đã khiến các quỹ này có tên như thế, mà thay vào đó, chúng trở thành những công ty đầu tư tài chính không bị kiểm soát, và về cơ bản được làm bất cứ

điều gì chúng muốn. Mặc dù các công ty này nổi tiếng với việc sử dụng đòn bẩy tài chính và chấp nhận rủi ro cao, đặc điểm mang tính định nghĩa với hầu hết quỹ phòng hộ là khoản tiền khổng lồ mà những người đi đầu hành nhận được. Những khoản phí họ thu rất lớn, một khoản “phí quản lý” điển hình tương đương 2% giá trị tài sản, và “phí hoạt động” tương đương 20% lợi nhuận mỗi năm. Trước khi kiếm được bất cứ thứ gì cho nhà đầu tư, giám đốc một quỹ 2 tỉ đô la sẽ thu về 40 triệu đô la tiền phí chỉ để đi đầu hành hoạt động. Tới năm 2007, những người sáng lập các quỹ phòng hộ như Paul Tudor Jones và Ken Griffin quản lý những khoản tiền nhiều tỉ đô la, sống trong những biệt điện rộng 20 nghìn foot vuông^[10], và đi lại bằng những chiếc máy bay phản lực tư nhân trị giá 50 triệu đô la.

Làm việc cho một quỹ phòng hộ là trải nghiệm mang tính giải phóng với một số kiểu giao dịch viên nhất định, một cơ hội để thử nghiệm những kỹ năng của họ trước thị trường và trong quá trình đó, trở nên siêu giàu. Công việc ở các quỹ phòng hộ trở thành loại công việc sang chảnh nhất trong ngành tài chính. Khối tài sản khổng lồ mà các quỹ này hứa hẹn mang lại khiến một sự nghiệp có tính truyền thống hơn ở Phố Wall như leo lên các nấc thang thứ bậc ở một ngân hàng đầu tư lâu năm như Bear Stearns hay Morgan Stanley, trở nên kém hấp dẫn hơn nhiều. Vào năm 2006, cùng năm mà Lloyd Blankfein, CEO của Goldman Sachs, được trả khoản thu nhập 54 triệu đô la - gây ra sự phẫn nộ ở một số người - thì người được trả lương thấp nhất trong danh sách 25 giám đốc quỹ phòng hộ có thu nhập cao nhất đã nhận được 240 triệu đô la. Ba người đứng đầu kiếm được mỗi người hơn một tỉ đô la. Cohen đứng thứ năm năm đó, 900 triệu đô la. Tới năm 2015, các quỹ phòng hộ kiểm soát gần 3.000 tỉ đô la tài sản trên toàn thế giới và là động cơ đứng sau sự phân phối bất cân bằng của số của cải cực

lớn vào đầu thế kỷ 21.

Những ông trùm quỹ phòng hộ không lắp đặt đường ray xe lửa, không xây nhà máy hay đầu tư vào các loại thuốc men hay công nghệ cứu sống mạng người. Họ kiếm được hàng tỉ đô la thông qua đầu cơ, bằng cách đặt cược vào thị trường mà các khoản cược hóa ra thường thắng nhiều hơn thua. Và vì thế, họ kiếm được không chỉ những khối tài sản cá nhân khổng lồ, mà còn tạo dựng tầm ảnh hưởng kinh khủng khắp xã hội, trong chính trị, giáo dục, nghệ thuật, thể thao chuyên nghiệp - bất cứ lĩnh vực nào mà họ muốn hướng sự chú ý và nguồn lực của họ vào đó. Họ quản lý một lượng tiền lớn trong các quỹ hưu trí và quỹ niên bổng^[11], và ảnh hưởng nhiều đến thị trường tới mức những CEO của các công ty đại chúng không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải chú ý tới họ, tập trung vào thành tích cổ phiếu ngắn hạn để khiến các cổ đông ở quỹ phòng hộ của họ hài lòng. Phần lớn những tay giao dịch ở các quỹ phòng hộ không nghĩ họ là “chủ công ty” hay thậm chí là nhà đầu tư dài hạn. Họ chỉ quan tâm đến việc mua vào, kiếm lời và bán ra.

Nếu có một người hiện thân cho sự nổi lên của các quỹ phòng hộ, và cách thức chúng làm thay đổi Phố Wall, thì đó là Steven Cohen. Ông ta là một nhân vật bí ẩn, ngay cả trong chính ngành của mình, nhưng mức lợi nhuận bình quân 30% một năm trong 20 năm liên tục của ông ta là một huyền thoại. Điều đặc biệt hấp dẫn ở ông là thành tích không dựa trên bất kỳ chiến lược được tìm hiểu kỹ nào, không giống các nhà đầu tư lớn khác như George Soros hay Paul Tudor Jones; ông không nổi tiếng với việc đặt cược vào các xu hướng kinh tế toàn cầu hay tiên đoán sự suy giảm của thị trường bất động sản. Cohen đơn giản là có vẻ có thức cảm mang tính trực giác về cách thị trường chuyển biến, và ông đã bước vào ngành này chính

xác ở thời điểm mà xã hội thay đổi quan điểm sang trọng thường cho kỹ năng đó hơn bất kỳ kỹ năng nào khác. Ông ta đã giao dịch mua bán cổ phiếu theo phong cách cực nhanh, hàng chục giao dịch lớn mỗi ngày. Những tay giao dịch viên trẻ tuổi khao khát được làm việc cho Cohen và những nhà đầu tư giàu có nài nỉ xin được trao tiền vào tay ông ta. Tới năm 2012, SAC đã trở thành một trong những quỹ đầu tư có lợi nhuận tốt nhất thế giới, quản lý 15 tỉ đô la. Ở Phố Wall, “Stevie”, như người ta vẫn gọi Cohen, giống như một vị thần.

Tin tức nhanh chóng loan đi về cách thức mới mẻ để trở nên cực giàu này, và hàng nghìn quỹ phòng hộ mới được mở ra, tất thảy đều tuyển mộ những tay môi giới hung hăng đi tìm những khoản đầu tư có lời lớn. Khi sự cạnh tranh trở nên quyết liệt hơn và các khoản tiền lời tiền lãi tăng vọt, những quỹ phòng hộ bắt đầu mở ra vô cùng rộng rãi để đạt được lợi thế trên thị trường, họ chiêu mộ các nhà khoa học, nhà toán học, kinh tế gia và cả bác sĩ tâm thần. Họ đặt dây cáp quang ở gần các thị trường chứng khoán hơn để những giao dịch của họ có thể được thực hiện nhanh hơn vài nano giây và thuê những kỹ sư và lập trình viên giúp máy tính của họ mạnh như máy tính của Lãi Năm Góc. Họ trả tiền cho các bà mẹ cho con chơi bóng đá để vào các quầy hàng tại Walmart và báo cáo lại trên đó đang bán gì. Họ nghiên cứu các hình ảnh qua vệ tinh những khu đỗ xe và mời các CEO đi ăn những bữa tối cực kỳ xa xỉ, đào bới thông tin. Họ làm tất cả những chuyện đó vì họ biết đánh bại được thị trường khó khăn ra sao, ngày qua ngày, tuần tiếp tuần, năm nối năm. Các quỹ phòng hộ luôn cố tìm kiếm đi đầu mà đám môi giới gọi là “lợi thế”^[12] - thông tin giúp họ giành lợi ưu trước các nhà đầu tư khác.

Ở một thời điểm nhất định, việc truy tìm lợi thế này không tránh khỏi

việc chạm đến một lần ranh r ỡi vượt qua đó: biết trước thông tin về lợi nhuận của một công ty, tin tức về việc một nhà sản xuất vi mạch sẽ bị mua lại trong tuần tới, xem trước báo cáo kết quả một vụ thử nghiệm thuốc. Kiểu thông tin này - độc quyền, không công khai, và chắc chắn là có tác động lên thị trường - được Phố Wall gọi là “lợi thế đen” và là loại thông tin giá trị nhất.

Giao dịch dựa trên thông tin kiểu đó thường là bất hợp pháp.

Khi một giao dịch viên được hỏi liệu anh ta có biết một quỹ bất kỳ nào mà *không* dựa vào kiểu thông tin nội gián như thế không, anh ta sẽ nói: “Không, họ sẽ không bao giờ sống sót nổi.” Theo cách này, lợi thế đen giống như doping trong đua xe đạp đỉnh cao hay steroid^[13] trong bóng chày chuyên nghiệp. Một khi những vận động viên xe đạp và những tay đập ăn điểm ngay bắt đầu làm chuyện đó, bạn phải làm theo hoặc là bạn sẽ thua.

Và giống như trong đua xe đạp và bóng chày, ngày phán xét với Phố Wall cuối cùng cũng tới. Năm 2006, Ủy ban Chứng khoán và sàn Giao dịch Mỹ, Cục Điều tra Liên bang và Văn phòng Công tố Mỹ tuyên bố họ sẽ đi điều tra lợi thế đen, rất lâu trước khi cuộc tìm kiếm dẫn họ tới Cohen. Họ phát hiện ra rằng dù mọi người có đang làm gì đi nữa, thì Cohen vẫn là người giỏi nhất.

Cuốn sách này là một câu chuyện trinh thám mà bối cảnh là những căn phòng phía sau các bãi đậu xe văn phòng và sàn giao dịch của Phố Wall. Cuốn sách kể về những đặc vụ FBI đã làm theo linh cảm của mình và đặt những đường dây nghe lén, những nhân chứng lật mặt và chịu hợp tác để dẫn lên các thứ bậc cao hơn cho đến khi họ chạm tới được những kẻ đứng đầu. Nó kể về những công tố viên chính quyền đầy lý tưởng đối mặt với

các tay luật sư bên bị giao hoạt mỗi năm kiếm được nhiều tiền gấp hai mươi lần họ. Nó kể về những tay giao dịch trẻ đập vỡ ổ cứng của họ bằng búa, xé bỏ các tập hồ sơ, và tìm kiếm sự giúp đỡ của bạn bè thân thiết nhất để không phải ngồi tù. Nó kể về cách những quỹ phòng hộ như SAC được cơ cấu cẩn thận để những người ở trên đỉnh được bảo vệ khỏi các giao dịch đáng ngờ của nhân viên cấp dưới.

Đây cũng là câu chuyện về Steven Cohen và hành trình tên lửa của ông lên đỉnh cao của Phố Wall, cùng cuộc chiến kỳ vĩ để trụ lại đó.

PHẦN MỘT

Chương 1

MONEY, MONEY, MONEY^[14]

Thường có hai loại người tìm việc ở Phố Wall. Loại thứ nhất là những người có cha mẹ giàu có, được ăn học ở những trường phổ thông ngon lành và vào các đại học trong nhóm Ivy League^[15]; và là những người mà từ ngày đầu tiên trên sàn giao dịch đã có vẻ mang định mệnh là thuộc về nơi đó rồi. Họ sống cuộc đời dễ dàng, biết rằng họ sẽ sớm có căn hộ ở Park Avenue^[16] và những ngôi nhà hóng mát ở Hamptons^[17], náo trạng của họ bắt nguồn từ việc giáo dục sang chảnh cùng các bài học quẩn vọt thuộc ấu thơ, và kiến thức kiêu khi nào là lúc thích hợp để một người đàn ông mặc áo vest kẻ sọc và khi nào thì không.

Loại thứ hai gọi ra những cụm từ như *khôn lỏi* và *thích gây gổ*. Họ có thể đã chứng kiến cha mẹ mình vật lộn nuôi sống gia đình, vất vả với công việc bán hàng hay bán bảo hiểm, hoặc đi đầu hành một doanh nghiệp nhỏ, làm việc chăm chỉ để thu lại chẳng bao nhiêu, điều này đã ảnh hưởng sâu sắc tới họ. Họ có thể đã bị bắt nạt khi còn nhỏ hay bị bạn gái từ chối ở trường trung học. Họ ăn nên làm ra vì trong họ âm ỉ một sự thù hận và họ muốn chứng tỏ, hay vì họ có tham vọng trở nên cực giàu, hoặc vì cả hai. Họ không có gì nhiều để mất ngoài quyết tâm và sự sẵn lòng làm bất cứ chuyện gì nếu cần, bao gồm đánh bại những đứa trẻ nhà giàu tự mãn. Đôi khi đi đầu đó thúc đẩy những người này cực kỳ quyết liệt, gần như một cơn cuồng nộ.

Steven Cohen thuộc nhóm thứ hai.

Khi tới điểm danh ở chỗ làm một buổi sáng tháng Một năm 1978, Cohen nhìn giống bất cứ cậu trai 21 tuổi mới đi làm nào. Anh có thể nghe tiếng gầm gừ của sàn giao dịch, nơi hàng chục thanh niên trai tráng đang râm rì qua điện thoại, cố gắng dẫn dụ tiền bạc từ những người ở đâu đây bên kia. Căn phòng sống động và tràn ngập năng lượng. Như thể một cây sồi khổng lồ đang rung lắc giữa một khu rừng mùa thu và những chiếc lá tiền đang rơi rụng từ đó. Với Cohen nơi này như ở nhà, và anh hòa nhập ngay lập tức.

Gruntal & Co. là một hãng môi giới nhỏ nằm quanh quất chỗ góc đường gần Sàn Giao dịch Chứng khoán New York, trong con hẻm nhỏ tăm tối thuộc khu Hạ Manhattan. Thành lập năm 1880, Gruntal đã sống sót qua vụ ám sát Tổng thống McKinley^[18], vụ sập thị trường năm 1929, các vụ tăng giá dầu mạnh và những đợt suy thoái, chủ yếu nhờ việc mua lại các công ty Do Thái rất nhỏ, nhưng cũng bởi việc duy trì quy mô đủ nhỏ này mà không ai chú ý nhiều tới họ. Từ các văn phòng trên cả nước, những tay môi giới của Gruntal cố gắng bán cổ phiếu đầu tư cho các nhà sĩ, thợ ống nước và người vênh hươu. Khi Cohen tới, công ty vừa bắt đầu chuyển hướng một cách mạnh mẽ hơn sang một lĩnh vực được gọi là tự doanh^[19], cố gắng tạo ra lợi nhuận bằng cách đầu tư bằng chính tiền của công ty.

Với một đứa trẻ Do Thái hăng hái từ Long Island như Cohen, Phố Wall không dành cho sự chào mời cởi mở. Mặc dù vừa tốt nghiệp Wharton, Cohen vẫn phải tự xoay xở. Gruntal không phải là công ty có danh tiếng tốt, nhưng Cohen không quan tâm tới uy tín. Anh quan tâm tới tiền, và xác định phải kiếm được thật nhiều tiền.

Tình cờ là một người bạn từ thời thơ ấu của Cohen, Ronald Aizer, mới

nhận công việc đi đầu hành bộ phận quyền chọn^[20] ở Gruntal, và đang tìm người giúp.

Aizer hơn Cohen mười tuổi, có năng khiếu toán học, và có toàn quyền đầu tư vốn của công ty theo cách mà ông muốn. Ngày đầu tiên đi làm của Cohen, Aizer chỉ vào một cái ghế và yêu cầu người mới được tuyển dụng ngồi đó trong khi ông nghĩ xem cụ thể sẽ làm gì với anh ta. Cohen ngồi xuống trước một màn hình Quotron và bắt đầu chìm đắm vào giai điệu của những con số hiển thị trên đó.

Thị trường chứng khoán đúc kết được một nguyên lý cơ bản, nguyên lý mà Aizer đã tìm ra được cách khai thác: bạn chấp nhận mạo hiểm càng nhiều đối với khoản đầu tư của bạn, thì phần thưởng tiềm năng càng lớn. Nếu có khả năng chỉ một mẫu tin cũng đủ làm cho giá một cổ phiếu giảm mạnh, giới đầu tư sẽ trông đợi cổ phiếu này phải có lợi nhuận thật lớn vì khi đầu tư vào cổ phiếu này họ đã chấp nhận khoản thua lỗ tiềm tàng. Tuy nhiên, một món đầu tư chắc ăn, dễ đoán, như trái phiếu do chính quyền thành phố phát hành, thường có lời rất thấp. Không thể có phần thưởng mà không có rủi ro - đó là một trong những nguyên lý trung tâm của đầu tư. Tuy nhiên, Aizer tìm thấy một lỗ hổng hấp dẫn trong cơ chế này, khi hai yếu tố lợi nhuận và rủi ro không còn đồng bộ. Lỗ hổng đó liên quan tới quyền chọn chứng khoán.

Thị trường quyền chọn lúc đó thừa thớt hơn nhiều so với giao dịch chứng khoán thông thường, và theo nhiều cách cũng hấp dẫn hơn. Quyền chọn là các hợp đồng cho phép một người hoặc mua hoặc bán cổ phiếu với một giá cố định, trước một ngày cụ thể trong tương lai. Một “quyền chọn bán”^[21] đại diện cho quyền bán cổ phiếu, nghĩa là người sở hữu lệnh đặt bán sẽ hưởng lợi nếu giá cổ phiếu giảm, cho phép anh ta hay cô ta bán

các chứng khoán cơ sở với mức giá cao hơn giá thị trường và giá cao hơn này được thống nhất từ trước. “Quyền chọn mua”^[22] thì ngược lại, cho phép người nắm giữ có quyền *mua* một chứng khoán cụ thể ở một giá nhất định vào trước hay đúng ngày hết hạn, tức người sở hữu quyền chọn mua sẽ hưởng lợi nếu giá cổ phiếu tăng, do hợp đồng quyền chọn này cho phép anh ta hay cô ta mua cổ phiếu với giá thấp hơn giá ngoài thị trường tự do, mang lại lợi nhuận ngay lập tức. Giới đầu tư đôi khi sử dụng các quyền chọn này để phòng hộ cho một thương vụ chứng khoán mà họ đang sở hữu.

Ở Gruntal, Aizer đã triển khai một chiến lược được gọi là “chênh lệch quyền chọn”^[23]. Có một mối quan hệ toán học chính xác điều chỉnh giá của quyền chọn thay đổi tương quan với giá chứng khoán cơ sở. Về lý thuyết, trong một thị trường lý tưởng, giá của quyền chọn bán, giá của quyền chọn mua và giá mà cổ phiếu sẽ được giao dịch phải ngang bằng nhau. Vì quyền chọn là sản phẩm tài chính mới mẻ, và liên lạc giữa các thị trường đôi khi chậm chạp, nên phương trình này thỉnh thoảng chệch choạc, tạo ra sự không ăn khớp giữa các mức giá khác nhau. Ví dụ, bằng cách mua và bán những quyền chọn trong một giao dịch và mua bán cổ phiếu trong một giao dịch khác, một tay giao dịch tinh ranh có thể bỏ túi khoản chênh lệch.

Trên lý thuyết, kỹ thuật này gần như không có rủi ro. Không vay mượn tiền và đòi hỏi vốn tương đối ít, và phần lớn các thương vụ được khớp trước cuối ngày, đồng nghĩa với việc bạn không phải lo lắng đến phát bệnh về khả năng thị trường lao dốc chỉ sau một đêm. Chiến lược này sẽ trở nên lỗi thời khi công nghệ phát triển, nhưng vào đầu những năm 1980, đây quả là trò hái tiền trên cây - và những tay giao dịch ở Gruntal tận

hưởng những vụ mùa bội thu. Suốt ngày, Aizer và những giao dịch viên của ông so sánh giá các chứng khoán với định giá của chúng trên thị trường quyền chọn, hối hả thực hiện giao dịch ngay khi phát hiện có sự không nhất quán.

“Bạn có thể có cổ phiếu IBM giao dịch với giá 100 đô la ở Sở Giao dịch Chứng khoán New York,” theo lời của Helen Clarke, từng làm thư ký cho Aizer vào đầu những năm 1980, “và các quyền chọn tương đương với cổ phiếu IBM ở giá giao dịch 100 đô la được bán với giá 99 đô la ở Chicago, vậy là bạn sẽ chạy tới Chicago để mua và bán nó ở NYSE.^[24] Nếu làm đủ nhiều, khoản chênh lệch sẽ tăng lên.

Không có những phần mềm tính toán trên máy tính, những người giao dịch phải ghi nhớ mọi thứ trong đầu. Aizer thiết lập một hệ thống đòi hỏi tư duy tối thiểu. Ta không cần phải giỏi, ông hay nói thế, ta chỉ cần làm theo công thức. Đó là một công việc tẻ ngắt. Một con khỉ được huấn luyện cũng biết làm.

Vào ngày đầu tiên của Cohen, anh chứng kiến Aizer làm việc với một trợ lý giao dịch, sục sạo thị trường để tìm kiếm những khoản chênh lệch 0,25 hay 0,5 đô la mà họ có thể thu lợi bởi những chương trình quyền chọn ngó ngẩn. Sau một lúc thẩn người, anh nhìn chăm chăm vào các màn hình thể hiện thị trường. Rồi Cohen tuyên bố anh đang xem xét một cổ phiếu, ABC. “Tôi nghĩ nó sẽ mở phiên ngày mai cao hơn,” anh nói. Dù hoàn toàn mới mẻ với công việc này, Cohen tự tin vào khả năng của mình trong vai trò người giao dịch.

Aizer cười khẩy. “Được rồi,” ông nói, tò mò muốn xem cậu nhóc mới với mái tóc nâu bù xù và cặp kính này có hiểu mình đang làm gì không. “Thử xem, mua đi.”

Cohen kiếm được 4.000 đô la chiều hôm đó, và 4.000 đô la nữa sau một đêm; vào năm 1978, đó là một khoản lợi nhuận đáng kể. Chứng kiến giá dao động như một đồ thị hình sin, đặt cược, chấp nhận rủi ro, nhận phần thưởng - cơ thể anh tràn ngập adrenaline, và Cohen hoàn toàn mê đắm. Giao dịch chứng khoán là tất cả những gì anh muốn làm.

Aizer sửng sốt. Làm sao một người thiếu kinh nghiệm, một người thậm chí không thêm là áo sơ-mi của mình, lại có thể giỏi phán đoán chứng khoán tăng hay giảm như thế?

“Tôi biết anh ta sẽ nổi tiếng chỉ trong một tuần,” Aizer nói. “Tôi chưa bao giờ thấy một tài năng như thế. Một tài năng rơi thẳng vào mắt bạn.”

ooo

Vào những chiều Chủ nhật, bên trong căn nhà bốn phòng ngủ hai tầng ở Great Neck, một cậu bé đang đứng cạnh cửa sổ phòng ngủ nhìn ra ngoài, chờ âm thanh bánh xe hơi trên nhựa đường tấp vào cửa. Ngay khi chiếc Cadillac đậu lại bên ngoài, cậu lao xuống cầu thang. Cậu muốn chạy nhanh hơn anh chị em của mình để đón ông bà ngoại ngay tại ngưỡng cửa khi ông bà vừa tới.

Walter và Madeline Mayer, ông bà ngoại của Steven Cohen, sống một phần nhờ vào một danh mục đầu tư dùng tiền thừa kế, và họ tới thăm cháu một hoặc hai lần mỗi tháng. Họ sống một cuộc đời dễ chịu ở Manhattan, với những nhà hàng sang trọng và những buổi trình diễn ở Broadway. Họ là đại diện của cuộc sống thoát khỏi ồn ào đầy dãi dào và hừng khởi, và khi Steven lớn lên, những chuyến thăm của họ là những thời khắc ưa thích nhất của cậu trong tuần. Họ luôn nói về tiền bạc còn Cohen cẩn thận lắng nghe những bài học trong đó, ý tưởng rằng một khi bạn có tiền, ngân hàng

sẽ trả lãi cho nó, và tiền có thể được đầu tư và sẽ tăng lên, khiến nhà đầu tư ít hay không phải làm việc, và những người khác sẽ ghen tức và ngưỡng mộ nhà đầu tư đấy. Sự tự do mà ông bà ngoại cậu có được đối lập sâu sắc với cuộc sống eo hẹp và chật vật của cha mẹ Cohen. Khi cha cậu về nhà từ nơi làm việc mỗi tối, Cohen chụp lấy tờ *The New York Post* của cha để có thể nghiên cứu các bảng chứng khoán như ông ngoại.

Sinh vào mùa hè năm 1956, Cohen là con trai thứ ba trong tám người con của Jack và Patricia Cohen. Great Neck nằm cách Thành phố New York 20 dặm^[25], một khu ngoại ô sung túc của những người Do Thái đầu óc cấp tiến có công ăn việc làm tử tế, những người mong đợi con cái học hành giỏi giang và theo đuổi những sự nghiệp như bác sĩ và nha sĩ. F. Scott Fitzgerald^[26] tới đây sống vào năm 1922, và khu vực này một phần đã tạo cảm hứng cho tác phẩm *The Great Gatsby* (Đại gia Gatsby), câu chuyện xảy ra ở khu “West Egg” tưởng tượng được dựa trên Kings Point, điểm cực Bắc của Great Neck trên Long Island Sound. Nhiều ông bố ở Great Neck tách biệt hai cuộc sống ở Long Island và Manhattan, vốn bao gồm rất nhiều bữa chè chén và những chuyến đi làm mỗi ngày rất xa, cách nhà họ nhiều tiếng đồng hồ. Ở đó có những giáo đường Do Thái và trường học tốt cùng các khu bất động sản lớn.

Ở Great Neck, gia đình Cohen thuộc nhóm dưới vệt tài chính, và Steve ý thức được điều này từ nhỏ. Vào lúc mà quận Garment vẫn còn sản xuất đồ dệt may, cha của Cohen, Jack, đi xe lửa mỗi sáng tới một trong những phòng trưng bày hàng của ông ở Manhattan, nơi ông đi đầu hành một doanh nghiệp mang tên Minerva Fashions, may những chiếc váy giá 20 đô la cho các chuỗi bán quần áo như Macy's và J. C. Penney.

Mẹ của Cohen, Patricia - Patsy - là giáo viên dạy piano hành nghề tự

do. Bà đăng quảng cáo tìm học trò trên tờ báo địa phương *Pennysaver*, chủ yếu cho trẻ em trong khu phố, và chỉ dạy những bài nhạc phổ biến như “Hello, Dolly!” chẳng hạn, thay vì Beethoven hay Brahms. Bà là một phụ nữ khó tính, không nhân nhượng, áp đảo trong gia đình, nổi tiếng có khiếu hài hước sắc như dao và thỉnh thoảng lại la rầy chõng: “Jackie, anh phải chơi chết tụi nó trước khi tụi nó chơi anh!”

Tiền bạc là nguồn gốc của căng thẳng liên tục trong nhà Cohen. Mẹ và cha Cohen trao đổi công khai về khoản thừa kế mà họ hy vọng sẽ đến từ cha mẹ của Patsy, mà họ dự tính sẽ dùng để khiến cuộc sống của họ dễ chịu hơn. Dù còn nhỏ, Cohen là một vận động viên có tài, là tay ném của đội bóng chày, và người dẫn dắt lối chơi trong đội bóng rổ. Nhưng cha mẹ cậu không có phương tiện giúp cậu phát huy hết tiềm năng thể thao - họ không có nhiều tiền cho các bài học riêng hay không có thời gian chở cậu tới các trận đấu. Tay huấn luyện viên bóng đá ở trường cấp hai tổ chức một trại tập huấn hè bên hồ tại Maine nơi một số trẻ trong khu phố tới tham gia. Cohen đã tham gia từ năm 1968 và rất thích trại tập huấn đó. Khu trại là một thế giới đáng say mê, một nơi thật bình đẳng khi mọi đứa trẻ mặc những chiếc áo phông như nhau và ngủ trong những cabin gỗ thông nhỏ, tất cả đều bình đẳng. Không có các bậc cha mẹ ở quanh đó để cãi vã về tiền nong và ngăn cấm bọn trẻ việc này việc nọ. Tuy nhiên sau một mùa hè, cha mẹ Steve không bao giờ cho cậu quay lại; bạn cùng lớp với cậu tin rằng đó là vì họ không còn trả nổi khoản phí của khu trại.

Dẫu vậy, Steve vẫn được chiều chuộng. Ông bà cậu nghĩ cậu là đứa sáng láng nhất trong tám anh em và coi cậu như “cái bút chì nhọn nhất trong hộp”, đi đâu khiến cậu rất tự hào. Cậu đạt điểm cao mà không phải học quá nhiều. Anh trai của Cohen, Gary, nhớ rằng mẹ họ làm bút tốt cho

Steve trong khi những đứa trẻ khác phải hài lòng với hot dog. “Tôi thường phàn nàn,” ông nhớ lại, “và mẹ tôi nói, ‘Em trai Steve của con sẽ nuôi lại chúng ta một ngày nào đó.’”

Ở trường cấp ba, Cohen phát hiện ra một hoạt động ngoại khóa kích hoạt đam mê đích thực trong cậu: chơi bài poker. “Chúng tôi có một nhóm, và chúng tôi chơi bài lần lượt ở nhà từng người, cả ngày, r ồi cả đêm,” Cohen nhớ lại. “Các khoản cược bắt đầu ở mức 25 xu, 50 xu. Dần dần chúng tôi tăng lên 5,10 hay 20 đô la mỗi khi thay bài, và tới lớp mười bạn có thể thắng hoặc thua 1.000 đô la mỗi tối.”

Trò chơi bài đó giúp Cohen học được một bài học quan trọng về chủ nghĩa tư bản. Có những cách tương đối khó khăn để kiếm tiền, như việc sắp xếp hàng hóa ở siêu thị Bohack với mức lương 1,85 đô la một giờ mà cậu từng làm một mùa hè và thấy thật khổ sở. Và có những cách khác dễ hơn nhiều để kiếm được một đô la, như đánh bại bạn bè ở bàn poker, mà cậu rất lấy làm thích thú. Cohen sẽ chệnh choạng về nhà vào sáng sớm với một đồng tiền mặt, nhớ trả lại chìa khóa xe cho cha đúng giờ để ông đi làm. Chứng kiến cha chật vật tới chỗ làm mỗi ngày, Cohen chỉ có một suy nghĩ: *Đó không thể là cuộc đời mình.*

ooo

Cohen được nhận vào Trường Wharton, và cha mẹ cậu vui mừng hết sức. Họ đã thừa kế một ít tiền từ cha mẹ Jack, giúp họ thoát được gánh nặng vay nợ cho con học hành, dù Steve vẫn phải làm việc để kiếm tiền mua sách và đi chơi. Ngay khi tới khu học xá, anh đã thấy bãi đậu xe đầy những chiếc BMW và Mercedes của bạn học. Một lần nữa, Cohen ở trong một môi trường mà hầu hết mọi người xung quanh tới từ những gia đình

giàu có hơn và anh bị gạt ra ngoài những nhóm thượng lưu nhất. Ngôi nhà trụ sở hội huynh đệ trở thành trung tâm đời sống của anh.

Văn hóa ở Wharton được thúc đẩy bởi sự sùng bái tiền bạc. Hội huynh đệ của Cohen, tên là Zeta Beta Tau hay ZBT, là hội giàu hơn trong hai hội huynh đệ Do Thái của khu học xá. Biệt danh của nó là “Zillions Billions Trillions”^[27]. Hầu hết các buổi tối, Cohen ở trong phòng khách của ZBT, nơi đã được biến thành một sòng bài, với hàng chục gã vây quanh chiếc bàn. Ở trung tâm của bàn là Cohen, dẫn dắt cuộc chơi, vô cùng tập trung giữa đám mây mù khói thuốc và những chai bia kêu loảng xoảng. Anh thuộc nhóm chủ chốt gồm năm hoặc sáu gã thống trị ở bàn, trong khi một nhóm những kẻ thua cuộc thay phiên nhau ngồi lên những chiếc ghế còn lại.

Một buổi tối năm 1976, một sinh viên có học chung môn với Cohen đang ngồi đối diện với anh, mồ hôi ướt đầm lưng anh. Cohen đùa cợt và cười nhạo. Anh nổi tiếng là bậc thầy của trò dụ rấn, chuyên tách tài sản thừa kế ra khỏi lũ bạn học. Anh không phải loại trai ngẫu và được đám phụ nữ chú ý, nhưng lại giành được sự tôn trọng từ đám con trai cùng lớp vốn là con của những gia đình đóng góp các quỹ tín thác cho trường. Các khoản cược trong những ván bài đó lên tới hàng trăm đô la, mà đối thủ của Cohen, một tay chơi không thường xuyên lắm, thấy hơi quá nhiều cho một cuộc chơi chỉ gồm toàn sinh viên đại học. Người bạn học của Cohen nuốt nước bọt khó khăn và chờ đợi một thất bại nữa. Cohen thắng vài nghìn đô la từ anh ta trong cả học kỳ này, và mỗi lần thua, anh chàng bạn học lại thì sẽ không để đi đâu đó lặp lại.

Trong khi nhiều người trong hội huynh đệ thức khuya để phê càn hay uống bia, Cohen dậy sớm mỗi sáng để đọc báo *The Wall Street Journal*.

Anh theo dõi cẩn thận thị trường chứng khoán, nhưng anh coi bản thân trường học là sự lãng phí thời gian. Một ngày, trong một kỳ thi thống kê, khi những người khác trong lớp đang vật vả với bài kiểm tra, Cohen đứng lên và đi ra khỏi cửa trước khi làm xong bài để kiểm tra giá chứng khoán lúc sàn đóng cửa. Anh nghĩ mình không có cơ hội nào cạnh tranh với những đứa trẻ được học ở các trường cấp ba hàng đầu vốn nói cùng một kiểu ngôn ngữ, và tất cả bọn chúng cùng đọc những cuốn sách như nhau. Anh sẽ phải thông minh hơn chúng.

Khi không có giờ học, Cohen mặc chiếc áo phông lang thang trên sàn chứng khoán Philadelphia - Baltimore - Washington, tới gần những người giao dịch và quấy nhiễu họ với những bình luận kiểu như: “Này, bảng theo dõi số liệu của anh tắt rồi kìa.” Anh bắt đầu bỏ học để tới văn phòng của Merrill Lynch ở Philadelphia, nơi anh có thể xem các chỉ số NYSE. “Tôi chỉ đứng đó và nhìn chằm chằm,” anh nói. “Tôi có thể nghe thấy tiếng tích tích của các chỉ số, và có thể nhìn thấy chúng chạy lướt qua, giả sử 50...50...50... Và rồi chúng có thể tăng hoặc giảm sau một tiếng tích. Ta có thể nhìn thấy việc giao dịch đang diễn ra. Ta có thể xem giao dịch diễn ra như trong phim quay chậm. Và sau đó, không phải ngay lập tức, tôi nhận ra mình khá giỏi trong việc đoán những con số đi theo hướng nào.”

Xung quanh anh, Cohen thấy nhiều người không tài năng bằng nhưng vẫn thành công. Tiếng tích tích tích đó của cuộn băng ghi số liệu trở thành chìa khóa cho tương lai mà anh thấy mình xứng đáng.

ooo

Elaine's là một nhà hàng vách làm bằng gỗ sồi, đầy khói, thu hút các nghệ sĩ và giới kịch nghệ ở khu Upper East Side, và Cohen đang ở quầy bar,

nhắm nháp đồ uống. Anh đang một mình đứng vào dịp sinh nhật. Anh không có nhiều bạn. Mưa xối xả trên con đường bên ngoài.

Bấy giờ là tháng Sáu năm 1979, và Cohen đã mệt nhoài sau một ngày ở sàn giao dịch của Gruntal, nơi suốt ngày người ta hét lên “Stevie!” với anh. Biệt danh đó khiến anh khó chịu. Aizer đã dùng cái tên “Stevie” để phân biệt Steve Cohen và Steve Ginsberg, anh trai của Kenny Ginsberg, bạn thân nhất của Cohen ở trường cấp ba, người mới bắt đầu làm việc cùng họ. Phòng nghiệp vụ nhỏ bé của Aizer đã trở thành một trung tâm lợi nhuận quan trọng tại Gruntal, và họ được trao rất nhiều quyền tự do bởi Howard Silverman, CEO của Gruntal, rất quý mến Cohen. Silverman lái xe hơi thể thao, nói chuyện cao ngạo và đầy tham vọng, và thích những người chia sẻ các giá trị của ông. Ông có thể thấy sự thèm khát của Cohen, và ông muốn có những gã như thế ở bên.

Trong năm trước đó, Cohen bắt đầu kiếm ra ngày càng nhiều tiền khi giao dịch ở Gruntal, nhưng anh vẫn thấy bất mãn về mặt xã hội, mãi mãi thất vọng vì cảm thấy thiếu đi sự công nhận mà mình đáng được nhận. Anh không nhiều bạn bè. Nhà hàng Elaine’s thật đông đúc và Cohen nhìn quanh, ngẫm nghĩ về thực tế rằng anh giờ đã 23 tuổi và độc thân, bỗng có người khiến anh chú ý.

Một phụ nữ vừa bước vào, người ướt sũng, mặc một chiếc áo hai dây màu trắng và cái váy lụa ướt dính sát đùi. Cohen nhìn cô chăm chăm.

Người phụ nữ nhìn quanh lo lắng và vuốt mái tóc ướt. Cô định gặp một người bạn gái để ăn tối. Đó là kiểu mưa rào ở Manhattan khiến việc tìm được một chiếc taxi là bất khả, nên bạn cô tới muộn. Cô quanh quẩn ở quầy bar và nhìn ra cửa, ánh mắt hướng xuống để tránh ánh nhìn của những gã đàn ông đang ngấm ngĩa cô từ mọi phía trong nhà hàng, một

chiến thuật sinh tồn ở Thành phố New York mà cô đã học được một cách tự nhiên. Có lúc, cô để ý Cohen nhìn về phía cô và quay đi làm sao để mặt cô hướng về nơi khác. Cohen theo dõi cô vài phút trước khi lấy đủ can đảm để tiếp cận cô.

“Xin chào,” anh nói, bước tới rụt rè bên lề. Anh cố nở nụ cười.

“Xin chào,” cô nói, và nhìn anh hơi giễu cợt. *Gã này là ai nhỉ?* Cô tự nhủ.

Tên cô là Patricia Finke. Cô thường không bao giờ để ý tới một người như Cohen, trông vốn quá bảo thủ, quá giống kiểu doanh nhân. Cô đã lớn lên trong một gia đình làm nghệ thuật ở Manhattan và được nuôi dạy với thái độ hóm hỉnh đối với dân ngoại ô. Trong những hoàn cảnh khác cô hẳn đã phớt lờ anh hoàn toàn. Nhưng anh ta có vẻ vô hại qua cái áo sơ - mi nhàn nhúm và đôi giày lác mắt, và có vẻ bị cô quyến rũ. Anh lộ ra khí chất dễ bị tổn thương nhưng cũng đầy lôi cuốn.

Mới đầu, Cohen cố gây ấn tượng với Patricia bằng những câu chuyện về việc anh đánh bạc toàn bộ khoản tiền ở lễ bar mitzvah^[28] của mình ở thị trường chứng khoán khi còn là một đứa trẻ; việc sếp anh ở Gruntal lo ngại với những rủi ro lớn mà anh chấp nhận trong các giao dịch của mình; và việc mọi người ở chỗ làm nghĩ anh quá kiêu căng ra sao. “Họ nghĩ tôi là một gã cao b ả,” anh nói. Suốt h ồi lâu, Patricia cứ nhìn qua vai anh, ngóng bạn mình. Nhưng dần dần, trái với bản năng khá mạnh của cô, Patricia bị cuốn vào câu chuyện. Cô và Cohen rốt cuộc đã trò chuyện nhiều giờ liền.

Trước khi ra về tối hôm đó, Cohen đã thuyết phục được Patricia cho anh số điện thoại. Anh dành vài tuần sau đó đeo đuổi cô, gọi cho cô ba lần một ngày, hỏi xem khi nào họ sẽ lại gặp nhau.

Họ hẹn hò với nhau suốt vài tháng tiếp sau đó. Vài bạn bè của Patricia

không thể hiểu nổi cô đang làm gì với Cohen, người có vẻ là một kẻ thiếu tinh tế và bị tiền bạc ám ảnh, đến từ Long Island. Nhưng Patricia lớn lên trong cảnh không tiền bạc, và cô chưa học hết cấp ba. Cô biết việc phải lo lắng về những khoản chi tiêu của mình là thế nào. Cô tự trang trải cho bản thân bằng việc làm ở một công ty xuất bản và có một căn hộ có giá thuê bị khống chế mức trần^[29] tại West Village. Cô không bất mãn, nhưng rõ ràng ham muốn giàu có của Cohen thật hấp dẫn. Cô chẳng biết chút gì về thị trường chứng khoán, nhưng anh nói không ngừng về nó, tự hào với việc anh dự định sẽ kiếm ra bao nhiêu tiền. Anh nói rằng anh sẽ chăm sóc cho cô.

Cohen, về phần mình, chẳng có gì nhiều hơn trong đời. Anh sống trong căn hộ một phòng ngủ nơi hầu hết các bóng đèn đã cháy. Anh dành phần lớn thời gian rỗi một mình. Anh muốn một cô vợ. Anh quan tâm tới Patricia, và anh bắt đầu đề nghị họ kết hôn. Patricia rất cuộc đã đồng ý.

Sau đó họ cưới rồi mới thông báo cho cha mẹ. Nhưng thật ra đó là một đám cưới nhỏ xíu, với chỉ hai khách mời, phù dâu của Patricia và phù rể của Cohen, tại một nhà thờ Nhất thần phổ cứu^[30] ở Murray Hill, một khu yên tĩnh ở trung tâm Manhattan. Không lâu sau đó, năm 1981, đứa con đầu lòng của họ, Jessica Lynn, ra đời. Cuối cùng, Cohen đã có gia đình riêng của mình.

ooo

“Nhắc cái điện thoại chó chết lên đi!” Ron Aizer quát.

Đó là một buổi sáng điển hình ở sàn giao dịch của Gruntal, khi những nhân viên giao dịch của Aizer đang gõ bàn phím. Thường thì khi điện thoại reo, tất cả mọi người sẽ đợi xem ai là người đầu tiên thấy phiên không

chịu nổi và nhắc máy lên nghe.

Một trong những tay trợ tá giao dịch, đang cố đi tìm các phiếu giao dịch được trải ra khắp mặt bàn, nhìn quanh nhưng không có cái điện thoại nào rồi trong tay. “Tôi không có điện thoại!” anh ta hét.

Chuông điện thoại tiếp tục reo.

Cohen, đang cố gắng thực hiện một giao dịch, gỡ điện thoại của chính anh ra khỏi tường và đập sầm nó xuống bàn của tay trợ tá giao dịch. “Anh muốn điện thoại hả? Cái điện thoại chó chết của anh đây!” Trong vài giây, họ đứng mặt đối mặt, chỉ cách nhau vài inch.

“Thằng chó, mày nghĩ mày đang làm gì hả?”

“Đồ khốn!”

Vài phút sau, mọi người đã lại là bạn như cũ.

Mọi chuyện diễn ra như thế mỗi ngày. Việc của Aizer là quản lý sự căng thẳng và khiến những tay giao dịch viên của ông làm việc năng suất và bận rộn. Ông chia các chứng khoán Dow Jones ra cho họ, thường để lại những cổ phiếu lớn nhất với dao động giá cả mạnh nhất, như IBM và Eastman Kodak và Honeywell, cho chính ông. Nếu không có ai giao dịch thường xuyên một chứng khoán cụ thể nào, bất cứ ai trong số các tay giao dịch cũng có thể nhận chứng khoán đó cho tới khi nó trở thành của họ. Phần lớn thời gian, mọi người tôn trọng những sự phân chia này. Mọi người, trừ Cohen.

Một ngày, một tay môi giới tới gặp Aizer để than phiền về Mesa Petroleum, một trong số chứng khoán anh ta phụ trách. Mesa là một công ty mà giá chứng khoán dao động mạnh, với những cú tăng giảm rất lớn tạo ra cơ hội kiếm tiền khổng lồ, đồng nghĩa với việc tất cả những người khác cũng muốn giao dịch chứng khoán đó. “Mỗi lần tôi tìm cách giao

dịch, Steve lại làm trước tôi,” tay giao dịch viên than phiền. “Mesa là chứng khoán tốt nhất của tôi, và anh ta đang giết tôi!”

Aizer đối chất với Cohen. “Steve, anh kiếm được quá nhiều tiền, và những tay kia đang làm không tốt,” ông nói. “Anh có *thực sự* cần làm nốt cả Mesa không?”

“Liệu đội Yankees có để Mickey Mantle là tay đập thứ tám không?”^[31] Cohen đáp trả. Aizer nhún vai. Thật khó mà tranh luận với lý lẽ đó. Cohen đã làm tốt tới mức anh trở nên ngoại lệ với bất cứ quy định nào.

Aizer đã thương lượng để giữ lại 50% lợi nhuận mà nhóm của ông kiếm được, tức hàng triệu đô la mỗi tháng. Họ đã chuyển sang một văn phòng lớn hơn gần với sàn giao dịch của Gruntal để có chỗ cho tất cả các tay môi giới mới được tuyển dụng. Nhiều người tới từ Drexel Burnham Lambert, nơi Michael Milken làm việc, vốn nổi tiếng là nơi huấn luyện những tay giao dịch xông xáo. Nhưng ngay cả ở nơi rộng rãi hơn, vẫn có một nhóm đông những gã đàn ông với tính cách dễ bùng nổ chèn ép nhau tới mức thực tế họ phải chùng chãi lên nhau.

Cohen và những nhân viên khác của Aizer đã lựa chọn được thời điểm không thể thuận lợi hơn để khởi nghiệp trong lĩnh vực tài chính. Các chính sách ủng hộ doanh nghiệp của Ronald Reagan^[32] đã lấp động cơ phản lực cho Phố Wall và những tay môi giới cùng những kẻ chuyên thu tóm đầy rẫy ở đó. Quy định được nới lỏng, giải phóng cho các công ty vay tiền và mua lại đối thủ của họ, và thị trường chứng khoán khởi đầu một trong những thời kỳ tăng giá dài nhất trong lịch sử. Tốc độ của những cuộc sáp nhập và thu tóm tăng lên, được tiếp sức bởi đế chế của Milken ở Drexel Burnham Lambert, vốn đã tạo ra một cách thức mới để đầu tư nhắm vào những vụ mua lại doanh nghiệp thông qua các khoản nợ lãi suất cao, còn

được gọi là trái phiếu siêu lãi^[33] - vốn được xếp “hạng đầu tư thấp” theo các hãng đánh giá tín dụng vì chúng rủi ro hơn so với các trái phiếu khác. Với những công cụ mới này, các công ty không thể mượn tiền bỗng nhiên có thể phát hành trái phiếu lãi suất cao, đi đầu đem cho họ nguồn lực tài chính để thực hiện các cuộc thôn tính mang tính thôn tính với đối thủ của họ. Mỗi ngày, những tin đồn về các vụ mua thôn tính bằng tiền đi vay khiến cổ phiếu các công ty tăng giá mạnh, giúp những tay giao dịch kiếm về hàng triệu đô la nhờ mua và bán những cổ phiếu đó.

Thành công làm Cohen nhanh chóng trở nên táo gan. Anh bắt đầu mua bán chứng khoán mỗi ngày và xây dựng các thương vụ của mình quanh những sự kiện như các vụ mua thôn tính và chào bán lần đầu ra công chúng, sử dụng bản năng cảm nhận thị trường của mình với những chuyển biến đang diễn ra trong ngành. “Anh ta là tay giao dịch giỏi nhất tôi từng gặp - đơn giản là xuất sắc hơn hẳn bất kỳ ai khác,” thư ký của Aizer, Helen Clarke, nói. “Anh ta có khả năng bám chắc một thương vụ mà không lung lạc. Đôi khi bạn có thể ở một thương vụ nào đó, và có người trượt phải vỏ chuối ở Pakistan, rồi bỗng nhiên tất cả mọi thứ thay đổi. Anh ta thì không bao giờ từ bỏ thương vụ của mình chỉ vì lo lắng.”

Không hẳn là Cohen quá thông minh hơn so với những tay giao dịch khác, nhưng anh tin tưởng ở bản năng của mình và hành động nhanh. “Anh ta có tài năng bẩm sinh,” Silverman, CEO của Gruntal, nhớ lại, mô tả kỹ năng của Cohen là “người đọc băng số liệu”, tức là người có cảm nhận mang tính trực giác với cung và cầu trên thị trường, trực giác có được nhờ việc xem những đoạn băng ghi thành phiếu^[34], thể hiện những giao dịch vừa được hoàn tất. “Anh ta thật sự xuất sắc.”

Cohen đã trở thành một ngôi sao ở Gruntal, người không thể bị sa thải

dù cho anh có vượt qua bao nhiêu giới hạn rủi ro hay bao nhiêu phần nợ mà anh tạo ra mỗi khi vi phạm những giới hạn đó. Cohen biết anh thường đúng hơn là sai về giá một chứng khoán cụ thể. Anh đã từ bỏ chiến lược quyên chọn không rủi ro của Aizer và không phòng hộ cho các thương vụ của mình nữa, khiến chúng vừa rủi ro hơn, và thường là, vừa có lợi nhuận cao hơn.

Không lâu sau, Cohen đã kiếm được từ 5 tới 10 triệu đô la mỗi năm. Tuy nhiên, đi đầu lạ lùng là trong khi tiền bạc tiếp sức cho sự tự tin của anh trên sàn giao dịch, nó không giúp ích gì nhiều cho đời sống riêng tư. Anh sẽ về nhà từ nơi làm việc trong tình trạng cáu bẳn, rồi anh và Patricia sẽ cãi nhau. Anh là một ông bố không biết quan tâm. Anh và vợ cảm thấy bối rối trong những bối cảnh xã hội xa hoa mà giờ sự giàu có giúp họ tiếp cận. Anh không ngớt than phiền với Patricia rằng mọi người tìm cách lợi dụng anh, tính toán lại mỗi giao dịch mà anh thực hiện ngày hôm đó, việc anh đã bị chơi khăm bởi một số chuyên gia ở sàn giao dịch ra sao, hay một tay môi giới đã lừa anh liên quan tới một phần tư điểm của một cổ phiếu thế nào.

Cảm nhận rằng tất cả mọi người đều tìm cách lợi dụng mình không phải hoàn toàn do Cohen tưởng tượng; đó một phần là kết quả từ cấu trúc của ngành này. Ở Phố Wall, một tay giao dịch ở một công ty nhỏ như Cohen cạnh tranh với những ngân hàng và các công ty môi giới đầy những con cá mập mặc áo cổ cồn. Suốt ngày, các tay giao dịch ở những công ty lớn hơn nhiều so với Gruntal sẽ gọi cho Cohen, cố bán cho anh những gói chứng khoán ở mức giá mà họ đã định. Điều khiến Cohen phát điên là họ nghĩ anh sẽ đồng ý với bất cứ giao dịch nào mà họ đề xuất. “Tôi có thể cho bạn biết đi đâu gì khiến anh ta phải suy nghĩ, một tình huống điển hình,”

một đồng nghiệp cũ của anh kể. “Goldman Sachs sẽ gọi và nói, ‘Chúng tôi đề nghị bán 100.000 cổ phiếu với giá 90 đô la,’ và người ta cho rằng anh ở phía bên kia,” tức là sẽ mua một số cổ phiếu mà họ đang bán. Tuy nhiên, trong gần như mọi trường hợp, một người mua trong vị thế của Cohen biết rằng nếu đứng ở phía ngược lại với giao dịch mà Goldman đề nghị, anh ta sẽ nhận được một thỏa thuận t ốt tệ. Điều này giống như đặt cược trong một sòng bạc ở Las Vegas - nhà cái luôn có lợi thế. Cohen *không* muốn trở thành người giúp cho người khác giàu có. Anh muốn biết tại sao Goldman có vẻ luôn có tin tức tốt hơn tất cả mọi người khác. Thay vì bị lợi dụng bởi bọng tay to như Goldman và Morgan, anh muốn cạnh tranh với họ. Nên khi Goldman Sachs gọi, anh nói rõ là anh sẽ không làm bất cứ gì họ muốn. Anh muốn những giao dịch tốt nhất của họ, những mức giá tốt nhất, những thông tin mà họ chỉ giữ cho riêng họ.

ooo

Tới giữa những năm 1980, Cohen đã kiếm được tiền hoa hồng trong các giao dịch nhiều tới mức Goldman và các công ty lớn khác không còn lựa chọn nào ngoài việc cố gắng hợp tác với anh. Cuối cùng, anh đã bắt đầu nhận được chút tôn trọng.

Khi vị thế của anh ở Phố Wall tăng lên, Cohen nhận ra anh còn có thể kiếm được nhiều tiền hơn nữa bằng cách bỏ Aizer lại và tự mình làm. Anh tự thấy mình có định mệnh đạt được những điều lớn lao hơn Aizer. Năm 1985, Cohen thương lượng một thỏa thuận với Gruntal đưa anh lên vai trò dẫn dắt nhóm giao dịch riêng, trao cho anh quyền tuyển dụng và sa thải các giao dịch viên và thương lượng trực tiếp các khoản lương thưởng với họ, loại Aizer ra hoàn toàn. Vị thế của Cohen khi là giao dịch viên mang về

nhieu tiền nhất ở Gruntal cho phép anh thương lượng phần chia lợi nhuận chưa từng có tiền lệ lên tới 60%, cộng thêm từ 2 tới 4% “thưởng thêm” vào mỗi cuối năm, tùy thuộc vào anh làm tốt tới đâu. Điều này đưa Cohen một bước gần hơn tới giấc mơ của mình - đi đầu hành quỹ riêng - và giữ lại cho riêng mình tất cả tiền bạc mà anh kiếm được.

Howard Silverman lấy 8 tới 10 triệu đô la từ vốn của công ty để đầu tư và chuyển Cohen tới một văn phòng lớn hơn ở tầng hai mươi ba của tòa nhà, nơi Cohen lắp cả một khu chơi bóng rổ, biểu tượng cho sự độc lập của anh. Bạn thân nhất của Cohen, Jay Goldman, học trường Wharton, biệt danh là “J-Bird” đã tới làm việc cùng và ngồi gần Cohen ở bàn giao dịch. Em trai của Cohen, Donald, một kế toán viên, được tuyển dụng để kiểm tra hồ sơ giao dịch của Cohen và giúp anh quản lý mảng hành chính. Thầy dạy golf của Cohen phụ trách việc văn phòng. Một trợ lý đi kèm các phiếu giao dịch cho anh. Việc Cohen từ chối tự viết phiếu giao dịch mà các hãng môi giới cần để cân đối các giao dịch của họ mỗi ngày, đi đầu khiến anh suýt bị sa thải vài lần trước đó. Sao lại bận lòng với những thứ như thế khi anh có thể kiếm được tiền bằng giao dịch?

Giờ anh đã nắm quyền, tính khí thất thường và sự cáu kỉnh của anh trở nên rõ ràng hơn. Anh giữ cho căn phòng ở nhiệt độ lạnh gần như Bắc Cực, anh nghĩ việc này giúp anh suy nghĩ sáng suốt hơn, và anh không đi đầu chỉnh nhiệt độ vì bất kỳ ai. Em gái Wendy của anh, được thuê làm giao dịch viên, ngồi run lẩy bẩy ở góc phòng với một cái lò sưởi xách tay dưới gầm bàn. Một hôm Cohen lao vào phòng và xé tan toàn bộ thảm cùng miếng dán tường vì chúng làm anh phân tâm. Nhóm của anh là một tập hợp những tính cách lạ lùng, chủ yếu xuất thân từ gốc gác cũ của anh như trường Wharton hay Great Neck.

Ở mặt bên kia của bức tường kính, nhóm quyên chọn của Aizer tiếp tục vài năm nữa, rồi bị dẹp. Những giao dịch không rủi ro của Aizer đã biến mất khi thị trường trở nên tinh vi hơn. Aizer không thích sự thay đổi trong ngành giao dịch, nên ông chuyển tới Florida. Cohen và người đỡ đầu đã cho anh công việc đầu tiên ở Phố Wall không bao giờ nói chuyện với nhau nữa.

ooo

Bắt đầu từ giữa những năm 1980, thị trường chứng khoán Mỹ bị thống trị bởi những vụ sáp nhập và thâu tóm. Mỗi ngày, giá cổ phiếu của các công ty lớn như Carnation, Union Carbide và Diamond Shamrock dao động dữ dội khi tin đồn về các vụ mua lại lan khắp Phố Wall. Giống như hầu hết mọi người trên các sàn giao dịch lúc đó, Cohen mắc kẹt trong những tin đồn. Anh rất khó khăn mới thoát khỏi đống bàn làm việc của mình. Theo một tay giao dịch từng làm việc cho Cohen, anh suýt nữa đã bỏ lỡ thời điểm cậu con trai Robert ra đời vì mãi nghe điện thoại trong bệnh viện, ra lệnh giao dịch cho Schlumberger trong lúc Patricia gào thét vì đau đớn khi sinh nở ngay sau lưng.

“Việc của chúng tôi là chơi chúng,” tay giao dịch viên cũ nói. “Trời ạ, cứ mua thôi. Đó là một cơn cuồng mua cổ phiếu, và mọi tin đồn đều đúng.”

Cohen rất thích tham gia vào những cuộc tán gẫu liên quan tới thị trường khi anh theo dõi màn hình của mình, trao đổi các ý tưởng về cổ phiếu với đám bạn. Anh cũng có thói quen chia sẻ các ý tưởng về cổ phiếu với em trai Donald, người quản lý sổ sách giao dịch của Cohen ở văn phòng Miami.

Một buổi sáng tháng Mười hai năm 1985, Cohen gọi Donald và khuyên anh mua những cổ phiếu của RCA, công ty mẹ của mạng truyền hình NBC. “Anh nghe sẽ có tái cấu trúc ở đó,” Cohen nói. “Những cổ phiếu truyền hình này khá nóng.” Sau đó Cohen nói thêm, “Nếu NBC chia tách, nó có thể tăng tới 20 điểm.”

Sau khi nghiên cứu biểu đồ cổ phiếu của RCA trong dịp cuối tuần và xem lại một vài số cũ từ *Forbes*, Donald đã mua hai mươi quyền chọn mua vào tháng Ba trong tài khoản giao dịch cá nhân của anh ở Fidelity. Nó cho anh quyền mua lại chứng khoán RCA ba tháng sau đó với giá 50 đô la, một vụ đánh cược táo bạo vào khả năng giá chứng khoán này sẽ tăng. Cohen đã thực hiện một vụ đầu tư tương tự với tài khoản của chính anh. Patricia sau này kể lại là anh đã nói với mọi người rằng một người bạn cùng lớp tại Wharton đã cho anh biết về đề nghị thu tóm sắp được đưa ra với công ty.

Động thái này với chứng khoán của RCA trông giống như đường chân trời của dãy Andes, một đường dốc dốc tăng vọt đầy kịch tính khi giới đầu tư tiếp tục mua thêm nhiều cổ phiếu hơn nữa trước những tin đồn về vụ thu tóm. Sáu ngày sau cuộc trao đổi với Donald, General Electric công bố vụ mua lại đài truyền hình này với giá 66,5 đô la một cổ phần, khiến cho giá cổ phiếu của hãng lại càng tăng mạnh. Cohen đã kiếm được 20 triệu đô la lợi nhuận trong giao dịch này.

Ba tháng sau, một phong bì từ SEC gửi tới văn phòng tư vấn luật của Gruntal. Trong phong bì là một trát của tòa. Cơ quan này đã tiến hành một cuộc điều tra với khả năng giao dịch nội gián trong RCA trước vụ thu tóm. Giới chức quản lý có vẻ thấy rõ là qua các hoạt động với cổ phiếu này, một số tay giao dịch trên thị trường đã biết trước về thỏa thuận. SEC

muốn Cohen tới và lấy lời khai.

Thật ra, cơ quan này cũng đang theo dõi vài cổ phiếu khác nữa: Warner Communications, General Foods và Union Carbide, tất cả gần đây đều là những mục tiêu của đề nghị mua lại. Giao dịch dựa trên thông tin chưa được công khai bị tiết lộ ra ngoài bởi một người bên trong công ty lẽ ra phải giữ bí mật những thông tin đó là vi phạm pháp luật về chứng khoán. SEC lưu ý rằng một nhóm người có liên hệ với Cohen đã mua gom cả ba chứng khoán này, cũng như của RCA, ngay trước những công bố ra công chúng khiến cho giá tăng cao hơn. Cơ quan này nghi ngờ có thể đã có cả một đường dây giao dịch nội gián.

Donald cũng nhận trát tòa. Cố gắng trấn tĩnh, anh gọi cho Steve hỏi xem chuyện gì đang xảy ra.

“Đừng lo,” Cohen trấn an anh. “Mọi người mua RCA ở thời điểm đó đều bị hỏi.”

Tuy nhiên, trong sâu xa, Cohen thực sự hoảng loạn. Nhiều ngày trước đó, anh và những người giao dịch của mình đều đã chứng kiến trong kinh hoàng khi tay chủ ngân hàng chuyên phụ trách sáp nhập và thu tóm chính của Drexel, Dennis Levine, bị bắt và bị cáo buộc đã tổ chức một vụ giao dịch nội gián lớn bằng cách chi tiền cho các luật sư và nhân viên ngân hàng nhằm rò rỉ cho ông thông tin về các vụ sáp nhập và những thương vụ khác. Vụ bắt giữ Levine chỉ là khởi đầu cho cả cuộc bóc dỡ để chế trái phiếu siêu lãi của Michael Milken, hàng loạt những vụ truy tố chưa từng có tiền lệ sẽ chiếm lĩnh các bản tin trong nhiều tháng liền. SEC cáo buộc Levine đã thu lợi bất chính 12,6 triệu đô la và phong tỏa tất cả các tài khoản của ông, khiến ông không thể trả được chi phí pháp lý.

Vào khoảng 6 giờ tối ngày 5 tháng Sáu năm 1986, cùng ngày Levine

nhận tội với các tội danh trốn thuế, lừa đảo chứng khoán và bội ước, đồng thời chấp thuận hỗ trợ Bộ Tư pháp cung cấp bằng chứng chống lại những kẻ phạm tội khác ở Phố Wall, Cohen, tới số 26 Federal Plaza, ở giao lộ Broadway và đường Worth, mặc bộ vest đẹp nhất của mình. Anh sắp sửa bị hỏi cung trong cuộc đi điều tra RCA. Gruntal đã sắp xếp người đại diện của Cohen là Otto Obermaier, một cựu luật sư trưởng chuyên phụ trách các phiên tòa của SEC với thú vui là rượu vang đắt tiền và nhạc Mozart. Obermaier là một trong những luật sư bào chữa tài năng và có quan hệ rộng nhất trong lĩnh vực này, và ông sắp sửa khẳng định uy tín đó của mình.

Một công tố viên của SEC và một nhà phân tích tài chính đánh giá các dữ liệu giao dịch cho bộ phận chấp pháp của cơ quan này đang đợi Cohen trong phòng họp. Sau vài câu chào hỏi vụng về, tay công tố viên bắt đầu các thủ tục chính thức. “Đây là cuộc đi điều tra của ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Mỹ ‘Về việc giao dịch các chứng khoán của Công ty RCA’,” tay công tố viên nói. “Chúng tôi có mặt ở đây để nghe đi điều tra về vấn đề này nhằm xác định có hay không những vi phạm một số điều khoản nhất định trong luật chứng khoán liên bang.”

Tay công tố viên yêu cầu Cohen giơ tay phải lên. Cohen làm theo, và anh tuyên thệ. Tay công tố viên sau đó quay sang Cohen, tự giới thiệu mình và cộng sự, rồi hỏi: “Anh đã xem trát tòa chưa?”

“Ông ấy đã xem,” Cohen nói, làm cử chỉ về phía Obermaier.

Tay công tố viên nhìn sang Obermaier, rồi quay lại Cohen. “Anh đã xem trát tòa chưa?”

“Tôi không nghĩ thế,” Obermaier nói, trả lời thay cho Cohen. “Trát tòa chưa được đưa cho anh ấy.”

Ủy ban đã gửi một trát tòa riêng cho Cohen yêu cầu được xem các hồ sơ giao dịch và những tài liệu khác như một phần của cuộc đi điều tra. Tay công tố viên nhắc tới đi điều đó và nhìn lại Cohen lần nữa. “Đã không có tài liệu nào được trình. Anh có định trình tài liệu nào hôm nay không?”

“Không,” Obermaier nói thay cho Cohen một lần nữa. Họ không có ý định hỗ trợ, mặc dù ông không nói đi điều đó với các luật sư của SEC. Thay vì thế, Obermaier nói với họ rằng ông và thân chủ sẽ “từ chối đề nghị trình tài liệu” dựa trên các quyền theo hiến pháp của thân chủ.

“Quyền hiến pháp nào?” tay công tố viên hỏi.

“Điều khoản quy định không người nào bị bắt buộc làm chứng chống lại chính mình,” Obermaier trả lời.

“Đó là ‘quyền theo Tu chính án thứ năm’,” tay công tố viên nói.

Thất vọng, tay công tố viên của SEC cố gắng bắt Cohen tự trả lời câu hỏi về các tài liệu. Trong suốt cuộc hỏi cung thường xuyên diễn ra đấu tranh liên quan tới điểm này. SEC luôn có mục đích khiến cho nhân chứng thừa nhận anh ta “viện đến Tu chính án thứ năm” trong hồ sơ khi anh ta từ chối trả lời các câu hỏi của họ; việc đó sau này có thể dùng để suy đoán có tội. Lỗi tư duy là nếu bạn vô tội, thì tại sao bạn không sử dụng cơ hội đấy để nói tất cả với SEC? Các luật sư bào chữa cố tình trắng tất nhiên biết rõ chuyện này, nên việc của họ là kháng cự và cố gắng tránh để thân chủ của mình nói anh ta “viện đến Tu chính án thứ năm”, ngay cả khi anh ta *thực sự* viện đến Tu chính án thứ năm cũng chính vì lý do đó. Đó là một mưu mẹo pháp lý cơ bản.

“Anh ta phải tự mình khẳng định quyền không trình tài liệu theo Tu chính án thứ năm,” tay công tố viên của SEC nói, cố thử lần nữa.

“Tôi không nghĩ là anh ấy phải làm thế,” Obermaier đáp. Ông không

có ý định để Cohen nói một lời nào. “Tôi h ồi đáp với tư cách luật sư của anh ấy.”

Tay công tố viên và chuyên gia phân tích tài chính liếc nhìn nhau. Obermaier nghĩ ông có thể phát hiện ra thất thoát trong cái nhìn đó rằng họ đã tự ngừng cuộc chơi. Họ đã thua cuộc.

“Ngày sinh và nơi sinh của anh?” tay công tố viên hỏi, nhìn Cohen.

Cohen nhìn Obermaier. Họ đã tập trước cho kịch bản này. “Theo lời khuyên của luật sư,” Cohen nói, “tôi từ chối một cách tôn trọng việc trả lời câu hỏi đó trên cơ sở tôi bị buộc phải trở thành một nhân chứng chống lại chính mình.”

“Anh có mua chứng khoán đại diện cho Gruntal & Co. vào tháng Mười hai năm 1985 khi anh đang sở hữu các thông tin chưa được công khai liên quan tới RCA không?”

“Câu trả lời tương tự,” Cohen đáp.

Họ cứ nói tới nói lui như thế. Tay công tố viên hỏi thêm mấy câu nữa: Cohen có mua cổ phiếu của RCA bằng tài khoản cá nhân của anh vào tháng Mười hai năm 1985 không? Có ai nói với anh rằng RCA sẽ liên quan đến một vụ sáp nhập với General Electric trước công bố công khai không? Vào tháng Mười hai năm 1985, Cohen có khuyên bất kỳ ai mua cổ phiếu của RCA không? Mỗi lần Cohen nhắc lại cùng câu trả lời, viện tới Tu chính án thứ năm mà không cần nói ra bằng lời là anh ta sử dụng tu chính án này.

R ồi tay luật sư công tố hỏi, “Anh có quen biết gì một pháp nhân tên gọi J. Goldman & Company không?” Tay công tố viên đang nói tới bạn thân của Cohen, Jay Goldman, tức “J-Bird”, người đã thành lập công ty giao dịch của riêng anh ta sau khi rời Gruntal năm trước đó.

Cohen hầu như không tỏ thái độ gì. “Trả lời tương tự,” anh đáp.

Cuộc hỏi cung kết thúc sau 20 phút. Đi thang máy xuống sảnh, Obermaier không thể tin nổi là mọi chuyện diễn ra không chút khúc mắc gì như thế. Ông tự tin rằng ông đã làm tốt nhất có thể để cứu thân chủ của mình khỏi bị truy tố.

Tuy nhiên, Cohen bị lung lay ghê gớm sau trải nghiệm đó. Từ chối trả lời những câu hỏi trước một cơ quan công quyền thường khiến người ta thấy có vẻ tội lỗi, ngay cả khi họ không có tội. Cuộc đi điều tra RCA vẫn tiếp diễn. Anh cảm thấy giờ anh có nguy cơ mất kế sinh nhai. Anh trở nên cáu bẳn hơn bình thường suốt những ngày đó và hầu hết các buổi tối chỉ ở nhà, chửi bới SEC với Patricia. Một cuối tuần, anh gần như không thể ra khỏi giường. Anh kêu ca là anh đã bị truy tố một cách bất công, rằng mọi việc không đúng. Về phần Patricia, cô thấy lo lắng. Nhưng cô tin ở sự bảo đảm của chồng rằng anh không làm gì sai.

Rồi một ngày, một lá thư tới căn hộ của họ từ một công ty điện thoại. Thư thông báo với nhà Cohen rằng hồ sơ ghi các điện thoại của họ đã bị Văn phòng Công tố Mỹ xem xét theo trát tòa. Đó là một dấu hiệu cho thấy có thể đang diễn ra đi điều tra hình sự ngoài cuộc đi điều tra dân sự của SEC. Patricia bắt đầu la hét khi cô đọc lá thư. Khả năng xảy ra đi điều tra hình sự trái ngược với tất cả những gì Cohen đã nói với cô, rằng đi điều tra tội nhất có thể xảy ra là anh chỉ phải trả một khoản phạt. Một vụ truy tố hình sự sẽ dẫn tới việc phải ngồi tù. Cohen đảm bảo với cô rằng anh chỉ biết các thông tin đó một cách gián tiếp, không phải trực tiếp từ người bạn học ở Wharton đang làm việc liên quan tới thỏa thuận mà từ một người trung gian, đồng nghĩa với việc giao dịch dựa trên thông tin đó không phạm pháp. Dầu vậy, sự không chắc chắn vẫn ảnh hưởng tới cả gia đình. Patricia

và mấy đứa nhỏ co rúm người lại khi nghe tiếng chìa khóa của Cohen tra vào ổ cuối mỗi ngày.

Cuộc đi điều tra RCA của chính quyền là nguồn gốc của những rắc rối liên tục. “Tôi chỉ là một người giao dịch chứng khoán, và tôi chỉ tình cờ mua bán loại chứng khoán đó,” Cohen than phiền với người bạn trên sân golf. “Chuyện đó đã gây ra rất nhiều vấn đề cho gia đình tôi, các con tôi và đời sống cá nhân của tôi.”

ooo

Vào ngày thứ Hai, 19 tháng Mười năm 1987, Cohen tới chỗ làm trước 8 giờ sáng, sớm hơn thường lệ. Anh có cảm giác thật tệ. Bất chấp sự phân tâm bởi cuộc đi điều tra của SEC, nhóm của Cohen tiếp tục kiếm được tiền khi thị trường, được thúc đẩy bởi hàng trăm thương vụ sáp nhập, ngày càng tăng giá. Tuy nhiên, trong vài tuần trước đó, những rạn nứt đã bắt đầu xuất hiện, một phần bởi các nhà làm luật ở Washington đang tranh luận về khả năng loại bỏ một lỗ hổng thuế với lãi suất cho những khoản vay phục vụ các cuộc sáp nhập mang tính thâm tóm. Nếu những vụ sáp nhập như thế đột ngột ngừng lại, thì đà tăng giá chứng khoán cũng vậy. Giới đầu tư đang lo lắng.

Còn có những căng thẳng địa chính trị để phải lo ngại, bao gồm cuộc chiến tranh kéo dài giữa Iran và Iraq. Vào ngày thứ Năm trước đó, 15 tháng Mười, Iran đã cho nổ tung một tàu chở dầu của Mỹ gần Kuwait bằng một quả tên lửa, làm dấy lên tranh luận về việc Mỹ phải đáp trả ra sao. Chỉ số Dow^[35] giảm hơn 100 điểm. Tới sáng thứ Hai, các thị trường trên toàn thế giới sụp đổ. Đó có vẻ là kết quả kết hợp giữa nỗi lo sợ về Trung Đông, giá dầu giảm, sự chấm dứt đợt bong bóng bùng phát M&A^[36], những dấu

hiệu của một đợt suy thoái, và các đợt bán chứng khoán điện toán hóa. Cohen biết tất cả những việc này khi anh trở lại bàn và thấy các thị trường ở nước ngoài và thị trường châu Á đang giảm điểm mạnh ra sao. Chỉ số Hong Kong đang giảm, và tất cả các biểu đồ ở châu Âu đều màu đỏ. Anh có rất nhiều thương vụ ngắn hạn trong danh mục, đó là những khoản giúp cắt bớt một số khoản lỗ. Anh cố gắng tính toán xem họ sẽ mất bao nhiêu tiền khi nhìn chăm chăm vào màn hình.

Khi thị trường mở cửa ở New York, anh bắt đầu bán các chứng khoán nhanh hết mức có thể. Rắc rối là ở chỗ khi tất cả mọi người đều bắt đầu làm chuyện tương tự và thị trường hoàn toàn thiếu người mua, giá chứng khoán lao dốc. Các tay môi giới lẫn lộn khắp sàn NYSE, va cả vào nhau. Trong giờ đồng hồ cuối cùng của phiên giao dịch, việc bán tăng tốc, khi giới đầu tư hoảng loạn bởi ý nghĩ giữ lại các chứng khoán qua đêm. Qua diễn biến chỉ trong một ngày duy nhất, sau này sẽ được gọi là Thứ Hai Đen tối, chỉ số Công nghiệp Dow Jones Trung bình giảm 508 điểm, tức 23%, mức giảm trong một ngày lớn nhất trong lịch sử. Mười năm vay mượn không hạn chế đã chấm dứt đợt ngọt, đầy đau đớn.

Gruntal, cùng với nhiều công ty khác, trên thực tế đã bị loại khỏi ngành. Nhóm của Cohen mất gần nửa số vốn của họ. Cả bảy tay giao dịch gần như bị các khoản thua lỗ quét sạch.

Tuy nhiên, khi sự được thua về tài chính là lớn, Cohen cho thấy khả năng gần như phi thường vẫn giữ được bình tĩnh và ra các quyết định giao dịch duy lý. Vào lúc sự hoảng loạn bủa vây, anh đã nhìn thấy cơ hội. Sau khi giao dịch đóng cửa ngày hôm đó, theo một nhân viên cũ, Cohen đã quay sang những người giao dịch của anh lúc đó đang vuốt mặt và nhìn chăm chăm vào màn hình, cực sốc. “Từ nay trở đi, không ai mua bán gì cả

trừ tôi,” anh nói với họ. “Tôi là người giao dịch duy nhất, và các anh là thư ký của tôi.” Không ai thật sự biết anh ta đang nói gì, nhưng họ không tranh cãi.

Đó là một thời kỳ đầy lo lắng. Những khối tài sản lớn biến mất và cuộc sống của mọi người bị hủy hoại. Hai tay môi giới của họ ở những công ty bên ngoài, bao gồm Kidder, Peabody, vốn dính líu tới vụ bê bối giao dịch nội gián Drexel, đã nhảy ra khỏi cửa sổ văn phòng. Bong bóng trái phiếu lãi suất cao bắt đầu vỡ, khi các công ty đã vay mượn hàng tỉ đô la thấy rằng họ không thể trả lại. Khủng hoảng tiết kiệm và vay mượn cũng tồi tệ hơn, gây ra sự sụp đổ của hơn một nghìn ngân hàng trên cả nước. Phố Wall trong cơn khủng hoảng.

Tuy nhiên, Cohen vẫn kiểm soát tình hình. Trong tháng sau vụ đổ vỡ, khi mà những chuyên gia ở sàn NYSE chật vật mở lại giao dịch các chứng khoán của họ mỗi sáng, “những tay thư ký” của Cohen sẽ gọi cho họ trước khi thị trường mở cửa và ghi nhận lại xem họ nghĩ các chứng khoán cụ thể sẽ bắt đầu giao dịch ở đâu. Bởi cú sốc vẫn đang diễn ra từ vụ đổ vỡ, những cơ hội giao dịch lớn nhất thường tới vào khi bắt đầu ngày mới, khi không ai biết chuyện gì đang xảy ra và nỗi sợ hãi lên cao. Liệu đó có phải là ngày mọi chuyện trở về số 0? Cohen sẽ nhận được “quan sát” được chuyển về từ các chuyên gia ngay trên sàn giao dịch, chẳng hạn như, “Gillette sẽ mở cửa tăng 2 điểm”. Rồi ngay khi thị trường mở cửa, anh sẽ bán khống số cổ phiếu tối đa có thể - bán những cổ phiếu mà anh không thật sự sở hữu và mua lại chúng khi giá giảm một lần nữa. Anh lặp đi lặp lại đi đầu này hàng tuần liên, bán khống gần như mọi chứng khoán niêm yết trên Dow: DuPont, GE, IBM - kiếm được tiền gần như mỗi lần giá rơi xuống thấp hơn. Đó không phải là một hành động yêu nước, khi thị

trường đang chật vật để hồi phục, nhưng các công sự thấy khả năng dập tắt cảm xúc của anh là một điều kỳ diệu.

Gruntal, và nhóm giao dịch của Cohen, rốt cuộc đã sống sót. Nhưng cuộc hôn nhân của Cohen thì không.

Anh và Patricia bắt đầu cãi nhau dữ dội nhiều tháng liền và cặp vợ chồng đã phải đi tư vấn hôn nhân vài lần. Mọi chuyện trở nên quá căng thẳng vào ngày 22 tháng Sáu năm 1988, Cohen đã chuyển ra khỏi căn hộ rộng 5.500 foot vuông^[37] của gia đình ở đại lộ East End. Lúc đó là đầu năm và ở giữa cuộc thương lượng ly dị cay đắng. Trong khi họ đang cố gắng đi tới một thỏa thuận, luật sư của Cohen khuyến cáo anh chuyển trở lại căn hộ để có vị thế thương lượng tốt hơn, anh đã làm theo. Với hai mươi tám phòng, căn hộ đó rất rộng, và Cohen lập luận rằng anh có quyền được sống ở đó tới khi cuộc ly dị chính thức, do nó sẽ mất rất nhiều thời gian. Động thái đó là khởi đầu cho một giai đoạn xung đột mới giữa họ.

Các luật sư đã bỏ ra hàng trăm giờ có thu phí để tranh cãi về một danh sách các tài sản của Cohen và cố tìm hiểu xem chính xác anh làm ra bao nhiêu tiền mỗi năm. Anh chưa bao giờ chia sẻ thông tin này với vợ. Họ đưa ra các đề nghị và thương lượng. Cohen cuối cùng cung cấp một bản tính cho thấy mọi thứ anh có trên đời trị giá 16,9 triệu đô la. Khoảng một nửa trong số đó, 8,75 triệu đô la, đã được đầu tư vào một thương vụ bất động sản với anh bạn Brett Lurie. Tuy nhiên, Cohen nói thỏa thuận đó không mang lại lợi nhuận và toàn bộ khoản tiền 8,75 triệu đô la đó đã tiêu tan - nên anh đánh giá khoản đầu tư có giá trị là không. Số tài sản 8 triệu đô la còn lại phải được chia đều. Cohen đề nghị Patricia giữ căn hộ của họ, mà anh nói trị giá 2,8 triệu đô la, và thêm 1 triệu đô la tiền mặt. Anh cũng đồng ý trả khoảng 4.000 đô la cấp dưỡng cho Jessica và Robert ngoài

khoản học phí trại hè và trường tư. Patricia dự tính bán căn hộ và chuyển tới một nơi nhỏ hơn, cô từ chối nhận cấp dưỡng sau ly hôn.

Dù Cohen đã kiếm được hơn 4 triệu đô la năm đó, anh ghét việc phải đưa tiền cho vợ cũ. Anh than phiền về thói quen chi tiêu của cô, những hóa đơn 80.000 đô la của cô ở Bergdorf^[38]. Sau ngày anh ký thỏa thuận ly dị cuối cùng, anh xuất hiện ở chỗ làm trong tâm trạng nóng nảy vô lý và trút lên đầu những người giao dịch của mình.

“Tôi vừa bị vợ cướp sạch,” anh nói, theo một người có mặt ở đó. “Tôi sẽ thu lại tất cả khoản đó bằng cách giảm thu nhập của các anh.”

Những nhân viên của anh không thể tin nổi những gì họ vừa nghe. Cohen sẽ lấy 60% lợi nhuận của nhóm. Từ khoản đó anh sẽ trả cho mỗi người 30% lợi nhuận mà họ kiếm được trên các giao dịch của chính họ, để lại cho anh một nửa lợi nhuận từ những giao dịch mà anh thậm chí không thực hiện. Nhiều người giao dịch đã leo lên vị trí này từ mức lương của thư ký. Cohen muốn giảm thu nhập của họ 5 điểm phần trăm.

“Anh không thể làm thế,” một giao dịch viên nói.

“Mẹ mày chứ,” Cohen đáp. “Tao là sếp.”

Sau một thời gian tương đối ngắn, bóng đen của sự kiện Thứ Hai Đen tối tan biến. Thị trường chứng khoán bắt đầu một đợt tăng dài khác. Cuộc điều tra giao dịch nội gián RCA của SEC dần ngưng lại, có vẻ sẽ không có phạt tiền hay xử lý ai cả. Điều tương tự xảy ra với vụ điều tra hình sự. Qua tất cả những chuyện này, một bài học mà nhiều nghi can tội phạm tài chính khác sẽ hiểu trong tương lai đã hiện rõ: viện tố tụng chính án thứ năm có thể làm hụt đà của một cuộc điều tra chứng khoán.

Chương 2

STEVIE MUỐN GÌ CÓ ĐÓ

“Chúng ta sẽ làm thế này,” Cohen tuyên bố với các giao dịch viên của mình vào năm 1992. “Tôi muốn chúng ta thoát khỏi sự kiểm soát môi giới giao dịch của Gruntal. Họ đang nuốt hết lợi nhuận của chúng ta. Họ đang kìm chân chúng ta lại.” Chừng nào nhóm giao dịch của Cohen còn thuộc về một hãng môi giới có đăng ký, tức là Gruntal, họ còn bị ràng buộc bởi nhiều quy định ngặt nghèo hạn chế các hoạt động của họ, chẳng hạn họ không thể đầu tư vào các vụ chào bán lần đầu ra công chúng (IPO), vốn đang trở thành một nguồn lợi nhuận quan trọng. Cohen nghiêng rằng. “Chúng ta sẽ làm việc này. Ta sẽ làm theo cách riêng của ta.”

Lúc đó, Gruntal đã có tiếng là kém thanh danh và là đối tượng của nhiều cuộc điều tra từ nhà chức trách. Trong một thời đại điển hình bởi sự vô lương tâm và phá luật trắng trợn ở Phố Wall, CEO của Gruntal, Howard Silverman, đã để Cohen tự do hoàn toàn, và Cohen đã phát đạt. Trong 14 năm, từ một tay giao dịch hạng thấp anh đã trở thành ngôi sao của Phố Wall. Anh sắp bước sang tuổi 36, vừa ly dị, và sẵn sàng thay đổi. Đã tới lúc để anh thoát ra và tự làm theo ý mình.

Cohen khởi sự SAC với khoản tiền vốn khoảng 23 triệu đô la và chín nhân viên. Anh bỏ vào đó 10 triệu đô la tiền túi, và các nhân viên giao dịch và bạn bè cùng nhà đầu tư bỏ phần còn lại. Nhiều nhân viên giao dịch của anh ở cuối tuổi hai mươi và đầu ba mươi, có con nhỏ ở nhà. Một số bà vợ

đã phản đối quyết định rời bỏ một công việc ổn định và chấp nhận rủi ro với công ty khởi nghiệp mới của Cohen. Họ không có một ngân hàng lớn hỗ trợ trong trường hợp khẩn cấp; họ mạo hiểm với chính cuộc đời mình.

Trong những tuần đầu tiên khởi sự, Cohen có thể thấy các nhân viên mới của mình đầy lo lắng. Giờ họ đang mua bán bằng chính tiền của họ, họ trở nên rụt rè, lưỡng lự mỗi khi đặt lệnh mua và bán, tính toán đi tính toán lại họ có thể mất bao nhiêu tiền nếu thị trường không như ý. Cohen cố gắng nén cơn cáu tiết muốn la mắng và hạ thấp đám nhân viên, thay vào đó cố gắng xây dựng lòng tin cho họ. “Cố lên,” anh nói với những nhân viên giao dịch của mình. “Chuyện này có gì khác đâu!”

Anh muốn mọi người xung quanh thoải mái trong việc chấp nhận rủi ro. Anh thích tuyển dụng những gã có động lực và máu ăn thua, nhất là những gã từng chơi thể thao ở đại học. Giấc mơ của anh là có một căn phòng đầy những Steve Cohen mini, những gã đàn ông không biết sợ giống anh. “Hãy nói cho tôi biết đôi đi đâu mạo hiểm nhất mà anh từng làm trong đời,” Cohen sẽ hỏi những giao dịch viên tiền nạng của mình. “Tôi muốn những người có sự tự tin để bước ra ngoài kia, những người chấp nhận rủi ro.”

Cohen tin rằng cách để kiếm được tiền trên thị trường chứng khoán là chấp nhận rủi ro một cách thông minh. Nếu bạn có một ý tưởng đầu tư tốt nhưng bạn quá sợ hãi, không bỏ thật nhiều vốn vào đó, bạn không thể tạo ra thật nhiều lợi nhuận. Cohen đã tính rằng 5% các giao dịch của anh chiếm phần lớn số tiền anh kiếm được. Nếu anh chỉ đặt cược vào những giao dịch thắng cược đó ở quy mô khiêm tốn, lợi nhuận sẽ nhỏ hơn đáng kể. Nhưng đi đâu đến với anh tự nhiên lại là đi đâu mà hầu hết người khác phải vật lộn mới có được. Đó thực tế là một đột biến gen, khả năng hành

xử như bò sát máu lạnh khi giao dịch, trái với một con người dễ tổn thương bởi sự sợ hãi và tự nghi ngờ. Khi phỏng vấn những ứng viên mới tiềm năng, anh cố gắng trải nghiệm phẩm chất này tốt hết mức có thể.

Phương pháp đầu tư của Cohen khác với những người làm việc ở hầu hết các quỹ phòng hộ khác. Anh thu lượm một lượng cực lớn thông tin từ mọi góc ngách của thị trường mỗi ngày, theo dõi những lệnh đặt mua và bán khi chúng xuất hiện trên thị trường, rồi mua hàng chục hay hàng trăm nghìn cổ phiếu và bán chúng ngay khi giá tăng. Anh làm tương tự với cách bán khống, khi cổ phiếu giảm. Anh là một tay giao dịch trong ngày cực phách. Đó là phong cách gần như không thể bắt chước giống hệt, nhưng nếu có một hình mẫu cho tiến trình thực hiện giao dịch của Cohen thì có lẽ đó là chiến lược đầu tư của Michael Steinhardt, người đã khởi sự quỹ phòng hộ Steinhardt, Fine, Berkowitz vào năm 1967. Steinhardt bước vào lĩnh vực giao dịch chứng khoán khi các quỹ lương hưu bắt đầu trở nên phổ biến, và những người dân bình thường đầu tư hàng tỉ đô la tiền mới vào thị trường chứng khoán mỗi năm. Số lượng công nhân Mỹ được bảo đảm bởi các quỹ hưu trí phúc lợi tăng gấp ba lần từ năm 1950 tới 1970, và tất cả khoản tiền đó cần được đầu tư. Giao dịch từ chỗ là một công việc hành chính được thực hiện bởi các thư ký mặc áo vest đờng phục đã chuyển thành con đường nhanh nhất để trở thành siêu sao của Phố Wall. Là một trong số ít những nhà đầu tư tư nhân giao dịch với khối lượng cổ phiếu lớn lúc bấy giờ, Steinhardt yêu cầu những nhà môi giới lớn với các khối cổ phiếu lớn gọi cho ông trước hết và ra cho ông giá tốt hơn so với các nhà đầu tư thông thường có thể có trên thị trường mở. Mọi quan hệ thân tình và gây nhiều tranh cãi của Steinhardt với các ngân hàng và công ty môi giới mang lại lợi thế lớn cho ông so với các nhà đầu tư khác, và mang

tới cả gia tài của ông nữa.

Trong nhiều năm, các quỹ phòng hộ tồn tại bên ngoài dòng chảy chính của Phố Wall, chủ yếu bao gồm những gã lập dị lảng tránh dư luận. Một vài nhân vật đầu tư nổi tiếng đã xuất hiện từ các quỹ phòng hộ trong những năm 1980, trong đó có George Soros và Paul Tudor Jones, nhưng chính xác họ làm gì thì hầu hết mọi người không rõ. Dần dần, người ta biết rằng hóa ra những kẻ lập dị khôn ngoan đó đang lặng lẽ gom góp những khối gia tài nhiều tỉ đô la, và truyên thông bắt đầu chú ý. Họ mua những biệt điện có kích cỡ như ngôi đền Taj Mahal, đi lại bằng trực thăng tới những căn nhà bên bờ biển ở Long Island, và sưu tầm tác phẩm nghệ thuật từng thuộc về Bảo tàng Metropolitan. Họ trở thành những nhân vật cực kỳ đáng ghen tị.

Cohen có chút khác biệt. Anh không đặc biệt xuất sắc về toán học, anh không nghiên cứu các nền kinh tế toàn cầu, anh không có triết lý đầu tư độc đáo. Anh đơn giản là một tay giao dịch xuất sắc, một người quá giỏi tới mức một sự nghiệp truyên thống ở Phố Wall không thể làm anh hài lòng. Sở hữu quỹ phòng hộ của riêng mình là lối tắt của anh bước vào một vũ trụ mới của sự giàu có và quyền lực.

ooo

Khi SAC lớn hơn, có nhiều tiền hơn để giao dịch và đầu tư, các công ty lâu đời ở Phố Wall bắt đầu để ý. Làm sao họ lại không để ý chứ? Trong ba năm, SAC đã tăng quy mô gấp bốn lần, lên gần 100 triệu đô la. Cohen và những nhân viên giao dịch của anh đã mua và bán chứng khoán mỗi ngày nhiều tới mức các tay môi giới bắt đầu lo lắng họ bỏ lỡ một lượng doanh thu lớn nếu không giao dịch với SAC. Vấn đề các tay môi giới phải vượt

qua chính là các công ty lớn nơi họ làm việc luôn nghi ngờ các quỹ phòng hộ nói chung, và nghi ngờ Cohen nói riêng. Có tin đồn SAC đang kiếm được lợi nhuận 100% mỗi năm. Các nhân viên giao dịch ở những công ty lớn còn kháo nhau rằng Cohen hẳn phải lừa lọc. J. P. Morgan đã từ chối làm ăn với anh.

Trong khi đó, Cohen muốn SAC tiếp tục tăng trưởng, đi đầu này đòi hỏi tìm kiếm những nhà đầu tư cũng như các nhân viên bán hàng mới để giúp SAC chen vào những đợt IPO, hay có thể đưa ra các ý tưởng đầu tư mà họ không thể tự nghĩ ra được. Anh ra ngoài ăn những bữa tối với bít tết, chơi golf và bóng racquet. Nhưng Cohen không thích thú gì việc giao tế vì mục đích làm ăn, và anh không giỏi xây dựng kiểu quan hệ sẽ giúp ích khi công ty mở rộng. Anh không thật sự muốn là một phần của câu lạc bộ. Anh cần mang theo một người chuyên nghiệp giúp anh việc đó.

Anh biết một người hoàn hảo cho việc này. Tên anh ta là Kenny Lissak, một người bán chứng khoán mắt xanh, vai rộng mà Cohen đã tuyển trong những năm cuối cùng ở Gruntal. Lissak thích chơi golf và đi chơi bời nhậu nhẹt với những tay môi giới. Anh này đã phát triển các mối quan hệ ở Merrill Lynch, Goldman, Lehman, tất cả những công ty mà Cohen đang vất vả để họ đối xử với anh như một khách hàng quan trọng. Theo nhu cầu nghĩa, Lissak đối lập với Cohen. Họ hòa hợp ngay lập tức.

Lissak có quan điểm về giao dịch truyền thống hơn Cohen. Từng làm việc ở Shearson Lehman Brothers, một trong những công ty môi giới chứng khoán lớn nhất ở Mỹ, Lissak hiểu nghiên cứu của các tổ chức có thể ảnh hưởng tới giá chứng khoán như thế nào. Nếu Merrill Lynch cho ra một báo cáo phân tích chỉ trích IBM, giới đầu tư nhiều khả năng sẽ bán cổ phiếu và giá sẽ đi xuống. Ngay cả nếu nội dung của báo cáo là sai, chỉ

riêng dữ kiện cổ phiếu được nâng hạng hay hạ hạng bởi một nhà phân tích có uy tín sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ tới giá của nó. Việc không theo dõi những cơ chế cơ bản đó đang khiến Cohen mất tiền.

Lissak đã gặp những người làm môi giới ở Goldman Sachs và First Boston, và giới thiệu Cohen với họ như một nhà đầu tư nghiêm túc, người lẽ ra phải được tiếp cận những chuyên viên phân tích giỏi nhất của họ. Đổi lại, Lissak nói với những người môi giới, hai bên sẽ cùng kiếm khoản tiền hoa hồng khổng lồ từ giao dịch. Khi không phải tất bật tới các cuộc hẹn, Lissak tự mình giao dịch chứng khoán, đồng quản lý một danh mục đầu tư với Cohen. Họ là bạn thân nhất cùng làm việc chăm chỉ cả tuần và rỗi cuối tuần thư giãn cùng nhau, chơi golf ở Câu lạc bộ Glen Head Country ở Long Island và đi nghỉ trượt tuyết ở Aspen.

Mỗi sáng hai người tới văn phòng đọc báo và kiểm tra giá chứng khoán, quyết định họ sẽ kiếm tiền ở đâu ngày hôm đó. Nếu có tin tức về một công ty hay một lệnh đặt mua hay bán lớn tới từ thị trường, Cohen chuẩn bị để tận dụng bất cứ xung lực tạo ra từ đó, mua cổ phiếu khi giá tăng và bán ngay khi nó bắt đầu hạ. Cohen giới thiệu mức các nhân viên giao dịch ở những công ty khác bắt đầu theo dõi xem anh đang làm gì.

Cohen và Lissak bỏ ra nhiều giờ phân tích các giao dịch của họ và cố gắng tính toán để họ có thể làm tốt hơn. Lissak mô tả đặc điểm triết lý cốt lõi của họ bằng những cụm từ đơn giản: tất cả nhằm cải thiện tỉ lệ tìm kiếm lợi nhuận bằng cách loại bỏ những cách thức có thể làm họ mất tiền và tăng những cách thức kiếm ra tiền. Họ tin rằng chìa khóa của việc kiếm ra tiền là kiểm soát một cách thông minh thua lỗ. Theo ngôn ngữ học thuật, đi đầu này được gọi là quản trị rủi ro.

Những giao dịch của họ thường diễn ra như ý, nhưng không phải lúc

nào cũng thế. Một ngày sau khi thị trường đóng cửa, hồi họ mới quen nhau, Cohen và Lissak gặp nhau ở một hiệu sữa chua đông lạnh tại Upper East Side, trò chuyện về một buổi chiều đặc biệt khó khăn.

“Chuyện chó chết gì đã xảy ra vậy?” Cohen rầu rĩ nói.

Họ vừa trải qua một vụ thua lỗ lớn với cổ phiếu Northern Telecom, cổ phiếu này đã từ 38 giảm xuống 31 đô la, nhưng, không sẵn lòng nhận thất bại, Cohen và Lissak mua nhiều hơn nữa và nó tiếp tục rớt giá. Họ đã đoán chắc rằng đi đầu tụt tệ nhất qua đi và cổ phiếu đó sẽ hồi phục. Đi đầu này thật ngu ngốc vì cái tôi quá lớn ảnh hưởng tới giới đầu tư mọi lúc, nỗi sợ bán ra và thừa nhận lỗ, và lòng tin, một cách phi lý, rằng khoản khắc mà bạn đầu hàng và bán, cổ phiếu sẽ bỗng nhiên tăng giá trở lại. Riêng vụ giao dịch đó khiến họ mất gần 2 triệu đô la. Khoản thua lỗ không khiến họ phải dẹp tiệm, nhưng với Cohen, khoản lỗ thật đau đớn. Anh rất coi trọng mỗi giao dịch mà anh thực hiện, mỗi ngày. Mọi tính toán sai đều không thể tha thứ.

“Chúng ta sẽ làm gì đây, đi lái taxi sao?” Cohen nói.

Sau giao dịch Northern Telecom, Cohen đã triển khai kỷ luật nghiêm ngặt khi mất tiền: nếu một giao dịch trái ý ta, ta thiết lập một giới hạn, và rồi ta bán, dù cho có chuyện gì xảy ra. Không bao giờ để cảm xúc xen ngang.

ooo

Khu Hamptons, điểm nghỉ hè lâu nay của giới tinh hoa Manhattan, bao gồm vài ngôi làng với những căn nhà lợp gỗ trải dài về hướng Đông từ Westhampton tới Montauk dọc theo Đại Tây Dương, chỉ cách nơi Cohen lớn lên 88 dặm^[39]. Đến khi thành lập SAC, Cohen rốt cuộc đã có đủ tiền

để tới đó. Anh và Lissak bắt đầu chuyển hoạt động giao dịch của họ tới East Hampton trong kỳ nghỉ. Họ thuê một căn nhà năm phòng ngủ có hồ bơi và một người quản gia rồi lấy một văn phòng phía trên Grand Café, một quán cà phê ở trung tâm của East Hampton, nơi những quý bà giàu có tới cùng đám chó xù của họ. Đó sẽ là trụ sở của họ trong tháng Bảy và Tám.

Cohen đảm nhận, theo phán quyết của tòa, việc trông coi các con Jessica và Robert cách mỗi cuối tuần, cố gắng đi đầu hòa việc làm bố với đời sống độc thân giàu có của mình. Vợ cũ của anh, Patricia, cảm thấy anh không dành đủ sự chăm sóc cho các con khi cô không có ở đó. Cohen sống một mình và thỉnh thoảng để mặc lũ trẻ khi anh đi làm. Có lần, Robert 5 tuổi ngã xuống hồ bơi ở nhà của Cohen tại East Hampton, và Cohen phải nhảy xuống, mặc nguyên quần áo, kéo thằng bé lên.

Cohen không thích ở một mình, nhưng anh không thích quá trình tìm hiểu phụ nữ. Anh đã đăng ký dịch vụ hẹn hò và gửi lời mời với hai mươi hồ sơ. Chỉ một phụ nữ trả lời. Tên cô ta là Alexandra Garcia. Cô có mái tóc dài màu tối. Họ đã có cuộc hẹn đầu tiên ở một nhà hàng Ý ồn ào gần căn hộ của Cohen ở Manhattan, nơi họ đã trò chuyện với nhau vài giờ.

Họ bắt đầu gặp gỡ thường xuyên, nhưng Alex nói rõ cô không thích một mối quan hệ hẹn hò. Cô muốn kết hôn. Bên ngoài, cô không có vẻ là người hợp với một tay giao dịch Phố Wall giàu có. Alex đang vật lộn trong vai trò bà mẹ đơn thân, lớn lên trong một gia đình đông đúc người Puerto Rico ở khu Harlem nói tiếng Tây Ban Nha. Cô không học đại học. Cô có một con trai. Cô và Cohen có rất ít điểm chung.

Cohen thì không chắc muốn kết hôn lần nữa sau khi trải qua cuộc ly dị đau đớn.

“Tôi không biết phải làm gì,” một hôm Cohen nói với Lissak ở tiệm pizza gần căn nhà mùa hè của họ.

Alex đang gây sức ép để anh đính hôn, anh giải thích, nhưng cô không thích ý tưởng ký một hợp đồng tiền hôn nhân. Cohen còn quanh co vì những lý do khác nữa. Một lẽ khác là anh vẫn còn mê Patricia. Bạn bè của Cohen so sánh vợ cũ của anh với Margaret “Hot Lips” Houlihan, cô y tá quân đội kêu gọi trong chương trình truyền hình *M*A*S*H*. Anh không thể tưởng tượng được việc kết hôn lần nữa mà không có những biện pháp bảo vệ khối tài sản cá nhân đang gia tăng của mình. Vào lúc Cohen lo lắng chuyện đó, Patricia và Alex bắt đầu trở nên cực kỳ căm ghét nhau. Họ phải gặp nhau mỗi lần đưa đón đám trẻ khi chúng tới thăm cha. Căng thẳng giữa họ dần bùng nổ thành những cuộc cãi vã ngoài đường phố.

Tuy nhiên, Lissak có thể thấy bạn anh đang cô đơn và Alex có vẻ sẽ làm Cohen hạnh phúc. “Cứ mua cho cô ấy một chiếc nhẫn đi,” anh khuyên Cohen. “Đáng bao nhiêu chứ, ba phần tám của 10.000 đô la phải không? Nếu không ổn, thì coi như anh quăng đi 30.000.”

Steve và Alex đã chia tay ít nhất bốn lần trong những tháng sau đó, và mỗi lần, Alex lại nổi giận và dọa dẫm. Cô cứ nói hoặc lấy nhau bây giờ hoặc không bao giờ. Cohen rốt cuộc nghe lời khuyên của Lissak và cầu hôn. Họ cưới nhau ngày 6 tháng Sáu năm 1992 ở khách sạn Plaza, một sự kiện xa hoa với ba trăm khách mời toàn đeo cà vạt đen. Lissak là phù rể.

Alex ngay lập tức bộc lộ ảnh hưởng tới chồng. Cohen là người bẽn lẽn, cố gắng tránh là trung tâm chú ý. Vậy mà không hiểu cách nào, tám tháng sau khi cưới, Alex đã thuyết phục được anh làm đi đâu không tưởng: cô đăng ký cho họ tham gia chương trình truyền hình ban ngày nói tiếng Latin nổi tiếng, *The Cristina Show*, đang phát một chương trình đặc biệt về

các cặp vợ chồng sống trong những vương mắc cảm xúc có hại với vợ cũ của người chồng. “Alex tội nghiệp vừa kết hôn với Steven Cohen được tám tháng,” Cristina, một phụ nữ tóc vàng, phiên bản Latin của Oprah^[40] nói. “Cô cảm thấy cuộc chiến của mình với người vợ cũ sẽ *không bao giờ* chấm dứt. Cô nói cô và người vợ cũ cực ghét nhau, cô chỉ đồng ý tới đây nếu chúng tôi bảo đảm rằng người vợ cũ có lẽ là điên khùng sẽ không được mời.” Cristina ngả người về phía trước và dừng lại đầy chất kịch. “Hãy nói cho chúng tôi nghe xem, Alex, *có đúng là cô ta điên khùng không?*”

Cohen, có mặt vì nghĩ họ sẽ nói về những thách thức trong việc nuôi dạy con riêng, chết cứng vì trải nghiệm đó. Dầu vậy, anh vẫn gắng hết sức thoát ra. Khi Cristina nêu ra việc Cohen vẫn tiếp tục gặp người vợ đầu sau khi anh và Alex đã hẹn hò, khán giả thở hắt ra bày tỏ sự phản đối. Cohen tái đại. “Rất nhiều chuyện kiểu này xảy ra trong năm đầu mối quan hệ của chúng tôi, khi tôi vẫn chưa cam kết với Alex, và có lẽ tôi đã sử dụng vợ cũ như một khoảng đệm,” ông lấp bắp. “Tôi đã trải qua một cuộc ly dị tương đối khó chịu, và tôi chưa sẵn sàng... Chúng tôi còn gặp nhau một thời gian. Và có một số khó khăn tài chính...”

Bạn bè của Cohen sửng sốt vì chương trình đó, cả những tiết lộ mất mặt và việc người bạn thân trọng, nhút nhát của họ ngay từ đầu đã đồng ý xuất hiện trong một talk show trên truyền hình. Cohen hoàn toàn không phải là một người trình diễn. Những đồng sự của anh ở SAC coi chương trình đó là một dấu hiệu cho thấy Alex đã kiểm soát anh hoàn toàn.

ooo

Cohen tổ chức một bữa tiệc Giáng sinh tại căn hộ mới ở đường Bảy Mười

Chín East để ăn mừng năm 1993 tuyệt vời của công ty. Mọi người đều trong tâm trạng tốt, cảm thấy phấn khích về số tiền khổng lồ mà họ đã làm ra. Những tay bartender rót đồ uống. Cohen chạm vai Lissak. “Tôi nói chuyện với anh một chút,” anh nói. Họ vào trong một phòng trống.

Trong ba năm trước đó, Lissak đã trở thành đối tác đáng tin cậy nhất của Cohen, nhân vật chính liên lạc với các nhà đầu tư và ngân hàng Phố Wall, đứng đầu bộ phận giao dịch - tuyển dụng - đi đầu hành, và là người mà bất kỳ ai làm ở công ty sẽ hỏi tới khi gặp bất cứ vấn đề gì. “Anh có vai trò vô giá trong việc đi đầu hành SAC,” Cohen nói, theo lời Lissak. “Tôi sẽ biến anh thành đối tác sở hữu 20%.”

Lissak sướng tê người. Anh thích được làm việc cùng Cohen, đi đầu hành quỹ bên cạnh anh và thực hiện các giao dịch hằng ngày. Trở thành đối tác sẽ đảm bảo sự an toàn, nhưng cũng có nghĩa là kiếm được nhiều tiền hơn hẳn - có thể là hàng chục triệu đô la, một cách dễ dàng. Họ trở lại bữa tiệc và bắt đầu công bố với các nhân viên của SAC về sự thăng chức của Lissak. Phản ứng nhìn chung là tích cực. Lissak được yêu mến và tôn trọng. Có một người như anh gắn bó với công ty khiến công ty có vẻ ổn định và có tính chính danh.

“Steve là nhà khoa học điên và Kenny là người quảng giao,” Warren Dempsey, một nhân viên môi giới gia nhập SAC vào đầu những năm 1990 để giúp công ty xây dựng chiến lược đầu tư vào các vụ IPO ở châu Âu, nói. “Họ đi đầu hành công ty. Kenny có tầm nhìn thật sự. Ít nhất vào thời gian tôi còn ở đó, tôi không nghĩ Steve làm chuyện gì mà không trao đổi với Kenny.”

Hai năm sau khi SAC chuyển sang một văn phòng mới ở số 520 Đại lộ Madison, cách Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại một khối nhà. Cohen ngồi ở

trung tâm một chiếc bàn hình chữ T, với các giao dịch viên ngồi trước những dãy màn hình trải dài ra hai phía từ chỗ ngồi của anh. San Pietro, một nhà hàng Ý bên ngoài hấp dẫn với các bức bích họa, nằm ngay dưới lầu. Các nhân viên giao dịch của SAC là những khách hàng tốt nhất của nhà hàng đó.

ooo

Trong khi SAC làm ăn phát đạt, tăng trưởng gần như gấp đôi mỗi mười hai tháng, Cohen tiếp tục vật lộn với sự thỏa mãn cá nhân. Dù anh đã đạt được giấc mơ cuộc đời là đi đầu hành công ty của riêng mình, anh vẫn không hạnh phúc, anh trở nên phụ thuộc vào một bác sĩ tâm lý tên là Ari Kiev, người giúp anh kiểm soát tâm trạng của mình.

Ngoài việc đi đầu trị trầm cảm, lĩnh vực chuyên môn khác của Kiev là tư vấn về thành công và làm sao để đạt được thành công. Ông ta từng làm bác sĩ tâm lý và huấn luyện viên cho các cầu thủ bóng rổ và vận động viên chèo thuyền tham dự Olympic đang tìm cách cải thiện thành tích của họ và vượt qua nỗi sợ thất bại. Kinh nghiệm hỗ trợ cho những nhà vô địch thể thao của ông đã hấp dẫn Cohen vốn có nhu cầu không thương xót là thống trị mọi giao dịch mà mình tham gia, và anh bắt đầu yêu cầu Kiev ngồi cả ngày ở các văn phòng của SAC, giúp đỡ nhân viên của anh. Kiev cao lớn, với bộ ria mép rậm và phần thân đầy đặn, ông thường xuất hiện lặng lẽ bên cạnh một nhân viên giao dịch và hỏi xem anh ta cảm thấy thế nào. Đôi khi tay giao dịch viên giật mình vì thấy Kiev ở đó, tới mức nhảy dựng lên. Cohen đã yêu cầu Kiev thực hiện các bài phát biểu động viên trước nhân viên của anh, để giúp họ vượt qua nỗi lo lắng sẽ làm mất tiền.

Về cơ bản, Kiev ở đó là để dạy họ sự tàn nhẫn.

Mỗi lần một tuần, sau khi thị trường đóng cửa, các giao dịch viên của Cohen sẽ tụ tập trong phòng hội thảo và Kiev sẽ dẫn dắt họ qua các phiên trị liệu nhóm tập trung vào việc khiến họ thoải mái hơn trước rủi ro. Kiev nói về các giao dịch của họ và cố gắng hiểu xem tại sao một số người làm tốt và những người khác thì không. “Các bạn thật sự có động cơ kiếm nhiều tiền hết mức có thể chưa? Người đàn ông này sẽ giúp các bạn trở thành một sát thủ trong việc đó”, là những gì một nhân viên đầy hoài nghi nhớ về Kiev lúc ông được giới thiệu với họ. Việc mà Kiev đã làm với các vận động viên Olympic đã khiến ông tin rằng đi đâu ngăn cản hầu hết mọi người là nỗi sợ. Bạn có thể có hai nhà đầu tư với cùng khoản tiền: một người chuẩn bị mua 250.000 cổ phiếu một chứng khoán mà họ thích, trong khi người kia thì không. Tại sao? Kiev tin rằng sự do dự là một hình thức lo lắng; và rằng có thể vượt qua nó bằng trị liệu đúng cách.

Kiev sẽ yêu cầu các nhân viên môi giới nhắm mắt lại và mừng tưng ra chính bản thân họ đang thực hiện các giao dịch và tạo ra lợi nhuận. “Đầu hàng hiện tại” và “nói lên sự thật” là một số cụm từ ưa thích nhất của ông ta. “Tại sao bạn không đặt cược lớn hơn vào những giao dịch hiệu quả? Bạn đã làm đi đâu gì đúng?” ông ta hỏi. “Mãi suy nghĩ về việc không để thua lỗ sẽ cản trở việc chiến thắng,” ông ta sẽ nói. “Giao dịch không thua lỗ không phải là một chiến lược tốt. Bạn cần giao dịch để *thắng*.”

Nhiều giao dịch viên ghét các buổi trị liệu theo nhóm. Một số người nghĩ Kiev là một kẻ lừa đảo.

“Ari rất hiểu thắng,” một người nói. “Ông ta thích tiền.”

Patricia, vợ đầu của Cohen, nghi ngờ động cơ của Kiev và tin rằng ông ta sử dụng các buổi trị liệu với Cohen để tìm kiếm những gợi ý mua chứng khoán. Từ góc nhìn của Kiev, ông ta thấy một khách hàng hoàn hảo nơi

Cohen, một bệnh nhân với nguồn lực không giới hạn có thể trả những khoản phí khổng lồ và có tiếng là một trong những tay giao dịch giỏi nhất Phố Wall, có thể giúp Kiev hiện thực hóa mục tiêu của chính ông ta là trở thành một tác giả sách bán chạy. Có thể khoe rằng ta là người huấn luyện giao dịch cho một trong những tay giao dịch hùng mạnh nhất Phố Wall, một cách tuyệt vời để bán sách và thu hút thêm khách hàng.

Kiev cũng phục vụ một mục đích khác cho Cohen, hay một số nhân viên môi giới ở SAC đã nghĩ vậy, như một kiểu gián điệp nội bộ. Kiev sẽ nhắm tới những nhân viên cụ thể, tìm hiểu xem đi đâu gì khiến họ phẫn lòng. Đã làm trị liệu nhiều thập niên, ông ta rất khéo léo trong việc lôi cuốn mọi người thổ lộ những đi đâu thầm kín, khiến họ thấy thoải mái và tin cậy. Nhưng ít người ở SAC cảm thấy có thể thoải mái cởi mở với ông ta vì họ hiểu rằng mọi thứ họ nói sẽ được báo cáo lại với ông chủ.

Nền kinh tế của các quỹ phòng hộ cực kỳ ưu ái những người đi đầu hành chúng, chủ yếu vì cấu trúc phi cắt cổ mà chúng áp dụng. Cohen ra quyết định sớm để khai thác đi đầu này càng nhiều càng tốt. Nếu các nhà đầu tư muốn người giỏi nhất - *chính là anh* - họ sẽ phải trả cho đi đầu đó. SAC làm tốt tới mức anh có thể thu phí cao hơn so với hầu hết các quỹ khác, giữ lại 50% lợi nhuận vào cuối năm. Hầu hết các quỹ phòng hộ thu phí 20%. Nhưng những nhà đầu tư của Cohen không phàn nàn. Thật ra, họ đấu đá để được là khách hàng của anh.

Trong khi đó, Cohen không ngừng than phẫn vì cho rằng những người khác hưởng lợi một cách bất công từ thành công của anh. Gần như mọi xu mà anh đưa cho những người khác, dù là hoa hồng cho một tay môi giới hay tiền thưởng cho đối tác hay một đô la tiền thuê, đều làm anh khó chịu. Cuối cùng, anh quyết định rằng thuế ở Thành phố New York quá cao và

không gian văn phòng của Manhattan quá đắt đỏ. Công ty cần mở rộng, và sẽ tiết kiệm chi phí hơn nhiều nếu rời thành phố. Anh nói với các nhân viên rằng họ sẽ chuyển SAC sang Connecticut. Anh đã chọn được văn phòng, ở công viên văn phòng GE tại Stamford. Tính kinh tế của khu này hợp lý hơn nhiều.

Ngoài khoản thuế, một số dàn xếp kinh doanh mà anh đã thương lượng nhiều năm trước bắt đầu có vẻ quá hào phóng. Cohen sa thải những người bỗng nhiên bắt đầu kiếm được những khoản tiền mà anh cho rằng quá lớn với tỉ lệ khác thường, hoặc anh sẽ từ chối trả cho họ những gì họ nghĩ họ xứng đáng. Rất cuộc, anh chuyển sự giận dữ sang các đối tác của mình.

Một buổi tối tháng Mười năm 1997, Cohen gọi cho Kenny Lissak thông báo tin sốc: vợ anh, Alex, cáo buộc Lissak tìm cách lôi kéo cô vào một vụ ngoại tình. Alex đã nói với Cohen rằng anh phải chọn giữa đối tác kinh doanh và cuộc hôn nhân, theo lời Lissak, người đang sững sốt trước cáo buộc đó. Lissak bác bỏ và nói anh đang hạnh phúc trong hôn nhân. Anh vừa hồi phục sau hàng loạt vấn đề sức khỏe và thể chất khá yếu. Một năm trước, anh đã nhập viện để phẫu thuật lưng định kỳ sau hàng loạt chấn thương xảy ra do chơi bóng rổ. Trong khi ở bệnh viện, anh đã bị nhiễm khuẩn *E. coli* ở sống lưng và việc đó suýt làm anh mất mạng cũng như khiến anh nằm liệt giường trong viện hàng tháng trời. Anh đã sụt 100 pound^[41].

Khi Lissak vắng mặt, Alex đã đóng vai trò lớn hơn trong văn phòng. Cô ta viết các ghi nhớ cho nhân viên của Cohen và đón chững sau khi thị trường đóng cửa. “Rõ ràng cô ta là hoàng hậu còn Steve là vua, mọi việc đang thế đây,” một cựu giao dịch viên nói. “Tôi sẽ không muốn chạm mặt

với cô ta, cứ mặc cho mọi việc theo cách ấy.” Một giao dịch viên khác mô tả cô là một kẻ gây rối. Một số nhân viên tránh đường vì không muốn trao đổi ánh mắt với Alex.

Căng thẳng đã gia tăng giữa cô và Lissak, như thể hai ả gái chung chông đang cạnh tranh để có được sự chú ý của Cohen. Nhưng lần này thì khác.

Sau khi cáo buộc bạn thân nhất và đối tác kinh doanh tìm cách ngoại tình với vợ mình, theo lời Lissak, Cohen yêu cầu anh ra đi ngay lập tức. Cohen hầu như không có vẻ gì giận dữ, chỉ lạnh lùng. Lissak nói anh khẳng khẳng rằng đó không phải là sự thật và cố thuyết phục Cohen rằng anh đang phạm sai lầm khi sa thải mình, nhưng Cohen không lay chuyển. Không hiểu chuyện gì xảy ra, Lissak gói ghém đồ đạc và rời văn phòng, văn phòng *của anh*. Lissak thật đau khổ. Cohen không bao giờ giải thích việc Lissak ra đi với các nhân viên, những người thấy bất an vì chuyện đó. Nhưng mọi người nhanh chóng nghe được chuyện gì đã xảy ra.

Sau đó, Lissak phát hiện ra anh bị các công ty Phố Wall khác từ chối. Các công ty muốn có Cohen là khách hàng có vẻ hiểu rằng họ không thể làm ăn với cả hai người bọn họ cùng lúc.

“Đó là dấu hiệu đầu tiên về sự tàn nhẫn đích thực của Steve,” một cựu giao dịch viên nói. “Khi ông ta đá đít Kenny.”

ooo

Một sáng thứ Hai năm 1998, một nhóm nhân viên Goldman Sachs tập trung chuẩn bị cho cuộc họp phòng hằng tuần, một giờ trước khi thị trường mở cửa. Người chuẩn bị phát biểu với đám đông là một nhân viên bán chứng khoán của Goldman, người chịu trách nhiệm đảm bảo một số

khách hàng giao dịch quan trọng nhất của công ty được hài lòng. Ông ta có thông tin khẩn cấp cần chia sẻ về tài khoản béo bở nhất của mình.

“SAC Capital,” ông ta tuyên bố, “giờ là nơi tạo ra hoa hồng lớn nhất cho phòng chứng khoán.”

Phòng chứng khoán đại diện cho các khách hàng của Goldman chịu trách nhiệm cho mọi giao dịch chứng khoán, và trong thời kỳ bùng nổ công nghệ vào cuối những năm 1990, việc giao dịch này tạo ra khoản lợi nhuận đáng kể cho Goldman. Đó là vào nửa nhiệm kỳ thứ hai của Bill Clinton, và đất nước đang ở giữa một đợt bùng nổ thị trường chứng khoán, mà trên thực tế đã biến mỗi tài xế taxi ở New York có trong tay một tờ *Barron's* trở thành một tay giao dịch chứng khoán trong ngày. Có vẻ như có những đợt IPO lớn cho những công ty dotcom mới mỗi ngày, tạo ra nhiều triệu phú mới được biến thành những người hùng trên trang bìa tạp chí. Những người lớn tuổi đem tài khoản an sinh xã hội của họ ra đánh cược trên thị trường chứng khoán. Người dẫn chương trình của CNBC háo hức đưa tin giá chứng khoán các công ty công nghệ như Qualcomm và Rambus đang lập những kỷ lục mới hầu như mỗi giờ. Có vẻ như cả thế giới đang trở nên giàu có.

Cho tới thời điểm đó, cơ cấu thứ bậc ở Phố Wall xác định ai là người nhận cuộc gọi của ai và ai được trả phí khá rõ ràng. Những quỹ tương hỗ lớn như Wellington, Fidelity và State Street, đang quản trị hàng nghìn tỉ đô la các tài khoản hưu trí, là những khách hàng quan trọng nhất trong ngành. Họ không tham gia vào ngành giao dịch với tốc độ chớp giật. Việc kinh doanh của họ là đầu tư dài hạn, với lợi nhuận từ từ. Họ sẽ xây dựng những thương vụ chứng khoán lớn và giữ chúng trong nhiều tháng hay nhiều năm, gắn kết lợi ích kinh tế của họ với của công ty. Các hãng như

Goldman, Morgan Stanley và Salomon Smith Barney phân công nhân viên bán hàng làm việc với các giám đốc những quỹ này bằng cách cung cấp báo cáo nghiên cứu chứng khoán được thực hiện bởi các chuyên gia phân tích của ngân hàng và qua việc đưa họ tới xem các trận đấu của đội Yankees và ăn tối với sushi. Đó là một sự sắp xếp dễ chịu, có thể dễ dàng thấy qua nhận xét của một cựu chuyên viên phân tích đầu tư: “Những gã da trắng 50 tuổi nhận báo cáo nghiên cứu từ những gã da trắng 50 tuổi khác.”

Nhân viên bán chứng khoán của Goldman đang quản lý khách hàng là SAC chuẩn bị đảo lộn tất cả. SAC là một quỹ phòng hộ, ông ta giải thích với các nhân viên Goldman đang bối rối, một số người chưa bao giờ nghe nói tới công ty này. Họ không mua những khối lớn cổ phiếu IBM để nắm giữ nhiều tháng trời trong khi chơi golf và đợi nhận cổ tức, họ *giao dịch*. Và họ không chỉ giao dịch. Họ giao dịch hàng trăm chứng khoán mỗi ngày, hàng trăm nghìn cổ phiếu một lúc. Họ không quan tâm tới sức khỏe dài hạn của công ty hay liệu sản phẩm mới công ty đang phát triển có cho phép công ty tuyển dụng thêm nhiều người trong năm năm tới hay không. SAC chỉ quan tâm tới một chuyện: những động thái ngắn hạn tác động lên giá cổ phiếu mà họ có thể lợi dụng để kiếm lời.

Với mỗi cổ phiếu mà Goldman có thể mua hay bán đại diện cho SAC, họ kiếm được sáu xu tiền hoa hồng. Không cần phải có bằng tiến sĩ để hiểu ẩn ý ở đây. Dù Fidelity lớn hơn nhiều, SAC tạo ra nhiều doanh thu hơn hẳn chỉ thu tiền túy dựa trên số lượng.

Đổi lại việc trao cho Goldman Sachs hàng triệu đô la, SAC muốn vài thứ, những thứ tương xứng với tầm quan trọng của họ với công ty, tay nhân viên bán hàng nói. Họ muốn được đối xử ưu đãi, đặc biệt liên quan

tới những động thái mà các nhà phân tích của Goldman thực hiện có thể ảnh hưởng tới giá chứng khoán của công ty. “Nếu thay đổi một hoặc hai xu trong các tính toán của mình, thì bạn gọi cho SAC trước tiên,” tay bán hàng nói. Nếu một nhà phân tích sắp sửa khuyến nghị giới đầu tư mua hay bán các cổ phiếu ở một công ty mà anh ta hay cô ta theo dõi, hay đánh giá lại khoản tiền anh ta hay cô ta ước tính công ty này sẽ kiếm được trong quý tới, SAC muốn biết trước tất cả mọi người. Và khi một nhà phân tích của Goldman được đề nghị một “cuộc hội ý riêng” trên điện thoại với các nhà đầu tư quan trọng nhằm giúp họ lý giải những sự kiện của doanh nghiệp, tại sao không làm việc này trước tiên với SAC? Như thế có phải là đòi hỏi quá nhiều không?

Một tay bán chứng khoán ở một công ty môi giới đối thủ chịu trách nhiệm tài khoản của Cohen đã mô tả động lực đó như sau: “Nếu anh ta sắp sửa giao dịch với bạn, anh ta muốn giá tốt *nhất*. Anh ta sẵn sàng trả rất nhiều tiền hoa hồng. Và anh ta sẵn sàng làm thế để có thể nhận cuộc gọi đầu tiên, bất cứ thông tin nào có thể giúp anh ta kiếm tiền từ bạn hay công ty của bạn.”

Ở Goldman Sachs, ít nhất một nhà phân tích nghe bài phát biểu của tay bán hàng sáng hôm đó bị sốc bởi sự trơ tráo của thỏa thuận. Không ai đề xuất chuyện gì trái pháp luật cả, chính xác thế. Nhưng nó khiến nhà phân tích này khó chịu. Nó trao cho SAC một lợi thế khổng lồ trên thị trường. Với thông tin sớm về việc đánh giá một quyết định “mua” hay “bán” một chứng khoán, SAC có thể phán đoán giới đầu tư sẽ làm gì để đối phó với tin tức kia: mua hay bán trong một tích tắc trước tất cả mọi người, thu về rất nhiều những mẫu nhỏ lợi nhuận mà gom góp lại sẽ thành một tổng số đáng kể. *Gian trá* có thể là một từ quá mạnh; nhưng *khó chịu* có lẽ là từ

đúng. Nhưng cùng lúc, giới phân tích và bán hàng hiểu rằng ưu tiên của họ là phục vụ các khách hàng của công ty. Những ngân hàng đầu tư được cấu trúc theo hệ thống thứ bậc rất giống quân đội, nơi mọi người phải giao tay chào người có nhiều vạch nhất - hay phòng ban mang về nhiều tiền nhất.

Chỉ dẫn của tay bán hàng của Goldman ảnh hưởng một sự dịch chuyển quan trọng tại Phố Wall, dù những tay chơi đã lâu đời của nó mất một thời gian dài mới nhận ra. Con đường mới để đạt được sức mạnh chỉ huy ở ngành tài chính là khởi đầu một quỹ phòng hộ. Làm đi đầu đó đúng lúc có thể biến một người lẽ ra chỉ kiếm được vài triệu trong 20 năm sự nghiệp ở Goldman Sachs hay Morgan Stanley thành một tỉ phú gần như sau một đêm. Trong vài năm, các quỹ phòng hộ từ chỗ là một văn hóa nhóm lập dị của Phố Wall trở thành trung tâm của ngành. Họ có độ đòi hỏi và khó chịu hơn nhiều (và gần như chắc chắn thông minh hơn nhiều) so với những Fidelity và State Street của thế giới, và những kẻ như Goldman và Morgan phải trải qua vô vàn khó khăn để khiến họ hài lòng. Nhưng rốt cuộc, những kẻ ấy được trả tiền để làm việc đó. Nếu một quỹ phòng hộ tạo ra hàng trăm triệu đô la doanh thu muốn tiếp cận nhanh nhất với nghiên cứu tốt nhất hay cuộc gọi đầu tiên, thì bạn phải trao đi đầu đó cho họ. Bằng không họ sẽ làm ăn ở nơi khác.

ooo

Vào một ngày sáng sủa, quang đãng mùa xuân năm 1998, Cohen và Alex lái xe suốt vài giờ quanh Greenwich, Connecticut, với một tay môi giới bất động sản, tìm kiếm một căn nhà mới hợp với đẳng cấp đang lên của họ. Cặp vợ chồng đang sống ở Greenwich, trong một căn nhà kiểu thôn dã được trang hoàng lại rộng 6.000 foot vuông^[42] mà Cohen mua với giá 1,7

triệu đô la vào năm 1993, và họ thích được làm chủ nhà cho nhiều bữa tiệc lễ Tạ ơn ở đó. Nhưng Alex đang muốn một nơi rộng rãi hơn. Một người gần gũi với họ vào quãng thời gian đó nói mối quan tâm ghê gớm của họ với bất động sản có động cơ một phần có lẽ từ thỏa thuận tiền hôn nhân của cặp vợ chồng quy định rằng trong trường hợp xảy ra ly dị, Alex sẽ nhận được nơi ở chính trong thỏa thuận chia tài sản. Ít ra, đó là điều Cohen thổ lộ khi đùa cợt ở văn phòng. “Đó là một vụ đào mộ,” anh được cho là đã nói với một đồng nghiệp. “Đó là khoản chi trả cho cô ta khi rũ bỏ tôi.”

Cặp vợ chồng cũng có một gia đình đông hơn cần mái ấm. Gồm con trai riêng của Alex có trước khi gặp Cohen, cùng bố mẹ đã già cả của cô ta; các con của Cohen từ cuộc hôn nhân lần thứ nhất tới thăm vào cuối tuần; và Cohen cùng Alex giờ đã có với nhau ba con gái, trong đó có một cặp sinh đôi. Khi Alex lần đầu thấy căn nhà ở địa chỉ số 30 Crown Lane, một khu đất kiểu thuộc địa lớn rộng 14 acre^[43], trước đó thuộc về Sy Syms, nhà sáng lập chuỗi quần áo giảm giá Syms, cô ta đã thở gập.

Greenwich rõ ràng là nơi đáng để họ sống. Kể từ những năm 1920, đó đã là nơi trú ngụ của những người có quá nhiều tiền chẳng biết phải làm gì, liên tục xếp hạng là một trong những mã vùng giàu nhất nước. Nó nằm ở một khu cách xa Manhattan, thoải mái, rợp bóng cây, và từng là nơi cư ngụ của những người thừa kế dòng họ Rockefeller^[44] và những khối tài sản của J. Pierpont Morgan^[45], với những căn biệt thự giấu mình lặng lẽ sau các bờ giậu và những bức tường đá, ở cuối những lối đi rải sỏi. Dần dần, tiền cũ bị thay bằng tiền mới, khi các đại gia quỹ phòng hộ chuyển tới, ai cũng tìm cách xây cho mình một Điện Buckingham. Paul Tudor Jones là một trong những người đầu tiên, và một trong những người phò

trương nhất, khi vào năm 1994, ông và cô vợ siêu mẫu người Úc mua một biệt điện nhìn xuống Long Island Sound giá 11 triệu đô la và đập bỏ, rồi thay vào đó là một căn nhà lớn hơn nhiều, gồm gara để xe ngầm có thể chứa được 25 chiếc xe hơi. Nhìn từ mặt nước, mọi người thường hay nhầm căn nhà với câu lạc bộ du thuyền Belle Haven.

Dù căn nhà số 30 Crown Lane đã được rao bán gần hai năm, gần đây nó mới thu hút sự chú ý của một người khác làm trong giới tài chính, một đối tác ở ngân hàng Bear Stearns kiểu Phố Wall truyền thống, tên là Robert “Bobby” Steinberg. Căn nhà không có gì độc đáo, theo lời Jean Ruggiero, tay môi giới bất động sản đã làm việc với Steinberg, nhưng rất ít bất động sản ở khu này rao bán mà rộng được như thế, với cả khu đất xung quanh. Steinberg là người đứng đầu bộ phận kinh doanh chênh lệch giá rủi ro của Bear. Ông và vợ, Suzanne, có một gia đình lớn và quyết định hỏi mua căn nhà. Tối hôm đó, sau khi liên lạc với tay môi giới bán cùng đề nghị của Steinberg, Ruggiero đã gọi lại cho Steinberg.

“Ông sẽ không tin đi đâu này,” cô ta nói, “nhưng có người cũng đã đấu giá mua căn nhà.” Đây là một tình huống rất khác thường. Rất ít căn nhà trên thị trường có mức giá đó, và trên thực tế chưa từng ai nghe thấy cuộc chiến đấu giá một bất động sản trị giá 14 triệu đô la.

Steinberg nghi có chuyện mờ ám đang diễn ra; sau khi không được ai quan tâm trong nhiều tháng trời, một đề nghị khác bỗng nhiên xuất hiện đúng vào lúc ông trả giá ư? Dẫu vậy ông cũng nâng giá, và người hỏi mua kia cũng nâng giá. Ruggiero quay lại báo tin cho Steinberg, ông vẫn quyết tâm mua căn nhà. Ông nói với Ruggiero gọi cho người môi giới của bên bán một lần nữa và nói ông sẽ trả nhiều hơn 25.000 đô la so với bất cứ mức giá nào mà đối thủ đấu giá đưa ra. Ruggiero chắc chắn là chuyện đó

sẽ khiến mọi việc êm xuôi. Nhưng rồi khi cô đưa ra đề nghị mới, người môi giới của bên bán chỉ cười; tay đấu giá kia có vẻ đã nói với người môi giới của bên bán là ông ta không quan tâm khoản tiền là bao nhiêu, và rằng ông ta sẽ trả bằng tiền mặt. Ông ấy nói cụ thể: “Tôi đang đứng đây, ở Stamford với tập séc của tôi, và tôi sẽ viết séc ngay bây giờ.”

Ruggiero gắng hỏi tay môi giới cho cô biết người mua là ai. Rồi cô gọi lại cho Steinberg.

“Ai đó tên là Stevie Cohen,” cô nói. Steinberg chưa bao giờ nghe nói tới ông ta.

Ngày hôm sau Steinberg gặp người bán hàng ở Bear Stearns chịu trách nhiệm tài khoản của Cohen. “Anh có biết một gã tên Stevie Cohen không?” ông hỏi.

“Có,” tay bán hàng nói. Anh ta không chắc lắm về bối cảnh của câu hỏi, nên đã trả lời mơ hồ. “Ông ấy là khách hàng.”

“Anh biết gì về hắn ta?” Steinberg hỏi.

Cohen là giám đốc một quỹ phòng hộ và là một khách hàng quan trọng, tay bán hàng nói. Anh ta đã tới dự đám cưới Cohen ở Plaza, và biết tới danh tiếng chuyên gia giao dịch của Cohen. Quỹ phòng hộ duy nhất mà Steinberg biết là quỹ do Ivan Boesky điều hành, quỹ kinh doanh chênh lệch giá đã bị đóng cửa trong vụ bê bối giao dịch nội gián Drexel Burnham Lambert. Steinberg, vốn nằm trong hội đồng quản trị một trong những công ty đầu tư lâu đời nhất ở Phố Wall, không quen với việc bị những tay giao dịch trong ngày ngăn cản làm điều ông muốn. “Cho tôi số của anh ta,” ông nói.

Steinberg gọi cho Cohen và tự giới thiệu. “Nghe này,” ông nói, “tôi chú ý tới anh vì anh là người cũng hỏi mua căn nhà tôi đang nhắm. Vợ tôi thật

sự mong muốn mua căn nhà đó.”

Cohen đáp lại rằng vợ anh cũng tuyệt đối muốn có căn nhà, và do đó anh hoàn toàn quyết tâm mua nó.

“Ông sẽ không mua được nó,” Cohen nói. “Tôi sẽ mua.”

Khi Steinberg hỏi tại sao, Cohen đáp: “Vì tôi có nhiều tiền hơn ông.”

“Chuyện này đang vượt khỏi tầm kiểm soát,” Sternberg nói, bắt đầu điên tiết. “Tôi sẽ làm thế này: tôi sẽ cho anh 1 triệu đô la nếu anh bỏ cuộc.”

“Tôi biết làm gì với 1 triệu đô la chứ?” Cohen nói, rồi dừng lại. “Tôi sẽ làm thế này,” anh nói, cười khúc khích. “Hãy tung đồng xu.”

“Cái gì?” Sternberg nói.

“Tôi sẽ tung đồng xu xem ai được mua căn nhà,” Cohen nói.

Steinberg thấy bị xúc phạm. Ông biết vợ ông sẽ rất hoảng nếu bà phát hiện ra ông đã tung đồng xu để mua căn nhà của họ. Thật ngớ ngẩn. “Không,” ông đáp.

Cohen gác máy. Rồi anh gọi cho tay môi giới bất động sản, nâng giá lên 14,8 triệu đô la và mua căn nhà bằng tiền mặt.

ooo

Không lâu sau đó những máy xúc đất bắt đầu xuất hiện, từng chiếc một, thành một đoàn. Cohen và Alex không lãng phí thời gian trong việc khiến những hàng xóm mới của họ bực dọc bằng việc trang hoàng nhà cửa. Căn nhà số 30 Crown Lane nằm ở “khu hẻo lánh” của Greenwich, vùng rừng rậm phía Bắc thị trấn, nơi các gia đình đã giàu có nhiều đời giữ cho mọi thứ thật lặng lẽ; việc khoe mẽ gây ra sự bất an. Tuy nhiên, những tỉ phú

mới nổi như Cohen và vợ anh hoàn toàn không hay biết các tập tục như thế, và nhiều khả năng có biết thì cũng phớt lờ. Họ ngay lập tức san phẳng khu đất và xây nên những công trình khổng lồ.

Một khu nhà mới được xây lên để làm sân bóng rổ trong nhà và một hồ bơi với mái vòm kính cao một tầng rưỡi trên đó. Ở sân sau, họ xây một sân trượt băng rộng 6.000 foot vuông^[46] với xe cán láng mặt băng Zamboni cho riêng nó, cộng thêm một làn đường xe Zamboni. Họ thêm vào một phòng mát xa, một phòng tập thể dục và một sân golf nhỏ với nhiều hố. Họ xây một bức tường đá cao 9 foot^[47] xung quanh khu đất và lắp đặt hệ thống an ninh tinh vi. Công trình cuối cùng rộng 36.000 foot vuông^[48], một trong những khu nhà lớn nhất trong vùng. Phải mất tới 283 lượt xe tải mới dọn hết số đất dùng cho cảnh quan.

“Tôi có cảm giác đó không phải là một căn nhà,” một người hàng xóm tên Susan Hut than phiền với ủy ban quy hoạch của thị trấn. “Đó là một nơi để khoe mẽ. Nó có thể đã nằm ở Vườn Thực vật Bronx.”

Ruggiero, người đã bán bất động sản ở Greenwich được 39 năm, dẫn lại thương vụ với Cohen khi cô huấn luyện những tay môi giới mới vào nghề mỗi năm. Cô dùng đó làm ví dụ về hai kiểu giàu có mà họ nhiều khả năng sẽ thấy trong những người mua bất động sản hạng sang. “Thật lạ lùng,” cô nói với họ, giải thích về loại đầu tiên, “ngay cả nếu các bạn là người mua một căn nhà trị giá 3 triệu, 4 triệu hay thậm chí là 6 triệu đô la, nghĩa là bạn có vẻ rất giàu, bạn vẫn chỉ là người làm công - bạn vẫn phải lo lắng về lương bổng của mình.”

Tuy nhiên, có một loại người giàu thứ hai, mà với họ tiền bạc chẳng là gì theo đúng nghĩa đen. Họ đơn giản là rút cuốn séc ra và trả bất cứ giá nào. Những người này là khách hàng tuyệt vời cho ngành bất động sản.

Nhưng nếu bạn phải đấu giá với họ, cô nói với những tay môi giới khác, thì tốt hơn là nên tránh đường cho họ.

“Lúc bạn có thể chỉ 10 triệu, 20 triệu đô la, bạn không phải lo lắng về tiền lương của mình nữa,” Ruggiero nói. “Steve Cohen không phải lo lắng về lương bổng của ông ta. Stevie muốn gì thì có đó.”

Chương 3

ĐỘI HÌNH SÁT THỦ

Từ năm 1998 tới 1999, SAC đạt đến một cột mốc mới, vượt qua mốc tài sản 1 tỉ đô la mỗi năm, đi đầu đạt được sau năm năm liên tiếp tăng gần như gấp đôi tài sản mỗi năm. Tuy nhiên, khi SAC tăng trưởng, những điểm bất lợi trong cách tiếp cận thô ráp của họ trở nên ngày càng rõ ràng đến mức Cohen không thể lờ đi được. Ông có hàng trăm triệu đô la để đầu tư, và vì thế, quy mô các thương vụ của quỹ lớn hơn bao giờ hết. Nhưng phương thức giao dịch của Cohen, vốn tiếp tục là kiểu giao dịch trong ngày, chỉ hiệu quả với một lượng tiền nhỏ, khi một người có thể xây dựng những thương vụ khiêm tốn hơn, nhưng ăn nhiều thua đậm, và tháo chạy nhanh chóng.

Các quỹ phòng hộ mới khai trương mỗi ngày, với các đối thủ cạnh tranh chuyển sang những lĩnh vực mà Cohen từng một thời cho là của riêng ông. Với quá nhiều giao dịch viên theo đuổi cùng ý tưởng, lợi nhuận ngày càng khó kiếm. Khi các giao dịch viên ở những công ty khác phát hiện ra Cohen đang mua một chứng khoán cụ thể, họ cố gắng bắt chước những gì ông đang làm, đẩy giá lên và triệt tiêu phần lợi nhuận từng có thời đến dễ dàng. Khi nghiên ngẫm những đòi hỏi mới mà quy mô của quỹ hiện đang đặt lên các giao dịch viên của mình, Cohen nhìn quanh sàn giao dịch của SAC và cảm thấy khó chịu bởi những gì ông thấy: một căn phòng đầy những gã đàn ông nói giọng Long Island hay New Jersey, vốn không

thể hòa mình vào bất cứ hội thảo nào của giới phân tích tài chính chính thống nếu họ thử đến dự. Họ đang giao dịch mua bán cổ phiếu của các nhà sản xuất vi mạch và công ty công nghệ sinh học mỗi ngày mà không mấy hiểu biết về việc những công ty đó *thực sự* làm gì. Họ thậm chí không đáng được gọi bằng cụm từ có tính chất rập khuôn của Phố Wall: “giới đầu cơ”. Họ chỉ là những con bạc, và là những con bạc kém sành sỏi.

Cohen cảm thấy rằng ngành này đang thay đổi, và ông cần phải thay đổi với nó. Ông cũng có cái tôi cần được nuông chiều. Ông muốn được biết tới như một nhà đầu tư thông minh, chứ không chỉ là một “giao dịch viên”, tức hiệu vốn không đi kèm với nhiều uy tín. Mục tiêu mới của ông đối với SAC là phải trở thành một công ty được kính trọng, một công ty sẽ xác lập ông ở vị thế một giám đốc quản trị tiền bạc huyền thoại. Để đạt được đi đầu đó, ông và các nhân viên cần học cách phân tích những vụ đầu tư của họ một cách tinh tế hơn, học cách hiểu các công ty sẽ hoạt động ra sao trong những giai đoạn dài hạn, thay vì mua bán mù quáng dựa trên xung lực nhất thời. Và để làm được đi đầu đó ông cần tuyển dụng kiểu người mà trước đó ông xa lánh - các chuyên gia biết đôi đi đầu về chứng khoán mà họ sẽ mua. Họ sẽ có được lợi thế trực tiếp từ các công ty và những nguồn khác thay vì dựa vào nghiên cứu của các công ty như Goldman Sachs và Morgan Stanley. “Chúng ta sẽ thay đổi cách làm ở đây,” Cohen tuyên bố vào một buổi chiều sau khi thị trường đóng cửa.

Ông nói với đám sĩ quan cấp cao nhất của mình rằng từ giờ trở đi, ông muốn tuyển dụng chỉ những giao dịch viên có “lợi thế nền tảng”, tức là có chuyên môn sâu hay các mối quan hệ trong một ngành cụ thể. Ông đi vòng quanh bàn giao dịch của SAC, chỉ vào từng nhân viên một và chỉ định họ người thì phụ trách giao dịch mảng chăm sóc y tế, người thì làm chuyên

gia cổ phiếu hàng tiêu dùng, người thì giao dịch ngành năng lượng. Người nào không thể thích nghi và tự biến mình thành chuyên gia sẽ phải ra đi. Thời đại của chủ nghĩa chống tri thức ở SAC đã chấm dứt.

Sự chuyển biến này mở cánh cửa cho một giống loài mới ở công ty: những tay khôn khéo, quan hệ rộng, tốt nghiệp chuyên ngành từ các trường Ivy League. Để tái thiết công ty, Cohen bắt đầu cuộc săn người.

Ông tuyển dụng một giao dịch viên chuyên cổ phiếu công nghệ tên là David Ganek, con trai của một giám đốc quỹ đầu tư giàu có, người từng đi đầu hành phòng kinh doanh chênh lệch giá rủi ro^[49] ở ngân hàng đầu tư Donaldson, Lufkin & Jenrette. Ông chiêu mộ một giao dịch viên khác tên là Larry Sapanski, từ Morgan Stanley, người nổi tiếng là một nhà đầu tư xuất sắc trong lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt. Cohen bố trí cho những giao dịch viên mới mà ông nghĩ là giỏi nhất ở gần ông để ông có thể thấy họ đang làm gì. Khu vực này của sàn giao dịch đó nay trở nên nổi tiếng mang tên “đội hình sát thủ”^[50], cụm từ từng được dùng để mô tả đội hình xuất phát của đội bóng chày New York Yankees vào cuối những năm 1920, khi các cầu thủ như Babe Ruth và Lou Gehrig tạo thành đội bóng hay nhất trong lịch sử.

Một trong các nhân viên cũ của SAC xoay xử chuyển đổi được sang phong cách mới là một cựu cầu thủ bóng rổ đại học tên là Richard Grodin, người đã làm việc cho Cohen từ năm 1992. Khi Cohen hỏi anh xem anh muốn chuyên lĩnh vực nào, Grodin ngay lập tức chọn công nghệ - cụ thể là các hãng sản xuất linh kiện bán dẫn. Với Grodin, công nghệ đồng nghĩa với tăng trưởng và các sản phẩm mới và đầy rẫy các cơ hội giao dịch. Anh ta tin rằng mình có thể phân tích ngành vi mạch trên khía cạnh chuỗi cung ứng, sự phụ thuộc lẫn nhau của các công ty sản xuất linh kiện cho các sản

phẩm máy tính và điện thoại di động. Nếu thấy một công ty trong dây chuyền làm không tốt, ta có thể suy luận về tất cả các công ty khác trong dây chuyền đó. Tuy nhiên, thông tin này không dễ có. Hầu hết các công ty đóng ở châu Á, khiến giới đầu tư ở Mỹ khó tiếp cận.

Ngoài công việc, Grodin được biết tới là một gã quảng giao, hơi ngờ nghệch, thích cò bạc và dễ cười. Nhưng những ai tương tác với anh ta lúc thị trường mở cửa lại thấy khiếp sợ. Anh ta “chắc chắn là kẻ háms lợi nhất mà bạn có thể gặp,” một đồng nghiệp nói. “Hắn sẽ bán bà nội của mình để lấy năm xu.”

Chiến lược đầu tư vi mạch của Grodin tỏ ra hiệu quả. Anh ta chịu trách nhiệm cho một lượng tiền tương đối nhỏ, thường từ 30 tới 40 triệu đô la, nhưng lợi nhuận của anh ta là 30% hoặc hơn, tức là mức cao nhất ở công ty trên cơ sở đã đi đầu chnh rủi ro. Dầu vậy, anh ta vẫn là nỗi thất vọng với Cohen. Không chỉ vì anh ta giữ chặt các thông tin mình có, Cohen còn tin rằng Grodin sẽ kiếm được nhiều hơn nữa nếu anh ta đặt cược lớn hơn. Anh ta chính xác là kiểu người mà tiến sĩ Kiev có thể giúp đỡ, nếu Grodin đồng ý. Rắc rối là Grodin thiếu gien liêu lĩnh cho phép Cohen chấp nhận những rủi ro cực lớn mà không hề lo lắng. Grodin ghét khả năng bị mất tiền.

Cohen để Grodin ng ỡi ghế cạnh ông để có thể theo dõi mọi việc anh ta làm. Vì thế, Grodin có thói quen thì thầm các lệnh đặt của mình cho nhân viên giao dịch để Cohen không thể nghe thấy. Anh ta biết rằng nếu anh ta cố gắng mua 50.000 cổ phiếu nào đó, Cohen có thể ra lệnh mua 100.000 cổ phiếu đó trước, đẩy giá lên trước khi anh ta có thể tự mua. Các giao dịch viên của Grodin luôn căng tai ra để nghe anh ta nói, và khi họ yêu cầu anh ta nhắc lại, Grodin sẽ hét lên: “Các người điếc lòi ra hết cả à? Lũ ngu!”

Grodin đã không thể đặt được lệnh mua bán nào mà không có người hợp tác quan trọng nhất của mình, chuyên viên phân tích Richard Choo-Beng Lee.

C. B. Lee là một gã trâm tính, lôi thôi, với đôi mắt đen, mũi rộng, tẹt, và cái bụng hơi nhô ra từ thắt lưng. Anh ta trông không giống một tay chuyên nghiệp dày dặn kinh nghiệm có khả năng làm cho những người xung quanh kiếm được hàng triệu đô la trên thị trường chứng khoán. Nhưng không ai có quan hệ với các hãng sản xuất công nghệ ở châu Á tốt như anh ta. Lee đi lại liên tục, khắp thế giới, để thăm những hãng sản xuất vi mạch và thu thập những chi tiết giá trị về việc làm ăn của họ. Thông tin mà anh ta thu thập được rất quý giá.

Kết quả là Lee rất nổi tiếng trong các văn phòng của SAC. Mọi người, nhất là Cohen, muốn tiếp cận các báo cáo của anh ta, nhưng Grodin không thích chia sẻ chúng. Grodin đã chiêu mộ Lee từ một công ty môi giới tên là John Hancock Securities, nơi Lee làm nhà phân tích sau khi nhận bằng kỹ sư từ Đại học Duke, b ồi dưỡng anh ta ở SAC. Sử dụng “các điểm dữ liệu” của Lee, như cách anh ta gọi, Grodin sẽ lập công thức một cách có phương pháp về một giao dịch và nhanh chóng kiếm được lợi nhuận, thường không quá lớn. Cohen thích cách tiếp cận hiệu chiến hơn. Nếu một giao dịch có vẻ tốt, Cohen nghĩ ta nên đánh cược lớn hết mức có thể.

Thường nảy sinh xung đột trong việc giành quyền tiếp cận nghiên cứu của Lee, và những lần to tiếng giữa Cohen và Grodin bùng nổ ngày càng thường xuyên. Bất gặp Grodin giao dịch dựa trên thông tin của Lee trước khi chia sẻ thông tin đó khiến Cohen nổi điên tới mức ông ra lệnh cho đội lập trình trong công ty thiết kế một hệ thống cho ông xem mọi lệnh giao dịch được nhập vào từ bất cứ nhân viên nào của SAC trước khi nó được

thực thi, cho phép Cohen nhập lệnh giao dịch của chính ông trước họ nếu muốn. Phần mềm mới được gọi là “thiên nhãn”.

Sau khi chịu đựng nhiều tháng liền bị Cohen soi mói hằng ngày, Grodin nghĩ ra một kế hoạch thoát khỏi ông. SAC duy trì một văn phòng vệ tinh ở Manhattan mang tên Sigma Capital Management, chiếm hai tầng của một tòa tháp tại đại lộ Madison. Grodin yêu cầu được chuyển nhóm giao dịch của mình tới đó trên cơ sở lập luận rằng anh ta sắp kết hôn và không muốn đi làm xa nữa. Cohen đã miễn cưỡng đồng ý.

Trở lại sống trong thành phố mang tới cho Grodin thêm chút tự do, nhưng tình hình đó không kéo dài. Không đầy một năm sau, vào tháng Một năm 2004, Cohen gửi cho Grodin một tin nhắn: “Richie, nhân đây, tôi muốn *cb* viết những ý tưởng cho năm nay, nếu không thì không có vốn.” Cho tới thời điểm đó, C. B. Lee đã chuyển nghiên cứu thị trường của anh ta cho Grodin theo những đường không chính thức, chủ yếu qua điện thoại hay các thư điện tử ngắn. Giờ Cohen đòi hỏi một bài trình bày chính thức hơn, một báo cáo mà ông có thể tự đọc và chuyển cho những người khác. Đó là phương pháp duy nhất Cohen có thể nghĩ ra để cố gắng đảm bảo rằng các giao dịch viên của ông trao cho ông thông tin giá trị nhất của họ trước bất kỳ ai khác.

Grodin ghét ý tưởng đó. “Để toàn công ty nhắn tin cho cả phố biết hả?” anh đáp.

“Vậy thì *thui* việc đi,” Cohen viết lại, một kiểu viết tin nhắn nổi tiếng hay sai chính tả của ông. “Quy định là chung cho tất cả mọi người. Cậu không thích, thì đã tới lúc sang trang. Tại sao người bên ngoài lại có được ý tưởng của *cb* còn tôi thì không? Thế là sai và cần phải sửa lại. Tôi đã quyết chuyện này và nếu cậu không vui vẻ thì cuộc sống vẫn tiếp tục

thôi.”

Grodin cố gắng thương lượng, hỏi Cohen tại sao ông lại bỗng nhiên cứng nhắc như thế sau ngần ấy năm làm việc với nhau. “Cb không viết ra các ý tưởng mà hẳn có điểm thông tin r ồi nếu chúng có lý thì tôi sẽ biến thành các thương vụ mà ông thấy,” Grodin viết.

“Không đủ,” Cohen đáp lại. “Tôi rất khó chịu khi mọi người không thấy có trách nhiệm phải thông báo cho tôi. Nên tôi cứ phải đoán chừng. Như thế là sai hoàn toàn.”

“Ok,” Grodin trả lời. Ngày hôm sau, anh ta nộp đơn xin thôi việc.

ooo

Nhu cầu tuyển dụng giao dịch viên và chuyên viên phân tích mới ở SAC là một thách thức liên tục, gần như không thể xử lý. Cohen đã tiếp cận mọi khía cạnh của cuộc đời ông như một giao dịch viên, và với các nhân viên của ông cũng không khác gì; trong nhiều năm, Cohen sa thải hàng chục người vì không mang lại lợi nhuận mà ông muốn. Những người khác, như Grodin, thấy chán nản và bỏ việc. Với các giao dịch viên, làm việc ở SAC giống như giật chốt một quả lựu đạn: đó không phải là câu hỏi *liệu* bạn có nổ tung hay không, mà là khi nào. Đó là nơi tạo ra nhiều sự nghiệp, và còn hủy hoại nhiều sự nghiệp hơn nữa.

Bất chấp môi trường rất căng thẳng, không hề thiếu những ứng viên háo hức. Mọi người đều muốn làm việc cho một quỹ phòng hộ, nhất là SAC. Tiền bạc có thể kiếm được ở đó lớn hơn nhiều so với bất kỳ nơi nào khác, và ngay cả ở một nơi bất an như SAC, bạn có thể nhanh chóng tiết kiệm được đủ tiền để sống thoải mái trong cả phần đời còn lại. Trách nhiệm tìm các ứng viên mới ở SAC thuộc về một nhóm táo bạo và hiếu

chiến do Solomon Kumin đứng đầu, giám đốc phát triển kinh doanh của công ty. Sol là một người bán hàng bẩm sinh. Anh ta là cựu cầu thủ bóng vợt của Đại học Johns Hopkins với sở thích là áo phông polo nhiều màu sắc và có sức hút lớn tới mức được so sánh với Bill Clinton. Anh ta gọi mọi người mình gặp là “bạn hiên” và sống một cuộc đời khoa trương, luôn đi lại bằng máy bay cá nhân và đánh cược cược lớn trong thể thao. Biệt danh của anh ta là “Vua Midas”.

Việc của Kumin là tìm kiếm những giao dịch viên giỏi nhất ở Phố Wall; đôi khi anh ta theo dõi sự nghiệp của họ hàng năm trời trước khi tiếp cận. Khi ngày càng nhiều quỹ phòng hộ mọc lên, cuộc cạnh tranh tìm kiếm nhân tài trở nên gay gắt. Đặc biệt có hai quỹ, Citadel Investment Group do Ken Griffin thành lập ở Chicago, và Millennium Management do Israel “Izzy” Englander đi đầu hành ở New York, thường tìm cách chiêu mộ cùng những giao dịch viên như SAC. Cả hai quỹ có mô hình giống với SAC, với hàng trăm giao dịch viên thực hiện các khoản đầu tư ngắn hạn được kỳ vọng sẽ chịu ảnh hưởng từ một sự kiện nào đó.

Một đi đầu mà SAC tìm kiếm ở những giao dịch viên mới là mối quan hệ cá nhân của họ với những người làm việc ở các công ty đại chúng có thể mang lại thông tin tình báo giá trị. Nếu một ứng viên tiềm năng từng đi nghỉ hè ở Hamptons với giám đốc đi đầu hành một công ty Internet chẳng hạn, đi đầu này sẽ được ghi nhận trong hồ sơ. Bạn bè, anh em ruột thịt, bố vợ và các bà vợ đi đầu có thể rất giá trị khi cần lấy thông tin.

Vào cuối năm 2004, một nhân viên trẻ đầy tham vọng tiếp cận Cohen với một ý tưởng: sẽ ra sao nếu họ phát triển một đơn vị mới riêng có ở SAC, một nhóm giao dịch được thúc đẩy bởi nghiên cứu chuyên sâu? Ý tưởng là các giao dịch viên tập trung vào phát triển kiến thức chuyên môn

của ngành nghề, theo mô hình của nhà đầu tư nổi tiếng Warren Buffett, người đã mua những cổ phần lớn ở các công ty và giữ chúng hàng thập niên thông qua hãng đầu tư Berkshire Hathaway cực kỳ thành công của ông. Lấy ví dụ, họ sẽ không bận tâm tới những biến động giá chứng khoán nhỏ lẻ khi các công ty công bố lợi nhuận hằng quý, và kết quả là công ty sẽ ít phụ thuộc vào Cohen và trực giác của ông hơn trong những kiểu giao dịch như thế. Các giao dịch viên và nhà phân tích mới này sẽ trở thành người có thẩm quyền với các công ty mà họ đang nghiên cứu. Sau hàng loạt cuộc họp, nhân viên đã đề xuất ý tưởng, một giám đốc ngoài hai mươi tuổi tên là Matthew Grossman, đã vạch ra tầm nhìn với Cohen. Anh ta gọi nó là “bộ phận quan trọng nhất” của SAC. Mục đích của đơn vị mới, như Grossman giải thích, sẽ trở thành quản lý chính danh mục đầu tư của Cohen, xứng đáng được xử lý bởi những người giỏi nhất trong công ty. Họ sẽ chiêu mộ hàng loạt chuyên viên phân tích và giao dịch viên mới để đưa vào đơn vị đó, và nó sẽ trở thành lực lượng tương đương như Navy SEAL^[51] của công ty.

Cohen thấy hấp dẫn. Đó thật sự là một sự mở rộng so với những gì ông đang cố gắng làm. Ý tưởng này thu hút với cảm nhận của ông về sự phù hoa ở chỗ nó khiến ông cố vẽ giống một người có viễn kiến hơn là một kẻ chỉ đi tìm lợi nhuận. Ngay cả những người phản đối Phố Wall nhìn chung vẫn ngưỡng mộ Warren Buffett, người nhận được cuộc gọi từ cả các chủ tịch ngân hàng và bộ trưởng Tài chính hàng tìm kiếm sự tư vấn của ông. Và lại đơn vị nghiên cứu cũng khiến việc làm ăn có lý hơn. SAC lúc này đang quản lý hàng tỉ đô la; một cách tiếp cận có tính nghiên cứu, dài hạn là đi đầu khôn ngoan. Cohen thích Grossman, vốn nổi trội và phát triển sớm. Anh ta theo học Deerfield Academy, một trường nội trú của giới tinh

hoa ở Massachusetts, và học đại học ở Columbia, rồi xoay xở kiếm cho mình được một chỗ tập sự ngay khi còn đi học - người đầu tiên làm được như thế - tại quỹ phòng hộ tiên phong Tiger Management của Julian Robertson. Grossman đã ở SAC từ năm 2002.

Trước khi sắp trở nên quá phấn khích, Grossman đã nói với Cohen rằng anh ta có ba điều kiện trước khi đồng ý giúp xây dựng nhóm mới: nếu nhóm mới không hiệu quả, anh ta sẽ được trao công việc giám đốc danh mục đầu tư; anh ta sẽ được trả một tỉ lệ phần trăm dựa trên thành tích chung của nhóm mới; và anh ta sẽ có quyền hạn ở SAC như Cohen - cụ thể là tất cả mọi người ở SAC phải biết rằng một chỉ thị từ Grossman cũng quan trọng như từ chính Cohen. Trước sự ngạc nhiên của nhiều người ở SAC, Cohen bảo Grossman cứ tiến hành.

Những đồng sự của Grossman sững sốt khi thấy Cohen trên thực tế đã nhận mệnh lệnh từ tay mới nổi trẻ măng của ông. Các nhân viên ở SAC chưa bao giờ thấy đi đâu gì như thế.

Trong khi Cohen có vẻ say mê Grossman, hầu hết mọi người ở SAC không thích anh ta. Biệt danh của anh ta trong văn phòng là “Milhouse”, theo tên nhân vật phụ kiểu một sách của Bart Simpson trong phim *The Simpsons*, dù tay Milhouse này là một người theo chủ nghĩa hoàn hảo, hẳn sẽ la mắng những nhân viên khác bởi các sai sót lặt vặt hay những cơ hội bị bỏ lỡ, rất giống cách Cohen làm. Grossman biết anh ta không được quý mến, và đi đầu đó chẳng làm anh ta bận lòng. Anh ta nói với một số đồng nghiệp mà anh ta không hòa hợp lắm rằng việc anh ta “thiếu những kỹ năng con người” xuất phát từ thực tế là anh ta đã bị bắt nạt ở trường cấp hai và chịu nhiều đau khổ vì vụ ly dị đầy khủng hoảng của cha mẹ. Dẫu vậy, chẳng rõ vì lý do gì, anh ta tỏ ra bất lực trong việc thay đổi cách cư xử

với các thuộc cấp. Khi Grossman bước vào căn phòng đầy người, mọi người sẽ rơi vào im lặng ngay lập tức. Anh ta sẽ sớm kiếm được hơn 10 triệu đô la mỗi năm, trước cả khi bước sang tuổi 30. Anh ta chuyển tới Greenwich và mua một chiếc Aston Martin màu xanh da trời, một phiên bản nâng cấp trị giá 269.000 đô la của chiếc xe thể thao của Anh đã xuất hiện trong bộ phim James Bond *Goldfinger*. Anh ta thỉnh thoảng đề nghị lái xe chở các giao dịch viên mà SAC đang cố gắng tuyển dụng đi lòng vòng để dụ dỗ họ gia nhập công ty.

Sau khi Cohen nói anh ta cứ làm tới, Grossman đã biến mất khỏi văn phòng suốt một ngày mà không nói với ai mình đi đâu. Anh ta trở lại với một kế hoạch kinh doanh cho đơn vị đầu tư mới của mình. Nó sẽ được gọi là “CR Nội bộ”. Chữ “CR” là viết tắt của “Cumulative Return”^[52].

ooo

Thị trường các tác phẩm nghệ thuật chào mời một cách chuyên hóa của cải thành một hình thức hấp dẫn đầy sức ảnh hưởng và quyền lực. “Thậm chí làm một tỉ phú cũng chẳng còn gì hay ho nữa - coi nào, có tới hai trăm người như thế,” như lời Loïc Gouzer, một chuyên gia về nghệ thuật đương đại ở nhà đấu giá Christie’s New York. “Nhưng nếu vẫn gã đó mua một bức tranh, bỗng nhiên việc này đặt gã vào một giới hoàn toàn mới... Họ bước lên một đẳng cấp khác. Họ sẽ gặp các họa sĩ, họ sẽ gặp những người trong giới công nghệ. Đó là con đường nhanh nhất để trở thành một tên tuổi tầm cỡ quốc tế.” Cohen theo dõi một số nhân viên của ông chuyên hóa danh tiếng của họ bằng cách tích lũy những bộ sưu tập nghệ thuật xa xỉ mỗi khi từng quỹ niên bổng của bảo tàng mới được đưa tin trên các trang mạng xã hội.

Nhân viên giao dịch của ông, David Ganek, đã sưu tầm nghệ thuật từ khi còn học đại học, khi anh ta và vợ bắt đầu ghé thăm các phòng tranh và xưởng vẽ nhỏ của các họa sĩ không mấy tiếng tăm. Ganek kiếm được cả một gia tài sau khi thị trường công nghệ đổ vỡ năm 2000: anh ta đã bán khổng lồ gần như toàn bộ danh mục của mình, và hướng rất nhiều nguồn tiền mới vào sưu tập nghệ thuật ở một mức độ khác. Vào lúc anh ta trở thành một trong những giao dịch viên thành công nhất của Cohen, có vẻ như Ganek đã dành toàn bộ thời gian rảnh đi đấu giá các tác phẩm nghệ thuật đương đại của những nghệ sĩ nổi tiếng thế giới như Jeff Koons và Cindy Sherman. Nếu bạn, anh ta để thư ký giữ chỗ cho mình trên điện thoại trong những cuộc đấu giá ở Christie's và đặt lệnh mua thay.

“Đừng chi nhiều hơn 750.000 đô la cho bức đó,” Ganek sẽ nói với cô thư ký, trước khi biến mất để thực hiện một giao dịch.

Cohen thấy ấn tượng, và ghen tị. Mọi người ngưỡng mộ Ganek vì gu nghệ thuật của anh ta. Dù Cohen đã có được vài bức tranh sau nhiều năm, ông chưa bao giờ nghĩ mình là một “nhà sưu tập”. Ông biết rằng với một tay giao dịch sáng láng, việc mua và bán các tác phẩm nghệ thuật không chỉ có triển vọng củng cố uy tín của anh ta, mà còn giúp anh ta kiếm được nhiều tiền.

Các tay môi giới nghệ thuật và các phòng tranh ở New York hoạt động theo một bộ quy tắc hạn chế, và không phải với ai họ cũng làm ăn, dù cho người đó có bao nhiêu tiền đi nữa. Bạn không thể đơn giản bước vào một phòng tranh và viết một tấm séc cho một bức tranh của Monet^[53] để treo trên tường căn hộ tầng áp mái của bạn. Những người gác cổng của thế giới nghệ thuật hiểu rằng sự khác biệt trong các sản phẩm của họ phụ thuộc vào việc không để cho những giám đốc quỹ phòng hộ giàu có từ

Greenwich mua bất cứ thứ gì họ muốn. Theo một nghĩa nào đấy, đó là một hình thức phân biệt đối xử, nhưng đấy cũng là kinh tế thị trường đơn giản: để tạo ra cầu, bạn cần kiểm soát cung. Đáp lại, các nhà sưu tập Phố Wall cần thuê đúng người giới thiệu để đẩy họ ra đứng phía đầu hàng đợi.

Với Cohen, người đó là Sandy Heller, một người bạn thời thơ ấu của Michael Steinberg, một trong những giao dịch viên lâu năm của Cohen. Nhiều người trong thế giới nghệ thuật ở chỗ riêng tư coi Heller là một kẻ cơ hội, nhưng không ai phủ nhận anh ta được tiếp cận những người mua nghệ thuật ở trên đỉnh của thước đo kinh tế. Anh ta chuyên làm việc với khách hàng như Cohen, những người giàu có không hiểu sự rối rắm của thế giới nghệ thuật. Anh ta bắt đầu tới những phòng tranh với Cohen, đề xuất những cách thức để ông xây dựng một bộ sưu tập, kiên nhẫn mở mang cho ông trở thành một người sành sỏi. Với Cohen, đó là một quá trình mê đắm. Khi ông đã chi hàng triệu đô la cho một tác phẩm: trả 8 triệu đô la cho một con cá mập lơ lửng trong 4.360 gallon^[54] formaldehyde của nghệ sĩ Damien Hirst^[55] chẳng hạn, thương vụ đó đã trở thành tin tức. Nhưng chuyện đó không chỉ là phù phiếm. Cohen cũng nhen nhóm một tình yêu thực sự với nhiều tác phẩm mà ông đã mua. Ông tự hào với việc chỉ mua những tác phẩm hay nhất, chất lượng tốt nhất.

Khi một bức họa của Picasso tên là *Le Rêve* (Giấc mơ) được rao bán mùa thu năm 2006, đó là cơ hội để đưa bộ sưu tập của ông lên một đẳng cấp mới. Cohen hoàn toàn bị chế ngự bởi khát khao sở hữu bức *Le Rêve* ngay khi ông thấy nó. Một bức chân dung diêm lệ vẽ người yêu trẻ tuổi của Picasso, Marie-Thérèse Walter, đang ngủ trên chiếc ghế bành, bức họa được vẽ năm 1932 khi Picasso 50 tuổi, một kiểu khiêu dâm nhẹ trong tông màu ngọc. Năm 2001, ông trùm sòng bạc Steve Wynn đã mua lại từ một

nhà sưu tập từng trả 48,4 triệu đô la cho bức họa vào năm 1997. Rồi năm năm sau, ông ta đã quyết định rằng mình muốn bán nó. Ngay khi Cohen nghe tin, ông đã cử một cố vấn nghệ thuật bay tới California để xem bức tranh và đánh giá tình trạng của nó.

Cố vấn của Cohen kiểm tra kỹ lưỡng bức tranh và viết một báo cáo xác nhận rằng nó ở trong tình trạng tốt. Một thỏa thuận được xác lập, theo đó Cohen đồng ý trả 139 triệu đô la cho bức tranh. Rồi vào cuối tuần tiếp theo, Wynn tổ chức một bữa tiệc cốc-tai ăn mừng.

Wynn và vợ, Elaine, có một nhóm bạn những người nổi tiếng sắp tới thăm từ New York, trong đó có Nora Ephron^[56], Nicholas Pileggi^[57], Barbara Walters^[58] và cặp vợ chồng luật sư đầy quyền lực David và Mary Boies. Wynn không thể cưỡng lại việc khoe khoang về thỏa thuận xác lập kỷ lục mà ông ta vừa đạt được với Cohen. “Đây là khoản tiền lớn nhất từng được trả cho một bức tranh,” Wynn nói với họ, cho biết thêm nó vượt qua kỷ lục trước đó là 135 triệu đô la mà Ronald Lauder đã trả cho bức *Chân dung Adele Bloch-Bauer I* của Gustav Klimt^[59].

Wynn mời bạn bè tới xem bức tranh của Picasso ở văn phòng, trước khi nó biến mất vĩnh viễn vào biệt điện của Cohen tại Greenwich. Bức tranh sẽ được treo trên cùng bức tường với một bức tranh của Matisse^[60] và một của Renoir^[61]. Wynn bắt đầu giải trí cho khách khứa của mình bằng những giảng giải về tính chất khiêu dâm của *Le Rêve*, rằng một phần đầu của Marie-Thérèse thực ra tạo thành hình dáng dương vật, và rằng bức tranh này từng thuộc về các nhà sưu tập Victor và Sally Ganz, những người đã gom góp được một bộ sưu tập nghệ thuật lừng lẫy trong căn hộ của họ ở Manhattan vào những năm 1940 và 1950. Vào lúc Wynn mải nói, ông bỗng nhiên lùi lại và đập cùi chỏ tay phải qua khung tranh. Tiếng tranh

rách toạc “kinh hoàng” vang lên, như Ephron sau này nhớ lại. Cả căn phòng bỗng chùn trong im lặng.

“Tôi không thể tin được mình đã làm thế,” Wynn nói khi những vị khách của ông đứng nhìn kinh hãi. “Thôi chết rồi, trời ơi.”

Wynn cố gắng vớt vát. “Tôi mừng là tôi đã làm chuyện đó chứ không phải các bạn,” ông ta nói với bạn bè. “Đó là một bức tranh, bức tranh của tôi, chúng ta sẽ sửa nó. Không ai ốm đau hay phải chết. Đó là một bức tranh. Picasso chỉ mất năm giờ vẽ nó.”

Ngày hôm sau, ông ta gọi cho William Acquavella, người môi giới nghệ thuật của ông ở New York, đã phản ứng như thế vừa nghe về một người anh ta quan tâm bị sát hại. “Khôôôông!” anh ta hét lên. Ngay sau đó, vợ của Wynn, Elaine, lên máy bay riêng tới New York cùng bức tranh đã hư hại. Một chiếc xe tải bọc thép đợi họ ở sân bay và chở họ về phòng tranh của Acquavella, tại một căn nhà phố ở đường Bảy Mười Chín khu Đông. Cohen gặp họ ở đó. Ông muốn tự mình xem những hư hại. Dù Wynn nuôi chút hy vọng rằng bức tranh sẽ được phục chế, họ nhất trí rằng hiện tại vụ bán tranh coi như đổ bể.

Cohen thất vọng đầy cay đắng. *Le Rêve* sẽ phải đợi.

ooo

Tìm người làm việc ở CR Nội bộ, đơn vị mới của SAC, là việc chính của Sol Kumin. Những tay giao dịch mới phải có không chỉ một hồ sơ công việc tốt; họ phải thông minh và có kiến thức chuyên sâu trong ngành của mình, và những người đó không dễ tìm.

Kumin nghe được về một giám đốc danh mục có vẻ hứa hẹn, một

chuyên gia công nghệ sinh học ở một quỹ phòng hộ nhỏ mang tên Sirios Capital Management, tại Boston. Ngành công nghệ sinh học đang bùng nổ, với hàng tá công ty cạnh tranh tạo ra những loại thuốc mới với tiềm năng kinh tế cực lớn. Hiểu được những gì tất cả các công ty đó đang làm không dễ dàng. Chàng thanh niên trẻ tỏ ra sự thông thái nghiêm túc, bí ẩn, như thể anh ta là một bác sĩ phẫu thuật hay một nhà nghiên cứu y khoa chứ không chỉ là một người đầu tư vào các công ty y học. Anh ta mới lấy bằng MBA từ Trường Cao học Kinh doanh Stanford (Stanford Graduate School of Business), một trong những trường kinh doanh hàng đầu trong nước. Tên anh ta là Mathew Martoma.

“Anh có sẵn lòng xem xét làm việc ở SAC không?” Kumin hỏi.

Martoma không chắc. Giống như mọi người trong ngành, anh ta đã nghe những câu chuyện về SAC và không chắc mình có hợp với nền văn hóa căng thẳng ở đó không. Anh ta khá trầm tĩnh và nhã nhặn, không phải kiểu người xử lý tốt xung đột công khai. Dầu vậy, một khía cạnh trong công việc rất hấp dẫn - tiềm năng.

Kumin trình bày các chi tiết. Martoma sẽ có một danh mục khoảng 400 triệu đô la để đầu tư, vào khoảng trung bình xét theo quy mô của công ty. Anh ta cũng được đảm bảo sẽ nhận hơn 17% lợi nhuận tạo ra được trong danh mục của mình, cùng phần lợi nhuận mà Cohen kiếm được dựa vào các ý tưởng mà Martoma đưa ra. Chỉ cần có lợi nhuận 15% cho tới cuối năm, anh ta sẽ kiếm được hơn 10 triệu đô la. Gần như không quỹ phòng hộ nào đề nghị một thỏa thuận rộng rãi như thế. Thêm nữa, anh ta sẽ thuộc về nhóm nghiên cứu mới của SAC, làm việc với những người tài năng nhất trong công ty.

Ở nhà tối hôm đó, Martoma đã tranh luận về đề nghị công việc này với

vợ, Rosemary. Cô là một bác sĩ, và cô tham gia vào mọi quyết định của chồng. Họ đã kết luận, dựa trên lương bổng và uy tín làm việc cho một trong những quỹ phòng hộ nổi tiếng nhất ngành, đó là một công việc đáng đeo đuổi. Ngày 2 tháng Sáu năm 2006, SAC gửi cho Martoma thư mời việc chính thức. Thư bao gồm khoản lương cơ bản 200.000 đô la và khoản thưởng thêm 2 triệu đô la khi ký hợp đồng. Kumin ghi chú trong một báo cáo nội bộ rằng Martoma có những nguồn thông tin tuyệt vời trong thế giới công nghệ sinh học, bao gồm một mạng lưới các bác sĩ “ngay tại hiện trường”. Martoma đã ký thư đồng ý và gửi lại. Nếu đủ thông minh, cả gia đình anh ta sẽ không ai phải đi làm nữa.

Martoma là người Mỹ thế hệ đầu tiên, con trai của những người nhập cư từ Ấn Độ đã được nuôi dạy tôn trọng và kính sợ cha mẹ. Địa vị xã hội, đạt được thông qua thành tích giáo dục và các định chế tên tuổi, là một nỗi ám ảnh với gia đình, cùng lòng tin rằng, là những người mới tới Mỹ, họ phải làm việc chăm chỉ hơn những người Mỹ khác để tìm được sự an toàn về tài chính. Nền văn hóa của họ là nền văn hóa mà mọi người được giới thiệu bằng bản lý lịch dài dặc những thành tích và bằng cấp, bao gồm số phần thưởng ở trường mà họ đã giành được từ hồi lớp hai. Ngoài việc khiến anh trở nên giàu có, SAC sẽ bổ sung một dòng nữa vào bản lý lịch lấp lánh này.

Mùa hè đó, Martoma chuyển gia đình tới một căn hộ ở Stamford, Connecticut, và bắt đầu thích nghi với môi trường làm việc cạnh tranh mới. Rosemary, mang bầu đứa con thứ hai, quyết định dành hết thời gian cho việc làm mẹ và bạn đời của Martoma thay vì tiếp tục làm bác sĩ nhi khoa. Cô là một người thành đạt sớm, giống như chồng mình, và cô coi trọng công việc của anh như thể việc của chính cô, đưa ra những lời

khuyên liên tục cho anh. Martoma đã quyết tâm sẽ làm tốt. Anh phù hợp hoàn hảo với hình ảnh SAC mới mà Grossman đã mừng tượng. Martoma là một người tư duy, không phải một kẻ la hét, với những bằng cấp thích hợp.

Theo một nghĩa nào đó, Martoma đang tái hiện những động lực thời thơ ấu của mình ở công ty mới, cố gắng làm hài lòng những bậc phụ huynh đòi hỏi - Cohen và Grossman. Anh trở lại với thói quen làm việc từng có khi còn ở trường trung học, cố gắng đạt điểm cao nhất trong lớp. Anh bắt đầu làm việc lúc 4 giờ sáng để tập trung vào các thị trường chứng khoán châu Âu và về nhà sau khi thị trường ở Mỹ đã đóng cửa để giúp Rosemary tắm rửa lũ trẻ và cho chúng đi ngủ. Rồi anh sẽ thức tới khuya làm thêm một ca nữa, đọc các báo cáo nghiên cứu trong khi vợ ngủ ngay bên cạnh. Có cảm giác khẩn cấp với công việc của mình. Anh hối hả tìm kiếm một giao dịch chiến thắng.

Y tế là một trong những lĩnh vực sôi động nhất, khó đoán nhất, và đôi khi có lợi nhuận cao nhất trên thị trường chứng khoán, nơi các công ty trong những ngành chịu quy định ngặt nghèo đang cố gắng tạo ra và tiếp thị các sản phẩm nhằm cứu mạng người. Việc phát triển thuốc và các nghiên cứu y tế khác tiêu tốn hàng tỉ đô la nguồn lực. Mỗi lần thử nghiệm một loại thuốc mới là một canh bạc, tạo ra một thị trường biến động mạnh với chứng khoán của các công ty. Đó là một trong những lĩnh vực giao dịch ưa thích nhất của Cohen.

Vào lúc bắt đầu làm việc ở SAC, Martoma đã để ý sát sao tới hai công ty, Elan Corporation và Wyeth, vốn đang thử nghiệm một loại thuốc trị Alzheimer mới tên gọi bapineuzumab, hay rút gọn là “bapi”. Phát triển loại thuốc này đắt đỏ tới mức hai công ty phải phối hợp với nhau để giúp bù

trừ chi phí trong nhiều năm nghiên cứu và thử thuốc. Bệnh Alzheimer là mối quan tâm lâu dài của Martoma, từ thời anh còn là sinh viên đại học ở Duke, khi tình nguyện làm việc trong bộ phận hỗ trợ người bị bệnh Alzheimer thuộc trung tâm y tế của trường, và anh cảm thấy loại thuốc cụ thể này có triển vọng đáng kể. Nói một cách tối giản, bapi được thiết kế để cải thiện một loại thuốc trước đó trị Alzheimer, AN-1792, vốn đã phải rút lui khỏi các thử nghiệm bởi gây phù não ở người bệnh. Bapi có cấu trúc ít phức tạp hơn và đã cho thấy hiệu quả trong nghiên cứu ở động vật. Martoma nghĩ nó có thể trở thành một thành công thương mại lớn, và anh muốn tìm hiểu mọi thứ có thể về khoa học đằng sau nó và công tác hậu cần cho các cuộc thử thuốc.

Để làm điều đó, anh dự định tận dụng mọi nguồn lực mà anh tiếp cận được, trong đó ở SAC có một số công ty cung cấp dịch vụ nghiên cứu giá cao. Một công ty cụ thể khiến anh đặc biệt quan tâm, Gerson Lehrman Group, vốn là một công ty “mạng lưới chuyên gia” hay “ghép đôi”. Những ghép đôi mà công ty thực hiện là giữa các nhà đầu tư Phố Wall như Martoma và những người làm việc bên trong hàng trăm công ty niêm yết khác nhau, những người chịu trách nhiệm đặt hàng các phụ tùng mới cho xe tải hay những người mua cho các chuỗi bán lẻ có thể cung cấp tri thức về ngành nghề của họ, đối thủ cạnh tranh của họ, hay thậm chí là công ty của chính họ. Những nhà đầu tư trả cho GLG một khoản phí để kết nối họ với nhân viên các công ty này, những người này tới lượt họ được trả rất hậu hĩnh - đôi khi lên tới 1.000 đô la cho một giờ hoặc hơn - để trò chuyện với giới đầu tư. Nhân viên các công ty này được cho là chỉ chia sẻ những thông tin đã công khai cho dư luận, để tránh vi phạm pháp luật. Hay ít ra ý tưởng là như thế.

Tới những năm 2000, sau nhiều năm bị nhà chức trách theo sát, hầu hết các giao dịch viên đã trở nên thận trọng về các thông tin thâm tócm và sáp nhập nhạy cảm. Vụ Michael Milken đã dạy cho những tay giao dịch tránh mua các cổ phiếu của những công ty ngay trước khi các vụ thâm tócm được công bố; những biến động lớn về giá chứng khoán ngay trước các vụ thâm tócm được công bố thường thu hút sự chú ý của SEC. Dầu vậy, giới đầu tư vẫn khát khao có được thông tin có thể cung cấp cho họ một lợi thế, và họ nỗ lực rất lớn để có được thông tin đấy. Những nhà phân tích ở các quỹ phòng hộ theo dõi bãi đậu xe của các trung tâm mua sắm và cử người tới Trung Quốc để theo dõi các xe tải ra vào kho hàng của một nhà máy, tìm kiếm những hiểu biết độc nhất về việc các công ty đang hoạt động ra sao. Người ta hiểu rằng thông tin đã được công khai, như hồ sơ của một công ty ở SEC hay báo cáo doanh thu, về cơ bản là vô dụng cho các mục đích giao dịch cổ phiếu.

Thay vì thế, trong những năm kể từ sau vụ Milken, giới đầu tư ngắn hạn đã hướng sự chú ý vào các báo cáo doanh thu hằng quý, đặc biệt là của những công ty trong các lĩnh vực công nghệ và khoa học, nơi giá chứng khoán có thể thay đổi đột ngột sau khi các kết quả này được công khai. Thiết lập giao dịch hợp lý đón trước báo cáo thu nhập của một công ty trở thành một chiến lược đem lại lợi nhuận khó tin, nhưng đi đầu đó chỉ hiệu quả nếu bạn có thông tin tốt về lợi nhuận *trước khi* chúng được công bố.

Như thế, có được thông tin tình báo về lợi nhuận là đi đầu giới giao dịch viên quỹ phòng hộ tập trung vào. Họ quấy rầy các giám đốc đi đầu hành doanh nghiệp để xin những gợi ý về đi đầu có thể xảy ra. Liệu các kết quả của quý ba có đáng thất vọng? Liệu một tuyên bố lớn về kế hoạch tăng trưởng năm tới có sắp xuất hiện? Những tay giao dịch sử dụng bất cứ gợi

ý vụn vật nào mà họ thu thập được từ những tương tác này - từ “ngôn ngữ cơ thể” của tay giám đốc tài chính tới các chi tiết công khai do người có quan hệ với các nhà đầu tư cung cấp - để giao dịch chứng khoán. Vào năm 2000, SEC, quyết định rằng những trò vớ vẩn đó không tốt cho thị trường, đã thông qua quy định về công bố thông tin công bằng (Regulation Fair Disclosure), thường được gọi là “Quy định FD”. Quy định này cấm các công ty đại chúng đưa ra thông tin quan trọng về việc làm ăn của họ cho một số nhà đầu tư này mà không cho các nhà đầu tư khác. Sau khi quy định được thông qua, các công ty phải thông báo cho tất cả mọi người tất cả mọi chuyện cùng lúc qua những tuyên bố và thông cáo báo chí công khai. Điều này khiến việc thu được thông tin dễ hơn nhiều, nhưng cũng khiến thông tin kém hữu ích đi nhiều, vì mọi người ai cũng có. Các giao dịch viên phải tìm ra cách khác để đạt được ưu thế trên thị trường.

Các công ty như GLG xuất hiện để cung cấp lợi thế thông tin, bằng cách mời chào khả năng tiếp cận tới trung tâm điều hành hoạt động của công ty. Các giao dịch viên quỹ phòng hộ coi những công ty mạng lưới chuyên gia là một cách thức lấp đầy khoảng trống thông tin. “Chúng tôi nghĩ thật lố bịch khi ngành kinh doanh quỹ phòng hộ có nhiều thông tin như thế chỉ nhờ xin xỏ - ‘Liệu tôi có thể xin anh 15 phút được không?’ - khi mà họ chắc chắn sẽ trả tiền cho thông tin đó,” Mark Gerson, một trong những người sáng lập GLG, nói không lâu sau khi khởi sự công ty. “Chúng tôi chỉ nghĩ rằng nên có cách để hai phía kết nối với nhau.”

Tất nhiên, GLG yêu cầu các nhân viên công ty mà họ mời tham gia làm tư vấn không chia sẻ thông tin chưa được công khai với những khách hàng Phố Wall của họ. Nhưng những nhân viên này thường chỉ có hiểu biết mơ hồ về việc lẩn ranh nằm ở đâu. Mặt khác, những nhà đầu tư quỹ

phòng hộ biết chính xác họ đang tìm kiếm đi đâu và sẽ làm bất cứ chuyện gì có thể để đạt được đi đâu đó. Các nhân viên giao dịch của SAC yêu thích dịch vụ này và trả 1,2 triệu đô la cho phí dịch vụ hằng năm. Nó cho phép họ trao đổi với các nhân viên làm việc ở mọi cấp bậc của các công ty vầy tế, viễn thông, năng lượng và vô số lĩnh vực khác, những người mà tự họ không bao giờ tìm được hay thuyết phục được nói chuyện với họ. SAC là một trong những khách hàng tốt nhất của GLG.

Vào ngày 30 tháng Tám năm 2006, Martoma gửi cho GLG một danh sách 22 chuyên gia y tế mà anh có thể muốn trao đổi, tất cả những người đó liên quan tới các thử nghiệm lâm sàng bapineuzumab. “Có bác sĩ nào trong số đó trong bộ dữ liệu của quý vị không?” anh viết. “Tôi muốn tìm cho được sự tư vấn của tất cả bọn họ về bệnh Alzheimer và AAB-001. Với những người không thể tiếp cận, chúng ta có thể đặt vấn đề với họ không?”

Một bác sĩ trong mạng lưới của GLG đã hồi đáp anh.

“Tôi là Chủ tịch ủy ban Giám sát An toàn cho lần thử này,” viên bác sĩ viết trong thư hồi đáp yêu cầu của Martoma. “Dù tôi biết nhiều hơn thông tin đã được thông báo cho đại chúng, tôi có một thỏa thuận bảo mật và sẽ chỉ chia sẻ thông tin đã được công khai, tất nhiên là thế.”

Viên bác sĩ là một chuyên gia thần kinh đáng kính tuổi ngoài 70, một chuyên gia đầu ngành trong nghiên cứu Alzheimer hiện nắm giữ ghế chủ tịch có lương được trả bằng tiền niên bổng ở trường y Đại học Michigan. Tên ông là Sid Gilman.

PHẦN HAI

Chương 4

GIỐNG TRÒ CỜ BẠC Ở QUÁN CÀ PHÊ CỦA RICK

Số 26 Federal Plaza ở khu Hạ Manhattan là một tòa nhà thô ráp hình chữ nhật vây quanh là các hàng rào an ninh, nằm gần trụ sở tòa án và Tòa Thị chính. Michael Bowe hít một hơi sâu khi ông đẩy cánh cửa xoay, đặt chiếc túi của ông lên băng chuyền kiểm tra an ninh, và nói với người bảo vệ rằng ông tới làm việc với đội điều tra hiện trường New York của FBI. Sau đó ông đi qua máy quét toàn thân rồi tới thang máy.

Là một đối tác ở Kasowitz Benson Torres & Friedman, công ty luật chuyên về các vụ kiện thương mại, Bowe nổi tiếng bởi chuyên môn của ông trong các vụ lừa đảo tài chính. Ông là người Ireland, với đôi vai rộng, làn da đỏ hồng cùng đôi mắt xanh sáng, và có vẻ ngoài như thể thời trẻ từng đánh nhau khá nhiều trong các quán rượu, nhưng khi lớn tuổi hơn lại có sở thích về giày lười và áo len cashmere. Bây giờ là tháng Mười một năm 2006, và Bowe đang tham gia hai vụ kiện rối rắm, đại diện cho các công ty kiện SAC Capital và vài quỹ phòng hộ khác bị cho là đã thao túng giá cổ phiếu của họ. Mọi thứ trở nên thù địch tới mức có những cáo buộc từ mỗi bên bay thẳng vào thùng rác của bên kia. Bowe đã đi điều tra SAC và người sáng lập của hãng này được hai năm.

Một trong những vụ mà Bowe đang theo đuổi bắt đầu từ Biovail, một công ty sản xuất thuốc của Canada. Giá cổ phiếu Biovail đã lên xuống liên

tục khi các tin đồn lan đi ngoài thị trường rằng công ty đang liên quan tới một vụ lừa đảo về kế toán. CEO của công ty nói ông tin rằng những người bán khống ở một nhóm các quỹ phòng hộ đang câu kết với nhau và với các chuyên viên phân tích nghiên cứu chứng khoán để công bố những báo cáo tiêu cực về một số công ty nhất định, trong đó có Biovail, nhằm kéo giá cổ phiếu xuống.

Những người bán khống có tiếng xấu trên thị trường, như thế họ hàng của những con quỷ lùn thích thú với sự đau khổ của người khác. Sinh kế của họ phụ thuộc vào việc giá cổ phiếu giảm, biến họ thành kẻ thù tự nhiên của hầu hết những nhà đầu tư. Bán khống vô cùng rủi ro, với khả năng thua lỗ không giới hạn nếu một cổ phiếu cứ tăng giá, tới mức nói chung chỉ có những nhà đầu tư tinh vi nhất, như các quỹ phòng hộ, mới tham gia. Một cách tự nhiên, hầu hết các giám đốc doanh nghiệp coi việc bán khống là kẻ thù của câu chuyện có hậu mà họ đang cố gắng kể về công ty mình, vốn cũng hay có xu hướng thổi phồng. Vì lý do đó, những người bán khống đóng một vai trò tối quan trọng trên thị trường, là những nhân vật duy nhất có động lực tìm kiếm vấn đề ở các công ty đã niêm yết - chẳng hạn như lừa đảo kế toán - đi đâu có thể bị che đậy nhiều năm trời. Những người bán khống chính là những người đầu tiên vạch ra các vấn đề của Enron^[62].

Nhưng lĩnh vực này cũng đầy những cơ hội cho sự lạm dụng.

Khi lần đầu tiên Bowe ngồi cùng với CEO của Biovail, Eugene Melnyk, hai năm trước, vào năm 2004, ông đã nghi ngờ lập luận của Melnyk rằng công ty của ông là mục tiêu của một nhóm những kẻ bán khống nhắm tới việc ép giá cổ phiếu xuống. Nhưng ông được trả thù lao theo giờ, nên ông lắng nghe những gì Melnyk nói. Melnyk nghĩ rằng SAC

Capital Advisors đang lan truyền thông tin tiêu cực về Blovail trên thị trường, và ông muốn Bowe bắt đầu đi đầu tra cách thức quỹ này hoạt động. Cái tên SAC gần như chẳng có ý nghĩa gì với tay luật sư. Ông biết rõ ngành quỹ phòng hộ đang phôi thịnh, nhưng hiểu biết của ông về tiếng tăm của SAC và cách thức nó hoạt động gần như bằng không. Ông ngạc nhiên bởi ý tưởng một quỹ đầu tư tư nhân lại có thể gây kinh hoàng cho một CEO tỉ phú.

Một chút nghiên cứu sơ bộ đã dẫn tới một bài báo duy nhất đáng chú ý từng viết về SAC và Steven Cohen, một bài trên *BusinessWeek* đăng năm 2003 tựa đề “Người giao dịch quyền lực nhất Phố Wall mà bạn chưa bao giờ nghe tới”. Bài báo mô tả Cohen là một tay giao dịch trong ngày hiếu chiến, đang đi đầu hành một quỹ 4 tỉ đô la, người đã trả 150 triệu đô la mỗi năm phí giao dịch để được tiếp cận thông tin trước tất cả mọi người. Nêu bằng chứng cho việc SAC có vẻ luôn có mặt trong gần như mọi vụ tranh cãi ở Phố Wall, bài báo cho biết một ngày sau khi Sam Waksal, chủ tịch công ty công nghệ sinh học ImClone Systems, phát hiện ra đơn xin phép thông qua một loại thuốc ung thư của công ty ông đã bị từ chối, tròn 24 giờ đồng hồ trước khi thông tin được công khai, ông nhận được một cuộc gọi từ một nhân viên giao dịch của SAC được cho là đã chú ý đến biến động trong cổ phiếu của công ty mà không ai khác nhận ra. (Cuộc gọi từ SAC tới vài phút trước khi Martha Stewart cố liên lạc với Waksal, dẫn đến vụ giao dịch nội gián và bội ước khét tiếng của cô; không ai hồi đáp cuộc gọi của SAC.) Bài báo nói rằng Cohen là một trong mười khách hàng lớn nhất của Phố Wall xét trên phương diện hoa hồng giao dịch, và trích dẫn một người nói rằng ông ta “hoạt động cũng bí mật như Howard Hughes^[63]”.

“Tay Cohen này là gã quái nào thế nhỉ?” Bowe tự nhủ.

Thấy tò mò, Bowe và một điều tra viên ở công ty luật của ông bắt đầu xem xét các giả thuyết âm mưu của Melnyk. Khi Bowe hỏi người ở Phố Wall về những nhân vật quan trọng nhất trong ngành quỹ phòng hộ, tên của SAC liên tục xuất hiện. Mô hình kinh doanh của họ được mô tả là: họ trả tiền để biết đầu tiên.

Bowe đặt Cohen vào tầm ngắm, bố trí người theo Cohen khi đi làm và giám sát những người Cohen ăn trưa cùng. Điều tra viên của Bowe lưu ý rằng Cohen có vẻ luôn được vây quanh bởi đám vệ sĩ.

Ngày 23 tháng Hai năm 2006, Biovail đệ đơn kiện SAC, nêu tên Cohen và một số nhân viên của ông và cáo buộc họ thao túng cổ phiếu của Biovail. Danh sách bị đơn còn có cả Gerson Lehrman Group. Đơn kiện cáo buộc các giao dịch viên của SAC hợp tác với nhau để ép giá cổ phiếu Biovail xuống, từ mức gần 50 xuống còn 18 đô la Canada. Những cáo buộc này dựa trên ý kiến cho rằng Cohen quá quyền lực, và SAC là một thế lực lớn trên thị trường tới mức họ có thể yêu cầu những ngân hàng lớn mà SAC giao dịch mỗi ngày cho họ sự tiếp cận sớm với thông tin lẽ ra phải được công khai cho tất cả mọi người cùng lúc. “Để tối đa hóa ảnh hưởng đáng kể của SAC trên thị trường,” đơn kiện viết, “dưới sự chỉ đạo của Steven Cohen, SAC gây áp lực mạnh với các giao dịch viên, nhà quản lý và thuộc cấp để cho ra các tin tức tiêu cực bằng mọi giá.”

SAC và các bị đơn khác bác bỏ mạnh mẽ những cáo buộc này và lập luận rằng giá cổ phiếu Biovail rớt là do những vấn đề thực sự trong việc kinh doanh của hãng, vốn không phải là một nhận định vô lý. Dầu vậy, vụ việc vẫn tăng tốc, và SEC mở cuộc điều tra của riêng họ. Rồi xuất hiện tin tức công khai mà theo nhìn nhận của Kasowitz Benson thì giá trị hơn bất

cứ đi đâu gì Bowe có thể tự mình tạo ra: một tháng sau khi đơn kiện của Biovail được đệ trình, chương trình *60 Minutes* phát sóng một phóng sự về vụ kiện, gọi đó là “Đánh cược giá rớt”^[64], trong đó phân tích sâu vụ của Biovail. Chương trình cũng có quan điểm nghi ngờ cao độ việc kinh doanh của SAC.

Vào lúc chương trình lên sóng, thị trường chứng khoán đang lập những đỉnh mới mỗi ngày, trong khi thị trường bất động sản phình ra còn nhanh hơn nữa. Vào lúc quỹ hưu trí của những thế hệ trước đang bị hủy bỏ dần từng bước, người lao động Mỹ đổ tiền dành dụm cả đời vào thị trường chứng khoán với hy vọng rất cuộc sẽ đảm bảo được thời kỳ hưu trí của mình. Theo dõi chỉ số Công nghiệp Trung bình Dow Jones tăng mãi trở thành một nỗi ám ảnh toàn quốc.

60 Minutes làm rõ rằng, bất chấp cảm giác lan tỏa về sự giàu có ở nhiều nhà đầu tư, có đi đâu gì đó đây đe dọa ở ngoài kia. Tuy nhiên, đó không phải bong bóng nguy hiểm đang phình lên trong thị trường bất động sản; mối đe dọa là những kẻ bán khống ở các quỹ phòng hộ. Chương trình miêu tả Cohen là một giám đốc quỹ hùng mạnh ngự trên đỉnh một mạng lưới tài chính khổng lồ mà nhiều người Mỹ thậm chí không biết nó tồn tại. Cohen kín đáo tới mức CBS không thể tìm thấy bất cứ bức ảnh nào của ông ta để sử dụng, nên thay vì thế họ phát một đoạn băng mờ mờ mà đi đâu tra viên của Kasowitz Benson lén lút quay được khi Cohen đi ra xe sau khi tham dự một buổi đấu võ thuật hỗn hợp^[65] ở Las Vegas. Chương trình gồm một cuộc phỏng vấn sâu với Eugene Melnyk. “Khi bạn thấy sóng triêu tới, một đợt thủy triều những tin tức tiêu cực, một đợt những tin tức sai lạc và những lời lẽ thoát ra từ con quái vật đó sắp nhấn chìm bạn, nhiều người chạy lên đũa,” ông nói. “Chúng tôi may mắn vì đã sống sót.”

Vào buổi tối mà phóng sự của *60 Minutes* lên sóng, cách trường quay của CBS nhiều dặm, một phụ nữ ngẩng cứng đờ trước ti vi, hút hết điều thuốc này tới điều khác. Khi cô ngẩng xem vụ bóc mẽ Steve Cohen và quỹ phòng hộ của ông, Patricia Cohen thở hắt ra. Cô không thể tin được cách người ta miêu tả chông cũ của mình.

Kể từ khi cô và Cohen hoàn tất vụ ly dị vào năm 1990, cô đã không hài lòng về những dàn xếp cho vụ ly dị, chỉ để lại cho cô 1 triệu đô la tiền mặt, căn hộ của họ ở Manhattan và tiền trợ cấp cho con mà theo cô thấy thì không đủ để sống tiếp. Thỏa thuận đó không bao giờ có vẻ công bằng so với hàng triệu đô la mà cô tưởng tượng chông mình kiếm được nhờ giao dịch lúc bấy giờ. Những dàn xếp đó càng ít ỏi hơn bởi thị trường bất động sản sụp đổ gần như ngay sau khi thỏa thuận được ký, và Patricia không thể bán căn hộ như cô dự tính. Cô hết tiền và hỏi xin Cohen thêm, 100,000 đô la một tuần. Đó là một cuộc chiến, nhưng là cuộc chiến với hàng tiền tuyến có vẻ phi lý với một số người: luật sư của Patricia đã viết trong một thỉnh nguyện thư tới tòa rằng cô và các con, lúc đấy mười và sáu tuổi, “sắp sửa bị đẩy ra đường vì người vợ [của Cohen]... gần như không một xu dính túi”. Cohen miễn cưỡng tăng trợ cấp cho các con lên 5.200 đô la mỗi tháng và rưỡi 10.400 đô la, dù khoản tiền đó lại giảm xuống khi Robert, con út của họ, rời nhà tới học ở Brown. Cohen than phiền rằng vợ cũ của ông “không bao giờ ngưng việc tìm cách đầu độc mối quan hệ của tôi với các con”, và kết tội cô có một “mối hận thù” chống lại ông và người vợ thứ hai. Khi Patricia nói cô lại hết tiền, Cohen nói cô hãy tìm việc mà làm.

Sau khi phóng sự *60 Minutes* kết thúc, Patricia bắt đầu tự hỏi: Có thể

nào ch ồng cô quả thực là một kẻ dối trá? Cố thể nào ông đã giấu giếm tiền bạc hay nói dối cô khi họ ly dị? Lúc họ còn chung sống, cô rất ít chú ý tới những chi tiết chuyện làm ăn của ông. Nếu ông yêu cầu cô ký các hợp đồng cho một gói bảo hiểm hay một tài khoản séc, cô sẽ ký mà không hỏi han gì, giống như nhiều bà vợ thuộc thế hệ cô vẫn làm. Giờ đây, sau 15 năm, cô chỉ biết mơ hồ về khối tài sản của ông và cách ông có được nó.

Cô tới chỗ chiếc máy tính và gõ tên Cohen vào máy tìm kiếm. Một bài báo cô chưa bao giờ đọc xuất hiện, một bài dài trên *Fortune* năm 2003 tựa đề “Góc khuất của Phố Wall”. Bài viết là về Gruntal, hãng môi giới mà Cohen đã làm việc khi họ vẫn còn sống với nhau. Bài báo tả công ty là một nơi mà ít nhất cũng là một chốn mờ ám. Trong những năm 1980 và 1990, bài báo viết, các tay môi giới của Gruntal bị cáo buộc giao dịch nội gián và lừa đảo chứng khoán; công ty đã trả 750.000 đô la để dàn xếp một vụ kiện quấy rối tình dục; và một nhóm nhân viên bị truy tố vì biến thủ 14 triệu đô la trong giai đoạn mười năm bằng cách rút tiền vào những tài khoản không hoạt động của các khách hàng đã qua đời. Và đó chỉ là một danh sách chưa đầy đủ. Nhưng nó mang tới cho Patricia cảm nhận về môi trường mà ch ồng cũ của cô làm việc khi ông khởi đầu con đường xây dựng đế chế quỹ phòng hộ của riêng mình. Cô nhớ lại cuộc đi ều tra của SEC mà Steve đã rất khó chịu lo lắng vào năm 1986, khi cơ quan này truy vấn việc liệu ông có giao dịch các cổ phiếu của RCA dựa trên thông tin nội gián không. Ông đã khóc trên vai cô mỗi tối.

Ngày hôm sau, Patricia nhắc điện thoại và gọi tới số của Kasowitz Benson.

Michael Bowe đang ng ồi gác chân lên bàn khi điện thoại reo. Văn phòng của ông nhìn như thể vừa bị một con lốc quét qua, với những chiếc

áo đấu bóng chày lủng lảng trên ghế, cúp cờ vua của con trai ông la liệt một góc phòng, những chiếc cốc và giấy tờ cùng kẹp tài liệu nằm khắp nơi chất thành đống. Bàn làm việc không có chỗ nào trống.

“Tên tôi là Patricia, và tôi từng kết hôn với Steve Cohen”, một giọng phụ nữ nói. “Tôi có một số thông tin ông có thể quan tâm.”

Bowe bỏ chân xuống và ngẩng thẳng lên.

“Tôi có thể giúp gì chị?” ông nói.

Cô cần lời khuyên, cô nói với Bowe. Cô cảm thấy cô đã nhận một thỏa thuận ly dị bất công và cô không biết phải làm gì. Cô đã hết tiền và đang sống trong một căn hộ ba phòng ngủ ở Central Park West đứng tên Cohen, nên cô có thể bị đá ra đường bất cứ lúc nào. Vợ của Cohen, Alex, là người ký trả hóa đơn bảo trì căn hộ mỗi tháng. Cô tin rằng cô có thông tin về Cohen mà cô nghĩ Bowe nên biết, thông tin mà cô đã giữ bí mật nhiều năm. Cô chưa bao giờ cảm thấy thoải mái khi nói ra thông tin này, vì mọi người cô trao đổi đều sợ Cohen. Nhưng Bowe có vẻ không sợ ông ta.

Cô đã gặp Bowe ở văn phòng của ông và kể với ông về mối quan hệ của cô với chồng cũ và khoảng thời gian của Cohen ở Gruntal. Trong những cuộc trao đổi riêng tư, Cohen đã thừa nhận nhận thông tin về vụ General Electric mua lại RCA vào cuối những năm 1980, cô nói. Cohen đã hoảng loạn khi bị SEC đi điều tra và sợ rằng mình sẽ phải ngồi tù. Sau khi cuộc đi điều tra kết thúc mà không có truy tố, cô nói, Cohen trở nên cực kỳ thận trọng, gần như là hoang tưởng, về những giao dịch của mình. Cohen dễ nổi nóng và tính khí không thể kiểm soát được. Ông thuê dài hạn một bác sĩ tâm thần ở văn phòng, người mà cô nghĩ là vô dụng. Cô tin rằng các con của họ sợ ông bác sĩ đó.

Bowe không biết nên làm gì. Luật hôn nhân không phải là lĩnh vực

chuyên môn của ông. Patricia rõ ràng là, nói tối thiểu, cực kỳ thiên lệch. Nhưng Bowe cũng cảm thấy ghê tởm những gì ông nghe thấy. Nó nhắc ông tới tiếng tăm của Cohen trên sàn giao dịch, nơi ông ta liên tục lợi dụng người khác và xem thường họ. Ngồi ở đó là một phụ nữ bị tổn thương, chịu đựng cảnh cùng quẫn nghiêm trọng về cảm xúc và tài chính. Bowe không thể tin rằng Cohen, người đã kiếm được gần một tỉ đô la năm đó, lại không tìm ra cách trả một ít tiền để giải quyết những vấn đề của ông ta với vợ cũ. Thay vì thế, ông ta có một nhóm luật sư chiến đấu với cô giành giật từng khoản chi phí và người vợ hiện giờ giám sát cả hóa đơn giặt giũ của cô vợ cũ.

Đi đâu đầu tiên ông làm là giới thiệu Patricia với một luật sư trong nhóm chuyên về ly dị của Kasowitz Benson. Rồi Patricia hỏi Bowe ông nghĩ liệu cô có nên tới gặp FBI không.

“Không,” Bowe nói với cô. Ông biết rằng những gì ông nói với cô một phần là vì lợi ích bản thân, bởi ông muốn giữ cô làm nguần tin khả dụng cho vụ của ông. “Tôi biết nó mang lại cảm giác quyên lức và mọi chuyện,” ông nói, “nhưng cô phải biết nói chuyện với Cục sẽ dẫn tới đâu. Chuyện đó giống như đút đầu vào lưỡii cưa.”

Vài tháng trôi qua, và Bowe không nghe gì nữa từ Patricia. Rồi một buổi chiều nọ cô làm ông ngạc nhiên với một cuộc gọi. “Tôi vừa kết thúc cuộc gặp dài với một đặc vụ FBI,” cô nói với ông.

Bowe cố gắng tỏ ra không quá quan tâm, nhưng ông tò mò. “Ồ thế hả?” ông nói. “Ai vậy?”

“Tên anh ta là B. J. Kang.”

Vài tuần sau khi chương trình trên *60 Minutes* lên sóng, Bowe nhận được một cuộc gọi kỳ lạ nữa. Đó là giám đốc một công ty bảo hiểm Canada tên là Fairfax Financial Holdings. Tay giám đốc đã theo sát vụ Biovail, chủ yếu vì những cáo buộc của Biovail nghe rất quen thuộc. Giám đốc của Fairfax nói cả họ nữa cũng từng là mục tiêu của các tay bán khống ở một nhóm các quỹ phòng hộ tìm cách tạo ra các nghiên cứu tiêu cực về công ty họ và thậm chí là quấy rối các lãnh đạo của Fairfax. Điểm khác biệt là trong khi vụ Biovail chủ yếu xử lý những sự kiện đã xảy ra, vụ Fairfax vẫn còn đang diễn ra. Các chat room trên Internet ồn ào mỗi ngày về khả năng Fairfax sắp sụp đổ. Bowe chứng kiến một hôm cổ phiếu của Fairfax sụt giá sau khi các cửa sổ chat tràn ngập tin đồn rằng CEO của công ty đã bỏ trốn ra nước ngoài và văn phòng của hãng bị Cảnh sát Kỳ binh Hoàng gia Canada lục soát.

Fairfax được thành lập bởi Prem Watsa, một tỉ phú người Canada thường được mô tả trên báo chí là “Warren Buffett của Canada”. Watsa cho rằng một chuyên viên phân tích ở một cơ quan nghiên cứu độc lập và hãng giao dịch đóng tại Memphis là Morgan Keegan đã hợp tác với vài quỹ phòng hộ lan truyền tin giả về Fairfax. Hóa ra một trong những quỹ này là SAC Capital. Thông qua cuộc đi điều tra của mình, Bowe phát hiện những thư điện tử mà ông tin đã chứng tỏ rằng một chuyên viên phân tích của Morgan Keegan đã gửi bản nháp báo cáo của anh ta về Fairfax cho SAC và các quỹ khác trước khi công khai nó. Bowe hy vọng chứng minh được rằng các quỹ phòng hộ thực hiện giao dịch nội gián dựa trên báo cáo nghiên cứu do chính họ tham gia tạo nên về một công ty.

Các trang web nặc danh đã được tạo ra để so sánh Fairfax với Enron, và các nhân viên của Fairfax cho biết họ nhận được những cuộc điện thoại

mạo danh vào nửa đêm. “Fairfax là một công ty lừa đảo,” một giọng nói. “Hãy tự cứu lấy mình!” Các tay giao dịch bán khống cổ phiếu đã vận động hành lang với FBI và SEC khởi động một cuộc đi điều tra khả năng xảy ra lừa đảo kế toán ở công ty Fairfax. Văn phòng Công tố Mỹ ở Manhattan cũng mở một cuộc đi điều tra. Fairfax có một cấu trúc cực kỳ phức tạp khiến công ty có vẻ như dễ dàng được thiết kế để che giấu các vấn đề kế toán. Những tay giao dịch ở hàng loạt quỹ phòng hộ đã bán khống chứng khoán này, kiếm được tiền mỗi lần nó rớt giá, giảm từ 150 đô la xuống *dưới* 110 đô la.

Vào ngày 26 tháng Bảy năm 2006, Bowe đệ đơn kiện ở Tòa án Bang New Jersey, tố cáo SAC và một nhóm các quỹ khác đã phát tán những tin đồn thất thiệt về Fairfax trên thị trường. Đơn kiện cáo buộc các quỹ phòng hộ vi phạm Luật RICO (viết tắt của Racketeer influenced and Corrupt Organization Act^[66], một bộ luật hình sự ban đầu nhắm vào các băng đảng mafia qua việc buộc thủ lĩnh những nhóm tội phạm có tổ chức chịu trách nhiệm về hành vi của các thành viên cấp thấp hơn. Fairfax đòi 5 tỉ đô la tiền bồi thường thiệt hại. SAC và các bị cáo khác bác bỏ những cáo buộc^[67].

Chỉ vài giờ sau khi Fairfax đệ đơn kiện, Bowe nhận được một cuộc gọi từ Văn phòng Công tố Mỹ ở Manhattan. Đó là công tố viên có tên Helen Cantwell, phụ trách phòng chứng khoán.

“Anh tới chỗ chúng tôi được không?” cô ta nói, có vẻ cáu kỉnh. “Chúng tôi cần trao đổi với anh.” Cô ta đang tham gia một vụ đi điều tra hình sự liên quan tới Fairfax, làm việc cùng một đặc vụ FBI tên là B. J. Kang. Nhà chức trách đang xem xét khả năng có lừa đảo ở Fairfax, *chứ không phải* hành vi sai trái ở các quỹ phòng hộ - về cơ bản trái ngược với những

gì đơn kiện của Bowe cáo buộc. Đơn kiện của Fairfax đầy những thông tin làm chính quyền ngạc nhiên, cho thấy họ đang hoàn toàn đi lạc lối. Cantwell và mọi người khác ở Văn phòng Công tố Mỹ có vẻ bức dọc. Họ muốn Bowe có mặt ngày hôm sau.

Sáng hôm sau, Bowe bước vào một phòng họp ở số 1 St. Andrew's Plaza, trung tâm Manhattan. Kang ngồi ở một đầu bàn và một điều tra viên từ SEC ngồi ở đầu bàn bên kia.

Cantwell ngồi ở giữa. Cô ta chỉ một cái ghế và Bowe ngồi xuống đó. Không ai tỏ ra hài lòng.

“*Các vị muốn biết chuyện gì?*” ông hỏi.

Cantwell nói Văn phòng Công tố Mỹ đang đi điều tra Fairfax về khả năng lừa đảo. Cô ta nói rằng Fairfax và Bowe, lẽ ra nên đợi tới khi vụ đi điều tra hình sự của họ được giải quyết xong rồi hãy nộp đơn kiện. Vụ kiện gây ra những trở ngại lớn cho cuộc đi điều tra. Liệu nhà chức trách sẽ theo dõi các cáo buộc về lừa đảo ở Fairfax hay hoạt động tội phạm của những tay bán khống ở các quỹ phòng hộ đang bán khống trái phiếu của Fairfax? Cantwell muốn Bowe giải thích mọi khía cạnh trong đơn kiện dày 160 trang của Fairfax.

Bowe đã mất ba giờ đồng hồ mô tả các cáo buộc và bằng chứng đằng sau, nói với họ về SAC và các quỹ phòng hộ mà Fairfax tin rằng đang nhắm vào họ, những tin đồn sai lạc và những cú điện thoại mạo danh, việc bán khống và những buộc tội về giao dịch nội gián. Trong khi ông nói, Kang ghi chú.

Bầu không khí lạnh lùng, nhưng Cantwell nói họ sẽ xem xét những yêu cầu của Fairfax chống lại các quỹ phòng hộ. Cô cảm ơn Bowe và chào tạm biệt.

Michael Bowe không được nuôi dạy tránh né xung đột. Theo một nghĩa nào đó ông còn tìm kiếm nó. Hầu hết mọi thứ ông biết về cuộc đời đầu được học khi ông lớn lên tại Pearl River, một thị trấn cách Manhattan một giờ lái xe về phía bắc, đầy những quán rượu và cửa hàng tạp hóa kiểu Ireland. Vào giờ ra chơi, tám trăm trẻ con của các cảnh sát và lính cứu hỏa Thành phố New York sẽ từ trường tiểu học Công giáo trong thị trấn ủa ra một sân chơi rải nhựa, tại đó một giáo viên đứng ngó lơ còn lũ trẻ bắt đầu bắt nạt nhau và bày ra đủ trò tàn nhẫn.

Sau khi tan học, chúng lang thang thành từng nhóm ngoài đường, đánh nhau và tìm cách làm những đứa khác khóc thét. Từ nơi đó, Bowe đã phát triển những kỹ năng cốt lõi: làm thế nào để đối phó với những kẻ muốn làm hại bạn; làm thế nào để là kẻ bắt nạt cũng như đứa bị bắt nạt; làm thế nào để vượt qua được vận rủi. Cha của Bowe làm lính cứu hỏa ở đội Ladder 36 tại Inwood, Bắc Manhattan, tới khi ông bị bỏng nặng trong một vụ cháy và về hưu. Bà mẹ người Mỹ gốc Ireland nhỏ bé của ông sẽ kéo cậu con trai nhỏ lên bàn bếp mỗi khi cậu về nhà khóc lóc sau một trận ẩu đả trong xóm. “Michael,” bà nói, “con phải học cách tự chăm sóc lấy mình.” Ông không tiếp tục kiếm một tấm bằng Ivy League như hầu hết các công tố viên liên bang ở Văn phòng Công tố Mỹ tại Manhattan. Bowe là một sản phẩm đầy tự hào của Trường Luật Fordham và New York, và xung đột không dọa được ông.

Vào lúc B. J. Kang gọi cho ông lần nữa để theo dõi các cáo buộc với những quỹ phòng hộ, bốn tháng sau cuộc gặp đầu tiên, Bowe đã trở thành chuyên gia hàng đầu thế giới về SAC Capital Advisors.

“Chúng tôi tự hỏi liệu anh có thể xuống đây và giúp chúng tôi tìm hiểu những gì anh đã biết về SAC và các quỹ phòng hộ khác cũng như những giao dịch nội gián mà anh đã phát hiện ra không,” Kang nói. Anh ta đặc biệt muốn biết về điều mà Bowe gọi là “mô hình kinh doanh giao dịch nội gián”, anh ta tin là nhiều quỹ phòng hộ đang sử dụng mô hình này. Liệu Bowe có để đặc vụ FBI hỏi chuyện ông vài tiếng không?

Chắc chắn rồi, Bowe đáp, ông rất sẵn lòng.

Kang là người mới ở đơn vị lừa đảo chứng khoán của FBI^[68]. Cho tới lúc đó, anh ta chủ yếu được phân công các vụ liên quan đến những công ty môi giới nhỏ, nhiều công ty trong số đó nằm ngoài Thành phố New York, trong các trung tâm mua sắm, nơi những tay bán hàng chào mời những chứng khoán chẳng đáng giá vài xu cho những người không đủ hiểu biết là chẳng nên nghe những mảnh lời chứng khoán từ người lạ qua điện thoại. Lượng tiền liên quan không đáng kể, và mỗi lần FBI dẹp chỗ này, chỗ khác lại mọc lên. Sếp của Kang, Pat Carroll, có cảm giác là không chỉ có thế, còn những vụ lớn hơn liên quan tới các vụ lừa đảo nghiêm trọng mà họ nên theo đuổi. Gần đây ông đã gọi cho Kang lên văn phòng của mình để nói với anh chuyện đó.

“Các hệ thống đa cấp và những vụ bơm giá hay dìm giá thị trường thì ta vẫn đang làm tốt”. Carroll nói với anh trong một cuộc chuyện vãn. “Nhưng chúng ta cần bắt đầu để ý tới các quỹ phòng hộ. Ngành này không minh bạch lắm, và trước kia chúng ta không thật sự để ý tới họ.”

Kang gật đầu, không chắc là anh hiểu.

“Nếu anh theo dấu nguần tiền, thì nó dẫn tới các quỹ phòng hộ,” Carroll giải thích. Ông ta không nói rằng tất cả các quỹ phòng hộ đều phạm luật, nhưng ông ta lo ngại FBI không hề có manh mối về những việc

các quỹ đó đang làm và bằng cách nào họ kiếm được nhiều tiền như thế. Những quỹ mới khai trương mỗi ngày, và hàng tỉ đô la từ giới đầu tư đổ vào đó. “Chúng ta cần bắt đầu suy nghĩ lớn,” Carroll nói.

Kang đã muốn làm việc cho lực lượng chấp pháp từ khi còn là một đứa trẻ ở khu ngoại ô Maryland chơi trò cảnh sát bắt cướp. Anh đã học nhất nổi ám ảnh người tốt - kẻ xấu này với một thói quen mà cha mẹ đã rèn tập cho anh khi nuôi con khôn lớn là làm việc siêng năng hơn bất kỳ ai khác cho tới khi thành công. Nếu đồng nghiệp có mặt lúc 7 giờ sáng, Kang sẽ tới lúc 6 giờ; nếu người khác bắt đầu tới lúc 6 giờ, Kang sẽ có mặt lúc 5 giờ 30. Khi tốt nghiệp Học viện FBI, Kang xin một việc làm ở New York, nơi có nhiều vụ quan trọng xảy ra nhất.

Điều đầu tiên Kang làm sau bài nói chuyện của Carroll là cố gắng tìm hiểu về ngành quỹ phòng hộ. Anh quen thuộc với những giám đốc quỹ nổi bật nhất và số tiền khó tin mà có vẻ như họ đang kiếm được. Anh chỉ biết mơ hồ về Galleon, quỹ của Raj Rajaratnam, vốn là một trong những quỹ có thành tích đứng đầu ngành. Nhưng vẫn còn rất nhiều điều anh phải học hỏi.

Trong khi trao đổi với những người cung cấp thông tin và nhân chứng trong thế giới tài chính, Kang luôn hỏi cùng những câu hỏi: Ai là giao dịch viên quỹ phòng hộ thành công nhất? Họ kiếm tiền bằng cách nào? Mọi người có nghĩ rằng họ sạch sẽ? Một cái tên cứ xuất hiện đi xuất hiện lại: SAC Capital.

Theo các nguồn tin của Kang ở Phố Wall, SAC là quỹ có lợi nhuận cao nhất và hiệu chiến nhất ở đây. Các đối thủ cạnh tranh của họ không thể hiểu bằng cách nào SAC có thể kiếm được lợi nhuận 30%, 40%, 50% hết năm này tới năm khác, họ có vẻ không bao giờ thua lỗ. Mọi chuyện có vẻ

tốt quá mức để thành thật. Kang muốn biết thêm nữa.

Anh và Bowe đã dành gần cả buổi chiều trong phòng họp, khi Bowe giải thích ông nghĩ các quỹ phòng hộ vận hành ra sao.

Theo cách nhìn nhận của Bowe, Phố Wall đã trải qua sự chuyển biến lớn lao trong năm hay sáu năm trước đó, mà những người chịu trách nhiệm giám sát và quản lý nó không hề hay biết. Hệ thống thị trường đã tồn tại để giúp hướng nguồn vốn mà mọi người sở hữu đầu tư vào các doanh nghiệp cần vốn để xây dựng những nhà máy lớn hơn và phát triển các sản phẩm mới cũng như thuê mượn thêm nhân công. Hệ thống này là động cơ cho tăng trưởng kinh tế. Các ngân hàng cho vay, trong khi các ngân hàng đầu tư giúp động cơ chạy bằng cách tạo điều kiện cho giao dịch chứng khoán và trái phiếu, các vụ IPO, và các vụ sáp nhập và thu tóm. Cho tới khoảng năm 2000, thị trường bị thống trị bởi một số ít những công ty lớn này, với các tên tuổi như Goldman Sachs và Morgan Stanley, cùng các quỹ tương hỗ quản lý tài khoản của người về hưu. Và tất cả các công ty này hoạt động dưới sự điều chỉnh của luật pháp và quy định đã được đặt ra gần 70 năm. Tất nhiên, có những vi phạm quy định và thậm chí cả các hoạt động mang tính chất tội phạm xảy ra, nhưng hầu hết các vụ này diễn ra theo cách được định nghĩa rõ ràng, dễ đoán. Trong phần lớn thời gian, các ngân hàng lớn hiểu điều gì là hợp pháp và điều gì không, và có những bộ phận kiểm soát sự tuân thủ để đảm bảo họ không đi quá xa đến mức vi phạm pháp luật. SEC biết họ cần phải theo dõi những điều gì khi giám sát các ngân hàng đó.

Tuy nhiên, trong vòng mười năm qua, hàng tỉ đô la đã được chuyển ra khỏi các ngân hàng lớn bị quản lý sát sao vào các quỹ phòng hộ, đây là những công cụ đầu tư xông xáo hứa hẹn lợi nhuận cực lớn. Các quỹ phòng

hộ chỉ bị giám sát lỏng lẻo, và phần lớn hoạt động đằng sau một bức màn bí mật. “Khi nhìn vào bản chất của các vụ ngân hàng vi phạm quy định - tôi không nói rằng tư cách của họ không xấu,” Bove nói với Kang. “Nhưng rất nhiều vụ chỉ là việc bước quá lằn ranh vượt xa khỏi những kiểu vụ việc đang diễn ra ở các quỹ phòng hộ.”

Hãy xem xét ở khía cạnh thực tế, Bove nói. Nhiều người làm việc ở các quỹ đó có nền tảng khác thường; năng lực chính của họ có thể chỉ là bạn thân của giám đốc quỹ, và nếu có nộp đơn thì họ cũng không thể tìm được một công việc ở Goldman Sachs. Những quỹ phòng hộ không bị giám sát chặt chẽ, họ không phải lúc nào cũng có các phòng ban giám sát việc tuân thủ pháp luật, và triết lý của họ là thuê bất cứ ai có thể làm ra tiền nhờ giao dịch, bất chấp họ làm bằng cách nào đi nữa. SEC chỉ có thông tin tối thiểu về họ. Khi biết được tất cả những đi đầu này, Kang nghĩ đi đầu gì sắp xảy ra?

Trong quá trình đi đầu tra ngành này đại diện cho Biovail và Fairfax, Bove tin rằng các quỹ phòng hộ đang là mầm mống của một hình thức lũng đoạn mới và cực kỳ nguy hại. Cùng lúc lĩnh vực tài chính cao cấp đang phát minh ra hàng loạt những sản phẩm và công cụ mới gần như không thể hiểu nổi, biến các khoản vay có thể chấp và những khoản nợ khác thành chứng khoán thông qua nghiệp vụ đảm bảo^[69], những tay giao dịch đang tìm ra các cách thức mới để lừa gạt. Khi nói tới tội phạm tài chính sáng tạo, các quỹ phòng hộ cũng giống như Thung lũng Silicon.

Sự can thiệp của chính quyền đã khiến vấn đề ồ ạt hơn, trong một ví dụ kinh điển về hậu quả không được lường trước. Vào năm 2000, Tổng công tố New York, Eliot Spitzer, mở một cuộc đi đầu tra các bộ phận nghiên cứu của những ngân hàng đầu tư ở Phố Wall, rồi cuộc ba năm sau đó đã

cáo buộc họ tội thao túng việc mua và bán bảng xếp hạng các chứng khoán, đây cũng là bảng xếp hạng mà nhiều nhà đầu tư trên thị trường tham khảo như những chỉ dẫn khi đánh giá sức khỏe của hàng loạt công ty. Spitzer cáo buộc các ngân hàng sử dụng báo cáo phân tích của chính họ làm công cụ bán hàng để tạo ra các thương vụ trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư cho những công ty chứng khoán của họ. Lúc bấy giờ, bảo lãnh cho các đợt IPO và tư vấn M&A mang lại phần lợi nhuận rất cao cho hầu hết các công ty lớn. Hứa hẹn một bản báo cáo tích cực về một công ty cụ thể là cách hiệu quả để mở đường cho những khoản phí tư vấn với các thỏa thuận sau này.

Vụ kinh điển là Henry Blodget, chuyên viên phân tích ngôi sao mảng Internet ở Merrill Lynch, năm 1998 đã nói rằng ông ta tin cổ phiếu của Amazon đáng giá 400 đô la. Henry công khai ca ngợi những công ty như Pets.com và eToys.com trong khi công ty của ông ta đang kiểm soát từ họ. Tuy nhiên, trong các thư điện tử cá nhân của ông ta gửi cho đồng nghiệp lại nói rằng thực ra ông ta nghĩ các công ty này bị thổi phồng quá mức, ông ta gọi Excite@Home là “một bãi phân” và các công ty dotcom khác là “bầy chó”.

Khi văn phòng tổng công tố bóc tách những xung đột về lợi ích đó và dàn xếp với Merrill Lynch, Goldman Sachs, Lehman Brothers, J. P. Morgan và sáu ngân hàng hàng đầu khác ở Phố Wall vào cuối năm 2002, họ đã thu về hàng tỉ đô la tiền phạt và bồi hoàn cùng cam kết từ các ngân hàng là chấp thuận tuân thủ một bộ quy định mới chặt chẽ hơn. Ngân hàng đầu tư và những phòng nghiên cứu phải tách biệt hoàn toàn với nhau, và các chuyên viên phân tích không còn được trả lương tương ứng với việc họ tạo ra bao nhiêu vụ làm ăn với lĩnh vực ngân hàng cho công ty của họ

nữa. Gần như sau một đêm, công việc chuyên viên phân tích kỹ thuật cho Morgan Stanley hay Goldman Sachs từ chỗ là một trong những vị trí đáng thèm muốn nhất trong ngành tài chính chỉ còn là một tay thủ thư hào nhoáng.

Vào lúc tất cả những chuyện này xảy ra, các quỹ phòng hộ ngày càng trở nên quan trọng với các ngân hàng lớn vì khối lượng giao dịch họ thực hiện. Phí hoa hồng của họ trở thành nguồn lợi nhuận chính. Các quỹ phòng hộ yêu cầu dịch vụ để đổi lấy hàng trăm triệu đô la tiền phí mà họ đã trả, và các công ty lớn bắt đầu làm bất cứ điều gì cần làm để khiến các quỹ này hài lòng. Những quỹ phòng hộ năng nổ nhất muốn biết trước tất cả mọi người liệu một nhà phân tích sắp sửa hạ hay tăng mức xếp hạng với một chứng khoán. Một tay giao dịch khéo léo - và ngay cả một tay giao dịch chẳng mấy khéo léo - có thể biến thông tin đó thành lợi nhuận tức thì.

Trong khi đó, đáp lại những kêu gọi từ Spitzer và những người khác đòi hỏi việc nghiên cứu chứng khoán phải độc lập, các hãng nghiên cứu chuyên biệt được lập ra, hứa hẹn những ý kiến không thiên lệch về việc các nhà đầu tư nên mua hay bán chứng khoán ở một số công ty cụ thể. Ban đầu, đây có vẻ là một ý tưởng hay. Nhưng những hãng nghiên cứu nhỏ bé này cũng không có bộ phận riêng theo dõi việc tuân thủ pháp luật, và cũng chẳng nổi tiếng là thận trọng. Một số tuyển dụng các nhà phân tích hầu như không đủ tiêu chuẩn cho công việc. Điều gì có thể ngăn cản một quỹ phòng hộ hùng mạnh xuất hiện và nói họ sẽ mua lại các báo cáo nghiên cứu của các hãng nghiên cứu nhỏ bé đó và đề xuất các công ty họ muốn tìm hiểu, thậm chí cả việc họ muốn các báo cáo nghiên cứu phải nói gì? Bower tin rằng các quỹ phòng hộ có thể dễ dàng thao túng thị trường bằng cách trả tiền cho các báo cáo tiêu cực về những công ty mà họ đã bán

khống cổ phiếu rồi kiếm lời khi báo cáo tiêu cực đẩy làm giá cổ phiếu giảm xuống.

Cuối cùng, Bowe nói với Kang về những mạng lưới chuyên gia như Gerson Lehrman Group, công ty làm dịch vụ ghép đôi giúp kết nối các nhà đầu tư với lãnh đạo của những công ty niêm yết. Hàng trăm bác sĩ tham gia nghiên cứu thuốc và các quản lý cấp trung tại các công ty công nghệ đang làm ngoài giờ cho những công ty mạng lưới chuyên gia này, kiếm tiền qua việc “tư vấn” cho các giao dịch viên của quỹ phòng hộ. Những tư vấn viên này lẽ ra không được tiết lộ các thông tin mật, nhưng chẳng có gì nhiều ngăn cản chuyện đó xảy ra. Các quỹ phòng hộ đang trả hàng triệu đô la tiền phí cho các nhà tư vấn này. Tại sao họ lại trả tiền cho những thông tin mà ai cũng có thể có? Điều này đặc biệt khiến Bowe sốc bởi một thỏa thuận có thể dễ dàng bị lạm dụng.

Họ trao đổi trong nhiều giờ liền. Với Kang, giống như anh đang học một ngôn ngữ mới. Anh ghi vội vàng trên tập giấy viết và ngắt lời Bowe liên tục, “Từ từ nào”, “Nói lại xem” và “Làm ơn nhắc lại đi điều đó được không”.

Anh kinh hoàng phát hiện ra việc làm ăn có thể trở nên vô đạo đức thế nào.

“Chúng ta đều biết rằng nếu khoản tiền cược rất lớn và không ai giám sát, thì ta sẽ hành động sai trái,” Bowe nói. Ở Phố Wall, ông lập luận, nhiều khả năng sẽ thấy hàng loạt hành vi sai trái: một số ở gần lằn ranh, một số vượt qua, và một số ít vượt quá xa. Bowe đã bị thuyết phục rằng những đi đầu tồi tệ nhất lại đang xảy ra ở các quỹ phòng hộ.

“Anh không cần phải tin tôi, anh chỉ cần ra đó tự mình xem thử, hãy bắt đầu nói chuyện với mọi người,” ông nói. “Việc này chẳng khác gì đánh

bạc ở quán cà phê của Rick^[70]. Nếu anh lật hòn đá lên và nhìn xuống dưới, nhất là với SAC, anh sẽ tìm thấy.”

Chương 5

THÔNG TIN ĐỘC QUYỀN, LỢI THẾ

Có rất nhiều lợi thế khi làm việc ở một trong những công ty đáng ghen tị nhất Phố Wall, giống như SAC, nhưng các nhân viên của công ty thường cảm thấy như thể đang tham gia một thử nghiệm đánh giá những tác động của tình trạng căng thẳng và bất an kéo dài. Đó là việc phải liên tục giành giật và đảo lộn các máy tính kết nối với bộ xử lý trung tâm và vị trí ngồi cùng cơ cấu thứ bậc đi kèm việc này, đồng nghĩa với việc không có ai là an toàn mãi. Khả năng về một vụ thua lỗ khiến sự nghiệp đi tong luôn lơ lửng trên đầu một giám đốc quản lý danh mục đầu tư. Những ai thường xuyên ghé thăm các văn phòng ngõ ngàng khi thấy toàn bộ một bộ phận hay phòng ban biến mất không một lời giải thích. Nhưng tất cả những thay đổi đó tạo ra cơ hội, và Michael Steinberg dự tính khiến đi đầu đó có lợi cho ông.

Steinberg bắt đầu làm việc ở SAC từ năm 1996 trong vai trò thư ký cho Richard Grodin, giao dịch viên quý giá chuyên mảng công nghệ của Cohen. Cao lớn với đôi vai rộng, gây ảnh hưởng kiểu một người trẻ tuổi có học thức và giàu có của một tay chơi bóng vợt ở đại học, có thể thấy Steinberg đang cúi xuống một bàn giao dịch, viết phiếu giao dịch cho Grodin, nháy dựng lên trên điện thoại với những tay môi giới nếu có vấn đề với các giao dịch, và nói chung là làm bất cứ việc gì cấp trên muốn, dù nhỏ nhất đến đâu. Cha mẹ Steinberg lo lắng khi anh chọn ngành triết học ở

đại học vì nghe có vẻ quá thiếu thực tế, và anh quyết tâm cho họ thấy rằng anh có thể thành công ở lĩnh vực sẽ mang lại sự đảm bảo về tài chính. Dần dần, anh được thăng chức ở SAC, và tới năm 2004, anh đã đi đầu hành danh mục cùng với Grodin. Khi Grodin thôi việc, sau vụ tranh cãi với Cohen về chia sẻ nghiên cứu của C. B. Lee, Steinberg được trao toàn quyền quản lý danh mục đầu tư.

Anh chuẩn bị tìm kiếm những người giỏi để cộng tác. Là một giám đốc danh mục, Steinberg chịu trách nhiệm tập hợp nhóm chuyên gia phân tích và giao dịch viên của riêng mình, những người sẽ giúp anh quản lý gói vốn được giao. Vào tháng Chín năm 2006, một nhà phân tích 36 tuổi tên là Jon Horvath gia nhập nhóm của Steinberg, anh này được tuyển dụng để nghiên cứu các chứng khoán liên quan tới máy tính như Dell, Apple, Intel, Microsoft và IBM. Quá trình tuyển dụng kéo dài sáu tháng và bao gồm ít nhất một tá cuộc phỏng vấn với cả chục người khác nhau. Horvath trải qua toàn bộ quá trình đó mà không hề than vãn, hiểu rằng nếu được nhận, anh ta có thể chỉ cần làm việc vài năm và dành phần đời còn lại đi trượt tuyết.

Một nửa thời gian làm việc, lúc nào Horvath nhìn như thể một thằng phê đá, nhưng anh ta là một người làm việc chăm chỉ. Công việc của anh ta là đề xuất những ý tưởng giao dịch cho Steinberg - nhưng không phải là những ý tưởng giao dịch bất kỳ. Anh ta đã nhanh chóng hiểu được cách tiếp cận của SAC là tìm kiếm những cơ hội đầu tư từ một sự kiện cụ thể, như một công bố lợi nhuận khiến giá cổ phiếu tăng hoặc giảm. Mẹo ở đây là tìm xem đó là sự kiện nào và cách thiết lập một thương vụ ngắn hay dài hạn nhằm hưởng lợi từ đó. Horvath xây dựng những bảng tính phức tạp và mô hình thu nhập tình vi. Anh ta có một căn hộ ở San Francisco, gần Thung lũng Silicon, nơi anh ta đi về giữa New York và Bờ Tây cũng như

các hội thảo đầu tư và những công ty công nghệ trên toàn thế giới, cố gắng tìm hiểu mọi thứ có thể về các công ty mà anh ta quan tâm.

Horvath mới làm ở SAC vài tháng thì, vào đầu năm 2007, xuất hiện những rắc rối với nền kinh tế. Giá bất động sản trên cả nước bắt đầu giảm và những vụ vi phạm hạn trả nợ vay có tài sản thế chấp tăng mạnh, đẩy các ngân hàng và những nhà đầu tư khác đã mua những khoản nợ thế chấp lớn với giả định rằng giá nhà chỉ có thể tiếp tục tăng vào tình trạng lâm nguy. Tuy nhiên, hầu hết các nhà đầu tư chọn cách bỏ qua những dấu hiệu của thảm họa đang chực chờ. Thay vào đó, những dấu hiệu này chỉ được nhận ra bởi những người thừa nhận khả năng làm giàu nhanh chóng của họ không khiến họ trở nên tuyệt đối thông minh. Vào tháng Năm, hai quỹ phòng hộ thuộc sở hữu của Bear Stearns đã đầu tư mạnh tay vào các chứng khoán thế chấp dưới chuẩn bắt đầu lao dốc. Mỗi quỹ từng giá trị hơn 20 tỉ đô la - và rồi, trong vòng vài tuần lễ, không ai trên thị trường muốn bất cứ chứng khoán thế chấp nào mà hai quỹ này đang sở hữu nữa. Ban quản lý Bear Stearns cố gắng hỗ trợ các quỹ, nhưng giá trị các chứng khoán tiếp tục rơi. Vào ngày 18 tháng Bảy, Bear tuyên bố các quỹ phòng hộ này về cơ bản là không còn giá trị gì và đóng cửa chúng, dẫn tới hàng tỉ đô la thua lỗ.

Hàng nghìn nhà đầu tư cố gắng hiểu sự sụp đổ của các quỹ này có ý nghĩa gì. Liệu đây chỉ là một bước lùi nhỏ, hay là dấu hiệu của một cuộc khủng hoảng kinh tế đang tới? Horvath hy vọng đó là bước lùi nhỏ. Anh ta tiếp tục làm việc như thể mọi thứ đang ổn định, vẫn mang những ý tưởng tới cho Steinberg. Khi Network Appliance, một công ty lưu trữ dữ liệu mà Horvath vẫn đang nghiên cứu, công bố vào đầu tháng Tám rằng công ty sẽ không đạt được mục tiêu lợi nhuận quý tiếp theo với một khoảng cách xa,

cổ phiếu của họ giảm 5 đô la. Horvath thích công ty này, và nghĩ rằng chuyện t ồi tệ nhất đã qua, anh ta hối thúc Steinberg mua vào. Steinberg mua hết cổ phiếu của NetApp dựa trên khuyến cáo của Horvath. Cổ phiếu công ty khôi phục một chút, nhưng khi NetApp công bố doanh thu của hãng sau đó trong tháng, cổ phiếu lại giảm, gây ra khoản thua lỗ 2 triệu đô la. Steinberg bắt đầu tức tối.

Vài ngày sau, sau khi văn phòng không còn ai, Steinberg gọi Horvath đến bàn của mình. “Tôi có thể giao dịch trong ngày những cổ phiếu này và tự kiếm được tiền, tôi không cần anh giúp làm chuyện đó,” Steinberg nói chậm rãi. “Điều tôi cần ở anh là ra ngoài kia và tìm cho tôi thông tin lợi thế, độc quyền mà chúng ta có thể dùng để kiếm tiền với các cổ phiếu đó.” Steinberg ngừng lại. “Anh cần nói chuyện với các đầu mối của anh và những công ty, ngân hàng, nhà tư vấn, và tận dụng mạng lưới ngang hàng của anh để có được thông tin đó.” Ông nhìn Horvath nghiêm khắc, vẻ như muốn chắc chắn rằng anh ta đã hiểu.

Với Horvath, anh ta đã rõ sắp muốn mình làm gì: có được thông tin nội gián. Điều đảm bảo kiếm ra tiền.

ooo

Cách Công viên Trung tâm và Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, số 925 đại lộ Park hai tòa nhà là tòa nhà có mã vùng đất nhất ở Manhattan. Là một hợp tác xã sản xuất đá vôi từ thời tiền chiến, tòa nhà căn hộ này có đường viền trang trí ở đỉnh nóc hình lò đốt bằng gỗ, và các ban công kiểu Juliet nhìn xuống đường. Một ngày tháng Sáu năm 2007, đặc vụ FBI David Makol băng qua sảnh trang trí kiểu art deco^[71] và bước vào thang máy, lên tầng chín. Ông tiến đến căn hộ số 9A và gõ cửa. Makol hy vọng người ra

mở cửa sẽ là người giúp ông hạ gục một gã không lồ Phố Wall.

Trong cả năm trước đó, Makol đã đi đầu tra một đường dây giao dịch nội gián riêng biệt với vụ Raj Rajaratnam đang diễn ra. Một chuyên viên phân tích ở quỹ phòng hộ Chelsey Capital bị cáo buộc nhận thông tin nội gián từ một người bạn làm việc cho ủy ban đánh giá đầu tư ở ngân hàng Thụy Sĩ UBS. Người bạn này nói với chuyên viên phân tích ở quỹ phòng hộ về những thay đổi mà các chuyên viên phân tích ở UBS đang tiến hành để xếp hạng chứng khoán và trái phiếu trước khi ngân hàng công khai thông tin này, và Makol tin rằng tay phân tích đang giao dịch dựa trên thông tin đó. FBI đã chuẩn bị bắt chuyên viên phân tích thì ông ta đồng ý cộng tác và cung cấp tên của những người khác mà ông ta biết ở Phố Wall đang phạm luật. Một trong những người mà ông ta khai báo là cộng sự ở Chelsey, một cựu giao dịch viên của Galleon tên là David Slaine.

Khi Slaine mở cửa, Makol giơ ra tấm phù hiệu. “Tôi ở đây để trao đổi về giao dịch nội gián,” ông nói. Makol đã mô tả bằng chứng mà FBI có chống lại Slaine và nêu mối đe dọa về một án tù dài ngày. “Anh có thể không bao giờ gặp lại con gái mình nữa nếu không hợp tác,” Makol nói với Slaine, người đã kết hôn và có một con. Lúc Makol nói xong, Slaine run lẩy bẩy. Sau khi tham vấn vài luật sư, ông ta đồng ý hợp tác.

Việc hợp tác bao gồm vài chục phiên thẩm vấn của Makol, người đã đặt câu hỏi cho Slaine trong nhiều giờ về tất cả những người mà ông ta từng làm việc cùng và bất cứ hoạt động phạm tội nào mà ông ta có thể đã thấy. Để tránh bị truy tố, Slaine phải chứng minh với Makol rằng ông ta không che giấu bất cứ điều gì. Không ai được tha cả, ngay cả những người gần gũi với ông ta nhất.

Có vẻ như xung quanh Slaine toàn những người đang giao dịch dựa

trên thông tin nội gián, một số thông tin đó có được từ các luật sư của công ty, một số từ các giao dịch viên khác. FBI muốn theo dõi tất cả họ. Slaine đồng ý cho ghi âm các cuộc nói chuyện của ông ta, các cuộc gọi điện cho bạn bè và những nguồn tin của ông ta ở Phố Wall như Makol chỉ thị. Dầu vậy, ngay cả sau những nỗ lực của Makol, các bằng chứng vẫn có vẻ chỉ là chuyện tầm phào, chưa đủ cho các vụ hình sự. Để mở rộng điếu tra, các đặc vụ FBI và những công tố viên làm việc cùng cần bằng chứng áp đảo không thể đánh bại ở tòa. Làm sao họ có được bằng chứng này? Makol đã nghiên ngẫm câu hỏi trong một cuộc gặp với cấp trên của ông, David Chaves, và Reed Brodsky, công tố viên phụ trách vụ Slaine.

“Chúng ta cần đưa vụ này lên một cấp độ mới,” Brodsky nói.

Brodsky đã tới gặp sếp của mình, Raymond Lohier, người đứng đầu đơn vị chứng khoán Văn phòng Công tố Mỹ ở Manhattan. Ông phàn nàn rằng họ gặp khó khăn trong việc tiến triển vụ việc.

“Anh đã nghĩ tới việc nghe lén chưa?” Lohier hỏi. “Anh cần tìm người ‘khiêu khích’ qua điện thoại và ‘khiến nó nhúng chàm’^[72]. Anh cần đưa ra các thông tin mới để xin phép nghe lén.”

Để thuyết phục một thẩm phán cấp phép nghe lén, các công tố viên không thể chỉ dựa vào linh cảm hay phỏng đoán có cơ sở. Họ nhất thiết phải chứng tỏ rằng hoạt động tội phạm đã được thảo luận qua một đường dây điện thoại cụ thể, tức nó là “phi pháp”. Việc nghe lén chưa từng được sử dụng trong những vụ điếu tra giao dịch nội gián trước đó, nhưng các đường dây giao dịch nội gián theo nhiều nghĩa giống như tội phạm có tổ chức. Và giống như nhiều tổ chức tội phạm, nhiều quỹ phòng hộ mà FBI đang xem xét hoạt động bí mật và theo thứ bậc, với những nhân viên cấp thấp làm những việc dễ bị tình nghi trong khi các sếp ở cấp cao coi như

không hay biết và thu về phần lớn lợi lộc. FBI cảm thấy họ cần những công cụ tương tự như đã sử dụng để đi đầu tra các băng đảng. Makol đã giúp Slaine ghi âm cuộc gọi với một trong những người bạn thân nhất của ông ta, một giao dịch viên ở Galleon tên là Zvi Goffer, trong đó họ thảo luận về thông tin bất hợp pháp. Sử dụng bằng chứng này, chính quyền được phép nghe lén cuộc gọi của Goffer. Không lâu sau đó, phòng nghe lén của FBI đã hẫ sinh.

ooo

Bất chấp tình trạng ảm đạm của thị trường chứng khoán năm đó, 2007 là một năm có lợi nhuận ở SAC. Riêng nhóm của Michael Steinberg kiếm được hơn 27 triệu đô la, cho dù đã thua lỗ trong vụ NetApp. Phần chia của Steinberg - tổng lợi nhuận ông ta được giữ lại - là 31%. Ông có trách nhiệm trả thưởng cho các chuyên viên phân tích và giao dịch viên trong nhóm của mình từ phần tiền đó dựa trên việc ông cảm nhận về mức đóng góp của họ. Tiền bạc là giá trị con người ở SAC, và Steinberg gửi một thông điệp mạnh mẽ tới Horvath với việc cho anh ta khoản tiền thưởng tương đối khiêm tốn là 416.084 đô la, so với 1,5 triệu đô la cho một chuyên viên phân tích khác trong nhóm. Horvath có thể thấy mình đang đứng trước nguy cơ bị sa thải. Anh ta bước vào năm mới với quyết tâm phải làm tốt hơn.

Horvath nghĩ tới mọi người mà mình biết, cố gắng tìm hiểu xem ai có thể ở vị thế giúp anh ta có được kiểu thông tin mà các sếp ở SAC muốn. Tất cả các mối quan hệ đều có thể hữu ích: cha mẹ, bạn bè của cha mẹ, hàng xóm, bác sĩ, người trượt tuyết cùng, bất cứ ai anh ta từng tiếp xúc có thể được tiếp cận thông tin doanh nghiệp có giá trị, ngay cả nếu họ không

biết đi đâu đó. Trong một số trường hợp, thông tin có thể tới từ nơi thật rõ ràng, như một chuyên viên phân tích ở quỹ phòng hộ khác cũng đang muốn tìm kiếm lợi thế thông tin cho mình.

Một người bạn của Horvath, một chuyên viên phân tích tên là Jesse Tortora, có vẻ háo hức chia sẻ thông tin kiểu đó.

Tortora là kiểu người trái ngược với Horvath - bảnh chọe, tự tin, quan hệ rộng, hay ít ra có vẻ bên ngoài như thế. Anh ta đã đi một con đường quen thuộc để vào thế giới quỹ phòng hộ. Sau khi lấy bằng kỹ sư, anh ta làm việc cho Intel ba năm trước khi trở thành chuyên viên phân tích mảng công nghệ ở Prudential Securities. Từ đó, anh ta có thể sử dụng các đồng nghiệp cũ ở Intel làm nguồn tin về ngành linh kiện bán dẫn, những thông tin mà sau đó anh ta chuyển cho các chuyên viên phân tích ở hàng loạt quỹ tương hỗ và quỹ phòng hộ, bao gồm Galleon và SAC, vốn là khách hàng của Prudential. Khi Prudential đóng cửa đơn vị kinh doanh chứng khoán của họ, Tortora mất việc. Anh ta chuyển sang Bờ Đông và tham gia phòng vấn vị trí chuyên viên phân tích ở quỹ phòng hộ Diamondback Capital. Những mối quan hệ của anh ta ở các công ty công nghệ giúp Tortora được tuyển dụng.

Tortora cảm nhận bằng bản năng rằng người ta cần thông tin nội gián để kiếm được tiền ở một quỹ phòng hộ. Tuy nhiên, thông tin tốt không dễ có; lấy được thông tin đó mất nhiều tháng trời xây dựng lòng tin và quan hệ với những nhân viên được tiếp cận những gì diễn ra ở nội bộ các công ty lớn. Tortora đã có sẵn một số mối liên lạc này, nhưng anh ta luôn sẵn tìm thêm nữa. Anh ta thấy rằng mình và bạn bè có thể khai thác tối đa thông tin họ có nếu chia sẻ cùng nhau, một kiểu “sàn đấu sinh tử”^[73] cho thông tin nội gián. Anh ta đề xuất ý tưởng này với Horvath, người sẵn

sàng tham gia. Rồi Tortora mời vài người khác nữa tham gia, những người anh ta biết và tin cậy, bao gồm Sam Adondakis, chuyên viên phân tích ở quỹ phòng hộ Level Global Investors mà anh ta từng làm việc cùng tại Prudential, rồi Ron Dennis, một chuyên viên phân tích khác của SAC vốn là khách hàng cũ từ những ngày Tortora còn ở Prudential. Dennis đồng ý với một điều kiện: yêu cầu Tortora không bao giờ gửi thông tin cho mình qua thư điện tử, anh ta chỉ muốn liên lạc qua điện thoại.

Sự thận trọng của Dennis trong việc không sử dụng thư điện tử lẽ ra là lý do khiến Tortora phải dừng lại và tự hỏi anh ta đang làm gì, nhưng anh ta lại không. Thay vào đó, anh ta tiếp tục, viết ra tất cả mọi thứ. “Quy định số một là về email list,” Tortora viết cho Horvath, Adondakis và ba người khác khi giới thiệu họ với nhau. “Không có email list (ý nhắc nhóm sàn đấu sinh tử).” Anh ta viết thêm. “Hãy tận hưởng. Thành tích của các bạn giờ sẽ tăng 100%... và sắp sẽ yêu quý các bạn.”

ooo

Đầu năm 2008, nền kinh tế chính thức rơi vào suy thoái, và giá bất động sản trên cả nước lao dốc. Giá đặc biệt giảm mạnh ở những nơi như Las Vegas và Miami, những nơi mà giới đầu cơ đã tràn ngập thị trường, nhưng phần còn lại của đất nước cũng chật vật. Lần đầu tiên kể từ năm 2000, giá nhà ở mười thành phố lớn của Mỹ giảm mạnh hơn so với bất kỳ thời điểm nào kể từ năm 1987. Tất cả các ngân hàng nắm giữ những khoản vay mua nhà giờ gặp rắc rối. Ngày 11 tháng Một, Ngân hàng Hoa Kỳ (Bank of America) tuyên bố họ đã mua lại Countrywide Financial, cứu công ty khổng lồ chuyên mảng thế chấp này khỏi phá sản. Đây mới là bắt đầu cho hàng loạt vụ giải cứu và cứu trợ các định chế tài chính mà tình trạng không

trả được nợ của chúng đe dọa hệ thống tài chính.

Ngay khi cuộc khủng hoảng tài chính nổ ra, SAC đạt tới đỉnh, với gần 1.200 nhân viên và gần 17 tỉ đô la tài sản, một nửa trong đó thuộc về Cohen và các nhân viên của ông. Kể từ khi thành lập năm 1992, hãng đã trải qua vài lần tái sáng tạo chính mình: đầu tiên là thành lập ban giao dịch trong ngày với bạn bè học đại học của Cohen; rồi hoạt động chuyên nghiệp hơn với các nhân viên kiểu Ivy League; và cuối cùng là một cỗ máy nghiên cứu và thu thập thông tin đầy các chuyên viên phân tích chuyên sâu những ngành khác nhau. Sự bùng nổ cuối cùng của hãng là tham vọng nhất. Cohen đã đẩy công ty tới mọi góc ngách của thị trường, mở các văn phòng ở châu Á và châu Âu, ra mắt đơn vị góp vốn tư nhân để mua chứng khoán ở các công ty chưa niêm yết, và khởi động một nhóm giao dịch trái phiếu, lĩnh vực mà ông không biết nhiều nhưng giờ chiếm một phần tư quỹ của ông. Lợi nhuận của SAC đạt trung bình 30% trong 18 năm trước đó, một mức cao không tưởng, cao hơn vài lần so với lợi nhuận trung bình của thị trường. Cohen là một trong những người giàu nhất thế giới, với tài sản gần 10 tỉ đô la.

Ông và các nhân viên giao dịch không che giấu sự giàu có của mình. Để có bằng chứng về sự thành công của công ty, bạn không cần nhìn đâu xa hơn bãi đậu xe của SAC ở Stamford. Một giám đốc danh mục lái một chiếc Mercedes với cửa xe mở tung lên trên như cánh chim mòng biển^[74], một người khác có một chiếc Maserati, trong khi một người khác nữa, mới vào làm tập sự chưa lâu, lái một chiếc Bentley Continental màu nâu. Chủ tịch công ty, Tom Conheaney, đi làm bằng một chiếc mô tô Ducati và đôi khi đậu chiếc xe đua cao tốc của ông ta ở bãi. Các giao dịch viên của SAC nổi tiếng với việc đi đánh golf vào cuối tuần bằng máy bay trực thăng.

Một hôm một người tư vấn sau khi ghé thăm công ty chuẩn bị ra về thì chẳng may cài nhầm số xe trong bãi đậu và lùi vào một chiếc Mercedes trị giá 150.000 đô la, một chiếc BMW Series 7 và một chiếc Ferrari thuộc sở hữu của một giao dịch viên SAC. Tay tư vấn hoảng vía và bắt đầu xin lỗi, chắc hẳn sẽ bị sa thải hay còn tệ hơn. Dù chủ nhân của chiếc BMW, một phụ nữ, đã hét toáng lên với anh ta, những người đàn ông có món đồ chơi đắt tiền bị hư hại vẫn bình thản. Tay giao dịch viên chủ chiếc Ferrari nhún vai và nói, “Tôi đành đi con Ferrari vẫn cất ở nhà vậy.” Ngay cả với tiêu chuẩn ám ảnh bởi tiền bạc của Phố Wall, sự ngông cuồng của SAC vẫn rất khác thường.

Từ năm 2006 tới 2008, SAC đã tăng gấp đôi quy mô, những giao dịch viên và chuyên viên phân tích hàng đầu của hãng được chăm bẵm như những con ngựa giống thuần chủng^[75]. Ba nhân viên mát xa được trả lương để giúp họ thư giãn cơ bắp. Crystal là thợ mát xa được ưa thích nhất; cô là chuyên gia về mát xa Thái chuyên đi lưng cho các giao dịch viên, dùng gót chân miết lên lưng toàn bộ nhóm công nghệ thông tin. Những kiệt tác trong bộ sưu tập nghệ thuật cá nhân của Cohen, lúc đó được định giá 1 tỉ đô la, tô điểm cho các bức tường. Trong văn phòng của mình, ông trưng bày một tác phẩm quái đản với tựa đề *Self*^[76], của nghệ sĩ ý niệm Marc Quinn, thứ đã gây ra không ít đũa cọt trong văn phòng. Đó là một bức điêu khắc cái đầu của chính nhà nghệ sĩ, được làm từ tám pint^[77] máu của ông ta đổ vào trong một cái khuôn và làm đông lạnh. Cohen có một hệ thống làm lạnh đi đầu chính theo yêu cầu lắp đặt ở đó để giữ cho bức tượng ở nhiệt độ cần thiết, ông đã mua tác phẩm này vào năm 2005 từ Charles Saatchi với giá 2,8 triệu đô la, vài tháng sau khi ông trả 8 triệu đô la cho một tác phẩm lòe loẹt khác từ bộ sưu tập của Saatchi, con cá mập

của Damien Hirst lơ lửng trong formaldehyde, tên gọi *The Physical Impossibility of Death in the Mind of Someone Living*^[78]. Mọi người đưa cọt về con cá mập đó, một bài tụng ca châm biếm chính Cohen, kẻ săn mồi tối thượng.

Gần như không lúc nào trong 24 giờ mỗi ngày mà Cohen không dùng cho mục đích kiếm tiền, và ông cho rằng phần lớn thành công của SAC là bởi tinh thần làm việc này. Cohen dậy sớm và nghiên cứu thị trường ở nhà trước khi được vệ sĩ chở tới văn phòng lúc 8 giờ sáng trong một chiếc Maybach màu xám. Tới nơi sẽ có sẵn một bát bột yến mạch gói trong giấy bóng kính đợi ông ở bàn làm việc. Nơi ông làm việc ở trung tâm sàn giao dịch giống như một buồng lái máy bay, với 12 màn hình treo trước mặt. Vì thời gian của Cohen quá giá trị, hầu hết các hoạt động - từ cắt tóc tới các cuộc hẹn - được lên kế hoạch để ông không phải phân tâm khỏi các màn hình từ 9 giờ 30 phút sáng tới 4 giờ chiều. “Mọi thứ diễn ra ở bàn làm việc của ông ấy,” một giao dịch viên ngồi cạnh ông nhiều năm nói. “Mọi thứ.”

Cohen tập trung vào việc đảm bảo ông được tiếp cận mọi thông tin đã có tới mức ông thuê các giao dịch viên nghiên cứu lọc những tin nhắn của ông và đảm bảo rằng ông xem được các tin quan trọng. Bất cứ lúc nào ông tới Las Vegas để thăm cha mẹ, hay tới Đại học Brown, nơi Cohen là thành viên hội đồng tín thác, hay vào kỳ nghỉ hè hằng năm của ông với Alex, một nhóm các chuyên viên tư vấn tiền trạm sẽ đi trước. Ông thuê thêm một phòng phụ tại bất cứ nơi nào ông ở và sử dụng làm phòng làm việc, nơi nhân viên tái tạo chỗ làm việc của ông chi tiết tới mức ông khó phân biệt được nó với văn phòng thật của mình.

Mỗi Chủ nhật vào khoảng buổi trưa, Cohen ngồi xuống bàn làm việc ở văn phòng tại nhà với một tập giấy ghi chú màu vàng trong tay. Từng giám

đốc danh mục của ông được gọi tới để báo cáo những ý tưởng giao dịch hay nhất của họ cho tuần sắp tới. Buổi đó được gọi là Sunday Ideas Meeting (họp ý tưởng Chủ nhật), và nó là nguồn cơn của mối lo lắng không ngừng của các nhân viên SAC. Mỗi cuộc nói chuyện diễn hình kéo dài năm phút, các giao dịch viên nghiên cứu của Cohen cũng tham gia để ghi chú. Các giám đốc danh mục được trông đợi có một ý tưởng ra tiền để trình lên Cohen cùng một bản “đánh giá mức độ tin cậy” kèm theo - một cách để tìm hiểu họ chắc chắn khoản đầu tư sẽ mang lại bao nhiêu.

Những giao dịch viên làm việc trực tiếp với Cohen, thực hiện các giao dịch trên sổ sách của chính ông, được gọi là “giao dịch viên thực thi”, và họ quả là những người thực thi, chỉ làm những gì được yêu cầu và không hỏi gì cả. Họ nổi tiếng ở Phố Wall là “tay sai” của Cohen, vì họ có công việc bạc bẽo là đại diện cho sếp của mình hủy hoại những người khác trên thị trường mỗi ngày. Cùng lúc, họ phải cố gắng duy trì quan hệ tốt với chính những người đó để có thể tiếp cận thông tin và dòng chảy giao dịch hằng ngày. Đó là một công việc rất khủng khiếp.

Một buổi sáng ngày làm việc diễn hình trong đời một gã “tay sai” về lý thuyết có thể diễn ra như thế này: sau khi ăn bột yến mạch và thị trường mở cửa, Cohen sẽ tắt “máy quay của Steve”, một kênh âm thanh và hình ảnh truyền các hoạt động và những cuộc nói chuyện của ông tới tất cả mọi người trên sàn giao dịch, và gọi điện thoại. Sau vài phút ông sẽ gác máy. Vì ông chuyển về trạng thái “riêng tư”, nhân viên chỉ có thể đoán ông đã nói gì. Rồi ông có thể xoay sang một trong những giao dịch viên thực thi với mệnh lệnh: “Bán khống 500.000 Nextel.”

Tay giao dịch viên sẽ quay sang người phụ trách cho vay chứng khoán, bộ phận chịu trách nhiệm mượn cổ phiếu từ công ty khác để SAC có thể

bán khống. “Hãy cho tôi mượn 500 Nextel.”

Tay giao dịch viên sau đó sẽ điện cho người môi giới của anh ta ở Bear Steams chẳng hạn, với lệnh bán khống cổ phiếu đó. “Tôi muốn bán 500 Nextel.”

Tay môi giới ở Bear sẽ biết liệu lệnh đó có xuất phát từ Cohen hay không, và vì những lý do bản năng tự bảo toàn, tay này sẽ cố gắng tìm hiểu càng nhiều càng tốt về động cơ đằng sau trước khi hồi đáp. “Anh đang nghĩ gì vậy?” tay ở Bear có thể hỏi như thế.

“Anh biết lệnh bán là từ đâu mà,” tay giao dịch của Cohen có thể trả lời. Dịch ra là: “Stevie đang bán đấy, anh chỉ cần biết thế thôi.”

Tay môi giới ở Bear sau đó sẽ phải quyết định: hoặc nhận 500.000 cổ phiếu từ tay Cohen và cố thoát khỏi chúng, biết rõ hoàn toàn là tay giao dịch lớn nhất ở Phố Wall, Stevie Cohen, vì lý do nào đó đã bán khống số cổ phiếu đó; hoặc từ chối và như thế chắc chắn nhận lấy phần tã tộ trong giao dịch - nhận chỗ đối lập với Cohen - và chấp nhận rủi ro khiến một trong những khách hàng giá trị nhất của công ty xa lánh.

Khả năng lớn nhất, Bear Steams sẽ mua số cổ phiếu đó, và giao dịch viên của Cohen sẽ báo lại với sếp: “Đã bán 500 Nextel.”

“Anh có được giá tốt nhất không đấy?” Cohen sẽ hỏi. Có, tay môi giới sẽ nói, anh ta đã có giá tốt nhất. Hay lắm, Cohen sẽ nói, giờ hãy bán khống thêm 500.000 nữa.

Giờ thì tay giao dịch viên của Cohen ở vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. “Ta có gọi lại cho Bear Steams không?” một giao dịch viên ở một quỹ đối địch đã quen thuộc với chiến lược này hỏi. “Không, vì họ sẽ hỏi các vị đang làm cái quái gì thế. Nên ta sẽ gọi cho Morgan Stanley.”

Nên giao dịch viên của Cohen sẽ gọi cho Morgan Stanley và nói, “Tôi

sẽ bán 500 Nextel. Sẽ căng đấy,” có nghĩa là giá nhận được phải là tốt nhất. Morgan Stanley có thể đề nghị mua lại cổ phiếu với giá 21% đô la, Tay giao dịch viên sẽ nói, Không, phải là 22 đô la. Morgan sẽ tính toán giống như Bear, nhận các cổ phiếu, và rồi quay sang cố bán chúng ngoài thị trường mở, và động tác này sẽ đẩy giá xuống thấp hơn nữa.

Bỗng nhiên Bear Stearns, vốn đã xoay sở bán được chỉ 200.000 cổ phiếu trong số 500.000 mà họ vừa mua từ SAC, sẽ muốn biết chuyện quái gì đang xảy ra. Giao dịch viên của SAG sẽ câu giờ - anh ta cũng chẳng biết chuyện quái gì đang xảy ra cả, anh ta là giao dịch viên thực thi và anh ta đang làm việc của mình: thực thi. Rồi tay giao dịch của SAC sẽ phải chuyển sang các tay môi giới khác của anh ta và tiếp tục bán Nextel, bán không cổ phiếu cho tới khi Cohen nói ông không muốn bán nữa.

Sau khi thị trường đóng cửa, Nextel có thể tuyên bố trước lợi nhuận âm, cảnh báo Phố Wall rằng quý tiếp theo của họ sẽ đáng thất vọng, cổ phiếu sẽ giảm 3 đô la. Cohen sẽ kiếm được 3 triệu đô la, trong khi giao dịch viên của Bear mất 900.000 đô la, của Morgan là 1,5 triệu đô la. Giao dịch viên của Cohen đã hứa sẽ trả lại các khoản tiền đó bằng những khoản hoa hồng trong tương lai.

Mỗi ngày đều diễn ra theo kiểu “tôi sẽ hủy diệt các vị hôm nay và đền bù cho các vị sau”. Hết năm này tới năm khác, các nhân viên của Cohen sẽ chứng kiến trong kinh ngạc cùng kịch bản này lặp đi lặp lại với các chứng khoán khác nhau và những hoàn cảnh khác nhau. Không ai có thể có được một thỏa thuận kết thúc có lợi khi giao dịch với Stevie Cohen.

ooo

Vào lúc cuộc khủng hoảng tài chính thêm trầm trọng, ngay cả một số

người giàu nhất thế giới cũng bắt đầu lo lắng về việc tài sản của họ có an toàn hay không. Cohen, bình thường vốn chai lì với cảm giác hoảng hốt, bắt đầu cảnh báo các giao dịch viên và giám đốc danh mục không được quá mạo hiểm trên thị trường. Trong nhiều năm, Phố Wall đã kiếm được hàng tỉ đô la từ thị trường nhà đất bùng nổ và cả mớ hỗn loạn các sản phẩm thế chấp và phát sinh xuất phát từ đó. Vốn chắc chắn rằng giá trị những căn nhà của mình chỉ có thể tăng, hàng triệu người Mỹ đã vay mượn vô tội vạ dựa trên các khoản thế chấp, được hỗ trợ và xúi giục mỗi bước bởi ngành tài chính. Từ năm 2000 tới 2007, Phố Wall đã kiếm được hơn 1,8 nghìn tỉ đô la giá trị các chứng khoán từ những khoản thế chấp dưới chuẩn. Giờ thì tất cả có vẻ thật đáng ngờ.

Tới năm 2009, ba lực lượng hùng mạnh bắt đầu hội tụ ở SAC. Một là bối cảnh chung của nền kinh tế, vốn đang trở nên khó đoán sau mỗi ngày trôi qua, khiến các giao dịch viên tuyệt vọng tìm kiếm cách chắc chắn để kiếm tiền. Hai là tham vọng cá nhân của Cohen, vẫn mạnh mẽ như bất kỳ lúc nào nhưng đã thay đổi về bản chất. Những ngày làm nhà đầu tư kiểu cao bồi của ông đã qua. Ông muốn các ý tưởng đầu tư chất lượng hơn, được đưa ra bởi kiểu nghiên cứu và các mối quan hệ mà các đối thủ nhỏ hơn, kém tinh vi hơn không thể bắt chước. Cuối cùng là chính quyền. Những người giám sát Phố Wall bắt đầu hiểu rằng nếu họ muốn thiết lập trật tự trong lĩnh vực tài chính, các quỹ như SAC phải bị giám sát chặt chẽ hơn.

Giữa môi trường đầy biến động này tình cờ xuất hiện Mathew Martoma, tay giám đốc danh mục y tế mới ở đơn vị CR Nội bộ của SAC. Martoma muốn chứng tỏ bản thân. Ngày 25 tháng Sáu năm 2008, anh ta đã chỉ thị giao dịch viên của mình, Timothy Jandovitz, bắt đầu mua gom cổ

phiếu của các công ty dược Elan và Wyeth. Đó là tháng Sáu tồi tệ nhất mà thị trường chứng khoán từng trải qua kể từ cuộc Đại suy thoái, và hầu hết các giao dịch viên lo lắng với việc nắm giữ bất cứ loại chứng khoán nào. Tuy nhiên, Martoma đây quyết tâm.

“Tôi muốn mua từ 750.000 tới 1 triệu cổ phiếu Elan trong ngày,” Martoma nói với Jandovitz một giờ đồng hồ trước khi thị trường mở cửa. Đó mới chỉ là mở đầu.

Chương 6

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bệnh Alzheimer ảnh hưởng tới khoảng năm triệu người ở Mỹ, nó là một cuộc tấn công tăng dần vào não bộ gây mất trí nhớ và thay đổi hành vi. Thật đau khổ cho các thành viên gia đình phải chứng kiến những người thân yêu của mình ngày càng rối trí, mất cân bằng, không thể tính tiền, lái xe, hay thậm chí là đánh răng, do trí não của họ suy thoái tới mức họ không thể nhận ra chính con mình. Căn bệnh tỏ ra là một kinh địch đặc biệt cứng đầu với các nhà khoa học. Cho tới giờ không gì có thể ngăn cản tác động của nó, nhưng các nhà khoa học hy vọng rằng loại thuốc mới bapineuzumab có thể khác. Công ty Elan, đặt trụ sở ở Ireland nhưng giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán New York, và công ty Wyeth, một công ty dược cỡ trung bình thành lập ở Philadelphia, đã cùng hợp tác phát triển bapineuzumab, còn được gọi là AAB-001, một phần để chia sẻ chi phí quá lớn của việc đưa một phương pháp điều trị bằng thuốc mới ra thị trường. Nếu các công ty có thể vượt qua được thủ tục ngặt nghèo của việc thử nghiệm và cấp phép thuốc và đưa ra một loại thuốc an toàn và hiệu quả, họ sẽ kiếm được hàng tỉ đô la.

Làm dịu bớt những đau khổ của bệnh nhân và thân nhân người bệnh không phải là ý định của các nhà đầu tư Phố Wall như Mathew Martoma, người đã theo dõi hành trình dài của bapineuzumab qua quy trình cấp phép theo quy định. Mỗi tuần, các giám đốc danh mục của Cohen được thông báo gửi cho

ông các báo cáo cập nhật về những ý tưởng đầu tư họ đang theo đuổi và đưa ra khuyến nghị cho các giao dịch. Bộ phận pháp chế của SAC^[79] đã lập một địa chỉ thư điện tử đặc biệt cho những bản báo cáo đó, steveideas@sac.com, để họ có thể để mắt tới những điếu trong các báo cáo. Martoma sử dụng địa chỉ đó để khuyến nghị mạnh mẽ về bapi.

Các báo cáo tuân theo một công thức định sẵn, với tên cổ phiếu trên cùng, cùng dòng “Giá mục tiêu” - mức giá mà giám đốc danh mục nghĩ cổ phiếu sẽ đạt tới - và khoảng thời gian đề xuất cho giao dịch. Phần quan trọng nhất của bản báo cáo là đánh giá “mức tín nhiệm”^[80], một con số theo thang từ 1 tới 10 cho biết tay giám đốc danh mục chắc chắn đến đâu về những đề xuất của ông ta. Martoma gửi bản báo cáo cho Cohen ngày 29 tháng Sáu năm 2008, khuyến nghị Elan với mức giá mục tiêu 40 tới 50 đô la. Cổ phiếu này đang giao dịch ở giá khoảng 26 đô la, nên mức tăng mà anh ta dự đoán dựa trên nghiên cứu của mình cho tới giờ là rất lớn. Mục “các yếu tố xúc tác”^[81], tức những sự kiện mà anh ta trông đợi sẽ khiến giá cổ phiếu cao hơn, Martoma viết rằng sắp tới sẽ có buổi thuyết trình thử nghiệm thuốc Alzheimer giai đoạn II ở ICAD (Hội thảo Quốc tế về Bệnh Alzheimer), một hội thảo của ngành, vào cuối tháng Bảy. Với “mức tín nhiệm”, anh ta cho điểm “9”. Anh ta ghi chú tương tự về Wyeth, với mức tín nhiệm cũng là “9”.

Mức độ tin cậy 10 chỉ được dành cho “sự chắc chắn tuyệt đối”, một mức có vẻ không thể đạt được thông qua các phương pháp nghiên cứu thông thường. Làm sao một người có thể chắc chắn 100% về một sự kiện trong tương lai, chứ đừng nói đến sự biến động của một chứng khoán? Mức tín nhiệm là cách mà các giao dịch viên thông báo giá trị thông tin của họ cho Cohen mà không làm lộ ra với ông những chi tiết về cách thức họ

biết đi đầu đó. Cohen dựa vào đó để quyết định có mua bằng tài khoản của chính ông không. Hệ thống đánh giá độ tin cậy từng là ý tưởng của bộ phận tuân thủ pháp luật, vốn luôn cố tìm ra những cách thức để bảo vệ Cohen và giúp ông không phải nhận thông tin chưa được công khai rõ ràng - nó giống như một đường hào bao quanh để bảo vệ tài sản giá trị nhất của công ty.

Là chuyên viên giao dịch chính mảng y tế của SAC, Tim Jandovitz chịu trách nhiệm với việc mua các cổ phiếu của Elan và Wyeth mà Martoma đang khuyến nghị. Jandovitz rất hợp cho công việc đó, với bộ não có thể tính những phép tính phức tạp chỉ trong vài giây. Anh ta tới công ty hầu hết các buổi sáng vào lúc 7 giờ và bắt đầu nghi thức mỗi ngày là chọn ra hàng chục ghi chú nghiên cứu từ các công ty Phố Wall, chuyển những ghi chú liên quan cho Martoma. Anh ta và Martoma thường xuyên ngồi lại với nhau lúc khoảng 9 giờ 15 sáng, ngay trước khi thị trường mở cửa, và lập chiến lược cho những giao dịch trong ngày của họ. Bằng cách theo dõi sát thị trường và ghi điểm khi cơ hội tới, anh ta giúp Martoma xây dựng các thương vụ ngày càng lớn hơn ở hai công ty dược Elan và Wyeth, đồng thời Martoma cũng thúc giục Cohen làm đi đầu tương tự. “Tôi đã trao đổi với Steve về việc đó,” Martoma sẽ nói sau khi đưa cho Jandovitz một lệnh mua nữa. Anh ta muốn làm rõ là sếp của họ đã đồng ý.

Jandovitz tự hỏi đi đầu gì sẽ khiến một giám đốc danh mục đánh giá một chứng khoán ở mức tín nhiệm 10, tức 100% chắc chắn về cổ phiếu họ đề xuất. Liên quan tới chuyện đó, anh ta hầu như không nhớ có lần nhìn thấy mức tín nhiệm 9. Có vẻ lạ lùng với Jandovitz, nhưng đây không phải việc của anh ta.

Martoma đã làm việc hơn hai năm để tìm hiểu mọi thứ có thể về bapi. Anh ta đã trao đổi với hàng trăm bác sĩ và nhà nghiên cứu y khoa, và tự tin rằng bapi sẽ hiệu quả. Và anh ta hy vọng kiếm được rất nhiều tiền khi đi đâu đó xảy ra.

Sự tự tin tuyệt đối của Martoma vào bapi một phần tới từ nguồn tin đặc biệt mà anh ta đã phát triển được. Nếu bạn muốn kiến thức chuyên môn về thuốc trị Alzheimer, bác sĩ Sidney Gilman là người tốt nhất có thể cung cấp. Ông là thành viên của Trường Y khoa Đại học Michigan, đang sống với vợ ở Ann Arbor, Michigan. Gilman được coi là chuyên gia đầu ngành về bệnh Alzheimer và các phương thức điểu trị. Tìm ra phương thuốc là sứ mệnh cuộc đời của ông.

Rất nhiều thành tựu của ông đã che đi một cuộc đời nhiều khốn khó. Gilman lớn lên trong nghèo khó ở Đông Los Angeles, con trai của những người Nga nhập cư kiếm sống chật vật. Cha ông, người làm đủ nghề để kiếm sống, bỏ đi khi Sid lên mười, để mặc mẹ ông một mình nuôi ba cậu con trai. Dầu vậy, Gilman đã trở thành một sinh viên kiểu mẫu, học trường Y ở Đại học California, Los Angeles trước khi dạy Y khoa ở Đại học Harvard và Columbia. Ông và người vợ đầu, Linda, chuyển tới Ann Arbor với hai con trai vào năm 1977 để ông điểu hành khoa Thần kinh, Đại học Michigan. Khi con trai lớn của họ, Jeff, tiết lộ anh là người đồng tính, Gilman đã không thể chấp nhận, và hai người lạnh nhạt với nhau. Jeff đã bị trầm cảm từ khi còn nhỏ, và sau khi chuyển ra sống riêng và bỏ học, anh tự sát vào năm 1983. Đó là sự gợi nhớ kinh hoàng tới những gì đã xảy ra với mẹ Gilman, bà cũng đã tự kết liễu đời mình ở tuổi 67.

Sau khi mất con trai, cuộc hôn nhân của Sid và Linda suy sụp, rồi cuộc

dẫn tới ly hôn. Năm 1984, Gilman tái hôn với một chuyên gia phân tích tâm lý tên là Carol Barbour. Ông và Barbour không có con chung, và mối quan hệ của Gilman với cậu con trai riêng còn sống, Todd, không được êm đẹp. Sau khi Todd tiết lộ với cha anh là người đồng tính, giống anh mình, anh và cha không nói chuyện với nhau nữa. Từ đó trở đi, Gilman dành phần lớn thời gian của ông chìm đắm trong các nghiên cứu, tới mức hầu như không còn đời sống riêng tư. “Ông ấy lao vào công việc để đỡ phải suy nghĩ,” một trong những học trò của ông ở Michigan, Anne Young, người sau này là trưởng khoa Thần kinh ở Bệnh viện Đa khoa Massachusetts, nói. Bảy ngày một tuần, có thể tìm thấy Gilman ở phòng thí nghiệm.

Phần lớn công việc của Gilman ngoài giảng dạy và nghiên cứu rất uy tín nhưng không được trả tiền. Ông làm trong các ủy ban tư vấn quốc gia và viết hàng trăm bài báo học thuật về chứng đãng trí và các bệnh khác ảnh hưởng tới não bộ và hệ thần kinh trung ương, ông đứng đầu các dự án nghiên cứu được cấp tiền tài trợ 3 triệu đô la và viết hay biên tập chín cuốn sách, tất cả khiến ông nổi tiếng trong lĩnh vực của mình.

Ông hầu như chẳng biết quỹ phòng hộ là gì, nhưng khi một giám đốc từ Gerson Lehrman Group tiếp cận Gilman năm 2001 mời ông làm tư vấn, ông thấy thích thú. Ông có thể thu xếp được thời gian, ông thấy thế, và khoản tiền họ trả thì hậu hĩnh. Ông nhanh chóng thấy mình thực hiện hàng trăm cuộc trao đổi mỗi năm với những người mà thông thường ông chẳng bao giờ tiếp xúc, các tay giao dịch viên và chuyên viên phân tích lấu cá quan tâm tới những khía cạnh khác nhau về y tế, từ bệnh Parkinson's đến bệnh teo đa hệ thống tới Alzheimer. Họ lịch sự và có nhiều thông tin, và những câu hỏi vượt ve cái tôi của Gilman, luôn kèm theo những lời tán

tụng về kiến thức sâu sắc của ông. Họ nài nỉ ông làm rõ những chi tiết còn mơ hồ của các phản ứng protein hay các điều chỉnh liều lượng, chủ yếu được moi qua những bữa tiệc tối dành đãi khách.

Gerson Lehrman Group tự gọi họ là “kẻ môi giới tri thức”, một mô tả có phần mỉa mai. Trên thực tế, đây là một công cụ mang tới thông tin vượt trội hơn cho những nhà đầu tư sành sỏi sẵn sàng trả tiền cho thông tin đó. Tuy nhiên, Gilman không nhận thấy vai diễn của ông trong sự bất công thị trường nhỏ bé này là vai xấu. Ngược lại thì đúng hơn. “Đó là một cơ hội trò chuyện với những người có góc nhìn hoàn toàn khác so với các sinh viên tôi gặp mỗi ngày,” Gilman nói về công việc đó. “Họ trả khá. Đó là một sự thay đổi với tôi. Thật lý thú.” Ông không cần tiền - trường đại học trả ông 310.000 đô la mỗi năm, một mức sống rộng rãi ở vùng Trung Tây còn nghèo khó - nhưng cũng chẳng việc gì nếu ông thấy tài khoản ngân hàng của mình tăng lên mỗi tháng. Mỗi một cuộc nói chuyện qua điện thoại kéo dài 30 phút với một giao dịch viên quỹ phòng hộ, GLG trả ông 1.000 đô la, khoảng gấp đôi so với mức phí của các luật sư doanh nghiệp hàng đầu. Mỗi cuộc gặp trực tiếp được trả phí 2.000 đô la.

Gilman nhanh chóng kiếm được hàng trăm nghìn đô la mỗi năm làm nghề tư vấn, mà chỉ phải nói về công việc mà ông yêu thích. Lối sống của ông chẳng thay đổi mấy, như một học sinh cũ nói: “Ông ấy không phải là kiểu người hào nhoáng thích những món đồ chơi đắt tiền.” Nhưng ông bắt đầu cho phép mình tận hưởng chút xa xỉ, như các chuyến bay hạng nhất và dịch vụ xe đưa đón.

Công việc với quỹ phòng hộ chiếm ngày càng nhiều thời gian của ông, và nó được thực hiện mà các đồng sự và cộng đồng khoa học của ông không biết. Đời sống của Gilman ngày càng bí mật hơn.

Ông đã đặt nguyên tắc không bao giờ đầu tư vào các chứng khoán được, vì ông lo lắng về xung đột lợi ích tiềm tàng. Nhưng ông nhanh chóng thấy mình ưu tiên công việc tư vấn hơn những việc khác ông vẫn quen làm, chẳng hạn như phục vụ cho các ban tư vấn hay viết những bài báo kiếm được ít tiền hoặc chẳng được đồng nào. Ông không phải là người duy nhất. Nhiều bạn bè và đồng sự của ông cũng làm thế. Thực tế, nghề y đã bị Phố Wall thâm nhập, khi ngày càng nhiều bác sĩ bị lôi kéo vào mạng lưới của ngành tài chính cao cấp trong vai trò các nguồn tin được trả tiền cho các tay quản lý tiền bạc. Năm 2005, *Journal of the American Medical Association*^[82] đăng tải một nghiên cứu cho thấy gần 10% các bác sĩ ở Mỹ có quan hệ được trả tiền với các nhà đầu tư Phố Wall, tăng 750% so với năm 1996. Con số không chính thức có thể còn cao hơn nhiều. Việc cộng tác nhanh chóng của những người làm nghề y, theo bài báo, “nhiều khả năng là chưa từng có trong lịch sử mối quan hệ nghề nghiệp của ngành này”.

Quá trình phát triển một loại thuốc mới dài và đắt đỏ; các công ty dược ngày càng tránh làm việc đó mà ưu tiên cho việc tiếp thị hay chuyển đổi mục đích các loại thuốc đã được lưu hành. Khi họ quyết lựa chọn khởi đầu một hành trình đắt đỏ như thế, họ sẽ đi tới giai đoạn thử nghiệm ở người, chẳng cuối cùng trước khi một loại thuốc mới có thể nhận được sự chấp thuận của FDA^[83] và bán cho người tiêu dùng. Thử nghiệm bắt đầu bằng Giai đoạn I, trong đó lần đầu tiên thuốc được thử ở một mẫu quy mô nhỏ, ít người tham gia thử nghiệm. Nếu thuốc an toàn và hiệu quả trên nhóm nhỏ tình nguyện viên thứ nhất đó, thì chuyển sang Giai đoạn II, nơi thuốc được thử nghiệm với một nhóm lớn hơn gồm hai trăm bệnh nhân hoặc hơn. Nếu ở thời điểm này thuốc tỏ ra an toàn và hiệu quả, nó bước vào

Giai đoạn III. Ở giai đoạn này, hai nghiên cứu độc lập sẽ được thực hiện để xác nhận những kết quả đã quan sát được trước đó: rằng thuốc an toàn và hiệu quả. Năm 2004, Gilman được Elan tuyển mộ để làm chủ tịch ủy ban giám sát an toàn cho bapi, một nhóm chuyên gia y khoa độc lập chịu trách nhiệm theo dõi sự tiến triển của nghiên cứu, đảm bảo không bệnh nhân nào gặp phải những tác dụng phụ nghiêm trọng.

Tất cả mọi người tham gia thử nghiệm bapi được yêu cầu ký một thỏa thuận giữ bí mật kiểm soát mọi khía cạnh của chương trình. “Bạn và nhân viên của bạn không được bình luận với bên thứ ba về thử nghiệm lâm sàng hay AAB-001 cho tới khi các kết quả phân tích và thử nghiệm cuối cùng đã được công bố,” theo một chỉ thị từ công ty gửi cho những người tham gia. “Các chuyên viên phân tích, nhân viên các quỹ phòng hộ, nhà đầu tư, phóng viên báo chí và thậm chí là đại diện các hãng dược khác có thể liên lạc với bạn tìm kiếm thông tin liên quan tới việc thử nghiệm hoặc ý kiến của bạn về kết quả dự kiến của thử nghiệm lâm sàng.” Một chỉ thị khác cảnh báo: “Giao dịch chứng khoán của Elan hay Wyeth khi bạn đang nắm các thông tin chưa được công khai có thể khiến bạn phải chịu trách nhiệm dân sự hoặc hình sự theo pháp luật về giao dịch chứng khoán của bang và liên bang.”

Ban đầu, Gilman cố gắng hết sức để tuân thủ các quy định. Ông hiểu danh tiếng của mình phụ thuộc vào đó.

ooo

Gần như ngay sau khi việc thử nghiệm bắt đầu, ủy ban giám sát an toàn bapi cũng nhận được các báo cáo về một tác dụng phụ đáng lo ngại. Tác dụng phụ này được gọi là phù nề do nguyên nhân mạch máu^[84], một dạng

phù ở sau não được phát hiện thông qua việc quét não định kỳ. Gilman lấy làm lo ngại. Ông đã quan sát thấy hiện tượng não phù trong lần thử nghiệm một loại thuốc điều trị Alzheimer trước đó tên gọi AN-1792. Trong trường hợp đó, các công ty dược phải dừng thử nghiệm vào năm 2002 do những ca viêm não nặng ở bệnh nhân, điều cho thấy thuốc có độc. Lần này có vẻ như sẽ khác. Các nhà nghiên cứu tin rằng bệnh Alzheimer gây ra do sự tích tụ trong não của một loại “keo protein” hay chất bợn tên là “beta amyloid”, chất này cản trở liên lạc giữa các tế bào thần kinh. Bapi được thiết kế để tấn công chất bợn đó. Gilman hy vọng rằng chứng phù ở não bệnh nhân là dấu hiệu cho thấy bapi đang phát huy tác dụng, bằng cách đào hang trong mạch máu của người bệnh và quét sạch các chất bợn.

Trong những tháng tiếp theo, Gilman và Martoma trao đổi thường xuyên về bapi qua điện thoại, đôi khi hàng giờ liền. Họ đã gặp nhau uống cà phê ở các hội thảo y khoa, nơi Martoma thường đi cùng Rosemary và các con. Rosemary tiếp tục tham gia sâu vào mọi khía cạnh công việc của chồng. “Mathew không làm việc đó một mình,” sau này cô ta nói. “Đó là kiểu công việc phải cắm đầu cắm cổ làm cả ngày lẫn đêm.” Họ thảo luận về nghiên cứu và các ý tưởng đầu tư của anh ta rất lâu và tranh luận xem nên đầu tư bao nhiêu tiền vào mỗi ý tưởng. Cô ta chịu trách nhiệm hoàn toàn việc nhà cửa và con cái để anh chồng có thể làm công việc của mình mà không bị phân tâm. Chủ đề bapi trở thành một chuyện đùa trong nhà. Thỉnh thoảng trong những cuộc trao đổi của mình, Rosemary và Martoma lại hét lên bằng từ cảm thán mới: “Bapsolutely!”^[85].

Dù Gilman còn trao đổi với vài chục tay giao dịch ở các quỹ phòng hộ khác, Martoma là khách hàng tư vấn hàng đầu của ông. Trong các cuộc

trao đổi, Martoma thổ lộ với ông, chia sẻ những chi tiết về mối quan hệ với vợ và những thách thức của việc sinh con quá dày. Dù Gilman ban đầu cưỡng lại nỗ lực kết bạn của Martoma, vì đi đầu đó có vẻ không phù hợp, ông cảm thấy thật sự, có lẽ là khó giải thích được, quan tâm tới hạnh phúc của Martoma. Gilman muốn anh ta thành công và cảm thấy đã đầu tư vào sự thành công đó. Sự thật là Martoma nhắc ông nhớ tới con trai đầu của mình, Jeff. Đổi lại, Martoma đối xử với Gilman như thể ông là cha mình, Quan hệ của họ trở nên gần gũi tới mức Gilman hầu như không để ý khi Martoma bắt đầu từ từ hướng ông vào những lĩnh vực trao đổi rõ ràng là bị cấm đoán. Dần dần, Martoma bắt đầu hỏi những câu hỏi trực tiếp hơn. Anh ta có vẻ đặc biệt tập trung vào các tác dụng phụ mà Gilman đã quan sát được ở những bệnh nhân dùng thuốc bapi, đi đầu có thể chỉ ra liệu có vấn đề với thuốc hay không. “Có thể dự kiến các tác dụng phụ nào?” Martoma cứ hỏi mãi như thế. Thông qua các nghiên cứu thấu đáo của mình, anh ta hiểu rằng chứng phù não có khả năng do nguyên nhân mạch máu, hay não bị sưng lên, và anh ta liên tục hỏi Gilman về đi đầu đó. Một tác dụng phụ như thế có nguy cơ làm trượt đường ray việc phê chuẩn loại thuốc mới.

Một hôm, dưới sự truy hỏi quyết liệt của Martoma, Gilman trở nên khó chịu. Ông cố gắng trả lời chỉ ở mức độ lý thuyết, đáp lại một cách mơ hồ và tránh né đi đầu thực sự xảy ra. “Lấy ví dụ,” Gilman nói với Martoma, “ở những bệnh với các liều kháng sinh lớn, như lupus, thấp khớp, ta bị đau, ta bị nhức đầu, ta bị đau lưng, đau khớp...”

“Rất lý thú,” Martoma nói. Anh ta im lặng một lúc, cố gắng lôi câu chuyện trở lại cuộc thử nghiệm bapi. “Ông đã *thật sự* thấy gì?”

Gilman biết Martoma đang hỏi những chi tiết mà ông bị cấm chia sẻ.

“Tôi không thể nói với anh chuyện đó,” ông nói.

Martoma tiếp tục gặng hỏi, muốn biết xem người ta đã quan sát được gì với bapi.

“Với đa kháng thể, người ta có thể trông đợi một số tác động không có nguyên nhân rõ ràng, chủ yếu là ở các khớp, nên đau ở vùng dưới lưng hay đau đầu hay khớp hay hậu quả khác liên quan tới thấp khớp có thể xảy ra,” Gilman nói.

“Chúng đã xảy ra chưa?” Martoma hỏi.

“Chúng đã xảy ra,” bác sĩ Gilman cuối cùng cũng nói. Ông cảm thấy rất khó chịu, ủy ban giám sát an toàn đang chuẩn bị hàng loạt báo cáo về chứng phù não do nguyên nhân mạch máu ở các bệnh nhân. Dù đây là bí mật, Martoma có vẻ bằng cách nào đó đã biết và đang tìm kiếm thông tin xác nhận, và Gilman vừa trao thông tin đó cho anh ta. Các bác sĩ tham gia thử nghiệm vẫn đang tranh cãi liệu tác dụng phụ này có phải là dấu hiệu về độc tính tiềm tàng, hay cho thấy hiệu quả của bapi hoặc cả hai. Gilman biết rằng ông đã vượt qua lằn ranh khi tiết lộ đi đâu đó cho Martoma. Nhưng ông cảm thấy không thể nói không.

Ông bắt đầu chia sẻ các chi tiết bí mật về nghiên cứu bapi với Martoma một cách thường xuyên. Ông nói cho anh ta biết về việc não bị phù có thể là dấu hiệu cho thấy thuốc có tác dụng, việc các liều lượng thuốc khác nhau ảnh hưởng tới bệnh nhân thế nào, việc những người mang một loại gen cụ thể gắn với bệnh Alzheimer phản ứng ra sao. Martoma tiếp nhận tất cả thông tin đó và gặng hỏi thêm nữa. Anh ta đặc biệt quan tâm tới số lượng bệnh nhân cho thấy các tác dụng phụ, càng cụ thể càng tốt. Gilman cố gắng không nghĩ về những gì Martoma sẽ làm với thông tin mà ông đã trao cho anh ta.

Cãi vã ầm ỹ không phải là hiếm gặp trên sàn giao dịch ở SAC. Cohen thích các chuyên viên phân tích đặt lệnh và các giám đốc danh mục có quan điểm khác nhau đối đầu với nhau và quan sát việc họ cố gắng bảo vệ quan điểm của mình. Ngay cả trong một môi trường như thế, vụ giao dịch Elan và Wyeth vẫn cực kỳ gây tranh cãi. Dù Martoma còn tương đối non kinh nghiệm, bằng cách nào đó anh ta đã thuyết phục được Cohen xây dựng những thương vị lớn với cả hai chứng khoán này. Hầu hết các giao dịch viên khác trong công ty lấy làm khó hiểu. Mọi người bắt đầu nghi ngờ.

Một nhóm khác của các giao dịch viên chuyên mảng y tế, do Jason Karp đứng đầu, cũng đã nghiên cứu về thử nghiệm bapi, và họ đi tới một kết luận khác: họ nghĩ rằng loại thuốc này sẽ thất bại. Một phần công việc của Karp là giảng dạy cho các chuyên viên phân tích khác trong công ty cách thức xây dựng những mô hình ước tính giá trị của các chứng khoán khác nhau. Anh ta được lòng đồng nghiệp và mặc dù mới qua tuổi 30, Karp cho mình là một người dẫn đường. Anh ta thích đưa ra các lời khuyên. Nhưng anh ta cũng biết cách lèo lái bầu không khí văn phòng.

Karp và hai chuyên viên phân tích của anh, David Munno và Benjamin Slate, vừa trải qua ba năm liên tiếp có lợi nhuận rất lớn và được coi là nhóm y tế giỏi nhất công ty. Cả ba người đều không thích Martoma. Cả ba đã giật mình khi thấy cổ phiếu Wyeth xuất hiện trong tài khoản của SAC, và họ bắt đầu hỏi dò xung quanh.

“Tại sao công ty lại đặt cược một tỉ đô la vào Wyeth?” Karp hỏi Cohen.

“Đó là thương vị của Wayne,” Cohen trả lời. Mọi chuyện lẽ ra kết thúc ở đó.

Cái tên đó gọi ra sự kính sợ ở sàn giao dịch SAC. Wayne Holman là cựu giám đốc danh mục ở SAC, tốt nghiệp Trường Y Đại học Yale và Đại học New York, từng làm chuyên viên phân tích ngành dược ở Merrill Lynch trước khi tới làm việc cho SAC. Cohen từng cố gắng chiêu mộ ông này nhiều lần trước khi khoản lương thưởng rất cuộc đã thuyết phục được Holman; sau khi đã về SAC, ông ta nhanh chóng kiếm được nhiều tiền hơn gần như tất cả mọi người. Martoma gọi Holman là “vị thần ngành y tế”.

Năm 2006, khi Holman rời SAC để khởi sự quỹ phòng hộ của riêng mình, Ridgeback Capital Management, Cohen đã góp 800 triệu đô la, với những đi đầu khoản linh động hơn nhiều so với các khoản vốn ông thường góp vào các công ty mới do giao dịch viên cũ của ông thành lập. Cohen không thoải mái lắm với triển vọng đầu tư vào những chứng khoán ngành y tế mà không có ý kiến của Holman tới mức yêu cầu Holman tiếp tục khuyến nghị cho ông. Holman đã ký một thỏa thuận tư vấn hệ thống hóa việc ông sẵn lòng trao đổi với Cohen về Wyeth dù ông không còn làm việc cho SAC. Đổi lại, SAC đồng ý trả cho Holman khoản “phi tư vấn” 20 tới 30% lợi nhuận của SAC trong vụ đầu tư này. Cohen thường không đưa ra những đề nghị như thế, nhưng Holman đáng giá.

Holman tin rằng cách hợp lý hơn để đặt cược vào bapi là đầu tư cho Wyeth, đã lớn hơn và có nhiều sản phẩm hơn Elan, đồng nghĩa nếu bapi không hiệu quả, hãng này ít có nguy cơ gặp rắc rối hơn. Elan, mặt khác, cột chặt tương lai của họ vào cuộc thử nghiệm loại thuốc trị Alzheimer. Hãng chỉ có thêm một loại thuốc khả thi nữa đang được phát triển, Tysabri, được thiết kế để điều trị đa xơ cứng^[86]. Nhưng Tysabri đã gặp nhiều vấn đề, gây ra nhiễm trùng ở não trên một số bệnh nhân. Holman dự đoán nếu

bapi không hiệu quả, cổ phiếu của Elan sẽ bị nghiền nát. Bởi tất cả những điều đó, đây là một vụ đầu tư cực kỳ rủi ro. Mặc dù Holman là vị thần của ngành y tế, Cohen có vẻ đã phớt lờ ông khi tính tới Elan và nói với mọi người rằng Martoma là người ông tin tưởng. Martoma đã được “gắn tên” vào thương vụ trong tài khoản của Cohen, đồng nghĩa với việc anh ta chịu trách nhiệm cho vụ đầu tư Elan và sẽ chia sẻ lợi nhuận từ đó. Anh ta cũng được gắn tên trong vụ Wyeth nữa.

Munno và Slate không hiểu nổi tại sao Cohen lại mạo hiểm quá nhiều như thế vào hai công ty được đẩy biến động. SAC liên tục thực hiện các vụ đầu tư xông xáo, nhưng Cohen tự hào về khả năng quản trị rủi ro của ông. Thận trọng đánh giá xem tiền bạn kiếm được từ một vụ giao dịch có đủ bù đắp cho những thua lỗ tiềm tàng hay không là điểm cốt yếu cho sự sống còn của một quỹ phòng hộ. Đánh cược quá lớn vào kết quả một vụ thử nghiệm thuốc duy nhất vốn có thể quét sạch toàn bộ lợi nhuận của quỹ trong cả năm trước đó không phải là khôn ngoan. Munno và Slate đã gặp Martoma vài lần, hỏi xem anh ta có sẵn lòng trao đổi quan điểm về các chứng khoán và vụ thử bapi không.

“Ta chia sẻ các tin tức với nhau nhé,” Munno nói.

“Được thôi,” Martoma trả lời, làm cho Munno điên tiết, anh này vốn vẫn cảm thấy SAC không nên đầu tư chút nào vào Elan.

Ban đầu, Munno và Slate cố gắng tìm hiểu xem sự tự tin của Martoma xuất phát từ đâu, bằng cách cố lặn lội lại những bước đi khả dĩ của anh ta trong quá trình nghiên cứu. Họ chắc chắn rằng, dựa trên chuyên môn của họ trong lĩnh vực này - Munno có bằng tiến sĩ khoa học thần kinh - họ có thể lặp lại bất cứ điều gì anh ta đã làm để dẫn tới kết luận đó. Nhưng theo thời gian họ ngày càng tin rằng anh ta đã sai. Lời giải thích duy nhất còn

lại là có gì đó mờ ám đang diễn ra. Họ nêu ra những quan ngại của mình với Karp.

“*Anh* có thể tìm xem gã này đang làm gì không?” họ hỏi.

Karp bắt đầu lo lắng thực sự. Theo anh thì Munno và Slate là những chuyên viên phân tích mảng y tế sáng láng nhất công ty. Nếu họ nghĩ rằng thương vụ đó có rủi ro gây ra một thảm họa, anh muốn bảo vệ công ty. Và lại, rốt cuộc thì khoản thưởng *của chính anh* cũng sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, khi anh tới gặp Cohen và nói về Martoma, mọi chuyện chẳng đi tới đâu.

“Cứ để cậu ta làm,” Cohen nói. “Đừng nói gì với cậu ta, đây đâu phải nhân viên của anh, hãy thôi ngay chuyện đó đi.”

“Ông không nghĩ họ *biết* gì đó sao, hay đúng là họ *cảm thấy* đi đâu gì đó rất mạnh mẽ?” Munno hỏi, ý chỉ Martoma và Holman.

“Đây là một vụ khó,” Cohen nói. “Tôi nghĩ Mat sát sao với vụ này nhất.”

Vài ngày sau, Slate lại hỏi Cohen cùng câu hỏi đó. “Có vẻ như Mat có rất nhiều mối quan hệ tốt trong lĩnh vực này,” Cohen trả lời mơ hồ, rồi xua anh đi. Ông kết tội Munno và Slate “ghen tị và làm quá” với suy nghĩ tiêu cực của họ. Ông bắt đầu thấy khó chịu.

Vì tất cả các giao dịch viên quỹ phòng hộ đang chiến đấu trên thị trường chứng khoán đầu cực kỳ hiếu chiến, đầu tư thành công vào chứng khoán đã trở nên khó khăn hơn thảng một ván xì tố. Không chỉ bạn phải biết tất cả những lá bài các tay chơi khác có, bạn còn phải biết họ *nghĩ gì* với những lá bài đó. Đôi khi, các công ty công bố tin tức tích cực, nhưng cổ phiếu của họ lại giảm, vì các giao dịch viên đã kỳ vọng như vậy. Đoán xem những người khác đang tính toán đi đâu gì cũng trở nên quan trọng như

hiều các sản phẩm của một công ty. Biết đi đâu này, Munno bắt đầu tìm cách dò xem các kết quả của bapi phải tốt tới mức nào để được ghi nhận là tích cực với tất cả các nhà đầu tư đã đặt cược vào vụ thử thuốc.

Hết lần này tới lần khác, Munno, Slate và Karp quay đi quay lại Cohen: liệu Martoma *nghe rằng* anh ta biết kết quả sẽ ra sao, hay anh ta *thực sự biết* những kết quả đó? Cohen từ chối trả lời.

SAC là một trong những quỹ phòng hộ hùng mạnh nhất thế giới, và các nhân viên tài năng nhất của hãng đã cư xử như một đám “trẻ trâu”, cãi nhau vặt và bày mưu sau lưng nhau.

Dù Martoma ngoài mặt làm cứng, anh cảm thấy ngày càng dễ tổn thương. Anh bắt đầu thấy như thể Munno đang tìm cách hủy hoại sự nghiệp của mình bằng cách đâm sau lưng và nêu ra những nghi ngờ về anh với Cohen. Anh cố gắng kiểm tra đi kiểm tra lại một số thông tin mà anh có được từ Gilman với một bác sĩ khác làm việc trong cuộc thử nghiệm, người mà anh tìm thấy qua một công ty mạng lưới chuyên gia khác, công ty Wall Street Access. Rồi vào tháng Tư, Martoma nài nỉ Gilman, mối liên hệ quý giá của anh, nói chuyện với Munno và Slate và động viên họ bình tĩnh lại.

Cuộc tranh luận tiếp diễn trong văn phòng của SAC, nhưng Cohen không thay đổi thương vị của mình. Cuối cùng ông nói với Munno và Slate hãy thôi cảm râm. Ông không muốn nghe bất cứ lời nào từ họ liên quan tới đề tài Elan nữa.

ooo

Đóng vai trò một phần trong việc tư vấn cho các tay giao dịch mới vào nghề, Jason Karp đã phát triển một hệ thống phân loại thông tin mà anh

dạy cho tất cả các chuyên viên phân tích của mình, một cách thức để hiểu đi đâu là an toàn và đi đâu có thể là bất hợp pháp.

Có “lợi thế trắng”, tức thông tin rõ ràng, sẵn có mà ai cũng có thể tìm thấy trong một báo cáo nghiên cứu hay một tài liệu công khai, những thông tin thành thật mà nói thì không giá trị nhiều, nhưng không khiến ai gặp rắc rối.

Rồi có “lợi thế xám”, tệ hơn. Bất cứ chuyên viên phân tích nào làm tốt công việc của mình cũng sẽ liên tục gặp phải loại thông tin này. Chẳng hạn, một người chịu trách nhiệm về quan hệ với nhà đầu tư ở một công ty có thể nói, “Phải rồi, mọi thứ đang diễn ra kém hơn một chút so với chúng tôi nghĩ...” Liệu đó có phải là thông tin không được công khai? Cách duy nhất để biết chắc là trao đổi với trưởng bộ phận tư vấn pháp lý của SAC, Peter Nussbaum, người đã làm việc cùng Cohen từ năm 2000. Nussbaum không phải là người có phong thái áp đặt, nhưng ông có một bức tranh con cá mập lao khỏi mặt nước trên bức tường bên ngoài văn phòng của ông, mà một số nhân viên cho rằng đường hướng nghệ thuật có chủ đích làm ông có vẻ đáng sợ.

Nếu Nussbaum quyết định rằng một thông tin cụ thể nào đó có thể khiến SAC gặp rắc rối, chứng khoán liên quan sẽ bị đưa vào danh sách hạn chế và họ không thể giao dịch chứng khoán đó. Tất nhiên, chính bởi lý do đó, các giao dịch viên chỉ tới gặp ông khi họ chắc chắn mình phải làm thế. Nussbaum giống như ban thanh tra nội bộ của công ty.

Hạng mục thông tin thứ ba của Karp là “lợi thế đen”, thông tin rõ ràng là bất hợp pháp. Nếu các giao dịch viên sở hữu loại thông tin này, chứng khoán sẽ bị hạn chế giao dịch ngay lập tức - ít ra là trên lý thuyết. Trong quá trình làm việc, các chuyên viên phân tích không thể tránh khỏi gặp

phải loại thông tin này - những con số về lợi nhuận cụ thể của một công ty trước khi được công bố chẳng hạn, hay việc công ty chuẩn bị nhận một khoản đầu tư lớn - dù phần lớn những gì các giao dịch viên xử lý là nằm ở vùng xám.

Karp thấy rằng uyển ngữ mã hóa bằng màu sắc hữu ích cho những gã làm việc với anh; nó cho phép họ trao đổi cởi mở hơn về những gì họ đang làm. “Nếu bạn làm một việc sai trái, bạn ng ồi tù và cuộc đời bạn bị hủy hoại,” Karp nói với họ. “Không có giao dịch nào đáng để bị như thế.”

Tất nhiên, trên thực tế, họ đều chơi một trò chơi, cố gắng có được thông tin giá trị nhất mà không gặp rắc rối. Lợi thế là mặt nước, và họ đang bơi trên đó. Còn Cohen tự hào vì tuyển dụng được những tay bơi lội quyết tâm nhất.

Theo quan điểm của Karp, Martoma đang phớt lờ những quy tắc đơn giản trong việc đánh giá chất lượng và sự hợp pháp với thông tin của anh. Karp cũng thoáng nghĩ Martoma có thể đang bị bọm. Anh từng thấy đi ầu đó trước kia, các giám đốc danh mục giả vờ rất tin tưởng để đẩy Cohen vào việc xây dựng một thương vị lớn, về cơ bản là một canh bạc sẽ giúp họ nhận được khoản thưởng lớn nếu mọi việc suôn sẻ. Hoặc là có chuyện gì đó bất hợp pháp đang xảy ra.

Munno cũng nghi ngờ như thế khi anh ta gõ một thư điện tử khác với giọng điệu trầm trọng cho các đồng nghiệp, kêu ca về việc Cohen nghe lời Martoma thay vì họ. “Trước hết, chúng ta là những kẻ ngốc khi can dự vào việc này,” anh ta viết cho Slate. “Xuân ngốc ở nhiều cấp độ.” Họ không cách nào thắng được, Munno nói, khi Martoma đang nói với mọi người rằng anh ta đã nắm chắc “lợi thế đen”.

Chương 7

CHẤT LIỆU LÀM NÊN NHỮNG HUYỀN THOẠI

Khi các giao dịch viên của SAC đang vật lộn với việc không để mất tiền trong suốt mùa xuân, bởi cuộc khủng hoảng tài chính thêm trầm trọng, cuộc đi đầu tra giao dịch nội gián của chính quyền cuối cùng đã bắt đầu tăng tốc. Vào đầu năm 2008, Bear Stearns bị bán cho JPMorgan Chase trong một cuộc giải cứu khẩn cấp do chính quyền thương lượng. Từ đó trở đi, các nhà đầu tư rơi vào một tình trạng họ chưa từng thấy trước kia. Tất cả những gì họ cố gắng làm đều vô ích. Ngay cả khi những giao dịch viên có thể thu thập thông tin có giá trị, hóa ra vẫn vô dụng với mục đích giao dịch. Các công ty công bố thu nhập tốt hơn so với dự kiến, và giá cổ phiếu của họ vẫn cứ giảm. Thị trường chỉ lao theo một hướng, đó là đi xuống.

Đúng vào lúc thị trường trở nên tồi tệ hơn, một đơn xin nghe lén điện thoại di động của Raj Rajaratnam được bí mật nộp cho tòa liên bang, kèm theo bản khai có tuyên thệ của B. J. Kang. Giấy phép cho bên chính quyền nghe lén các cuộc gọi điện thoại cá nhân không phải là thứ tòa án dễ dàng đồng ý. Đầu tiên đơn được xem xét ở Bộ Tư pháp tại Washington, D.C., trước khi được nộp cho tòa án có quyền tài phán ở khu vực mà tội phạm được cho là đã xảy ra. Để yêu cầu được chấp thuận, FBI phải trưng ra bằng chứng cho thấy việc phạm tội đang diễn ra ở một đường dây điện thoại cụ thể mà họ muốn nghe lén và rằng các phương pháp đi đầu tra khác -

chẳng hạn như nghiên cứu tài liệu và tìm kiếm người hợp tác - không thành công hay không có tác dụng. Họ phải chứng tỏ rằng đặt đường dây nghe lén, còn được gọi là “Khoản III” là cách duy nhất để chính quyền ngăn chặn hoạt động tội phạm.

Vào ngày 7 tháng Ba năm 2008, sau 12 tháng đào xới của SEC và FBI, các công tố viên ở Khu Nam New York đã thuyết phục được Thẩm phán Gerard Lynch chấp thuận cho nghe lén Rajaratnam 30 ngày. Lần đầu tiên, FBI nghe lén những tay chuyên nghiệp ở Phố Wall lúc họ đang làm việc.

Trong khi đó, Cohen, ngày càng bi quan về nền kinh tế, phát tín hiệu cho các nhân viên của ông rằng ông thấy thị trường sắp sụp đổ. “Trừ khi các giao dịch đầu mỏ giảm sâu, tôi không thấy thị trường có thể duy trì được ở mức này,” ông viết trong một thư điện tử gửi cho cả công ty. “Tôi sẽ quyết định bán tháo.”

Thật kỳ lạ, sự bi quan này không mở rộng ra tới các thương vụ rất lớn và không được phòng hộ của SAC đối với Elan và Wyeth, những thương vụ lớn tới mức chúng vi phạm các nguyên tắc quản trị rủi ro của công ty. Thay vì thế, sự tự tin của Cohen với nhìn nhận của Martoma về bapi được củng cố khi Martoma sắp xếp một bữa tối riêng ở biệt thự của Cohen tại Greenwich ngày 4 tháng Sáu năm 2008, với CEO của Elan, một cựu chủ ngân hàng đầu tư của Merrill Lynch tên là Kelly Martin. Hầu hết các nhà đầu tư sẽ không bao giờ có cơ hội có cuộc nói chuyện riêng với giám đốc đi đầu hành một công ty nhiều tỉ đô la, chứ đừng nói cả một bữa tối, nhưng Cohen khác với những nhà đầu tư khác. Ông có lẽ đã có thể mua cả công ty đó nếu muốn, và hầu hết các giám đốc đi đầu hành nhiều khả năng sẽ đồng ý dành thời gian riêng cho ông nếu ông đề nghị.

Martoma hy vọng việc gặp Martin có thể giúp sếp mình tăng thêm tự

tin về khoản đầu tư của họ, nhất là khi đối mặt với chiến dịch vẫn tiếp diễn của David Munno và Ben Slate thuyết phục Cohen bán các cổ phiếu. Elan có quá khứ đầy những vấn đề về kế toán đáng lo ngại, và Cohen đồng ý là việc trao đổi mặt đối mặt sẽ giúp ông cảm thấy thoải mái hơn với việc nắm giữ quá nhiều cổ phiếu. Ông đã luôn cảm thấy thoải mái với trực giác của mình về con người và muốn làm quen với Martin một chút, để cảm nhận xem ông này là người thế nào.

Martoma và Cohen lên kế hoạch trước về cách tốt nhất để moi thông tin xem cuộc thử nghiệm thuốc đang diễn ra thế nào. Martoma lên một danh sách những câu hỏi được đưa ra một cách cẩn trọng mà anh ta dự định hỏi. Kế hoạch là đặc biệt chú ý tới ngôn ngữ cơ thể của Martin ngoài những gì ông nói ra, nhìn vào các dấu hiệu phi ngôn để tìm hiểu chuyện gì đang diễn ra. “Mới gần đây, trong những kênh thông tin của ông có sự nhấn mạnh ngày càng nhiều vào AAB-001,” là điểm đầu tiên mà Martoma định nêu ra. “Thành công của AAB quan trọng ra sao trong thử nghiệm giai đoạn II dựa trên việc ông dẫn đầu/áp đảo trong lĩnh vực này?”

Trong suốt bữa ăn, Cohen theo dõi Martin khi ông này nói. Ông thấy Martin uể oải bất thường, gần như là chán nản, không tập trung và thiếu nhiệt huyết, đi đâu ta không trông đợi ở một người đang lãnh đạo công ty sắp giải quyết được một trong những cuộc khủng hoảng y học lớn nhất thế giới. Trong thâm tâm, Cohen thấy mọi chuyện sẽ không ổn với bapi.

Sau khi Martin ra về, Cohen quay sang Martoma. “Nghe không có vẻ gì là một gã vừa giải quyết được bệnh Alzheimer cả,” ông nói.

ooo

Hai tuần sau, có tin tích cực: vào ngày 17 tháng Sáu năm 2008, Elan và

Wyeth công bố “những kết quả tốt nhất đầy khích lệ” từ Giai đoạn II của cuộc thử nghiệm. Đó chỉ là dấu hiệu sơ bộ về việc mọi thứ đang diễn ra thế nào, nhưng đầy hy vọng. Cả hai công ty công khai xác nhận lại quyết định của họ bắt đầu nghiên cứu Giai đoạn III. Martoma rất phấn chấn. Anh ta gửi cho Cohen một thư điện tử về chuyện đó trước khi thị trường mở cửa.

“Yee-haw,” Cohen viết lại. “Làm tốt lắm.”

Munno, người chống đối Elan lớn tiếng nhất trong văn phòng, thì thất vọng. Anh này vẫn tin rằng Elan là một rủi ro lớn hơn so với giá trị nó có thể mang lại. Khi Munno lại bày tỏ đi đầu đó với Cohen, Cohen tỏ ra hả hê.

“Vây chơi tiếp, hiệp hai hả,” Cohen nói. “Còn hiệp một thì Martoma thắng rồi nhé.”

Khi thị trường mở cửa, giá cổ phiếu của cả hai công ty tăng vài đô la. Cohen và Martoma đã mua thêm của mỗi công ty hàng trăm nghìn cổ phiếu nữa. Tới cuối tháng, bộ phận CR Nội bộ sở hữu 233 triệu đô la cổ phiếu Elan và 80 triệu đô la của Wyeth. Cohen cũng có một thương vị lớn trong danh mục của chính ông, với thêm 400 triệu đô la nữa đầu tư vào hai cổ phiếu, tổng cộng hơn 700 triệu đô la.

Jason Karp, sếp của Munno và Slate, vẫn thấy bất an với việc Munno và Slate lãng phí quá nhiều thời gian vào mối kình địch với Martoma, và đã quả trách họ. “Vây là giờ cậu ta có vẻ thật thông minh còn các cậu thật ngu xuẩn,” anh nói. “Và giờ *tôi* cũng có vẻ thật ngu xuẩn vì các cậu đã lãng phí quá nhiều thời gian biến cậu ta thành một điển hình. Thôi bỏ đi.”

Trong khi đó, Martoma tiếp tục mua nhiều nữa. Khi thương vị đã tăng vọt, trợ lý cá nhân của Cohen, người đã nghe được gần như mọi cuộc nói chuyện của sếp cả ngày qua “Máy quay của Steve”, nộp đơn cho ban quản

lý cấp cao của SAC xin phép mở tài khoản cá nhân. Cô chỉ muốn mua hai cổ phiếu: Elan và Wyeth.

ooo

Hai công ty được lên kế hoạch công bố các kết quả cuối cùng của thử nghiệm bapi ở Hội thảo Quốc tế về Bệnh Alzheimer thường niên vào ngày 28 tháng Bảy năm 2008 ở Chicago. Đó là một trong những tuyên bố nghiên cứu y khoa được ngóng đợi nhất trong lịch sử gần đây. Theo tiêu chuẩn của giới khoa học, hội thảo là một sự kiện cực kỳ hào nhoáng, diễn ra năm ngày ở Khách sạn Hyatt McCormick Place. Hàng trăm chuyên viên phân tích của Phố Wall đã đăng ký tham dự, cùng với các nhà khoa học và người nghiên cứu trên toàn thế giới.

Ba tuần trước hội thảo, Elan báo cho Gilman rằng ông đã được chọn để trình bày dữ liệu cuối cùng cho nghiên cứu bapi. Đó là một vinh dự lớn lao, một cơ hội mà Gilman thông thường đã chớp ngay lấy, nhưng sức khỏe ông đang kém đi. Ông vừa bị chẩn đoán ung thư hạch bạch huyết và đang phải hóa trị. “Tóc trên đầu tôi sắp rụng hết,” ông viết trong tuyệt vọng cho giám đốc y khoa của Elan. “Với vẻ ngoài hiện giờ, tôi có thể đóng vai nhà khoa học ác quỷ trong phim *Indiana Jones*. Tôi đang tìm một đôi hoa tai kim cương để nhìn thật giống Daddy Warbucks^[87].”

Giám đốc ở các công ty được đảm bảo với ông rằng ông là người họ muốn cho việc đó, dù có trở đầu đi nữa. Nhưng ông có đủ khỏe mạnh? Gilman đáp là có. Dù vai trò của ông lẽ ra phải giữ bí mật, ông ngay lập tức nói với Martoma. Là diễn giả chính ở hội thảo, Gilman sẽ là một trong những người đầu tiên được tiếp cận các kết quả thử nghiệm của bapi đầy đủ, không che giấu. Elan và Wyeth đã nỗ lực để đảm bảo không bị rò rỉ

thông tin.

Trong khi Gilman đang chuẩn bị để trình bày về các kết quả thử nghiệm thuốc với cả thế giới, thị trường chứng khoán bắt đầu đổ vỡ. Ngày 15 tháng Bảy, SEC ban bố lệnh cấm khẩn cấp với việc bán khống các chứng khoán ngành tài chính trong một nỗ lực làm lắng dịu thị trường, một biện pháp tuyệt vọng chỉ càng khiến giới đầu tư thêm sợ hãi. Chứng kiến các danh mục của SAC mất tiền mỗi ngày là một trải nghiệm khác thường với Cohen, và ông chẳng hề thích thú. Ông đã mất hết tự tin rằng tình hình sẽ được kiểm soát thông qua sự can thiệp của chính quyền, hay bất cứ đi đâu khác. Ông gửi một thư điện tử cho cả công ty, cảnh báo tình hình tài chính sẽ thêm tồi tệ. “Tôi muốn nói rõ rằng bất cứ việc bán tháo nào diễn ra sẽ là một sự kiện kéo dài 1-2 tháng, tiếp sau đó là một thị trường yếu ớt,” ông viết. “Tôi xin nhắc lại rằng các chỉ số chứng khoán sẽ xác lập các mức thấp kỷ lục mới trong vài tuần nữa.”

Ngày 15 tháng Bảy, Gilman bay bằng máy bay thuê riêng cho ông tới cơ sở y khoa của Elan ở San Francisco, nơi ông gặp những nhóm đã giám sát thử nghiệm Giai đoạn II. Tham gia cùng họ là một nhóm chuyên gia thống kê mà công việc là hỗ trợ các bác sĩ diễn giải dữ liệu. Đó là khoảnh khắc quyết định trong sứ mệnh tìm ra thuốc chữa bệnh Alzheimer. Đó là khi dữ liệu sẽ không còn là dữ liệu “mù”^[88] - tất cả những gì đã giữ bí mật sẽ được tiết lộ hoàn toàn lần đầu tiên. Trước khi họ bắt đầu, bác sĩ Allison Hulme, người đứng đầu nghiên cứu bapi của Elan, nhắc Gilman rằng mọi thứ ông sắp thấy phải được giữ bí mật.

Xem qua dữ liệu, Gilman cảm thấy phấn khích. Mới liếc qua, có vẻ như loại thuốc này thật sự mang lại lợi ích đáng kể cho nhóm bệnh nhân không có gen khiến họ có khuynh hướng mắc Alzheimer. Ngay cả nhóm

có điểm yếu về gien cũng cho thấy xu hướng tích cực. Ông không khỏi cảm thấy được truyên cảm hứng bởi những hàm ý đầy tiềm năng.

Nhưng khi nghiên cứu dữ liệu kỹ lưỡng hơn, vấn đề xuất hiện. Thiếu sự phản hồi với liều lượng, đồng nghĩa các triệu chứng bệnh không phản hồi khi tăng liều. Gilman thích giải thích hiện tượng này bằng cách sử dụng ví dụ về một người bị đau đầu mở tủ thuốc gia đình. Thường thì anh ta sẽ nói, “Nếu bị đau đầu và uống một viên aspirin, bạn thấy dễ chịu một chút. Nếu uống hai viên, bạn cảm thấy dễ chịu hơn nữa. Uống ba viên, bạn lại càng thấy dễ chịu.” Tuy nhiên, ông không thấy bằng chứng nào như thế trong các kết quả của bapi. Không lý nào việc đi điều trị lại có hiệu quả nếu tác động của nó không mạnh hơn với liều lượng cao hơn.

Ông cố tập trung vào các khía cạnh tích cực hơn đã đưa đến thử nghiệm Giai đoạn III, hiện đã bắt đầu rồi, là thử nghiệm đáng tiếp tục. Bapi cũng tỏ ra an toàn cho các bệnh nhân sử dụng, đi đầu rất quan trọng. Có vài tác dụng phụ nhỏ và một tác dụng phụ lớn, phù não do nguyên nhân mạch máu, não sưng lên. Nó có thể nghiêm trọng, nhưng nghiên cứu có vẻ cho thấy các bác sĩ có thể xử lý được bằng cách giảm liều lượng xuống cho tới khi các triệu chứng biến mất; một khi chúng đã biến mất, họ lại có thể tăng liều trở lại.

Biên tập lượng dữ liệu cực lớn thành một bài thuyết trình PowerPoint mười hai phút sao cho nắm bắt tốt nhất các kết quả là nhiệm vụ mà Gilman xử lý đầy nhiệt huyết, cùng những người khác của nhóm Elan. Gilman bay về Bồ Đào Nha ngày hôm sau. Bác sĩ Hulme, người của Elan, gửi cho ông bản phác thảo bài thuyết trình vào ngày hôm sau nữa để họ có thể hoàn chỉnh nó. “Bài thuyết trình ICAD là tuyệt mật. Xin đừng phát tán”, dòng chủ đề bài thuyết trình viết. Bài thuyết trình được gửi trong một tệp

đính kèm bảo mật bằng mật khẩu. “Tôi sẽ gửi mật khẩu qua một thư điện tử khác,” Hulme viết.

Một thư điện tử khác tới một giờ sau đó.

“Sid thân mến,” bức thư viết. “Mật khẩu là ‘nuggets’.”^[89]

ooo

Ở nhà tối hôm đó, Gilman xem qua bài thuyết trình lần nữa, cố gắng rút ra những kết luận từ các bảng và biểu đồ. Có những khoảnh khắc tìm tòi khoa học mà ông sống vì nó, sự phấn khích của khám phá và phát hiện. Ông không thể đợi được việc chia sẻ tin tức này với ai đó.

Rõ điện thoại của ông reo. Đó là Martoma. Điêu đầu tiên anh ta hỏi là về những phát hiện với thử nghiệm.

“Tôi rất phấn khích về các kết quả này,” Gilman nói với Martoma. “Tôi quả có một số quan ngại về sự suy giảm ở nhóm người sử dụng giả dược^[90], và sự thiếu hiệu quả khi tăng liều thuốc.” Ông giải thích rằng bapi cho thấy tác dụng mạnh hơn ở các bệnh nhân không mang gen khiến họ có xu hướng dễ mắc Alzheimer hơn so với những người có mang gen dễ mắc bệnh Alzheimer, tin này không được tốt lành lắm. Dầu vậy, các kết quả cho thấy rằng cách thức thuốc hoạt động, với một protein được thiết kế để tấn công sự hình thành chất bọt trong não, có thể hiệu quả.

Họ bỏ ra một tiếng rưỡi để xem chi tiết các trang trình chiếu. Martoma không mấy cảm xúc khi hỏi hàng loạt câu hỏi. Gilman tiếp tục tán gẫu: “Điêu này chắc chắn dẫn tới một cuộc thử nghiệm Giai đoạn III... Tôi rất, rất lạc quan.”

Lúc đó Martoma tạo âm thanh ra dấu thay đổi đề tài.

“Sid này,” Martoma nói, “chú tôi vừa qua đời vài tháng trước và tôi bận quá không dự được tang lễ. Tôi cảm thấy thật tệ.” Anh ta kéo dài giọng. Gia đình người chú sống ở Ann Arbor, Martoma nói, và anh ta định tới thăm họ. “Tôi sẽ tới đó vào thứ Bảy. Ông có ở đó không? Tôi muốn ghé qua.”

Gilman nghĩ một chút. “Được, chắc chắn rồi, anh có thể ghé qua,” ông nói. Ông sẽ ở trong văn phòng, làm việc, như ông vẫn vậy gần như mọi thứ Bảy mà ông có thể nhớ được.

Hai ngày sau, Gilman lái xe tới trường học và đậu xe ở chỗ gần tòa nhà North Ingalls. Mới hơn 10 giờ sáng, ông đã quẹt thẻ để vào trong tòa nhà vắng tanh theo con đường từ nhà gửi xe và đi vào văn phòng, nơi ông nhanh chóng bị hút vào công việc. Khoảng 2 giờ chiều, điện thoại của ông reo. Martoma đang ở ngoài.

“Anh ăn trưa chưa?” Gilman nói khi ông dẫn Martoma xuống sảnh vào văn phòng của ông. “Chúng ta có thể ra ngoài kiếm gì đó.”

“Không, cảm ơn,” Martoma nói.

“Vậy thì chúng ta cứ ngồi đây và nói chuyện hả?” Gilman hỏi.

Rồi, sau này Gilman nhớ lại, Martoma đi thẳng vào vấn đề “Tôi muốn xem các trang trình chiếu ông sẽ trình bày ở ICAD.”

Gilman lưỡng lự. Rồi ông tới chỗ máy tính của mình và lôi ra phiên bản mới nhất của bài thuyết trình, đứng sang một bên để Martoma có thể cuộn xuống xem. Gilman giảng giải trong lúc Martoma liếc qua những biểu đồ và hình ảnh. Gilman dừng lại ở biểu đồ cho thấy sự đáp ứng của liều thuốc khi điều trị.

“Quan điểm của ông về những kết quả này thế nào?” Martoma hỏi.

Gilman, vẫn thấy đầy hy vọng về dữ liệu, và có lẽ có phần phòng ngự, nhắc lại những quan ngại của ông về việc thiếu sự đáp ứng khi tăng liều và sự suy giảm các triệu chứng ở nhóm bệnh nhân dùng giả dược. Nhưng ông không nghĩ những điều này có thể phủ nhận các lợi ích rõ ràng của bapineuzumab. “Đó là những lo lắng có tính tương đối, không lớn. Đây là những kết quả đầu tiên cho thấy việc đi đầu trị hiệu quả, rằng có vẻ hiệu quả, ít nhất là trong nghiên cứu Giai đoạn II,” ông nói, trở nên hoạt bát, như ông vẫn luôn thế khi nói về khoa học thần kinh. “Tôi nghĩ những kết quả này chắc chắn đáng để bước vào Giai đoạn III, một thử nghiệm khác lớn hơn. Tôi rất phấn khích.”

Bất chấp sự hào hứng của Gilman, Martoma có thể thấy khi lướt qua những trang trình chiếu rằng các kết quả là một nỗi thất vọng lớn nhìn từ quan điểm một nhà đầu tư. Bapi đã cho thấy hiệu quả chỉ ở một nhóm nhỏ các bệnh nhân; dựa trên phương pháp của cuộc thử nghiệm, ngay cả đi đầu đó cũng không chắc chắn. Thử nghiệm thêm nữa sẽ là cần thiết để biết chắc.

Những kỳ vọng với bapi hóa ra đã bị thổi phồng quá mức. Các kết quả sẽ không được công bố cho công chúng trong chín ngày nữa, nhưng Martoma có thể thấy rõ đi đầu này sẽ được thị trường diễn giải ra sao: cổ phiếu của Elan và Wyeth sẽ sụp đổ một khi tin này lan đi.

Khi họ xem hết các trang trình chiếu, Martoma hỏi dùng điện thoại của Gilman. Anh ta gọi cho tay tài xế taxi đã đón mình ở sân bay Detroit sáng đó vẫn đang đợi ngay gần đấy. Martoma và Gilman cùng bước ra và nói lời tạm biệt. Martoma leo lên chiếc xe đang đợi và quay lại phi trường, nơi anh ta lên chuyến bay 4 giờ chiều của hãng Delta Airlines trở lại JFK^[91].

Gilman trở lại văn phòng và tiếp tục làm việc hết buổi chiều hôm đó.

Tối đó ông và vợ ra ngoài ăn tối với bạn bè, Maxine và Ronnie, và viên bác sĩ cố hết sức để quên hết những gì vừa xảy ra.

ooo

“Có lúc nào thích hợp để gặp ông sáng nay không?” Martoma gõ trên dòng tiêu đề một thư điện tử. “Chuyện quan trọng.”

Những buổi sáng cuối tuần là lúc mà hầu hết mọi người ng ã uể oải với ly cà phê và tờ báo, nhưng sớm Chủ nhật, ngày 20 tháng Bảy năm 2008, buổi sáng sau khi trở về từ Michigan, Martoma tỉnh táo hơn bao giờ hết. Anh ta cần nói chuyện với Steve Cohen ngay lập tức.

Cohen trả lời thư điện tử ghi số điện thoại nhà riêng của ông.

Vào lúc 9 giờ 45 sáng, Martoma gọi cho Cohen. Họ nói chuyện 20 phút. Sau khi gác máy, Martoma lại gửi thư điện tử cho Cohen, liệt kê tất cả các chứng khoán của Elan và Wyeth mà họ nắm giữ, giờ đã lên tới tổng cộng hơn 1 tỉ đô la. Rồi Cohen gửi một tin nhắn cho giao dịch viên hàng đầu của ông, Phillipp Villhauer. Ông muốn bắt đầu bán các cổ phiếu Elan của họ ngay khi có thể. Và ông muốn làm thật lặng lẽ.

Cohen sau đó viết một thư điện tử cho Wayne Holman, bậc thầy về y tế của ông. “Tôi lái xe trở lại vào sớm hôm nay,” ông viết. Ông giải thích rằng ông trở lại sớm hơn dự kiến vì thời tiết xấu khiến ông không thể đi trực thăng như bình thường. “Chúng ta cần nói chuyện về eln, wye,” ông viết, dùng chữ viết tắt cho Elan và Wyeth.

Sáng hôm sau, Villhauer tới văn phòng sớm để chuẩn bị thực hiện các chỉ đạo của Cohen. Cohen đã chỉ thị cho anh tìm một số tài khoản mà những người còn lại ở công ty không thể thấy, để không ai có thể thấy

việc bán Elan và Wyeth đang diễn ra. Đó là cách khác thường để bán đứt một thương vụ, không phải đi đều mà Villhauer từng được yêu cầu làm trong mười hai năm ở SAC. Nhưng không dễ cho Cohen thực hiện một giao dịch lớn mà người khác không để ý và không ảnh hưởng tới giá chứng khoán.

Giống như những giao dịch viên khác của Cohen, Villhauer cũng đã học được nhờ kinh nghiệm là đừng chĩa mũi vào những thứ không liên quan trực tiếp tới mình. Việc bán cổ phiếu theo chỉ thị ngày hôm đó đặc biệt dễ thu hút sự chú ý. Elan và Wyeth ở trong số các cổ phiếu mà công ty nắm giữ nhiều nhất, nên cả các giám đốc danh mục của SAC và những tay môi giới ở các công ty bên ngoài sẽ để ý. SAC có hơn 400 tài khoản môi giới mở, và bất kỳ tài khoản nào cũng có thể khơi mào đàm tiếu.

Anh ta kiểm tra với những người đi đầu hành, họ nói hai tài khoản được để dành cho các vụ bán “ít gây chú ý” và anh sẽ thực hiện các giao dịch ở đó. Sau đó Villhauer nói với Doug Schiff, giao dịch viên thực thi dự bị, rằng anh ta sẽ ra khỏi văn phòng và Schiff sẽ đảm nhiệm. Anh nhắc Schiff liên lạc sát sao với Cohen.

Cổ phiếu của Elan ở trong ba tài khoản: của Cohen, của Martoma, và một tài khoản chung của CR Nội bộ. Villhauer giữ liên lạc với Schiff khi thực hiện các giao dịch đó suốt ngày.

Sau khi thị trường đóng cửa, Villhauer gửi tin cập nhật cho Martoma: họ đã bán được khoảng 1,5 triệu cổ phiếu với giá trung bình 35 đô la Mỹ.

“Rõ ràng không ai biết trừ tôi và Steve,” Villhauer viết.

Sáng hôm sau, Cohen yêu cầu anh bán thêm 1,5 triệu nữa.

“400k ở mức giá 34,97, cả mớ mua bán trong bóng tối,” Villhauer nhắn tin cho Cohen lúc 8 giờ 50 sáng, ý chỉ những mua bán chứng khoán riêng tư mà các giao dịch được thực hiện nặc danh. Thị trường vẫn chưa

mở cửa.

Rồi vào lúc 9 giờ 11 sáng: “550k ở mức giá 34,93,” tức anh ta đã bán thêm được 150.000 cổ phiếu.

Rồi: “660k 34,91.”

“Tiếp tục bán đi,” Cohen viết lại.

Trong chín ngày tiếp theo, giao dịch viên của Cohen đã bán 10,5 triệu cổ phiếu của Elan. Một giao dịch viên khác làm đi đầu tương tự với thương vụ Wyeth của SAC. Không ai trên thị trường có thể thấy SAC đang bán.

Ngay cả sau khi đã thanh khoản các thương vụ của mình, Cohen vẫn chưa kết thúc. Sau khi đã bán hết, Cohen bán không 4,5 triệu cổ phiếu Elan, trị giá 960 triệu đô la. Trong chỉ hơn một tuần, ông đã xoay ngược hoàn toàn khoản cược của mình với chứng khoán này.

ooo

Cũng vào ngày Villhauer bắt đầu bán các chứng khoán Elan của công ty, một người đàn ông tên là Harvey Pitt tới văn phòng SAC ở Stamford. Đó là đầu giờ buổi tối, và thị trường chứng khoán vừa đóng cửa. Sau khi từ nhiệm chủ tịch SEC năm 2003, Pitt đã thành lập công ty tư vấn Kalorama Partners, cung cấp dịch vụ cho lĩnh vực tư nhân như một chuyên gia về các vấn đề tuân thủ và quy định. SAC đã thuê ông để thuyết trình với nhân viên của hãng về giao dịch nội gián, một chủ đề mà Pitt biết rõ. Trong sự nghiệp của ông khi hành nghề riêng với vai trò luật sư doanh nghiệp tại Fried, Frank, Harris, Shriver & Jacobson, ông đã đóng vai trò trung tâm trong vụ Michael Milken, khi làm luật sư bào chữa cá nhân cho Ivan Boesky và thương lượng một thỏa thuận biện hộ cho tay giao dịch chênh

lệch giá khét tiếng này.

Pitt không thật sự biết rõ hoàn toàn Cohen và công ty của ông. Tất cả những gì Pitt biết là SAC là một quỹ phòng hộ rất thành công, rất lớn, và nếu lịch sử có chỉ ra đi đâu gì, thì huấn luyện về giao dịch nội gián nhiều khả năng đã là muộn.

Pitt đã chú ý đặc biệt các tay giao dịch trẻ tuổi ở Phố Wall, những người chưa từng sống qua các vụ bê bối hồi những năm 1980 và 1990 cần được nhắc nhở liên tục về việc đi đâu gì hợp pháp và đi đâu gì không. Bằng không, lịch sử sẽ có khả năng lặp lại. Ông lên kế hoạch thực hiện bài thuyết trình mà ông đã nói nhiều lần trước kia, đánh giá tình hình luật chứng khoán hiện giờ và định nghĩa về thông tin không được công khai, cũng như giảng dạy một số chiến thuật hợp lý nhằm tránh xa rắc rối. Các giám đốc cấp cao ở SAC đã nói rõ rằng tất cả mọi người ở công ty đều phải tham dự buổi học, không có ngoại lệ. Một nhân viên thuộc bộ phận pháp chế của SAC đích thân tới lừa các giao dịch viên khỏi bàn làm việc, lôi họ tới căng tin theo đúng nghĩa đen.

Pitt được đưa vào một căn phòng chật cứng người, nơi các máy quay được dựng lên để truyền bài nói chuyện của ông tới các văn phòng vệ tinh của SAC. Ông nói giọng nhỏ, gần như lầm bầm để tạo uy lực. Khi bắt đầu, ông nhìn quanh phòng, và ngay lập tức nhận thấy Cohen không có mặt. Pitt bắt đầu nhắc nhở các giao dịch viên và giám đốc danh mục trong phòng rằng giao dịch nội gián là bất hợp pháp ở bất cứ bang nào của nước Mỹ cũng như ở mọi quốc gia mà SAC đang làm ăn. “Giao dịch nội gián là một chủ đề nóng với những người quản lý thị trường,” ông nói, giải thích rằng đã có hơn một trăm vụ cáo buộc các quỹ phòng hộ giao dịch nội gián chỉ riêng trong năm trước đó.

Ông chỉ ra rằng báo chí cũng rất hăm hở đăng tải các câu chuyện về những giao dịch viên bị kết tội vi phạm pháp luật - không có kẻ bất lương nào hoàn hảo như thế. “Đừng viết hay gửi bất cứ thư điện tử hay các liên lạc điện tử nào khác, hay để lại bất cứ lời nhắn thoại nào cho bất kỳ ai, nếu các bạn không muốn thấy nó trên truyền thông hay bị nhà chức trách đọc được,” ông cảnh báo. Sự vắng mặt của Cohen trong suốt buổi nói chuyện khiến ông thấy thật lạ lùng. Thường thì người đứng đầu một công ty sẽ nêu gương, ngồi ở hàng đầu trong các bài nói chuyện của Pitt. “Tôi đã làm việc này rất nhiều lần, và tất cả mọi người thường tham dự,” Pitt sau này nhớ lại. “*Nhất là các CEO, vì họ muốn đưa ra một tuyên bố.*”

Nhưng Pitt không để sự vắng mặt của Cohen cản trở. “Hãy dừng lại và suy nghĩ trước khi giao dịch,” ông nói với khán giả của mình. “Nếu giao dịch có vẻ quá tốt để là thật, thì có lẽ đúng là thế đấy.”

Vào lúc cựu chủ tịch SEC chuyển sang một chủ đề đáng suy ngẫm về những mối nguy của việc sử dụng các tư vấn làm việc cho mạng lưới chuyên gia bên ngoài, vì họ có thể vô ý tiết lộ thông tin mật, thì một màn kịch nhỏ đang diễn ra ở một nơi khác trong văn phòng của SAC. Một thông báo cho cả công ty xuất hiện trên bản tin nội bộ ngay trước 5 giờ chiều: Brocade Communications Systems, một công ty dữ liệu kết nối ở Thung lũng Silicon, đã tiết lộ rằng hãng đang mua lại Foundry Networks, chuyên sản xuất thiết bị chuyển mạng (switch) và bộ định tuyến (router) cho các nhà cung cấp dịch vụ Internet. Bộ phận CR Nội bộ của SAC đang sở hữu 120.000 cổ phiếu của Foundry - một khoản đầu tư theo khuyến nghị của chuyên viên phân tích Ron Dennis, thành viên của nhóm “sàn đấu sinh tử” của Jon Horvath và Jesse Tortora chuyên chia sẻ thông tin. Dennis đã biết về vụ mua lại Foundry ba ngày trước đó từ một người bạn ở một

quỹ phòng hộ tại California, người đã nghe tin tức từ giám đốc thông tin của Foundry.

“Khi nào thì thông tin là ‘không công khai’?” Một trang trình chiếu mà Pitt cho các nhân viên của SAC xem hiển thị. “Nếu nó không được công bố rộng khắp hay nếu bạn nhận được nó với kỳ vọng rằng nó sẽ được giữ bí mật.” Một vụ sáp nhập chưa được công bố rõ ràng là thông tin nội gián, dựa trên định nghĩa của Pitt hay bất kỳ ai khác. Sau khi nhận được gợi ý, Dennis đã nói với giám đốc danh mục của mình ở SAC về thỏa thuận sắp tới, và anh ta đã mua rất nhiều cổ phiếu. Khi Foundry tăng giá 32% sau khi vụ mua lại được công bố, SAC đã kiếm được 550.000 đô la.^[92]

Sau khi bài giảng của Pitt kết thúc, ông được thông báo tay giao dịch lớn nhất của Phố Wall muốn gặp cựu chủ tịch SEC, và ông được đưa tới văn phòng của Cohen. Họ bắt tay nhau.

“Cảm ơn vì đã đến với chúng tôi,” Cohen nói. Rồi quay trở lại trạm giao dịch của mình, còn Pitt được tiễn khỏi cửa.

ooo

Joel Ross lững thững đi qua sảnh của Khách sạn Hyatt McCormick Place ở trung tâm Chicago vào buổi chiều ngày 28 tháng Bảy. Một tòa tháp lớn, hòa nhã nhìn xuống hồ Michigan vốn là địa điểm nổi tiếng cho những cuộc tụ tập của giới doanh nhân, khách sạn này hiện đang tràn ngập các nhà khoa học. Đó là ngày đầu tiên của Hội thảo Quốc tế về Bệnh Alzheimer, và bài thuyết trình của Gilman về các kết quả thuốc bapi đã được lên lịch vào chiều hôm đó. Ross là một chuyên gia Lão khoa với thành tích y khoa đáng nể ở New Jersey, và ông đã đi đầu trị cho 25 bệnh nhân tham gia nghiên cứu này. Ông có khiếu về việc làm điệu bộ, với bộ

ria mép dày và sở thích về những chiếc cà vạt bắt mắt.

Tất cả các bác sĩ đã tham gia nghiên cứu bapi được mời tới một bữa tối riêng tối hôm đó trong một phòng họp nhỏ của khách sạn, nơi họ sẽ được xem một bài thuyết trình sớm về các kết quả của Giai đoạn II. Ross ngồi vào chỗ của ông và ký một bản ghi nhớ giữ bí mật được phát cho tất cả mọi người trong phòng. Allison Hulme, người của Elan, xuất hiện trên bục diễn giả và giải thích cách thức bapi hoạt động và nghiên cứu hy vọng đạt được những gì. Cô ta nhắc lại cấu trúc của đợt thử nghiệm và nhân khẩu học cùng các đặc điểm của bệnh nhân tham gia. Rồi tới trang trình chiếu mà Ross đang đợi: “Phân tích hiệu quả sau dùng thuốc”.

Ông cảm thấy thật thất vọng khi nhìn chăm chăm vào những con số trên màn hình. Không có phản ứng với liều thuốc. Ross nghiêng người về phía một bác sĩ khác, một nhà nghiên cứu bệnh Alzheimer nổi tiếng của Trường Y Harvard. “Xin thứ lỗi,” ông nói. “Tôi không thiên về thống kê. Rất cuộc kết luận là gì - điều này có nghĩa loại thuốc này là một thất bại, nó không hiệu quả đúng không?”

Người bác sĩ kia gật đầu ảm đạm. “Thuốc không hiệu quả,” bà nói. “Thuốc này đã thất bại.”

Ross lao ra ngoài sảnh khách sạn. Ông đã sắp xếp trước thời gian để gặp Mathew Martoma, người cũng tham gia hội thảo. Martoma đã liên lạc với ông trong thời gian thử nghiệm thuốc, và hai người đã tổ chức các buổi tư vấn thông qua mạng lưới chuyên gia mà Ross đang làm việc.

Martoma đang đợi ông phía trước một bức tường kính nhìn xuống sảnh chính của khách sạn. “Sao rồi?” anh ta hỏi.

“Kết quả không tốt,” Ross nói. “Loại thuốc này không cho thấy hiệu quả.” Ross nghĩ về hàng tỉ đô la đã được đổ vào nghiên cứu bapi, mấy

chục bệnh nhân đầy hy vọng và gia đình họ, những người đã tham gia cuộc thử nghiệm - tất cả các nỗ lực đó, chẳng được gì cả. Ông cảm thấy chính mình cũng thoái chí. Ông chắc chắn rằng một số bệnh nhân của ông đã được hưởng lợi từ loại thuốc này, và ông hy vọng họ sẽ có thể tiếp tục dùng thuốc. Ông nói với Martoma rằng bất chấp kết quả tiêu cực, ông vẫn hy vọng bapi sẽ phát huy tác dụng, vì ông đã quan sát được một số cải thiện ở chính bệnh nhân của mình, những người đang dùng thuốc.

“Tôi không biết sao ông có thể nói vậy khi bằng chứng thống kê cho thấy khác,” Martoma nói. Anh ta trích dẫn chính xác *p-value*, một con số chỉ ra liệu một kết quả có ý nghĩa về mặt thống kê hay không, và một vài con số cụ thể khác vừa có trong bài thuyết trình cho các điểu tra viên. Các kết quả vẫn chưa được công bố công khai.

Ross vô cùng sửng sốt. Làm sao Martoma có thể biết được các chi tiết đó? Như thể là Martoma đã được xem bài thuyết trình ông vừa xem vậy. Nhưng ông biết điểu đó là không thể.

“Còn về tác dụng của liều lượng thì sao?” Martoma nói. “Sao ông có thể lạc quan như thế khi nhìn vào tác dụng của liều thuốc?”

“Tôi không quan tâm tới tác dụng của liều thuốc,” Ross nói, nghe có vẻ khó chịu. “Chỉ là tôi biết rõ các bệnh nhân của tôi.” Ông tự hỏi làm sao ông có thể giao du với một kẻ thờ ơ như thế với nỗi thống khổ của những người bệnh Alzheimer. Phải chăng Martoma chẳng hề quan tâm tới những người già cả, sắp sửa đón nhận cái chết đau khổ trên giường bệnh viện? Họ cần bapi có tác dụng. Ross nói lời tạm biệt và quay trở lại phòng khách sạn.

Phòng họp chính của khách sạn đông nghẹt vào chiều hôm sau trong buổi thuyết trình chính thức. Tất cả 1.700 ghế đều có người ngồi, và thêm nhiều người nữa đứng ở các lối đi và dọc theo bức tường phía sau. Đó hoặc là - hoặc không phải là - bối cảnh cho một trong những đột phá lớn của y học.

Gilman cảm thấy không khỏe. Ông đã trải qua hàng loạt đợt hóa trị tuần đó, và ông đã kiệt quệ. Ông tiến về phía sân khấu và chỉnh lại cặp kính của mình, nắm chặt bục phát biểu bằng cả hai tay. Căn phòng im ắng. Rồi Gilman bắt đầu nói về trang trình chiếu đầu tiên trong 22 trang của ông. “Dữ liệu lâm sàng đáng khích lệ từ trị liệu miễn dịch thụ động với bệnh Alzheimer” là tựa đề bài thuyết trình của ông. Ông mô tả các mục tiêu và cấu trúc của nghiên cứu Giai đoạn II. Rồi ông chuyển sang các đặc điểm an toàn của thuốc.

Khi ông quay tới quay lui sáu trang trình chiếu trình bày phân tích hiệu quả của thuốc, cho thấy hàng loạt biểu đồ màu xanh da trời và xanh lá cây chỉ ra không có nhiều quan hệ ý nghĩa giữa sự cải thiện nhận thức cho bệnh nhân và liều lượng cao hơn, khán phòng bắt đầu rần rì như một mạch cầu chì sắp nổ. Giới phân tích Phố Wall đang điên cuồng bấm điện thoại BlackBerry, gửi tin nhắn về các quỹ của họ để bán Elan và Wyeth mặc dù thị trường chứng khoán đã đóng cửa.

“Tôi còn nhớ mình đã há hốc vì kinh ngạc,” một chuyên viên phân tích trong đám khán giả nói, anh ta cũng đã nhắn Mã Đờ^[93] về cho công ty mình.

Ngay khi bài thuyết trình kết thúc, Katie Lyndon, một chuyên viên phân tích của SAC làm việc cho Martoma, rời ghế của mình và chạy trở lại phòng khách sạn. Cô đã không gặp Martoma cả ngày hôm đó. Thông

thường, khi họ cùng nhau tham dự những sự kiện chuyên ngành thế này, họ có lịch làm việc tách biệt, để tối đa hóa số bài thuyết trình họ có thể xem, rồi sau đó so sánh các ghi chú của nhau. Cô lo lắng muốn biết chuyện gì đang xảy ra với danh mục của họ và đăng nhập vào Panorama, hệ thống nội bộ của SAC chuyên theo dõi các thương vụ của hãng. Cô chắc chắn rằng Elan và Wyeth sẽ bị tiêu diệt ngay khi thị trường mở cửa ngày hôm sau. Câu hỏi duy nhất là các cổ phiếu sẽ xuống thấp tới mức nào.

Khi khởi động Panorama, cô đã nín thở. Tiềm đang luân chuyển trong hệ thống vào và ra các danh mục khác nhau nhanh hơn bao giờ hết. Cô không thể biết chuyện gì đang xảy ra.

Không lâu sau nửa đêm, Martoma gửi cho cô một thư điện tử. “Ấn tượng của cô với dữ liệu là gì?” anh ta viết. “Có xầm xì gì ở bữa tối không?”

“Tôi nghĩ dữ liệu ổn, không hay hơn so với tôi hy vọng, nhưng có lẽ cũng không đáng với sự háo hức mà người ta đã trông đợi ở nó,” cô đáp. Cô vô cùng muốn biết chuyện gì đang xảy ra với thương vụ của họ. “Tôi đã thấy anh làm gì với WYE hôm qua,” cô tiếp tục, “và tôi muốn nghe suy nghĩ của anh về những dữ liệu đó.”

Cũng tối hôm đó, trở lại văn phòng của SAC, Tim Jandovitz đang ngồi ở bàn của mình khi cuộc họp báo công bố các kết quả về bapi xuất hiện trên màn hình của Bloomberg.

“Nhìn không hay rồi,” anh nghĩ khi nhấp chuột vào dòng tít.

Thị trường đã đóng cửa, nhưng các cổ phiếu đã rớt mạnh trong giao dịch sau khi thị trường đóng cửa. Jandovitz cũng nhìn vào Panorama, hy vọng có người đã giảm thương vụ của SAC hoặc ít ra là có biện pháp phòng hộ nào đó. Nhưng anh không nhìn thấy bất cứ giao dịch bán Elan hay

Wyeth nào được ghi nhận. Anh chắc chắn là họ đã mất ít nhất 100 triệu đô la. Một thảm họa.

Cùng lúc, khi tin tức về cuộc họp ICAD lọt ra ngoài, Ben Slate và David Munno bắt đầu gửi thư cho Jason Karp đầy giận dữ. “Loại thuốc đó đã thất bại,” họ viết.

Karp thấy như muốn bệnh.

Slate và Munno biết là không nên hả hê. Rốt cuộc, theo như họ biết, SAC vừa mất một khoản tiền cực lớn, có lẽ đủ để đẩy tương lai của công ty vào bất trắc. Dẫu vậy, Munno không khỏi cảm thấy được minh oan. Martoma đã sai hoàn toàn.

Mặc dù anh có thói quen làm việc ở văn phòng New York vài ngày mỗi tuần, Jandovitz đã báo cáo cho văn phòng chính của SAC ở Stamford ngay sáng hôm sau. Anh khá chắc là Martoma sẽ bị sa thải. Có khả năng không nhỏ là anh cũng bị sa thải. Anh không thể nhớ được từng chứng kiến một vụ thua lỗ thâm trọng như thế này chưa; nó lớn hơn nhiều lần so với bất cứ lần thua lỗ nào anh từng can dự. Anh tự hỏi mình còn có thể làm gì với cuộc đời mình, liệu một công ty khác có bao giờ tuyển dụng một người dính tới một vụ thua lỗ ở quy mô này hay không.

Khi trở lại bàn làm việc của mình, anh kiểm tra lại Panorama lần nữa. Nó không cho thấy bất cứ thương vụ nào liên quan tới Elan và Wyeth, nhưng thị trường chưa mở cửa. Có gì đó không hợp lý. Rốt cuộc anh gọi di động cho Martoma. “Chuyện gì đã xảy ra với Elan vậy?” Jandovitz hỏi.

“Chúng ta không còn sở hữu cổ phiếu đó nữa,” Martoma nói cộc lốc.

Jandovitz cảm thấy nhẹ nhõm. Có lẽ anh vẫn giữ được việc làm của mình.

Ngay trước khi mở cửa giao dịch, Jandovitz nhận được tin nhắn từ một

người bạn, một nhân viên bán hàng ở JPMorgan mà anh đã biết từ khi họ 5 tuổi.

“HÃY NÓI VỚI TÔI LÀ MARTOMA ĐÃ CHẠY KỊP ELAN,” bạn anh viết.

“Ko đi sâu vào chi tiết,” Jandovitz viết lại. “Thứ Tư và tuần này với chúng tôi là TUYỆT VỜI.”

“YÊU THẬT... YÊU THẬT... YÊU THẬT... TUYỆT VỜI, BẠN TÔI, TUYỆT VỜI,” anh bạn đáp.

“Chất liệu để làm nên huyền thoại đấy,” Jandovitz trả lời. Anh đã tưởng tượng rằng quyết định bán tất cả cổ phiếu Elan của công ty - rồi bán không nó trước tuyên bố tai họa về vụ thử nghiệm - một ngày nào đó sẽ xuất hiện trong danh sách những thương vụ kỳ vĩ nhất của lịch sử Phố Wall. “Chúng ta sẽ gặp nhau làm vài chai, và tớ sẽ nói thêm cho cậu biết.”

Jandovitz vẫn còn hoang mang về việc họ đã tránh được thảm họa Elan-Wyeth. Anh nhớ lại tất cả những lần Martoma quảng bá cho các cổ phiếu này, tuyên bố đánh giá độ tin cậy ở mức 9. Chuyện gì đã xảy ra khiến Martoma và Cohen thành linh đờ ỉ, và chuyện đó đã xảy ra trong bí mật.

Cổ phiếu của Elan đóng cửa ở mức trên 33 đô la trước bài thuyết trình ở ICAD. Đã có sự chia rẽ trong cách diễn giải của các nhà khoa học được xem kết quả của bapi. Một số thấy rằng loại thuốc này vẫn có triển vọng, trong khi những người khác giải thích dữ liệu một cách tiêu cực. Giới nghiên cứu Alzheimer nhất trí với nhau rằng các kết quả thật khó hiểu. Tuy nhiên, Phố Wall thì lại rất rành mạch: Elan mở cửa ở mức giá 21,74 đô la sáng hôm đó và giảm xuống mức dưới 10 đô la trong vòng hai ngày. Wyeth chỉ khá hơn một chút. Những khoản thua lỗ lớn của các nhà đầu tư

bỏ tiền vào hai cổ phiếu này trở thành đề tài bàn tán ở Phố Wall, khi các giao dịch viên cố gắng tìm hiểu xem ai có thể đã mất việc và ai kiếm được hàng triệu vì đánh cược ngược lại. Bất kỳ ai mua các cổ phiếu này trong những tuần lễ gần đây và giữ chúng mà không biết trước các kết quả thử nghiệm bí mật đều mất tiền.

ooo

Martoma tới ăn trưa với Gilman ở phòng Shanghai Terrace của Khách sạn Peninsula tại Chicago vào ngày thị trường đang phản ứng với tin tức về bapiv. Đó là nơi được cho là có món vịt quay Bắc Kinh ngon nhất thành phố, do các nữ bồi bàn mặc xường xám phục vụ. “Ông có nghe về những gì xảy ra với chứng khoán Elan không?” Martoma hỏi Gilman khi họ vừa ngồi xuống.

Gilman khó chịu với câu hỏi đó. “Không,” ông nói. “Đó không phải việc tôi làm.”

“À, nó rơi không phanh,” Martoma nói với ông. Thực ra là hơn 30%.

Gilman ngạc nhiên. Ông nghĩ bapineuzumab vẫn hứa hẹn và có thể bước vào thử nghiệm Giai đoạn III với một số triển vọng thương mại. “Tôi có làm gì sai trong bài thuyết trình của mình không?”

“Thị trường không thích một loại thuốc chỉ giúp được một nửa người bệnh,” Martoma nói.

Vài ngày sau, khi Martoma trở lại Stamford, anh ta gọi Jandovitz vào văn phòng của mình. Jandovitz vẫn còn giận vì không được tham gia quyết định liên quan tới giao dịch Elan.

Martoma xin lỗi vì những gì đã xảy ra. “Steve nói tôi không bảo anh về

quyết định bán của chúng tôi,” Martoma nói.

“Tại sao?” Jandovitz nói. Anh thấy bị xúc phạm. Rốt cuộc, anh mới là giao dịch viên mảng y tế, người đã xây dựng thương vị đó trong nhiều tháng trời. Tại sao anh bỗng nhiên bị loại ra?

“Steve nói với tôi giữ kín chuyện này cùng Villhauer,” Martoma nói. Sau khi cảm thấy tự tin trong suốt nhiều tháng, Martoma đã đổi ý về vụ thử nghiệm thuốc, anh ta nói, và cảm ơn Chúa vì điều đó. “Tôi đã xem xét lại các ghi chú trong vài tuần qua và không còn cảm thấy tự tin nữa.”

Gilman dần hồi phục sau các điều trị ung thư bạch huyết trong mùa hè. Ông vẫn còn yếu, nhưng tóc ông đã mọc trở lại.

Ông đợi vài tuần để ngóng tin từ Martoma, nhưng chẳng có lời nào. Ông thấy ngạc nhiên. Ông không thể tin nổi bạn ông không hề hỏi thăm ông chút nào, bởi bệnh ung thư của ông và những chuyện khác - trong quá khứ, Martoma luôn bày tỏ sự quan tâm với Gilman và sức khỏe của ông. Cuối cùng, vào tháng Chín, Gilman chịu thua và gửi đi một thư điện tử. “Chào Mat, tôi đã không nghe tin gì từ anh một thời gian và hy vọng mọi chuyện vẫn ổn với anh,” ông viết, cố tỏ ra vui vẻ. “Tôi hy vọng anh không gặp chuyện gì quá nghiêm trọng bởi tình trạng hỗn loạn kinh khủng ngoài thị trường, cộng với việc cổ phiếu Elan rớt giá một cách đáng thất vọng.” Khi chứng kiến thị trường chứng khoán lao dốc hết ngày này qua ngày khác và thấy những dòng tin về các đợt giải cứu ngân hàng và hoảng loạn tài chính, Gilman đã lo lắng cho người bạn và gia đình trẻ của anh ta. “Dẫu thế nào,” ông viết thêm, “không cần phải gọi, tôi không có gì mới. Tôi chỉ tự hỏi không biết anh thế nào rồi. Thân mến, Sid.”

Martoma lên kế hoạch một cuộc hẹn qua GLG để gặp Gilman vài tháng sau đó trong một hội thảo y khoa ở Seattle, nhưng Martoma đã hủy cuộc

gặp. Họ không bao giờ gặp nhau nữa.

ooo

Thêm nhiều kịch tính diễn ra trong mùa hè đó. Trong khi chứng khoán Elan vẫn lao dốc bởi các kết quả thử nghiệm thuốc, chuyên viên phân tích công nghệ của SAC Jon Horvath nhận được một thông tin mà anh ta chắc chắn là sẽ kiếm được cho mình và sếp Mike Steinberg rất nhiều tiền. Jesse Tortora, bạn của Horvath và là người cầm đầu câu lạc bộ chia sẻ tin tức về cổ phiếu của họ, biết rằng lợi nhuận của Dell sẽ đáng thất vọng. Tortora có một mối quen, một đồng nghiệp cũ tên là Sandeep Goyal, người có bạn làm việc ở Dell. Quỹ phòng hộ nơi Tortora đang làm việc, Diamondback Capital, đã trả cho Goyal 75.000 đô la mỗi năm cho thông tin về Dell, chuyển vào tài khoản của vợ anh ta vì công ty Goyal đang làm việc không cho anh làm tư vấn bên ngoài. Có vẻ như lợi nhuận biên gộp của Dell sẽ thấp hơn so với kỳ vọng, trái ngược với việc chứng khoán của họ hiện đang có giá khá tốt.^[94]

Thông thường, Tortora gửi kiểu thông tin này trước hết cho Todd Newman, sếp mình ở Diamondback; anh ta giống như một con mèo, có công việc là mang con chuột chết về cho người trả khoản thưởng cho mình trước tiên. Rồi Tortora sẽ chuyển tiếp nó cho Horvath, Sam Adonakis, bạn bè của họ ở Level Global, và những người khác có trong danh sách email. “Kiểm tra Dell,” Tortora viết cho họ ngày 5 tháng Tám, ba tuần trước khi báo cáo thu nhập được công bố “lợi nhuận biên gộp là 17,5% khác với kỳ vọng trên Phố Wall là 18,3%. Nghe không hay, nhưng dấu vậ còn là tin sơ bộ và có thể thay đổi.” Đây chính là lúc việc hiểu được những người khác ngoài thị trường đang kỳ vọng gì trở nên cực kỳ quan trọng để

đánh cược cho đúng. Horvath hiểu rằng con số 17,5% lợi nhuận biên gộp cho thấy sức bán hàng của công ty so với chi phí, nhiều khả năng sẽ khiến cổ phiếu giảm giá. Steinberg bắt đầu bán khống Dell khi tiên đoán công bố lợi nhuận của công ty vào cuối tháng.

Horvath tha thiết muốn chứng minh giá trị của mình với Steinberg và Cohen. Anh ta vẫn đang làm nghiên cứu chính thống với các công ty máy tính của mình, lập bảng biểu và lấy thông tin từ các nhân viên quan hệ với nhà đầu tư và ép họ để có thông tin. Nhưng anh ta cũng đang bơm cho Steinberg những tin tức cập nhật lấy từ Tortora. Thông thường, trong tháng cuối cùng mỗi quý, trước khi Dell công bố lợi nhuận, Tortora sẽ gửi cho Horvath hàng loạt chi tiết về những gì sắp diễn ra. Anh ta không bao giờ nói cụ thể thông tin được lấy từ đâu, nhưng rõ ràng là thông tin tới từ một người cấp tương đối cao trong công ty.

Vào ngày 18 tháng Tám năm 2008, Horvath có chuyến đi đã lên kế hoạch từ lâu tới Cabo San Lucas, nơi anh ta thuê một căn hộ cao cấp gần bãi biển. Trong khi ở đó, anh ta đã cố hết sức để giữ liên lạc về thương vụ Dell. Tortora gọi cho anh ta để biết thêm thông tin cập nhật xác nhận những gì đã nói vài tháng qua: thu nhập sẽ còn hơn là thất vọng, sẽ là tởn tộ. “Xin hãy cẩn thận thêm nữa với những con số này,” Tortora nói với anh ta.

Horvath ngay lập tức gọi cho Steinberg và truyền đạt lại những gì Tortora đã cho biết. Sau khi gác máy, anh ta thấy lo lắng vì đã không nói rõ về việc giữ bí mật, nên anh ta gửi tiếp một thư điện tử. “Xin hãy giữ kín chuyện Dell,” anh ta viết. “Chỉ nói chuyện này vì JT yêu cầu tôi đặc biệt thận trọng với thông tin.”

Vào ngày 25 tháng Tám, ba ngày trước ngày công bố kết quả kinh

doanh, Steinberg đã thực hiện một lệnh bán khống cổ phiếu Dell trị giá hơn 3 triệu đô la. Ngày hôm đó, Horvath nhận được một thư điện tử từ tài khoản “steveideas”^[95] của Cohen. Tiêu đề thư là “Cảnh báo thương vụ của bộ phận Cohen”. “Xin trả lời với các nhận xét hay cập nhật mà quý vị có về các thương vụ của Tài khoản Cohen bên dưới.” Biểu đồ kèm theo cho thấy giao dịch cá nhân của Cohen ở SAC là mua vào Dell. Horvath có cảm giác nhộn nhạo trong bụng. Anh và Steinberg đang đặt cược Dell sẽ rớt giá, và Cohen đặt cược nó lên giá.

“Steve không thích bị mất tiền,” Horvath sau này nói, có phần giảm nhẹ đi. “Bạn sẽ bị vào sổ đen nếu làm ông ấy mất tiền.”

Horvath chuyển tiếp thư điện tử đó cho Steinberg với ghi chú, “steve đang mua vào DELL...”

Steinberg đang ở nhà nghỉ cuối tuần tại Hamptons, thấy không thoải mái. Sẽ ra sao nếu Horvath sai? Tới lúc đó, họ đã bán khống số cổ phiếu giá trị gần 10 triệu đô la, một thương vụ lớn với ông ta. Các lệnh bán khống đặc biệt rủi ro. Nếu mọi thứ không diễn ra như trông đợi, sẽ rất thiệt hại. “Thú vị đấy... Tôi chưa nói gì với ông ấy cả,” Steinberg đáp. “Tôi muốn trình bày quan điểm của chúng ta với ông ấy, nhưng ta cần phải cân nhắc hợp lý rủi ro và lợi ích khi làm việc đó. Mức độ tin cậy của anh trong vụ này tới đâu, theo thang 1-10, 10 là tin tưởng tối đa?”

Họ bỏ ra 24 giờ tiếp đó tranh luận về việc trao đổi với Cohen thế nào và nên nói gì. Họ gửi thư điện tử qua lại với một giám đốc danh mục SAC khác tên là Gabe Plotkin, người đã mua vào 60 triệu cổ phiếu Dell, và cố gắng tìm hiểu thông tin của người này tốt tới đâu.

Rõ ràng là trong hệ thống xếp hạng ngôi sao của SAC, Plotkin đang lên. Anh ta đã phát triển một công thức nghiên cứu dữ liệu thẻ tín dụng và

lưu lượng khách ở các trung tâm mua sắm mà anh ta tuyên bố rằng sẽ giúp anh ta thực hiện các giao dịch chiến thắng trong các cổ phiếu hàng tiêu dùng. Dù đang làm gì, có vẻ như đi đầu đó hiệu quả. Anh ta đã kiếm được lợi nhuận lớn. Giống như Cohen, anh ta có thể mạo hiểm hàng triệu đô la trên thị trường mà vẫn về nhà ngủ ngon lành. Và Cohen đang nghe lời anh ta ngày càng nhiều. Plotkin chính là người đã thuyết phục ông mua vào Dell lúc ban đầu.

Ngày hôm sau, 26 tháng Tám, Steinberg gửi thư điện tử cho Plotkin và Horvath, hỏi họ suy nghĩ sao về Dell, do họ có vẻ có quan điểm trái ngược nhau. “Gabe,” Steinberg viết lúc 12 giờ 37 phút chiều, “chúng tôi nghĩ lợi nhuận biên gộp có rủi ro quý này.” Steinberg tiếp tục, bằng ngôn ngữ của thị trường chứng khoán, rằng ông ta nghĩ các nhà đầu tư vào Dell đang kỳ vọng những con số tốt hơn so với thực tế. “Anh nghĩ gì về chuyện này - hay những vấn đề liên quan?”

“Tôi quả có nghĩ đây là rủi ro lớn nhất,” Plotkin đáp. Tuy nhiên, rõ ràng là anh ta có ý kiến lạc quan hơn Horvath. Anh ta liệt kê các yếu tố mà anh ta nghĩ sẽ ảnh hưởng tới lợi nhuận biên ròng của công ty. “Tỉ lệ lợi nhuận biên gộp theo mô hình của anh đâu? Những thông tin của anh là gì...?”

Plotkin sau đó gọi cho Cohen. Họ trao đổi với nhau vài phút.

Horvath đã miễn cưỡng đưa ra một con số về sự tin tưởng của anh ta với báo cáo thu nhập của Dell. Nhưng vào lúc 1 giờ 9 phút chiều, anh ta viết một thư điện tử nữa từ Mexico. Horvath cần chỉ ra là anh cảm thấy thông tin này chắc chắn tới đâu.

“Tôi có một người đã gián tiếp đọc được báo cáo ở công ty - đây là quý thứ ba tôi nhận được thông tin này từ họ và hai quý trước tin rất tốt,”

Horvath viết. Anh ta bổ sung rằng nguồn tin của anh dự báo lợi nhuận biên ròng và thu nhập sẽ không đạt được như mức ước tính mà hầu hết các chuyên viên phân tích Dell đang sử dụng. Rồi nhấn nút gửi.

Plotkin mất vài phút để đón nhận những gì Horvath nói. “Thế thì - nếu những kiểm tra của anh là đúng, mọi việc chắc chắn đang diễn biến xấu,” Plotkin đáp. “Tuy nhiên, tôi sẽ nói rằng có vẻ gần đây (thường trong lĩnh vực hàng tiêu dùng) mỗi khi có người gửi cho tôi một kiểm tra như thế, nó hóa ra lại sai... Nên chúng ta sẽ phải đợi xem sao.”

Steinberg yêu cầu Plotkin thận trọng với thông tin mà Horvath vừa chia sẻ.

“Tôi sẽ thận trọng,” Plotkin trả lời.

Plotkin nghi ngờ “kiểm tra” của Horvath. Đầu vậy, anh ta vẫn chuyển thư điện tử về việc “gián tiếp đọc được báo cáo” cho Anthony Vaccarino, một giao dịch viên SAC được chỉ thị thông báo cho Cohen về Dell. Plotkin sau đó bán 300.000 cổ phiếu từ danh mục của mình, khiến anh ta còn lại một thương vụ dài hạn 2,1 triệu cổ phiếu - vẫn là một khoản lớn đối với rủi ro thua lỗ.

Công việc chính thức của Vaccarino là “giao dịch viên nghiên cứu”. Anh ta có trách nhiệm giám sát tất cả các giám đốc danh mục giao dịch các chứng khoán bán lẻ và hàng tiêu dùng đang làm gì và bảo đảm rằng Cohen biết đi đâu đó. Ở nơi riêng tư, Cohen gọi Vaccarino là “dây cáp” của ông. Cohen biết rằng các giám đốc danh mục đôi khi qua mặt ông, nói rằng họ thích cổ phiếu đó ra sao và rồi lại bán ra trong danh mục của riêng họ, có thể để cho khối lượng giao dịch trong danh mục của chính ông, thường lớn hơn, không ảnh hưởng đến các giao dịch của họ. Ông có năm giao dịch viên nghiên cứu, và ông chỉ thị cho họ theo dõi các hoạt động giao dịch bên

trong SAC như bầy diều hâu. Cohen muốn biết ngay lập tức nếu có người thực hiện một giao dịch hay thậm chí là một cổ phiếu thối trái với thương vị mà ông đang nắm giữ. “Nhìn vào những gì họ làm, không phải những gì họ nói,” Cohen nhiều lần nói với Vaccarino.

Vaccarino ngay lập tức chuyển thư điện tử “gián tiếp đọc được báo cáo” cho Cohen, lúc này đang làm việc xa ngôi nhà ông tại East Hampton. Rồi anh ta gọi vào số di động của Cohen.

Vài phút sau cuộc gọi, Cohen bắt đầu bán Dell. Trong hai giờ tiếp đó, ông đã bán toàn bộ thương vị dài hạn 500.000 cổ phiếu của mình.

Chỉ hơn 48 giờ sau, thời điểm mà họ đã tranh luận và giằng co trong vài tháng qua đã tới: Dell thông báo lợi nhuận của họ vào lúc 4 giờ chiều, ngay sau khi thị trường đóng cửa. Các con số tệ gần như dự đoán của Tortora, giảm 17%. Ngày hôm sau, chứng khoán này giảm từ 25,21 xuống 21,73 đô la, tương đương 13,8%, mức giảm lớn nhất của cổ phiếu này trong vòng tám năm. Bằng cách bán các cổ phiếu của mình, Cohen đã tránh được những khoản thua lỗ 1,5 triệu đô la.

“Quyết định xuất sắc và làm tốt từ trên xuống dưới,” Steinberg viết cho Horvath sau khi ông có cơ hội xem xét kỹ hơn các con số.

Horvath tự cho phép mình tận hưởng thành công vài phút. Anh ta đã làm đúng và tạo ra sự khác biệt. Horvath viết một tin nhắn cho Tortora: “Bạn hiên!!! Giỏi lắm!!!”

Lúc đó Horvath còn chưa biết, rằng anh ta không phải là thiên tài duy nhất ở SAC khi nói tới thông báo thu nhập quý hai của Dell. Tortora và Ron Dennis, tay chuyên viên phân tích của SAC cũng thuộc nhóm chia sẻ thông tin của Tortora, cũng đã nói chuyện vào buổi chiều ngày 28 tháng Tám, và Tortora đã chia sẻ cùng thông tin về thu nhập và lợi nhuận biên

gộp của Dell. Một giờ đồng hồ sau cuộc nói chuyện của họ, giám đốc danh mục của Dennis ở bộ phận CR Nội bộ cũng bắt đầu bán khống Dell. Sau khi báo cáo thu nhập của Dell được công bố, Tortora gửi cho Dennis một tin nhắn: “chúc mừng anh”.

“Anh giỏi lắm!!” Dennis trả lời. “Tôi nợ anh.” Sếp anh ta đã bán khống và kiếm được 800.000 đô la lợi nhuận trong giao dịch đó.

Tuy nhiên, giống như thường thấy ở những vụ mà thông tin tốt dẫn tới phần thưởng lớn, niềm vui thành công gần như ngay lập tức bị phủ bóng đen bởi nỗi lo về việc họ sẽ làm đi đâu đó lần nữa ra sao. Mỗi lần thông tin nội gián phát huy tác dụng, nó lại nâng cao kỳ vọng cho quý tới, quý tiếp theo và quý sau đó nữa. Áp lực tìm ra thêm thông tin mang lại lợi thế trở nên lớn hơn nữa. Giống như một loại ma túy.

Sau đây trong buổi tối đó, Cohen gửi thư cho Steinberg. “Làm tốt vụ dell đây,” ông viết.

“Cảm ơn,” Steinberg trả lời. “Con chó già này vẫn còn đi săn được.”

PHẦN BA

Chương 8

NGƯỜI CHỈ ĐIỂM

Vào một buổi tối lạnh lẽo tháng Một năm 2009, một người đàn ông vai rộng, râu ria không cạo, ngoài ba mươi tuổi đang rảo bước về nhà từ phòng tập Equinox ở Tribeca, vai co ro vì lạnh. Lúc đó là khoảng 8 giờ 30 phút tối, và Jonathan Hollander vừa hoàn tất một buổi tập 90 phút, nâng tạ và chạy trên máy tập. Anh bị ướt và đói, đang đi tìm một chỗ bán đồ ăn mang về, về nhà, và làm việc một chút. Khi vội vã đi dọc đường Murray, anh nghe một giọng đằng sau mình. “Ông Hollander!”

Giọng nói không hề thân thiện. Anh quay lại và thấy một người đàn ông mặc áo khoác đen, cái áo phanh ra đủ để thấy một khẩu súng nơi thắt lưng. Có một gã khác lớn con hơn một chút đứng ngay sau anh ta, ăn mặc giống hệt.

“Anh đang đi đâu?” gã thứ hai hỏi. “Chúng tôi cần nói chuyện với anh.”

Người đàn ông đầu tiên giờ tấm phù hiệu trước mặt Hollander, quá gần khiến anh không đọc được. “Tôi là David Makol, người của FBI,” ông ta nói. “Chúng tôi muốn nói chuyện với anh về giao dịch nội gián. Chúng ta có thể nói chuyện ở đâu?”

Hollander lúng túng. Đường trong máu anh đang thấp, và anh đang đói lả. Khi nhịp tim anh tăng tốc, khung cảnh bắt đầu hiện ra thật kỳ quái, gần như trong một giấc mơ. Anh nói với các đặc vụ FBI rằng anh phải ăn đã,

nên họ đi cùng nhau trong sự im lặng đậ̀y lúng túng suốt hai dậ̀y nhà và bước vào một hiệu Whole Foods còn sáng đèn ở góc đường. Makol và cộng sự của anh ta đứng sang một bên, theo dõi Hollander khi anh gấp xa lát cho vào đậ̀y một hộp nhựa ở quậ̀y xa-lát. “Tôi lấy cho các vị thứ gì nhé?” Hollander hỏi, hướng ra chỗ tính tiền, nơi anh đứng vào hàng đằng sau một phụ nữ mặc đồ tập yoga thiết kế riêng. Những tay đặc vụ từ chối.

Họ đi lên lầu vào khu có chỗ ngồi và ngồi xuống một cái bàn ở góc. Makol nói trong khi Hollander ăn, đậ̀u óc quay cuộ̀ng.

“Chúng tôi biết anh đã vi phạm giao dịch nội gián khi anh còn làm việc ở SAC Capital,” Makol bắt đậ̀u. “Chúng tôi biết anh có tội. Nhưng anh có thể tự giúp lấy mình.”

Hollander cố gắng giữ bình tĩnh. Anh biết cần làm gì trong những tình huống thế này. Ở SAC anh đã tham gia vào một sự kiện được gọi là huấn luyện Đánh giá Hành vi Chiến thuật, một chiến lược học cách đọc ngôn ngữ cơ thể của người khác để nhận ra dấu hiệu của sự lừa gạt. Cohen đã đưa vào một nhóm cựu nhân viên CIA để huấn luyện nhân viên của ông kỹ thuật này, ông nghĩ rằng đi đầu đó có thể giúp các giao dịch viên và chuyên viên phân tích của công ty biết khi nào những CEO các công ty trên sàn không thành thật về những thứ như công bố kết quả kinh doanh hay các phương thức kế toán của họ. Đi đầu quan trọng nhất là tỏ ra thoải mái. Hollander nhớ lại rằng sự lúng túng, nhậ́t xơ sạo trên quần áo, hay cứ ngồi chỉnh mắt kính đậ̀u có thể là dấu hiệu cho thấy bạn đang nói dối. Anh cố tránh nói những từ như *thành thật mà nói* hay *thẳng thắn mà nói*, vốn là những chỉ dấu quen thuộc của sự thiếu trung thực.

Ở SAC, Hollander mới làm đến chức chuyên viên phân tích cấp thấp ở bộ phận CR Nội bộ, đơn vị nghiên cứu tình hình của công ty. Anh là người

có rất ít liên lạc với những người ở cấp cao nhất. Để thực hiện một giao dịch, Hollander phải qua sếp của mình, Jason Karp. Dù bị nhìn nhận là phán đoán hay mắc sai lầm, Hollander được ưa thích ở văn phòng.

Anh là một gã hóm hỉnh. Ngoài công việc, anh tình nguyện làm huấn luyện viên bóng chày cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt ở Harlem, và anh có cổ phần trong một nhà hàng Mexico thời thượng trong khu trung tâm Manhattan. Anh liên tục dính chấn thương khi chơi thể thao, làm rách gân và trật khớp vai. Có lần, Hollander đã đánh nhau trong quán bar với một gã bị cho là đã xúc phạm bạn gái anh; anh đâm gã đó trúng mặt và bị gãy tay. Kiểu sự kiện như thế không được lòng các lãnh đạo cấp cao ở SAC, nên Karp và các đồng nghiệp khác của anh nói với mọi người là anh bị thương khi chơi bóng mền.

Makol có vẻ biết rõ Hollander đã rời CR Nội bộ vài tuần trước. Hàng chục người đã bị sa thải sau khi SAC sụt giảm 28% trong năm 2008, năm tăng trưởng âm duy nhất của quỹ này sau 16 năm hoạt động. Sau khi cắt bỏ dịch vụ giao hoa đất đỏ, các nhân viên trị liệu mát xa toàn thời gian và đồ uống Snapple miễn phí, Cohen đã tiến hành những vụ sa thải lớn nhất mà công ty từng chứng kiến. Đơn vị CR Nội bộ bị dẹp bỏ. Hollander bị sa thải - đi đâu có triển vọng biến anh thành kẻ hợp tác lý tưởng.

Thực tế, Makol có vẻ biết rất nhiều về những gì Hollander đã làm khi anh ở SAC. FBI biết rằng Hollander đã giao dịch cổ phiếu của Albertsons, một chuỗi siêu thị - một người bạn của Hollander liên quan tới vụ mua lại công ty đã rò rỉ trước thông tin này cho anh - Makol nói. “Chúng tôi đã bắt Ramesh,” Makol nói tiếp, ý chỉ người bạn làm việc cho Blackstone Group ở London và hiện đang bị các đặc vụ FBI giữ lại ở sân bay JFK. “Hai người bạn khác của anh sẽ ngồi tù. Anh cũng sẽ ngồi tù nếu anh không tự

giúp lấy mình.”

Không có cách nào chống lại đâu, Makol nói. Những gã giàu có ở Phố Wall sẽ chẳng có cơ hội nào trước một b ồi thẩm đoàn New York.

Hollander phẫn nộ. Với anh các đặc vụ có vẻ chẳng biết họ đang nói gì. Phải, anh thừa nhận, anh đã giao dịch cổ phiếu của Albertsons, nhưng công ty này đã là chủ đề của tin đồn mục tiêu thâm tóm rất lâu r ồi, và anh đã mua bán cổ phiếu của nó suốt sáu tháng. Anh có cả một tập hồ sơ phân tích tài chính mà anh đã thực hiện trước khi SAC đầu tư, kết luận rằng bất động sản của công ty này có giá trị cao hơn so với giá chứng khoán đang giao dịch. Đây là một lĩnh vực anh biết tường tận. Sau khi lấy bằng MBA tại Đại học Stanford vào năm 2003, anh đã làm việc với cha mình tìm kiếm những cơ hội “thuê nhà cả gói bao ba hạng mục”^[96] ở Maryland. Họ sẽ mua bất động sản theo một chuỗi nhà hàng hay cửa hàng, như Outback Steakhouse hay Walgreens, r ồi cho chuỗi đó thuê lại bất động sản này. Để đánh đổi việc phải trả thuế và chi phí bất động sản, bên thuê trả các khoản tiền thuê nói chung là thấp hơn so với bình thường nhưng vẫn để lại một mức lợi nhuận tốt cho chủ đất với việc được tiếp cận nguồn tài chính giá rẻ. Chiến lược này hiệu quả nhất khi nhà đầu tư hiểu rõ khu vực đó và thị trường tăng trưởng tốt.

Kinh nghiệm này là lý do SAC tuyển dụng anh, Hollander cố gắng giải thích. Họ muốn kỹ năng chuyên môn của anh trong tài chính bất động sản. Các giao dịch cổ phiếu Albertsons là một trường hợp anh mang sách giáo khoa ra áp dụng. Chuyện đó không có gì bất hợp pháp.

Các tay đặc vụ tỏ ra hoài nghi. Makol nhắc thêm những cái tên của bạn bè Hollander ở các công ty khác nhau dự kiến sẽ phải ngồi tù. Rồi anh ta rút trong túi ra một tờ giấy và mở nó một cách đầy kịch tính. Đó là một

biểu đồ các khuôn mặt, kiểu mà Hollander từng thấy trong các phim cảnh sát, thường được ghim lên tường bằng những chiếc ghim đủ màu: bản đồ về một âm mưu phạm tội. Raj Rajaratnam, người đồng sáng lập Galleon, có mặt trên tấm bản đồ, cùng hai mươi giám đốc danh mục và giao dịch viên khác, một số người Hollander từng làm việc cùng, một số thì không.

Ở trung tâm là một khuôn mặt mà anh nhận ra. Đó là Steve Cohen.

“Rất nhiều điều anh không biết về Steve,” Makol nói, chỉ vào mặt Cohen. Ông ta dính líu tới tất cả những thứ mờ ám mà Hollander có thể không biết, một kiểu phòng súp de mù mịt hơi nước. Makol nói về ông như thể ông là một tay gang-xtơ. “Anh sẽ cần sự bảo vệ khỏi ông ta, nhưng đừng lo, chúng tôi ở đây để lo cho anh.”

Hollander không biết những chuyện này có thật không, hay họ đang thổi phồng tới mức nào, nhưng anh thấy lo lắng.

“Chúng tôi đã có ba người ở SAC cộng tác với chúng tôi mà chúng tôi đã nghe lén,” Makol nói. “Anh ở khoảng này,” anh nói tiếp, chỉ vào một góc xa của tờ giấy, giống như vùng Siberia trên bản đồ các khuôn mặt. “Anh vẫn chưa ở đây. Chúng tôi không muốn anh phải vào đây. Nhưng anh sẽ phải để chúng tôi giúp anh.” Họ muốn anh trở thành người chỉ điểm.

Hollander nói anh phải suy nghĩ.

Các đặc vụ để anh đi, và Hollander lê bước về căn hộ của mình, vẫn mặc quần soóc và áo phông tập thể dục xuề xòa. Bạn cùng phòng vừa chuyển ra ngoài, nên anh ở một mình. Anh lôi tất cả hồ sơ Albertsons ra và bắt đầu lướt qua chúng. Có một bài thuyết trình PowerPoint 25 trang anh đã thực hiện với các đồng nghiệp ở CR Nội bộ vào năm 2005, một năm trước bất cứ chuyện gì mà FBI nói tới. Bài thuyết trình bao gồm các

phân tích tài chính chi tiết và một mô hình cho thấy công ty có thể kiếm được bao nhiêu nếu bán đi nhiều tài sản khác nhau. Anh đã làm việc cật lực để phát triển ý tưởng của mình về Albertsons.

Anh gọi cho một phụ nữ mà anh đã đi chơi cùng vài lần, người là luật sư ở công ty luật Schulte Roth & Zabel. Hollander nhờ cô tìm luật sư giúp anh.

Trong nửa giờ đồng hồ, lúc khoảng 10 giờ 30 tối, điện thoại nhà anh reo. Đó là Peter Nussbaum, trưởng bộ phận tư vấn pháp lý của SAC.

“Chúng tôi nghe nói anh bị FBI tiếp cận,” Nussbaum nói. Hollander kinh ngạc. Làm sao Nussbaum biết?

“Chuyện này xảy ra suốt,” Nussbaum nói. “Chúng tôi nghĩ anh không làm gì sai. Đừng lo. Chúng tôi sẽ bảo vệ anh, chi trả phí cho luật sư, bất cứ thứ gì anh cần. Mọi việc sẽ ổn.”

ooo

Đặc vụ B. J. Kang rảo bước dọc phòng đợi của tòa nhà liên bang ở khu Hạ Broadway và rẽ trái sang đường Duane, vất vả đi qua một hầm thông gió khi hướng về phía quảng trường Foley. Đó là một sáng tháng Ba giá lạnh, và chiếc áo khoác ngoài của anh phập phồng trong gió rét - anh thích để phù hiệu bên thắt lưng, giấu đi khẩu súng ngắn anh luôn mang bên hông. Kang cầm một xấp đĩa compact trong tay khi hối hả tới cuộc họp với các đồng nghiệp ở Văn phòng Công tố Mỹ.

Kang đã dồn hết tâm trí cho cuộc đi điều tra Raj Rajaratnam trong hơn một năm. Cuộc đi điều tra đã mở rộng ra rất xa khỏi Raj để bao gồm hàng chục giao dịch viên và giám đốc quỹ phòng hộ khác khắp Phố Wall. Trong

những tháng trước đó, cuộc đi điều tra đã bước vào một nhịp điệu đáng hài lòng. FBI sẽ sử dụng một người chịu hợp tác để thu thập bằng chứng mới chống lại một giao dịch viên khác, rồi đệ đơn xin nghe lén giao dịch viên mới này. Với mỗi lần nghe lén mới, FBI lại thu thập được thêm những băng ghi âm mà Kang và các đặc vụ khác sau đó có thể sử dụng để lật mặt thêm nhiều nhân chứng nữa. Danh sách những cái tên cứ dài ra mãi, và trong một thời gian dài Kang không nghĩ tới gì khác ngoài vụ đi điều tra, di chuyển các mảnh ghép trong tâm trí mình, cố gắng lên kế hoạch cho bước tiếp theo.

Với các đi điều tra viên của FBI và công tố viên đang làm vụ này cho tới giờ, rõ ràng là Rajaratnam sẽ bị truy tố. Câu hỏi là còn bao nhiêu kẻ khác mà họ có thể lôi xuống cùng ông ta? Việc nghe lén đã kéo dài hơn một năm, và họ sẽ phải ra một số quyết định để triển khai bước kế tiếp như thế nào. Họ có lượng bằng chứng không rõ xác định sự dính líu của Rajaratnam và bạn bè ông ta, có lẽ nhiều hơn họ cần. Nhưng mỗi ngày, các bản ghi âm mới lại đầy những cái tên mới cứ chôn chọt lên mãi, những giao dịch viên khác ở các quỹ khác cũng đã tham gia vào giao dịch nội gián, lại làm xuất hiện các cuộc đi điều tra khác. Mỗi vụ đi điều tra đều tiêu tốn nguồn lực và thời gian quý giá. Họ nên để chuyện này tiếp diễn bao lâu trước khi quyết định họ đã có đủ cá và đã đến lúc kéo lưới lên thuyền? Với việc chờ đợi chưa bắt giữ, họ gặp rủi ro nếu Raj và những người khác phát hiện ra họ sẽ bị bắt và hủy bằng chứng hay thậm chí là bỏ trốn. FBI, các công tố viên ở Văn phòng Công tố Mỹ Manhattan và những đồng sự của họ tại SEC đã tranh luận về việc để cuộc đi điều tra tiếp tục mà không bắt giữ ai, để xem còn bao nhiêu giao dịch viên dính líu. Họ hiểu rằng ngay khi Raj bị bắt giữ, cả Phố Wall sẽ được báo động việc FBI đang nghe lén điện

thoại của họ.

Quan trọng hơn, chính quyền biết việc bắt giữ Raj sẽ gửi tới mục tiêu tối thượng của họ, Steven Cohen, và hàng trăm giao dịch viên cùng các giám đốc danh mục khác, một lời cảnh báo rằng họ có thể là người tiếp theo.

Thách thức lớn nhất của họ, ở thời điểm hiện tại, là hai đặc vụ FBI lãnh đạo vụ này, Kang và Dave Makol, mắc kẹt trong một cuộc đua tranh quyết liệt. Giống như Kang, Makol là một đặc vụ xuất sắc, rất quyết tâm. Mỗi lần một đầu mối hứa hẹn mới xuất hiện trên bảng nghe lén hay qua một người cộng tác, cả hai chạy đua để xem ai đi đầu tra ra trước. Vì các đường dây giao dịch nội gián mà họ theo đuổi quá phức tạp, ảnh hưởng tới hàng chục quỹ phòng hộ, công ty luật và giám đốc doanh nghiệp liên quan chặt chẽ với nhau, họ thường giẫm chân lên nhau, với một nhân chứng mà đặc vụ này đang theo đuổi bỗng nhiên xuất hiện ở vụ đi đầu tra của đặc vụ kia. Makol sẽ trải qua nhiều tuần làm việc 16 giờ mỗi ngày để thu thập bằng chứng rồi chỉ để thấy Kang đã làm rồi.

Dù cạnh tranh với nhau, cả hai đặc vụ đều giỏi việc họ đang làm. Các công tố viên làm việc với họ ở Văn phòng Công tố Mỹ tại Manhattan đùa rằng nếu họ có thể hợp lại làm một, họ sẽ là tay siêu đặc vụ không gì ngăn cản nổi và tội phạm chứng khoán sẽ bị loại bỏ khỏi trái đất.

Kang cố gắng dẹp bỏ mối kình địch khỏi tâm trí khi tới số 1 St. Andrew's Plaza và đi thang máy lên gặp người đứng đầu đơn vị chứng khoán. Kang có mặt ở đó để tham gia buổi động não và trao đổi cách họ nên tiến triển vụ đi đầu tra ra sao, cùng Makol và hai công tố viên khác đang làm vụ này, Andrew Michaelson và Reed Brodsky. Mặc dù có khác biệt, hai đặc vụ FBI nhất trí với nhau một điểm: có đủ bằng chứng đang phát

triển để đi điều tra ngoài Rajaratnam cùng những kẻ gần gũi với ông ta và mở một cuộc tấn công rộng hơn nhiều vào ngành quỹ phòng hộ. Họ đang háo hức tiến lên. Michaelson và Brodsky nhìn nhau. Đó là một ý tưởng hấp dẫn. Những lập luận ủng hộ là rõ ràng: chấm dứt sự băng hoại trong một ngành hùng mạnh chủ yếu hoạt động trong bóng tối; hàng loạt vụ truy tố gay cấn sẽ tạo ra các dòng tiền; lời khiển trách những người chỉ trích đã khẳng khái rằng lực lượng chấp pháp né tránh các vụ của Phố Wall. Ray Lohier, sếp của họ, hỏi những rủi ro của việc tiến lên một cách quyết liệt là gì.

Các đặc vụ FBI nói rằng họ theo dõi càng nhiều người và dùng càng nhiều nhân chứng bị lật mặt, thì khả năng càng cao là có kẻ sẽ bắt đầu phun chuyện ra. Toàn bộ cuộc đi điều tra tới giờ là bí mật; chỉ vài người, chủ yếu là các đặc vụ và công tố viên trong phòng này, biết về nó. Họ cần thêm những người cộng tác nếu muốn săn đuổi những mục tiêu lớn nhất, đi điều này đương nhiên sẽ làm tăng rủi ro lộ chuyện. Lohier và các công tố viên nhất trí rằng bước một, FBI cần lấy một số bằng chứng nghe lén mới mà họ đã tập hợp được và sử dụng để tiếp cận một vài giao dịch viên mới - Ali Far, một giám đốc quỹ phòng hộ ở California từng làm việc cho Rajaratnam, và đối tác của anh ta, C. B. Lee, từng làm việc ở SAC; Karl Motey, người đi điều hành công ty nghiên cứu đầu tư của riêng anh ta và cũng ở California; và một giám đốc quỹ ở Boston tên là Steve Fortuna; và cố gắng ép họ hợp tác và xem mọi chuyện dẫn tới đâu. Tất cả nhất trí đó là một bước đi mạo hiểm. Cả cuộc đi điều tra sẽ tan tành nếu một nhân chứng tiềm năng bảo họ rút đi, rồi cảnh báo đám bạn bè rằng FBI đang nghe lén điện thoại của họ.

Hai nhóm FBI đã chọn ngày 1 tháng Tư là ngày đó. Kang sẽ tiếp cận

Far trước, và Makol sẽ nói chuyện với Motey. Một đặc vụ khác sẽ tìm cách lôi kéo Fortuna. Còn có kế hoạch thay thế nếu mọi thứ không diễn ra như hy vọng. Họ hy vọng có những người cộng tác mới sẵn sàng và các đường dây nghe lén mới được đặt đúng lúc cho mùa công bố thu nhập quý hai, khi giao dịch nội gián chắc chắn tăng mạnh. Kang ngay lập tức lên kế hoạch cho chuyến đi, đặt vé máy bay và phòng khách sạn.

Từng có những khoảnh khắc như thế trong cuộc đi điều tra trước kia, khi có vẻ một sự kiện mới nào đó có thể thay đổi những gì sẽ diễn ra, nhưng lần này có vẻ đặc biệt hơn. Đến ngày 1 tháng Tư, Brodsky, Michaelson và những người khác ở Văn phòng Công tố Mỹ chờ đợi đầy lo lắng để nghe tin về các vụ tiếp cận. Liệu một năm làm việc căng thẳng, cật lực có mất hết trong một ngày? Họ sắp biết vụ điều tra của họ thật ra mạnh mẽ tới đâu.

ooo

Hai tuần sau, ngày 16 tháng Tư năm 2009, các nhân chứng cộng tác mới của B. J. Kang tới Văn phòng Công tố Mỹ ở trung tâm Manhattan. Dù Ali Far và C. B. Lee là bạn thân nhất của nhau và đã đi điều hành quỹ cùng nhau, không ai biết người kia đang làm gì. Kang tiếp cận họ riêng rẽ ở California, và họ đã nhất trí độc lập với nhau, ít nhất trên lý thuyết, cùng lật mặt. Theo những gì FBI được biết, hai người đã không nói chuyện với nhau kể từ lần đầu Kang nói chuyện với họ ở cửa nhà họ.

Một đặc vụ gặp Ali Far ở sảnh và áp giải anh ta tới phòng họp trên tầng sáu; sau khi đảm bảo rằng thang máy không có ai; Andrew Michaelson đã gặp đối tác của Far, C. B. Lee, và đưa anh này lên tầng năm. Michaelson và một công tố viên khác, Josh Klein, chạy đi chạy lại

giữa hai phòng, cố gắng hành xử như thể không có chuyện gì khác thường diễn ra. Mục tiêu là dùng người này chống lại người kia và cố gắng gây sức ép để họ cộng tác hoàn toàn, mà không làm họ hoảng sợ. Đó là một tình huống mong manh.

“Nói dối đặc vụ liên bang là một tội riêng,” Klein nhắc nhở Lee. Nếu anh ta nói đi đâu không có thật trong cuộc thẩm vấn, họ có thể buộc anh ta tội khai man.

Ban đầu, Lee và Far miễn cưỡng thừa nhận họ đã làm chuyện gì đó bất hợp pháp, đây là bước đầu tiên của việc cộng tác. Các công tố viên lập luận rằng cả hai người đã nghe trước đó, từ Kang: rằng cộng tác là cách duy nhất để tránh bị truy tố. Chiến lược là cho chạy một phần băng ghi âm cuộc hội thoại để vừa đủ cho họ thấy rằng chính quyền có bằng chứng mà không tiết lộ quá nhiều về việc họ có được bằng cách nào. Trong khi đó, Lee và Far được luật sư của họ hướng dẫn không nói gì nhiều và không nhận bất cứ tội nào tới khi họ biết rõ chính quyền có đang gài bẫy hay không.

“Tôi không làm gì cả,” Lee nói. “Tôi tới Đài Loan gặp vài công ty, nhưng tôi không có các con số về doanh thu.”

“Thật không?” Kang nói. “Không có con số về doanh thu sao?”

Kang mở máy tính xách tay và bật một tập tin âm thanh kỹ thuật số trong đó có thể nghe thấy Lee đang nhận con số lợi nhuận của Nvidia, một hãng sản xuất linh kiện bán dẫn. Chính quyền có bằng chứng rằng Lee đã chuyển khoản chi trả 2.000 đô la mỗi quý cho một đạo quân nhỏ các chuyên viên tư vấn ở châu Á, những người đang thu thập thông tin nội gián về các công ty sản xuất linh kiện bán dẫn và trao nó cho Lee.

“Được rồi,” Kang nói. “Đừng nói linh tính nữa.”

Lee và Far lo sợ không biết làm gì. Những người bị cáo buộc trọng tội thường hỗn loạn về tâm lý. Họ mất ngủ, đôi khi phải dùng thuốc ngủ, và bị dẫn vật vì những cuộc khủng hoảng liên quan, những vấn đề về tiền bạc, những chuyện gây bức dọc khác, các chứng rối loạn vì lo lắng. Lee khá cách biệt. Anh ta có vẻ duy lý và ít cảm xúc hơn đối tác của mình. Trong khi đó, Far dường như sẽ suy sụp về tinh thần bất cứ khi nào. Cả hai người đều lo lắng về việc cứu không chỉ bản thân, mà cả những gì còn lại với chuyện làm ăn của họ.

Có lúc, luật sư của Lee kéo Michaelson qua một bên. “Tôi muốn giúp thân chủ của tôi, tôi muốn giúp quý vị, nhưng hãy làm rõ chuyện này cho tôi,” ông ta nói. “Quý vị có gì chống lại thân chủ của tôi? Hãy chia sẻ chút ít với tôi để tôi biết việc cộng tác là hợp lý.” Rồi Kang bật thêm các đoạn ghi âm.

“Đây là cơ hội duy nhất của anh,” Klein nói với Lee. “Nếu anh không hợp tác, chúng tôi sẽ truy tố anh, chúng tôi sẽ buộc tội anh và anh sẽ vào tù.”

Dần dần, Lee và Far bắt đầu nhượng bộ.

Một trong những đi đầu đầu tiên Lee và Far phải làm là đóng quỹ của họ mà không gây ra nghi ngờ quá mức từ bạn bè ở Phố Wall. Một khi đã làm chỉ điểm cho FBI, họ không thể tiếp tục giao dịch cho các nhà đầu tư của mình được nữa. Quỹ đang làm tương đối tốt, tăng trưởng 10% trong năm trước đó, nên đột ngột đóng quỹ mà không giải thích sẽ nêu ra nhiều câu hỏi. Họ cần một câu chuyện để che đậy. Với sự giúp đỡ từ những tay chuyên dọn dẹp của FBI, họ nhất trí đưa ra lời giải thích công khai là việc tranh giành lợi nhuận của quỹ đã dẫn tới việc chấm dứt làm ăn. Ngay khi tin tức tới New York là Lee giờ thất nghiệp, anh đã nhận được vô số đề

ngihtừ những quỹ phòng hộ.

Lee và Far giờ chính thức là trợ lý cá nhân của B. J. Kang, họ được yêu cầu có mặt bất cứ lúc nào cho bất cứ nhiệm vụ gì, từ trả lời các câu hỏi tới gọi những đồng nghiệp cũ và ghi âm họ hay việc xuất hiện ở một cuộc họp cùng thiết bị nghe lén. Họ thậm chí sẽ phản bội bạn thân nhất của mình nếu được yêu cầu.

Trong khi Rajaratnam đi đầu hành một quỹ phòng hộ lớn, chính quyền ngày càng thấy SAC Capital là mặt trời mà những người khác đều xoay quanh quỹ đạo của nó. Các đặc vụ FBI đã nghe từ rất nhiều nguồn rằng Cohen là giám đốc quỹ mà Rajaratnam thấy là đối thủ cạnh tranh lớn nhất. Raj tự hào vì tuyển dụng các giao dịch viên từng làm việc ở SAC, thậm chí cả những người mà Cohen đã sa thải. Stevie Cohen là một huyền thoại, người ở Phố Wall cứ nói đi nói lại như thế, người giỏi nhất trong ngành này. Dẫu vậy, công ty của Cohen vẫn rất mơ hồ với FBI. Họ quyết tâm tìm hiểu thêm, C. B. Lee từng là chuyên viên phân tích ngành linh kiện bán dẫn ở SAC từ năm 1999 tới 2004. Khả năng anh ta có thể nói với họ đi đầu gì đó về cách thức quỹ của Cohen hoạt động kích thích trí tò mò.

Lee kể với Kang ở SAC mọi việc được đi đầu hành ra sao. Lee đã làm việc cho các công ty đầu tư khác trước đó, nhưng khi tới quỹ của Cohen, sếp của anh thôi thúc anh phải quyết liệt hơn. Lee cảm thấy cách duy nhất để làm họ hài lòng là có được thông tin nội gián. Lee đã ở SAC khi các công ty công nghệ chuyển hầu hết mảng chế tạo của họ từ Mỹ sang châu Á. Anh nói tiếng Hoa lưu loát và có mối quen biết ở Đài Loan và Trung Quốc Đại lục. Hầu hết các công ty Đài Loan không quan tâm tới luật lệ quy định ở Mỹ hay việc họ chia sẻ thông tin tuyệt mật với Lee có phạm pháp hay không. Anh thông minh và biết cần phải làm gì với thông tin này

khi có được nó. Theo thời gian, anh phát triển cảm nhận mang tính trực giác về chu kỳ chế tạo linh kiện bán dẫn, thứ mà anh có thể khai thác để tìm ra các ý tưởng giao dịch mang lại lợi nhuận.

Lee cũng mô tả bối cảnh nội bộ ở SAC và cấu trúc khác thường của nó. Nó được tổ chức như một bánh xe đạp, với các nan hoa gồm khoảng một trăm giám đốc danh mục với các nhóm chuyên viên phân tích và giao dịch viên của riêng họ. Cohen là trục bánh, ở trung tâm tất cả mọi thứ. Thông tin là thứ làm bánh xe di chuyển. Mỗi nhóm có một ngành riêng mà họ tập trung vào, bao gồm ba mươi cổ phiếu hoặc hơn - công nghệ, y tế, ngành hàng tiêu dùng như Target và GE - và họ cạnh tranh với các nhóm khác để đưa ra những ý tưởng giao dịch kiếm tiền tốt nhất.

Các nhóm hiếm khi chia sẻ ý tưởng với nhau, mà chỉ với Cohen, người lấy những ý tưởng hay nhất của họ và tự mình giao dịch. Sự sắp xếp này khác với cách hầu hết các quỹ phòng hộ khác hoạt động, nơi mọi người thường làm việc trên cùng một danh mục thay vì chống lại nhau. Cohen có thể thấy những gì mọi người xung quanh ông đang làm, trong khi tất cả những người khác lại cách biệt với nhau.

Nếu Cohen bắt gặp một người giao dịch trước khi chuyển ý tưởng cho mình, ông sẽ rất bực. Và nếu có người làm việc cho ông để mất tiền vì lý do ngu xuẩn, đôi khi chỉ một lần, cơn giận của ông khó mà tả nổi. Nếu một giao dịch viên làm tốt, anh ta sẽ được trả như một vận động viên chuyên nghiệp, Lee nói. Nhưng nếu làm không tốt, anh ta sẽ bị vứt bỏ nhanh như một khoản đầu tư tồi. Đó không phải là một chốn làm việc hạnh phúc.

Một phần công việc của mình, theo Lee hiểu, là lấy thông tin nội gián để Cohen giao dịch. “Tôi được trông đợi gọi cho các công ty và hỏi số liệu,” anh nói với Kang. Lee cũng nói anh nghĩ SAC chơi “không đẹp”.

Đó chính là những gì Kang muốn nghe.

Lee cũng giải thích cách tổ chức của SAC để cách ly Cohen khỏi hành vi của những giao dịch viên và chuyên viên phân tích cấp thấp. Tất cả các ý tưởng giao dịch được lọc qua những lớp các giám đốc danh mục và được gán mã đánh giá xem chúng mạnh tới đâu trước khi đến chỗ ông - một ý tưởng với “độ tin cậy cao” có thể được chuyển cho sếp mà không cần giải thích tại sao chuyên viên phân tích lại chắc chắn về đi đầu đó như thế. Cohen muốn những ý tưởng ra tiền được bảo đảm; hệ thống được thiết kế để Cohen không cần biết các giao dịch viên của ông phải làm gì để có những ý tưởng đó.

Vì đã rời SAC hơn năm năm trước, thông tin Lee cung cấp về các giao dịch cụ thể đã quá cũ khiến anh không bị truy tố. Nhưng hiểu biết anh cung cấp về thế giới của Cohen có tính chất “vén mây thấy mặt trời”.

Ban đầu, Kang không chắc có thể làm được gì với những gì Lee nói với anh. Ở đây có một quỹ phòng hộ lợi nhuận cực lớn dường như luôn đúng trong mọi vụ đầu tư nó thực hiện, gần như có thể đoán trước được tương lai. Quỹ này kiếm được lợi nhuận khổng lồ, hết năm này qua năm khác, rõ ràng là không gặp phải những thăng giáng mà các quỹ khác đã trải qua. Những chuyên viên phân tích và giao dịch viên làm việc ở đó chịu áp lực ghê gớm để có thành tích tốt và được trả những khoản thưởng lớn khi họ làm được như vậy.

“Được rồi, vậy thì sao?” Kang nghĩ. Bất chệt nhân viên của mình không phải là phạm pháp. Nếu làm thế phạm pháp, thì một nửa Phố Wall sẽ phải đóng cửa.

Nhưng rồi Kang bắt đầu so sánh những gì Lee nói cho anh với những gì anh nghe được từ những nguồn khác ở Phố Wall. Các giao dịch viên mà

anh trao đổi ở các quỹ khác cứ nói mãi những chuyện như, “Anh nghĩ quỹ của tôi chơi xấu hả? Anh nên kiểm tra xem SAC đang làm gì.” Người ta nói với Kang rằng ở SAC các giao dịch viên sẽ cố gắng có được thông tin nội gián, hay thậm chí là tìm cách thao túng giá chứng khoán bằng cách lan truyền tin tức giả mạo.

“Không thể chỉ có khói, phải có cả lửa nữa,” Kang nghĩ.

ooo

Với những ai đang ở giữa vụ án, việc đi điều tra giao dịch nội gián có rất nhiều hàm ý. Đưa ra quyết định về bước đi tiếp theo dường như với đôi mắt những câu hỏi khó khăn và những đánh đổi có thể xảy ra. Liệu tất cả nỗ lực này, nhiều tháng trời nghe lén và tìm người chỉ điểm và làm việc tới khuya, và tất cả bằng chứng này, rốt cuộc chỉ là để truy tố Raj Rajaratnam và vài người bạn của ông ta? Hay vụ này sẽ là gì đó lớn hơn - đưa ra công lý sự tham lam và băng hoại cùng nền văn hóa phải thắng bằng bất cứ giá nào đã ngấm khắp Phố Wall?

Có hai lối đi mới và rõ ràng mà họ có thể theo đuổi để mở rộng vụ điều tra xa hơn nữa, và cả hai đòi hỏi phải có tham vọng hơn rất nhiều.

Một là cơ hội thâm nhập vào thế giới như mê cung của các công ty mạng lưới chuyên gia, nơi các nhà đầu tư trả tiền để kết nối với nhân viên ở các công ty niêm yết nhằm được tư vấn. Việc sử dụng những mạng lưới chuyên gia này rộng khắp trong ngành quỹ phòng hộ - một khi vài quỹ bắt đầu sử dụng, tất cả những người khác cũng phải làm thế để bắt kịp các đối thủ cạnh tranh. Các điều tra viên đã thấy rõ rằng nhiều mạng lưới chuyên gia là bình phong cho việc trao đổi thông tin nội gián, và các giao dịch viên sử dụng thông tin để kiếm lời thì đồng thời khiến các nhà đầu tư khác phải

chịu thiệt.

Hướng thứ hai là thu thập đủ bằng chứng để săn đuổi Cohen. Đóng cửa SAC sẽ là một tấm gương có tác động mạnh cho phần còn lại của ngành này.

Những bước đi tiếp theo trong dựng vụ mạng lưới chuyên gia là rõ ràng: họ cần nghe lén nhiều hơn. FBI tin rằng Primary Global Research hay PGR, chính là một trong những kẻ vi phạm tệ nhất, dựa trên vài cuộc điện thoại mà Kang và các đặc vụ khác đã nghe được. C. B. Lee đã có thể cho thấy những cuộc gọi tới mạng lưới chuyên gia là như thế nào bằng cách đóng giả một nhà đầu tư quỹ phòng hộ và liên lạc với các nhà tư vấn của PGR.

Với Kang, toàn bộ ý tưởng về mô hình kinh doanh mạng lưới chuyên gia có vẻ hoàn toàn băng hoại. Anh có thể thấy một số tư vấn viên chuyên gia được thuê đi thuê lại vì đã có đôn đại trong giới quỹ phòng hộ rằng họ “giỏi” cỡ nào - đôn đại nghĩa với việc thông tin mà họ cung cấp, theo quan điểm của Kang, hầu như là bất hợp pháp. Tại sao những gã khôn lanh ở các quỹ phòng hộ lại trả hàng nghìn đô la để có thông tin từ những tư vấn viên nếu như thông tin đó đã được công khai ở nơi khác? Một số quỹ từng sử dụng các tư vấn viên này nghi ngờ rằng PGR giữ những nhà tư vấn “giỏi nhất” cho các khách hàng trả cao nhất. Và các khách hàng đó có thể là ai? Một trong những khách hàng lớn nhất của PGR, trả tới 520.000 đô la vào năm 2009, là SAC.

Hai đặc vụ FBI, Dave Makol và James Hinkle, đã bắt đầu thu thập bằng chứng để xin nghe lén đường dây điện thoại của PGR. Họ chắc rằng sẽ còn nhiều chuyện nữa diễn ra.

Ở thời điểm này, căng thẳng tích tụ giữa Kang và Makol đã bùng nổ

công khai. Hai đặc vụ đang lãnh đạo hai đội đi đầu tra riêng rẽ của FBI: C-1 của Kang còn C-35 của Makol, cùng đi đầu tra giao dịch nội gián, và họ đã giẫm chân vào lãnh địa của nhau trong năm trước đó như những bầy sói. Mỗi lần một người nghĩ tới việc tiếp cận một người cộng tác mới, Kang hoặc Makol phải kiểm tra với đội kia để đảm bảo đi đầu đó không gián đoạn những gì họ đang làm. Mỗi đặc vụ đều miễn cưỡng trong việc tiết lộ các hoạt động của mình, đồng nghĩa tiến triển trong cuộc đi đầu tra đang bị chậm lại. Và mỗi bên không ngừng tìm cách ghi điểm cho những bước tiến mới đang diễn ra.

Kang thất vọng khi Makol đi trước trong vụ đi đầu tra mạng lưới chuyên gia, lập luận rằng anh đã nhận được tin báo về PGR đầu tiên, khi nó xuất hiện trong những lần nghe lén C. B. Lee và Ali Far. Người đứng đầu đơn vị chứng khoán, Lohier, có tài ngoại giao đặc biệt, và dành phần lớn thời gian của ông dàn hòa giữa hai bên. Nhưng dần dần, ngay cả sự kiên nhẫn không giới hạn của ông cũng bị thử thách. Cuộc chiến Kang - Makol trở thành một chuyện đùa trong văn phòng. Sau cuộc tranh giành liên quan tới PGR, Lohier đã điên tiết đến mức ông lệnh cho cả hai người lên gặp ông trong văn phòng.

“Hai cậu phải nói chuyện với nhau,” ông nói. Ông yêu cầu Kang và Makol không được rời đi cho tới khi đã dàn hòa, và rồi để họ lại với nhau. Hai đặc vụ đành miễn cưỡng cam kết họ sẽ cố gắng hợp tác.

Trên tinh thần hợp tác, các công tố viên và đặc vụ FBI đang làm vụ đi đầu tra giao dịch nội gián gặp nhau lần nữa để động não tìm ra những lựa chọn của họ trong việc theo đuổi mục tiêu còn lại: Steve Cohen. Để triển khai vụ án chống lại ông, về cơ bản họ cần hai lựa chọn: tìm một người cộng tác thân cận với Cohen có thể đeo máy nghe lén và thu thập bằng

chứng ông đang giao dịch dựa trên thông tin bất hợp pháp, hoặc cố gắng xin được phép nghe lén điện thoại của Cohen.

Nếu muốn nghe lén, họ sẽ cần một người cộng tác hiện giờ của họ thực hiện một cuộc gọi bản với Cohen để nộp đơn. Nếu muốn lật mặt một ai đó mới và gần gũi với Cohen, họ cần bằng chứng để họ có thể sử dụng nhằm ép người đó cộng tác. Tìm người đáng tin để tiếp cận và lật mặt trở thành tay trong không dễ. Đó cần là một người đủ gần gũi với Cohen đến mức anh ta có khả năng được tiếp cận thông tin có thể buộc tội về các giao dịch của ông, nhưng không quá gần gũi tới mức sẽ nói với Cohen những gì FBI đang định làm.

Về câu hỏi nghe lén hay tìm người cộng tác, không có gì ngạc nhiên, Makol và Kang có ý kiến trái ngược. Kang lập luận rằng họ có một người cộng tác tốt là C. B. Lee, người từng làm việc cho Cohen và có thể dễ dàng nói chuyện điện thoại với ông và thu thập bằng chứng để nộp đơn xin nghe lén điện thoại.

Trong khi đó, Makol đã xác định người cộng tác tiềm tàng, một giám đốc danh mục của SAC đang quản lý một danh mục trị giá 500 triệu đô la cho SAC, người có vẻ được Cohen tin cậy. Makol tự tin là tay giám đốc danh mục này sẽ cộng tác. Anh chỉ cần thêm thời gian chuẩn bị.

Các công tố viên thì không chắc là họ có thể đợi thêm. Trước sự kinh ngạc của Makol, Lohier và cả nhóm quyết định tìm cách nghe lén điện thoại của Cohen thay vì chạy theo gã giám đốc danh mục. Kang bắt đầu huấn luyện C. B. Lee để chuẩn bị gọi điện cho Cohen và cố gắng có được bằng chứng họ cần. Kang đưa ra một kế hoạch theo đó C.B. sẽ gọi cho Cohen và hỏi liệu anh có thể nhận lại công việc cũ không. Anh có thể nói về “lợi thế” mà anh có và tìm cách thu hút vị sếp cũ bằng cách liệt kê tất

cả các mối quan hệ giá trị của mình. Nếu kế hoạch hiệu quả, họ sẽ có lệnh cho phép nghe lén và một tay trong ở SAC Capital.

ooo

FBI đã biết về các buổi họp ý tưởng Chủ nhật của Cohen, trong đó các giám đốc danh mục gọi cho ông để nói về những ý tưởng giao dịch của họ trong tuần sắp tới, và các đặc vụ quyết định nhắm tới các cuộc gọi này trước hết. Tuy nhiên, họ không chắc Cohen thường ở đâu khi những cuộc gọi này diễn ra. Họ phải chọn một đường dây điện thoại để nộp đơn xin nghe lén, và có bốn lựa chọn: đường dây văn phòng của ông ở Stamford, điện thoại nhà ông ở Greenwich, nhà ông ở East Hampton, hay điện thoại di động của ông. Họ đã quyết định theo đuổi đường dây ở Greenwich. Kang và Michaelson đã chuẩn bị đơn theo Khoản III, xin phép nghe lén điện thoại nhà của Cohen trong ba mươi ngày bắt đầu từ tháng Bảy. Thời điểm này trùng với mùa công bố kết quả kinh doanh quý ba.

Tuy nhiên, có một yếu tố quan trọng và khá rõ ràng mà FBI và Văn phòng Công tố Mỹ không tính đến: trong những tháng mùa hè, khi khí hậu ẩm ướt ở Thành phố New York chẳng khác gì trong rừng mưa nhiệt đới, tất cả những người quan trọng trong ngành tài chính đều bỏ tới Hamptons. Theo truyền thống, vợ các giám đốc Phố Wall chuyển tới đó cùng con cái và người làm, trong khi cánh đàn ông đi làm từ đó vào thành phố. Vào tháng Bảy và Tám, các thủy phi cơ và máy bay trực thăng đưa các tỉ phú bay náo loạn quanh bầu trời Long Island như các máy bay không người lái, và Cohen thường là một trong số đó. Ông hầu như không ở Greenwich trong tháng đầu tiên chính quyền nghe lén điện thoại. Dẫu vậy, có vài cuộc trao đổi diễn ra trên đường dây điện thoại đó mà các công tố viên sử dụng

để xin phép gia hạn lệnh nghe lén thêm ba mươi ngày nữa.

Kang gọi cho Michaelson mỗi ngày cập nhật về những gì anh thu được từ việc nghe lén, nhưng Cohen tỏ ra là một tay giao dịch thông tin kín kẽ hơn nhiều so với Raj Rajaratnam. Thông thường, các giám đốc danh mục của Cohen sẽ gọi và nói những điều mơ hồ như “tôi đã nói chuyện với người của tôi” trước khi chia sẻ các số liệu về báo cáo kết quả kinh doanh và các dữ liệu khác. Những thông tin tối quan trọng cần thiết để mở án chống lại Cohen ở tòa đơn giản là chưa xuất hiện. “Người của tôi” trong cuộc trao đổi có thể là bất cứ ai: tay trong ở một công ty hay một người tư vấn bên ngoài hay thậm chí là một giám đốc quỹ khác. Các giám đốc danh mục của SAC đôi khi chuyển thông tin dưới dạng mã hóa.

Một cuộc gọi đặc biệt khiến các điều tra viên hứng thú: họ nghe được là Cohen đang nhận được đi đầu có vẻ là các con số đáng ngờ từ một chuyên viên phân tích nói tới “đã kiểm tra các kênh”, tức là những lần xem được ở các thời điểm khác nhau dây chuyền cung ứng của một công ty chỉ ra hoạt động kinh doanh đang được tiến hành ở mức độ nào. Dẫu vậy, vẫn chưa đủ cụ thể.

Sau khi nghe các cuộc gọi của Cohen, các công tố viên có ấn tượng rằng Cohen có thể nói chuyện với nhiều người trong đó thông tin nội gián được trao đổi theo cách khiến việc chứng minh có gì đó mờ ám đang diễn ra là cực khó. Họ lập giả thuyết rằng những gì ông trao đổi thường có vẻ dựa trên hiểu biết chung trước đó về đi đầu đã được thảo luận và thông tin tới từ đâu. Trong khi Raj kiêu căng và bất cẩn, hiếm khi bỏ qua cơ hội nói với mọi người ông ta có quan hệ rộng thế nào, Cohen cẩn trọng và luôn tính toán. Họ sẽ cần nhiều hơn những gì có trong các cuộc gọi để buộc tội Cohen.

Lần nghe lén điện thoại thứ hai của Cohen hết hạn, và lần này thẩm phán không sẵn lòng gia hạn nữa.

ooo

Vào buổi chiều muộn ngày 16 tháng Tám năm 2009, điện thoại reo trong văn phòng New York của Ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Mỹ. Một công tố viên chấp pháp^[97] tên là Sanjay Wadhwa quay khỏi núi giấy tờ trên bàn mình và nhìn ra cửa sổ, phía đối diện là phòng tập thể dục cho nhân viên của Goldman Sachs, nơi các chủ ngân hàng đầu tư mặc quần soóc bó đang nâng tạ và chạy trên băng chuyền. Ngân hàng đầu tư có lợi nhuận tốt nhất ở Phố Wall vừa xây trụ sở thế giới của họ ngay bên cạnh, cách vài khối nhà về phía Bắc khu nền cũ của Trung tâm Thương mại Thế giới. Wadhwa có tầm nhìn không bị cản trở ra khu vườn có mái che của ngân hàng, hàng loạt mảng cỏ trên tầng mười mà tiền bảo trì có lẽ đã gấp năm lần khoản lương cả năm của một công tố viên nhà nước.

Wadhwa cố không nghĩ nhiều tới chuyện đó.

Có hai đi đầu choán hết tâm trí của một nhân viên SEC điển hình: anh ta hay cô ta có thể kiếm được nhiều hơn bao nhiêu ở một công ty luật lớn, và lòng tin anh ta hay cô ta nhận được sẽ ít đi bao nhiêu vì từ bỏ cơ hội tranh đấu với sự thừa mứa của Phố Wall. Cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra mới được chưa đầy một năm trong tám năm của nó. Lần sụp đổ trước đó, Lehman Brothers đã phá sản, các ngân hàng sụp đổ, và hàng triệu người chứng kiến giá trị khoản tiết kiệm hưu trí của họ giảm mạnh trên thị trường chứng khoán tụt dốc. Giá nhà rơi không phanh, cho thấy cỗ máy băng hoại bên trong các ngân hàng đầu tư đã đóng gói những khoản thế chấp dưới chuẩn chất lượng thấp và bán chúng cho giới đầu tư trên toàn

thế giới. Quỹ Ponzi 20 tỉ đô la của Bernie Madoff^[98] đã bị vạch trần, cùng với việc SEC bỏ qua những dấu hiệu cảnh báo rõ ràng suốt nhiều năm. Tinh thần chưa bao giờ xuống thấp như thế.

Trong nhiều thập niên sau khi thành lập vào năm 1934, SEC là một lực lượng đáng sợ và được kính trọng ở Phố Wall, các luật sư của SEC tự hào vì sự thận trọng và độc lập về chính trị của họ. Tuy nhiên, trong vài năm trước đó, văn hóa ở SEC đã thay đổi; sự thiếu thẩm quyền đã trở thành thâm căn cố đế. Lực lượng chấp pháp của SEC công khai bị ngăn cản theo đuổi các vụ lớn, và việc xin phép hay gửi đi các trát yêu cầu đòi hỏi sự chấp thuận từ bốn cấp quản lý, thường mất nhiều tuần lễ. Điều đó một phần phản ánh suy nghĩ của chủ tịch SEC, Christopher Cox, một nghị sĩ Cộng hòa từ California được George W. Bush bổ nhiệm năm 2005. Cox là một nhà điều hành bất đắc dĩ, người không hề giấu giếm quan điểm cương quyết ủng hộ thị trường tự do và ủng hộ doanh nghiệp của mình. Ông cảm thấy các cơ quan quản lý không việc gì phải dạy dỗ các ngân hàng lớn hay các nhà đầu tư chủ chốt ở Phố Wall phải làm gì và rằng ngành tài chính có thể tự giám sát hành vi xấu của nó.

Wadhwa thất vọng với bầu không khí ở SEC, nhưng không buông xuôi. Bất chấp mọi chuyện, ông yêu công việc của mình. Ông dành hai năm trước đó lặng lẽ giúp đỡ triển khai vụ Rajaratnam, đột phá lớn nhất trong sự nghiệp của ông. Vụ này đã bắt đầu từ một đơn kiện bình thường ở SEC vào năm 2006 và trở thành một trong những dự án quan trọng nhất mà cơ quan này đảm nhận. Vụ điều tra là một trong những trải nghiệm phấn khích nhất cuộc đời ông.

Sinh ở Ấn Độ, Wadhwa chuyển sang Mỹ năm mười chín tuổi, nhưng ông vẫn bị ảnh hưởng sâu sắc bởi chính trị thiên tả ở quê hương mình. Cha

ông là giám đốc cấp cao một công ty ở Calcutta sản xuất hộp giấy cho các tập đoàn sản phẩm tiêu dùng Anh, còn mẹ ông là giáo viên, họ thuộc diện tương đối khá giả trong một quốc gia phải vật lộn với nghèo đói cùng cực. Cha mẹ Wadhwa quyết định cùng ba con chuyển sang Florida vào những năm 1980 để thoát khỏi bầu không khí của cơ hội chính trị và kinh tế ngày một sa sút tại Ấn Độ. Vì những hạn chế của quốc gia này với việc chuyển tài sản cá nhân ra nước ngoài, gia đình đã mất gần như tất cả khi họ chuyển đi. Cha của Wadhwa phải nhận công việc ở một cửa hàng Rite Aid^[99], và Wadhwa đi làm cùng ông để giúp đỡ gia đình. Sau khi tốt nghiệp một trường luật ở Texas mà hầu hết mọi người chưa từng nghe nói tới và có bằng thạc sĩ Đại học New York, ông trải qua vài năm khổ sở làm luật gia tập sự ở Skadden, Arps, Slate, Meagher & Flom, một hãng luật hùng mạnh thân thiết với Phố Wall. Năm 2003, Wadhwa nộp đơn xin việc ở SEC. Ngay khi ông gia nhập, ông bắt đầu tập trung vào các vụ giao dịch nội gián.

Ông trải qua mùa hè 2009 làm việc gần gũi với FBI trong vụ đi điều tra Rajaratnam và các vụ quỹ phòng hộ khác phát sinh từ đó; đôi khi, ông và các đặc vụ FBI tham gia vào các vụ giao dịch nội gián nói chuyện với nhau nhiều lần mỗi ngày.

Số của người gọi đến trên màn hình ID của Wadhwa bị khóa, ám chỉ một đi đầu thôi. Wadhwa chụp điện thoại.

Đó là Kang ở bên kia đầu dây. “Nghe này, tôi không thể nói chi tiết ngay lúc này,” anh nói, “nhưng tôi có lý do để tin rằng đã có chuyện lớn xảy ra ở SAC mùa hè vừa rồi. Một giao dịch cực lớn, lợi nhuận cực lớn. Giao dịch đã tạo ra rất nhiều đàm tiếu ở công ty.”

Wadhwa tất nhiên đã nghe tới SAC, cũng như nhà sáng lập đây bí ẩn

của nó. Tên của Cohen xuất hiện nhiều lần trong vụ Raj. Ông biết SAC có sức hút cực mạnh trên Phố Wall. Cohen đã xây dựng một khối tài sản cá nhân khổng lồ theo cách không thể coi là bền vững, bằng cách đặt những khoản cược lớn vào sự lên xuống của thị trường, ông ta không phải là kiểu nhà đầu tư mua lượng cổ phiếu lớn ở các công ty và nắm giữ nhiều năm trời, những người tự mình nghiên cứu kỹ lưỡng cách thức các doanh nghiệp vận hành và hiểu các đòn bẩy của nền kinh tế. Cohen là một phần-Warren Buffett.

Trên điện thoại với Wadhwa, Kang không nói rõ “chuyện lớn” là gì. Dù họ đã làm việc với nhau nhiều tháng, theo luật, Kang có quyền tiếp cận các thông tin không thể chia sẻ với những người thuộc cơ quan chấp pháp dân sự, bao gồm tất cả mọi người ở SEC. Cụ thể là bất cứ thứ gì liên quan tới việc nghe lén.

“Anh có biết lĩnh vực nào không?” Wadhwa hỏi.

“Được.”

ooo

Giấy tờ chất đống trong văn phòng của Wadhwa. Hàng dãy hộp hồ sơ, hàng chõng đơn khiếu nại, tờ khai, đơn xin trật tòa, một số lãn lóc trên chiếc trường kỷ bừa bộn, mà theo lý thuyết ông có thể chộp mắt, nhưng chưa bao giờ làm thế. Những bản *The Wall Street Journal* ngả vàng trên bậu cửa sổ. Đó không phải là văn phòng gọn gàng nhất tại SEC, nhưng nó trái ngược với chính Wadhwa, người lúc nào cũng mày râu nhẵn nhụi và luôn mặc vest, đeo cà vạt.

Cơ chế báo cáo và theo dõi các hoạt động bị tình nghi trên thị trường chứng khoán cổ lỗ đến thảm hại. Những người quản lý nhà nước lĩnh vực

tài chính giống như những tay thủ thư buôn rêu, già cỗi trông nom một danh mục các thẻ giấy rất lâu sau khi cả thế giới đã chuyển sang kỹ thuật số. Trừ việc những thủ thư đó hóa ra chịu trách nhiệm đảm bảo sự ổn định của một thị trường nơi hàng nghìn tỉ đô la đổi chủ mỗi ngày. Khi một hoạt động lạ được phát hiện, ví dụ như sự tăng đột ngột giao dịch quyền chọn ở một công ty vào ngày trước khi một vụ thôn tóm được công bố, bởi một nhân viên ngân hàng hay nhà đầu tư, người này được khuyến khích báo cáo với Cơ quan Quản lý Ngành Tài chính (Financial Industry Regulatory Authority - FINRA). FINRA sau đó sẽ gửi đi một bản cáo giác, về cơ bản là một bức thư chỉ ra một giao dịch đáng ngờ đã xảy ra, mà không cho biết nhiều về chi tiết hay bối cảnh. Những bản cáo giác này sau đó được chuyển cho SEC, cơ quan được giao nhiệm vụ đi điều tra chúng.

Vấn đề là rất ít nỗ lực được thực hiện để thu thập đủ bằng chứng rồi ghép lại với nhau. Các thư cáo giác của FINRA, vốn là hạt giống quan trọng để xới ra các vụ lừa đảo chứng khoán, được chuyển tiếp cho văn phòng SEC ở Washington, D.C., nơi chúng được đưa vào một bộ dữ liệu độc lập. Và nằm yên ở đó.

Sau cuộc gọi từ Kang, Wadhwa gọi cho trưởng Văn phòng Giám sát Thị trường^[100].

“Hè trước chúng ta nhận được một cáo giác từ FINRA liên quan tới một giao dịch rất lớn của một quỹ tên là SAC Capital đúng không?” Wadhwa nói. “Việc xảy ra quanh quanh lúc công bố các sự kiện nào đó.” Ông biết hầu hết các giao dịch mang lại lợi nhuận lớn xảy ra trước khi tin tức khiến một chứng khoán tăng hay giảm mạnh.

“Thật khôi hài khi anh nhắc tới chuyện đó,” tay trưởng phòng nói, cười khùng khục. “Phải, tôi có thư cáo giác đó ở đây... Tôi đã xem qua nó hôm

trước vì nó lộn ngược lại đây.” Ý ông là thư cáo giác đã quay lại chỗ ông mà không luật sư SEC nào chịu đi điều tra.

“Thật sao?” Wadhwa hỏi. “Nó là gì thế?”

“À, anh biết mà, một thư cáo giác,” tay trưởng phòng nói, không cho biết chi tiết. “Tổng số tiền rất lớn.”

Wadhwa hỏi nó đã nằm đó bao lâu.

“Gần một năm,” ông nói.

Câu trả lời khiến Wadhwa rùng mình. Tay trưởng phòng giải thích rằng ông ta đã “chào mời” lá thư ở các phòng ban chấp pháp, cố tìm ai đó chịu để mắt tới nó. Ông ta đã cho hàng loạt giám đốc chức năng ở văn phòng D.C. xem, nhưng không ai hứng thú.

Để mở một cuộc điều tra giao dịch nội gián, SEC phải chứng minh rằng đã có một mảnh lời bất hợp pháp mà giao dịch viên bị nghi ngờ có được qua liên lạc với người có quyền tiếp cận thông tin từ bên trong công ty. Tuy nhiên, trước khi tới được điểm anh ta hay cô ta có thể xin trát yêu cầu xem hàng chứng dữ liệu loạn óc, tay luật sư công tố sẽ phải tới gặp trọn một ủy ban xin phép chính thức gửi các trát yêu cầu và những tài liệu cần xin xỏ. Các ủy viên hội đồng thuộc phe Cộng hòa ít ra sẽ vắn vẹo đủ thứ trước khi cho phép.

Nhìn vẻ ngoài, thư cáo giác đó không có vẻ gì là một vụ có “điểm khẩn cấp” nhanh gọn, kiểu được hệ thống khuyến khích đi điều tra.

“Tại sao ông không gửi cho tôi nhỉ!” Wadhwa đê nghị.

Ngày hôm sau, Wadhwa nhận được một thư điện tử từ Văn phòng Giám sát Thị trường với lá thư cáo giác đính kèm. “Trời đất,” ông nghĩ khi xem lá thư. “Đây hẳn phải là thứ mà B. J. đã nói.”

“Vào hồi 5 giờ chiều ngày 29 tháng Bảy năm 2008, các nhà khoa học của hai công ty Elan và Wyeth đã có bài thuyết trình ở Hội thảo Quốc tế về Bệnh Alzheimer tại Chicago về dữ liệu thử nghiệm Giai đoạn II với thuốc trị bệnh Alzheimer đang được phát triển,” thư cáo giác viết, ngày 5 tháng Chín năm 2008. “Sự kiện này có sự tham gia rộng rãi của truyền thông, giới chuyên viên phân tích nghiên cứu và giới đầu tư tiếng tăm.” Lá thư tiếp tục nhận xét rằng quỹ phòng hộ SAC Capital đã thực hiện các giao dịch đặc biệt có lợi cho mình ở mười lăm tài khoản chỉ trong hai ngày trước khi tin tức được công bố. Lá thư ước tính tổng lợi nhuận và thua lỗ tránh được của công ty là 182 triệu đô la. “Quy mô khác thường và khoản lợi nhuận thuần triển vọng của các giao dịch đúng vào thời điểm này,” lá thư viết, “khiến chúng tôi phải viết thư cáo giác.” Có vẻ như một giao dịch viên ở công ty môi giới RBC Capital Markets đã lưu ý các giao dịch này và viết khiêu nại.

Xem xong, Wadhwa không khỏi tự nhủ còn đi đâu gì khác đang xảy ra ở SAC. Ông cố gắng nghĩ xem ai có thể đảm nhận một vụ mới như thế này - một vụ mà ông nghĩ có triển vọng thậm chí là còn lớn hơn vụ Raj.

Có một giám đốc chi nhánh mới ở văn phòng New York, Amelia Cottrell, và cô có một luật sư công tố mới tên là Charles Riely trong nhóm, người chưa kín lịch với các vụ việc.

Wadhwa gõ một thư điện tử cho Riely. “Chào Charles, anh qua đây một lát được không?”

Riely vừa trở về từ kỳ nghỉ hè thì nhận được tin nhắn của Wadhwa. Trẻ, hăng hái và khát khe đến khổ hạnh, Riely mới làm ở SEC một năm và chưa có vụ đầu tiên nào trong hồ sơ thành tích. Anh đang thất vọng.

Anh lao nhanh qua hành lang ngăn cách phòng anh với phòng Wadhwa

và tới gặp ông ở phòng họp, cùng Cottrell. “Tôi muốn cho các vị xem thứ này,” Wadhwa nói. Ông để lá thư về Elan lên bàn trước mặt họ. Tất cả họ nhìn chăm chăm vào đó.

Trong bối cảnh những gì SEC đang theo dõi gần đây, lượng tiền liên quan đến thật choáng ngợp. Trong vụ Rajaratnam đã khiến Wadhwa tiêu tốn hầu như toàn bộ thời gian của ông trong gần ba năm, họ chỉ tìm thấy 55 triệu đô la lợi nhuận bị cáo buộc là bất hợp pháp trong mười một giao dịch khác nhau mà họ thấy có thể chứng minh được, đã khiến nó trở thành vụ giao dịch nội gián lớn nhất từ trước tới giờ. Những giao dịch chứng khoán ngành được “may mắn” của SAC giờ đây biến vụ đó chỉ là chuyện vặt. Rất hiếm cơ hội một tay giám đốc quỹ giàu kinh nghiệm đánh cược lớn như thế vào bất cứ thứ gì không chắc chắn.

Cái tên SAC Capital từng xuất hiện trước kia, Wadhwa nói. Câu hỏi đầu tiên các luật sư công tố của SEC đặt ra là liệu thông tin trong thư cáo giác có đúng không. Theo kinh nghiệm của họ, hiếm khi một quỹ đánh cược lớn như thế vào một hay hai cổ phiếu. Quản trị rủi ro là một yếu tố quan trọng trong thành công với các giao dịch viên. Đơn giản là bạn không thể tồn tại lâu trong ngành này nếu tham gia vào những vụ đầu tư có thể xóa sạch công ty nếu không hiệu quả. Có lẽ có lỗi gì ở đây, hay có thể giao dịch này liên quan tới nhiều người.

SEC không có gì nhiều để tiếp tục, nhưng thư cáo giác có triển vọng cuối cùng đưa được SEC vào bên trong SAC, một tổ chức có tiếng tăm tạc bậc nhất Phố Wall. Bản thân Riely cảm thấy rất phấn khích. Có lẽ vụ này là bước đột phá mà anh đang chờ đợi.

Suốt mùa hè và mùa thu năm 2009, khi đang ghép từng mảnh ghép về SAC và Cohen lại, B. J. Kang đồng thời theo dõi các cuộc gọi của Raj Rajaratnam với một thiết bị ghi âm điện tử đặc biệt được gọi là máy ghi nhật ký, để phòng bất cứ dấu hiệu nào cho thấy ông ta có thể rời Mỹ. Mỗi lần Raj gọi đi hay có một cuộc gọi đến, Kang kiểm tra số điện thoại. Anh hiểu khá rõ các hình mẫu giao tiếp của Raj và những người mà ông ta hay trò chuyện.

Sáng sớm ngày 15 tháng Mười, Kang bị đánh thức đột ngột bởi âm thanh tin nhắn vào điện thoại thông minh của anh. Có hoạt động trên đường dây của Rajaratnam. Lúc đầu anh không buồn kiểm tra, vì lúc đó trời còn chưa sáng, nhưng rồi anh quyết định cứ xem thử. Kang thấy Raj đang gọi cho con gái ông ta. Lúc đó là 3 giờ sáng, quá sớm để gọi cho bất kỳ ai. Gần như vô thức, Kang bắt đầu mặc quần áo; anh chắc chắn rằng ngày hôm đó sẽ diễn ra đây kịch tính. Anh liên lạc với Văn phòng Hải quan và Biên phòng chuyên giám sát các hoạt động ra vào biên giới, và được thông báo Raj vừa mua vé máy bay đi London ngày hôm sau, 16 tháng Mười. Điệp này đã bật hệ thống báo động. Kang gọi cấp trên trực tiếp và bảo đây là trường hợp khẩn cấp, rồi họ cố gắng đánh thức tất cả những người còn lại của văn phòng FBI New York.

Kang chạy ra khỏi nhà và nhảy vào chiếc Crown Victoria do cục cấp cho rồi gần như bay khỏi đường New Jersey Turnpike khi lao hết tốc lực đến văn phòng. Các đồng sự của anh nhất trí rằng họ không thể để Rajaratnam lên chiếc máy bay đi London. FBI quyết định bắt giữ ông ta và vài cộng sự ngay lập tức thay vì mạo hiểm để họ rời đất nước, đi đâu đó đồng nghĩa với việc họ sẽ phải trải qua một quá trình dẫn độ mất thời gian có thể vài năm ròng. FBI đã nhanh chóng tập hợp các nhóm thực hiện

những vụ bắt giữ.

Vào lúc 6 giờ sáng ngày hôm sau, FBI phong tỏa một phần phố Năm Mười Ba khu Đông, và một nhóm đặc vụ có mặt tại căn biệt thự song lập của Rajaratnam ở Sutton Place. Vài phút sau, Kang ra khỏi đó với Rajaratnam đã bị còng tay.

Chương 9

CÁI CHẾT CỦA NHỮNG VỊ VUA

Một tòa nhà thấp tầng bằng bê tông dày cộp nằm ở số 1 St. Andrew's Plaza đằng sau trụ sở tòa án liên bang tại khu Hạ Manhattan, khuất tầm nhìn từ ngoài đường - đi đâu có lẽ là hay nhất. Bên trong, các bảo vệ có vẻ thờ ơ, tấm thảm mỏng tới mức gần như trong suốt, và lời khuyên là đừng nhìn quá gần sàn phòng tắm. Nhưng tình trạng văn phòng này có vẻ đối lập với quy chuẩn của những người làm việc ở đó. Các công tố viên ở Khu Nam New York quá quan trọng, và có vẻ quá kiêu căng, để quan tâm tới bài trí của tòa nhà. Họ đang làm công việc cực kỳ vinh dự với mức lương chỉ bằng một phần nhỏ những gì họ có thể kiếm được nếu hành nghề tư nhân. Văn phòng tởn tày cũng là nguồn gốc cho niềm tự hào của họ.

Trong riêng buổi chiều này, Preet Bharara đang ngồi ở bàn làm việc của ông, nhìn ra sông Đông^[101]. Raj Rajaratnam vừa bị bắt giữ, chỉ tám tuần sau lễ tuyên thệ nhậm chức của Bharara hồi tháng Tám. Là tân Công tố Hoa Kỳ Khu Nam, Bharara cuối cùng đã lên được vị trí ông mơ ước từ khi còn là một đứa trẻ. Khu Nam có lẽ là chi nhánh uy tín và ảnh hưởng nhất của Bộ Tư pháp, chịu trách nhiệm truy tố các vụ ở cấp liên bang tại Manhattan, Bronx, và những vùng khác trong bang New York, bao gồm hạt Westchester. Vì vị trí của nó, đây là nơi nhận hầu hết các vụ lớn nhất trong nước liên quan tới khủng bố, ma túy, tội phạm có tổ chức, và những vụ tội phạm hình sự về tài chính nghiêm trọng nhất. Bharara vẫn đang cố

gắng làm quen với hàng chục vụ việc đã truy tố bởi hai trăm trợ lý công tố của văn phòng khi ông bị đẩy vào cơn lốc của sự chú ý. Có vụ truy tố tay cướp biển Somalia bị cáo buộc bắt cóc một tàu chở hàng của Mỹ, và vụ một cựu tù nhân từ nhà tù Vịnh Guantánamo. Nhưng các vụ án tài chính là đi đầu dư luận có vẻ quan tâm nhất ở thời điểm này. Vụ Raj đã trở thành một cơn lốc trên truyền thông.

Người dân cả nước đang vật lộn xử lý hậu quả từ cuộc khủng hoảng tài chính, và cảm xúc của công chúng đã quay ra chống đối gay gắt với Phố Wall. Các gia đình bị đuổi ra khỏi nhà của mình trong khi những giao dịch viên ở AIG và các công ty khác được chính quyền cứu trợ một lần nữa lại bỏ túi những khoản thưởng tám chữ số. Dù không trực tiếp liên quan tới cuộc khủng hoảng tài chính, các vụ giao dịch nội gián đứng đầu danh sách ưu tiên của Bharara. Cho tới vụ bắt giữ Rajaratnam, đi đầu tra giao dịch nội gián đã tiến triển một cách lặng lẽ, được triển khai bởi chỉ vài nhân viên công quyền mà tên tuổi không ai biết tới. Với việc bổ nhiệm Bharara, cuộc đi đầu tra bỗng nhiên có một gương mặt của công chúng, một người đại diện có máu truyền thông, có tham vọng chính trị, người coi các tội ác của Phố Wall là trọng tâm sự nghiệp của mình. Và ông có nguồn lực để đi đầu đó trở thành hiện thực. Rudy Giuliani, một cựu công tố viên Manhattan mà Bharara đôi khi được so sánh, từng nổi tiếng toàn quốc với vụ theo đuổi Michael Milken và Ivan Boesky vào cuối những năm 1980. Tên lệ lịch sử này không hề bị tân công tố viên Bharara cho vào quên lãng.

Preetinder Bharara là một chú nhóc chấp chững khi cha mẹ ông đưa ông từ Ấn Độ tới Mỹ và định cư ở hạt Monmouth, New Jersey. Giống như nhiều người nhập cư trước họ - và giống như Wadhwa ở SEC - cha mẹ ông cố gắng thoát khỏi nghèo đói và bất an chính trị nơi quê nhà. Bharara

đã chứng kiến cha mình nỗ lực để trở thành một bác sĩ được cấp giấy phép ở Mỹ và mở một phòng khám nhi ở Asbury Park. Cha mẹ ông đặt mọi nguồn lực vào tương lai của những đứa con. Bharara và người em trai, Vinit, được vào học một trường cấp hai danh giá và cha mẹ Bharara kỳ vọng họ sẽ là học trò gương mẫu ngay từ khi còn rất nhỏ. “Nếu bạn được 98 điểm,” Bharara nói về cha mình, “ông ấy muốn biết tại sao bạn không được 100.” Kế hoạch cho cả hai anh em là trở thành bác sĩ. Vinit tả lại rằng cha ông là một người theo chủ nghĩa kỷ luật ngặt nghèo. “Trường lớp, học hành, điểm chác,” ông nói. “Cực kỳ cạnh tranh.”

Preet là người được đọc diễn văn trong lễ tốt nghiệp cấp ba và học ở Harvard, khóa 1986, nơi ông học ngành lý thuyết chính trị và quản lý nhà nước. Một số bạn học của ông rất ấn tượng với việc ông có vẻ học ít mà vẫn học rất giỏi. Hầu hết các cuối tuần ông đi chơi với bạn gái, một sinh viên ở Wellesley, và tham gia các cuộc tranh luận chính trị sau khi đã bốt lên vì rượu với bạn bè. Ông học tiếp Trường Luật Columbia, nơi ông theo một khóa thực tập các phiên xử của Michael Mukasey, thẩm phán tòa khu vực, người sau này trở thành tổng công tố Mỹ dưới quyền Tổng thống George W. Bush. Lớp này đã truyền cảm hứng cho Bharara trở thành một công tố viên. Ông làm trợ lý công tố Mỹ ở Khu Nam từ năm 2000 tới 2005, khi ông trở thành trưởng tư vấn pháp lý cho Thượng nghị sĩ Charles Schumer. Trong vai trò đó ông đã hỗ trợ dẫn dắt một cuộc điều tra việc Bush sa thải tám công tố viên Mỹ trên cả nước, một vụ thanh trừng có động cơ chính trị mà Bharara đã góp tay vạch trần - vụ bê bối rất cuộc dẫn tới việc tổng công tố của Bush, Alberto Gonzales, phải từ chức năm 2007.

Bharara đang làm trưởng tư vấn cho Schumer khi Tổng thống Barack Obama bổ nhiệm ông đứng đầu Khu Nam. Dòng tít trên báo *The New York*

Times vào ngày Bharara tuyên thệ nhậm chức ở Thượng viện là: “Trợ tá của Schumer được xác nhận là công tố viên Mỹ”. Ông không định để cho người ta gọi là “trợ tá” của bất kỳ ai nữa.

Ngay khi Bharara nhậm chức, các luật sư trong và ngoài Văn phòng Công tố Mỹ đã để ý thấy sự thay đổi bầu không khí. Ông có khiếu hài hước chua cay thường biến thành mỉa mai và gây ra sự chú ý ngay lập tức từ báo chí. Dưới quyền những người tiền nhiệm trước đó của Bharara, bộ phận truyền thông đã lỗi thời của văn phòng không làm gì nhiều để thu hút sự chú ý với những gì họ đang làm - và trong nhiều năm trời, đó là những gì các công tố viên ở văn phòng muốn. Công việc mà họ làm và những vụ họ đã truy tố được cho là tự chúng sẽ lên tiếng.

Bharara có cách tiếp cận khác. Ông đưa vào một đội quan hệ truyền thông chuyên nghiệp và giao cho họ nhiệm vụ công khai thành tích của ông. Ông tổ chức các cuộc họp báo và có những bài phát biểu. Bỗng nhiên, câu hỏi về việc mọi thứ sẽ xuất hiện ra sao trên truyền thông len lỏi vào các cuộc trao đổi nội bộ về những vụ việc cụ thể và cách xử lý chúng. Trong mọi việc mà ông làm, Bharara làm rõ rằng ông đang hướng tới những đi đầu lớn lao hơn.

Vài giờ sau khi Rajaratnam bị bắt, Bharara tổ chức một cuộc họp báo. Những đội phóng viên truyền hình xếp hàng ở bức tường phía sau của sảnh ở tầng một số 1 St. Andrew's Plaza, và những hàng dài ghế gấp đầy các nhà báo đang ngời ghi chú nguệch ngoạc trên sổ tay. Bharara hiếm khi thấy nhiều máy quay phim đến thế. Đứng trên bục có trang trí phù hiệu của Bộ Tư pháp, Bharara tuyên bố rằng ông có mặt ở đó để trao đổi về một vụ giao dịch nội gián “chưa từng có tiền lệ”, liên quan tới các quỹ phòng hộ đang cai quản hàng tỉ đô la và một vài tay trong ở các doanh nghiệp đã

tiết lộ bí mật của công ty cho họ.

“Hôm nay, chúng tôi có hành động quyết liệt chống lại sự gian lận ở Phố Wall,” Bharara nói, đôi mắt xanh lá cây của ông lấp lánh, trước khi vạch ra những cáo buộc chống lại Rajaratnam và năm người khác. “Các bị cáo hoạt động trong một thế giới mà ‘ông mất chân giò, bà thò chai rượu’.” Ông đợi một giây. “Sự tham lam đôi khi không tốt.”

ooo

Đang ở trong khu giao dịch của ông tại văn phòng New York của SAC Capital tại Manhattan, Michael Steinberg không thể tin được những gì mình đang đọc. Raj là một quỹ phòng hộ nhiều tỉ đô la, và ông ta là người rất được tôn trọng trong vai trò nhà đầu tư và là một mạnh thường quân. Em của Raj, Rengan, thậm chí từng làm việc ở SAC tới năm 2003, khi Cohen sa thải anh ta. Thật khó tin FBI vừa xuất hiện ở cửa nhà Raj không hề báo trước và cùng tay dẫn ông ta đi.

Ông thấy Horvath bước ngang văn phòng mình và ra hiệu cho anh vào.

“Có chuyện gì vậy?” Horvath nói, rõ ràng nói về tin tức đang làm rung chuyển các sàn giao dịch trong thành phố.

“Raj đã bị bắt sáng nay,” Steinberg nói.

Horvath cố gắng giữ bình tĩnh. Tuy nhiên, trong lòng anh đầy lo lắng.

Ngay khi có thể rời đi mà không tỏ ra quá hấp tấp, Horvath chạy trở lại bàn làm việc và xem lướt tin tức về vụ bắt giữ. Anh phải nói chuyện với Jesse Tortora ngay. Nếu đây là một mẻ lưới lớn, các thư điện tử trong nhóm “sàn đấu sinh tử” chắc chắn đã thu hút sự chú ý từ nhà chức trách. Các văn phòng của SAC tràn ngập tin đồn về việc FBI bỗng nhiên trở nên

mạnh tay với giao dịch nội gián. SEC rõ ràng cũng đã bắt đầu làm việc của họ. Ít ra là cho tới giờ, không mấy chi tiết về việc mở rộng đi điều tra được tiết lộ. Người ta chỉ có thể đoán về việc ai có thể là người đang cộng tác với nhà chức trách. Vài ngày sau vụ bắt giữ, Horvath, Tortora và Sam Adondakis gặp nhau ở một bữa trưa khẩn cấp tại trung tâm Manhattan. Họ quyết định ngưng liên lạc bằng thư điện tử. Thay vào đó họ thực hiện các cuộc họp qua mạng.

Ngày qua ngày, đối với Horvath, Steinberg càng trở nên hoang tưởng. “Đừng nói chuyện với các nhà đầu tư khác mà anh không thật sự tin tưởng,” ông nói với Horvath. “Có những cuộc nói chuyện điện thoại đã bị ghi âm, và có những kẻ đi loanh quanh với thiết bị nghe lén.”

ooo

Con đường bên ngoài văn phòng ồn ã với xe cộ ở khu trung tâm như mọi khi, nhưng Michael Bowe vẫn vụng về trả lời cuộc gọi đến di động của ông.

“Tôi nghe?” ông nói, giọng đầy lo lắng.

Tay luật sư 43 tuổi của hãng luật Kasowitz Benson đã trải qua vài tháng khó khăn. Vụ kiện của Biovail chống lại SAC đã bị tòa bác, một nỗi hổ thẹn. Vụ kiện đã tiêu tốn phần lớn thời gian và năng lượng của Bowe trong hai năm. Nhưng nỗi hổ thẹn còn lớn hơn nhiều tới từ việc chính Biovail đã bị đi điều tra vì sổ sách kế toán của hãng. SEC đã truy tố công ty này tội làm giả chứng từ trong năm trước đó, cáo buộc hãng che giấu thua lỗ với các nhà đầu tư. Biovail đồng ý trả 10 triệu đô la để dàn xếp vụ việc. Ngay từ đầu, Bowe bị chỉ trích rất nhiều vì đã nhận vụ này. Một số đi đầu các quỹ phòng hộ nói về công ty này thật đúng: đó là một vụ giả mạo sổ

sách. Bowe sợ rằng vụ này sẽ lơ lửng trên cổ ông cho tới hết sự nghiệp.

Người gọi điện là Patricia Cohen, vợ cũ của Steven Cohen. Bowe đã không nói chuyện với cô ta nhiều tháng rồi. Ông tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với cô ta.

Nghe cô ta có vẻ phấn khởi. “Có chuyện lớn sắp xảy ra,” cô ta nói với ông. “Sẽ có một vụ RICO chống lại Steve.”

Kể từ lần đầu họ nói chuyện ba năm trước, Patricia đã bận rộn với cuộc điều tra của riêng mình về các hoạt động của chồng cũ, cuộc điều tra thật kỳ lạ là song song với những gì FBI đang làm. Cô ta đang theo đuổi sứ mệnh bắt Cohen phải trả giá.

Con cái của Patricia đã lớn, và dự án này là lẽ sống của cô ta. Năm 2006, cô nộp một yêu cầu theo Luật Tự do Thông tin ở SEC xin các hồ sơ về vụ điều tra giao dịch nội gián RCA-GE hồi giữa những năm 1980. Cô có một bản lời khai của Cohen trong đó ông đã viện tới Tu chính án thứ năm để áp lên SEC, từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào. Cô không hề hay biết là cuộc điều tra của SEC đã tiến xa như thế. Cô cũng đã gọi cho vài đồng sự cũ của Cohen ở Gruntal để biết rõ hơn việc ông đã kiếm được bao nhiêu tiền khi họ còn kết hôn - và ông đã làm gì với khoản tiền đó.

Trong quá trình đọc hồ sơ của SEC về Cohen, Patricia bắt gặp một chỗ có nhắc tới một hồ sơ vụ việc cũ mà tòa án phải lấy ra từ kho lưu trữ, từ năm 1987. Đó là một phát hiện khác.

Patricia không hề hay biết là Cohen đã kiện Brett Lurie, bạn cũ và luật sư bất động sản của ông, vì một thỏa thuận bất động sản họ đã thực hiện năm 1980. Trong khi ly dị, ông tuyên bố rằng khoản đầu tư bất động sản với Lurie không còn giá trị gì, đi đầu làm giảm đi nhiều khoản tiền mà ông đưa cho Patricia. Có vẻ như đã nổ ra kiện tụng kéo dài và chua chát giữa

Cohen và Lurie trước khi họ dàn xếp vụ việc. Rốt cuộc, Lurie phá sản, tàn đời.

Patricia sửng sốt trước những gì đọc được. Với cô rõ ràng là Steve đã che giấu tài sản. Cô thấy sốc bởi cách ông đối xử với Lurie, bạn cũ của ông ta. Cô cũng tìm thấy một danh sách các tài khoản và khoản vay có thể chấp khác mà cô không hề biết là có tồn tại.

Vài tuần sau khi gọi cho Bowe, Patricia đệ đơn kiện cáo buộc Cohen, SAC Capital Advisors, và em trai Cohen, Donald, vi phạm Luật RICO qua âm mưu lừa gạt cô trong nhiều năm. Cô kèm vào đơn kiện mọi thứ tìm thấy: các cuộc hỏi chuyện của cô với đồng sự cũ của Cohen ở Gruntal, thỏa thuận với Lurie mà về sau trở nên tồi tệ, những tài liệu cô có được từ SEC. Cô cáo buộc chồng đã thừa nhận giao dịch cổ phiếu RCA dựa trên thông tin nội gián ông có được từ Bruce Newberg, một bạn học ở Wharton từng làm giao dịch viên cho Michael Milken ở Drexel Burnham Lambert tới khi người này bị truy tố tội lừa đảo chứng khoán. Cô cáo buộc Newberg đã có được thông tin từ Dennis Levine, một giám đốc khác ở Drexel đã bị kết tội sau này. RICO là một luật liên bang được thông qua năm 1970 chỉ nhắm vào tội phạm có tổ chức. Patricia dùng luật đó để đòi quyền lợi cho cuộc hôn nhân. Trong đơn kiện cô đòi bồi thường thiệt hại 300 triệu đô la. Đó là một quả bom. Cohen lập tức bác bỏ các cáo buộc.

Bowe lắc đầu khi ông đọc đơn kiện. Ông vẫn không thể tin được rằng thay vì trả cho vợ cũ một ít tiền, Cohen lựa chọn chiến đấu với cô tới cùng.

ooo

Hàng chục người - giám đốc các công ty dược, thành viên hội đồng quản

trị, luật sư, chủ ngân hàng, nhân viên quan hệ với nhà đầu tư và bác sĩ - đã liên quan cách này hay cách khác tới vụ thử nghiệm thuốc bapiv. Đó là những người được gọi là người có thông tin nội bộ, những người ở Elan và công ty khác được tiếp cận với các thông tin không được công khai và được bảo vệ cẩn mật, chẳng hạn như các chi tiết về việc cuộc thử nghiệm đang diễn ra thế nào. Charles Riely định theo dõi họ. Anh không quan tâm là sẽ mất bao lâu. Để vụ này có thể tiến triển, anh cần phải tìm ra ai là người có khả năng cung cấp thông tin cho người ở SAC về các kết quả thử nghiệm.

Vào cuối năm 2009, Riely bắt đầu nộp trát yêu cầu bản sao các số gọi đến và đi của mỗi người có thông tin nội bộ. Rồi anh xem chúng cẩn thận, cố gắng tìm hiểu ai có những liên hệ bên trong cộng đồng đầu tư. Với sự giúp đỡ của Neil Hendelman, một điều tra viên của SEC chuyên phân tích dữ liệu điện thoại, họ đã lập một bảng thống kê mà số trang nhanh chóng tăng lên tới hàng chục.

Thời thơ ấu của Riely đã chuẩn bị cho anh kiểu lao động cật lực này. Anh là con trai của một y tá và phi công máy bay chiến đấu từng lái một chiếc C-130 ở Việt Nam, và thời thơ ấu của anh ở North Dakota chẳng khác gì trong các bộ phim truyền hình. Cha anh qua đời trong một nhiệm vụ huấn luyện khi Riely 6 tuổi; mẹ anh một mình nuôi bốn cậu con trai khôn lớn, truyền cho chúng lòng mộ đạo Kitô, tinh thần làm việc chăm chỉ và kỷ luật cá nhân. Riely là vận động viên điền kinh ở Đại học Yale trước khi theo học trường luật ở Đại học Michigan và làm luật sư tập sự ở công ty luật Akin Gump Strauss Hauer & Feld. Anh trai anh vào học trường y ở Johns Hopkins còn em trai là một phi công, giống như cha mình, và Riely cảm thấy anh phải sống cho xứng đáng với nhiều thứ. Kể từ khi gia nhập

SEC năm 2008, anh đã nổi tiếng là người làm việc chăm chỉ và tuân thủ quy định không thể lay chuyển. Anh làm mọi chuyện, ngay cả những việc nhỏ nhất, thật đúng bài đúng bản.

Khi Riely liếc qua danh sách những cái tên trên màn hình máy tính, anh thấy hai người đặc biệt nổi bật. Cả hai đều là bác sĩ. Một người là Sidney Gilman, người thuyết trình về thông tin ở hội thảo y khoa đã dẫn tới việc chứng khoán Elan và Wyeth lao dốc vào tháng Bảy năm 2008. Người kia là Joel Ross, một trong các điếu tra viên thử nghiệm lâm sàng đã tham gia vào cuộc thử thuốc. Nhìn vào hồ sơ điện thoại của Ross, Riely và Hendelman có thể thấy hàng loạt cuộc trò chuyện với ai đó ở một số điện thoại của SAC. Dẫu vậy, hồ sơ không chỉ ra giám đốc danh mục hay giao dịch viên nào ở SAC mà Ross đã trao đổi cùng. Riely bắt đầu đối chiếu chéo số điện thoại bí ẩn ở SAC với số của các nhân viên SAC khác mà SEC có trong bộ cơ sở dữ liệu. Anh đã tìm kiếm không ngừng trên Google và tìm cả qua danh bạ điện thoại. Việc đó đòi hỏi rất nhiều giờ đồng hồ làm việc chán ngắt.

Ai là tay giao dịch viên? Câu hỏi đó day dứt anh. Phải có cách tìm ra.

ooo

Vào lúc SEC đang thu thập thêm chi tiết về các giao dịch Elan và Wyeth, Mathew Martoma đang vật lộn để lập lại thành công ngoạn mục của mình ở SAC. Vụ đánh cược của anh ta vào bapineuzumab là một thành tựu cả đời mới thấy một lần, đi đầu dễ hiểu kéo theo sự lo lắng lớn về thành tích. Martoma đã nhận một khoản thưởng 9,38 triệu đô la trong năm đó. Tìm lại được mức độ thành công như thế không dễ dàng.

Cohen háo hức chờ xem liệu giao dịch bapi của ông có thể lập lại hay

không. Martoma có triển vọng trở thành một trong những giám đốc danh mục giá trị nhất ở công ty, nổi lên trong hàng ngũ những người mà Cohen dựa vào để có ý tưởng hết năm này qua năm khác. Martoma cảm thấy sức nặng từ kỳ vọng của đồng nghiệp khi anh nỗ lực đưa ra một ý tưởng đầu tư mang lại lợi nhuận như bapi.

Vào năm 2010, anh nhắm tới InterMune, một công ty khởi nghiệp công nghệ sinh học ở California chưa có sản phẩm nào trên thị trường. Điều mà công ty này có là một loại thuốc đang được phát triển, tên là Esbriet, được thiết kế để trị xơ phổi, chứng bệnh ảnh hưởng tới khoảng 100.000 người ở Mỹ. Một khoản đầu tư vào InterMune gần như hoàn toàn đồng nghĩa đánh cược vào việc liệu Esbriet có được FDA thông qua hay không. Đã có những thử nghiệm lâm sàng đang diễn ra và rất nhiều ồn ào, khi giới phân tích dự báo loại thuốc này có thể đạt tới doanh số 1 tỉ đô la mỗi năm nếu nó hiệu quả.

Martoma hăng hái giới thiệu InterMune với Cohen. Tới cuối tháng Tư, SAC và Cohen đã tích lũy gần 4,5 triệu cổ phiếu. Vào ngày 4 tháng Năm, khi FDA công bố họ sẽ không thông qua Esbriet, ngay lập tức có tác động khủng khiếp. Sau khi đóng cửa ở mức giá 45 đô la tối hôm trước, cổ phiếu của hãng này giảm còn 9 đô la sau khi tin tức lan đi, bởi các quỹ phòng hộ bán cổ phiếu của họ trong cơn hoảng loạn. Cohen sở hữu hơn 8%. Đó là kiểu tai họa có thể chấm dứt sự nghiệp của một giao dịch viên.

Sau khi tính toán khoản lỗ, Cohen gặp những cấp phó giỏi nhất của ông và thảo luận xem cần làm gì với Martoma. Ông đã kích hoạt tối hậu thư “xuống tới mức này thì biến”, tức khoản thua lỗ mà danh mục của anh còn có thể chịu trước khi nó tự động chấm dứt. Nhưng Martoma còn giữ được thiện chí vì khoản lợi nhuận khó tin anh đã mang về cho công ty năm

2008, mà nếu không thì đã là một năm tai họa của SAC. David Atlas, giám đốc quản trị rủi ro của SAC, tranh luận rằng họ nên sa thải anh ngay lập tức; Tom Conheaney và Sol Kumm, những người đã chiêu mộ Martoma, nghĩ rằng họ nên để anh ở lại và thử lần nữa. Họ rút cuộc đã thuyết phục được Atlas nghe theo. Cohen đồng ý cho Martoma thêm một cơ hội. Nhưng anh phải biết rõ là chỉ có cơ hội đó mà thôi.

Sung sướng nghe được tin tức đó, Martoma gửi một thư điện tử dạt dào tình cảm cho Cohen. “Tôi muốn CẢM ƠN ông lần nữa vì quyết định của ông tuần trước,” lá thư bắt đầu. “Tôi nhận ra rằng kết quả có thể đã khác. Rõ ràng là còn một con đường dài phía trước để tôi khôi phục lòng tin vào quy trình, thành tích và khả năng quản trị rủi ro của mình. Tôi sẽ làm tất cả những gì trong khả năng để trở lại nhanh chóng.” Anh viết tiếp giải thích rằng anh đã “thăm vấn” CEO của InterMune, người đã giải thích rằng quyết định của FDA nghiêng về “hướng tiêu cực” vào phút chót, kết quả của sự can thiệp khác thường từ một quan chức cấp cao.

“SAC là một nơi đặc biệt với tôi,” Martoma tiếp tục. “Đã học các chương trình thạc sĩ và cử nhân ở Harvard, Stanford và Duke; đã thành lập/bán công ty y tế của chính tôi; và đã làm giám đốc dự án sáng kiến khoa học được tài trợ ở cấp liên bang lớn nhất trong ba thập niên qua, tôi có rất nhiều trải nghiệm để so sánh với khoảng thời gian của mình ở SAC. Qua suốt quá trình đó, với tôi rõ ràng là tôi thích thú nhất ở SAC... Tôi muốn mọi người bên ngoài công ty nhận ra nơi này truyền cảm hứng ra sao.” Anh viết tiếp: “Những sự kiện tuần này vô cùng đáng thất vọng với tôi, nhưng tôi tin đó chỉ là một cú vấp trên con đường của tôi ở đây. Tôi vẫn còn nhiều điều để cống hiến, và tôi biết ơn ông đã cho tôi cơ hội để chứng tỏ. Trân trọng, Mat.”

Những nỗ lực đau khổ của anh chàng tăng bốc sếp chỉ giúp Martoma tiến được tới đó. Anh nhanh chóng học được cách SAC cơ cấu để trừng phạt những giám đốc danh mục để mất tiền. Công ty đã giảm lượng vốn mà anh được đầu tư, khiến anh khó mà bù đắp cho khoản lỗ của mình; nó tạo ra một kiểu vòng xoáy tự hủy không thể nào thoát nổi. Martoma lại nhanh chóng chạm vạch giới hạn thua lỗ lần nữa.

Cuối cùng, vào tháng Năm năm 2010, Atlas một lần nữa đề nghị sa thải Martoma. Lần này, Conheaney đã đồng ý. Martoma “có thể hy sinh”, như lập luận của Conheaney, và SAC có rất nhiều giám đốc danh mục khác đang làm những việc mà anh ta làm, chỉ ổn định hơn và không bị thua lỗ lớn như thế. Conheaney cũng chỉ ra rằng, trừ vụ giao dịch bapi, Martoma đã không đề xuất được ý tưởng có lợi nhuận nào khác trong gần bốn năm ở công ty. Trong một thư điện tử gửi cho Cohen, Conheaney viết: “Anh ta thực sự là kiểu ngựa đua chỉ một vòng với Elan.”

ooo

Ngay sau 10 giờ tối thứ Sáu, ngày 19 tháng Mười một năm 2010, *The Wall Street Journal* đăng một bài trên trang web sẽ được xuất hiện trên báo giấy sáng hôm sau. “Mỹ đi điều tra vụ giao dịch nội gián lớn”, dòng tít viết. Giống như bối cảnh cho một bộ phim về luật pháp.

“Nhà chức trách liên bang, khép lại một cuộc đi điều tra kéo dài ba năm, đang chuẩn bị các cáo buộc giao dịch nội gián có thể giăng lưới với hàng loạt nhà tư vấn, nhân viên ngân hàng đầu tư, giao dịch viên quỹ phòng hộ và quỹ tương hỗ, và các chuyên viên phân tích trên cả nước, theo những người hiểu biết về vụ việc,” bài báo bắt đầu. “Theo nhà chức trách liên bang, các cuộc đi điều tra, nếu có kết quả, có triển vọng vạch trần một nền

văn hóa giao dịch nội gián tràn lan trên các thị trường tài chính Mỹ, bao gồm những cách thức mới mà thông tin không công khai được chuyển cho các giao dịch viên thông qua các chuyên gia có quan hệ với những ngành hay công ty cụ thể.”

Bài báo có nhiều chi tiết gây sốc về những gì FBI và SEC đang làm - những chuyện mà cho tới khi đó đã hoàn toàn bí mật. Bài báo xác định công ty mạng lưới chuyên gia PGR là một trong những mục tiêu chính của cuộc đi điều tra. Nó đề cập tới một vài công ty được mà chính quyền đang xem xét. Nó cũng cho biết Richard Grodin, sếp cũ của C. B. Lee ở SAC, đã nhận được một trát tòa.

Với chính quyền, đó là sự rò rỉ thông tin tai hại sau này sẽ thay đổi quá trình đi điều tra. Phố Wall giờ được báo động rằng Bộ Tư pháp đang mở chiến dịch lớn hơn nhiều so với nghi ngờ của bất cứ ai. Vụ Raj Rajaratnam chỉ là khởi đầu.

Một Cựu giám đốc danh mục SAC tên là Donald Longueuil đã phản ứng với câu chuyện bằng sự cảnh giác đặc biệt. Anh này bị sa thải ở SAC vì thành tích kém cỏi vào tháng Tư trước. Anh ta đang tìm việc lương cao ở một quỹ phòng hộ khác, và chỉ còn ba tuần nữa là kết hôn. Giờ anh ta phải đối phó với chuyện này.

Longueuil rất ăn thua, lối suy nghĩ mà anh ta mang vào công việc của mình. Cao lớn và vạm vỡ, với cái đầu cạo trọc, anh dành phần lớn thời gian rỗi ở các đường đua xe đạp. Anh cũng là một người háo hức với các môn thể thao mùa đông và từng nỗ lực để tham gia đội trượt băng tốc độ Mỹ dự Olympic 2002 sau khi tốt nghiệp Đại học Northeastern. Năm 2008, anh gia nhập SAC làm giám đốc danh mục ngành công nghệ. Trong khoảng thời gian ở đó, anh đã kết bạn với một giám đốc danh mục khác ở

Boston tên là Noah Freeman, một cử nhân Harvard mà anh gặp khi họ tranh tài ở Câu lạc bộ Trượt băng tốc độ Bay State. Cả hai đều ngoài ba mươi tuổi và được thúc đẩy bởi nỗi ám ảnh chiến thắng trong các nỗ lực thể thao. Freeman quyết liệt về chuyện đó tới mức một nhóm thi ba môn phối hợp có tên là “Team Psycho”, đã loại anh này vì hành vi phi thể thao.

Ở nhà tại trung tâm Manhattan với vị hôn thê của mình, Longueuil đọc đi đọc lại bài báo. Bài báo như thể viết về anh và các bạn bè ở quỹ phòng hộ. Anh nhìn vợ sắp cưới, tự hỏi phải chăng cuộc đời mình sắp tan tành. Anh vẫn khó mà tin được cô đã cưới anh. Ngoài mái tóc vàng và vẻ ngoài hoàn hảo, cô có bằng cử nhân Y khoa Đại học Princeton và bằng MBA từ Wharton, nơi cô là vận động viên bơi thuyền, và giờ cô có một công việc tuyệt vời ở Boston Consulting Group. Freeman sẽ là phù rể.

Trong tám năm ở Phố Wall, Longueuil đã xây dựng một mạng lưới nguồn tin rộng khắp, trong đó có Apple và Texas Instruments. Anh lôi kéo họ bằng những bữa tối đắt tiền và những buổi chơi golf, cũng như thỉnh thoảng tới một hộp đêm thoát y. Đổi lại, họ cung cấp cho anh thông tin nội gián mà anh dùng để giao dịch khi còn ở SAC.

Vì thông tin anh nhận được từ nguồn tin quá nhiều, anh trở thành một người ghi chú tỉ mỉ, lưu lại chi tiết mọi cuộc đối thoại để anh có thể theo dõi chất lượng của thông tin qua thời gian. Anh và Freeman chia sẻ thông tin và giao dịch dựa trên đó cùng nhau, với một người bạn chung khác của họ, Samir Barai, giám đốc của một quỹ phòng hộ nhỏ. Dẫu vậy, ngay cả với các tác động thêm từ bên ngoài đó, mọi chuyện trở nên khó khăn ở SAC. Longueuil thường than phiền rằng ngay cả với mọi trò gian lận đó, bạn vẫn không thể kiếm được nhiều tiền vì thị trường đã quá cạnh tranh. Vì thế anh bị Cohen sa thải.

Longueuil nhìn đầy giận dữ về cái bàn trong phòng ngủ, nơi anh giữ chiếc USB. Anh và Freeman đã đặt cho nó biệt danh “khúc củi”. Nó chứa các ghi chú từ những nguồn tin của anh. Nó gần như mĩa mai anh, nói rằng: “Anh đi tong r ồi.”

Longueuil chộp lấy chiếc USB và hai ổ cứng di động khác anh dùng để lưu các ghi chú từ những trao đổi thông tin với Freeman và Barai. Trong suốt quá trình anh đã cực kỳ cẩn trọng, không bao giờ lưu trữ bất cứ thông tin bất hợp pháp nào trong máy tính của mình ở SAC, và không bao giờ viết bất cứ thứ gì phạm pháp trong thư điện tử trao đổi công việc. Tất cả những thương vụ đáng ngờ của anh được thực hiện thông qua một trong các tài khoản Gmail được đánh số trên máy tính xách tay, còn tất cả những ghi chú được lưu trữ trong các ổ cứng di động. Anh đã cố gắng thực hiện phần lớn các cuộc trò chuyện nhắn tin qua Skype, mà anh biết chắc không thể bị nghe lén.

Anh đi loanh quanh trong phòng kiểm một cây kim, r ồi dùng nó xé nát chiếc USB và ổ cứng di động thành những mảnh nhỏ. R ồi chia những mảnh đó vào bốn chiếc túi khóa kéo. Anh nhét những chiếc túi này vào túi chiếc áo khoác North Face và quay sang vợ sắp cưới.

“Chúng ta ra ngoài tản bộ đi,” anh nói.

Vào lúc 1 giờ 52 phút sáng, những giờ sáng sớm của ngày thứ Bảy, 20 tháng Mười một, máy quay an ninh chụp được cảnh họ vội vã đi qua hành lang khu căn hộ chung cư, qua người gác cửa và xuống một lối đi bộ lót đá đen thanh nhả hai bên tr ờng tre. Họ rẽ ngang qua một nhà hàng Trung Quốc bên cạnh và đi qua khu phố. Longueuil tìm những xe tải chở rác đang ở gần đó. Khi thấy một chiếc, anh chạy lại và ném một túi đựng các mảnh ổ cứng r ồi vào sau xe. Trong 30 phút tiếp theo, anh đã ném các túi

đó vào bốn chiếc xe tải khác nhau. Khi ném chúng đi, anh tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu FBI tìm thấy. Có lẽ hợp lý hơn là nên ném nó xuống sông Đông? Anh khá chắc là chúng đã bị hủy hoại tới mức không thể đọc bất cứ dữ liệu nào trong đó, ngay cả bởi những công cụ thần kỳ mà FBI có trong tay.^[102]

Họ không về nhà tới tận 2 giờ 30 phút sáng. Mọi thứ đã biến mất. Anh cảm thấy khá hơn nhiều.

ooo

Cũng tối hôm đó, Samir Barai, bạn của Longueuil và người sáng lập Barai Capital, đọc được cùng bài báo trên *The Wall Street Journal* và cũng hoảng loạn như thế. Ở tuổi 39, Barai đã thành công ở Phố Wall hoàn toàn nhờ vào nỗ lực. Anh có vấn đề trầm trọng về thính lực, và khi anh còn nhỏ, không ai nghĩ anh sẽ làm được chuyện gì to tát. Anh học xong Đại học New York và Trường Kinh doanh Harvard nhờ ngồi ở hàng đầu và đọc môi của các giáo sư.

Anh đã giao dịch rộng rãi dựa trên thông tin nội gián ở quỹ phòng hộ nhỏ của mình, đi đầu mà bất kỳ ai làm việc cho anh đều nhanh chóng phát hiện ra khi anh đòi hỏi họ cũng phải có thông tin nội gián. Barai và Longueuil đã phát triển một quan hệ, nếu không quá bựa, có thể gọi là tình bạn, họ giấu cột Freeman sau lưng, cười cợt với ý nghĩ anh ta lên giường với đủ các nguồn tin khác nhau của họ, thậm chí còn đùa bỡn gọi anh ta là “gã Do Thái”. (Còn biệt danh của Barai là “gã Hindu”, của Longueuil là “gã Công giáo”.)

Tin tức về vụ đi đầu tra của chính quyền với PGR tới vào một thời điểm không thể tệ hơn. Barai đang bị phân tâm bởi vụ ly dị đang diễn ra ngày

càng tệ hơn của mình, và anh ta là người dùng PGR rất nhiều cũng như một người bạn thân của giám đốc tài chính công ty này. Barai đã kiếm được thông tin từ hàng loạt các nhân vật lạ lùng. Một trong số đó là tư vấn viên Doug Munro - biệt danh “10k” - đi đầu hành một công ty tên là World Wide Market Research. Munro duy trì một tài khoản thư điện tử với tên JUICYLUCY_XXX@yahoo.com; trong đó, Munro sẽ viết các thư điện tử bao gồm thông tin nội gián về Cisco và các công ty khác, nhưng để chúng trong thư mục “bản nháp”, nơi chúng được cho là không để lại dấu vết trong thư điện tử. Barai trả anh ta khoảng 8.000 đô la mỗi tháng, và Freeman cũng trả cho anh ta; đổi lại, hai người có tài khoản thư điện tử đó. Bất cứ khi nào có gì mới, Munro gửi Barai một thư điện tử: “Lucy đang ướt”. Rồi họ sẽ đăng nhập vào và đọc thông tin trong đó.

Barai, Freeman và Longueuil đặt biệt danh cho hầu hết các nguồn tin của họ. “Cha-Ching” là gã ở Intel; “Saigon” là tư vấn viên cho họ thông tin về National Semiconductor. Nguồn tin tốt nhất của họ là Winifred Jiau. Các biệt danh của cô ta là “Winnie the Pooh” và “the Poohster”, và cô hơi khùng khùng. Có bằng cử nhân thống kê từ Stanford, cô từng làm việc ở Taiwan Semiconductor, và có bạn bè khắp Thung lũng Silicon, dù “bạn bè” trong trường hợp của cô có định nghĩa khá lỏng lẻo. The Poohster có thể tiếp cận qua dàn xếp đặc biệt với mạng lưới chuyên gia PGR vốn đang trả cho cô 10.000 đô la mỗi tháng để nói chuyện với một nhóm các khách hàng được lựa chọn của họ thông qua mạng nội bộ của hãng. Jiau quấy rầy PGR đòi tiền liên tục, hành xử tuyệt vọng và hoang tưởng, như thế cô không bao giờ còn được nhận lương. Cô gọi những người cung cấp thông tin cho cô ở các công ty là “những gã đầu bếp” và thường đe dọa Barai và Freeman rằng họ sẽ đình công. “Các đầu bếp không muốn nói thông tin

cho tôi mà không có đường!” cô hét lên. Sau một phiên gặp đặc biệt hữu ích, cô đã đòi một phiếu quà tặng trị giá 500 đô la của nhà hàng Cheesecake Factory ngoài khoản tiền mặt mà Barai và Freeman gửi cô mỗi tháng. Một lần khác, Freeman, theo yêu cầu của Jiau, lệnh cho thư ký của anh chuyển mười hai con tôm hùm tươi tới cho ngu ần tin đồng đánh của mình. Những con tôm hùm rốt cuộc chết hết ở văn phòng FedEx, gần nơi Jiau ở tại California, vì cô chẳng bu ần tới nhận.

Lý do Jiau có thể đồng đánh như thế bởi cô có ngu ần tin tốt. Thông tin của cô giá trị nhất so với thông tin từ bất kỳ ai khác. Cô có các con số doanh thu, lợi nhuận biên gộp, và thu nhập của Marvell và Nvidia, hai công ty linh kiện bán dẫn cổ phiếu dao động rất mạnh mà Barai, Freeman và Longueuil thích giao dịch, các con số chính xác tới phần thập phân. The Poohster mang tới cho họ đi ầu mà họ không thể sống nếu thiếu.

Vì Barai có vấn đề về thính lực, anh yêu cầu chuyên viên phân tích nghiên cứu của mình, một gã 38 tuổi tên là Jason Pflaum, bí mật cùng nghe và ghi âm hầu hết các cuộc gọi của anh. Pflaum chỉ hiểu ở mức tối thiểu Jiau là ai, nhưng anh ta sẽ nghe và gửi tin nhắn cho sếp giải thích cô ấy đang nói gì để Barai có thể theo kịp cuộc nói chuyện. Pflaum cũng ghi chú rất nhiều để Barai có thể xem lại và đánh giá thông tin sau đó, do anh thường bỏ lỡ rất nhiều chi tiết trong lần nói chuyện đầu.

“Ai là các ngu ần tin của cô?” Barai từng có lúc hỏi Jiau đầy ngờ vực.

“Anh không nên hỏi ngu ần tin của tôi là ai,” Jiau đáp.

ooo

Đọc bài báo trên *The Wall Street Journal*, tâm trí Barai tràn ngập những kịch bản “sẽ thế nào nếu” và những câu hỏi về việc làm cách nào anh thoát

ra khỏi nguy cơ lâm vào lao lý. Anh gửi một tin nhắn cho Pflaum. “Anh đọc bài báo về PGR chưa?” Barai viết, trích dẫn câu chuyện. “Những phần then chốt của cuộc điều tra đang ở giai đoạn cuối... Một đại bồi thẩm đoàn liên bang đang nghe các chứng cứ”. Anh nói anh đã đọc bài báo mười lần.

“Còn giờ là một bài khác trên reuters^[103],” anh viết vài phút sau khi một mẫu tin tức cập nhật được đăng lên. “Hướng đi điều tra của vụ này được cho là tập trung vào việc sử dụng cái được gọi là các công ty mạng lưới chuyên gia... liên quan tới việc trong nhiều năm, một số chuyên gia có thể đã chuyển thông tin mật về các công ty niêm yết cho các giao dịch viên... PGR là công ty duy nhất bị nêu tên!!!!”

Rồi, một phút sau: “Á đuuuuuu.”

Hành động tiếp theo của anh là lệnh cho Pflaum xóa mọi tin nhắn trên điện thoại BlackBerry của họ.

Sáng hôm sau, Pflaum gửi Barai một tin nhắn. “Rồi. Đã xóa. Không thể ngủ yên tối qua. Anh nghĩ chúng ta còn cần làm gì nữa?”

“Tôi không biết,” Barai viết. “Nhưng tôi nghĩ chúng ta ổn. Tôi nghĩ anh phải đến văn phòng, hủy tối đa các tài liệu. Đưa tất cả tập tin dữ liệu của anh vào một đĩa mã hóa.” Anh yêu cầu Pflaum xóa tất cả thư điện tử của anh với các giám đốc PGR. Thay vì đợi Pflaum đến và hủy tất cả bằng chứng, Barai đã vội vã tới văn phòng của họ ở đại lộ Số Ba và đường Bốn Mười Sáu và bắt đầu hủy mọi thứ có thể. Rồi trở về nhà.

Vào lúc anh chạy quanh trong hoảng loạn, Barai bắt đầu thấy một con đường vượt qua thảm họa này. Có lẽ họ sẽ không thể bắt tội anh chuyện gì cả. Anh đã nói chuyện với nhiều người, quả thế, nhưng việc đó không bất hợp pháp. Anh sẽ thuê một luật sư, người giỏi nhất có thể thuê được bằng

tiền, và anh sẽ tranh đấu. Họ phải chứng minh rằng anh có làm ăn dựa trên thông tin đó, và đi đầu đây chắc chắn là khó. Anh tự nhủ với bản thân rằng anh đã đầu tư sử dụng “thuyết ghép mảnh” - cách tiếp cận phân tích các chứng khoán liên quan tới việc thu thập những mẫu thông tin công khai khác hẳn nhau về hoạt động của một công ty và kết hợp với nhau để tạo thành bức “tranh ghép” về việc kinh doanh. Đó là một lập luận bào chữa lâu đời mà các giao dịch viên sử dụng để giải thích cho những gì các công tố viên thường nghĩ là giao dịch nội gián. Ai cũng làm thế, Barai tự nhủ. Chẳng có gì sai trái cả.

Để cho an toàn, anh chỉ thị Pflaum để máy tính xách tay của anh lại cho người bảo vệ tòa nhà vào tối Chủ nhật để Barai có thể lấy máy tính và thực hiện “xóa theo chuẩn Bộ Quốc phòng”, tức xóa ổ cứng đến mức không thể phục hồi. Barai đã lấy máy tính và mang nó tới căn hộ của vợ sắp cưới, nơi anh chép tất cả ghi chú vào một ổ cứng di động vừa mua và cố gắng xóa sạch dữ liệu trong máy tính xách tay. Anh đã mất cả đêm tải về phần mềm từ Internet hứa hẹn xóa sạch mọi thứ vĩnh viễn, nhưng anh không có cách nào bắt phần mềm này hoạt động.

Vào sáng thứ Bảy, ngay khi bản in của tờ báo được giao đến cửa tòa nhà bên kia khu Upper East Side, Pflaum đã gặp B. J. Kang trên con đường gần căn hộ của mình. Pflaum đã hợp tác với FBI được một tháng. Anh cho Kang xem những tin nhắn BlackBerry với Barai tối hôm trước. Kang chụp ảnh lại toàn bộ cuộc trao đổi, bao gồm những mệnh lệnh hủy các tài liệu và xóa thư điện tử.

Vào lúc Kang đọc một tin nhắn của Barai - “Á đùuuuuu” - từ buổi tối hôm trước, anh đã có linh cảm chính xác việc này. Những gã ở khắp Phố Wall có lẽ đều đang hủy ổ cứng của họ. FBI phải làm gì đó.

Chương 10

DAO CẠO CỦA OCCAM^[104]

Sáng sớm thứ Hai, ngày 22 tháng Mười một năm 2010, hai ngày sau khi *The Wall Street Journal* kích hoạt một cuối tuần phá hủy bằng chứng điên loạn, một đoàn xe hơi không phù hiệu đậu bên ngoài số 1 quảng trường Landmark, một tòa nhà văn phòng ở trung tâm Stamford, Connecticut. Vài chục đặc vụ liên bang ng ã trong xe.

Đặc vụ Dave Makol ở cách đó một tòa nhà. Anh rút điện thoại di động ra và bấm số.

Bên trong tòa nhà văn phòng, điện thoại reo.

“Xin chào?” một người đàn ông trả lời.

Makol xưng là đặc vụ FBI. “Chúng tôi biết anh đã tham gia giao dịch nội gián,” anh nói. Sẽ có nhiều chuyện kéo theo, và những chuyện đó sẽ ảnh hưởng tới anh và gia đình anh. Cuộc đời anh sẽ không bao giờ như trước nữa.”

Cuộc đi điều tra của họ tập trung vào các mạng lưới chuyên gia, Makol nói tiếp, và họ muốn người đang nghe điện thoại cộng tác. Khi người đó hỏi thêm thông tin, Makol nói anh không thể nói cụ thể hơn. “Chúng tôi ở tiệm McDonald’s bên cạnh,” anh nói. “Thật tốt nếu anh muốn xuống đây và nói chuyện với chúng tôi.”

Người đàn ông không biết làm gì. Anh ta sợ đến mức không nói được

gì. Anh ta bảo Makol rằng mình cần phải suy nghĩ.

Makol nói họ không có nhiều thời gian để đợi anh ta.

Người đàn ông đó là Todd Newman, một giám đốc danh mục 45 tuổi ở quỹ phòng hộ tên gọi Diamondback Capital. Anh ta gác máy và chạy xuống tầng dưới, chỗ văn phòng tư vấn pháp lý của quỹ. Anh kể lại toàn bộ cuộc trao đổi với luật sư của công ty và giám đốc điều hành, John Hagarty.

“Anh đã làm gì hả?” Hagarty hỏi, nhìn chăm chăm vào mắt Newman. Hagarty mới nhận việc này được ba tháng. Trong khoảnh khắc, ông tự nhủ không biết Newman có đeo máy nghe lén hay không, tình thế thật lạ lùng. Về mặt Newman đầy kinh hoàng.

Không, Newman nói, anh ta chẳng làm gì hết. “Tôi sẽ chỉ xuống đó và nói chuyện với họ. Tôi không có gì phải che giấu.”

“Tôi không chắc là cậu có muốn làm thế hay không,” Hagarty nói.

“Tôi nghĩ tôi cần luật sư,” Newman nói.

Tay tư vấn pháp lý nêu ra vài cái tên luật sư mà ông ta biết, và Newman quyết định tới văn phòng của một người trong số đó, ngay đầu đường. Thật khó tin, dù khu nhà đầy các đặc vụ FBI, anh ta đã đi ra khỏi cửa trước tòa nhà mà không ai để ý.

Lúc Newman đi xuống đường, thang máy mở ra ở tầng mười bốn, ngay bên ngoài khu lễ tân của Diamondback, và một nhóm đặc vụ FBI tản ra, mặc áo chống đạn. Đây là khoảnh khắc trông như thể một người có cái loa cần tay sẽ nhảy ra và hét lên “Cắt” và mọi thứ sẽ trở lại bình thường. Các đặc vụ như thể sẵn sàng để lao vào một căn nhà nơi có kẻ khủng bố đang trú ẩn chứ không phải một văn phòng với đầy các cử nhân Wharton đang gõ bàn phím.

“FBI!” họ hét lên, giờ cao phù hiệu.

Những nhân viên lễ tân và chuyên viên môi giới giật mình ngẩng ngay trên ghế, không biết phải làm gì. Các đặc vụ dàn ra giữa những dãy bàn, lệnh cho mọi người lùi xa khỏi máy tính. Hagarty chứng kiến trong cơn sốc khi các đặc vụ lấy đi các tập hồ sơ và ổ cứng. Cha ông từng làm sĩ quan cảnh sát Thành phố New York hai mươi bảy năm, và anh trai ông là một đặc vụ FBI đã giúp bắt được John Gotti^[105]. Ông đã làm việc trong ngành tài chính hơn mười lăm năm; ông chưa bao giờ tưởng tượng mình sẽ làm việc cho một công ty là mục tiêu của một cuộc lục soát liên bang. Ông yêu cầu các đặc vụ cho xem lệnh khám xét.

Tin đồn đã loan đi trong giới quỹ phòng hộ rằng chính quyền đang săn đuổi SAC Capital, Hagarty biết đi đầu đó, mà Diamondback và SAC liên hệ chặt chẽ với nhau. Những người sáng lập Diamondback, Larry Sapanski và Richard Schimel, từng là hai trong số những giao dịch viên thành công nhất của Steve Cohen trước khi họ mở quỹ riêng vào năm 2005. Khi họ nói với Cohen là sẽ rời SAC để khởi động quỹ của riêng mình, Cohen đã đe dọa sẽ hủy diệt họ. Theo ý Cohen, họ chẳng là gì khi tới làm việc với ông; làm sao họ dám cạnh tranh với ông? Làm cho tình hình thêm tồi tệ, Schimel đã kết hôn với em gái của Cohen, Wendy, khiến những buổi tiệc tùng như lễ bar mitzvah và đám cưới trở nên bối rối ít nhiều. Một số nhân viên chủ chốt khác của Diamondback cũng xuất thân từ SAC. Nếu bạn muốn một công ty ủy thác hoạt động rập khuôn kiểu công ty của Cohen, thì Diamondback là thứ giống nhất bạn có thể có.

Tràn vào căn quét văn phòng của quỹ phòng hộ trong giai đoạn này của cuộc điều tra không phải là ý định của FBI. Đó là những biện pháp quá gắt gao, nhưng Makol thấy không còn lựa chọn nào khác.

Vào lúc các đĩa cứng của Diamondback được mang ra khỏi cửa, David Ganek đang lái xe vào văn phòng của Level Global, quỹ phòng hộ anh này đã thành lập sau khi rời SAC, đối diện với Carnegie Hall ở bên kia đường. Khi tới đó, anh thấy năm nhân viên của mình đang luẩn quẩn dưới đường. Không chỉ những kẻ hút thuốc mà cả người không hút thuốc. Nhìn họ có vẻ căng thẳng.

“Có chuyện gì vậy?” Ganek hỏi.

“Chúng ta bị đột kích,” một người nói. “FBI đang ở trên lầu.”

“Sao?” Ganek nói. Đầu óc anh chiếu nhanh lại một bộ phim anh mới xem, về vụ bố ráp tòa đại sứ Mỹ ở Tehran, nơi các nhân viên của tòa đại sứ đã hốt hoảng hủy tài liệu trong lúc một đám đông người Iran phá cửa vào. Khi nghĩ về từ *đột kích*, đó là hình ảnh xuất hiện trong đầu anh.

Anh gọi cho tay tư vấn pháp lý, người này khuyên anh đừng vào trong. Văn phòng đây đặc vụ liên bang, tay tư vấn pháp lý nói, và họ có lệnh lục soát do một thẩm phán ký hôm cuối tuần.

Ganek đã đọc bài báo trên *The Wall Street Journal* vào cuối tuần. Anh là một nhân vật quen mặt trong những buổi xã giao ở Manhattan, một thành viên hội đồng tín thác của Bảo tàng Guggenheim, sống trong căn hộ áp mái trị giá 19 triệu đô la trên đại lộ Park. Tối thứ Bảy đó anh đã đi dự lễ bar mitzvah cho con trai một nhân vật lớn của Phố Wall, và cuộc điêu tra là tất cả những gì người ta nói tới ở đó. Ba mươi sáu tiếng sau, một tá đặc vụ ở trong văn phòng của anh, thu thập điện thoại di động, máy tính xách tay, máy tính bảng và chụp ảnh các máy chủ của công ty để sau này đem ra phân tích.

Giống như một cơn ác mộng. Mới vài tháng trước, vào cuối tháng Ba, anh đã xoay xở xong một thỏa thuận bán 15% trong quỹ 4 tỉ đô la của anh cho Goldman Sachs. Level Global là công trình cuộc đời của anh.

Nhìn các nhân viên của mình đơ trên vỉa hè, Ganek thở hắt ra. Rồi anh quay lại và bỏ đi.

ooo

Vào đầu tháng Mười hai, vài tuần sau vụ lục soát ở Diamondback và Level Global, Donald Longueuil vẫn cảm thấy bất an. Sau khi đã hủy các ổ cứng, anh hy vọng hủy được mọi bằng chứng có thể chứng tỏ anh dính líu tới giao dịch nội gián. Dẫu vậy, anh vẫn nói với bạn anh Noah Freeman rằng từ giờ trở đi họ chỉ nên liên lạc qua Skype.

Freeman, kể từ khi bị sa thải khỏi SAC trước đó, hồi tháng Một, đã cố gắng vực lại đời mình. Anh có vợ và một con gái nhỏ và đang cố gắng trở thành một ông bố chăm sóc gia đình. Anh bắt đầu đi dạy kinh tế học ở Trường Winsor tại Boston, một trường tư cho nữ sinh. Anh nhớ tiền bạc kiếm được ở quãng đời trước, nhưng giờ anh cảm thấy bản thân tốt đẹp hơn.

Một buổi chiều, khi rời khuôn viên rợp tán cây của trường, Freeman thấy một người đàn ông đang đứng cạnh xe của anh. “Tôi muốn nói chuyện với anh,” B. J. Kang nói.

Kang mời Freeman vào xe của anh để họ có thể trò chuyện kín đáo. Freeman vào xe. Rồi Kang chuẩn bị giật chốt lựu đạn của mình. Khi Freeman ngẩng đầu lúng túng, ngây đờn như tấm ván, thì Kang bật đoạn ghi âm một cuộc gọi điện thoại. Nghe như thể Freeman đang trao đổi với Wini

Jiau tư vấn viên làm việc cho mạng lưới chuyên gia của anh trên điện thoại. Kang để đoạn ghi âm thay anh làm mọi chuyện. Rồi anh đề nghị Freeman giúp anh bằng cách hợp tác với FBI. Freeman từng là một khách hàng hậu hĩnh của các chuyên gia PGR khi quản lý 300 triệu đô la cho SAC. Anh biết mình gặp rắc rối.

“Tốt hơn hãy là người đầu tiên cộng tác,” Kang nói với anh.

Vài ngày sau, ngày 16 tháng Mười hai, Freeman tới số 1 St. Andrew's Plaza cùng hai luật sư. Họ ngồi cùng với Kang và hai công tố viên, Avi Weitzman và David Leibowitz. Freeman đã đồng ý nói chuyện với họ, nhưng các công tố viên không chắc là họ muốn nghe đi đâu. Đầu tiên Kang hỏi về xuất thân của Freeman, viết ra tên vợ của Freeman và hàng loạt chuyên viên phân tích anh đã làm việc cùng với những công việc khác nhau. Rồi Freeman bắt đầu mô tả các nguồn tin của anh, ở những công ty như Cisco Systems, Fairchild Semiconductor và Broadcom, và thông tin anh có được từ mỗi nguồn tin và cách thức anh đã tỉ mỉ lưu giữ an toàn các thông tin đó ra sao. Anh không hề lưỡng lự khi chỉ ra rằng Longueuil, bạn thân nhất của anh, dính líu tới tất cả chuyện này.

Freeman nhớ lại cách thức mà anh và Longueuil, người Freeman đặt cho biệt danh “Long Dong”^[106], đã hợp tác để có thông tin không được công khai và chia sẻ nó với nhau khi họ còn ở SAC. Longueuil đã giao dịch dựa trên thông tin nội gián trên cả tài khoản cá nhân lẫn công việc của anh ta. Freeman nói. Thỏa thuận cộng tác của anh với FBI đòi hỏi anh báo cáo các thông tin anh có về bất cứ tội nào mà chính anh hay bất kỳ ai khác đã phạm phải, ngay cả khi chuyện đó không liên quan gì tới lừa đảo chứng khoán. Freeman nói với Kang rằng thỉnh thoảng anh hút cần sa và cung cấp cả tên người mà anh đã mua thuốc. Freeman cũng nói với họ rằng anh

đã ăn gian trong các cuộc thi ba môn phối hợp bằng việc sử dụng doping lưu thông khí huyết EPO.

Weitzman đã làm việc ba năm trong vai trò công tố các vụ tội phạm có tổ chức. Vụ kịch tính nhất là một án giết người liên quan tới băng đảng Albania, mà hai anh em giết người bạn thân nhất của họ sau khi kết luận sai lầm rằng anh ta làm chỉ điểm, rồi ném khẩu súng xuống vịnh dưới cầu Verrazano. Mặc dù những người liên quan đến các vụ án kiêu đó thường phạm những tội tàn ác, giết người, cưỡng đoạt và cướp của từ những người yếu thế, Weitzman thấy rằng họ có nguyên tắc không phản bội bạn bè và gia đình. Những mối liên hệ trung thành rất mạnh mẽ.

Ngược lại, trong các vụ của Phốt Wall, người ta khai ra nhau mà chẳng cần phải gợi ý gì. Không hề có nguyên tắc nào, chẳng có gì ngoài lòng tham chung là kiếm được tiền. Freeman là điển hình. Anh ta chẳng hề ngần ngại tố cáo Longueuil, phù rể ở đám cưới của anh ta.

Kang bắt đầu hỏi Freeman về môi trường ở SAC. Freeman nói, ở SAC có bốn cách để liên lạc với Cohen: trực tiếp, qua điện thoại, qua thư điện tử và qua các báo cáo danh mục vào mỗi thứ Sáu. Freeman nhớ lại những dịp mà anh đã chia sẻ thông tin nội gián với các giám đốc danh mục khác của SAC. Anh nhớ có lần Cohen, mà từ chỗ của mình Freeman có thể nhìn thấy bàn của ông ta, bỗng trở nên đầy phấn khích khi nghe một cuộc điện thoại. Ông gác máy và tuyên bố muốn đặt thương vụ dài hạn với ngành tài chính - có nghĩa là mua vào các chứng khoán ngân hàng. Bởi lúc đó chính giữa cuộc khủng hoảng tài chính, nên Freeman nghĩ đấy có vẻ là một động thái bất thường, có thể sẽ tự hủy diệt mình. Thứ Bảy sau đó, Fannie Mae và Freddie Mac được quốc hữu hóa, và Freeman không thể không tự hỏi phải chăng Cohen biết trước đi đầu đó sẽ xảy ra. Như với nhiều câu chuyện

khác mà Kang từng nghe, câu chuyện này thật đáng tò mò, nhưng không đủ để lập án.

Kang nghiêng người qua bàn và nhìn anh ta chăm chăm.

“Steve muốn anh làm gì?” anh hỏi.

“Ông ta kỳ vọng mọi người cung cấp cho ông ta những ý tưởng giao dịch tốt nhất,” Freeman nói không chút lưỡng lự.

“Tôi hiểu rằng đi đâu đó bao gồm cung cấp thông tin nội gián cho ông ta.” Freeman quả quyết rằng anh ta không phải người duy nhất hiểu như vậy.

Sau khi Freeman về, các công tố viên chạy lên văn phòng của sếp để cập nhật công việc. Họ nói chắc chắn là có giao dịch nội gián diễn ra ở SAC, và cuối cùng họ đã có một nhân chứng chịu ra làm chứng. Với lời chứng của Freeman, họ cảm thấy họ có đủ bằng chứng vững vàng để mở án nhắm thẳng vào SAC. Người đứng đầu bộ phận chứng khoán của Văn phòng Công tố Mỹ tại Manhattan viết: “Mở án: SAC Capital” lên bìa một bộ hồ sơ.

Cuối cùng thì SAC đã chính thức bị đi điều tra.

Weitzman yêu cầu Kang chuyển cho anh mọi ghi chú trong cuộc thẩm vấn có nhắc tới Cohen hay SAC Capital. Các ghi chú của những cuộc nói chuyện với nhân chứng do đặc vụ FBI ghi lại, và họ không phải nhà văn tinh tế gì. Vài giờ sau, một tập hai chõng hồ sơ cao cả chục centimet đầy các ghi chú được chuyển tới bàn làm việc của Weitzman. Anh bắt đầu đọc chúng.

Anh ngay lập tức ngỡ ngàng bởi việc có bao nhiêu người bị thẩm vấn đã nói rằng Cohen giao dịch dựa trên thông tin nội gián hay Cohen biết người làm việc cho SAC đang làm chuyện đó. Cùng lúc, không mấy người

có bằng chứng chắc chắn để hậu thuẫn cho tuyên bố của họ. Rõ ràng là có cả một nền văn hóa giao dịch nội gián trong công ty, nhưng cũng có những cơ chế mạnh mẽ để bảo vệ Cohen trước những gì đang diễn ra. Mọi người chuyển các gợi ý vào danh mục của Cohen bằng cách cho điểm “mức tín nhiệm” để cho biết họ chắc chắn tới đâu về giá trị của gợi ý đó. Điều này dường như Cohen đã được cách ly.

ooo

Noah Freeman cố không run rẩy khi Kang gắn một thiết bị ghi âm vào người anh ta vài ngày sau đó. Nếu Freeman chưa bán đứng bạn bè của mình, thì giờ anh ta sắp sửa làm chuyện đó. Anh tới căn hộ của Longueuil ở đường Năm Mười Chín khu Đông và kiểm tra với người gác cửa trước khi bước vào thang máy lên tầng mười. Longueuil ngày càng trở nên cảnh giác với bất cứ sự liên lạc nào không phải là mặt đối mặt, và rất để ý tới những đi đâu anh ta nói ra.

Thấy mình đang đổ mồ hôi và trong bụng bồn chồn, Freeman mở lời để tìm cách đưa bạn vào phòng, nghe ngượng ngập như thể một cậu nhóc lớp sáu đang rủ bạn gái đi chơi. Anh lôi ra bài báo *The Wall Street Journal* từ tháng trước và những kịch tính mà nó đã gây ra.

“Cậu nghĩ đi đâu tồi tệ nhất mà họ có thể khiến chúng ta gặp rắc rối là gì?” Anh hỏi Longueuil, và cuộc nói chuyện ngay lập tức chuyển sang vụ việc ghê gớm nhất mà họ từng làm: có được thông tin nội gián về Marvell từ tư vấn viên Wini Jiau của PGR.

“Tôi có nó từ Wini. Tôi đưa nó cho anh. Nên cả hai chúng ta... tôi nghĩ là trên lý thuyết, thế đó,” Freeman nói, giọng nhỏ dề. “Cậu có giao dịch dựa trên thông tin lợi nhuận và thua lỗ của Wini không? Cả hai chúng ta

đầu làm thế nhỉ?”

“Phải,” Longueuil đáp.

“Thông tin của Wini, rất chi tiết, chi tiết khủng khiếp,” Freeman nói tiếp. “Tôi đã đưa thông tin đó cho cậu.”

“Đó là năm 2008,” Longueuil nói, đúng như mong đợi. “Nửa đầu năm 2008.”

“Vậy là tôi đã giao dịch dựa trên đó,” Freeman nói. “Chính cậu, cậu nói đã giao dịch dựa trên đó. Sam chắc chắn cũng thế.”

Sau đấy trong cuộc trò chuyện, Freeman hỏi bạn liệu anh ta có lo Jiau cộng tác với chính quyền không.

“Tôi đoán là có,” Longueuil nói. “Nhưng liệu họ có bằng chứng là cô ấy đưa thông tin cho chúng ta không? Ý tôi là, tôi có thể nói bất cứ thứ gì chết gì cậu muốn nghe, hay không muốn nghe. Tôi có thể nói dối, sao cũng được. Nên phải, chúng ta đã nói chuyện với Wini. Đây là kiểu chuyện ‘mạnh ai người ấy nói’.”

“Vậy nếu cô ta nói, ‘tôi đã đưa họ các số liệu chó chết về thu nhập trên cỡ phần’ thì chúng ta sẽ nói...”

“Bằng chứng đâu?” Longueuil đáp. “Tôi không nhớ có thứ gì như thế.”

Freeman hỏi anh về “khúc gỗ”. Nó đâu? Sẽ là tai họa nếu FBI có được nó.

Phải, Longueuil thừa nhận, khúc gỗ sẽ là tai họa. Nó có danh sách tất cả các nguồn tin ở các công ty khác nhau. Nhưng Longueuil đã lo chuyện đó rồi. “Buổi tối mà bài báo của *The Wall Street Journal* xuất hiện, tôi đã ấn nút nhà ổ đĩa ra và mọi thứ khốn kiếp đã biến mất,” anh nói.

“Khúc gỗ đã biến mất hả?” Freeman hỏi.

“Hủy r ỡ,” Longueuil nói. “Mọi thứ đã xong.”

“Cậu làm thế nào?” anh hỏi.

“Tôi cắt nát nó ra,” Longueuil nói. “Cắt nát mọi thứ.”

“Tôi không hiểu sao cậu có thể thoát khỏi thứ khốn nạn đó.”

“À, dễ mà,” Longueuil nói. “Cậu kiếm một cây kìm và cắt nó nát ra.” Anh ta nói anh cũng có hai ổ cứng di động chứa số liệu trong đó, mà anh đã cắt nát và cho vào những túi khác nhau. “Vào lúc 2 giờ sáng tôi rời căn hộ và đi bộ khoảng hai mươi dặm nhà quanh thành phố, ném những thứ chết tiệt đó vào các xe tải chở rác ngẫu nhiên.”

“FBI vẫn có thể cố tìm ra nó,” Freeman nói.

“Họ có thể tìm ra, nhưng chúng đã bị xé nát cả r ỡ,” Longueuil đáp. “Mọi chuyện đã xong.”

ooo

Vào buổi tối, sau khi đáp chuyến tàu về nhà ở Jersey City và giúp vợ cho bốn đứa con đi ngủ, luật sư Charles Riely của SEC thức khuya, xem kỹ các trang dữ liệu, tìm kiếm những mối liên hệ. Bây giờ là đầu năm 2011, hơn một năm sau khi vụ án mới của anh được mở, anh vẫn không biết ai ở SAC là giao dịch viên cho Elan. Điều đó khiến anh phát điên.

Phải tới tháng Năm năm 2011, tháng mà Raj Rajaratnam bị truy tố với mười bốn cáo buộc các tội đ ồng lõa và lừa đảo chứng khoán, Riely mới có bước đột phá. Anh đã gửi một trát xin bản ghi các số điện thoại gọi đến và gọi đi của Sid Gilman vài tháng trước đó, nhưng có vẻ nó chẳng bao giờ được h ồi đáp. Khi cuối cùng cũng có được bản ghi đó, anh đã có thể xác định một số điện thoại trong danh sách: nó thuộc về một giám đốc danh

mục ở SAC tên là Mathew Martoma. SEC có tên anh ta trong cơ sở dữ liệu. Bỗng nhiên, mọi chuyện khớp với nhau. Vị bác sĩ và tay giao dịch viên đã nói chuyện với nhau vài chục lần. Riely đã tìm ra tay giao dịch viên trong vụ án của mình.

Anh tới thông báo với sếp, Sanjay Wadhwa, rằng cuối cùng họ đã có một nghi phạm. Rồi Wadhwa gọi cho người đứng đầu bộ phận chứng khoán ở Văn phòng Công tố Mỹ.

Thành thật mà nói, Wadhwa đang thấy thất vọng. Vụ đi điều tra Elan của SEC đã diễn ra hơn một năm. Trong khoảng thời gian đó, hầu hết thông qua phân tích các hồ sơ ít ỏi về các cuộc gọi mà họ có được, họ đã ghép lại từng mảnh của một vụ lừa đảo tài chính lớn. Giờ, nhờ vào nỗ lực của Riely, họ đã có hai nghi phạm, Martoma và Gilman. Và vụ việc có vẻ bao gồm cả chính Cohen, con cá voi mà họ đã theo đuổi trong những năm trước. Tuy nhiên, bất chấp tất cả những điều đó, Văn phòng Công tố Mỹ vẫn chưa phân công công tố viên cho vụ này, khiến SEC có cảm giác rõ ràng rằng họ không nghĩ vụ này là quan trọng. Wadhwa đã hai lần hối thúc họ phân công tố viên cho vụ Elan, và chẳng có chuyện gì xảy ra.

Ba nhóm quan hệ đan chéo nhau và cùng tham gia vào các cuộc đi điều tra chứng khoán ở cấp liên bang - các luật sư của SEC, đặc vụ FBI và công tố viên liên bang - tạo thành một bộ tam đầu chế không ổn định nhưng phụ thuộc lẫn nhau. Dù họ thường làm việc chặt chẽ với nhau và FBI về mặt kỹ thuật là một đơn vị con của Bộ Tư pháp, mỗi đơn vị có chút ác cảm với đơn vị kia, và các thành viên mỗi nhóm tự hỏi phải chăng họ đang nỗ lực quá lớn mà không nhận được đủ sự công nhận cho các vụ họ đã theo đuổi. FBI tự hào vì là những kẻ cứng rắn, thực thi các công việc nguy hiểm như tìm nhân chứng lật tẩy và nghe lén. Các đặc vụ FBI rất ghét khi mọi người

cho là SEC bắt người, một sự hiểu nhầm mà họ thường xuyên phải đính chính một cách khó chịu. SEC tin, không phải vô cớ, rằng họ là bộ não đằng sau hầu hết các vụ lừa đảo chứng khoán - đơn vị duy nhất thực sự hiểu các luật lệ phức tạp liên quan tới chứng khoán. Nhiều luật sư của SEC cảm thấy không được đánh giá đúng và đôi khi không được tôn trọng. Các công tố viên, được chọn lọc khắt khe từ các học viên tốt nghiệp từ những trường luật Ivy League tinh anh, có xu hướng tin rằng các vụ án chưa quan trọng cho tới khi họ tham gia và hoàn tất khâu chuẩn bị cần thiết để đưa vụ án ra tòa. Cách làm của Preet Bharara tuyên bố những cáo buộc mới tại các cuộc họp báo châm thêm dầu vào đám lửa ghét nhau đã âm ỉ giữa ba bên. Ông thường cảm ơn “các cộng sự” của ông ở FBI và SEC, nhưng qua ống kính phóng viên thì rõ ràng ông mới là người đưa những tên tội phạm Phố Wall ra trước công lý.

“Các vị đâu mất rồi?” Wadhwa hỏi trưởng bộ phận chứng khoán trong văn phòng của Bharara và cấp phó của ông này khi gặp họ qua điện thoại. “Có một vụ lớn ở đây, nhưng chúng tôi cần các vị tham gia.”

Wadhwa, và SEC nói chung, đang chịu áp lực bất thường.

Thượng nghị sĩ Charles Grassley, một thượng nghị sĩ Cộng hòa đầy ảnh hưởng của Iowa, đã bắt đầu than phiền - lớn tiếng và công khai - rằng SEC không làm tốt công việc của họ trong việc giám sát thị trường chứng khoán. Tháng trước đó, văn phòng của Grassley nhận được gợi ý từ ai đó đề xuất rằng Ủy ban Tư pháp Thượng viện xem xét một quỹ phòng hộ ranh mãnh tên là SAC Capital.

Grassley là người đã lớn tiếng chỉ trích phản ứng của chính quyền Obama với cuộc khủng hoảng tài chính, lập luận trong các cuộc phỏng vấn và họp báo rằng các đề xuất cải cách của tổng thống không đủ mạnh. Vụ

SAC có vẻ là cơ hội chín muồi để chỉ trích những nhà kiểm soát và điều hành thị trường chứng khoán thêm một lần nữa vì đã bỏ lỡ một vụ t̃m c̃r Madoff tiếp theo ngay trước mắt. Thật mỉa mai, Grassley đã tham gia một buổi gây quỹ ở văn phòng của SAC vào năm 2008, nhưng ông vẫn không hiểu rõ quỹ này làm gì. Vào tháng Tư năm 2011, một tháng sau khi mở phiên tòa xử Raj Rajaratnam, một nhân viên của Grassley đã yêu cầu FINRA, cơ quan giám sát hoạt động của thị trường chứng khoán, gửi mọi thư cáo giác của họ liên quan tới hoạt động giao dịch đáng ngờ của SAC. Cohen và công ty của ông ta tỏ ra là chiếc dùi cui hoàn hảo để ngài nghị sĩ đập lại SEC. Nếu có chuyện gì đó nghiêm trọng đã xảy ra và cơ quan giám sát này không làm gì hết, Grassley có thể tổ chức một chiến dịch lớn để gây dư luận.

Vài ngày sau, một tập hồ sơ gồm hàng xấp thư cáo giác liên quan tới giao dịch của hai mươi chứng khoán khác nhau tới văn phòng của Grassley ở Quốc hội. Tay trợ lý trẻ mở hồ sơ không phải là chuyên gia về quỹ phòng hộ, nhưng vẫn có thể thấy rõ là tập hồ sơ đầy vấn đề.

Có một thư cáo giác ngày 9 tháng Năm năm 2007, báo cáo các giao dịch đáng ngờ của đơn vị CR Nội bộ thuộc SAC với một công ty tên là Connetics Corporation. Một thư khác đề ngày 26 tháng Mười năm 2007, nhắc tới các giao dịch của SAC với cổ phiếu của Fidelity Bank. Một thư khác, ngày 14 tháng Mười hai năm 2007, viết: “Cuộc đi ều tra đã xác định các vụ mua cổ phiếu INGR rất đúng thời điểm, được mua bởi hai quỹ phòng hộ đóng trụ sở ở Greenwich, CT^[107] từng có liên lạc với INGR trong giai đoạn từ ngày 26 tháng Sáu năm 2006 tới ngày 31 tháng Tám năm 2006”. Các quỹ này thuộc SAC, và các giao dịch đáng ngờ với chứng khoán của United Therapeutics, Sirtris Pharmaceuticals, Third Wave

Technologies, Cougar Biotechnology, Synutra International. Một số giao dịch xảy ra rất gần đây vào năm 2010. Cũng trong xấp xỉ hồ sơ có thư cáo giác ngày 5 tháng Chín năm 2008 về Elan và Wyeth và những vụ bán chứng khoán lớn mà SAC đã thực hiện một tuần trước khi công bố kết quả thử nghiệm thuốc.

Grassley yêu cầu được biết SEC có làm gì với các thư cáo giác đó hay không. Ông công bố một bức thư cho truyền thông vạch rõ những quan ngại của ông về năng lực thực thi của SEC đối với các quy định liên quan tới chứng khoán. Hãy xem SAC đang làm gì, ông nói. Những dấu hiệu tình nghi rất nhiều, và SEC không có bất cứ hành động nào - lại thêm một tổ chức chính quyền vô dụng nữa.

Cohen theo dõi những hành động của tay thượng nghị sĩ với sự lo lắng ngày càng gia tăng. Bất cứ khi nào có người cho rằng có chuyện sai quấy xảy ra ở SAC, ông lập tức trở nên phòng ngự. Ông ra lệnh cho các giám đốc đi điều hành phải có động thái trước các chỉ trích từ Washington. Vài ngày sau khi lá thư của tay thượng nghị sĩ được công bố, ngày 10 tháng Năm năm 2011, SAC cử một nhóm lãnh đạo từ Connecticut tới văn phòng của Grassley để tìm cách xoa dịu tình hình.

Những quân sư của Cohen có vẻ tự tin rằng họ có thể “quyến rũ” các nhân viên của ngài thượng nghị sĩ không quá lo lắng về SAC nữa. Tom Conheaney - chủ tịch SAC, Peter Nussbaum - trưởng bộ phận tư vấn pháp lý, và một giám đốc của SAC ở Washington tên là Michael Sullivan đã tới văn phòng của Grassley. Sullivan là cựu cố vấn cho một thượng nghị sĩ Cộng hòa nhiều quyền lực khác, một tay dày dạn kinh nghiệm ở Washington, và Cohen đã thuê ông ta để chuyên xử lý vấn đề kiểu này. Sullivan lập luận với các đi điều tra viên của ngài thượng nghị sĩ rằng công ty

tuân thủ pháp luật nghiêm túc và các điều tra viên nên lỏng tay hơn.

“Steve là người rất có trách nhiệm công dân,” Sullivan nói với các nhân viên của Grassley. “Ông ấy đang nghĩ tới việc mua lại cổ phần đội New York Mets.”

Các nhân viên của ông thượng nghị sĩ nhìn Sullivan chăm chăm, không thể hiểu những gì họ đang nghe. “À ra thế, tôi hâm mộ đội Mets - nên tôi *hẳn phải* là người tốt,” một nhân viên của Grassley mỉa mai nghĩ trong đầu.

Cuộc gặp kết thúc đầy lúng túng và từ góc nhìn của Cohen, chẳng có kết quả gì. Ngày 24 tháng Năm, Grassley công bố một lá thư nữa với truyền thông, lần này cáo buộc SEC đã bỏ qua việc điều tra SAC và đòi một cuộc gặp với chủ tịch SEC. “Tôi đã từ lâu quan tâm tới việc liệu ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Mỹ có đưa ra một cách đúng đắn các chính sách và luật lệ cho các thị trường tài chính của chúng ta hay không,” Grassley viết. Ông giải thích rằng gần đây ông đã có trong tay hai mươi thư cáo giác các giao dịch đáng ngờ ở SAC từ FINRA và đòi giải thích bằng văn bản cách thức SEC đã giải quyết từng thư cáo giác đó ra sao.

Vào lúc Wadhwa nhận được cuộc gọi từ người đứng đầu bộ phận chấp pháp của SEC về những thông tin đó, chiến dịch của Grassley đang đe dọa đẩy vụ việc lên thành một vụ bê bối khổng lồ.

“Chúng ta phải đi trước một bước,” sếp của Wadhwa nói với ông. “Anh lo vụ này nhé?”

ooo

Sau khi nghe từ SEC về mối liên hệ Gilman-Martoma với vụ Elan, người

đứng đầu đơn vị chứng khoán ở Văn phòng Công tố Mỹ nhất trí là đã tới lúc nhìn lại những gì SEC đã phát giác. Hai công tố viên hình sự, Avi Weitzman, người từng làm các vụ Noah Freeman và Donald Longueuil, cùng Arlo Devlin- Brown, đang đi đầu tra một vụ gây chú ý khác liên quan tới các trang đánh bạc bất hợp pháp trên Internet, đã tới văn phòng của SEC. B. J. Kang cũng đến.

Charles Riely vẫn không chắc lắm về những gì đã xảy ra với Elan, nhưng anh có một giả thuyết. Anh cố gắng mô tả âm mưu hình sự này rõ ràng hết mức có thể. “Chúng tôi nghĩ rằng có khả năng là Gilman, hay một bác sĩ khác, đã cung cấp thông tin cho Martoma,” anh nói. Việc mở đi đầu tra một vụ giao dịch nội gián nổi tiếng là khó nếu chỉ dựa trên bằng chứng tình huống cụ thể, nhưng tất cả tài liệu mới xuất hiện đầu củng cố cho giả thuyết đang ngày càng rõ rệt. Riely cảm thấy chắc chắn rằng đây sẽ là một vụ lớn.

Với tất cả mọi người trong phòng, mối liên hệ có vẻ rõ ràng: một công bố quan trọng về thuốc đã khiến giá chứng khoán giảm mạnh; công bố đó được đưa ra bởi một bác sĩ có quyền tiếp cận thông tin từ trước rất lâu; vị bác sĩ đó được trả cả một gia tài để tư vấn cho một giao dịch viên ở SAC, người này cũng đã được Cohen trả cho cả một gia tài, và tới lượt mình, Cohen kiếm được hàng triệu đô la giao dịch cổ phiếu vào tuần lễ trước khi tin tức được công bố. Giống y như nguyên lý dao cạo của Occam, hay còn gọi là định luật keo kiệt: trong những giả thuyết cạnh tranh nhau, giả thuyết đơn giản nhất thường là cái đúng. Bất cứ lời giải thích nào khác đều trái với lý lẽ thông thường.

“Các vị,” Wadhwa nói với các công tố viên. “Đây là một vụ thực sự quan trọng. Nếu các vị không bắt đầu làm gì đó, chúng tôi sẽ tự làm một

mình.” Ông nói thêm là ông chẳng quan tâm tới cá nhân Mortama. Con cá lớn ở đây là Cohen.

“Ông có lý,” người đứng đầu đơn vị chứng khoán nói. “Chúng ta cần hành động trong vụ này.”

Kang phải rời cuộc gặp sớm, nhưng anh đã nghe đủ để thấy tin tưởng về vụ Elan. Nói nhẹ nhàng thì anh đã ngày càng ngờ vực những gì đang xảy ra ở Phố Wall. Anh đã nghe đi nghe lại từ các cộng tác viên và nguồn tin của mình rằng việc gian lận diễn ra khắp nơi. Khi động cơ quá lớn và bạn có quá nhiều quỹ cạnh tranh nhau tới chết - tất cả đều có những nhân viên là các phù thủy tốt nghiệp Wharton, đều có hệ thống công nghệ hiện đại nhất, cùng các tư vấn viên thuộc mạng lưới chuyên gia, với lòng tham và quyết tâm - bạn làm sao có thể vượt lên so với tất cả những người khác và đánh bại thị trường hết năm này tới năm khác? Trong vụ Galleon, họ đã truy tố Raj Rajaratnam và vài người khác liên quan tới mười một giao dịch và khoản lợi nhuận bất hợp pháp bị cáo buộc là 64 triệu đô la. Với vụ Elan và Wyeth, lợi nhuận lớn hơn đến bốn lần.

FBI cuối cùng cũng đã có một đầu mối sống, Gilman, người mà họ đã sẵn sàng tiếp cận.

ooo

Khi Kang trở lại văn phòng, anh nạp số an sinh xã hội của Martoma vào cơ sở dữ liệu của FBI. Hóa ra Mathew Martoma đã được FBI gán cho trạng thái riêng là “Cục đã để mắt”. Anh ta có vẻ đã bị một đặc vụ FBI thẩm vấn hồi Năm 2000 bởi có thể trở thành nhân chứng liên quan đến việc đi đầu tra một vụ lừa đảo khác.

Xuất hiện thông tin khác nữa: Martoma không phải tên thật của anh ta.

Trong phần đầu đời, anh ta là Ajai Thomas. Đó là cái tên xuất hiện trong ghi chú của FBI ở vụ trước. Kang thấy đi đầu này thật lạ lùng.

Còn đáng tò mò hơn, có các ghi chú thăm vấn cũ liên hệ Martoma với việc đột ngột bỏ học Trường Luật Harvard. Kang ngay lập tức chia sẻ đi đầu đó với các công tố viên, Devlin- Brown và Weitzman. Họ đều đã học Trường Luật Harvard. Họ có vẻ học ở đó cùng thời với Martoma. Các công tố viên nói họ sẽ xem xét chuyện đó.

Ưu tiên số một của Kang là bác sĩ Gilman, người có vẻ sẽ được lợi rất nhiều khi cộng tác. Kang đã chọn tuần lễ trước ngày lễ Lao động để tiếp cận ông. Gilman có vẻ là một mục tiêu dễ dàng, một quý ông lớn tuổi xuất chúng không bao giờ muốn nghĩ tới chuyện mất việc và sống phần đời còn lại trong tù.

Vào khoảng 5 giờ chiều ngày 31 tháng Tám năm 2011, Kang và một cộng sự lái xe tới nhà Gilman, ở một khu dân cư trong hẻm cụt tại Ann Arbor cách không xa Đại học Michigan. Họ đậu xe ngay cuối đường và gõ cửa. Vợ Gilman ra mở cửa. Sau khi các đặc vụ giới thiệu, bà nói chồng bà đang ở bệnh viện, trong phiên trực. “Ông ấy sẽ trở về nhà vào buổi tối,” bà nói. Trông bà có vẻ rất lo lắng. Hai tay đặc vụ đợi khoảng một tiếng đồng hồ rồi ra về.

Sáng hôm sau, các đặc vụ FBI trở lại và đợi tới khi Gilman rời nhà. Họ theo ông khi ông lái xe tới bệnh viện, đậu xe lại bên cạnh khi ông dừng xe. Kang nhảy khỏi xe và gõ vào cửa xe ông.

“Bác sĩ Gilman, chúng tôi nói chuyện với ông được không?” anh nói.

“Được, tất nhiên rồi,” Gilman đáp. Kang đề nghị họ vào trong và tìm một nơi yên tĩnh để nói chuyện.

“Chúng tôi đến đây để trao đổi về giao dịch nội gián,” Kang nói khi họ

ngồi xuống. “Ông có tiết lộ thông tin bí mật cho Mathew Martoma không?”

Gilman không phải là người đầu tiên trở nên hoảng loạn khi đối mặt với các đặc vụ liên bang có vũ trang và bắt đầu hành xử rối loạn. Dù đã ba năm trôi qua kể từ lần cuối liên lạc với Martoma và ông đã quên rất nhiều chi tiết, Gilman biết rằng ông đã phạm pháp. Thật ra, ông đã tốn rất nhiều thời gian từ lần liên lạc cuối cùng với Martoma để cố quên đi toàn bộ câu chuyện Elan. Ông cũng biết nói dối đặc vụ sẽ khiến vấn đề tệ thêm. Tất nhiên, đó là những gì FBI *muốn*: một khi người ta nói dối, FBI khiến họ mắc câu vì một vụ khai man.

Gilman dẫu vậy vẫn cứ bỏ qua lý lẽ và nói dối.

“Tôi không biết quý vị đang nói gì,” ông nói với Kang.

“Chúng tôi có băng ghi âm ông trao thông tin nội gián cho Martoma,” Kang nói, nhìn Gilman nghiêm khắc. Anh để vài giây trôi qua, tới khi sự im lặng trở nên khó chịu. Kang đã nói đi đâu không có thật. Không có băng nghe lén. Nhưng triết lý của Kang là “Làm bất cứ chuyện gì cần”.

Gilman liên tục lắc đầu.

“Chúng tôi biết ông đã nói với Martoma về vụ thử nghiệm bapineuzumab,” Kang nói. “Chúng tôi có mọi thứ trong băng ghi âm.” Chống lại chẳng ích gì, anh nói quả quyết. Ông có quá nhiều đi đầu để mất danh tiếng, học hàm giáo sư, các khoản tài trợ nghiên cứu.

Gilman vẫn bác bỏ và bác bỏ cho tới khi cuối cùng, ông nói: “Nếu anh thực sự tin tôi đã chia sẻ thông tin mật và anh có băng ghi âm các cuộc gọi của tôi, thì có thể là tôi đã làm, nhưng tôi không cố tình.” Ông dừng lại. “Tôi không nhớ đã nói chính xác những gì với anh ta. Đã ba năm trước rồi.”

Kang tiếp tục kiêu thuyết phục của anh, nói với Gilman rằng sẽ thật đáng hổ thẹn nếu vứt bỏ sự nghiệp của ông với việc từ chối giúp đỡ họ và giúp chính ông. Nhất là khi ông là một nhân vật không mấy quan trọng trong toàn bộ vụ việc này.

Rồi Kang nhìn thẳng vào mắt ông. “Bác sĩ Gilman, ông chỉ là một hạt cát,” anh nói. “Martoma cũng thế. Kẻ chúng tôi thực sự săn đuổi là Steven Cohen.”

ooo

Flying Pond là một hồ nước rợp bóng cây tuyệt đẹp ngay phía Bắc Augusta, Maine, và Charles Riely lui về đó cho kỳ nghỉ trong tuần cuối tháng Tám. Vào lúc tay luật sư của SEC chuẩn bị ra khỏi nhà để chạy bộ xuyên rừng, đang cúi xuống cột dây giày, thì anh tưởng tượng, phải lần thứ hai mươi trong ngày hôm đó, rằng anh như đang nghe thấy tiếng chuông khe khẽ từ chiếc điện thoại di động của mình. Dù vụ lớn nhất trong sự nghiệp của anh sắp sửa chuyển sang một giai đoạn mới, cực kỳ quan trọng, Riely không dám nói với vợ là sẽ không đi nghỉ. Tuy nhiên, anh bị phân tâm và cả tuần thấp thỏm đợi tín hiệu từ điện thoại di động để có thể kiểm tra hộp thư thoại cập nhật về việc tiếp cận Gilman. Anh nóng lòng muốn biết Gilman có chịu lật mặt không. Rất cuộc, Riely đã nhận được cuộc gọi đó.

“Mọi việc khá suôn sẻ,” Kang nói với anh, cố gắng kể về tình huống đã diễn ra theo chiều hướng tích cực nhất có thể. Họ đều biết từ kinh nghiệm bản thân rằng mọi người hiếm khi nói hết tất cả trong cuộc gặp đầu tiên, nên việc Gilman từ chối trả lời các câu hỏi không nhất thiết là một sự cự tuyệt. Vẫn còn chút hy vọng. Gilman đã nói ông ta “có thể” đã

làm chuyện đó, Kang nhắc lại. Để khiến một người chịu lật mặt cũng giống như bắt họ tập luyện để tham gia một cuộc chạy đường dài. Ta phải tập từ từ.

Bây giờ sau khi đã tiếp cận Gilman, cuộc đi đầu tra không còn bí mật nữa, và SEC được thoải mái gửi các trát đòi dữ liệu cá nhân và chuyên môn của Gilman. Lịch làm việc, các hồ sơ ở Đại học Michigan, mọi thứ trong máy tính xách tay của Gilman nữa. Họ đã có thể quay lại vụ Elan với nhiều chi tiết cụ thể hơn về những gì họ đang tìm kiếm, bao gồm mọi thứ liên quan tới vai trò của Gilman trong vụ thử nghiệm bapi. Họ có thể thấy từ các bản ghi cuộc điện thoại rằng Martoma và Gilman thường xuyên nói chuyện với nhau hơn một giờ đồng hồ.

“Tôi không nghĩ là mình từng lúc nào có một cuộc nói chuyện dài như thế trong đời,” Kang có lần nói với Riely. “Anh có thể tưởng tượng được việc ngồi ôm điện thoại 1 giờ 20 phút không?”

Sau khi Kang tiếp cận, Gilman đã đồng ý, ít ra là về nguyên tắc, sẽ cộng tác. Nhưng vẫn còn chưa rõ liệu ông có thật sự sẵn sàng cho đi đầu đó hay không. Không nhớ được gì không thể tính là giúp ích hết sức cho chính quyền.

Sau những cuộc trao đổi lê thê kéo dài hàng tháng vì tay luật sư của Gilman viện cớ lịch họp bận rộn với các khách hàng, tay luật sư cuối cùng cũng đồng ý là vị bác sĩ sẽ tới nói chuyện với SEC và các công tố viên để xem ông có giúp được gì không. Ngay cả như vậy, tay luật sư đã nói rõ rằng vị bác sĩ sẽ không khiến mọi chuyện dễ dàng cho chính quyền. Thân chủ của ông là chìa khóa cho một vụ lớn, và mọi người đều biết đi đầu đó. Ông có sức nặng để đạt được một thỏa thuận tốt.

Gilman đã thuê Marc Mukasey đại diện cho ông. Mukasey là một cựu

công tố viên thuộc đơn vị chứng khoán Khu Nam, và trước đó là luật sư của SEC, người giờ là đối tác ở hãng luật Bracewell and Giuliani. Ông cũng là con trai của Michael Mukasey, một cựu thẩm phán liên bang từng làm bộ trưởng Tư pháp dưới thời Tổng thống George W. Bush, đi đâu mà ông con trai luôn tìm cách nhắc mọi người phải nhớ mỗi khi có dịp. Mukasey nhanh chóng tỏ ra là một người khó đối phó. Ông ta dùng các chiến thuật phòng ngự tổng lực. Ông thường xuyên la hét. Ông viện có tuổi tác của Gilman. “Thân chủ của tôi muốn làm đi đâu đúng, nhưng ông ấy là một cụ già đau ốm và rất bận rộn,” Mukasey nói khi các công tố viên thúc lịch gặp. “Tôi sẽ kiểm tra và báo lại với quý vị.”

Vào lúc SEC vẫn đang cố gắng sắp xếp thời gian gặp Gilman, Riely có một phát hiện giật mình khi nhìn lại những hồ sơ điện thoại: Martoma có vẻ đã thực hiện một cuộc gọi kéo dài 20 phút tới điện thoại nhà Cohen vào sáng Chủ nhật, ngày 20 tháng Bảy năm 2008, vào lúc 9 giờ 45 phút sáng. Đó là một thời điểm lạ lùng cho một cuộc gọi làm việc. Sáng hôm sau, thứ Hai, các hồ sơ giao dịch cho thấy SAC bắt đầu thanh khoản các cổ phiếu Elan và Wyeth của mình, một khoản đầu tư gần 1 tỉ đô la. Martoma hẳn đã nói với Cohen lý do tại sao họ phải xoay chiều và bán tất cả chứng khoán của họ.

“Trời đất,” Riely nghĩ khi anh cân nhắc những điều ẩn chứa trong phát hiện mới này. Giờ thì có vẻ họ có thể mở cả vụ chống lại Steve Cohen nữa.

ooo

Sau khi bị gọi là “ngựa chỉ đua một vòng” và bị sa thải ở SAC, Mathew Martoma cùng vợ và các con chuyển tới Florida. Trên danh nghĩa, việc đó

là để gần hơn với cha mẹ anh. Nhưng Florida cũng là nơi có luật thuế rất thoải mái, cho phép người cư trú bảo vệ các chỗ ở chính và những tài sản khác không bị tịch biên nếu bị phá sản và theo các phán xét khác của tòa.

Gia đình Martoma mua một căn nhà năm phòng ngủ trị giá 1,9 triệu đô la ở Câu lạc bộ Đờng quê và Du thuyền Royal Palm tại Boca Raton. Đó là một biệt thự lộng lẫy kiểu Tây Ban Nha có thang máy, mặt ngoài đá hoa cương, và những tấm rèm vải dày kéo dài hàng dặm. Phía sau có một hồ bơi hình cỏ ba lá. Cả Martoma và vợ đều không đi làm, nên họ dành hết thời gian cho việc tranh nhau nuôi dạy con cái: quản lý các bài học đánh golf của các con Joshua, Ava và David, các bài viết chính tả, lớp tiếng Hoa và đi học ở trường tư; những vụ việc này trở thành công việc toàn thời gian. Họ thích ý tưởng trở thành những người làm từ thiện và đã bỏ 1 triệu đô la vào Quỹ Mathew và Rosemary Martoma, quỹ cũng giúp họ có được một khoản miễn thuế khá lớn.

Vào buổi tối ngày 8 tháng Mười một năm 2011, Martoma và vợ về nhà thì thấy B. J. Kang và cộng sự của anh, Matthew Callahan, đang đợi trước nhà.

“Tôi là đặc vụ Kang của FBI,” Kang nói. Anh giới thiệu Callahan. Rồi anh nói tiếp: “Đối tác làm ăn cũ của anh, Stephen Chan, sắp ra tù.” Sự thú nhận thoáng qua mặt Martoma. “Tôi muốn trao đổi với anh về việc đó.”

Kang đã nghĩ kỹ về câu mở màn của mình. Anh muốn Martoma biết rằng anh đã nghiên cứu kỹ. Tới thời điểm này, anh đã biết mọi thứ về Martoma và cuộc đời anh ta, những thứ mà ngay cả vợ anh ta có lẽ cũng không biết. Câu mở đầu truyền đạt sự nghiêm trọng của tình hình, rằng họ không chỉ tới đó để thử xem mình tìm thấy gì rồi ra về.

Mắt Rosemary mở to vì kinh ngạc. Cô nhớ rằng các con đang ở trong

nhà, có lẽ tự hỏi chuyện gì đang xảy ra. Cô nói cô sẽ quay lại ngay và vào nhà để xem các con.

Ngay khi cô rời khỏi, Kang quay lại Martoma.

“Nghe đây,” anh nói. “Chúng tôi không tới đây để nói về Chan. Chúng tôi ở đây để trao đổi với anh về giao dịch nội gián khi anh ở SAC.” Anh dừng lại và chứng kiến mặt Martoma nhợt nhạt dần. “Chúng tôi muốn nói về vụ Elan vào tháng Bảy năm 2008.”

Ngay trên lối vào nhà mình, Martoma ngất xỉu.

Chương 11

BẤT KHẢ CHIẾN BẠI

Giống như nhiều người di cư sang Mỹ từ những nơi xa xôi, cha mẹ của Mathew Martoma mơ ước về những gì con cái có thể đạt được ở đó. Họ đặt kỳ vọng rất cao với đứa con trai đầu lòng mà họ đặt tên là Ajai Mathew Mariamdani Thomas. Mẹ của Martoma, Lizzie Thomas, lúc sinh anh năm 1974 vẫn đang là một thực tập sinh Y khoa nội trú sống tại Michigan. Cả bà và cha của Martoma, Bobby Martoma, đều là người Kitô giáo quê ở Kerala, thuộc vùng nhiệt đới miền Nam Ấn Độ. Bobby di cư năm 1964 khi đang ở tuổi 19 để học kỹ sư cơ khí ở Mỹ; sau khi tốt nghiệp *Đại học* Howard, ông làm kỹ sư ở Ford Motor Company tại Michigan. Khi Martoma còn là một đứa trẻ, gia đình chuyển tới Florida.

Bobby mơ mộng rằng con trai ông có thể một ngày nào đó vào học ở Harvard. Gia đình chăm đi lễ nhà thờ ở Coral Springs, và Bobby cầu nguyện cho giấc mơ Harvard của ông mỗi ngày. Điểm số của con trai ông ở trường là một chủ đề cực kỳ được quan tâm. Martoma theo học các lớp năng khiếu ở một trường tiểu học Kitô giáo và được chọn đọc diễn văn tốt nghiệp khóa tại trường cấp ba Merritt Island ở Rockledge, Florida. Dầu vậy, thành tích của Mathew vẫn không đủ để vào Harvard, và cha anh rất tức giận với con trai. Cơn giận của ông dẫn tới một hành động tàn nhẫn đến kinh ngạc. Vài tuần sau sinh nhật 18 tuổi của Mathew, ông tặng con trai một tấm thẻ với dòng chữ: “Cậu con trai đã phá tan giấc mơ của cha”.

Martoma tốt cuộc vào học ở Đại học Duke, nơi anh theo ngành sinh học và dành phần lớn thời gian rỗi tham gia các hoạt động ngoại khóa nhằm làm đẹp lý lịch. Anh tình nguyện giúp đỡ các bệnh nhân Alzheimer và sống trong một ký túc xá có nhiều hoạt động giúp đỡ cộng đồng. Anh dùng tên cha sinh mẹ đẻ của mình, Ajai Mathew Thomas, dù mọi người chỉ gọi anh là “Mat”.

Mỗi bước trong sự nghiệp học vấn của mình, Martoma đều cho thấy anh giỏi giang trong quan hệ với những người dạy anh, nhất là những giáo sư nam giới, những người trở thành một kiểu cha nuôi của anh. Một giáo sư của anh, Bruce Payne, dạy về đạo đức học và xây dựng chính sách, nhớ lại rằng Martoma là một người hào hứng và chăm chỉ, nổi bật vì ăn mặc chuẩn mực hơn các sinh viên khác, như thể anh có thể được gọi đi phỏng vấn làm việc bất cứ lúc nào. “Đi đâu thú vị về Mat là cậu ấy thực sự quan tâm tới lĩnh vực đạo đức học hơn hầu hết các sinh viên của tôi,” Payne nhớ lại. “Mat nắm bắt trong lớp khá nhanh, và hiểu cách phân tích mà tôi muốn và hy vọng ở các sinh viên.” Vào đầu học kỳ, Martoma vận động để được trở thành trợ giảng của lớp, và Payne đã đồng ý.

Sau khi tốt nghiệp, Martoma đi làm một năm ở Viện Y tế Quốc gia (NIH) ở Bethesda, Maryland, trong Dự án Mã gen Quốc gia. “Cậu ấy tham vọng, cậu muốn làm nên chuyện lớn trong đời mình,” Ronald Green, một giáo sư ở Dartmouth từng hướng dẫn Martoma trong những năm tháng của anh ở NIH, nói. “Ở một mức độ nào đó, tôi cảm thấy Mathew như con nuôi của mình.”

Trong lúc ở NIH, Martoma nộp đơn vào trường luật. Khi một phong bì dày tới từ Trường Luật Harvard mang theo tin tức anh đã được thuận học, cha của Martoma vô cùng sung sướng. Vào mùa thu năm 1997, Bobby lái

một chiếc xe thùng chở Mathew từ Florida tới Massachusetts để giúp anh dọn đến chỗ mới. Theo nhiều nghĩa, Martoma là một sinh viên Luật Harvard điển hình - tức là một người học hành ít ỏi một cách thoải mái, và dành thời gian chủ yếu cho các hoạt động sẽ giúp củng cố lý lịch công việc của mình. Anh cố gắng tận dụng tối đa thời gian ở đó, đồng sáng lập một nhóm trong khu học xá tên là Hiệp hội Luật và Đạo đức học và làm biên tập viên một tạp chí luật phát hành trong trường.

Tuy nhiên, trong năm thứ hai, Martoma bắt đầu gặp khó khăn với chuyện học hành. Điều này một phần do khối lượng hoạt động ngoại khóa của anh quá lớn, đi đầu cha anh đã cảnh báo. Điểm của anh bắt đầu giảm. Vào cuối mùa thu, bạn bè bắt đầu nộp đơn cho các khóa thực tập uy tín trong mùa hè, một nghi thức chung của các sinh viên tham vọng nhất, nhưng điểm số của Martoma không như hy vọng. Anh biết các sinh viên toàn điểm A sẽ nhận những chỗ béo bở nhất.

Dẫu sao anh vẫn quyết tâm tìm chỗ tập sự, đi đầu dẫn anh tới một quyết định định mệnh. Điểm số của Martoma không đủ tốt, nên anh sẽ *không* cho nó đủ tốt. Anh dành ra một buổi chiều tháng Mười hai tỉ mỉ thay đổi tất cả điểm số trong bảng điểm với các môn Tố tụng dân sự, Luật hợp đồng và Luật hình sự, từ các điểm B, B+ và B thành điểm A. Rồi gửi đơn xin thực tập cho hai mươi ba thẩm phán.

Tháng Một năm đó anh được mời tới phỏng vấn với ba thẩm phán ở Washington, D.C., Tòa Phúc thẩm. Xếp thứ hai chỉ sau Tòa Tối cao trong hệ thống, tòa này đóng vai trò tối quan trọng định hình quá trình tố tụng và ra phán quyết ở cấp chính quyền liên bang. Các thẩm phán đã nhận được bảng điểm của anh và thấy ấn tượng. Khi gặp trực tiếp, họ càng ấn tượng với vẻ ngoài đẹp trai của Martoma, sự lễ phép của anh, và tất nhiên, bảng

thành tích học tập lớp lãnh. Hai trong ba thẩm phán chấm anh là ứng viên “xuất sắc”. Một trong các thẩm phán đã gọi cho Martoma vào tối ngày 2 tháng Hai năm 1999, đề nghị với anh một chỗ tập sự. Khi đó đã muộn, và Martoma, giọng nghe thật mệt mỏi, trả lời điện thoại. Anh có vẻ lơ đãng và viên thẩm phán đề nghị Martoma gọi lại cho ông vào hôm sau. Khi Martoma không gọi lại, thư ký của thẩm phán đã cố gắng liên lạc với anh và để lại lời nhắn yêu cầu Martoma gọi lại. Viên thư ký đã thử lại lần nữa, vào ngày 4 tháng Hai, và để lại một lời nhắn nữa.

Viên thẩm phán không hề hay biết rằng chỉ trong vài ngày từ các cuộc phỏng vấn tới những cuộc gọi, mặt đất đang rung chuyển dưới chân Martoma.

Một viên thư ký làm việc cho một thẩm phán chú ý tới vài điểu đáng ngờ trong bảng điểm của Martoma và đã gọi điện tới trường. Vào buổi chiều ngày 2 tháng Hai, Martoma bị gọi lên gặp chuyên viên lưu trữ của trường Stephen Kane.

Khi đi tới văn phòng của Kane ở rìa khu học xá, Martoma không hiểu sao mình bị gọi lên. Nhưng anh có cảm giác thật tồi tệ.

Năm trước đó, Kane đã đuổi học một sinh viên Luật Harvard nộp bảng điểm giả để được nhận vào trường, và ông chuẩn bị làm thế với Martoma. Kane không lãng phí thời gian vào việc chào hỏi xã giao mà hỏi thẳng Martoma anh có sửa bảng điểm của mình không. Martoma bị sốc. Tương lai của anh, niềm tự hào của cha anh, những năm tháng hy sinh và làm việc cật lực - anh cảm thấy tất cả đã tuột mất. Anh nỗ lực tuyệt vọng để giải thích, khẳng định rằng đơn xin của anh chỉ là một trò đùa và rằng anh không thật sự định nhận vị trí tập sự.

“Em đã gửi thư cho các thẩm phán xin rút khỏi vị trí đó rồi,” anh nói,

không mấy hợp lý. Kane nhìn anh như thể nói, *Cậu giống mặt tôi hả.*

Martoma ra về quyết tâm xoay chuyển tình thế. Phải có cách nào đó thoát khỏi chuyện này. Anh nghĩ ra một kế hoạch, nhưng đó không phải là một kế hoạch hay.

Tối hôm đó, Martoma ngồi trước máy tính và cố gắng vẽ vời một dấu vết tài liệu điện tử củng cố lời biện hộ mà anh đã nói với Kane, rằng đơn xin vị trí tập sự của anh không nghiêm túc và đã được rút lại.

“Xin đừng thay mặt tôi gửi bất *cứ* thư giới thiệu nào vì tôi không định tìm vị trí tập sự nữa,” anh viết cho thư ký của một trong các giáo sư của anh, người đại diện cho anh gửi các thư giới thiệu. Martoma đã gửi thư tới tất cả các thẩm phán mà anh nộp đơn xin tập sự, cố gắng rút lại các đơn xin thực tập một cách muộn màng. Các lá thư được gửi đi đầu tiên ngày 31 tháng Một, dù chúng có dấu bưu điện ngày 3 tháng Hai, sau ngày Kane gặp anh về vụ băng điếm.

Kane và người phụ trách sinh viên chắc chắn rằng Martoma nói dối, nhưng đui học là chuyện lớn ở Harvard, không khác gì lựa chọn bấm nút hạt nhân. Nên họ giữ nguyên tắc nghi ngờ thì không kết tội với Martoma trong thời gian đi điều tra.

Trong ba tháng, Kane đã tiến hành đi điều tra đầy đủ những gì diễn ra. Ông gọi điện và kiểm tra các tài liệu. Bộ phận hành chính của trường luật mở một cuộc đi điều tra chính thức và thu thập các hồ sơ thư điện tử. Vào tháng Tư và Năm, bộ phận hành chính tổ chức một buổi đi điều tra kéo dài bốn ngày, trong đó Martoma, cha mẹ anh và người em trai đều được hỏi chuyện.

Nhà Martoma đều đã kể cùng một câu chuyện hoang đường: Martoma tạo ra một bảng điếm giả cốt là để cho cha mẹ anh xem, họ luôn kỳ vọng

anh đạt điểm gần như hoàn hảo. Tuy nhiên, anh nói với hội đồng, vài ngày sau anh nhận ra những gì mình làm là sai trái, và anh đã đưa cho cha mẹ anh bảng điểm thật, chưa bị sửa chữa. Trong lúc lúng túng xoay quanh vụ việc này, anh đã bỏ bảng điểm chỉnh sửa lại trên bàn ở nhà cha mẹ và đáp chuyến bay tới California để dự một cuộc phỏng vấn xin việc “bất ngờ”. Trong lúc Martoma không có nhà, anh đã yêu cầu em trai giúp hoàn tất các đơn xin tập sự. Em trai anh được cho là đã lấy bảng điểm bị chỉnh sửa và gửi kèm các đơn, mà Martoma không biết, và cho mọi thứ vào trong phong bì mà Martoma đã chuẩn bị. Mẹ anh sau đó gửi chúng đi mà không xem.

Hầu hết các thành viên của hội đồng đều khó mà tin được câu chuyện đó. Toàn bộ câu chuyện thật phi lý với họ. Mỗi yếu tố trong đó đều đầy những điểu đáng hoài nghi: thay đổi điểm số để gây ấn tượng với cha mẹ, đột ngột quyết định thú nhận với họ, để bừa bãi bảng điểm bị chỉnh sửa, nhờ em trai thu thập hồ sơ để nộp đơn xin tập sự. Đó là một lời biện minh hoang đường chẳng kém gì “Thưa thầy, con chó nhai mất bài tập về nhà của em”.

Martoma cũng giữ nguyên lời biện hộ của anh về thời điểm các thư điện tử và thư tay mà anh đã gửi để rút đơn xin tập sự. Anh khẳng định là anh đã soạn thư điện tử gửi tới viên thư ký của giáo sư, rút đơn xin tập sự, vào *trước* ngày Kane gặp anh, ngày 1 tháng 2, nhưng không hiểu sao nó không được chuyển đi cho tới tối hôm sau, *sau khi* Kane đã gặp anh. Anh trình các thư điện tử với ngày sớm hơn, dù những thư ở chỗ người nhận chỉ ra thư tới vào hôm sau. Một chuyên gia về pháp lý máy tính được thu xếp đại diện cho Martoma đã rút lui, nói rằng “không cảm thấy có thể xác thực cho phiên bản của Mathew về trình tự các sự kiện”.

Suốt quá trình đó, các thành viên hội đồng thấy Martoma tỏ ra tránh né

và không thẳng thắn. Anh ta đã hành xử như một kẻ có tội.

Một số thành viên hội đồng phản bác, vì triển vọng tuyệt vời của Martoma khi là sinh viên. Thành tích học tập của anh xuất sắc, và anh tham gia rất tích cực vào các hoạt động cộng đồng của trường luật. Nhưng hội đồng hành chính kết luận rằng Martoma đã nói dối có hệ thống để che đậy sự dối trá ban đầu của mình, và vào ngày 12 tháng Năm năm 1999, họ bỏ phiếu buộc anh thôi học. Trong báo cáo cuối cùng, sử dụng tên họ gốc của Martoma, hội đồng viết: “Ông Thomas rõ ràng chịu áp lực thái quá từ cha mẹ buộc phải xuất sắc trong học tập.”

ooo

Bị đuổi học không chấm dứt trải nghiệm Harvard của Martoma. Anh chuyển ra khỏi học xá và bắt đầu mưu đồ tìm cách trở lại. Theo phân tích của anh, tất cả phụ thuộc vào thời điểm của các thư điện tử. Nếu anh có thể thuyết phục hội đồng trường luật rằng anh đã rút lại các đơn xin tập sự trước khi bị bắt gặp, anh sẽ được nhận lại và lấy lại cuộc đời. Một ý tưởng lóe sáng trong đầu: anh có thể lập một công ty để chứng thực ngày trên thư điện tử.

Kế hoạch đó có vẻ sáng láng. Nó sẽ vừa giải oan cho anh ở Harvard vừa tạo dựng những mầm mống cho một công ty khởi nghiệp mới mà rất cuộc còn làm anh trở nên giàu có nữa. Anh sẽ được minh oan trên cả hai mặt trận. Anh nói với cha mẹ về kế hoạch này, và họ đồng ý giúp anh. Cha anh vay thêm một khoản nữa, thế chấp căn nhà của họ và cho anh mượn một triệu đô la để ra khai trương công ty. Martoma không hẳn là một chuyên gia máy tính, nên anh phải tìm người giỏi kỹ thuật để giúp anh. Anh nhanh chóng tìm được một ứng viên hoàn hảo, một tay lập trình viên

trẻ tuổi tài năng tên là Stephen Chan.

Chan có một lý lịch công việc trông thật tuyệt. Lớn hơn Martoma vài tuổi, anh này tốt nghiệp MIT vào năm 1993 và sau đó làm việc cho IBM. Anh ta và Martoma ngay lập tức thân thiết. Cả hai học rất giỏi ở trường. Cả hai đều có cha mẹ là dân nhập cư với kỳ vọng lớn. Và cả hai có khuynh hướng tự nhiên tìm cách lách luật, một thói quen giờ đây đã khiến họ gặp rắc rối nghiêm trọng.

Vào ngày 30 tháng Sáu năm 1999, công ty mới của Martoma và Chan, Computer Data Forensics, công bố một báo cáo dài bốn trang đầy những thuật ngữ kỹ thuật rối rắm, xác nhận khoảng thời gian Martoma đã trình bày trước hội đồng của trường Harvard liên quan tới những ngày giờ khác nhau trong các thư điện tử xin tập sự của anh. “Kết luận của chúng tôi là bằng chứng thông qua dấu vết dữ liệu trên máy tính tương thích với nhận định của ông Thomas, rằng ông đã tạo các thư xin rút khỏi việc tập sự vào ngày 31 tháng Một năm 1999 và đã gửi thư điện tử nói trên... vào lúc 10 giờ 20 tối ngày thứ Hai, 1 tháng Hai năm 1999,” bản báo cáo viết.

Bản báo cáo có chữ ký của “ba chuyên gia phân tích vụ việc”, được công chứng và đóng dấu, rồi gửi qua đường thư thường tới Hội đồng Hành chính Trường Luật Harvard ở Cambridge. Tất nhiên, trong đó không đề cập gì tới việc phân tích dấu vết dữ liệu do công ty của chính Martoma thực hiện. Martoma cũng thực hiện một cuộc kiểm tra với máy kiểm tra nói dối, mà anh được chứng là đã vượt qua. Anh gửi cả các kết quả đó cho Harvard, và đợi tin.

Anh háo hức đợi mình được minh oan, nhưng đi đâu đó không bao giờ xảy ra. Trường luật từ chối cho anh theo học trở lại.

Martoma nhanh chóng chuyển hướng tham vọng và quyết tâm làm nên

thành công nhờ vào công ty mới của anh và Chan. Anh chuyển tới khu căn hộ nơi Chan sống. Họ làm việc cùng nhau, đi tập võ năm hoặc sáu ngày một tuần, và đăng ký các khóa học khiêu vũ ở vũ trường Arthur Murray trong vùng, với mục tiêu gây ấn tượng với phụ nữ. Vào tháng Chín, Martoma yêu cầu Chan ký thỏa thuận trở thành đối tác với công ty và hứa trả cho anh này 25.000 đô la. Bốn nhân viên toàn thời gian được tuyển dụng ở New York - một giám đốc dự án, một kỹ sư, một chuyên gia quản lý chất lượng và một quản trị văn phòng. Các nhân viên này đều tin rằng Martoma là một luật sư tên là “Jay Hale”.

Đội ngũ nhân viên bắt đầu chuẩn bị cho gian hàng tại một hội chợ sắp tới ở Las Vegas, nhưng khi tháng Mười đến rồi đi, Chan bắt đầu đặt câu hỏi về xuất thân đối tác của anh. Martoma chỉ nói mơ hồ những chi tiết về bản thân và có thói quen lảng tránh các câu hỏi. Chan bắt đầu nghi ngờ và tự hỏi liệu Martoma có che giấu chuyện gì không. Anh ta tự tìm hiểu và rốt cuộc hỏi thẳng Martoma về tình huống khiến anh rời Harvard và việc anh tự xưng không đúng về mình trong nhiều đơn xin việc và hợp đồng thuê của công ty với một cái tên giả. Martoma chịu thua và xin lỗi. Anh hứa không bao giờ lừa Chan nữa. Anh thừa nhận rằng anh đã sửa chữa bảng điểm ở Harvard và đã nói dối để che đậy điếu đó.

Trong khi Chan và Martoma cãi nhau, các nhân viên của họ lượn lờ ở văn phòng lướt Internet và ra ngoài ăn trưa. “Chúng tôi giống như bạn bè được thuê,” Chuck Clarke sau này kể lại, anh này là “Chuyên viên phân tích vụ việc và Giám đốc dự án” của công ty. Anh này và các nhân viên khác phát hiện ra “Hale” và Chan là những đứa trẻ giàu có không còn chuyện gì hay ho để làm. Công ty tiêu phí gần như toàn bộ khoản tiền triệu đô mà cha của Martoma đã cấp cho anh chỉ trong vài tháng, tới khi đó

Bobby bay sang New York gặp Chan và Martoma để nói chuyện làm ăn. Họ xin ông thêm tiền để tiếp tục duy trì doanh nghiệp, nhưng cha của Martoma có thể thấy doanh nghiệp chẳng hề hoạt động. Ông phát bực. Ông nói với con trai rằng anh ta giờ “tự mình chịu trách nhiệm hoàn toàn”.

Vào giữa tháng Mười hai, khi lẽ ra đang bước vào nửa năm thứ hai ở trường luật, Martoma đáp chuyến bay trở lại nhà của cha mẹ anh ở Florida. Các nhân viên của anh không vào được văn phòng; tiền lương của họ không ai trả. Các nhân viên khốn khổ cùng viết một lá thư gửi cho cha mẹ của Martoma. “Sự biến mất của anh ta thiếu chuyên nghiệp và kỳ lạ,” họ viết. “Việc gia đình đang che giấu anh ta là không thể hiểu nổi và đáng hổ thẹn. Chúng tôi vẫn chưa nhận được khoản tiền lương. Chúng tôi còn bị nợ cổ phiếu. Chúng tôi cũng bị nợ tiền thưởng. Chúng tôi bị nợ cả tiền hoa hồng.” Họ đe dọa sẽ kiện nếu không nhận được hồi đáp thỏa đáng. “Quý vị đã khiến chúng tôi có một kỳ lễ Giáng sinh khó chịu,” họ kết luận. “Nếu quý vị đối xử với người khác thế này, chúng tôi dự định sẽ trả trả tổi tệ hơn một trăm lần.”

Trong khi các nhân viên đang nổi loạn, mối quan hệ giữa Martoma và Chan tiếp tục cạn kiệt, và vào ngày 3 tháng Một năm 2000, Martoma nộp đơn xin lệnh hạn chế Chan tới gần anh. Những cuộc cãi cọ nảy lửa giữa họ, theo lời anh, đã trở thành bạo lực. Chan cũng bị cho là đã gọi Martoma là “đồ loại cái” và “không phải là đàn ông”. Martoma đóng vai một đối tác bị tấn công và nói cha mẹ anh đã can thiệp để “giúp Bên Nguyên thoát khỏi mối quan hệ với Bên Bị”, sau khi chứng kiến những vết bầm tím khắp người anh. Chan bác bỏ những cáo buộc đó, nhưng lệnh hạn chế tiếp cận đã được ban bố.

Hóa ra Chan có nhiều vấn đề nghiêm trọng cần xử lý hơn là vụ đổ bể

của anh ta với Martoma. Vài tháng trước khi họ gặp nhau, Chan và sáu đối tác đã bị cáo buộc tội lừa đảo, vì bị cho là đã thành lập một công ty lưu trữ dữ liệu ma để ăn cắp hàng triệu đô la từ nhiều ngân hàng. Vào lúc Chan bị kết tội thông đồng và tội lừa đảo qua thư tín trong vụ đó, Martoma đang chuẩn bị khởi đầu một cuộc sống mới. Anh đã nghĩ ra một kế hoạch tái tạo bản thân thành một tay chơi tài chính.

ooo

Vào năm 2000, chương trình MBA của Đại học Stanford đang cạnh tranh với Harvard cho danh hiệu trường kinh doanh hàng đầu trong nước và là nơi tuyển dụng ưa thích nhất của các ngân hàng Phố Wall, các công ty tư vấn và những gã khổng lồ công nghệ ở Thung lũng Silicon. Martoma đã quyết định tham gia lĩnh vực tài chính, và việc lấy bằng MBA là bước đầu tiên cực kỳ quan trọng. Harvard thì không thể, lý do thật rõ ràng, nên anh nhắm tới Stanford. Chương trình có tỉ lệ nhận sinh viên đầu vào chỉ 7%.

Martoma bắt đầu quá trình đó bằng cách liên lạc với những thầy giáo cũ và các giáo sư đại học của anh, hỏi xin thư giới thiệu. Anh đã viết cho giáo sư môn đạo đức học của anh ở Duke, Bruce Payne, và hỏi liệu ông có thể viết giúp anh một lá thư không. Payne luôn mến Martoma và cảm thấy anh là một trong những sinh viên sáng láng nhất mà ông từng có. Ông vui lòng giúp đỡ.

Payne từng viết thư giới thiệu cho Martoma hai lần. Lần đầu tiên là khi Martoma xin một vị trí nghiên cứu về gen ở Viện Y tế Quốc gia vào năm 1995, năm anh tốt nghiệp Đại học Duke. Trong lá thư đó, Payne viết đầy ngưỡng mộ về khả năng học vấn của Martoma và sự đam mê đạo đức học của anh, đã viết: “Mathew sẽ là một tài sản quý giá trong bất kỳ chương

trình nào phù hợp với những tài năng và sở thích của cậu ấy.” Vài tháng sau đó, vào tháng Chín, Martoma nhờ ông viết một lá thư nữa, lần này là để anh xin vào Trường Luật Harvard. Payne lấy lá thư đầu tiên ra và thay đổi một vài chi tiết. Ông luôn nghĩ rằng Martoma sẽ là một sinh viên luật xuất sắc, và ông đã nói như thế.

Kể từ đó, Payne không nghe gì nữa từ Martoma nữa. Ông nghĩ anh đã học xong ở trường luật và đang làm việc cho một công ty uy tín ở đâu đó. Vì thế khi đề nghị mới tới, vào mùa thu năm 2000, thư giới thiệu vào một trường kinh doanh, Payne thấy khó hiểu. Ông yêu cầu Martoma cho ông biết anh đang làm gì vì anh đã xin vào trường luật năm năm trước, bởi ông có thể phải cập nhật lại thư. Payne cũng tự hỏi tại sao Martoma lại nhờ ông, thay vì nhờ một giáo sư trường luật Harvard, nhưng ông gạt câu hỏi đó sang một bên.

Martoma làm việc đã thành hiển nhiên đối với anh: anh bịa ra một câu chuyện. Anh nói anh rời NIH để khởi nghiệp ở New York, cung cấp cho các công ty công nghệ sinh học cơ sở hạ tầng doanh nghiệp và phần mềm mô hình máy tính 3D. Đợt bùng phát dotcom đang diễn ra, và các sinh viên bỏ học để khởi nghiệp mỗi ngày, nên đi đâu đó không có vẻ quá khác thường. Mọi chuyện đã diễn biến rất thuận lợi, Martoma nói với Payne, nhưng rồi anh phải tạm ngưng việc làm ăn để chuyển về Florida giúp người thân vượt qua cuộc khủng hoảng sức khỏe. Anh không nhắc gì tới Trường Luật Harvard.

Payne tin lời và cập nhật lá thư, viết về việc Martoma đã xả thân gác những mục tiêu nghề nghiệp sang một bên để trở về nhà hỗ trợ gia đình, và về việc anh là một sinh viên nghiêm túc, nhiệt thành ra sao.

Mùa thu tiếp đó, Martoma tới học xá phía Nam của Stanford ở San

Francisco, sẵn sàng bắt đầu vào trường kinh doanh. Chỉ vài ngày trước, anh đã đổi tên hợp pháp từ Ajai Mathew Mariamdani Thomas thành Mathew Martoma. Sự chuyển đổi của anh đã hoàn tất. Harvard, Chan: tất cả đã ở sau lưng. Vào lúc anh tới văn phòng của Steve Cohen tại SAC năm năm sau đây, anh đã học được rằng không có vấn đề gì không thể vượt qua nếu đặt tâm trí vào đó.

ooo

Đứng bên ngoài căn nhà của Martoma ở Boca Raton vào tháng Mười một năm 2011, B. J. Kang cúi xuống xem Martoma có ổn không. Anh nghĩ về những lần trong quá khứ, khi một nghi phạm anh tiếp cận ngắt xiu. Chuyện đó từng xảy ra. Một ý nghĩ nảy ra trong đầu anh rằng nếu là người vô tội hẳn sẽ không ngắt xiu sau khi nghe những từ *giao dịch nội gián*.

Ngay lúc đó Rosemary chạy ra khỏi nhà, mái tóc đen bay lòa xòa. Khi thấy ch ồng nằm dưới đất, cô hét lên.

“Cô có muốn chúng tôi gọi xe cứu thương không?” Kang hỏi.

“Không” Rosemary nức nở. “Tôi là bác sĩ.” Cô quỳ xuống.

Vài phút sau, Martoma vẫn còn chệnh choáng nhưng đã đứng lên được, và Kang nói tiếp những gì anh phải nói. “Chúng tôi biết về vụ giao dịch năm 2008,” anh nói.

Martoma và Rosemary nhìn nhau. Họ hiểu ngay Kang muốn nói tới chuyện gì: Elan, cỗ phiêu đã thay đổi cuộc đời họ.

“Cả cuộc đời anh chuẩn bị lật nhào,” Kang nói tiếp. Anh nói rằng anh biết Martoma dính líu tới giao dịch nội gián, rồi chuyển sang động tác đã được luyện tập rất kỹ: mời gọi Martoma làm đi đầu đúng lẽ phải vào thời

điêm đen tối nhất cuộc đời anh ta là hợp tác. Ngoài ra, Kang nói, họ thậm chí không sẵn đũa Martoma. Họ biết anh chỉ là một nhân vật nhỏ bé, gần như chẳng quan trọng gì.

“Chúng tôi muốn Steve Cohen,” Kang nói. “Anh đang trong một tình thế khó khăn, nhưng tôi sẽ làm mọi thứ có thể để giúp anh. Chúng ta sẽ làm chuyện này cùng nhau. Đây sẽ là một nhóm làm việc.”

Kang không thể nhớ nổi anh đã tiếp cận kiểu này bao nhiêu lần, và phần lớn là thành công. Anh hiểu tâm lý của tình thế này, cách nó ảnh hưởng tới mọi khía cạnh trong cuộc đời một người, gia đình anh ta, con cái anh ta, cách nó khiến anh ta phải nghi ngờ mọi sự an toàn mà anh ta có. Kang coi mọi người cộng tác mới là một cộng sự, người mà anh sẽ hỗ trợ qua hàng loạt những thách thức nghiêm trọng với sức khỏe tinh thần của họ khi họ giúp FBI.

Rosemary đang run rẩy. Martoma nói anh muốn giúp nhưng anh cần hỏi ý kiến luật sư đã. Kang ra về, cảm thấy tự tin rằng họ sẽ làm việc cùng nhau.

Vào khoảng 10 giờ tối, cộng sự của Kang, Matt Callahan, gọi cho Charles Riely, người đang ở nhà đợi tin.

“Anh sẽ không tin đi ầu này đâu,” Callahan nói. “Gã đó đã ngất xỉu.”

ooo

Tới cuối năm 2011, sau năm năm ban bố các trát tòa, lôi kéo những người hợp tác, và nghe lén các giao dịch viên, Bộ Tư pháp cuối cùng đã giành được một số chiến thắng rõ ràng để trưng ra trong cuộc đi ều tra ngành quỹ phòng hộ của họ. Raj Rajaratnam đã bị kết án 11 năm tù ở nhà tù liên bang.

Hàng chục giao dịch viên và giám đốc đi đầu hành khác bị kết tội hay nhận tội. Tuy nhiên, bất chấp tất cả các thành tựu đã đạt được, các đặc vụ FBI và công tố viên vẫn có cảm giác thất vọng. Sở dĩ như thế là vì họ vẫn chưa thể tiến gần Cohen.

Vụ án chống lại Jonathan Hollander, chuyên viên phân tích của bộ phận CR Nội bộ mà Dave Makol đã cố gắng thuyết phục lật mặt tại một cửa hiệu Whole Foods ở Manhattan vào tháng Một năm 2009, không đi tới đâu, khiến Makol rất bức. Hollander tỏ ra rất thông minh. Anh ta không nhận lời để SAC trả tiền đại diện pháp lý cho anh, vì sợ đi đầu đó gây ra xung đột lợi ích. Thay vì thế, anh ta đã thuê Aitan Goelman, một luật sư bào chữa cho tội phạm cố tình trắng ở Zuckerman Spaeder và là một trong những người giỏi nhất lĩnh vực này. Khi phải đối phó với FBI, anh ta muốn một người biết chính xác mình đang làm việc cho ai.

Hollander chắc chắn có ấn tượng rằng ở SAC đang diễn ra đủ thứ chuyện sai trái. Với anh rõ ràng là Cohen đã sử dụng thông tin nội gián. Nhưng do anh không trực tiếp liên quan tới đi đầu đó, anh không biết các chi tiết cụ thể. Anh đã gặp Makol và công tố viên Reed Brodsky và nói với họ về vài giao dịch có vẻ đáng ngờ mà anh biết. Elan là một trong số đó. Người ta khác nhau trong nội bộ SAC rằng Cohen đã “nhận được một cuộc gọi”, rồi công ty chuyển từ việc mua vào lượng lớn sang bán khổng lượng lớn chứng khoán của Elan và kiếm được hàng trăm triệu đô la. Mọi người ở bàn giao dịch đều bàn tán về vụ này sau đó. Tuy nhiên, không ai biết rõ hơn chuyện gì đã xảy ra.

Sự nghiệp của Hollander ở SAC kết thúc chẳng lấy gì làm vinh quang. Vào cuối mùa hè năm 2008, Jason Karp đưa cả nhóm của anh đi nghỉ cuối tuần tại Montauk, một thị trấn lướt sóng ở mũi phía Đông Long Island. Họ

ở cùng nhau trong một nhà nghỉ và đi câu cá ngoài biển khơi. Karp chia sẻ các kế hoạch của anh cho giai đoạn tiếp theo trong sự nghiệp của họ ở SAC. Một năm trước, Karp nói với họ, Cohen đã hứa sẽ cho nhóm của Karp tách ra, cấp vốn riêng và văn phòng riêng. Karp đã chán môi trường áp lực quá lớn ở SAC và hy vọng được quyền tự trị gần như hoàn toàn theo cách sắp xếp mới này. Sự háo hức của anh đầy cảm hứng, và Hollander bắt đầu thấy phấn khích về ý tưởng này. Tuy nhiên, không đầy ba tháng sau những vật lộn với cuộc khủng hoảng tài chính, Cohen đã không giữ mọi lời hứa mà ông nói. Hollander và Karp bị loại ra.

Mặc dù Hollander giận dữ với cách thức mà anh bị đối xử và không hề có ý trung thành với Cohen hay Karp hay bất kỳ ai khác ở SAC, anh đã cân nhắc tỉ lệ rủi ro/phần thưởng trong vụ với Makol, giống như anh sẽ làm với một giao dịch chứng khoán. Chính quyền có vẻ không có đủ bằng chứng để buộc anh làm những chuyện anh không muốn làm, vậy thì tại sao anh lại phải cộng tác với FBI?

Trong khi vụ Hollander dần chìm xuống, những cuộc điều tra khác dẫn tới Cohen có vẻ như cũng đang mất dần động lực. Donald Longueuil, cựu giao dịch viên của SAC, người đã hủy ổ cứng máy tính và ném chúng vào các xe tải chở rác của Thành phố New York, đã nhận tội lừa đảo chứng khoán, cùng bạn anh ta Samir Barai, giám đốc quỹ, người đã ra lệnh cho chuyên viên phân tích của mình hủy mọi hồ sơ ở công ty họ. Cả hai đều không có nhiều thông tin hữu ích với FBI trong việc thúc đẩy cuộc điều tra. Văn phòng Công tố Mỹ và SEC đang chuẩn bị truy tố tội giao dịch nội gián với hai giao dịch viên ở các quỹ phòng hộ mà FBI đã đột kích năm 2010: Anthony Chiasson, một giám đốc danh mục ở Level Global, và Todd Newman của Diamondback Capital. Nhưng dù cả hai quỹ này đều tràn

ngập người cũ của SAC, không có nhiều bằng chứng về Cohen xuất hiện, và Chiasson cùng Newman không có dấu hiệu gì cho thấy họ sẽ cộng tác. Ngược lại. Họ đã thuê các luật sư bào chữa hàng đầu trong nước và đang chiến đấu quyết liệt.

Tuy nhiên, trong quá trình đi điều tra Chiasson và Newman, SEC đã có một phát hiện giật mình. Sau khi xem qua hai triệu trang thư điện tử, các đi điều tra viên để ý thấy rằng Jesse Tortora, một chuyên viên phân tích từng làm việc cho Todd Newman ở Diamondback, từng gửi thư điện tử có các chi tiết về doanh thu của những công ty khác nhau cho một người tên là Jon Horvath ở SAC Capital. Các đi điều tra viên của SEC: Joseph Sansone, Daniel Marcus và Matthew Watkins đã gửi trát đòi xem thư điện tử của Horvath. Một thư điện tử ngay lập tức gây chú ý trong hàng trăm thư mà họ nhận. Đó là thư về Dell.

“Tôi có một người đã gián tiếp xem được báo cáo ở công ty - đây là quý thứ ba tôi nhận được thông tin này từ họ và hai quý trước tin rất tốt. Họ nói lợi nhuận biên gộp sẽ kém 50-80 điểm trên cơ sở doanh số kém, chi phí hoạt động cao, và thu nhập không như ý khiến không đạt được mục tiêu lợi nhuận trên mỗi cổ phần.” Tin nhắn viết tiếp: “Xin giữ kín việc quý vị nhận được thông tin này.”

Vào ngày 26 tháng Tám năm 2008, vào khoảng 1 giờ chiều, Horvath đã gửi một thư điện tử cho Michael Steinberg, cấp trên của anh ở SAC, và cho một giám đốc danh mục khác của SAC tên là Gabriel Plotkin. Đó là kiểu biệt ngữ phân tích mà những gã ở Phố Wall vẫn luôn dùng để mô tả thành tích tài chính của các công ty. Với một người bình thường, những từ đó không thể hiểu nổi. Nhưng SEC biết nó có ý nghĩa là gì. Nó cung cấp thông tin về kết quả kinh doanh chi tiết, tuyệt mật của Dell.

Các luật sư của SEC thấy phấn khích. Họ bắt đầu muốn biết, liệu các giao dịch viên khác ở SAC có thể cũng đã nhận được thông tin này không.

Horvath gửi đi tin nhắn hai ngày trước khi Dell công bố kết quả kinh doanh quý hai của họ. Có vẻ như Steinberg đã xoay chiều và kiếm được 1 triệu đô la nhờ bán khống 150.000 cổ phiếu Dell ngay trước khi có công bố kết quả kinh doanh. Tất cả những gì chính quyền cần là Horvath hợp tác và họ sẽ có một vụ chống lại Steinberg nữa. Và một vụ chống lại Steinberg sẽ đưa họ tiến một bước gần hơn tới Cohen.

Có thể, sau ba năm họ đã vào được đội hình thân cận sát với Cohen. Một nhân vật thực thi cấp thấp, tóc bồng bênh ở SAC tên là Jon Horvath, người mà họ hầu như không để ý trước kia, giờ sắp sửa nhen lại vụ án của họ.

Chương 12

CON CÁ VOI

Sid Gilman cúi người trước bàn an ninh ở sảnh Trung tâm Tài chính Thế giới tại khu Hạ Manhattan và móc ra mọi thứ trong túi ông cho vào một cái khay nhựa để chúng có thể được chuyển qua máy quét tia X. Luật sư của ông dẫn ông qua cửa quay, vào một thang máy, và lên phòng họp ở tầng bốn tại tổng hành dinh khu vực New York của SEC. Sau nhiều tháng trì hoãn, Gilman đã có mặt cho buổi họp đầu tiên với các luật sư của chính quyền đang làm vụ Martoma.

Suốt mùa thu, Charles Riely đã lên lịch chi tiết mọi sự kiện diễn ra trước và sau các vụ giao dịch Elan và Wyeth. Mỗi lần có thêm thông tin mới, anh đưa vào trong biên niên ký đó và gửi thư điện tử cho tất cả mọi người liên quan đến cuộc đi điều tra. Các tài liệu tự thân nó đã kể một câu chuyện logic. Nhưng ngay cả khi Riely và các đồng nghiệp đang ngày càng chắc chắn rằng họ hiểu những sự kiện dẫn tới việc SAC bán chứng khoán của Elan và Wyeth, các luật sư của chính quyền vẫn háo hức được nghe từ chính Gilman. Đó sẽ là cơ hội đầu tiên của họ để truy vấn người duy nhất, ngoài Martoma và Cohen, biết đi đâu gì thực sự xảy ra vào tháng Bảy năm 2008.

Sau hàng tháng nghe luật sư của Gilman nói rằng thân chủ của ông, đã gần tám mươi tuổi, không còn đủ sức khỏe thể chất để làm chứng, các luật sư của SEC tưởng mình đang đợi một người ốm yếu, gầy trơ xương đi

loạng choạng qua cửa. Thay vào đó, Gilman bước vào, trông sắc sảo trong bộ áo vest và cà vạt, má ông đỏ hồng, đôi mắt đen sáng rực. Ông dễ dàng ngồi xuống, lưng quay ra cửa sổ và ngồi thẳng băng.

Riely hỏi về công việc của Gilman với thuốc bapineuzumab và ông đã quen Martoma ra sao. Sau đó, Riely bắt đầu đẩy các tài liệu sang mé bên kia bàn từng cái một - những bản sao thư điện tử và các đề mục lịch làm việc cùng thỏa thuận với các công ty dược - và hỏi Gilman về từng cái một. Nếu Gilman nói ông không nhớ thứ gì đó, Riely sẽ lôi một tờ giấy ra khỏi tập hồ sơ và cho ông thấy để xem đi đâu đó có giúp ích cho trí nhớ của ông không.

Gần như ngay từ đầu, có vẻ Gilman đã tìm cách tránh né.

“Còn lịch làm việc ngày này thì sao?” Riely hỏi, chỉ vào một cuộc hẹn trong lịch điện tử của Gilman ngày 13 tháng Bảy năm 2008, trong đó viết: “Mat Martoma sẽ gọi tôi về SAE của bap.” Riely biết từ hồ sơ các cuộc gọi rằng Gilman và Martoma đã nói chuyện với nhau hai giờ đồng hồ tối hôm đó.

“SAE của bap là gì?” Riely hỏi.

Gilman trở về trạng thái giáo sư cao cấp, đưa ra giải thích chi tiết về bệnh Alzheimer cùng những thách thức và triển vọng trong việc tìm ra cách điều trị hiệu quả. Ông sáng bừng lên khi mô tả sự lạc quan của mình với triển vọng của bap phá hủy beta amyloid trong não, điều mà ông tin là nguyên nhân chính dẫn tới sự suy giảm nhận thức. Rồi cuối cùng ông cũng đi tới chỗ trả lời câu hỏi. “Những tác dụng phụ nghiêm trọng”^[108] là cụm từ kỹ thuật để chỉ các tác dụng phụ đã quan sát được khi thử nghiệm bap.

“Tại sao ông lại nói chuyện với Martoma về thứ đó?” Riely hỏi. “Phải chăng những chi tiết về SAE là thông tin không được công khai?”

“Tôi không biết tại sao nó lại ở đó,” Gilman lắp bắp, mặt ông bỗng sầm lại.

“Nhìn đi,” luật sư của ông xen ngang, “ông ấy không biết gì cả.”

Khi Gilman được yêu cầu giải thích một khái niệm khoa học về mục đích nghiên cứu y khoa của ông, ông trở nên hoạt bát hẳn. Trí nhớ của ông xuất sắc. Ông có thể nhớ lại những chi tiết kỳ quặc nhất về cấu tạo hóa học của các loại thuốc khác nhau khi được yêu cầu. Nhưng nếu có người nhắc tên Martoma và hỏi ông về mối quan hệ với anh ta, Gilman bỗng nhiên chuyển sang trạng thái một ông già lẩn thẩn quên cả cách buộc dây giày.

Avi Weitzman, một trong các công tố viên có mặt ở cuộc gặp, không thể tin những gì anh thấy. Câu chuyện của Gilman rất thiếu nhất quán, ở chỗ về cơ bản, ông không nhớ bất cứ điều gì từng trao đổi với Mathew Martoma, ngay cả khi bằng chứng trong các tài liệu ở ngay trước mặt ông cho thấy ông đã chia sẻ thông tin nội gián về bapi. Làm sao Gilman có thể nhớ kỹ như thế về nghiên cứu của ông mà không nhớ gì về những thỏa thuận với Martoma?

Nhiệt độ trong phòng có vẻ nóng dần lên khi họ cứ trở đi trở lại một vài tài liệu giống nhau, các luật sư SEC và công tố viên nhắc đi nhắc lại cùng những câu hỏi còn Gilman nói ông không biết hay không nhớ nổi. Mọi chuyện diễn ra như thế trong hai giờ đồng hồ. Chính quyền đã đợi năm tháng để đặt câu hỏi với Gilman và có quá nhiều điểm mù mà họ hy vọng ông làm sáng tỏ. Thay vì thế, có vẻ như Gilman đang lãng phí thời gian của họ. Riely cảm thấy muốn nổ tung.

Anh hỏi Gilman về buổi tư vấn của ông với Martoma vào ngày 13 tháng Bảy năm 2008, trong đó Riely khá chắc là họ đã trao đổi về bapi.

“Cuộc gặp là về vấn đề gì?” anh hỏi.

“À, chúng tôi nói về bệnh Parkinson,” Gilman nói.

Riely thở dài. Anh đã xin tạm nghỉ và gọi các cộng sự của mình ra ngoài hành lang. “Nghe này,” anh nói với họ. “Chuyện về bệnh Parkinson đây - tôi biết chắc là không đúng.”

“Làm sao anh biết?” Weitzman hỏi.

Riely lật qua tập hồ sơ của mình và lôi ra một đề mục lịch làm việc của Gilman, cho buổi tư vấn cụ thể mà họ đang hỏi chuyện. Đề mục viết: “Mat Martoma sẽ gọi tôi về SAE của bap”. Riely sau đó đưa ra một thư điện tử trao đổi giữa Martoma và Gerson Lehrman Group, mạng lưới cung cấp chuyên gia đã sắp xếp buổi tư vấn. Trong đó, Martoma nói anh và Gilman sẽ trao đổi về bệnh Parkinson. Các quy định của chính GLG cấm Gilman nói về thử nghiệm bapi với các khách hàng của công ty, vì nó có thể vi phạm các quy định bảo mật. Gilman và Martoma rõ ràng đã nói dối GLG về những gì họ định trao đổi.

Weitzman cảm thấy rất biết ơn sự thông suốt của Riely. Đồng sự có phần cứng nhắc của anh ở SEC vừa trao cho họ vũ khí cần thiết để chứng minh rằng Gilman đang nói dối trước mặt họ. Họ sẽ đối chất với ông chuyện đó, và ông sẽ phải thúc thủ. Weitzman chớp lấy đề mục lịch làm việc và thư điện tử rồi vội bước trở lại phòng.

“*Xem này, bác sĩ Gilman,*” Weitzman nói, nghiêng người sang bên kia bàn. “Chúng tôi biết ông không nói thật, ông có nguy cơ phải ngồi tù nếu cứ khẳng khẳng với câu chuyện này.”

Gilman lắc đầu khi Weitzman đẩy hai tờ giấy sang bên kia bàn, một tờ cho thấy đề mục lịch làm việc của ông, tờ kia cho thấy liên lạc của Martoma với GLG.

Luật sư của Gilman, Marc Mukasey, nhanh chóng nhận ra chuyện gì đang xảy ra và cắt ngang. “Liệu chúng tôi có thể nghỉ giải lao một chút không?” ông ta hỏi.

Các luật sư của chính quyền lại rời phòng để Mukasey có thể trao đổi riêng với thân chủ của ông ta. Weitzman chắc chắn đi đầu này sẽ xảy ra: Gilman chuẩn bị thú nhận tất cả.

Vài phút sau, Mukasey ra gặp họ ở hành lang. Trên mặt ông thoáng vẻ đã đuối hàng. “Nghe này,” ông nói. “Quý vị có thể hỏi tiếp chuyện này. Tôi hiểu tại sao quý vị nghĩ mọi chuyện có vẻ tởm tợ. Nhưng chỉ là ông ấy không nhớ nội dung các tài liệu này.”

“Marc này, làm sao tin được chứ,” Weitzman nói.

“Các vị có thể tiếp tục hỏi ông ấy. Tôi hứa cũng sẽ tiếp tục làm việc với ông ấy,” Mukasey nói. “Nhưng ông ấy khẳng khẳng là không nhớ các tài liệu như thế.”

Cuộc thẩm vấn tiếp tục trong hai giờ nữa, trong đó Gilman quyết không lùi bước, nói đi nói lại rằng ông không nhớ chuyện gì đã xảy ra và khẳng khẳng rằng chính quyền sai. Đó là một trong những buổi thẩm vấn thất vọng nhất mà Weitzman từng tham gia. Sau đó, khi trở về Văn phòng Công tố Mỹ, Weitzman thấy khá chắc chắn là vụ Elan đã hết hy vọng.

ooo

Charles Riely và các đồng nghiệp ở SEC của anh không có nhiều thời gian để rầu rĩ với những kết quả ít ỏi trong vụ Gilman vì Martoma sẽ tới để lấy lời khai vào sáng hôm sau. Họ phải bỏ vụ Gilman lại sau lưng và chuẩn bị sẵn sàng.

Giống như luật sư của Gilman, luật sư biện hộ của Martoma, Charles Stillman, là một tay khó chơi. Ông ta cố gắng đoán biết ý định của các công tố viên hình sự và SEC để tối đa hóa vị thế mặc cả của mình với mỗi bên. Nếu xuất hiện án hình sự có thể khiến Martoma phải ngồi tù, Stillman cần tập trung vào đó và phòng ngự tối đa có thể. Stillman đặc biệt muốn biết liệu chính quyền có bằng nghe lén không. Nếu có, thì giống như án tử hình đã tuyên. Nếu Martoma chỉ phải lo nghĩ về SEC, thì một khoản phạt sẽ là kịch bản tồi tệ nhất, và họ có thể tỏ ra giúp đỡ nhà chức trách một chút. Stillman là một luật sư bào chữa các vụ hình sự nổi tiếng; ông đã làm việc lâu năm. Ông tự hào vì khả năng phản ứng trong những tình huống như thế này.

Trong lúc Stillman cố gắng thử thách các công tố viên và tìm xem họ có bằng chứng mạnh tới đâu trong vụ này, Avi Weitzman nói với ông rằng khả năng Martoma có được một thỏa thuận nhận tội tốt càng giảm xuống nếu anh ta hợp tác càng muộn. Đó là một cuộc đua giữa Martoma và Gilman: ai là người hợp tác trước sẽ nhận được thỏa thuận tốt hơn. Cho tới giờ, Stillman không cho thấy dấu hiệu nào là Martoma sẵn lòng lật mặt.

Khả năng anh ta lặng lẽ chấp nhận ngồi tù để bảo vệ Cohen là điều các công tố viên không coi là nghiêm túc. Tội hình sự này có thể dẫn tới một án tù giam 10 năm. Không ai nhận thay cho ai một án tù như thế - nhất là cho một người đã đối xử tệ với mình. FBI đã chứng kiến vô số gã phản bội bạn bè tốt nhất của họ khi chuyện được mất ít ỏi hơn nhiều. Martoma càng im lặng lâu, càng nhiều người liên quan tới cuộc đi điều tra bắt đầu tự hỏi liệu có phải Cohen đã thuyết phục anh ta im lặng bằng cách nào đó.

Thật vậy, SAC đang chi trả chi phí pháp lý cho Martoma mà không hỏi

han gì. Công ty có chính sách chi trả chi phí pháp lý cho các nhân viên và nhân viên cũ bị đi điều tra về những việc họ làm trong quá trình họ ở công ty. Dẫu vậy, các công tố viên vẫn thấy lạ lùng và bất công: người tư vấn cho Martoma về việc anh có nên hợp tác chống lại Cohen không lại do Cohen trả tiền. Hơn nữa, SAC đã làm rõ rằng tiền chi cho luật sư biện hộ không phải là vấn đề với họ. Trong khi một số công ty sẽ không trả chi phí pháp lý mà không có hóa đơn chi tiết, công ty của Stillman chỉ đơn giản gửi cho SAC một con số mỗi tháng. Các hóa đơn của họ được thanh toán cực nhanh.

Ngay trước 10 giờ sáng ngày 3 tháng Hai năm 2012, Riely tới sảnh tầng bốn của SEC để gặp Martoma và đưa anh ta vào phòng họp. Martoma đang đợi ở bàn lễ tân với Nathaniel Marmur, một đối tác của Charles Stillman. Riely ngay lập tức để ý thấy Martoma không mặc vest, giống như hầu hết mọi người tới gặp SEC; anh ta mặc quần kaki và một cái áo khoác bằng vải tuyết, không cà vạt, như thể chuẩn bị tới dự một buổi tiệc cốc-tai.

Anh còn chưa hỏi xong câu đầu tiên thì Martoma đọc một tuyên bố mà các luật sư đã chuẩn bị cho anh ta: “Theo tư vấn của luật sư, tôi từ chối với tất cả sự tôn trọng câu hỏi này dựa trên quyền của tôi theo Hiến pháp Hoa Kỳ - không trở thành nhân chứng chống lại chính mình.” Anh ta đang viện tới Tu chính án thứ năm.

Các luật sư của SEC đã chứng kiến chiến thuật này nhiều lần trước kia, và có những cách khác nhau để bị can xử lý nó. Thường thì khi các nghi phạm của Phố Wall viện tới Tu chính án thứ năm, họ luôn hành động hiểu chiến và giận dữ, như thể họ khó chịu vì phải có mặt ở đó. Martoma thì khác. Anh ta điềm tĩnh kỳ lạ. Khuôn mặt không bộc lộ chút cảm xúc

nào.

Riely và các cộng sự nghiên cứu Martoma kỹ lưỡng khi anh ta lặp lại tuyên bố của mình trả lời cho mọi câu hỏi, hàng mấy chục lần. Họ thấy anh ta không thể lay chuyển. Họ nghĩ nếu Martoma vô tội, anh ta sẽ nhân cơ hội này để nói như vậy. Anh ta rõ ràng có che giấu đi đâu gì đó.

ooo

Với việc tất cả đầu mối hứa hẹn nhất đầu gặp trở ngại, chỉ còn lại một người có những câu trả lời mà chính quyền muốn. SEC cương quyết triệu tập Steve Cohen để trả lời các câu hỏi.

Đó là một quyết định lớn. Gọi một tỉ phú lên thẩm vấn không phải là đi đâu ngày nào SEC cũng làm. Thật ra, cách đây chưa lâu, các luật sư của SEC được công khai khuyến nghị không nên quấy rầy những nhân vật quan trọng của Phố Wall. Lãnh đạo SEC thường xuyên gợi ý nhân viên rằng những cá nhân giàu có nhất, thành công nhất trong thế giới tài chính không nên bị làm phiền. Đó là một phần trong cách tiếp cận “không đụng chạm” và quy định lỏng tay của cựu chủ tịch SEC.

Nhưng vào năm 2012, sau vụ Bernie Madoff, cơ quan này đang trong quá trình chuyển đổi. Lần này, không ai chất *vấn* mong muốn của đội đi điều tra vụ Elan là đưa Cohen ra lấy lời khai. Giám đốc mới của lực lượng chấp pháp cố gắng giúp các luật sư SEC làm việc của họ dễ dàng hơn. Ngày 12 tháng Ba, Riely gửi một trát đòi Cohen lên đối chất. Họ đều biết khó có khả năng Cohen nói bất kỳ đi đâu gì có ích cho họ - đó có thể là một trong những vụ thẩm vấn mà người thẩm vấn được diễn tập kỹ lưỡng và có luật sư giám sát tỉ mỉ nhất mà họ từng thực hiện. Nhưng họ phải thử.

Cuộc đi điều tra căng thẳng xuất hiện vào một thời điểm không thể tẻ

hơn với Cohen. Trong nhiều năm ông đã muốn mua lại một đội thể thao chuyên nghiệp, cố gắng tìm cách trở thành ông chủ một đội bóng chày ở giải nhà nghề Mỹ. Đó là điều ông đã mơ ước từ khi còn là một đứa trẻ. Ông vừa chi 20 triệu đô la mua 4% cổ phần New York Mets, được coi là bước đi đầu tiên tiến tới sở hữu hoàn toàn đội bóng. Ông phải chứng tỏ trước các lực lượng quản lý môn bóng chày rằng ông đủ trách nhiệm và danh tiếng.

Trong vài tháng trước đó, ông đã tạm nghỉ việc đi đầu hành SAC và cố mua lại đội Los Angeles Dodgers, một thương hiệu đã phá sản dưới quyền của nhà tài phiệt chuyên kinh danh bãi đỗ xe Frank McCourt. Nhưng với tên ông thường xuyên xuất hiện trên báo một cách đáng báo động, liên quan với cuộc đi điều tra giao dịch nội gián, Cohen chật vật giành lòng tin của Giải Bóng chày Nhà nghề Mỹ, đơn vị có quyền thông qua việc mua lại của ông. Trong một nỗ lực tiếp thị bản thân với thành phố, ông đã gia nhập hội đồng quản trị Bảo tàng Nghệ thuật Đương đại, Los Angeles, và hợp tác với một doanh nhân địa phương để chuẩn bị cho đề xuất mua lại. Ông nghĩ rằng có một doanh nhân Los Angeles đứng về phía mình sẽ giúp cho mục đích của ông. Nhưng Cohen không muốn là một gã ngốc, như những nhà tài phiệt Phố Wall khác trước đây, những người đã ném các khoản tiền quá lớn để mua các đội thể thao. Ông quyết tâm để Dodgers hoạt động như một doanh nghiệp thành công, ông đề xuất mua lại với giá 1,6 tỉ đô la.

Vào ngày 27 tháng Ba năm 2012, ông nằm trong danh sách chung kết những ứng viên muốn mua lại đội bóng được tiết lộ cho truyền thông. Ông là người duy nhất trong nhóm không phải vay mượn tiền cho vụ mua lại, điều này củng cố vị thế của ông. Cohen cảm thấy chắc chắn ông sẽ có đội bóng.

Rồi ngày hôm sau, Giải Bóng chày Nhà nghề Mỹ công bố quyết định của họ. Họ đã chấp nhận một đề nghị 2 tỉ đô la từ Guggenheim Partners, một công ty đầu tư trị giá nhiều tỉ đô la đã đưa ra đề nghị chung cùng với ngôi sao bóng rổ cũ của đội Lakers, Magic Johnson, một nhân vật được yêu mến ở Los Angeles. Một trong những nhà đầu tư quan trọng nhất của Guggenheim là Michael Milken. Cohen thường không có cảm xúc với các khoản đầu tư của mình, nhưng lần này ông cực kỳ thất vọng.

ooo

Charles Riely ngồi xuống ghế trong phòng thẩm vấn của SEC và nhìn chăm chăm ra cánh cửa mà Steve Cohen sắp bước qua. Các tập hồ sơ và tài liệu của anh được sắp xếp cẩn thận trên ghế bên cạnh. Anh kiểm tra lại một lần nữa để chắc chắn mọi thứ đã đúng trật tự. Anh biết Cohen ứng đáp trôi chảy và giàu kinh nghiệm; một bản ghi lời khai ông đã khai trong vụ Fairfax một năm trước đó cho thấy Cohen có thể phản hồi các câu hỏi một cách rất tự nhiên ra sao nhưng lại không thật sự trả lời những câu hỏi ấy. Riely hiểu rằng kịch bản tốt nhất là anh có thể bắt được Cohen ở vài điểm không nhất quán nhỏ hay rút ra được một chi tiết mà họ có thể sử dụng để gây thêm áp lực lên Martoma. Đây là thời khắc quan trọng nhất trong sự nghiệp của Riely. Anh hít một hơi thật sâu.

“Vậy đó,” Riely nghĩ. “Mình đã sẵn sàng.”

Cohen đã nghĩ rất kỹ về quyết định ra đi đầu trần hay đáp lại SEC bằng Tu chính án thứ năm. Tính toán của đội ngũ pháp lý của Cohen thật đơn giản: một trát hù tòa từ các công tố viên hình sự đã quá đe dọa, nên Cohen phải nói rằng họ “biến đi” và từ chối trả lời các câu hỏi; Nhưng SEC không theo đuổi một vụ hình sự, nên hợp tác là lựa chọn khôn ngoan

hơn. Cohen có thể dành ra một ngày ở khu trung tâm giả vờ cố gắng giúp đỡ, tạo ra vẻ ngoài là ông không che giấu đi đâu gì. Ông phải cố gắng không nói dối - nếu làm thế, ông sẽ tự đẩy mình vào tội khai man, và đi đâu đó có thể được sử dụng để chống lại ông. Nhưng ít ra ông có thể nói với các nhà đầu tư của mình rằng ông đã hợp tác với cơ quan quản lý thị trường chứng khoán, đi đâu sẽ trấn an họ trong bối cảnh tin tức ngày càng tiêu cực trên báo chí.

Các nhà đầu tư quỹ phòng hộ, những người mà Cohen đã giúp nhân tiện của họ lên nhiều lần, là nhóm chỉ nghĩ tới lợi ích cá nhân và dễ đoán. Nhiều trong số đó, bao gồm cả các quỹ niên liễm đại học và quỹ hưu trí quản lý các tài khoản hưu trí cho các giáo viên trường công và sĩ quan cảnh sát, hoàn toàn vui vẻ bỏ qua những đi đâu đáng ngờ mà các quỹ phòng hộ đang làm - miễn là quỹ kiếm ra tiền cho họ. Đặc biệt là giám đốc các quỹ hưu trí, những người có nghĩa vụ tài chính to lớn, trong một số trường hợp là bất khả thi, đáp ứng những khách hàng về hưu của họ, và có rất ít cách kiếm được khoản lợi nhuận mà họ cần. Cohen đã kiếm được cho các nhà đầu tư của ông nhiều tiền qua nhiều năm tới mức sẽ phải rất lớn chuyện thì mới buộc họ bỏ đi. Và nếu có đi đâu gì vụ Bernie Madoff cho thấy, thì đó là ngay cả những nhà đầu tư tinh vi nhất cũng có thể gục ngã trước sự cuốn hút của việc kiếm tiền dễ dàng.

Tuy nhiên, một khi cuộc đi đâu tra của chính quyền với SAC đạt tới ngưỡng gắt gao nhất định, tình hình bắt đầu thay đổi. Cohen nhận được các cuộc gọi từ những nhà đầu tư lo lắng tìm lời giải thích tại sao cứ cách vài ngày tên ông lại xuất hiện trên báo. Đây có phải là một sự phân tâm? Ông phải làm gì để bỏ lại chuyện này sau lưng? Cuối cùng, có đôi đi đâu tích cực ông có thể nói với họ: ông đang hợp tác với SEC.

Riely tỉnh dậy từ trạng thái tĩnh tâm của anh vài phút sau đó, khi Cohen đẩy cửa bước vào. Luật sư của ông, Martin Klotz, đi cùng, với Daniel Kramer, một thành viên trong nhóm pháp lý mở rộng của Cohen từ Paul và Weiss, một trong những công ty luật doanh nghiệp hàng đầu trong nước.

Hầu hết các luật sư công tố làm việc với Marty Klotz đều quý mến ông. Là chuyên gia tư vấn cấp cao ở Willkie Farr & Gallagher, Klotz đã là tư vấn pháp lý thuê ngoài của Cohen và SAC trong hơn một thập niên. Ông có thời gian làm công tố viên vào cuối những năm 1980 và có bằng tiến sĩ triết học Đại học Yale. Cách xử sự lịch thiệp và việc ông hiếm khi cao giọng giúp ông có một chỗ được quý mến bên bàn bị cáo. Các cộng sự của ông ở Willkie coi ông là người thức giả, người có thể trông cậy khi họ cần nhận lời khuyên về vở opera hay nhất để đi ở Met mùa đó.

Mặt khác, một số người coi Klotz như *consigliere*^[109] của Boss già, điều khiến ông kém tin cậy hơn. Và giống như nhiều luật sư phụ thuộc hoàn toàn vào một nguồn thu nhập, Klotz sợ làm bất cứ điều gì có thể gây tổn hại cho thân chủ giàu có của ông.

Cohen cười nửa miệng và ngồi xuống ghế cạnh người ghi biên bản. Các luật sư của ông ngồi cạnh ông. Sếp của Riely, Sanjay Wadhwa, thường không ngồi trong các buổi lấy lời khai, nhưng đây là khoảnh khắc quan trọng với cuộc điều tra đến mức ông muốn đưa ra một tuyên bố bằng cách có mặt ở đó.

Một trong những thách thức trong việc truy tố tội hình sự cổ cồn trắng là sự bất tương xứng về nguồn lực giữa hai phía, và điều này bộc lộ rõ trên bàn họp. Bên phía Cohen là hai chuyên gia tóc bạc, mỗi người có ba mươi năm trong nghề cũng như giữ những chức thư ký tiếng tăm và bằng cấp của những trường Ivy League. Họ nhiều kinh nghiệm hơn, bất hẳn

hơn, và quan trọng nhất, đang kiếm nhiều tiền hơn, làm việc cho một thân chủ với nguồn ngân quỹ hầu như không giới hạn. Phía bên kia, Charles Riely và Amelia Cottrell còn trẻ, thông minh, làm việc chăm chỉ, cũng là sản phẩm của các trường đại học tốt. Nhưng họ có thể đã là nhân viên ở các hãng luật Klotz và Kramer nếu không làm việc cho ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Mỹ.

Riely quyết không để bị bắt nạt. Anh sẽ coi Cohen như mọi nhân chứng khác.

Trước cả khi anh bắt đầu, Cohen hỏi mấy giờ họ sẽ xong. “Tôi phải tới trận đấu của Knicks tối nay,” ông tuyên bố. Ông không muốn tới muộn.

Rồi ông giơ tay phải lên.

“Ông có thể sẽ nói sự thật, toàn bộ sự thật, và không gì ngoài sự thật không?” Riely hỏi.

“Tôi thế,” Cohen nói. Ông ngẩng trở lại vào ghế, đôi mắt đen của ông đảo qua đảo lại giữa Klotz và các luật sư của SEC.

“Ông Cohen,” Riely nói. “Ông có hiểu rằng ông đã tuyên thệ rồi không?”

“Tôi hiểu,” ông trả lời.

Riely bắt đầu đặt câu hỏi, khởi động bằng SAC và vai trò của Cohen ở đó. Cohen xác nhận rằng ông là chủ SAC và rằng ông cũng quản lý một danh mục chứng khoán ở đó. Ông đã trả lời các câu hỏi về việc SAC có bao nhiêu công ty và họ được trả lương ra sao. Ông giải thích rằng các giám đốc danh mục về cơ bản phải duy trì một tỉ lệ phần trăm lợi nhuận với giao dịch trong danh mục của họ. Ông xác định Tom Conheaney, Peter Nussbaum, Sol Kumin, Steve Kessler và vài người khác là đội ngũ quản lý của ông.

Rồi, ngay khi cuộc thẩm vấn chuyển sang các câu hỏi về Martoma, Cohen không thể nhớ được bất cứ chi tiết nào. Ông nói ông không có vai trò gì trong việc tuyển mộ Martoma và không hề nhớ anh ta vào làm việc cho SAC từ khi nào.

“Tôi muốn nói về Elan và Wyeth và bapineuzumab,” Riely nói.

“Chúng ta gọi nó là ‘bap’ được không?” Cohen hỏi.

“Chắc chắn rồi,” Riely nói.

Trong ba giờ đồng hồ tiếp đó họ nói đi nói lại về bap, Wayne Holman, Martoma, tại sao Cohen đầu tư vào Elan và Wyeth vào năm 2008, thương vụ đó lớn cỡ nào, và ông nghe theo lời khuyên của ai. Cohen thừa nhận các giao dịch chủ yếu dựa trên nghiên cứu của Martoma. Nhưng khi nói tới các chi tiết cụ thể, tay giao dịch vĩ đại nhất thế hệ của ông, người có thể theo dõi biến động giá cả của 80 chứng khoán khác nhau cùng lúc, nói ông không nhớ nổi. Ông trả lời “tôi không nhớ” sáu mươi lăm lần.

Riely biết mọi việc sẽ diễn ra như thế này, nhưng anh vẫn thấy thất vọng. Cohen tiếp tục hành xử như thể ông không hiểu các câu hỏi, và Riely khá chắc là “sự bối rối” đó là vờ vạy. Cohen xác nhận, một lần nữa, rằng ông đã thực hiện vụ đầu tư vào Elan dựa trên lời khuyên của Martoma, nhưng ông không thể hay sẽ không nói những lời khuyên đó là gì, và tại sao nó khiến ông đủ tự tin bỏ qua những chuyên gia khác ở SAC bất đồng ý kiến với Martoma.

Không luật sư của SEC nào tại bàn tin rằng Cohen đơn giản là nghe lời Martoma trong vụ Elan, không thể đơn giản như vậy với một thương vụ lớn và mạo hiểm như thế. Ông hẳn phải có một lý do tốt để bỏ qua các chuyên viên phân tích y tế khác lâu năm hơn của ông. Nhưng khi Riely bắt đầu chỉ ra điểm đó, Cohen trở nên gắt gỏng. Một loạt câu hỏi được đưa ra

về các chuyên viên phân tích mảng y tế khác của Cohen, David Munno và Ben Slate, những người đã nài nỉ ông không đầu tư mạnh tay vào Elan và Wyeth. Cohen tuyên bố không nhớ gì về sự bất đồng đó.

Vào khoảng 1 giờ chiều, họ nghỉ ăn trưa.

Các luật sư của SEC rút vào văn phòng của Wadhwa ăn bánh mì kẹp và chia sẻ ấn tượng của họ. Tất cả họ đều nhất trí Cohen tìm cách né tránh. Ông ta hẳn đã nói dối. Ý tưởng rằng ông không thể nhớ bất cứ điều gì thật lố bịch.

“Chúng ta phải tiếp tục dằn ông ta,” Wadhwa nói, nhưng ông có thể cảm thấy họ sẽ không có được điều mà họ cần. Sự thất vọng đã rõ ràng.

Cuộc lấy lời khai tiếp tục một giờ sau. Sau một vòng nữa nói về Munno và Slate, Riely hỏi về ngày tối quan trọng, Chủ nhật, ngày 20 tháng Bảy năm 2008. Ngày mà Martoma và Cohen đã trao đổi qua điện thoại trước khi Cohen ra lệnh bán toàn bộ cổ phiếu Elan và Wyeth của ông. Đây là cuộc nói chuyện mà mọi người ở phía bên bàn của SEC đều nóng lòng muốn biết. Martoma đã nói gì với Cohen trước khi ông quyết định bán thương vụ của SAC?

Cohen bắt đầu tỏ ra mệt mỏi. Klotz yêu cầu một nhân viên mang cho ông một cốc cà phê.

Rồi Riely đặt một bản thư điện tử Martoma đã gửi vào sáng Chủ nhật trên bàn, thư viết: “Có lúc nào thích hợp để trao đổi với ông buổi sáng nay không? Chuyện này quan trọng.”

“Ông có nhớ nhận thư này từ Martoma không?” Riely hỏi.

Một sự im lặng kéo dài. “Tôi nghĩ là có,” Cohen đáp, xoay người trên ghế.

“Ông có nói chuyện với anh ta không?”

“Có, sáng hôm đó anh ta đã gọi cho tôi,” Cohen nói. “Tôi nhớ anh ta nói anh ta thấy lo lắng với thương vụ Elan.”

Một luật sư của SEC hỏi tại sao.

“Tôi hẳn đã hỏi anh ta sao lại thế, hay - vì anh ta nói lại với tôi, ‘tôi chỉ thấy lo lắng với thương vụ Elan,’” Cohen nói.

“Anh ta có đưa ra lý do nào không?” Riely hỏi.

“Chắc phải có,” Cohen đáp. “Chỉ là tôi không nhớ.”

Họ nói đi nói lại, và Cohen khẳng định rằng ông không nhớ gì về lý do một trong các giao dịch viên của ông bỗng nhiên thuyết phục ông đảo ngược một khoản đầu tư 1 tỉ đô la mà ông đã bảo vệ một cách lì lợm, đối mặt với sự phản đối đáng kể từ trong nội bộ. Một trong những cấp trên của Riely, Amelia Cottrell, theo dõi cuộc trao đổi, ngày càng thấy ngờ vực.

“Khi Martoma nói anh ta cảm thấy lo lắng, ông không nhớ là đã hỏi anh ấy ‘tại sao’ hả?” cô cắt ngang.

Cohen nói ông tin rằng ông có hỏi.

“Và ông không nhớ bất cứ câu trả lời nào mà anh ta đã đưa ra cho ông?”

“Chỉ là tôi không nhớ,” Cohen nói.

Riely cố gắng tự nhắc mình rằng họ đã lường trước chuyên này. Steven Cohen không bao giờ bước vào phòng thẩm vấn của SEC và thừa nhận ông đã nhận thông tin nội gián từ Mat Martoma. Nội việc đưa ông vào được căn phòng này đã là một chiến thắng rồi. Họ đã cố gắng. Dầu vậy, họ vẫn chưa có được gì từ ông ta hết.

Buổi lấy lời khai kết thúc lúc 6 giờ tối mà chẳng giải quyết được gì.

Cohen tới sân xem trận đấu của Knicks vừa đúng giờ.

Chương 13

NGHIỆP CHƯỞNG

Chiến thắng quý báu trong nghề luật sư bào chữa là đạt được đi đầu gọi là thỏa thuận không truy tố. Nó đảm bảo thân chủ của bạn không bị truy tố trọng tội hay thậm chí là tội vặt, đổi lấy việc thỏa mãn một số nghĩa vụ nhất định, có thể bao gồm việc ra làm chứng cho chính quyền. Đó gần như là thỏa thuận tốt nhất mà một bị cáo có thể có, và văn phòng của Preet Bharara không ban phát thỏa thuận đó một cách hào phóng. Marc Mukasey định kiếm một thỏa thuận như thế cho Sidney Gilman. Ông tự tin là ông có thể khiến đi đầu đó xảy ra vì Gilman quá quan trọng trong vụ chống lại Martoma.

Với mục tiêu đó trong đầu, Mukasey gọi cho SEC báo tin mới. Gilman có đi đầu quan trọng muốn nói. Bây giờ là tháng Tám năm 2012, và ông đi xuất ngày gặp là 6 giờ chiều thứ Sáu. Riely và các đồng nghiệp của anh cười lớn. Họ ngờ rằng đây là một chiến thuật câu giờ nữa, và Mukasey tưởng họ sẽ không muốn gặp vào chiều thứ Sáu, ngay trước một cuối tuần mùa hè.

“Nghe hay lắm” Riely nói với ông ta.

Khi Gilman bước vào, các luật sư của SEC ngay lập tức thấy rõ thái độ của ông đã thay đổi. Ông ngồi xuống bàn họp và thông báo ông tới đây để ra một tuyên bố. Rồi ông thừa nhận ông đã trao cho Martoma thông tin nội gián về bapi. Không chỉ thế, ông còn làm đi đầu đó nhiều lần. Ông biết ông

đã làm một việc sai trái nghiêm trọng.

Các đi đầu tra viên của SEC và các công tố viên trong phòng có một câu hỏi bức thiết. Bài thuyết trình PowerPoint mà Gilman đã nhận được từ Elan hai tuần trước cuộc gặp ICAD. Đây là đi đầu mấu chốt. Đó là bằng chứng vững chắc, một *tài liệu*, với tất cả thông tin mật mà Martoma đã sử dụng để thực hiện các giao dịch của anh ta. Trình ra các bằng chứng điện tử chứng minh được việc Martoma kiểm được thông tin như thế nào sẽ cực kỳ quan trọng trước bồi thẩm đoàn. Arlo Devlin-Brown, một công tố viên, hỏi Gilman: Ông có gửi bài thuyết trình cho Martoma không? Nếu có, thì bằng cách nào?

“Có,” Gilman nói, ông chắc chắn là ông đã gửi. Vấn đề là ông không nhớ chính xác cuộc nói chuyện đó. Ông nhớ mang máng có nói về các trang trình chiếu với Martoma qua điện thoại.

Devlin-Brown tóm tắt lại câu hỏi, hy vọng Gilman sẽ nhớ ra một số chi tiết. Cuối cùng, Gilman nói ông nghĩ rằng ông nhớ gửi nó bằng thư điện tử cho Martoma sau khi anh ta hỏi.

Với đi đầu đó, chính quyền cuối cùng đã có yếu tố cần thiết để chốt lại vụ chống Martoma. Họ vẫn chưa có thư điện tử cho thấy Gilman đã gửi bài PowerPoint cho Martoma, Nhưng nó phải tồn tại ở một máy chủ đâu đó. Riely đã nghĩ về việc anh sẽ lần theo nó thế nào.

Trước một bằng chứng không thể tranh cãi như vậy, con đường thoát duy nhất của Martoma sẽ là khai ra Cohen. FBI bắt đầu lên kế hoạch bắt giữ anh ta.

Ba tháng sau đó các đặc vụ FBI đậu xe bên ngoài nhà Martoma ở Boca Raton. Lần này, họ không tới đây để nói chuyện. Đặc vụ Matt Callahan đi về phía cửa và gõ mạnh.

Martoma có vẻ sốc khi ra mở cửa.

“Anh nghĩ là không bao giờ gặp lại tôi nữa hả?” Callahan hỏi.

“Thành thật mà nói, đúng thế,” Martoma nói.

Callahan đã lên kế hoạch. Nếu Martoma cho thấy anh ta có thể cộng tác, thì việc truy tố anh ta sẽ được tạm hoãn lại. Nhưng khi Callahan hỏi về việc cộng tác, Martoma lắc đầu từ chối. Callahan lúc bấy giờ mới còng tay Martoma.

Cha mẹ Rosemary tới chơi nhà nhân tuần lễ lễ Tạ ơn. Họ chứng kiến trong giận dữ khi Martoma bị giải đi và gí vào phía sau một chiếc xe năm chỗ màu tối. Ba đứa con của anh nhìn theo, kinh hoàng và bối rối.

Tối trưa, vụ bắt giữ Martoma đã xuất hiện trên gần như mọi hãng tin lớn. Sáng hôm sau, báo *The New York Times* đăng một câu chuyện trên trang bìa: “Trong nửa thập niên qua, khi nhà chức trách liên bang truy tố hàng chục vụ giao dịch nội gián của các tay giao dịch quỹ phòng hộ, họ đã nỗ lực bèn chí mở một vụ chống lại một trong những tay chơi ảnh hưởng nhất của Phố Wall,” bài báo viết. “Tỉ phú luôn chọn đúng chứng khoán: Steven A. Cohen.”

Hết người này tới người khác, các đồng nghiệp cũ của Martoma đọc tin và bắt đầu gán các mảnh ghép lại với nhau: những thương vụ lớn, rủi ro cao với Elan và Wyeth; những tranh cãi và tránh né quanh chúng, việc Cohen đã nghe theo Martoma một cách kỳ lạ, gần như nghe mỗi anh ta; bình luận từ một đồng nghiệp về việc Martoma có “lợi thế đen” ra sao. Cựu giao dịch viên của Martoma ở SAC, Tim Jandovitz, đã rời Phố Wall

và đang sống ở Chicago, nơi anh này khởi sự một tiệm bánh mì cao cấp dựa trên ý tưởng loại bánh mì quế đặc biệt mà anh đã phát triển. Anh hy vọng nó sẽ trở thành Chipotle^[110] tiếp theo.

Jandovitz giật mình khi thấy những dòng tít về việc Martoma bị bắt giữ. Lúc anh đọc hết các bản tin liệt kê chi tiết cáo buộc Martoma đã trả tiền cho một nhà nghiên cứu thuốc để đổi lấy thông tin nội gián, tất cả sự kỳ lạ và bí mật xung quanh các giao dịch Elan và Wyeth hồi năm 2008 giờ trở nên hợp lý.

Anh gõ thư điện tử cho một người bạn: “Nghịệp chương chó chết.”

ooo

Giờ đây khi Gilman bắt đầu cộng tác hiệu quả, chính quyền cảm thấy tự tin về vụ chống lại Martoma.

Các công tố viên đã có một động thái khác thường trong việc mở hồ sơ truy tố. Thay vì truy tố Martoma qua một lệnh truy tố - tức truy tố hình sự chính thức được đưa ra sau khi một đại bồi thẩm đoàn liên bang đã nghe các bằng chứng chống lại bị cáo - văn phòng của Bharara truy tố Martoma chỉ với một đơn khiếu kiện. Một đơn khiếu kiện là bước đầu tiên trong thủ tục truy tố. Một văn bản truy tố đồng nghĩa với việc một đại bồi thẩm đoàn đã thấy lý do khả dĩ để Văn phòng Công tố Mỹ truy tố bị can. Các công tố viên có thể đi thẳng tới văn bản truy tố, nhưng họ hy vọng trì hoãn bước này sẽ là một chiến thuật tạo áp lực hiệu quả. Điều đó giống như đưa ra cảnh báo với Martoma về những gì sắp tới: *Anh thực sự muốn thế này hả? Còn cách khác đấy.*

Dẫu vậy, họ không trực tiếp yêu cầu anh ta hợp tác chống lại Cohen. Họ không muốn tỏ ra mình đang tuyệt vọng.

“Nếu Martoma không làm chuyện này một mình, chúng tôi muốn nghe anh ta nói thêm,” Arlo Devlin-Brown nói với Charles Stillman, luật sư của Martoma. “Anh ta không nhất thiết phải nghĩ rằng cần có gì đó cụ thể trăm phần trăm...”

Preet Bharara công bố việc bắt giữ Martoma ở một trong những cuộc họp báo lớn nhất từ trước tới giờ. Ông là bậc thầy tạo sự kiện một cách tự nhiên, tổ chức những sự kiện mang màu sắc ăn mừng chiến thắng nhưng rất nghiêm túc này ở tầng trệt số 1 St. Andrew’s Plaza. Để chuẩn bị, ông thường bật điếu hòa nhiệt độ trong văn phòng của ông lên mức lạnh như Bắc Cực và bật nhạc Bruce Springsteen lớn hết cỡ.

Vào lúc Bharara xem lại các cáo buộc, đứng trên bục với áo vest đen và cà vạt đỏ, ông giữ một vẻ ngoài ảm đạm đôi khi biến thành một nụ cười tự mãn như đã biết tất cả. “Những lệnh truy tố được công bố hôm nay... mô tả việc gian lận đang đến... VÀ đang diễn ra,” ông nói. “Cụ thể, giao dịch nội gián trước hết ở thương vụ dài hạn, rồi thương vụ ngắn hạn, ở một quy mô mà, thực vậy, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử.” Ông mô tả các giao dịch Elan và Wyeth của Martoma là vụ giao dịch nội gián lợi nhuận lớn nhất trong lịch sử, “có lẽ đã dẫn tới vụ trúng số bất hợp pháp cho quỹ phòng hộ này khoản tiền tương đương một phần tư tỉ đô la.” Ông dừng lại. “Xin nhắc lại là ‘tỉ’ nhé.”

Một số người khác cũng đưa ra nhận xét trong cuộc họp báo. Tuy nhiên, thật lạ lùng là không ai nhắc tới SAC, chỉ gọi nó là “quỹ phòng hộ này” hay “công ty phòng hộ này” nơi Martoma từng làm việc. Steve Cohen ở phía sau, mọi người đều biết rõ, nhưng không ai nhắc tới.

Bharara để dành việc công khai sự liên can của Cohen trong vụ này cho hàng chục phóng viên trong phòng, những người chạy ủa về tòa soạn và

làm đúng như thế. Tin tức về việc truy tố Martoma, việc anh ta từng làm việc ở SAC và mối liên hệ với cá nhân Cohen, đã được đưa tin rộng khắp.

Chỉ vài tháng trước đó, Bharara xuất hiện trên trang bìa tạp chí *Time*, một ảnh chân dung chụp cận cảnh khuôn mặt ông, đính kèm dòng chữ: “Người đàn ông này đang trấn áp Phố Wall”. Giờ đi ầu đó đang trở thành sự thật.

ooo

Mùa đông năm 2013 cực kỳ lạnh lẽo, bao phủ Manhattan trong lớp băng dai dẳng tới tận đầu xuân. Vào buổi sáng ngày 8 tháng Ba, khi đang vội vã đi làm, Sanjay Wadhwa trượt chân và đập đầu vào vỉ hè. Ông đã gửi con trai vào nhà trẻ và đi muộn, như mọi khi. Không chảy máu, nhưng ông rên rỉ khi đứng lên và loạng choạng vào văn phòng, nơi có người mang cho ông một túi đá. Ông có một cuộc gọi quan trọng trong lịch với luật sư của Cohen ngày hôm đó. Họ sắp sửa kết lại một trong những vụ dàn xếp bằng tiền lớn nhất trong lịch sử SEC.

“Anh có *chắc* anh vẫn muốn làm chuyện này không?” đồng nghiệp của ông hỏi.

“Tôi ổn mà,” Wadhwa nói. “Hãy làm cho xong đi.”

Marty Klotz đã liên lạc với Wadhwa vài tuần trước đó và nói Cohen muốn “dàn xếp” các vụ việc liên quan đến những giao dịch của Mathew Martoma và Michael Steinberg. Ông muốn khép lại vụ việc, không phải lo lắng về bất cứ vụ truy tố nào chống lại ông trong tương lai nữa. Từ góc nhìn của Cohen, thật hợp lý khi dàn xếp vụ việc trước khi mọi chuyện trở nên tệ hơn - nếu Martoma lật mặt chẳng hạn. Dù không có dấu hiệu nào đi ầu đó sẽ xảy ra.

Thỏa thuận mà Klotz đã thu xếp sẽ chỉ dàn xếp các cáo buộc của SEC với công ty SAC, giải quyết các trách nhiệm doanh nghiệp với những giao dịch bất hợp pháp. Bản thân Cohen, và các cá nhân khác, vẫn có thể bị truy tố. Do vậy, Cohen muốn tiến xa thêm.

Wadhwa cầm điện thoại lên trong khi vẫn giữ túi đá chườm ở đầu. SEC đề xuất khoản phạt 601,7 triệu đô la cho các vụ giao dịch Elan và Wyeth và 13,9 triệu đô la nữa cho vụ Dell. Các khoản phạt dựa một phần trên lợi nhuận bất hợp pháp mà SEC cáo buộc SAC kiếm được cho mỗi vụ, 275 triệu đô la tiền lời trong vụ Elan và Wyeth và 6,4 triệu đô la tiền lời trong vụ Dell. Tính tổng cộng, đó sẽ là một trong những vụ dàn xếp lớn nhất của SEC, lớn hơn gần bốn lần so với những gì Raj Rajaratnam từng bị buộc phải trả. Là người sở hữu duy nhất của SAC, Cohen sẽ tự mình trả các khoản phạt.

Sau khi Wadhwa vạch ra các khoản phạt đề xuất, Klotz nói thân chủ của ông sẽ đồng ý. Ông biết, với tất cả sự nghiên cứu kỹ lưỡng về pháp luật, phương án không chịu trả tiền sẽ tệ hơn nhiều. Wadhwa gác máy và chuyển sang chuẩn bị các tài liệu.

Trong hai năm, Cohen đã sống với sự ồn ào từ những tiết lộ trên báo chí và tin tức cho rằng ông là mục tiêu thực sự trong vụ truy quét giao dịch nội gián của chính quyền. Tin đồn tập trung vào câu hỏi liệu chính ông có thể bị truy tố hình sự hay không. Giờ ông chuẩn bị được miễn trừ các vấn đề pháp lý của mình bằng việc viết một tấm séc. Ông tự tin rằng cuối cùng ông đã có thể để lại cơn ác mộng phía sau. Tuy nhiên, ngay khi ông bắt đầu lên kế hoạch về việc sẽ khôi phục lại danh tiếng của SAC và khiến nó trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết thì động lực cho một vụ hoàn toàn mới chống lại ông bỗng có thêm sức nặng.

Một nhóm các luật sư khác của SEC đang chạy đua để tìm ra mọi thứ họ có thể về thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” về thu nhập của Dell đã chuyển từ Jon Horvath sang Michael Steinberg. Có khả năng là vụ giao dịch cổ phiếu Dell vẫn sẽ dẫn tới việc truy tố các cá nhân đã mua bán cổ phiếu này. Dựa trên bằng chứng đang thu thập, các luật sư của SEC ngày càng cảm thấy chắc chắn rằng họ sẽ có thể truy tố Steinberg tội giao dịch nội gián. Đó là một diễn tiến lớn, một cơ hội nữa để thâm nhập vào lớp những người thân cận nhất với Cohen.

Anthony Chiasson và Todd Newman, hai giao dịch viên từ các quỹ phòng hộ FBI bố ráp, bị truy tố tội giao dịch nội gián hồi tháng Mười hai. Jon Horvath đã lật mặt và đang giúp chính quyền triển khai một vụ chống lại Steinberg. Steinberg chưa bị truy tố, nhưng vấn đề chỉ còn là thời gian.

Các luật sư của SEC trong vụ Dell xem được từ hồ sơ giao dịch rằng Cohen đã mua bán các cổ phiếu Dell cùng thời điểm với Sternberg vào tháng Tám năm 2008, ngay trước khi công bố kết quả kinh doanh. Có vẻ như các giao dịch của Steinberg có động cơ từ những gì Horvath đã nói với ông, mà SEC tin là dựa trên thông tin nội gián. Câu hỏi là tại sao Cohen lại giao dịch cổ phiếu Dell của ông?

Vào ngày thứ Tư, 13 tháng Ba năm 2013, hai ngày trước vụ dàn xếp Elan 600 triệu đô la chuẩn bị được Cohen và SEC ký, Wadhwa ngồi ở bàn, nghiên cứu những gì sắp xảy ra. Ông thức làm việc tới 1 giờ sáng và đã kiệt sức. Họ sắp làm nên lịch sử với thỏa thuận cùng SAC, và ông trông đợi thỏa thuận sẽ gây rất nhiều sự chú ý. Và lần này, Văn phòng Công tố Mỹ không liên quan gì hết. Không ai khác có thể đánh cắp vinh quang của họ. Thế rồi điện thoại của ông reo.

Đó là Marty Klotz. “Chào Sanjay,” Klotz nói. “Chúng tôi đã tiếp tục

đào xới các tài liệu gần đây nhất anh yêu cầu, và chúng tôi phát hiện ra một điều chúng tôi muốn cho anh biết càng sớm càng tốt...” Klotz đang nói tới những trát yêu cầu mới nhất của SEC. Giọng ông nhỏ dần. Một khoảng lặng dài, đau đớn diễn ra. “Chúng tôi thấy rằng thư điện tử liên quan tới vụ Dell thực ra đã tới chỗ của Steve.”

Wadhwa giờ tỉnh táo hơn nhiều. Họ đã vật lộn với Klotz nhiều tuần lễ về việc có quyền tiếp cận các thư điện tử cũ của SAC. SEC đã yêu cầu cụ thể về thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” ngày 26 tháng Tám năm 2008, cố gắng xác định chính xác ai là người trong công ty đã nhận được thư đó. Dựa trên các hồ sơ giao dịch của SAC, rất nhiều giao dịch viên đã mua vào bán ra cổ phiếu của Dell ngay khoảng thời gian Horvath gửi đi tin nhắn cảnh báo Sternberg và những người khác rằng báo cáo kết quả kinh doanh của Dell sẽ gây thất vọng.

SAC đã đưa ra những cố khác nhau về lý do tại sao họ không thể tìm thấy những thư điện tử này. Theo chính sách của công ty, quỹ không giữ lại bản sao những tin nhắn qua thư điện tử trong các máy chủ cho đến thời gian sau tháng Chín năm 2008. Các luật sư của SEC đã luôn thấy thật lạ là một công ty ở quy mô của SAC, giao dịch với khối lượng lớn như thế mỗi ngày, lại không sao lưu hồ sơ để đề phòng. Klotz liên tục tìm thấy những ổ cứng dự phòng với các thư điện tử khác nhau trong đó. Mỗi lần họ lại đưa ra một lý do khác nhau giải thích tại sao mọi việc kéo dài như thế. Những thời hạn chót đang tới gần với phía chính quyền, buộc họ phải truy tố các vụ giao dịch diễn ra từ năm 2008. Họ đang cạn dần thời gian và Klotz biết điều đó.

Dẫu sao, Klotz bắt đầu đưa ra giải thích về việc tại sao thư điện tử liên quan tới Dell đến chỗ Cohen lại không quan trọng. Cứ như thể ông ta đọc

được tâm trí của Wadhwa.

“Tôi nghĩ có nhiều lý do tại sao Steve không biết chuyện này,” Klotz nói. “Khi đó là vào giữa mùa hè, ông ấy đang ở Hamptons...”

Wadhwa cảm thấy như thể mình muốn hét lên. Ông nghĩ SAC hẳn phải nghĩ họ là lũ ngu mới vờ vịt như thế, tiết lộ một thông tin tối quan trọng như vậy hai ngày trước khi ký một thỏa thuận dàn xếp lớn. Thật đến phát điên. Ông nói với Klotz rằng ông cần trao đổi vấn đề này với các đồng sự và gác máy.

ooo

Câu hỏi bằng cách nào, và khi nào, việc tiết lộ thông tin cực kỳ quan trọng đó đòi hỏi phải tinh tế. Nếu Cohen không bao giờ đề cập tới chuyện đó, và ông cứ tiếp tục và ký thỏa thuận dàn xếp 616 triệu đô la với SEC, có khả năng cao là các nhân viên ở SEC sẽ tự tìm ra thư điện tử đó sau này, trong trường hợp đó họ có quyền nổi giận và có khả năng sẽ không bao giờ tin ông nữa. Việc đó có thể dẫn tới những vấn đề lớn hơn trong tương lai. Sau quá nhiều nỗ lực để chuẩn bị cho thỏa thuận dàn xếp này, chờ đợi để tiết lộ thông tin đó ngay trước khi thỏa thuận ký là một bước đi bậc thầy, theo nghĩa nào đó. Klotz sẽ giành được mức độ khả tín nào đó vì đã thông báo với họ, đồng thời khiến họ có quá ít thời gian để phản ứng tới mức buộc phải chọn việc ký thỏa thuận dàn xếp cho xong. Mục tiêu của Klotz, luôn luôn như thế, là đạt kết quả tốt nhất có thể cho Cohen.

Tối hôm đó, các luật sư của SEC đã tranh luận liệu họ có nên tiếp tục với thỏa thuận dàn xếp trong bối cảnh thông tin mới hay không. Đường như Klotz đang cố thoát khỏi chuyện gì đó.

Tất nhiên cũng có khả năng SAC thực sự chỉ tìm thấy một thư điện tử

gửi cho Cohen có thể chứa thông tin nội gián về Dell trong một máy chủ dự phòng mà không ai xem đúng vào ngày trước khi công ty chuẩn bị ký một trong những thỏa thuận dàn xếp lừa đảo chứng khoán lớn nhất lịch sử Phố Wall. Đó sẽ là một sự trùng hợp khó tin, nhưng vẫn có thể.

Trong bất cứ trường hợp nào, thỏa thuận dàn xếp sẽ không khép lại khả năng truy tố các cá nhân ở SAC, đi đâu mà SEC đã rất cương quyết trong suốt cuộc thương lượng. Toàn bộ thỏa thuận dàn xếp sẽ giải quyết trách nhiệm doanh nghiệp của SAC đối với các giao dịch cổ phiếu Elan, Wyeth và Dell. Thỏa thuận không nêu tên những người cụ thể liên quan, mà chỉ nêu tên các công ty. Đó là một sự loại trừ kỳ lạ, do Cohen sở hữu toàn bộ công ty và quyết định mọi chuyện quan trọng. Nhưng trong chùng mực SEC quan tâm, đây chỉ là bước đầu tiên. Họ quyết định tiếp tục và chốt lại thỏa thuận dàn xếp.

Một luật sư chấp pháp của SEC, một thành viên then chốt của nhóm Dell tên là Matthew Watkins, đã dành gần như cả ngày thứ Năm xem hết cả mười bản sao của thỏa thuận, tự tay làm các chỉnh sửa cuối cùng. Sáng hôm sau, ngày 15 tháng Ba năm 2013, SEC ra thông cáo báo chí: “Đơn vị CR Nội bộ đồng ý trả hơn 600 triệu đô la trong vụ dàn xếp lớn nhất từ trước tới giờ với một vụ giao dịch nội gián”, thông cáo viết.

Wadhwa và các cộng sự của ông dành cả ngày hôm đó trả lời thư điện tử và cuộc gọi chúc mừng từ đồng nghiệp và bạn bè làm trong ngành quỹ phòng hộ, cảm ơn họ vì cuối cùng cũng trừng phạt một công ty mà nhiều người trong ngành này từ lâu đã nghi ngờ vi phạm pháp luật. Nhưng mọi người trong vụ này biết rằng giờ vẫn chưa phải lúc dừng lại. Nay họ có một thư điện tử kết nối trực tiếp Cohen với thông tin nội gián. Họ đã phạt ông ta một khoản lớn, nhưng mục tiêu là xem liệu họ có thể truy tố chính

Cohen và loại ông ta vĩnh viễn khỏi ngành này hay không. Ban đầu họ lên kế hoạch bữa trưa ăn mừng ngay sau tuyên bố. Thay vì thế, nhóm của SEC đi thang máy xuống chỗ của P. J. Clarke ở tầng trệt tòa nhà văn phòng của họ, uống mấy cốc bia, rồi chạy ngay lên bàn làm việc. Còn nhiều việc phải làm.

ooo

Tối hôm đó, vào lúc 7 giờ 33, thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” đã được gửi cho Cohen tới Đơn vị Xử lý Trung tâm của SEC ở Washington. Điều đầu tiên mà các luật sư SEC muốn biết là liệu thời gian nhận thư điện tử của Cohen có khớp với thời gian ông ta bán các cổ phiếu Dell hay không. Rõ ràng, nếu ông ta bán chúng trước khi nhận được thư điện tử, thì mọi thứ không còn ý nghĩa.

Theo những dữ liệu kèm theo thư điện tử, chuyên viên phân tích Jon Horvath của SAC đã gửi nó vào lúc 1 giờ 9 phút chiều ngày 26 tháng Tám năm 2008, cho Michael Steinberg và Gabriel Plotkin. Một luật sư của SEC, Justin Smith, cũng để ý thấy một cái tên mới trong chuỗi thư điện tử: Anthony Vaccarino. Có vẻ như Plotkin đã chuyển tiếp thư điện tử đó cho Vaccarino lúc 1 giờ 13 phút chiều, bốn phút sau khi Horvath gửi thư. Smith háo hức nhắn tin cho các đồng nghiệp, báo với họ về dữ kiện mới.

SEC chưa biết Anthony Vaccarino. Họ đã biết đến Plotkin - một giám đốc danh mục ngôi sao, người mà Cohen trông cậy trong việc nêu ra các ý tưởng giao dịch, đặc biệt là cổ phiếu những công ty hàng tiêu dùng lớn. Vaccarino được xác định trong một danh sách nhân viên của SAC là “giao dịch viên nghiên cứu”. Anh này làm việc trực tiếp dưới quyền Cohen. Vào lúc 1 giờ 29 phút chiều, Vaccarino đã chuyển tiếp thư điện tử về Dell vào

các địa chỉ thư điện tử cá nhân và công việc của Cohen.

SEC vội vã tìm hồ sơ các cuộc gọi của Vaccarino. Quả nhiên, có một cuộc gọi tới điện thoại di động của Cohen từ Vaccarino vào lúc 1 giờ 37 phút chiều. Cuộc gọi không tới một phút. Hai phút sau, Cohen đã bán 200.000 cổ phiếu của Dell. Ông ta tiếp tục bán trong suốt buổi chiều và đã giải quyết hoàn toàn thương vụ 500.000 cổ phiếu của ông vào cuối ngày. Hai ngày sau, Dell công bố báo cáo doanh thu thất vọng của họ - đúng như Horvath đã dự báo.

Vì SEC chỉ có các hồ sơ thời gian cuộc gọi, vẫn chưa chắc liệu Cohen có thực sự trả lời điện thoại không khi Vaccarino gọi vào lúc 1 giờ 37 phút chiều. Giả thiết là Vaccarino đã nói với Cohen về thư điện tử liên quan tới Dell để chắc chắn rằng ông ta đọc nó. Nhưng hồ sơ đó chỉ cho thấy một cuộc gọi đã diễn ra, tuy vậy 48 giây không nhiều nhận gì. Cohen có thể dễ dàng nói là ông đã không nhắc máy. Sau vài ngày nài nỉ nhà mạng AT&T, SEC nhận được một thư xác nhận chính sách của công ty chỉ tính tiền những cuộc gọi được trả lời. Công ty gửi cho họ một bảng tính Excel cho thấy tất cả các cuộc gọi được nhắc tới, chính xác đến từng phần trăm giây.

SEC vẫn còn nhiều câu hỏi. Liệu có khả năng một ai khác đã ra lệnh bán các cổ phiếu của Dell? Liệu Cohen có thể nào ra lệnh bán trước 1 giờ 29 phút chiều? Liệu có trì hoãn giữa việc đặt lệnh và thực thi lệnh? SEC đặt giả thuyết một kịch bản khả dĩ: Horvath tìm thấy thông tin quan trọng về những báo cáo thu nhập của Dell từ Jesse Tortora. Horvath sau đó gửi thư điện tử các tin tức này cho Steinberg và Plotkin. Plotkin sau đó nói với Vaccarino, rồi tới lượt anh này báo với Cohen. Rồi Cohen bán tất cả cổ phiếu của ông trước khi tin xấu được công khai. Bất cứ lời giải thích nào khác sẽ cần những giả định rối rắm hơn nhiều. Lại là nguyên lý dao cạo

của Occam.

Mọi thứ họ biết về Cohen cho thấy ông ta rất cu ồng các chứng khoán của mình. Ông đã xây dựng SAC thành một tổ chức thu thập thông tin tinh vi nhất và hùng mạnh nhất trong ngành tài chính. Ông có trí nhớ khó tin và khát khao không giới hạn thông tin mật có thể giúp cho các giao dịch của mình. Ông rất ghét khi các giám đốc danh mục mua bán mà không báo cho ông trước. Thực tế, ông nổi tiếng trong việc hạ nhục người khác ngay tại sàn giao dịch nếu họ làm thế. Họ lý luận rằng chắc chắn ông được cập nhật tất cả mọi việc mà các giám đốc danh mục của ông, như Sternberg, đã làm với thương vị Dell của họ và lý do họ làm như thế.

Dẫu vậy, Klotz lập luận rằng Cohen không nhất thiết đã nhìn thấy thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo”. Ông ta làm mọi việc có thể để trì hoãn và khiến họ phân tâm và làm lãng phí thời gian của họ.

ooo

Steven Cohen không trốn tránh. Ông háo hức bộc lộ sự tự tin và củng cố lòng tin của các nhà đầu tư về tương lai của SAC, và ông ng ầm đưa ra một tuyên bố bằng cách xuất hiện vào những tháng đầu năm 2013. Ông tham dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Davos vào tháng Một và có lần xuất hiện hiếm hoi ở một hội nghị quỹ phòng hộ tại Palm Beach, một phần để cho thế giới thấy rằng ông không nao núng trước khoản tiền cực lớn mà ông đã đồng ý trao cho SEC.

Vào cuối tháng Ba, ông nhận được một cuộc gọi từ tay môi giới nghệ thuật William Acquavella. Steve Wynn, chủ sòng bạc và nhà sưu tập nghệ thuật lập dị, sẵn sàng bán bức *Le Rêve* của Picasso, bảy năm đã trôi qua kể từ khi thỏa thuận ban đầu của Cohen với Wynn bị hủy vì sự vụng về đất

giá của Wynn. Trong khoảng thời gian đó, Wynn đã bỏ ra những nguồn lực lớn để phục chế bức tranh. Liệu Cohen có còn hứng thú mua nó? Cohen và cố vấn nghệ thuật của ông vội vàng tới phòng tranh của Acquavella ngay sáng hôm sau.

Bộ sưu tập nghệ thuật của Cohen nổi tiếng thế giới. Vào năm 2005, ông đã thực hiện vài vụ mua lại lớn, bao gồm một bức tranh của Van Gogh và một của Gauguin^[111] được cho là ông đã mua với giá 110 triệu đô la. Vào năm 2006, ông bỏ ra 137,5 triệu đô la cho một bức của de Kooning^[112]. Năm 2012, ông trả 120 triệu đô la cho bốn tác phẩm điêu khắc của Henri Matisse, và ông sở hữu hàng chục kiệt tác khác, bao gồm các tranh của Pollock^[113], Monet và Manet^[114]. Những chủ phòng tranh yêu ông vì ông sẵn sàng trả bất cứ giá nào để mua những bức nổi nhất. Giống như các lĩnh vực khác trong đời sống, Cohen thường có thể mua bất cứ thứ gì ông muốn. Nhưng cho tới giờ, *Le Rêve* đã trốn tránh ông.

Sau tai nạn, Wynn đã gửi *Le Rêve* tới Terrence Mahon, một trong hai nhà phục chế tranh ở Mỹ được cho là đủ sức sửa chữa bức tranh theo cách không làm giảm giá trị của nó. Mahon đã thực hiện việc mạng từng sợi vải của phong tranh trong phòng tranh của ông tại Park Avenue South, khâu chúng lại bằng kim châm cứu. Sau đó ông có thể nhẹ nhàng phủ sơn lên trên những sợi chỉ mới được mạng.

“Thật may mắn, hư hại không quá lớn sau khi các sợi chỉ được mạng lại,” Mahon nói. “Sơn mất đi trên bức tranh là tối thiểu. Trên bức tranh đã không xuất hiện lỗ hổng hay khoảng trống lớn. Khoảng không gian mà tôi phải lấp vào bằng sơn mới chỉ bằng chiều rộng của một nét bút chì.”

Đó là kiểu công việc đòi hỏi cặp mắt của một người thợ kim hoàn và bàn tay vững vàng của một bác sĩ phẫu thuật tim. Mahon đã hoàn tất công

việc được giao vào ngày 11 tháng Mười hai năm 2006, với tổng chi phí 90.493,12 đô la. Sau đó, bức tranh bắt đầu khôi phục danh tiếng của nó và được trưng bày ở phòng tranh của William Acquavella tại đường số Bảy Mười Chín khu Đông. Rồi Acquavella gọi cho Cohen.

“Trong vòng ba phút chúng tôi đã thỏa thuận xong,” tư vấn nghệ thuật của Cohen nói. “Đây là bức tranh đã ám ảnh Steve trong gần một thập niên.”

“Khi đứng trước nó, bạn như bị thôi tung,” Cohen nói về bức tranh.

Khi tin tức về vụ mua tranh, giá 155 triệu đô la, lan đi, nó ngay lập tức thu hút sự chú ý của các công tố viên, các đặc vụ FBI và các luật sư SEC đang cố gắng tập hợp thông tin để mở án với Cohen sau mấy năm đi đầu tra. Luật sư bào chữa kiêu gì mà lại để thân chủ của mình thực hiện một thương vụ phô trương và ở quy mô như thế khi việc đi đầu tra hình sự vẫn đang diễn ra? Như thế Cohen đang thách thức chính quyền.

Sau vụ mua tranh của Picasso, Richard Zabel, cấp phó của Preet Bharara, bắt đầu đùa giỡn về bộ sưu tập nghệ thuật của Cohen tại văn phòng. “Tôi muốn một con cá mập ngậm giấm,” ông nói, ý nhắc tác phẩm sắp đặt của nghệ sĩ Damien Hirst trị giá 8 triệu đô la trong bộ sưu tập của Cohen. “Tôi muốn một con cá mập trong văn phòng này.”

Cohen đang hành xử như thể ông muốn ăn mừng, trong khi chính quyền còn lâu mới xong cuộc đi đầu tra của họ. Khoản tiền 616 triệu đô la ông đã trả cho SEC chẳng là gì, Cohen có vẻ muốn nói như thế. Ông có thể tìm thấy khoản tiền đó ở ngay ghế sau chiếc Maybach của mình.

Chương 14

CHIẾC XUÔNG CỨU SINH

Vào buổi sáng sớm, trước khi mặt trời soi sáng khắp Manhattan, vĩa hè của khu Upper East được chiếu sáng bằng những đốm sáng chi chít phát ra từ sảnh các tòa nhà bằng đá vôi trang nhã. Ngay trước 6 giờ sáng ngày 29 tháng Ba năm 2013, ở góc đường Bảy Mười Tám khu Đông và đại lộ Park, một nhóm đặc vụ FBI vũ trang tập hợp lại gần lối vào một trong những tòa nhà.

Bên trong tòa nhà, trong một căn hộ trên tầng tám, Michael Steinberg đang ngủ trên trường kỷ, tay đặt trên đùi. Thông thường, FBI muốn làm người ta ngạc nhiên khi các đặc vụ tới bắt người, nhưng luật sư của Steinberg, Barry Berke, đã biết trước thân chủ của ông sẽ bị bắt vào hôm đó. Steinberg đã để lại gia đình ở Florida, nơi họ vừa về thăm họ hàng bên vợ ông ở Spring Break, rồi bay về nhà ở New York để có mặt tại đây. Berke, đứng đầu bộ phận tranh tụng ở Kramer Levin Naftalis & Frankel, đã có mặt cùng ông tại căn hộ lúc 5 giờ sáng. Họ dự định khiến cho vụ bắt giữ càng ít rắc rối càng tốt. Steinberg mặc quần kaki và áo len hải quân cỡ hình chữ V, ông cũng ngần ngại đưa ra thông điệp khi không đeo thắt lưng hay đi giày buộc dây - những công cụ có thể dùng để tự sát - mà Berke đã khuyên ông là đảng nào cũng không được phép khi bị đặc vụ liên bang bắt giữ. Steinberg mở khóa cửa trước. Rồi ông và Berke đợi.

Vào lúc 6 giờ sáng, các đặc vụ FBI bung cửa.

Steinberg đứng lên và chứng kiến khi nhóm đặc vụ bước vào căn hộ và bắt đầu lục soát mọi căn phòng. Họ nhanh chóng xác định không còn ai khác trong nhà. Rồi Steinberg bị còng tay, bước ra khỏi tòa nhà, và bị đẩy vào phía sau một chiếc Ford màu xám. Ngoài trời vẫn tối. Điều ngạc nhiên duy nhất với Steinberg sáng hôm đó là có một tay phóng viên *The Wall Street Journal* đứng ngoài đường, ghi hình toàn bộ vụ bắt giữ bằng điện thoại. Steinberg không phải là người duy nhất được báo trước về vụ bắt giữ.

Các luật sư của Steinberg đã cố gắng thương lượng một vụ tự thú trong nhiều tuần. Họ nghi ông sẽ bị bắt, và đã đề nghị để ông đầu thú, nhưng FBI khẳng định là Steinberg sẽ bị xử lý như mọi bị can khác. Tất nhiên, Steinberg muốn tránh cảnh tượng mất mặt và gây đau lòng trước vợ và các con. Berke đã gọi cho Antonia Apps, công tố viên trưởng trong vụ Dell, và nói với cô rằng thân chủ của ông sẽ đăng ký vào ở một khách sạn lúc 5 giờ sáng và đợi ở đó tới 7 giờ sáng, khung thời gian mà FBI thường tiến hành các vụ bắt giữ, và rằng họ có thể tới và bắt ông ở đó. “Nếu cô và các đồng sự của cô tìm kiếm Mike Sternberg bất kỳ lúc nào kể từ ngày mai, tôi sẽ cho địa chỉ khách sạn và số phòng,” Berke nói với cô.

“Cảm ơn,” Apps nói. “Nhưng tôi không cần thông tin đó trong tuần này.” Cô lưỡng lự một chút rồi nói: “Tuần tới hãy gọi tôi.”

Mọi chuyện tiếp tục như thế trong sáu tuần, và Berke gọi để kiểm tra liệu “họ có cần thông tin khách sạn của Mike” hay không - tức là liệu ông có bị bắt trong tuần đó không. Rồi vào cuối tháng Ba, Apps gọi cho ông. “Anh ta phải có mặt ở đó vào thứ Sáu,” cô nói, rồi gác máy nhanh. Steinberg và Berke đều đang đi nghỉ, nhưng họ bỏ lại mọi thứ và nhanh chóng trở về New York.

Về mặt tài chính thuần túy, vụ của Steinberg chỉ là vặt vãnh. Trong những hoàn cảnh bình thường, chính quyền có lẽ sẽ không bận tâm truy tố ông. Ông bị cáo buộc thực hiện các giao dịch bất hợp pháp trị giá chỉ 1,4 triệu đô la - khoản tiền quá nhỏ so với vụ Martoma 276 triệu đô la. Nhưng vụ bắt giữ gửi đi một thông điệp quan trọng. Đó là lần đầu tiên có người gần gũi với Cohen bị công tay lôi ra khỏi nhà. Không như hầu hết những người khác đã bị truy tố tới thời điểm đó, Steinberg giống như con trai của Cohen.

“Chúng tôi đã bắt người của ông,” Preet Bharara có vẻ như đang nói với Cohen. “Tiếp theo sẽ là ông đấy.”

Steinberg được đưa bằng phà vào trung tâm đến số 26 Federal Plaza để tiến hành thủ tục; ông được lấy vân tay, và bị thẩm vấn bởi các nhân viên công lực chuẩn bị cho việc xét xử. Một lệnh truy tố được mở, cáo buộc ông tội thông đồng và lừa đảo chứng khoán. Ông nộp lại hộ chiếu và được thả ra với khoản bảo lãnh 3 triệu đô la mà ông có được nhờ việc đưa căn hộ của mình làm thế chấp. Gần như ngay lập tức, nỗ lực gây áp lực buộc ông cộng tác bắt đầu. Apps gọi cho Berke ngay khi lệnh truy tố được đưa ra.

“Chúng tôi nghĩ Sternberg nên nói chuyện với chúng tôi,” cô nói. “Chúng tôi rất quan tâm tới bất cứ điều gì anh ấy muốn nói về các cấp trên của mình ở SAC.”

Với Berke, thật rõ ràng là Apps đang nói đến Cohen. Mọi người đều biết Văn phòng Công tố Mỹ tha thiết muốn truy tố ông ta. Nhưng từ góc nhìn của Berke, cộng tác không phải là một lựa chọn. Steinberg khẳng định là ông vô tội, còn việc cộng tác đòi hỏi ông phải nhận tội.

Berke xuất sắc trong các tình huống như thế này. Là người đầu tiên

trong gia đình học đại học - ở Duke, rồi Trường Luật Harvard - Berke lớn lên trong một khu trung lưu ở Philadelphia, nơi cha ông mất công ty cung ứng vải lanh nhỏ của mình sau hàng loạt vụ kiểm toán thuế mà khi đó Berke không thực sự hiểu, nhưng cố vẽ hết sức bất công. Gia đình ông đã mất gần như tất cả, và trải nghiệm đó khiến ông dè chừng chính quyền. Berke rất tự hào đấu tranh trong những vụ thế này.

“Anh ấy không thể thỏa thuận,” Berke nói với Apps. “Anh ấy không làm gì sai.”

ooo

Vào ngày xảy ra vụ bắt giữ Steinberg, nhóm làm vụ Dell của SEC trở lại số 1 St. Andrew's Plaza để gặp các đồng sự của họ ở Văn phòng Công tố Mỹ. Mọi người liên quan tới vụ Dell, cả các công tố viên và điều tra viên của SEC, đều được triệu tập cho một cuộc họp khẩn. George Canellos, quyền giám đốc đơn vị chấp pháp của SEC, chỉ ở New York nửa ngày. Cuộc họp đã được sắp xếp một phần là để phù hợp với lịch làm việc của ông.

Mục đích là thảo luận xem cuộc điều tra sẽ tiến tiếp ra sao với những thông tin mới mà chính quyền có về việc Cohen đã nhận được thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” về Dell. Lừa đảo chứng khoán là tội danh có thời hạn truy tố năm năm. Vụ giao dịch Elan xảy ra vào tháng Bảy năm 2008, vụ giao dịch Dell vào tháng Tám cùng năm. Điều đó đồng nghĩa họ còn lần lượt ba và bốn tháng để truy tố Cohen - hay bất cứ kẻ nào khác - tội hình sự trong những vụ này. Họ không thể lãng phí thời gian.

Canellos đóng giả luật sư bào chữa cố c ãn trắng, chỉ ra những điểm yếu trong vụ của họ. Ông thích làm việc đó, đóng vai đối thủ. Điều này đã

giúp ông nổi tiếng bên ngoài SEC là một người chấp pháp có những lúc miễn cưỡng theo đuổi các vụ việc quá quyết liệt, vì ông thông cảm hơi nhiều với các bị cáo. Dầu vậy, các đồng nghiệp của ông thấy phong cách tranh luận của ông có ích. Không có gì tệ hơn bước vào một cuộc họp dàn xếp hay một phòng xét xử rồi phát hiện ra rằng đối thủ của bạn có lời bào chữa hiệu quả mà bạn không phán đoán được. George luôn đáng tin cậy trong việc cho họ thấy các luật sư bào chữa đối thủ của họ sẽ tập trung vào chuyện gì.

Chỉ vì có người gửi cho Cohen một thư điện tử không có nghĩa là ông ta thực sự đọc nó, Canellos chỉ ra, chứ chưa nói là hành động dựa trên thông tin đó. Và dầu sao, “có người gián tiếp xem được báo cáo” có nghĩa gì? Không sai, có khả năng là người nhận được thư điện tử từ Horvath hiểu chính xác ý nó muốn nói gì. Tất cả phụ thuộc vào bối cảnh. Nhưng khi tách ra, cụm từ đó có rất nhiều cách diễn giải, và ta có thể chắc chắn rằng các luật sư của Cohen sẽ khai thác đi đâu đó tối đa.

Họ lên danh sách tất cả những người họ muốn hỏi chuyện, tất cả mọi người ở SAC có bất kỳ liên hệ nào với thư điện tử của Dell, cũng như quản lý cấp cao hơn của SAC và bộ phận pháp chế. Vì họ có quá ít thời gian, họ cần đặt ra các mức ưu tiên. Họ cần biết thêm về cách thức hoạt động của công ty, ai có quyền bật đèn xanh cho một giao dịch, ai đảm bảo rằng Cohen được báo cho biết các tin tức chứng khoán quan trọng. Họ thảo luận lợi ích của việc gửi các trát tòa tới nhiều giám đốc điều hành khác nhau hay chỉ yêu cầu họ lên thăm vấn. Họ xem lại tất cả bằng chứng cần thiết để chứng minh vụ này trong một phiên tòa.

Với các công tố viên hình sự, cuộc tranh luận là một bài tập đáng thất vọng. Bất chấp khối lượng bằng chứng lớn đã giúp họ kết nối SAC với

giao dịch nội gián, họ sợ rằng gần như không thể truy tố thành công bản thân Cohen mà không có bằng chứng cụ thể hơn, lý tưởng là một nhân chứng có thể làm chứng rằng Cohen biết chính xác ông ta đã làm gì. Preet Bharara, cùng với các công tố viên hàng đầu khác trên cả nước, ngày càng trở nên nhạy cảm với khả năng thua các vụ kiện lớn, nhất là những vụ thu hút nhiều sự chú ý từ truyền thông. Các công tố viên trẻ đầy tham vọng từ các trường luật Ivy League không muốn gắn tên mình với các vụ khởi tố bị thất bại và nổi tiếng, nhất là khi họ đang nỗ lực gây dựng sự nghiệp và danh tiếng. Bharara đã chứng kiến các công tố viên ở Khu Đông thua vụ kiện lừa đảo thu hút nhiều sự chú ý nhắm vào hai giao dịch viên quỹ phòng hộ Bear Stearns vài năm trước, vào năm 2009, một vụ giống như vụ này mà họ tưởng là chắc thắng. Đó là một trong những vụ hình sự lớn đầu tiên từ cuộc khủng hoảng tài chính, và hai tay giám đốc quỹ được tha bổng chỉ sau sáu giờ. Chính quyền bị chỉ trích dữ dội vì đã chọn vụ này đầu tiên và vì cách xử lý nó. Đó là một tai họa, và nó gửi đi một thông điệp cho Bộ Tư pháp rằng nếu họ theo đuổi tội hình sự ở Phố Wall, sẽ an toàn hơn nhiều khi đưa ra các vụ mà họ thấy chắc chắn, thay vì mạo hiểm thua kiện một vụ quá lớn. Mở án hình sự với Cohen thì đó phải là một vụ không được phép thua, các công tố viên của Bharara cảm thấy họ cần một nhân chứng hay một đoạn nghe lén liên hệ rõ ràng ông ta với vụ giao dịch Dell hay Elan, một điếu gì đó thật sáng tỏ, không thể bác bỏ, cho thấy Cohen *có biết* là ông ta đang giao dịch dựa trên thông tin nội gián, về cơ bản, họ cần Steinberg hay Martoma, lật mặt.

Trong khi họ chờ đợi, và hy vọng đi đầu đó xảy ra, họ đang xem xét kiện tội lừa đảo doanh nghiệp với SAC. Các công tố viên có hai nhân viên cấp cao - Steinberg và Martoma - và tất cả các bằng chứng họ đã thu thập được

có thể sử dụng để lập luận rằng toàn bộ nền văn hóa của SAC là băng hoại.

Cuộc tranh luận ở SEC rất khác. Với tiêu chuẩn thấp hơn của cơ quan này chỉ phải chứng minh một vụ dân sự, họ đã có một lập luận khả thi để truy tố Cohen. Họ muốn loại ông khỏi ngành này. Các điều tra viên của SEC biết rằng Cohen có thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” trong hộp thư của ông vào lúc ông bán các cổ phiếu Dell. Tự thân điều đó trên thực tế là đủ. Quy định của SEC có điều khoản rõ ràng cấm một người giao dịch cổ phiếu khi người đó sở hữu thông tin nội gián. Wadhwa cảm thấy chắc chắn là họ có thể thuyết phục một bồi thẩm đoàn một khi đã ráp nối toàn bộ câu chuyện lại. “Chúng ta sẽ tóm được hắn,” ông nghĩ.

ooo

Các luật sư của Steven Cohen đã ngập trong những trát tòa, những văn bản đòi tài liệu, những bản ghi nhớ và những cuộc họp chiến thuật suốt bốn năm trời. Vào đầu mùa xuân, họ bắt tay vào một dự án khẩn cấp mới, tập hợp lời bào chữa mà họ dự tính đưa ra trước Văn phòng Công tố Mỹ. Họ sắp xếp lời bào chữa đó, dài khoảng 130 trang, vào một tập hồ sơ màu đen. Họ sẽ sử dụng nó để đóng một chiếc xuồng cứu sinh.

Vào buổi sáng thứ Năm, ngày 25 tháng Tư năm 2013, những người đàn ông và phụ nữ mặc đồ vest đen bắt đầu đổ vào một phòng họp trên tầng tám ở số 1 St. Andrew's Plaza. Cuộc chen lấn để ngồi ở những chiếc ghế quanh bàn gần nhất với nơi ra quyết định phản ánh thứ bậc của những người tham gia cuộc họp. Richard Zabel, cấp phó của Preet Bharara, ngồi ở trung tâm của phía “chính quyền” bên chiếc bàn dài. Xung quanh ông là các công tố viên, giám đốc đơn vị chứng khoán, người đứng đầu đơn vị

tịch thu tài sản và lãnh đạo bộ phận hình sự của văn phòng. Một số đặc vụ FBI có mặt ở đó cùng các luật sư của SEC đang làm các vụ Dell và Elan. Có quá nhiều luật sư của chính quyền, mười bảy người cả thảy, tới mức một số người phải lấy thêm ghế từ ngoài hành lang.

Vài tuần trước đó, đoán trước thời điểm này, Bharara đã yêu cầu các công tố viên của ông chuẩn bị bản ghi nhớ chi tiết vạch rõ tất cả bằng chứng chính quyền có để chống lại Cohen. Bản ghi nhớ phải bao gồm mọi bằng chứng về những gì Cohen đã biết với các giao dịch Dell và Elan, cũng như mọi bằng chứng từ các vụ khác có thể dùng để chống lại ông ta. Antonia Apps và Arlo Devlin-Brown tự nhốt họ một tuần lễ để sắp xếp lại các bằng chứng. Ngoài bằng chứng từ các vụ Dell và Elan, bản ghi nhớ còn bao gồm hết ví dụ này tới ví dụ khác việc Cohen có vẻ đã nhận được thông tin nội gián từ các giao dịch viên và chuyên viên phân tích của ông mà không làm gì để tìm hiểu xem những thông tin đó có sạch không. Các công tố viên cảm thấy rõ ràng là nhân viên của Cohen cảm thấy thoải mái khi trao cho ông thông tin nội gián. Một số người đã nói với FBI rằng họ coi đó là một phần công việc của mình. Và các công tố viên đã thấy Cohen chưa bao giờ báo lại một vụ giao dịch đáng ngờ của nhân viên với SEC.

Khi bản ghi nhớ hoàn tất, nó được chuyển cho Bharara, người đã xem xét nó kỹ lưỡng. Rồi ông và Zabel bỏ ra nhiều giờ đồng hồ với Apps và Devlin-Brown xem đi xem lại nó. Họ vạch ra những lập luận bào chữa khả dĩ và hỏi các công tố viên là họ sẽ đáp lại những lập luận đó như thế nào. Có cả một núi bằng chứng họ có thể sử dụng để chống lại Cohen, mọi người đều nhất trí đi đầu đó, nhưng sẽ là không đủ cho một chiến thắng chắc chắn trước tòa. Cơ hội chiến thắng của họ thậm chí không phải là 50 - 50. Bằng chứng của họ mang quá nhiều tính tình huống.

Mặt khác, truy tố hình sự SAC là vụ mà họ có thể thắng dễ dàng. Họ sẽ bắt đầu mở vụ đó trong khi chờ Martoma cân nhắc và quyết định cộng tác. Martoma có một gia đình trẻ và một án tù dài trong tương lai. Khi ngày xét xử của anh ta đã tới gần, họ hy vọng lợi ích của việc cộng tác với chính quyền sẽ rõ ràng hơn và anh ta sẽ cho họ bằng chứng mà họ cần để chống lại Cohen.

Bước tiếp theo là yêu cầu một cuộc gặp với các luật sư của Cohen. Điều quan trọng là phải nghe quan điểm của họ và cho họ cơ hội trao đổi với chính quyền trước khi tiến tiếp. Đó cũng là cơ hội để xem trước lời bào chữa của Cohen sẽ là gì. Đó là thời điểm mà Marty Klotz và phần còn lại của nhóm pháp lý được thuê với giá 10.000 đô la mỗi giờ của Cohen chứng tỏ họ thông minh tới mức nào.

Klotz xuất hiện có phần hơi nhếch nhác, như mọi khi. Michael Schachter, đối tác của ông ở hãng luật Willkie Farr & Gallagher, ngồi cạnh ông. Daniel Kramer, Michael Gertzman và Mark Pomerantz đều là đối tác hợp danh ở hãng luật Paul, Weiss, ngồi cạnh họ. Ted Wells, luật sư bào chữa ngôi sao ở hãng Paul, Weiss, cũng tham dự. Ông không lên tiếng, nhưng thông điệp thật rõ ràng: nếu vụ việc ra tòa, Wells, nổi tiếng với việc từng khóc trong những tranh luận khép lại vụ bào chữa của mình, sẽ là đối thủ của họ.

Klotz dẫn dắt cuộc trao đổi. Nhiệm vụ của ông quá rõ: ông muốn Steve Cohen không phải ngồi tù. Ông nhận nhiệm vụ này với sự nghiêm túc như thể Cohen là một thành viên gia đình ông vậy.

Vào năm 1988, các luật sư của Michael Milken^[115], khi đối mặt với những áp lực pháp lý khó khăn tương tự, đã dùng chiến thuật bất cần đạo lý lập luận rằng Milken là một vị anh hùng Mỹ, sở hữu đế chế trái phiếu

lãi suất cao đã cung cấp năng lượng cho nền kinh tế Mỹ. Họ mô tả Milken như một “kho báu quốc gia”, một “thiên tài” và một “nguồn lực quốc gia”, và công khai tranh biện rằng những gì Milken làm trong việc xây dựng thị trường trái phiếu lãi suất cao đã tạo ra giá trị cho các công ty và cộng đồng trên cả nước. Lập luận này thực ra có phần đúng. Milken đã mở ra những phương pháp mới cho các công ty vay mượn tiền và mở rộng quy mô, nhất là các công ty bị coi là quá nhỏ hay quá mạo hiểm nên khó nhận được các khoản vay truyền thống; những sáng tạo của ông ta đã đóng góp vào tăng trưởng kinh tế theo cách thức mà các quỹ phòng hộ hiện đại chưa bao giờ làm được. Milken cũng mở một chiến dịch quan hệ công chúng, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng mà ông ta biết chắc là sẽ thân thiện. Theo nhiều cách, Cohen là người tương ứng của Milken, một chuyên gia tài chính xuất phát từ tầng lớp trung lưu và vươn lên thành hiện thân cho Phố Wall ở thời của ông, một phần qua những phương pháp mà nhà chức trách nghi ngờ là bất hợp pháp. Trong trường hợp của Milken, lời bào chữa của ông ta đã tỏ ra là một tính toán sai lầm tệ hại, sự thể hiện xác xược chỉ càng khiến các công tố viên thêm quyết tâm hạ gục ông ta.

Các luật sư của Cohen đủ thông minh để không làm theo cách đó. Họ không nói Cohen là một vị thánh hay người tạo ra công ăn việc làm hay bằng cách nào đó ông đã nâng tầm những người đồng bào Mỹ của mình lên. Thay vì thế, họ tập trung vào điểm yếu của chính quyền: nỗi sợ đến run người của họ nếu thua một vụ kiện lớn. Klotz muốn tạo ra sự nghi ngờ. Ông và các đồng sự đủ khôn ngoan để biết rằng rốt cuộc những tính toán của chính quyền đều ở vấn đề đánh giá rủi ro và việc tạo tiếng vang. Klotz sẽ khiến các công tố viên phải nghĩ kỹ xem nhận một thất bại bề mặt

tại tòa sẽ ra sao. Ngay khi đi đầu đó xảy ra, các tit báo về Preet Bharara sẽ đổi từ “Người đàn ông này đang trấn áp Phố Wall” thành thứ gì đó ít hay hơn nhiều.

Một luật sư tập sự ở Willkie phát các tập tài liệu màu đen mà họ đã chuẩn bị cho mọi người trong phòng. Bên trong là bài trình bày bào chữa chia làm ba phần: “Plotkin”, “Cohen” và “Elan”. Klotz nhìn vào những khuôn mặt. “Cảm ơn quý vị vì đã cho chúng tôi thời gian tới đây và trao đổi với quý vị hôm nay,” ông nói bằng giọng từ tốn. Rồi ông bắt đầu nói, và không ngừng lại trong gần bốn giờ liền. Ông hướng dẫn họ qua từng trang hồ sơ một và các thư điện tử về việc giao dịch. Các viên chức chính quyền có mặt chưa bao giờ trải qua đi đầu gì như thế.

Lập luận Klotz đưa ra liên quan tới vụ Dell bao gồm ba yếu tố: rằng có khả năng cao là Cohen đã không đọc thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” trong vụ Dell; rằng việc ông có đọc nó hay không đều sao cũng không mấy liên quan; và cuối cùng, rằng thậm chí nếu Cohen có đọc thư điện tử đó và thực hiện giao dịch dựa trên nội dung của nó, vẫn không hề rõ ràng là nó sẽ cấu thành tội giao dịch nội gián vì Cohen biết quá ít về nguồn tin gốc của gợi ý.

Lập luận mà Klotz đưa ra đơn giản một cách đối trá. Ông không đặt ra tình huống Cohen có những lý do sáng suốt của riêng ông ta để bán đi số cổ phiếu Dell. Thay vào đó, luật sư riêng của Cohen đang nói rằng giao dịch viên thành công nhất trong thế hệ mình đã tính toán theo từng ngày một. Có thể ông đã đọc thư điện tử tối quan trọng đó, có thể không. Ai mà biết được? Cohen sống trong một đầ n lầy thông tin sâu tới mức đơn giản là không cách nào chứng minh được rằng bất kỳ thư điện tử đơn lẻ nào đã được đọc, chứ đừng nói là ông hành động dựa trên đó. Ông đã ra quyết

định độc lập với chính các chuyên viên phân tích và chuyên gia được trả lương rất cao của mình, dựa vào bản năng của chính ông. Về cơ bản không hề có phương pháp nào trong những gì ông làm; tất cả chỉ là sự hỗn loạn.

“Không có bằng chứng cho thấy Steve đã đọc thư điện tử ‘có người gián tiếp xem được báo cáo’ hay ông ấy đã trao đổi với bất kỳ ai về thư điện tử đó,” Klotz tiếp tục. “Không hề có nhân chứng nào làm chứng rằng họ đã thảo luận thư điện tử đó.” Ông nói thêm, “Steve chỉ đọc một tỉ lệ phần trăm rất nhỏ các thư điện tử của mình.”

Ông lật sang bản in ra một bức ảnh chụp màn hình hộp thư điện tử của Cohen. Cohen có các bộ lọc thư rác chuyển các tin nhắn rác từ dòng thông tin tràn ngập của ông, và thậm chí sau đó ông vẫn nhận được ít nhất 20.000 thư điện tử mỗi tháng, hay tương đương 1.000 thư điện tử một ngày làm việc. Ông chỉ xem 10% trong số đó. Cohen chỉ đọc khoảng 21% thư điện tử ông nhận được từ giao dịch viên nghiên cứu của ông, Anthony Vaccarino, người đã chuyển thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” cho Cohen, Klotz nói thêm. Ví dụ mà Klotz đưa ra về hộp thư điện tử của Cohen trong Microsoft Outlook bao gồm một tin nhắn từ Wayne Holman về việc lên lịch cho một trận golf và một bữa tối cũng như các báo cáo nghiên cứu từ nhiều công ty môi giới khác nhau về giá dầu và các biên bản của Cục Dự trữ Liên bang.

Ở giữa màn hình, có thể nhìn thấy rõ ràng tin nhắn từ Vaccarino: “FW; DELL”^[116], viết bằng chữ in đậm.

Các luật sư cố gắng kìm tiếng cười khúc khích khi thấy tin nhắn ngay trước thư điện tử về Dell là một tin quảng cáo từ Amazon - “Giảm giá tới 60% các tạp chí nghệ thuật”. Có vẻ như các bộ lọc thư rác không phải lúc

nào cũng hiệu quả.

Klotz đã chỉ rõ, Cohen cũng nhận được số lượng tin nhắn tương đương mỗi ngày. Bàn làm việc của Cohen đặt bảy màn hình. Các tin nhắn Microsoft Outlook xuất hiện trên một máy tính ở phía xa bên trái, đằng sau rất nhiều màn hình khác, càng làm tăng khả năng ông chưa bao giờ thấy tin nhắn về Dell. Ông sẽ phải “quay về phía xa bên trái bảy màn hình của ông, hạ một hoặc hai chương trình trong máy tính xuống, kéo các thư điện tử của ông xuống, nhấp chuột vào thư điện tử ‘có người gián tiếp xem được báo cáo’ để mở nó ra, lướt qua ba địa chỉ chuyển tiếp để đọc được thư điện tử ‘có người gián tiếp xem được báo cáo’, trước khi ra lệnh bán các cổ phiếu của Dell”. Tất cả những việc đó, theo lời Klotz, diễn ra trong không đầy nửa phút.

Ý tưởng cho rằng Cohen có thể đi đầu hành vi kinh doanh của ông với cung cách bừa bãi như thế không thuyết phục chút nào với hầu hết đi đầu tra viên trong phòng. Họ đã nghiên cứu Cohen sáu năm và hiểu ông ta là một kẻ tiêu thụ thông tin tham lam. Họ tin rằng SAC đã được cơ cấu để đảm bảo Cohen được tiếp cận với mọi mặt dữ liệu giao dịch được thu thập bởi các giám đốc danh mục của ông ta cùng các nhóm hiệu chiến, đây tham vọng của họ. Ông ta kiểm soát và đầy đòi hỏi. Ý kiến cho rằng ông ta phớt lờ 80% tin nhắn từ giao dịch viên nghiên cứu của chính mình, người mà công việc duy nhất là báo động những thông tin tối quan trọng trên thị trường, thật phi lý với các luật sư.

Nhưng nhìn vào những lập luận bào chữa rất tỉ mỉ năng của Cohen, thì chúng khá mạnh mẽ.

Klotz nhắc mọi người trong phòng về hành trình rối rắm mà thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” đi qua trước khi được gửi cho

Cohen. “Steve không nhớ là đã đọc nó,” Klotz nói. “Ông ấy có thể đã không đọc nó.”

Klotz sau đó đánh giá lại một số dữ kiện xung quanh việc trao đổi thư điện tử này: vào ngày 26 tháng Tám năm 2008, hai ngày trước khi Dell công bố báo cáo thu nhập, Cohen đang sở hữu 500.000 cổ phiếu. Trong khi đó, Steinberg đang bán khống cổ phiếu của Dell. Ngay khi Steinberg biết Cohen đang giữ cổ phiếu Dell, ông và Horvath bắt đầu tranh luận có nên nói và nói bằng cách nào cho Cohen biết rằng họ và Cohen đang đặt cược ngược nhau. Steinberg nói với Cohen về quan điểm trái ngược của họ về cổ phiếu này vào sáng hôm đó, khi báo cáo kết quả kinh doanh còn hai ngày nữa mới được công bố. Rồi Steinberg giục Gabe Plotkin, người cũng đang giữ cổ phiếu Dell, thảo luận nghiên cứu của chính anh ta với Horvath qua thư điện tử. Vào lúc 12 giờ 45 phút chiều, Plotkin và Cohen trao đổi 7 phút trên điện thoại. Không lâu sau đó, Horvath gửi thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” mà Plotkin đã chuyển tiếp cho Vaccarino, người sau đó chuyển tiếp thư cho Cohen.

Vaccarino khi đó đã gọi cho Cohen, cuộc gọi kéo dài khoảng một phút. Vào lúc 1 giờ 39 phút chiều, ngay sau khi gác máy, Cohen bắt đầu bán. Vào lúc thị trường đóng cửa chiều hôm đó, ông đã thoát khỏi 500.000 cổ phiếu Dell đang sở hữu.

Ngay sau 4 giờ chiều ngày 28 tháng Tám, Dell công bố báo cáo doanh thu của họ. Cổ phiếu giảm giá. Cohen đã tránh được khoản thua lỗ 1,5 triệu đô la.

Klotz sau đó bắt đầu tấn công vào cơ sở pháp lý của vụ kiện. Thậm chí còn khá xa để một giao dịch do Steve thực hiện sau khi ông nhận được thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo” đủ để cấu thành tội giao

dịch nội gián, ông lập luận. Thông tin về Dell đã chuyển từ một nhân viên quan hệ với nhà đầu tư của Dell tới một giao dịch viên khác tên là Sandeep Goyal, tới Jesse Tortora, tới Horvath, tới Steinberg, tới Plotkin, tới Vaccarino, tới Cohen. Klotz và các cộng sự của ông từ vị thế biện hộ tin rằng Cohen ở quá xa nguồn tin gốc của thông tin này, và không có hiểu biết đầy đủ về tình huống, để phải chịu trách nhiệm hình sự với bất cứ tội danh lừa đảo chứng khoán nào.

“Tôi đã trao đổi với một số người, họ đều nói rằng chuyện này không thể là sự mở rộng hợp pháp tội danh giao dịch nội gián,” Klotz nói.

“Có ai trong những người đó là thẩm phán cấp liên bang không?” Rich Zabel, thành viên cấp cao nhất của Bộ Tư pháp ở cuộc họp, hỏi. “Cho xin đi.”

Zabel, có một chùm râu dê nhỏ khiến ông trông hơi giống một con sói, đã trưởng thành từ trong bóng của ngành quỹ phòng hộ. Ông là con trai của William Zabel, người sáng lập công ty luật Schulte Roth & Zabel, vốn có rất nhiều khách hàng là quỹ phòng hộ. Ông hiểu những gã làm quỹ phòng hộ giàu có này làm việc ra sao, và ông không sợ bày tỏ sự châm chích của mình với động cơ của họ. Nhưng ở nơi mà sự thẳng thừng của ông thường làm bật ra những tràng cười lớn, ở đây chỉ có sự im lặng lúng túng. Dù không muốn thừa nhận, các luật sư của chính quyền biết rằng khoảng cách từ Cohen đến nguồn tin rò rỉ từ Dell là một điểm yếu nghiêm trọng.

Klotz sau đó đã đưa ra một câu chuyện giả thiết về con rể của ông, một nhân viên ở Best Buy, chuỗi siêu thị điện máy. “Quý vị có thể hỏi anh ta, ‘*Ti vi màn hình phẳng đang bán thế nào?*’ và anh ta sẽ nói với quý vị đi đầu đó,” Klotz nói. “Đó chính là ‘có người gián tiếp xem được báo cáo’ từ ai đó bên trong công ty. Và đi đầu đó hoàn toàn hợp pháp. Thư điện tử về Dell

này không khác gì so với việc tôi nói chuyện với con rể mình.”

Klotz liếc nhìn khuôn mặt những luật sư của chính quyền xung quanh. Họ có vẻ không lay chuyển. Tuy nhiên, bên trong, các công tố viên biết rằng ông ta có lý. Khó mà truy tố Cohen chỉ dựa trên cơ sở lá thư điện tử đó.

Sau ba giờ đồng hồ, Klotz rút cuộc quay sang Elan, phần nhỏ nhất trong tập hồ sơ, phản ánh rõ mức độ đe dọa mà các luật sư của Cohen cảm thấy với giao dịch này ra sao, bởi Martoma không chịu cộng tác với FBI. Cốt lõi trong lập luận của Klotz là có nhiều lý do giải thích tại sao việc Cohen bán cổ phiếu Elan là hợp lý, không lý do nào liên quan tới thông tin nội gián mà Martoma có thể đã có được. Ông đưa ra một biểu đồ cổ phiếu của Elan, đã tăng từ khoảng 19 đô la vào tháng Ba lên hơn 30 đô la vào tháng Bảy. Chỉ dựa trên đó, ông nói, việc bán cổ phiếu đã là một ý hay. Một số chuyên gia phân tích đã đưa ra báo cáo trong tháng đó cho rằng chứng khoán này đã đạt đỉnh và tới lúc rút ra. SAC đang ngổn trên đồng lợi nhuận chưa được hiện thực hóa với cổ phiếu này trị giá 80 triệu đô la. Rồi, Klotz nói, Cohen nhận được một cuộc gọi từ Martoma, người nói anh ta “không còn thấy thoải mái” với việc mua vào cổ phiếu này. Bán ra là đi đầu khôn ngoan duy nhất.

Khi Klotz nói xong, Zabel chỉ lắc đầu. “Tôi xin lỗi, tôi không nghĩ được chuyện này,” ông nói, phản ánh suy nghĩ của nhiều người trong phòng.

Thông thường, các luật sư bào chữa trình bày những lập luận mạnh nhất của họ trong các cuộc họp như thế này, và với Zabel tất cả nghe thật yếu ớt. Những lập luận của Klotz trêu tượng, không dựa trên bất cứ đánh giá thực tế nào. Cohen *có thể* không đọc thư điện tử. Ông ta *có thể* không

có đủ thời gian để phản ứng. Theo quan điểm của Zabel, nghe như thể “Tôi có thể đã ở ngân hàng, và tôi có thể đã đeo mặt nạ, và tôi có thể có súng, nhưng đi đâu đó không có nghĩa là tôi cướp ngân hàng.”

Dẫu vậy, nghe Klotz trình bày mọi chuyện, gần giống với những gì ông ta sẽ làm trước một bồi thẩm đoàn, là một liều thực tế khó nuốt. Sau nhiều năm làm việc cật lực, họ vẫn không thật sự có bằng chứng mà họ thấy cần thiết để kết tội Steve Cohen. Dù cách nào thì bằng chứng ấy vẫn không hợp với một vụ kiện hình sự. Hơn một tá người ở FBI, SEC và Văn phòng Công tố Mỹ đã làm việc gần một thập niên để sắp ra một hàng những con ky bowling, và Klotz vừa đá đổ tất cả. Hy vọng duy nhất còn lại của họ là Steinberg hay Martoma sẽ cộng tác.

Klotz thu thập tài liệu của ông lại và đứng lên. Ông sẽ yên tâm ngủ ngon tối nay.

“Cảm ơn rất nhiều vì đã dành thời gian cho chúng tôi,” ông nói.

Zabel lao ngay tới văn phòng của Bharara để báo với ông chuyện đã xảy ra.

ooo

Hai nhóm rời cuộc họp có ấn tượng khác nhau về những gì vừa xảy ra. Các luật sư của Cohen cảm thấy họ đã đưa ra chứng lý mạnh mẽ phản bác lại việc truy tố hình sự thân chủ của họ. Sự tự tin của họ không sai lạc. Các công tố viên hình sự tham gia cuộc họp thấy tin tưởng hơn bao giờ hết vào lúc cuộc họp kết thúc là họ chưa có bằng chứng cần thiết để truy tố Cohen tội lừa đảo chứng khoán. Thay vì thế, họ chuyển sự chú ý sang Kế hoạch B, truy tố công ty của Cohen thay vì chính Cohen. Về mặt pháp lý, khi một nhân viên đang làm việc trong phạm vi công việc mà mình được

giao lại phạm tội, thì tội đó có thể được gán cho công ty mà anh ta làm việc. Truy tố SAC không phải là kết quả đáng hài lòng nhất, nhưng các công tố viên có thể làm thế và vẫn để ngỏ khả năng Martoma sẽ lật mặt và giúp họ truy tố Cohen sau này.

Văn phòng Công tố Mỹ thường bị chỉ trích vì không trừng phạt các công ty Phố Wall phạm tội lừa đảo, và Bharara có thể đưa ra việc truy tố SAC để đáp lại. Nó sẽ gửi đi một thông điệp mạnh mẽ cho cả Martoma nữa, rằng thời gian không còn nhiều để anh ta thay đổi lập trường. Vài ngày sau, Apps và Devlin-Brown bắt đầu gửi đi các trát yêu cầu từ đại bồi thẩm đoàn. Một trát được gửi cho Cohen, những trát khác cho các lãnh đạo cao cấp của SAC. Đó không phải là những dấu hiệu về một cuộc điều tra được tiến hành trong yên lặng. Thay vì thế, vụ án giờ đã tập trung động lực và chuyển hướng sang một giai đoạn mới, nghiêm túc hơn. Các công tố viên hy vọng rằng cuối cùng họ sẽ có hai vụ mang tính lịch sử, một chống lại Cohen và một chống lại công ty của ông ta.

Klotz gọi cho người đứng đầu đơn vị chứng khoán ở Khu Nam và nói rằng Cohen sẽ sử dụng Tu chính án thứ năm để đáp lại trát yêu cầu. Họ đang chuẩn bị ra trận.

Với tin tức về các lệnh triệu tập của đại bồi thẩm đoàn được đăng trên báo, các nhà đầu tư của SAC, sau nhiều năm tặng lờ các dấu hiệu, cuối cùng đã bắt đầu rút tiền của họ ra, và một dòng vốn lớn chảy khỏi công ty. Kể từ đầu năm mới, gần 2 tỉ đô la đã được rút khỏi tổng khoản tiền 6 tỉ đô la không phải của Cohen và các nhân viên của ông mà quỹ này đang quản lý. Nhà đầu tư bên ngoài lớn nhất của SAC là Blackstone Group, một quỹ đầu tư thanh khoản tư nhân^[117] do tỉ phú Stephen Schwarzman điều hành. Blackstone đã bỏ 550 triệu đô la vào SAG. Các lãnh đạo ở công ty đã đổi

theo khi cuộc đi điều tra tiến triển, tranh luận xem phải làm gì. Schwarzman có ý kiến mạnh mẽ về chính quyền. Ông cảm thấy nội các Obama đã đi chệch hướng khi bôi nhọ Phố Wall, và ông không muốn bỏ Cohen chỉ vì chính quyền đang săn đuổi ông ta, nhưng dấu hiệu mới này về việc Cohen đang chuẩn bị đấu với Bộ Tư pháp đã khiến Blackstone đệ đơn rút vốn. Rủi ro tiền của họ sẽ bị cột chặt vào vụ kiện tụng lớn đến mức không thể phớt lờ.

Mọi chuyện như thế những nhà đầu tư lớn nhất nước, những cá nhân giàu có nhất, những quỹ hưu trí lớn nhất và các quỹ niên liễm giáo dục, bỗng nhiên tỉnh cơn mê. Với việc rút tiền, họ thừa nhận có lẽ lợi nhuận cực lớn của SAC hết năm này tới năm khác tốt đến mức không thể là thật được.

ooo

Trong nội bộ SEC, các luật sư và sếp của họ ở đơn vị chấp pháp đang tranh luận phải làm gì với vụ của riêng họ. Đơn vị chấp pháp nổi tiếng của cơ quan này được đồng quản lý bởi Andrew Ceresney, một cựu đối tác ở hãng luật Debevoise & Plimpton và là người mới, cùng George Canellos, một quan chức chấp pháp lâu năm. Klotz và phần còn lại trong nhóm tư pháp của Cohen bước vào với các tập hồ sơ của mình và trình bày tương tự với cả hai người những gì họ đã nói ở Văn phòng Công tố Mỹ, lập luận rằng cơ quan này không nên truy tố vụ việc.

Các luật sư của SEC đã đi điều tra vụ Deil trong ba năm trước đó cảm thấy họ có đủ bằng chứng để truy tố Cohen tội giao dịch nội gián. Gánh nặng của bằng chứng mà SEC phải đáp ứng thấp hơn so với các công tố viên hình sự, những người phải chứng minh là có tội chứ không chỉ là sự

nghi ngờ về tính hợp lý. Với một vụ dân sự, về cơ bản SEC chỉ cần chứng minh những dữ kiện về một bằng chứng đáng tin, tức là mọi chuyện có khả năng đúng cao hơn. Nhiệm vụ phía trước họ là thuyết phục các sếp, Canellos và Ceresney, rằng họ cần tiến lên. Nếu hai người đó đồng ý, thì các nhân viên của bộ phận cần lập ra một ủy ban năm người của SEC và thuyết phục đa số rằng họ nên bắt đầu tiến trình tố tụng.

Linh cảm của Ceresney là họ nên đệ đơn kiện. Canellos thận trọng hơn, lập luận rằng họ không có bằng chứng để thắng. Ceresney giống như một chú chó nhỏ đầy phấn khích, trong khi Canellos là chú chó đầy thận trọng, đang lo lắng về việc một thất bại bẽ mặt trước giám đốc quỹ phòng hộ nổi tiếng nhất thế giới có thể hủy hoại cơ quan của họ ra sao. Hai luật sư chuyên ra tòa của SEC, những người trên thực tế sẽ trình bày vụ việc ở tòa nếu mọi chuyện đi tới đó, chỉ ra những vấn đề với bằng chứng họ có, vốn chỉ mang tính tình huống. Họ nói rằng các luật sư của Cohen chắc chắn sẽ lập luận rằng diễn tiến của các sự kiện - việc chuyển tiếp thư điện tử liên quan tới Dell “có người gián tiếp xem được báo cáo”, cuộc gọi giữa Cohen và giao dịch viên nghiên cứu của ông, đã khiến ông không có đủ thời gian đi qua tất cả các bước để bán cổ phiếu.

Klotz và đối tác Schachter của ông nhắc lại cùng những điểm họ đã nêu ra với Văn phòng Công tố Mỹ: Cohen không nhất thiết đã đọc thư điện tử. Cohen sẽ chiến đấu. Mọi việc sẽ phải ra tòa. SEC sẽ *không hề có nhân chứng nào để* phản bác lập trường của Cohen. Schachter cũng tấn công tính hợp pháp của các bản sao cước từ công ty viễn thông AT&T mà SEC có, cho thấy Cohen đã trao đổi với Vaccarino ngay trước khi Cohen bán các cổ phiếu Dell; ông xác quyết rằng không có cách nào chứng minh Cohen thực sự trả lời điện thoại. SEC đã mất nhiều tháng tham vấn các

chuyên gia công ty điện thoại nhằm chứng minh rằng Cohen đã trả lời điện thoại, nhưng Schachter vẫn xoay xở khiến họ phải tiêu tốn nhiều giờ đồng hồ quý giá lao vào cuộc tranh luận đó.

Đội ngũ ở SEC dành cả dịp cuối tuần và nghỉ lễ Chiến sĩ trận vong^[118] tranh luận căng thẳng với cấp trên về việc phải tiếp tục ra sao. Sanjay Wadhwa đã lái xe tới Providence, Rhode Island, cùng vợ và cậu con trai 3 tuổi của ông. Matt Watkins ở West Virginia thăm họ hàng. Justin Smith trải qua cuối tuần dài ở Massachusetts. Tất cả đều dành lượng thời gian đáng kể trên điện thoại hoặc tìm cách xác định các mẫu bằng chứng mà những người ở cấp cao hơn muốn thấy. Các thư điện tử được gửi đi gửi lại, tiếp nối là những cuộc gọi nóng máy.

Từ từ, các luật sư trong đội ngũ của SEC bắt đầu thấy được sự thay đổi trong quan điểm của Ceresney. Ông bắt đầu bỏ cuộc.

Không ai muốn thừa nhận, nhưng những lập luận từ các luật sư của Cohen vài tuần trước đó có vẻ đã gây tác động. Tới cuối tuần lễ của ngày lễ Chiến sĩ trận vong, Ceresney bỗng nhiên không còn nghĩ họ có một vụ mạnh nữa. Những người đứng đầu bộ phận chấp pháp được ca tụng của SEC từ chỗ tự tin vững vàng vào vụ án của họ đã đi tới tình trạng thoái lui.

Các luật sư trong đội ngũ của SEC tuyệt vọng với viễn cảnh không thể truy tố Cohen. Họ không thể tin được là sau tất cả những chuyện này, các sếp của họ lại chuẩn bị rút lui. Họ bắt đầu cố gắng tìm hiểu những cách thức khác để trừng phạt Cohen. Họ tin rằng công ty của ông băng hoại và họ phải loại ông ra khỏi thị trường. Có những kiểu vi phạm khác ngoài giao dịch nội gián, những vi phạm có thể xuất phát từ sự lơ là hay bất cẩn trong quản lý nhân viên. Phải có cơ chế nào đó để đóng cửa SAC.

Hết chiếc này tới chiếc khác, những chiếc SUV đậu lại trên đường Centre ở Hạ Manhattan và thả các giám đốc cấp cao của SAC trước Văn phòng Công tố Mỹ. Sáu người đã tới đó cho các cuộc thẩm vấn với Arlo Devlin-Brown và Antonia Apps, trong đó họ trả lời các câu hỏi chi tiết về cách thức công ty vận hành. Tất cả những ai mà các công tố viên đã gửi trát yêu cầu trình diện đều có mặt. Tất cả, trừ Cohen.

Ngay cả không có ông ta, quy trình này vẫn làm sáng tỏ nhiều điều. Các công tố viên đã biết thêm nhiều trường hợp mà giao dịch đáng ngờ có vẻ đã xảy ra ở SAC. Trong một vụ, một giao dịch viên được đề nghị một công việc ở SAC vì anh ta đã thuê một căn nhà nghỉ hè cùng với giám đốc tài chính của một công ty niêm yết, và anh ta giới dự đoán doanh thu hàng quý của công ty này. Trong một vụ khác, một giám đốc danh mục biết được một báo cáo nghiên cứu có kết quả không tốt chuẩn bị được công bố về một công ty tên là Medicis Pharmaceutical và đã bán khống cổ phiếu trước khi bản báo cáo được công bố. Đó là vụ duy nhất mà các công tố viên thấy bộ phận pháp chế của SAC phạt một người vì giao dịch nội gián. Hình phạt nội bộ là một khoản tiền phạt.

Mọi thứ họ biết về cách thức hoạt động của SAC trở nên hoàn toàn hợp lý với các công tố viên khi họ thẩm vấn xong Steven Kessler, trưởng bộ phận pháp chế của SAC. Bộ phận pháp chế ở một quỹ phòng hộ cực kỳ quan trọng, do nó có nhiệm vụ bắt mọi người tuân thủ các quy định. Không giống Sol Kumin, Tom Conheaney và các giám đốc SAC khác mà họ đã gặp, Kessler không có vẻ là một người tinh tế. Ông là một trong những người đến cuối cùng, và khi tới, ông bắt đầu cuộc gặp với một bài nói

chuyện được viết sẵn ra giấy về bộ phận pháp chế của SAC và về việc bộ phận này ngay thẳng ra sao. Ông tự hào rằng SAC đã ra mắt một chương trình thí điểm bắt quả tang các giao dịch đáng ngờ bằng cách tìm kiếm những từ khóa nhất định trong các thư điện tử của công ty, nhưng chương trình này chỉ được bắt đầu bốn năm sau khi các giao dịch mà chính quyên đang nghi ngờ xảy ra. Khi bắt đầu trả lời các câu hỏi, Kessler cũng chẳng tỏ ra ấn tượng hơn.

“Đã bao nhiêu lần ông báo cáo hoạt động nghi ngờ là giao dịch nội gián ở SAC cho cơ quan công quyền?” Devlin-Brown hỏi.

“Không lần nào,” Kessler đáp.

Cuộc trao đổi tiết lộ đôi đi đầu về cách thức Cohen lựa chọn vận hành công ty của ông ta. Cả Kessler và trong chừng mực nào đó, Peter Nussbaum, luật sư trưởng của SAC, đều là những gã trăn trính, ít năng lượng mà ý kiến dễ dàng bị át đi. Trong khi đó chủ tịch công ty, trưởng bộ phận tuyển dụng và người đứng đầu bộ phận giao dịch đều là những gã to cao với đôi vai rộng, vui tính và tự tin, những gã rất ngầu mà Cohen có lẽ đã ước mình có thể trở thành. Dường như trước các công tố viên, Cohen có vẻ là một người từng bị bắt nạt khi còn nhỏ. Giờ ông ta đã trở nên cực giàu, ông có thể bắt nạt lại người khác. Như những công tố viên đã thấy, những người mà ông ta nhiều khả năng muốn bắt nạt nhất là ở bộ phận pháp chế và tư vấn pháp lý.

ooo

Ở SEC, các nhóm làm vụ Dell và Elan đã ngồi xuống cùng nhau để xem liệu họ có thể kết hợp bằng chứng thu thập được trong cả hai cuộc đi đầu tra thành một cáo buộc khiến SAC phải đóng cửa hay không. Một vài điểm

giống nhau giữa hai vụ nổi bật lên. Cả tình huống Dell cùng các giao dịch Elan và Wyeth đều xảy ra dưới sự giám sát trực tiếp của Cohen. Có hình mẫu rõ ràng cho thấy Cohen hoàn toàn sẵn sàng bỏ qua các dấu hiệu rằng thông tin ông nhận được từ các giao dịch viên của mình có thể là bất hợp pháp.

Wadhwa tới chỗ Ceresney và Canellos với một ý tưởng: tại sao họ không từ bỏ ý tưởng giao dịch nội gián mà thay vì thế truy tố Cohen với tội “thiếu trách nhiệm giám sát”¹¹⁹ vì đã lơ là không giám sát các giao dịch viên của ông một cách thích đáng? Đó là một cáo buộc yếu hơn so với giao dịch nội gián, nhưng rất cuộc, nếu mục tiêu của họ là loại Cohen khỏi ngành chứng khoán, như thế có thể là đủ. Các nhân viên của Wadhwa nghĩ rằng bằng chứng chắc chắn là đủ mạnh để ủng hộ cáo buộc này. Thêm vào đó, nó không có rủi ro của việc thua ở một phiên tòa. Họ có thể đưa vụ việc ra một tòa nội bộ của SEC, nơi gánh nặng trách nhiệm thắng thua sẽ thấp hơn. Ở thời điểm này, giới lãnh đạo ở SEC đã nghiêng về việc không đệ đơn kiện nữa, và thiếu trách nhiệm giám sát còn tốt hơn là chẳng có gì.

Trong sự nhẹ nhõm của các nhân viên SEC, Ceresney và Canellos đã đồng ý.

Khi Wadhwa gọi cho Klotz để thông báo với ông về quyết định truy tố mới, cả Klotz nữa cũng có vẻ nhẹ nhõm.

“Được rồi,” ông nói. Ông chỉ yêu cầu cho Cohen một ngày để thông báo với các nhân viên. Cohen không muốn các giao dịch viên của ông đọc tin đó trên trang Bloomberg.

Những người đứng đầu bộ phận chấp pháp của SEC sắp xếp một cuộc gọi điện thoại với Rich Zabel, Phó chánh Công tố Hoa Kỳ, để cập nhật với ông kế hoạch của họ. Tuy nhiên, thay vì chúc mừng, Zabel tỏ ra khó chịu.

Ông cáo tiết bởi SEC đang đẩy sớm vụ việc của cơ quan này mà không đợi họ, và ông đã nói đi đâu đó. Ngay khi SEC mở án, các luật sư của Cohen có thể bắt đầu thu thập thông tin về bằng chứng của chính quyền. Bharara vẫn định truy tố SAC Capital Advisors tội giao dịch nội gián. Các công tố viên của ông đang nỗ lực chuẩn bị hồ sơ. Cohen vẫn nhớn như ngoài kia, và vẫn có khả năng Martoma sẽ lật mặt. Trong quá khứ, các công tố viên hình sự và SEC từng cố gắng phối hợp thời gian mở án của họ để tránh ngáng chân nhau. Điều tối quan trọng là họ phải tiếp tục là một mặt trận thống nhất. SEC không chỉ đã vi phạm thỏa thuận ngầm hợp tác cùng nhau mà còn đang chạy trước với một vụ yếu ớt - thiếu trách nhiệm giám sát thay vì giao dịch nội gián.

“Tôi không hiểu,” Zabel nói. “Chúng ta đang đi vào chỗ bế tắc. Tại sao các vị lại làm thế?”

Những người đứng đầu bộ phận chấp pháp của SEC biện bạch rằng họ lo về thời hạn chót trong vụ giao dịch Elan, chỉ còn vài ngày nữa là hết. Họ đã đẩy nhanh vụ của riêng họ và truy tố Cohen với tội thiếu trách nhiệm giám sát với các nhân viên. SEC tuyên bố vụ này qua một thông cáo báo chí. Sự chú ý từ truyền thông rất lớn.

Sáu ngày sau, vào buổi sáng ngày 25 tháng Bảy, một thông báo khẩn từ Văn phòng Công tố Mỹ được phát đi cho truyền thông: “1 giờ chiều - Một cuộc họp báo sẽ diễn ra liên quan tới vấn đề lừa đảo chứng khoán”. Bharara sẵn sàng tiết lộ lệnh truy tố SAC Capital Advisors, cùng với bối cảnh ngoạn mục và nghệ thuật dàn cảnh mà một hành động pháp lý nghiêm trọng như thế đòi hỏi. Vào giờ ăn trưa, hàng đoàn phóng viên bắt đầu dựng chân máy quay dọc theo bức tường phía sau khán phòng ở tầng trệt số 1 St. Andrew’s Plaza. Căn phòng trở nên đông đúc tới mức mọi người phải

đứng ở các lối đi. Lúc 12 giờ 59 phút, Preet Bharara bước ra từ sau bức màn đen và đứng lên chỗ quen thuộc của ông trên bục. “Hôm nay, chúng tôi công bố ba hành động chấp pháp liên quan tới tập đoàn quỹ phòng hộ SAC,” ông nói, trên nền âm thanh là tiếng đèn flash của máy ảnh. Bharara chỉ ra ba cáo buộc mà văn phòng ông đưa ra với công ty của Cohen: cáo buộc giao dịch nội gián và lừa đảo chứng khoán; cáo buộc rửa tiền dân sự với nỗ lực tịch thu các tài sản liên quan tới giao dịch bất hợp pháp; và cáo buộc có tội với một giám đốc danh mục khác ở SAC tên là Richard Lee (không phải Richard C. B. Lee) - nhân viên thứ tám của SAC bị truy tố với tội giao dịch nội gián tính đến giờ.

“Khi quá nhiều người từ cùng một quỹ phòng hộ tham gia vào giao dịch nội gián, thì đó không phải là sự trùng hợp. Thay vì thế, đó là sản phẩm có thể đoán được của sự thất bại về mặt định chế rất rõ ràng và tràn lan,” Bharara nói. “SAC đã giao dịch dựa trên thông tin nội gián với quy mô chưa từng có tiền lệ trong lịch sử quỹ phòng hộ.” Lệnh truy tố vẽ nên bức tranh dữ dội về Cohen và công ty của ông ta. Bharara mô tả quy mô của giao dịch bất hợp pháp ở SAC là “sâu” và “rộng”, kéo dài hơn mười năm và liên quan tới ít nhất hai mươi chứng khoán của các ngành khác nhau, dẫn tới những khoản lợi nhuận bất hợp pháp “ít nhất” là hàng trăm triệu đô la.

Dẫu vậy, câu hỏi then chốt vẫn không được nhắc tới: Cohen thì sao? Với Bharara, truy tố SAC đã làm rõ một điểm quan trọng: hiện giờ hơn lúc nào hết, họ cần Martoma cộng tác. Ở thời điểm này, đó là điều duy nhất cho phép họ đẩy kẻ chịu trách nhiệm cho tất cả mọi thứ vào sau song sắt.

Khi đã xong bài phát biểu được chuẩn bị trước, Bharara nói ông sẽ trả lời vài câu hỏi từ vài chục phóng viên trong phòng. “Ông có định truy tố

hình sự Steve Cohen không?” một phụ nữ hét lên.

Có thể thấy vẻ khó chịu trên khuôn mặt Bharara. Tất nhiên ông biết là thay vì tập trung vào chiến thắng với vụ SAC Capital của ông, truyền thông sẽ chú ý tới việc Cohen không bị truy tố. Báo chí có tuyến câu chuyện quen thuộc của họ, về việc bắt “con cá lớn”, và các phóng viên háo hức coi việc truy tố SAC như một thất bại. Bharara dự tính nói rõ là mọi chuyện vẫn chưa xong. Steven Cohen vẫn là một mục tiêu, và họ dự tính tiếp tục đi điều tra và rốt cuộc sẽ đưa ông ta ra trước công lý. “Hôm nay, chúng tôi sẽ thực hiện các lệnh truy tố mà tôi đã nói,” Bharara nói, hy vọng rằng ông đang bày tỏ ý định của mình một cách rõ ràng. “Tôi sẽ không nói ngày mai chuyện gì có thể hay không thể xảy ra.”

Rồi phóng viên thứ hai hỏi một câu về cơ bản cũng như vậy. “Đôi khi khi ta mở án, đi đâu đó mở ra cánh cửa đến các vụ khác trong tương lai,” Bharara nói. “Quý vị sẽ phải đợi xem sao.”

Khi Bharara kết thúc cuộc họp báo, được truyền trực tiếp trên CNBC, mọi người trên sàn giao dịch của SAC nhìn Cohen chằm chằm, trong khi ông đang cố gắng giả vờ đó chỉ là một ngày giao dịch bình thường như mọi ngày.

“Rất nhiều người nghĩ Steve đơn giản là sẽ bỏ đi,” một người có mặt ở đó nói. “Các tay trợ lý hỏi họ có nên gói ghém đồ đạc hay không.”

Cohen ra một thông báo qua hệ thống loa phóng thanh của công ty: “Chúng ta sẽ ổn,” ông nói, cố gắng lấy giọng điềm tĩnh. “Chúng ta sẽ vượt qua chuyện này.”

Tuy nhiên, từ trong sâu thẳm, Cohen bị sốc. Ông đã rút về East Hampton vào cuối tuần với Alex và bốn người con nhỏ nhất, con lớn nhất của họ vừa về thăm nhà từ trường đại học. Trong phần lớn cuộc đi điều tra,

Alex đã cố gắng bảo vệ các con khỏi tin tức và cấm việc trao đổi về nó ở nhà. Cohen cảm thấy kinh hãi về cách con cái sẽ phản ứng với những biếm họa về ông trên báo chí, và ông đã tránh nói chuyện với chúng về điếu đó. Nhưng giờ, với việc Văn phòng Công tố Mỹ ở Manhattan đã phát đi cho cả thế giới thông tin rằng cha chúng là Al Capone^[120] của thế giới tài chính, ông không thể che giấu điếu đó nữa.

Các con gái ông đã lên tầng hai căn nhà bảy phòng ngủ, nơi Cohen dành phần lớn thời gian trong văn phòng nhìn chăm chăm vào trạm máy giao dịch của mình, để nói chuyện với ông.

Các con sẽ đọc và nghe được rất nhiều điếu không lấy gì làm hay ho về ta, Cohen nói với các con. Ông lúng túng không biết nói gì; ông thấy cay đắng về những việc đang xảy ra. Bạn bè đã bắt đầu đùa rằng ông “mặc đồ kẻ sọc nhìn rất điển trai”, nhưng ông không thấy trò đùa đó vui chút nào.

“Người ta sẽ có những ý kiến khác nhau,” Cohen nói với các con gái của ông, “và một số không đúng.”

Những cô con gái thấy lo lắng. Phải chăng cha chúng đang gặp rắc rối? Phải chăng ông ấy đã làm điếu gì đó thật tồi tệ?

“Nhiều người ở công ty đã làm việc sai quấy, và họ sẽ phải trả giá cho những gì mình đã làm,” Cohen nói với chúng. “Ta không làm gì sai cả.”

PHẦN BỐN

Chương 15

CÔNG LÝ

Mỗi buổi sáng những ngày làm việc trong phần còn lại của mùa hè đó, Steve Cohen mất 23 phút ngồi đằng sau chiếc Maybach của ông đi từ nhà ở Greenwich tới văn phòng SAC ở Stamford. Ông đưa ra một tuyên bố bằng cách có mặt ở đó vào lúc 8 giờ sáng như mọi khi. Ông ngồi vào chỗ của mình đằng sau các màn hình như thể mọi thứ vẫn bình thường. Và ông làm việc duy nhất mà ông biết: giao dịch chứng khoán. Ông có thể làm như thế chủ yếu là vì các ngân hàng đầu tư lớn như Morgan Stanley, JPMorgan Chase và Goldman Sachs, những ngân hàng đã kiếm được hàng trăm triệu đô la tiền hoa hồng từ Cohen trong hơn một thập niên, từ chối bỏ rơi ông trong thời kỳ đen tối này, mặc dù công ty ông bị coi là một tổ chức tội phạm và bản thân Cohen vẫn đứng trước rủi ro bị truy tố hình sự. Điều đó gần như chưa từng có tiền lệ trong ngành tài chính. Các tay chơi chủ lưu ở Phố Wall nhìn vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, trật tự và đạo đức trong lĩnh vực của họ; và nhìn vào tay giao dịch có lợi nhuận tốt nhất mà họ từng làm việc cùng rồi chỉ vào Cohen và nói, “Chúng tôi chọn ông.”

“Họ là một khách hàng quan trọng đối với chúng tôi,” chủ tịch Goldman Sachs, Gary Cohn, nói vài ngày sau khi Công tố Mỹ ở Khu Nam New York tuyên bố SAC là “nam châm với những kẻ lừa đảo ngoài thị trường”, và nói rằng công ty này đã “lén lút sử dụng thông tin nội gián ở một quy mô chưa từng có tiền lệ” trong lịch sử quỹ phòng hộ. “Họ là một

đối tác lớn,” chủ tịch Goldman Sachs nói tiếp.

Trong những cuộc trao đổi với các luật sư của Cohen trước khi truy tố SAC, Văn phòng Công tố Mỹ đã làm rõ rằng để giải quyết vụ này, Cohen sẽ phải đóng quỹ phòng hộ của ông. Tuy nhiên, Cohen vẫn sẽ còn gần 10 tỉ đô la tiền riêng, mà ông được phép giao dịch và đầu tư như một công ty gia đình tư nhân. Chính quyền không thể ngăn ông giao dịch bằng tiền túi của mình. Cho tới khi ông bị kết tội, Cohen và đội quân giao dịch viên của ông vẫn sẽ nhận được sự trọng vọng từ các ngân hàng đầu tư lớn ở Phố Wall và được tiếp cận những thương vụ IPO tốt nhất. Con số 10 tỉ đô la rất quan trọng với Cohen. Nó gửi đi một tín hiệu cho thế giới rằng chẳng có gì thực sự thay đổi.

Rồi trong tuần lễ thứ hai của tháng Chín, các luật sư của Cohen nhận một cuộc gọi từ Anjan Sahni, đồng trưởng bộ phận chứng khoán ở Văn phòng Công tố Mỹ. Sahni và các cộng sự của ông muốn trao đổi về việc dàn xếp chống lại SAC. Không có nhiều chuyện xảy ra trong suốt tháng Tám, sau lệnh truy tố. Tuy nhiên, các công tố viên để ý rằng việc làm ăn ở SAC đã diễn ra như thể không có gì khác thường xảy đến. Không có cuộc khủng hoảng rõ rệt nào trên thị trường, không có các quyết định sa thải hay những cuộc gọi bán tháo. Phố Wall đã hấp thu những cáo buộc hình sự chống lại một trong những quỹ phòng hộ lớn nhất thế giới mà hầu như chẳng hề hấn gì.

Dàn xếp vụ việc là giải pháp hợp lý duy nhất; một phiên tòa gây ra rủi ro cho cả hai phía. Với chính quyền, thua vụ SAC sẽ là đi đầu nhục nhã, một đòn đau về tinh thần ở văn phòng công tố. Vụ xét xử Mathew Martoma đang tới gần, và FBI vẫn hy vọng anh ta sẽ quyết định hợp tác, trong trường hợp đó, các công tố viên sẽ cần tất cả nguồn lực của họ để triển

khai vụ việc.

Với Cohen, tính toán cũng tương tự. Ý tưởng ông tự nộp mình và các nhân viên để trải qua nhiều tháng chịu thẩm vấn sau khi tuyên thệ về các hoạt động giao dịch trong khi ông không cần phải làm thế thật nực cười. Ông là một giao dịch viên không biết lo sợ, nhưng một cuộc chiến kéo dài, mệt mỏi ở tòa đe dọa tiết lộ mọi bí mật của ông là sự mạo hiểm mà ông không thể nào tiêu hóa nổi. Thêm nữa, nếu rốt cuộc chính ông bị truy tố, ông cần dành mọi hỏa lực pháp lý để tự vệ. Cuối cùng, sau tất cả những tính toán, vụ án chống lại SAC Capital quy về một câu hỏi rằng Cohen sẽ phải viết một tấm séc lớn bao nhiêu để qua chuyện.

Các luật sư của Cohen đưa ra đề nghị ban đầu từ 100 triệu tới 150 triệu đô la. Bharara thậm chí không coi đề nghị đó là nghiêm túc, nó quá xa với con số mà ông nghĩ tới. Đồng trưởng bộ phận chứng khoán nhắc Klotz và các luật sư khác của Cohen rằng vẫn còn hai phiên tòa liên quan sắp tới: vụ của Michael Steinberg sẽ bắt đầu vào tháng Mười một, và Martoma vào tháng Một. Chi phí dàn xếp sẽ tăng lên nếu Cohen kéo dài các cuộc thương lượng đến khi cả hai phiên tòa đó kết thúc với các án được tuyên. Sahni không cần phải đề cập tới điểm rõ ràng là nếu một trong hai người đó quyết định cộng tác trước đây, thì lập luận của chính quyền thậm chí còn mạnh mẽ hơn.

Hai tháng sau, vào ngày 4 tháng Mười một, Bharara tuyên bố họ đã đạt được một thỏa thuận. Các điều khoản của vụ dàn xếp rất lớn và gây chấn động với ý định gửi đi một thông điệp mạnh mẽ rằng Phố Wall không đứng trên pháp luật. Trong thế kỷ 21, khi mà ngành tài chính đã bao trùm nền kinh tế, vụ SAC là minh chứng rằng sự quá đáng của Phố Wall phải trả giá của nó, rằng ngay cả với những kẻ vi phạm hùng mạnh nhất, luật

pháp vẫn có thể thắng. SAC đã đồng ý nhận tội và trả 1,8 tỉ đô la - công ty đã cố gắng thương lượng để khoản phạt này bao gồm cả khoản tiền 616 triệu đô la mà họ cam kết trả cho SEC, nên trên thực tế khoản phạt mới chỉ còn 1,2 tỉ đô la. Vụ dàn xếp cũng bao gồm việc SAC nhận tội, một sự thừa nhận ở tòa án rằng công ty đã làm tất cả mọi việc mà chính quyền cáo buộc.

Một lần nữa, những so sánh với Michael Milken, theo nhiều nghĩa là tiền bối của Cohen, tỏ ra hợp lý. Vào năm 1989, công ty của Milken, Drexel Burnham Lambert, đã nhận có tội với tội lừa đảo chứng khoán và đồng ý trả khoản phạt 650 triệu đô la. Vụ SAC cũng gây ấn tượng tương đương. Với những người Mỹ vẫn còn rối trí và thất vọng về việc tại sao không ai phải chịu trách nhiệm pháp lý cho những tội ác dẫn tới cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, vụ án chống lại công ty của Cohen là đi đâu khác biệt: một chiến thắng rõ ràng, dứt khoát cho nỗ lực vì sự công bằng và chính trực.

Hay ít ra ý tưởng là như thế.

Tất cả những gì còn lại là SAC ra nhận tội trước một thẩm phán liên bang vài ngày sau đó. Trong khi các kênh truyền hình loan báo tin tức về vụ dàn xếp trên các sàn giao dịch khắp thế giới, Cohen ngẩng trừng mắt nhìn vào bàn của ông ở Stamford. Ông không vui với kết quả đó, nhưng ông biết ngày này có thể sẽ tới, và ông đã có một công ty quan hệ công chúng hiệu chiến chuyên xử lý khủng hoảng chuẩn bị sẵn sàng để chuyển sang trạng thái phản công ngay khi Bharara đưa ra tuyên bố. “Bộ phận nhỏ những kẻ sai trái không đại diện cho 3.000 người đàn ông và phụ nữ trung thực đã làm việc ở công ty 21 năm qua,” công ty xử lý quan hệ công chúng của SAC nói trong một tuyên bố. Dòng cuối cùng viết: “SAC chưa bao giờ

khuyến khích, thúc đẩy hay chấp nhận giao dịch nội gián.”

Bharara không thể tin nổi khi ông đọc bài đó. SAC vừa ký một bản nhận tội thừa nhận họ thật ra đã được xây dựng trên một nền văn hóa giao dịch nội gián. Cohen đã thừa nhận trong một phần thỏa thuận rằng công ty của ông ta đã nuôi dưỡng một nền văn hóa lừa đảo chứng khoán trong hơn một thập niên. Người đứng đầu bộ phận chứng khoán của Bharara đã gọi cho các luật sư của Cohen và lệnh cho họ rút lại tuyên bố đó, và họ đã làm theo. Rồi họ ra một tuyên bố mới: “Chúng tôi vô cùng hối tiếc vì chuyện này đã xảy ra.”

ooo

Vào ngày 8 tháng Mười một, một trong những nhóm luật sư bào chữa được trả cao nhất nước đệ đơn ở trụ sở tòa án tại số 500 đường Pearl, khu Hạ Manhattan, họ mặc những bộ vest sọc nhỏ đẹp nhất và những khuy măng sét sáng bóng nhất của mình. Đám đông khán giả là các phóng viên, công tố viên, luật sư của SEC, đặc vụ FBI, sinh viên luật và những kẻ tò mò, tất cả ng ãi chậ các hàng ghế dài giống như hành khách trên một xe lửa. Các phóng viên ảnh của báo lá cải chen chúc bên ngoài. Thật khó tin, bản thân Cohen không phải trình diện tại tòa. Ông ta sẽ trả 1,8 tỉ đô la từ các quỹ của chính mình, nhưng h ãi như không chú ý rằng mình đã mất khoản tiền đó.

Thẩm phán, Laura Taylor Swain, đặt cốc cà phê bằng thép không gỉ trước mặt và nhìn xuống đám đông luật sư tụ tập bên dưới. Căn phòng rơi vào im lặng.

“Ông Nussbaum, tôi cho rằng hôm nay ông muốn ng ãi,” bà nói, mắt hấp háy qua cặp kính.

Hàng trăm cái đầu quay sang Peter Nussbaum, tư vấn pháp lý của SAC, người đang ngồi một cách thiếu thoải mái, ở bàn bị cáo.

“Quả là tôi muốn thế, thưa quý tòa,” Nussbaum nói, khẽ cau mày. Ông đang đau đớn gấp đôi bởi một ca phẫu thuật ruột thừa cấp cứu ba tuần trước, vốn thêm tở tệ bởi áp lực quá lớn. Ông đứng lom khom khi tuyên thệ và rồi làm việc ông đến đây để làm, nhận tội thay cho Cohen.

“Ông có hiểu những cáo buộc mà SAC Capital nhận là đã vi phạm không?” thẩm phán hỏi.

“Có.”

“Ông có bị tác động bởi thuốc hay rượu không?”

“Tôi đã uống kháng sinh vì bệnh của mình,” ông nói.

“Ông có muốn tôi đọc lớn bản luận tội không?” Swain hỏi, cầm lên một tập tài liệu dày 40 trang.

“Không, cảm ơn, thưa quý tòa,” Nussbaum nói.

Có tiếng cười lan ra khắp phòng. Trong phút chốc, Swain đã cho thấy toàn bộ buổi lễ lạ lùng ra sao, một buổi hạ huyết không có thi hài.

Nussbaum thuộc nằm lòng các cáo buộc. Vị sếp trong suốt mười ba năm qua của ông chuẩn bị thừa nhận các cáo buộc rằng công ty đã được đi đầu hành như một đế chế tội phạm trong hơn một thập niên, thu về hàng trăm triệu đô la lợi nhuận bất hợp pháp và biến người sáng lập nó thành một trong những người giàu nhất trái đất.

Thẩm phán Swain đọc to khoản phạt đã được nhất trí trong vụ việc, 900 triệu đô la các khoản phạt hình sự và 900 triệu đô la các khoản phạt dân sự cùng một giai đoạn thử thách năm năm theo đó một người giám sát việc tuân thủ pháp luật do Bộ Tư pháp thông qua sẽ giám sát các hoạt động

của quỹ này. Quỹ phòng hộ sẽ bị đóng cửa.

Nussbaum thở dài và nhìn lên thăm phán. “Đại diện cho SAC, tôi trước hết muốn bày tỏ sự ân hận sâu sắc vì hành vi sai trái của mỗi cá nhân đã vi phạm pháp luật khi làm việc cho SAC,” ông nói. “Chuyện này xảy ra dưới sự giám sát của chúng tôi, và chúng tôi chịu trách nhiệm cho hành vi sai trái đó.”

“Chúng tôi đã và đang trả cái giá rất đắt,” Nussbaum nói tiếp. “Chúng tôi đã được cảnh tỉnh bởi trải nghiệm này, nhưng chúng tôi quyết tâm học hỏi từ đó và chuyển biến lên thành một công ty tốt hơn.”

Thăm phán nhìn Nussbaum chăm chăm. Vài giọt mồ hôi đã xuất hiện trên trán ông ta.

“SAC Capital biện hộ thế nào?” bà hỏi.

Nussbaum đứng lên nửa người trên ghế.

“Có tội,” ông nói.

“Như vậy tất cả các bị cáo nhận có tội vì họ *đúng là* có tội phải không?” thăm phán nói.

“Phải, thưa quý tòa.”

Gõ nhẹ búa, thăm phán Swain nói, “Chúng ta tạm ngừng phiên tòa.”

Phải mất một lúc cho hơn hai trăm người trong phòng xét xử d ùn nhau qua cánh cửa duy nhất ở phía sau. Bên ngoài ngay bên l ề đường, nhóm luật sư bào chữa của SAC đứng đợi, không thấy chiếc Escalade lẽ ra sẽ chở họ đi. Họ loay hoay quanh một nhóm phóng viên ảnh và phóng viên truyền hình vây xung quanh như một b ầy muỗi mất, cố gắng vặn vẹo tìm một tuyên bố từ họ.

Cuối cùng đám luật sư nhìn thấy chiếc xe của mình và chạy qua đó. Họ

lên xe, cửa đóng lại và chiếc xe lao vọt đi.

Một người đàn ông đeo ba lô rời tòa nhà nhìn theo họ, thẳng thốt. “Họ đang đuổi theo gã lừa đảo nào vậy?”

ooo

Gần hai tuần sau, ngày 20 tháng Mười một, phiên tòa xét xử Michael Steinberg bắt đầu. Các công tố viên chưa bao giờ thấy tự tin rằng ông sẽ chọn cộng tác - một phần bởi ông cực kỳ trung thành với Cohen và phần khác vì các giao dịch của ông quá nhỏ, ảnh hưởng của chính quyền lên ông yếu. Dẫu vậy, họ đã hy vọng chút danh dự công dân, có lẽ là sự van nài của vợ ông nữa, có thể khiến ông ngã về phía họ.

Tuy nhiên, vào lúc Antonia Apps rảo bước vào phòng xét xử và lên chỗ của cô đứng sau bàn công tố viên trong ngày xét xử đầu tiên, rõ ràng là chuyện đó sẽ không xảy ra. Tất cả những gì các công tố viên có thể làm là trừng phạt Steinberg.

Apps quay sang mười hai người đàn ông và phụ nữ trong bồi thẩm đoàn.

“Thưa các thành viên bồi thẩm đoàn,” cô bắt đầu nói. “Michael Steinberg đã đánh cắp thông tin của doanh nghiệp và rồi sử dụng thông tin đó để kiếm tiền - rất nhiều tiền - bằng cách giao dịch trên thị trường chứng khoán.” Steinberg ngẩng với các luật sư của ông ở bàn bị cáo, mặt lộ vẻ đau khổ. “Anh ta đã có thông tin tài chính bí mật từ người bên trong các công ty trước khi thông tin đó được công khai cho dư luận. Anh ta đã làm thế để có lợi thế bất hợp pháp so với những nhà đầu tư thông thường tuân thủ luật lệ. Và khi Michael Steinberg giao dịch dựa trên thông tin nội gián bất hợp pháp, anh ta đã vi phạm pháp luật.”

Apps nổi tiếng là người mà khi phải lựa chọn giữa ra ngoài uống máy ly với đồng nghiệp hay ở lại văn phòng tới khuya chuẩn bị cho một phiên tòa, cô luôn chọn ở lại văn phòng. Cao và gọn gàng, cô là nhà cựu vô địch trượt băng nghệ thuật toàn quốc, từng bỏ ghế đối tác tại một công ty luật hạng sang để chuyển sang làm công tố viên các vụ chứng khoán ở Văn phòng Công tố Mỹ. Cô *muốn* được đứng trước phiên tòa.

Công việc của cô là nhận một vụ cực kỳ phức tạp và biến nó thành câu chuyện đơn giản nhất có thể: Michael Steinberg là một gã giàu có gian lận ở Phố Wall. “Anh ta muốn kiếm tiền nhiều cho mình và cho quỹ phòng hộ nơi anh ta làm việc,” Apps nói. “Điêu đó, thưa quý bà và quý ông, là giao dịch nội gián, và là một tội ác nghiêm trọng.”

Trong một môi trường mà những người bình thường nung nấu sự tức giận tuy không tập trung nhưng rất quyết liệt nhắm vào Phố Wall, Steinberg là một mục tiêu ngon ăn. Nhiều đặc quyền đặc lợi, kiêu ngạo, sống ở một thế giới trên trời so với hầu hết người Mỹ. Ông không phải là Steve Cohen, nhưng cũng rất giàu.

Nhiệm vụ giải cứu Sternberg khỏi sự mô tả đó thuộc về luật sư bào chữa của ông, Barry Berke. Trong khi Apps đã diễn tập tỉ mỉ, Berke sẵn sàng ngẫu hứng, với hiệu ứng của một nghị sĩ biết cách tạo sức hút. Berke muốn làm luật sư bào chữa từ khi ông còn ở trường luật tại Harvard, khi ông lúng túng trước các máy quay truyền hình trên những bậc thềm dẫn vào phòng xử án sau khi bào chữa trong một vụ kết tội sai lúc còn là sinh viên.

Ông thích khoảnh khắc là trung tâm của sự chú ý. “Đây không phải là lần cuối cùng mọi máy quay tập trung vào vụ việc của mình thì tốt hơn,” ông đã nghĩ như vậy.

Berke chỉnh lại cà vạt và quay sang bồi thẩm đoàn, tay bám vào thành bục. Để kiểm định các lập luận của mình, Berke đã mở hai phiên tòa giả lập và ghi hình lại cả quá trình để ông và các cộng sự có thể phân tích màn trình diễn của mình. Ông đã nghiên cứu từng vị bồi thẩm một cho vụ này, soi kỹ dấu vết của họ trên mạng xã hội và bất kỳ dấu hiệu nào về quan điểm của họ đối với Phố Wall hay chính quyền. Ông biết những dữ kiện của vụ này rõ hơn bất kỳ ai. Giống như trong vụ bào chữa cho Martoma, SAC trả tiền.

Ông mỉm cười với các vị bồi thẩm và bắt đầu kể một câu chuyện ngụ ngôn nhằm trình bày vấn đề có ý nghĩa cốt lõi trong lập luận biện hộ cho Steinberg: rằng Horvath, cấp dưới cũ của Steinberg, chỉ ra làm chứng chống lại Steinberg nhằm cứu bản thân anh ta. Không phải ai trong phòng cũng hiểu ý đồ của Berke khi ông kể câu chuyện, trong đó có một anh nông dân bị ngã xuống giếng, nhưng Berke vẫn cứ kể. “Anh ta cần đổ tội cho ai đó để nhận được một thỏa thuận,” Berke nói, ý chỉ Horvath. “Thế là anh ta đổ cho Mike Steinberg.”

Nhiệm vụ đầu tiên của Berke là hạ uy tín Horvath và vẽ chân dung anh ta như một kẻ dối trá chỉ đang tìm cách cứu bản thân mình. Nhiệm vụ thứ hai của ông tinh tế hơn và, bởi môi trường chính trị lúc bấy giờ, khó khăn hơn nhiều. Ông phải khiến cho Steinberg đầy nhân văn. Ông phải cho bồi thẩm đoàn thấy rằng Steinberg là một người đàn ông rộng lượng, nhiệt tình, sống vì gia đình, chứ không đơn giản là một triệu phú quỹ phòng hộ tham lam chỉ đi nghỉ hè ở East Hampton. Nhiệm vụ này không dễ dàng.

Berke cố giải thích những gì Steinberg làm để kiếm sống theo cách thức giản dị nhất. “SAC là một quỹ đầu tư,” ông nói với giọng nhún nhặn nhất có thể. “Nó giống như một quỹ tương hỗ...”

Có tiếng cười khúc khích trong phòng. Mô tả SAC giống một quỹ tương hỗ cũng tương tự mô tả đội New York Yankees chỉ là một nhóm nhóc tí chơi bóng chày.

“Anh ấy đã làm việc chăm chỉ để trở thành một giám đốc danh mục,” Berke nói tiếp. “Anh ấy nổi tiếng là người thành công, vững vàng... Anh ấy đáng tin cậy, và anh ấy được trả cao cho đi ầu đó.”

Vợ Steinberg, Elizabeth, đã tự nhận một phần trách nhiệm để cố gắng phản bác nhìn nhận về ch ồng mình mà cô cho là bất công. Cô đã động viên một nhóm những người ủng hộ tham dự phiên tòa, họ ng ồi g ần kín phía bên trái phòng xét xử. Thậm chí cô còn chỉ dẫn cho họ nên thể hiện b ề ngoài thế nào để không phản tác dụng với ch ồng mình. “Hãy ăn mặc đứng đắn,” cô viết trong một thư điện tử cho nhóm. “Chúng tôi yêu c ầu phụ nữ không đeo trang sức hay mặc đồ lộng thú, và không dùng các khăn choàng, túi xách hàng hiệu.”

Bản thân Liz mặc một chiếc áo thun đen, quần dài đen, và giày đế bằng, như một góa phụ Ý, và ng ồi ở hàng trước cạnh cha mẹ Steinberg và cha mẹ cô. Đằng sau họ là mấy dãy đàn ông và phụ nữ mặc đồ tối màu - những cô dì chú bác và anh em họ hàng cùng vài chục bạn bè, vài người trong số đó là khách quen của các trang báo chuyên về giới thượng lưu của Manhattan. Sandy Heller, cố vấn nghệ thuật của Cohen và bạn thời thơ ấu của Steinberg, cũng có mặt, cùng với người em song sinh của anh ta, Andy, người cũng đang đi ầu hành quỹ phòng hộ của riêng mình. Các bị cáo khác trong những phiên tòa giao dịch nội gián từng cố gắng làm giống như thế; ý tưởng cho b ả thẩm đoàn thấy rằng đây không phải một tay giao dịch vô đạo đức, tham lam, mà là một người hàng xóm tốt bụng quen góp cho từ thiện, có những người yêu mến và tin tưởng anh ta.

Nếu Sternberg tức giận vì ông phải ra tòa, trong khi Cohen tự do làm bất cứ điều gì mình muốn, thì Steinberg cũng không thể hiện ở tòa. Ông từ chối rất nhiều đề nghị hợp tác. Apps đã nói rõ là chính quyền lưu tâm tới *bất kỳ điều gì* ông muốn nói, dù nó có vẻ kém quan trọng tới đâu đi nữa. Nhưng Steinberg đã từ chối. Và dựa trên những cuộc trao đổi của ông với một số luật sư biện hộ hình sự hàng đầu trong nước, ông nghĩ ông có cơ hội được tha bổng.

“Tôi biết ngày nay quan điểm với Phố Wall rất nặng nề,” Berke nói với b ả thẩm đoàn, chuẩn bị phần kết cho lập luận mở màn của ông. “Tôi hẳn không cần nói với quý vị, rằng vụ này không phải là cuộc trưng cầu dân ý chống lại Phố Wall, quý vị đã biết đi ầu đó. Vụ này chỉ là một câu hỏi. Về người đàn ông này, Michael Steinberg.” Ông khẩn nài họ tuyên Steinberg vô tội với mọi cáo buộc. Rồi Berke sụp người xuống ghế của ông.

ooo

Khi Horvath được dẫn vào phòng xét xử ba ngày sau đó, nhìn anh ta chẳng hợp với nơi đó chút nào, như một chú bé xỏ vào bộ vest của cha. Anh ta có làn da rám nắng, và mái tóc phủ lòa xòa xuống mắt. Vợ Sternberg nhìn chăm chăm vào Horvath khi anh ta đi qua.

Tới thời điểm đó, Steinberg đã chịu vài tổn thất. Vào ngày thứ hai của phiên tòa, Apps đã trình ra những trang trình chiếu cho thấy Steinberg kiếm được bao nhiêu tiền vào năm 2007 và 2008, khi khoản thưởng của ông lên tới hàng triệu đô la. Chắc chắn đó là một gia tài không thể tưởng tượng nổi với các b ả thẩm viên - một nhóm gồm một cựu nhân viên bưu điện, một người giữ sổ sách cho nhà nghỉ và một người chuyên chăm sóc

sân quần vợt. Rồi Jesse Tortora, người cung cấp các tin tức của Dell cho Horvath, trải qua hai ngày làm chứng về việc anh ta đã lấy được thông tin nội gián từ một người bạn từng làm việc cho Dell và trao nó cho Horvath, người đã chia sẻ nó với Sternberg.

Với thái độ lạnh lùng, dửng dưng, Apps hỏi Horvath anh ta hy vọng sẽ đạt được gì qua việc đề nghị ra làm chứng chống lại Michael Steinberg.

“Tôi hy vọng mình không phải ngồi tù,” Horvath nói.

Không lâu trước 3 giờ chiều ngày thứ tám của phiên tòa, thời khắc mà Berke chờ đợi đã đến: ông sẽ có cơ hội đối chất với Horvath. Ở nơi riêng tư, ông gọi đó là “cú chụp ăn điếm” của ông.

Cho tới giờ, cách tiếp cận của Apps đã hiệu quả. Trong khi Horvath còn lâu mới là một nhân vật đáng thông cảm, nghe có vẻ như anh ta đang làm hết sức để mô tả lại các sự kiện theo cách mà anh ta nhớ được. Anh ta là một con chồn ranh mãnh, nhưng là một con chồn đáng tin.

Một nhóm lớn các luật sư, luật sư tập sự và trợ tá luật sư đã giúp Berke chuẩn bị cho phiên đối chất; các thám tử tư đã tìm hiểu bạn bè và các thành viên trong gia đình Horvath; họ đã xin trát để đọc hồ sơ các công việc trước kia của anh ta; công ty của Berke thậm chí thuê một chuyên gia “pháp y máy tính”, người đã lấy máy tính xách tay của Horvath từ SAC và tái tạo những tìm kiếm Google mà anh ta đã thực hiện trên máy đó. Lấy ví dụ, họ biết rằng sau khi bị bắt, Horvath đã tìm kiếm các công ty chuyên về hủy tài liệu. Berke cũng được trang bị sáu trăm trang tranh luận và bằng chứng để phản bác lại mọi lý do hay lời giải thích khả dĩ mà Horvath có thể đưa ra.

Berke đứng lên và sải bước về phía bục. Ông ngay lập tức tập trung vào tuyên bố của Horvath rằng Steinberg đã ra lệnh cho anh ta thu thập

thông tin nội gián ở SAC.

“Anh ấy đã nói với anh, theo lời khai của anh, rằng anh ấy muốn anh tìm được ‘thông tin độc quyền mang lại lợi thế,’” Berke nói. Giọng ông ta đầy vẻ khích bác. “Đó là lời chứng của anh đúng không?”

“Phải,” Horvath đáp.

“Anh đã nói gì?” Berke hỏi. “Anh đã nói gì?”

Horvath nói anh ta không nghĩ rằng anh ta đã đáp lại Steinberg.

Họ cứ lặp đi lặp lại, với Berke dồn ép Horvath về việc anh ta có đáp lại chỉ thị của Steinberg hay không. Ông có vẻ muốn bắt Horvath thừa nhận rằng đòi hỏi của Steinberg không rõ ràng là thứ gì. Áp lực được thua cao hơn so với bình thường, vì Steinberg không được kỳ vọng tự mình bày tỏ lập trường về việc này. Cứ để sự khả tín của Horvath quyết định tương lai của Steinberg.

Berke hỏi Horvath trong năm ngày. Có lúc, vào ngày thứ hai của cuộc đối chất, ông đã ép được Horvath nói về Steinberg, “Anh ấy không nói rõ với tôi rằng ra ngoài kia và vi phạm pháp luật đi!” Với câu đó, lần đầu tiên trong phiên tòa Steinberg nở nụ cười.

“Có đúng là,” Berke nói, “anh đã nói dối khi cáo buộc sai trái với ông Steinberg không?”

Không hề nhìn lên, Horvath lắc đầu, không.

Đến lúc Berke hỏi xong, Horvath với vai trò một nhân chứng đã yếu đi nghiêm trọng. Apps đã có thể sửa chữa một số thiệt hại khi cơ hội của cô tới. Cô đưa Horvath trở lại những dữ kiện then chốt của vụ việc: Steinberg đã yêu cầu anh tìm kiếm thông tin bất hợp pháp; Steinberg biết rằng thông tin Horvath trao cho ông tới từ người trong nội bộ Dell; họ đã bán khống

chứng khoán trước khi có báo cáo kết quả kinh doanh; Horvath chưa bao giờ che giấu ngu ần thông tin với Steinberg.

Khi Apps trình bày xong phần của mình, vào ngày 13 tháng Mười hai, phía chính quy ần nghỉ tranh biện.

ooo

Khi b ồi thẩm đoàn bắt đầu thảo luận về vụ việc vài ngày sau đó, Berke cảm thấy tự tin về cơ hội của Steinberg. Ông nghĩ đây là một trong những phiên tòa mạnh nhất của ông. Không gì làm suy yếu lập luận của bên công tố như việc cho thấy nhân chứng then chốt của họ là không đáng tin, và ông cảm thấy ông đã làm được điều này trên vài mặt trận. Một kịch bản mà trong đó Steinberg được tha bổng, vốn nghe thật nực cười khi phiên tòa bắt đầu, bỗng nhiên trở nên rất hiện thực.

Mọi người trong phòng xử án bỏ hết ra ngoài, trừ Steinberg, vợ ông, cha mẹ ông, và các luật sư của hai bên. Với Berke và nhóm của ông, khả năng đây có thể là vụ đầu tiên chấm dứt chuỗi thành tích hoàn hảo 76-0 của Preet Bharara với các truy tố giao dịch nội gián thật đáng trông đợi.

Điều mà các luật sư, thân nhân và phóng viên, những người đang chờ đợi phán quyết, không hề hay biết là khi thời gian trôi đi, bên trong căn phòng đang cực nóng của b ồi thẩm đoàn, các b ồi thẩm viên rơi vào trạng thái bế tắc. Ngày thứ hai phân tích vụ án đã qua một nửa, hai b ồi thẩm viên vẫn không tin rằng Steinberg biết rõ ràng Horvath đã trao cho ông thông tin nội gián về Dell. Các b ồi thẩm viên đã rất vất vả trong suốt phiên tòa, bao gồm mười ba nhân chứng trong năm tuần lễ, để hiểu được tất cả những khái niệm tài chính, những lần đề cập tới “lợi thế” và “các kênh kiểm tra” và lợi nhuận biên gộp. Vài người cảm thấy Horvath không

trung thực, một kẻ sẽ làm bất cứ điều gì “để cứu lấy thân” theo lời một bồi thẩm viên. Chủ tịch bồi thẩm đoàn, một nữ chuyên gia trị liệu mát xa người Manhattan tên là Demethress Gordon, đếm được hai mươi tám lần bà có cảm giác Horvath nói dối. Như sau này bà nói, bà “không tin bất kỳ điều gì anh ta nói”.^[121]

Dẫu vậy, mười bồi thẩm viên vẫn tranh luận với Gordon và những người kia, rằng việc Horvath không trung thực không có nghĩa là Steinberg không biết chuyện gì đang xảy ra.

Gordon đã ghi chú trong suốt phiên tòa. Bà tự hào mình là người có tính cách của một thẩm phán. Bà là một trong những người chống lại việc bỏ phiếu để kết tội. Đơn giản là không thuyết phục được bà rằng Steinberg có tội.

Sau một giờ đồng hồ tranh cãi không có kết quả, một bồi thẩm viên khác bỗng nảy ra một ý. Bồi thẩm viên này yêu cầu Gordon đứng lên và bước qua cánh cửa phòng bồi thẩm đoàn, như một phần của việc chứng minh. Gordon làm theo. Xong bồi thẩm viên này nói: “Tôi yêu cầu bà đi qua cửa, nhưng không nói rõ ràng với bà là phải đi qua cửa *như thế nào*.”

Giống như hai dây điện được đấu nối vào nhau. Gordon biết cách đi qua cửa mà không cần ai phải nói rõ cho bà phải làm việc đó ra sao. Điều đó giống với việc được lệnh thu thập thông tin “lợi thế”. Horvath hiểu điều đó có nghĩa gì mà không cần phải nói ra rõ ràng.

Một người thận trọng khác, một phụ nữ 71 tuổi, cũng lung lay vì ví dụ đó. Bà kinh ngạc bởi chỉ thị của Steinberg cho Horvath sau khi nhận được thư điện tử “có người gián tiếp xem được báo cáo”, khi anh ta nói với cấp dưới của mình “giữ bí mật tối đa” thông tin này. Điều đó có vẻ chỉ ra rõ ràng là thông tin bất hợp pháp. Cả hai mảnh ghép đó có vẻ chỉ ra là anh ta

có tội.

Vào lúc 2 giờ 59 Chiều ngày 18 tháng Mười hai năm 2013, bồi thẩm đoàn bỏ phiếu. Họ đã nhất trí tuyệt đối là có tội.

Thư ký thông báo với tòa rằng bồi thẩm đoàn đã có phán quyết. Bỗng nhiên, phòng xử án, nơi mọi người đang ngổ ngả ngón, trở nên căng thẳng. Luật sư cả hai phía bắt đầu gửi các thư điện tử, cho mọi người biết phán quyết sắp được đưa ra. Người ta đổ vào trong phòng, ngổ kín những ghế còn trống. Em trai của Steinberg chạy vội vào và chiếm một ghế ở hàng đầu. Cô vợ ngổ giữa cha mẹ mình, nắm chặt tay họ.

Berke nhìn ít hy vọng hơn. Phán quyết đã được đưa ra khá nhanh, thường có nghĩa là tin xấu.

Bồi thẩm đoàn trở lại phòng lúc 3 giờ 15 phút chiều và ngổ vào chỗ của họ. Thốt nhiên, một tiếng hét vang lên. Steinberg đã đổ gục trên ghế, bất tỉnh. Vợ ông, Liz, là người đã hét, và cô với tay về phía chông qua rào chắn bằng gỗ sồi rất nặng chia cách người tham dự phiên tòa với khu vực trung tâm phòng xét xử. Cô khóc nức nở. Mẹ của Steinberg cũng bắt đầu khóc. Berke quàng tay qua người Steinberg, cố nâng đầu ông lên.

“Được rồi, hãy để bồi thẩm đoàn ra ngoài,” thẩm phán Richard Sullivan nói, nhảy khỏi ghế của ông.

Các bồi thẩm viên được đưa ra khỏi phòng. Họ đã trao phong bì có quyết định của họ cho thư ký của Sullivan. Các công tố viên có vẻ lo lắng. Phiên tòa đã diễn ra không suôn sẻ với chính quyền, và triển vọng về một thất bại bề mặt đang đe dọa. Trong khi đó, bạn bè và người thân của Steinberg nhìn như thể đang cầu nguyện. Mẹ và mẹ vợ ông ôm chặt lấy nhau ở hàng ghế đầu tiên, lắc lư người qua lại.

Sau vài phút im lặng để Steinberg được y tá của tòa chăm sóc, ông

ngồi lại trên ghế của mình ở bàn bên bị. Các bồi thẩm viên trở lại phòng, mắt họ gắn chặt vào sàn nhà phía trước.

Hóa ra Steinberg đã có linh cảm trước. Bồi thẩm đoàn kết luận ông có tội với tất cả các cáo buộc.

Chương 16

PHÁN XỬ

Dịp lễ Giáng sinh thường không mấy thoải mái với Arlo Devlin-Brown. Anh đang ở văn phòng, chuẩn bị các tang vật, xem qua các danh sách nhân chứng, ở lại tới tận 10 giờ tối trước khi lê bước về nhà ở khu upper West Side, nơi anh sống với vợ và hai con. Anh đang hết sức bận bịu chuẩn bị cho vụ xét xử Mathew Martoma sẽ bắt đầu ngay sau năm mới. Anh biết chính quyền có trong tay một vụ mạnh, nhưng anh không muốn quá tự tin.

Không ai ở Văn phòng Công tố Mỹ có thể tin mọi chuyện lại đến mức này, khi Martoma ra tòa thay vì hợp tác. Hy vọng của các công tố viên là với việc Martoma bỗng nhiên đối mặt một quy trình tố tụng dài, công khai ở tòa, anh ta rốt cuộc gục ngã trước áp lực, sẽ lật mặt và giúp họ truy tố Cohen.

Vào cuối tháng Mười hai năm 2013, vài ngày sau khi Steinberg bị kết tội, điện thoại của Devlin-Brown reo. Luật sư của Martoma, Richard Strassberg, ở đầu dây bên kia. Strassberg gọi để đưa ra một đề nghị - đề nghị mà ông ta muốn công tố viên xem xét nghiêm túc. Devlin-Brown nín thở trong chiếc lát. Có thể đây chính là nó, cuộc gọi mà họ đang chờ đợi. Có thể Martoma đã sẵn sàng khai.

“Tôi không thể thay mặt Mat để nói đã đồng ý chuyện này,” Strassberg bắt đầu. “Nhưng anh có cân nhắc khả năng nhận tội theo Điều 371 với mức trần năm năm không?”

Chó đẻ, Devlin-Brown nghĩ.

Martoma không hợp tác. “371” chỉ đi điều khoản về thông đồng trong bộ luật hình sự. Strassberg đang cố gắng tìm hiểu xem liệu Văn phòng Công tố Mỹ có đồng ý để Martoma nhận tội với cáo buộc thông đồng lừa đảo, cáo buộc thấp nhất mà anh ta phải đối mặt, và mức án tối đa năm năm tù giam. Đó không phải đề nghị để Martoma giúp họ, chỉ là anh ta có thể nhận tội để được giảm án. Strassberg háo hức thử sức vụ này, nhưng ông ta biết vụ xét xử sẽ rất khổ sở với gia đình Martoma, giống như thể chúng kiến người họ yêu mến bị tra tấn ở nơi công cộng. Vận may chống lại họ. Một thỏa thuận phút chót sẽ tránh cho họ nhiều tuần lễ căng thẳng và hồ thẹn.

Devlin-Brown không thể nói đề xuất này nghiêm túc tới đâu, nhất là nếu Strassberg nói Martoma thậm chí còn chưa đồng ý. Dù thế nào, Bharara nhiều khả năng sẽ không chấp nhận. Tin về việc đây là đề xuất cuối cùng của Martoma sẽ là một nỗi thất vọng vụn vỡ với tất cả mọi người trong văn phòng. Ngoài chuyện Bharara không trông chờ đi đầu đó, các công tố viên Mỹ không thích các thỏa thuận thiện chí với bị cáo ngay trước ngày diễn ra phiên tòa. Chuyện này có vẻ thật tệ. Các thẩm phán không thích đi đầu đó. Và ở mức độ cá nhân, Devlin-Brown thấy chuyện này thật khó chịu. Anh và các cộng sự đã bỏ ra nhiều tháng làm việc bảy ngày mỗi tuần để chuẩn bị cho đi đầu được kỳ vọng là một trong những phiên tòa đáng chú ý nhất trong năm. Tại sao Strassberg không đề xuất ý kiến này với anh sớm hơn? Dẫu vậy, anh đồng ý sẽ thảo luận đề nghị này với cấp trên ở văn phòng. Chiều hôm đó, anh và các giám đốc bộ phận chứng khoán đã trao đổi về nó.

Ngày hôm sau, Devlin-Brown gọi lại cho Strassberg. Câu trả lời là

không. Sẽ không có thỏa thuận. Họ sẽ ra tòa.

Vào ngày 7 tháng Một năm 2014, Mathew và Rosemary Martoma đã tới trụ sở tòa án bằng một chiếc SUV có tài xế lái. Một cơn bão tuyết đã để lại hàng núi tuyết trên đường, và Rosemary khéo léo đi trên vỉa hè trơn trượt bằng đôi giày gót cao cả chục centimet. Phiên tòa dự kiến sẽ diễn ra trong vài tuần, nên họ đã cho con nghỉ học và đặt một phòng hạng sang ở khách sạn Intercontinental gần quảng trường Times để gia đình có thể ở cạnh nhau. Việc Mathew và Rosemary tới trụ sở tòa án được ghi lại bởi hàng đoàn phóng viên ảnh và máy quay truyền hình.

Ngay trước khi họ bắt đầu đưa ra các phát biểu mở màn vào hai ngày sau đó, Roberto Braceras, đối tác của Strassberg ở Goodwin Procter, đứng đằng sau bàn bị cáo đối mặt với thẩm phán, cố không mất kiểm soát vì giận dữ. Trên tay ông là chuyên trang kinh doanh trên *The New York Times* số ngày hôm đó. Tay ông run lên. Trên trang bìa là dòng tít: “Cựu giao dịch viên SAC đã bị đuổi khỏi Trường Luật Harvard”.

Trong vài tuần, luật sư hai phía đã mở một cuộc chiến khốc liệt ở hậu trường. Và giờ nó đã tràn lên khắp mặt báo.

Buổi sáng hôm đó, chính quyền đệ một đơn kiến nghị với thẩm phán đòi quyền được công nhận bằng chứng Martoma bị đuổi khỏi Trường Luật Harvard trong phiên tòa. Không chỉ quyết định đuổi học, mà toàn bộ câu chuyện nhớp nhúa về việc Martoma đã làm giả bằng điểm, cố gắng che giấu đi đầu đó, rồi lập một công ty giả để tìm cách được nhận trở lại. Ngoài mặt, câu chuyện Harvard không liên quan gì tới câu hỏi ở trung tâm vấn đề - liệu Martoma có trả tiền cho một bác sĩ để nhận được những kết quả thử thuốc không được công khai rồi giao dịch chứng khoán trên cơ sở thông tin đó không. Tuy nhiên, có một số điểm yếu trong lập luận của các

công tố viên mà câu chuyện Harvard có triển vọng bù đắp cho nó, đây là viên đạn dự phòng của họ. FBI vẫn chưa thể khôi phục thư điện tử đã mất có bài thuyết trình PowerPoint bao gồm các kết quả thử thuốc mà Gilman nói đã gửi cho Martoma. Đó là một bằng chứng quan trọng sẽ có thể chứng minh rằng Martoma đã nhận được các kết quả về bari một tuần trước khi chúng được công khai cho dư luận. Devlin-Brown tin rằng Martoma có thể đã làm cho thư điện tử đó biến mất. Nỗ lực sửa chữa thư điện tử ở Harvard chứng tỏ anh ta có chuyên môn kỹ thuật và đầu óc để thực hiện một việc như thế - hay ít ra là cố làm đi đầu đó.

Ngay khi Strassberg và Braceras biết rằng Devlin-Brown xin phép đưa câu chuyện ngày xưa ở Harvard ra tòa, họ đệ một kiến nghị lập luận chống lại. Họ cũng trình một kiến nghị riêng yêu cầu bảo mật toàn bộ cuộc tranh luận trong phiên tòa công khai. Họ biết rằng tiết lộ câu chuyện Harvard sẽ là tai họa cho vụ Martoma. Thẩm phán khu vực Paul Gardephe đã giáng cho Martoma một đòn đau khi ông phán quyết rằng các tài liệu trong vụ Harvard sẽ được công khai. Không chỉ Martoma sẽ bị sỉ nhục công khai, nó còn ngăn cản các luật sư của anh ta trong việc biện hộ. Ngay cả Strassberg cũng phải thừa nhận đưa bằng chứng Harvard vào vụ này là một bước đi chiến thuật thông minh của các công tố viên. Nếu ông định tranh luận rằng Gilman nói dối về việc gửi tập tin PowerPoint cho Martoma, bồi thẩm đoàn sẽ được nghe mọi chuyện về Harvard. Chẳng khác gì tự tra tay vào còng.

“Thưa quý tòa,” Braceras nói, “như chúng ta đã tiên đoán, rất nhiều tin tức đã bị tiết lộ cả trên truyền hình và báo chí...” Ông chỉ vào một chõng báo khác trên bàn mình, trong đó có tờ *The New York Post*, chình ình dòng tít giật gân của riêng mình. Braceras muốn Gardephe hỏi các bồi thẩm viên

xem họ đọc tin tức về vụ Harvard chưa.

Braceras là một đối tác thời vụ của Strassberg làm tại văn phòng ở Boston của Goodwin Procter. Khỏe mạnh và chau chuốt, ông có một phong cách tự ra vẻ nhũn nhặn khiến người khác mất cảnh giác. Khi ông đưa ra lập luận của mình, vợ và cha mẹ Martoma ngồi ở hai hàng đầu của phòng xét xử, đầu họ lắc lư. Bí mật đen tối nhất của gia đình, và nỗi hổ thẹn lớn nhất của họ, giờ được công khai. Với Martoma, đi đầu này cũng đau đớn tương đương với việc bị cáo buộc giao dịch nội gián.

Gardephe bày tỏ sự cảm thông nhưng rồi cuộc vẫn từ chối thẩm tra các b ả thẩm viên về việc họ đã đọc câu chuyện Harvard chưa. Họ đã được lệnh không đọc gì trên báo chí về vụ án. Ông đã nói với họ ngay từ đầu là hãy tránh Internet. Ông đã là thẩm phán liên bang từ năm 2008, và ông tin rằng hệ thống b ả thẩm đoàn là dựa trên lòng tin.

ooo

Lập luận mở màn là một trong những phần ưa thích nhất của Devlin-Brown ở một phiên tòa. Trong một vụ thế này, đôi khi đó là tất cả những gì quan trọng. Văn phòng Công tố Mỹ đã có một công thức cho chuyện này, một hệ thống được truyền qua nhiều thế hệ công tố viên. Hệ thống bắt đầu với “cú chộp” - một bản tóm tắt nhanh, hai phút vụ việc, với ý đồ thu hút sự chú ý của b ả thẩm đoàn. Cú chộp có thể bắt đầu theo một trong hai cách. Đầu tiên là một ý tưởng chủ đề lớn, chẳng hạn như, “Đây là một vụ về lòng tham”. Devlin-Brown nghiêng hơn về kiểu mà anh gọi là khởi đầu kiểu “Đó là một đêm đen tối bão bùng”, đặt các b ả thẩm viên vào một khung cảnh kịch tính. Giống như trong phim.

Vào ngày hôm đó, phiên bản của anh bắt đầu với, “Bấy giờ là tháng

Bảy năm 2008.” Anh nói với giọng nhẹ nhàng, đều đều. “Bị cáo Mathew Martoma là một trong khoảng một nghìn người ng ồi chậ t kín trung tâm hội nghị ở Chicago đợi một chuyên gia về bệnh Alzheimer sắp sửa lên sân khấu.” Sidney Gilman, anh giải thích, tham dự hội thảo quốc tế về Alzheimer để công bố các kết quả của một cuộc thử thuốc rất được đón đợi. Các kết quả thử nghiệm có thể khởi đầu cho một đột phá y khoa lớn, và một lợi nhuận khổng lồ, cho các công ty dược liên quan. Mọi người ở hội thảo đều sốt ruột muốn nghe từ vị bác sĩ. Ngoại trừ Martoma. “Quý vị thấy đấy, Mathew Martoma, anh ta đã biết bác sĩ Gilman chuẩn bị nói gì,” Devlin-Brown nói. “Anh ta đã hối lộ bác sĩ Gilman, bằng tiền thật và một tình bạn giả, và bác sĩ Gilman đã chia sẻ bài thuyết trình đó với anh ta từ trước đó.” Sau khi Gilman kết thúc việc trình bày các kết quả, cổ phiếu của Elan giảm 40%. “Rất nhiều người đã mất tiền. Nhưng Mathew Martoma thì không. Quỹ phòng hộ nơi Mathew Martoma làm việc đã kiếm được *rất nhiều* tiền.”

Devlin-Brown là một người trình diễn tự nhiên, con trai của một cựu nữ diễn viên Broadway. Anh theo học ở Đại học Columbia và, như nhiều đồng nghiệp của mình, Trường Luật Harvard, nơi anh tận dụng mọi cơ hội để phát biểu trước những người khác, từ các cuộc tranh luận tới các phiên tòa giả lập đến cả việc hát trong nhóm cappella của trường luật. Trong gia đình Devlin-Brown mọi người vẫn đùa rằng thay vì gia nhập gánh xiếc anh đã bỏ nhà đi để trở thành luật sư.

“Vụ này sẽ có một số thông tin khoa học, nhưng bản thân nó không phải là một thử nghiệm khoa học,” anh nói với bồi thẩm đoàn. “Cũng có cả một quỹ phòng hộ tinh vi, nhưng vụ này không phải là về tài chính mà là về gian lận.”

Khi anh phác qua lập luận của phía chính quyền, Rosemary ngẩng nghiêng người về phía trước trên ghế, đẩy cặp kính lên xuống trên mặt, coi tay công tố viên như một địch thủ. Chờng cô ngồi thẳng băng trên ghế ở bàn bị cáo cách đó khoảng một mét rưỡi, vẻ mặt trống rỗng. Có vẻ như toàn bộ cảnh tượng này với anh ta đau đớn đến mức linh hồn đã rời khỏi cơ thể, để lại cái vỏ rỗng phía sau, vẫn còn mặc bộ vest trắng thóm.

Vào lúc Strassberg đứng lên cho phần mở màn của mình, rõ ràng rất khó để ông thay đổi bức tranh mà Devlin-Brown đã tô vẽ. Họ đối mặt với một thách thức lớn khi Gilman là nhân chứng chính. Làm sao bạn có thể nghi ngờ một vị bác sĩ 81 tuổi, từng đứng đầu khoa Y của một đại học, mà không đưa ra điếu gì đó không thể bác bỏ? Ông sẽ phải thận trọng trong cách trình bày câu chuyện từ phía Martoma.

“Khoảng hơn mười năm trước, trên sân khấu Broadway có một vở rất ăn khách - *The Exonerated*^[122] - về những người bị cáo buộc những tội ác kinh hoàng,” Strassberg nói, bắt đầu tăng tốc. Tóc ông chải ngược ra sau, lấp lánh sáp thơm, và ông mặc một bộ vest xám may theo người cùng cà vạt màu hồng. Giày của ông sáng bóng. “Trong mỗi vụ đó, công tố viên đều sai,” ông nói tiếp. “Họ đã đẩy những người đàn ông và phụ nữ vô tội lên đoạn đầu đài, cho tới khi bằng chứng chắc chắn giúp họ được miễn tội.” Sau khi đã khởi động, ông bắt đầu vẩy tay vào không khí: “Tôi đứng đây trước các vị, không phải trong một vở kịch, mà trong đời thật. Bên công tố đã vội vã phán xử và trong khi vội vã phán xử như thế, họ đã truy tố một người vô tội.”

Devlin-Brown nghe ông nói với chút sừng sốt. So sánh Martoma với một tù nhân bị kết án tử oan sai ư? Có vẻ hơi quá lỗ. Nhưng với nguần lực của họ, có vẻ như các luật sư của Martoma đã thử nghiệm ý tưởng này với

nhóm tư vấn b ồi thẩm đoàn đất đỏ và kết luận rằng nó có thể hiệu quả.

B ồi thẩm đoàn sẽ không nghe các bằng nghe lén, mà chỉ nghe những câu chuyện mâu thuẫn nhau sâu sắc của một bác sĩ đã già cả tuyệt vọng tìm cách gỡ tội cho mình, Strassberg nói tiếp. “Bác sĩ Gilman cảm thấy áp lực phải kể cho các công tố viên câu chuyện mà họ muốn nghe,” ông nói.

R ồi ông chuyển sang sự chính trực bị vu khống một cách bất công của thân chủ mình. “Theo nhiều cách, Mathew là câu chuyện thành công kiểu Mỹ tinh hoa,” Strassberg nói. “Sinh trong một gia đình người nhập cư Ấn Độ ở Florida, anh lớn lên dưới bóng Trung tâm Vũ trụ Kennedy, nơi anh thuộc về một cộng đồng Công giáo thiểu số. Anh tốt nghiệp trường cấp ba công lập và theo học Đại học Duke”. “Vào lúc anh lấy bằng MBA anh đã gặp Rose,” Strassberg nói, nhìn đầy trù mến về phía Rosemary. Cô cười rạng rỡ với b ồi thẩm đoàn, vừa khớp với lời ám chỉ. “Họ đã kết hôn vào năm 2003 và nhanh chóng có với nhau ba con, Joshua, Ava và David, cả ba đều dưới chín tuổi.

“Việc được mất ở đây không thể cao hơn,” ông nói, bước suốt chi ều dài phòng xét xử và vung tay trong không khí. “Vụ này sẽ không đứng vững! Các mảnh bằng chứng không khớp! Đi ều quan trọng là quý vị, b ồi thẩm đoàn, đừng vội vã phán xét. Quý vị sẽ thấy rằng Mathew không vi phạm những cáo buộc đó. Anh đã bị buộc tội sai!”

Cả hai màn mở đầu đều mạnh mẽ. Nhưng ngay lúc đấy có vẻ Strassberg đã tở quá tay. Ông đang ở trong trạng thái của một tay bán hàng, rao với b ồi thẩm đoàn một câu chuyện đòi hỏi những giả định bất chấp lẽ thường. Biện hộ cho Martoma sẽ là cuộc chiến của sự nghiệp Strassberg.

Năm ngày sau các tranh biện mở màn, bồi thẩm đoàn lần đầu nhìn thấy bác sĩ Sidney Gilman. Khi ông được đưa vào phòng xét xử, lúc khoảng 11 giờ 45 phút sáng, sự im lặng bao trùm căn phòng. Gia đình Martoma đã làm theo trí khôn thông thường và cố gắng vận động bạn bè tham gia phiên tòa. Cha mẹ của Martoma, cha mẹ của Rosemary, và vài người anh em họ cùng mấy bà cô dì đã có mặt, đều mặc áo len và nhìn như thể họ có thể đóng băng vậy. Rosemary có mặt ở tòa mỗi ngày trong những bộ đồ bắt mắt khác nhau. Nhưng nhóm người ủng hộ thừa thớt hơn nhiều so với vụ Steinberg. Trong khi đám đông của Steinberg có vẻ mạnh mẽ và phong phú, đạo quân nhỏ bé của Martoma nhìn gần như tội nghiệp.

Đôi mắt Gilman đen và sáng, với quầng mắt sâu, rõ rệt bên dưới, và tóc ông đã bạc trắng, có thể nhìn rõ từng sợi nhú lên trên đầu ông. Rosemary nhìn Gilman lạnh lẽo khi ông được đưa vào phòng, mặc một chiếc vest màu than chì, nhìn yếu ớt như thể ông có thể vỡ tan nếu bị chạm phải.

Gilman còn xa mới là nhân chứng hoàn hảo. Thứ nhất, trí nhớ của ông chập chờn. Devlin-Brown đã nghe nói các luật sư biện hộ của Martoma đi đầu nghiên Gilman rất kỹ trong nỗ lực tìm kiếm thông tin giúp hạ uy tín của ông. Họ thậm chí đã cử một thám tử tư tới Ann Arbor để hỏi chuyện tay thợ may của Gilman - tay thợ may từ chối trao đổi với họ, viện dẫn “danh dự của thợ may”. Cũng đã có người tìm hiểu về cậu con trai bị từ mặt của Gilman ở Connecticut. Hy vọng của Devlin-Brown là bằng việc đưa Gilman ra làm chứng tương đối muộn trong phiên tòa, câu chuyện về cơ bản đã rõ ràng trong đầu các bồi thẩm viên. Tất cả những gì Gilman sẽ làm là xác nhận những đi đầu họ đã biết.

Ông đeo máy trợ thính ở cả hai tai và ánh mắt của ông run rẩy, khiến

ông nhìn có vẻ lẫn thẩn. Khi Devlin-Brown yêu cầu ông nhận diện Martoma trong phòng xét xử, đã có một khoảng lặng dài khi Gilman lấy bẫy đeo kính vào và hướng mắt về phía đám luật sư đông nghịt.

“Anh ta mặc áo vest tối màu và cà vạt xám,” Gilman nói, liếc mắt về phía Martoma.

Có tiếng cười rộ lên trong phòng. Mô tả đó đúng với gần như tất cả đàn ông trong phòng.

Nhưng trong khi nhìn Gilman yếu ớt và run rẩy, tâm trí của ông sắc như dao. Ông tả lại quyết định “rút lui” ở Đại học Michigan vào tháng Mười một năm 2012, ngay sau khi Martoma bị truy tố, thay vì đợi bị sa thải vì đã phản bội tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp. “Tôi đã đóng góp rất nhiều cho trường đại học đó, và tôi đột ngột kết thúc sự nghiệp của mình trong bê bàng,” ông nói. “Trường đã lột sạch những chỗ nhắc tới tên ông trên các trang web và trên các tòa nhà của họ. Nhiều đồng nghiệp cũ của ông từ mặt ông. Việc duy nhất ông làm lúc này là thăm khám các bệnh nhân tại một bệnh viện miễn phí ở Ann Arbor, ông bị cấm đặt chân vào khu học xá của Đại học Michigan, mái ấm học thuật cả đời ông. Từ chỗ ngồi của mình trong phòng xử án, Strassberg nghiên cứu vị bác sĩ. Việc này khó hơn là ông tưởng.

Vào ngày 21 tháng Một năm 2014, các quan chức Thành phố New York ở trong tình trạng báo động bởi một cơn bão mùa đông sắp tới. Dự báo sẽ có tuyết dày từ 17 tới 25 centimet, và tin tức tạo ra sự lo lắng lớn, khi các trường học và dịch vụ xe lửa bị đóng cửa sớm hoặc hủy chuyến. Thẩm phán Gardephe tuyên bố tòa sẽ nghỉ sớm, vào lúc 2 giờ chiều, để mọi người có thể về nhà an toàn. Devlin-Brown đẩy nhanh qua đoạn chuyển đi của Martoma tới Michigan xem các kết quả thử nghiệm thuốc

cuối cùng.

Anh chiếu bản sao một trong những lịch làm việc trên Microsoft Outlook của Gilman qua máy chiếu. “Bác sĩ Gilman, ông có thể đọc đề mục từ 12 giờ 30 tới 1 giờ 30 phút ngày thứ Bảy, 19 tháng Bảy năm 2008 không?” Devlin-Brown nói.

Gilman đọc một mạch một trong những mảnh giấy trước mặt ông. “Mat Martoma sẽ thăm tôi tại văn phòng của tôi,” ông nói.

“Cuộc gặp trong kế hoạch với ông Martoma ở văn phòng của ông diễn ra thế nào?” Devlin-Brown hỏi.

Gilman nói Martoma đã bảo ông rằng anh ta sẽ tới thăm họ hàng ở Ann Arbor và rằng người chú của anh đã qua đời vài tháng trước. Liệu anh có thể ghé qua khi anh ở đó không? Devlin-Brown yêu cầu ông mô tả lại cuộc gặp.

“Tôi không nhớ chi tiết,” Gilman nói. Nhưng ông nhớ nhận được một cuộc gọi từ Martoma khi anh ta trên đường tới văn phòng từ sân bay. Ông cũng nhớ đã mở cửa cho anh khi anh tới và mời anh ăn trưa. Và ông nhớ đã cho Martoma xem các trang trình chiếu PowerPoint về thuốc bapi trên máy tính của ông.

“Ông có hiểu rằng những gì ông làm vi phạm pháp luật không?” Devlin-Brown hỏi.

“Tôi hiểu rằng tôi đang tiết lộ thông tin nội gián và đi đầu đó phạm pháp,” Gilman nói. “Tôi hiểu tôi đang phạm tội.”

Câu hỏi tại sao một người như Gilman, với quá nhiều đi đầu để mất, lại dính vào rắc rối lớn như thế với Martoma là một trong những đi đầu khó hiểu của vụ này, và là một thách thức với bên công tố. Họ cần bắt thăm đoàn tập trung vào hành vi của Martoma, chứ không phải của Gilman.

Chiến thuật của họ là chứng tỏ rằng bản thân Gilman là một nạn nhân. Vào lúc Devlin-Brown dẫn dắt vị bác sĩ qua việc mối quan hệ của ông và Martoma trở nên sâu sắc thế nào - những cuộc gọi điện thoại, những cuộc gặp, việc Martoma bộc lộ sự phẫn khích và cảm mến với ông - một bức tranh hiện ra về một sự hấp dẫn trí tuệ, trong đó ông già cô độc đã gục ngã bởi tác động của tay giao dịch trẻ tuổi đầy sức hút. Gilman là một người nghiện việc đã từ mặt con trai của chính mình. Ông cô độc và biệt lập với phần còn lại của thế giới. Martoma khi đó đã trở thành một kiểu con hờ với ông.

Vào lúc họ đi tới ngày làm chứng cuối cùng của Gilman, Devlin-Brown cảm thấy tự tin rằng anh đã đạt được điều mình cần. Gilman bước ra như một nhân vật đáng cảm thông, người đã mất tất cả những gì ông có và không có lý do gì để dối trá. Chứng cứ mà chính quyên đưa ra đã xác nhận những điểm chính trong câu chuyện của công tố viên. Đây là tai họa với Martoma.

Trong những phút cuối cùng của vị bác sĩ trên bục nhân chứng, Devlin-Brown một lần nữa hỏi tại sao ông phạm tội với Martoma chứ không phải với nhiều nhà đầu tư ông đã nói chuyện cùng.

Gilman thở dài. “Anh ta dễ thương,” ông nói. “Và anh ta, thật không may, nhắc tôi nhớ lại con trai đầu của mình. Bởi sự tò mò của anh ta. Sự sáng láng đó. Con trai đầu của tôi cũng rất thông minh.” Rồi sau một khoảng lặng dài ông nói, “Và con tôi đã tự sát.”

Nếu các luật sư của Martoma bước vào phiên tòa với bất lợi lớn, thì giờ họ còn thất thế gấp đôi. Các công tố viên không thể đòi hỏi hơn với nhân chứng ngôi sao của họ. Gilman là một giáo viên bẩm sinh, và ông thu hút được diễn giả. Strassberg đã rơi xuống một cái hố sâu gần như không

thể trèo ra được. Bất nạt một bác sĩ danh tiếng, già cả đã mất con trai vì tự sát trong cuộc đối chất sẽ không làm ông, hay thân chủ của ông, được b ỡ thăm đoàn yêu mến.

Dù Gilman có vẻ yếu ớt, ông bộc lộ sự bướng bỉnh rõ ràng trong cách ông nhìn trả thẳng vào mắt Strassberg không nao núng, như thể thách tay luật sư đưa ra câu hỏi hay nhất của ông ta.

“Xin chào, bác sĩ Gilman,” Strassberg nói.

“Chào ngài,” Gilman đáp lạnh như băng.

“Tên tôi là Rich Strassberg, và tôi đại diện cho ông Martoma. Chúng ta chưa bao giờ gặp nhau, đúng không, bác sĩ Gilman?” Một khoảng lặng. Strassberg hơi nghiêng về phía trước. “Ông nghe tôi nói chứ?”

“Sẽ tốt hơn nếu ông nói vào micro để tôi có thể nghe ông rõ hơn,” Gilman nói lớn.

“Ông có biết rằng chúng tôi đã yêu cầu gặp luật sư của ông nhưng chúng tôi bị từ chối? Ông có biết đi đâu đó không?” Strassberg nói.

“Tôi không thể nghe được câu đầu của ông nói với tôi, thưa ông.”

Sáu giây sau khi cuộc đối chất bắt đầu, Strassberg rõ ràng đã cáu tiết. Gilman có vẻ cứ cách một câu thì lại không hiểu ông nói gì, cắt ngang liên tục dòng câu hỏi của ông. Strassberg bắt đầu lại. Ông kê miệng ngay cạnh micro, và giọng ông ở tông cao nhất, nói thật chậm, như thể ông đang nói với một đứa bé lên hai. “Bác sĩ Gilman, tôi sẽ hỏi ông một số câu hỏi trong buổi chiều nay, và tôi muốn ông cho tôi biết nếu có câu hỏi nào ông không hiểu,” ông nói, cực kỳ khó chịu. “*Được không?*”

Kế hoạch của Strassberg là cho b ỡ thăm đoàn thấy Gilman là một ông già lẩn lộn đã bị chính quyền gây áp lực để nói dối. Nhưng ông đã đánh giá

thấp người mà ông đang đối phó. Gilman vẫn còn lửa đấu tranh trong người. Còn lâu mới bị khuất phục bởi chiến thuật của Strassberg, ông đã làm lung lay dữ dội tay luật sư chuyên ra tòa dày dạn. Mỗi lần Strassberg mở miệng, Gilman lại tỏ ra cau có.

Sau khi Strassberg hỏi không biết lần thứ bao nhiêu rằng Gilman có nghe được ông hay không, tay bác sĩ quật lại, “Ông đang làm xiếc với từ ngữ của mình.”

Strassberg cố gắng bình tâm và bám lấy chủ đề của mình: tay bác sĩ đã già và đấng trí. Ông lược qua một danh sách hàng chục vị trí chủ tịch, ủy ban tư vấn, lịch làm việc, trao đổi thư điện tử, trong lúc hỏi Gilman xem ông có nhớ chi tiết này hay chi tiết kia không, ông có thể nhớ được ông đã nói gì với ai vào một thời điểm cụ thể không, hay đã thảo luận gì trong một cuộc gặp cụ thể, đảo tới đảo lui các mốc thời gian. Rất nhiều điều mà Strassberg chiếu lên màn hình Gilman tuyên bố ông chưa bao giờ thấy. “Tôi không nhớ, thưa ông,” ông nói, hết lần này tới lần khác.

“Ông có biết rằng, bác sĩ Gilman, ông đã có hơn 400 buổi tư vấn với hơn 300 khách hàng, như thể hiện trong hồ sơ này không?” có lúc Strassberg hỏi.

“Có thể là như thế,” Gilman nói.

Strassberg cố gắng gợi ý rằng Gilman đã bị thúc đẩy thuần túy bởi những động cơ tiền bạc - ông đã kiếm được những khoản tiền lớn từ các khách hàng Phố Wall: 340.000 đô la vào năm 2006, 420.000 đô la năm 2007, và 425.000 đô la năm 2008, những khoản tiền vượt xa mức lương của ông ở Đại học Michigan, như thể Gilman làm việc cho Phố Wall nhiều hơn là cho khoa học. Luật sư biện hộ cáo buộc Gilman nói dối về việc chia sẻ thông tin bapì với Martoma. Tuy nhiên, qua ba ngày đặt câu hỏi liên tiếp

của Strassberg, Gilman vẫn giữ vững những điểm chính trong câu chuyện của ông.

Các luật sư ra tòa trong những vụ được chú ý nhiều phải có sức bền thể lực gần như là siêu nhiên. Những chồng hồ sơ dày cộp tang vật và chứng cứ chất đống phía trước Strassberg có vẻ sinh sôi thêm và tràn khắp bàn rồi xuống cả sàn nhà. Có vẻ đã kiệt sức, Strassberg cuối cùng chuyển sang chủ đề B. J. Kang, đặc vụ FBI đã tiếp cận Gilman hồi năm 2011 và cố gắng khiến Gilman cộng tác. Strassberg hỏi Gilman về những gì ông đã nói trong lần đầu FBI tiếp cận ông để xem liệu ông có nói sự thật không.

“Bác sĩ Gilman, ông cũng đã nói với các đặc vụ trong cuộc gặp này rằng ông muốn hợp tác với cuộc điều tra của họ,” Strassberg nói. “Ông có nhớ đi đầu đó không?”

“Có,” Gilman nói.

“Và có đúng khi nói rằng trong toàn bộ cuộc hỏi chuyện diễn ra giữa các đặc vụ FBI và ông, họ không bao giờ đề cập tới bất cứ khách hàng nào khác ngoài Mathew Martoma?”

“Tôi nghĩ là đúng thế,” Gilman đáp.

Khi Strassberg chuyển sang nhóm câu hỏi tiếp theo của ông, Gilman bắt đầu cựa quậy trên ghế. Có gì đó ông muốn nói thêm. Ông hỏi thẩm phán liệu ông có thể trở lại câu hỏi trước đó không vì ông đã chưa trả lời hết.

“Không, ông Gilman,” Strassberg đập luôn. “Quý tòa, tôi sẽ yêu cầu bác sĩ Gilman trả lời những câu hỏi mà tôi sắp hỏi.”

Nhưng thẩm phán Gardephe thấy tò mò. Ông nói với Gilman rằng ông có thể trả lời lại. Tay bác sĩ hít một hơi sâu.

“Ông đặc vụ cũng nói tôi chỉ là một hạt cát, giống như ông Martoma,” Gilman nói giọng rõ ràng. “Họ thực ra săn đuổi một người tên là Steven A. Cohen.”

Những tiếng xầm xì vang lên trong phòng xét xử. Các công tố viên, vị thẩm phán trong áo chùng, những tài xế xe buýt và tư vấn viên bảo hiểm trong bộ đồ thẩm đoàn - tất cả như thể họ đang đóng một vai trong vụ truy tố Martoma, khi mà câu chuyện thật sự là về Cohen. Ông ta là mục tiêu, là kẻ FBI muốn, là người Martoma lẽ ra phải làm chứng chống lại để cứu lấy mình. Các luật sư và thẩm phán đã rất nỗ lực sao cho cái tên Cohen không được nhắc tới trong quá trình xét xử, nhưng Gilman đã quá già, và chẳng có gì nhiều để mất, để quan tâm tới những chuyện đó. Trong phút chốc, ông kéo phẳng bức màn lên và cho tất cả mọi người thấy chuyện gì đang thật sự xảy ra.

ooo

Mặc dù việc Cohen là tòng phạm với tội ác của Martoma chưa bao giờ được nhắc tới trực tiếp trong phiên tòa, tên ông đã trở đi trở lại. Khi Chandler Bocklage, giao dịch viên nghiên cứu và “cánh tay phải” của Cohen, theo lời các luật sư của Martoma, được bên bị gọi lên bục nhân chứng, anh ta đã nói: “Cá nhân tôi nghĩ Steve là giao dịch viên vĩ đại nhất mọi thời.” Mỗi lần tên Cohen được nhắc tới, Devlin-Brown lại thêm phần khó chịu. Mục tiêu của anh, ít ra là lúc này, là buộc tội Martoma. Có thêm một kẻ ác xuất hiện ở phòng nền làm rối rắm vụ việc của họ.

Thẩm phán Gardephe đã nhắc đi nhắc lại với cả hai bên luật sư không nêu tên Cohen cũng vì lý do đó. Ông ta là một tỉ phú kiếm được nhiều tiền nhất và ra nhiều quyết định nhất ở SAC và là người trả chi phí bào chữa

cho Martoma. Điều này thật kỳ lạ, nhưng vì mục đích liên quan của phiên tòa xét xử Martoma, nhiệm vụ của thẩm phán là phải loại bỏ sự mất tập trung. “Tôi nghĩ rằng các câu hỏi chung về cách thức Steve Cohen thực hiện giao dịch của ông ta là rất nguy hiểm,” Gardephe nói trong một thảo luận mà b ả thẩm đoàn không nghe thấy. “Điều đó mang tới rủi ro mở ra cánh cửa một cuộc đi ều tra rộng hơn về việc Steve Cohen làm ăn ra sao. Và tôi nghĩ chúng ta đ ầu nhất trí rằng đó là lối mà chúng ta không muốn đi vào.”

Trong những tranh biện sau cùng, đ ồng công tố viên của Devlin-Brown, Eugene Ingoglia, một l ần nữa dẫn dắt các b ả thẩm viên qua những mốc thời gian, từ sự nghiệp của Martoma ở SAC tới việc anh ta chăm b ẵm Gilman làm ngu ần tin và cuối cùng, chuyển thăm đ ể anh ta xem các trang trình chiếu cho bài thuyết trình lớn ở ICAD tại văn phòng của Gilman ở Michigan. “Steven Cohen và Mathew Martoma đã trao đổi với nhau 20 phút hôm Chủ nhật,” Ingoglia nói. “Làm sao chúng ta biết họ nói chuyện gì? Ngay sau cuộc gọi, Martoma gửi cho Cohen qua thư điện tử những danh sách số lượng cổ phiếu liên quan. Ngày hôm sau, trong bốn ngày, họ đã bán tất cả các cổ phiếu họ nắm giữ. Trong bí mật.”

R ồi tới lượt Strassberg. Ông đứng lên và nhìn b ả thẩm đoàn. “Steven Cohen không có mặt ở phiên tòa,” ông nói. “Steven Cohen thậm chí không bị cáo buộc là đ ồng phạm. Mathew không phải là Steven Cohen. Steven Cohen không có ở đây. Những gì ông Cohen làm là việc của ông Cohen.”

Tất nhiên đi ều đó đúng. Nhưng phát ra từ miệng một luật sư được Cohen trả tiền, đi ều đó thật đáng ngờ. Martoma đã nghe lời khuyên về việc có nên hợp tác với chính quyền và làm chứng chống lại Cohen không từ một luật sư do Cohen trả phí. Các công tố viên tin rằng chủ yếu vì

Martoma từ chối hợp tác mà Cohen không ra tòa. Với một số người, một hệ thống cho phép một sự dàn xếp như vậy cũng là bằng hoại.

Tuyên bố sau cuối của Strassberg kéo dài hơn hai giờ rưỡi. Sau khoảng 45 phút, các bồi thẩm viên bắt đầu tỏ ra lơ đãng bởi ông cứ nhắc đi nhắc lại những điểm giống nhau. Rồi ông hít vào thật sâu. “Hy vọng của Mathew, của gia đình anh ấy, sẽ thay đổi vĩnh viễn bởi những gì xảy ra ở đây,” ông nói. “Chuyện này đã thành địa ngục với Mathew, vợ anh ấy, các con anh ấy và cha mẹ anh ấy. Anh ấy không phải là một hạt cát, anh ấy không phải là một công cụ để mở án chống lại Steven Cohen.” Vào lúc ông nói, nước mắt lăn dài trên má Rosemary.

Khi bồi thẩm đoàn trở lại đưa phán quyết vào lúc 1 giờ 51 phút chiều sau ba ngày cân nhắc, ngay lập tức rõ ràng là họ định nói gì. Không ai nhìn về phía Martoma trong phòng xét xử. Rosemary khóc thút thít khi chủ tịch bồi thẩm đoàn đọc kết quả: có tội với cả ba cáo buộc.

Cha mẹ Martoma trông thật sững sờ khi họ lần lần bước ra khỏi cửa sau và đi vào trong giá lạnh. Với cha Martoma, nghe thấy từ *có tội* sau mỗi cáo buộc giống như ba viên đạn xuyên qua tim ông.

Khi những câu chuyện được viết lại vào ngày hôm sau, có vẻ như một người đàn ông cực giàu kiểm soát một trong những quỹ phòng hộ lớn nhất thế giới đã chia tay với một phần không đáng kể tài sản của ông ta và thoát hết các tội trạng cá nhân. Steve Cohen sẽ tiếp tục giao dịch chứng khoán và mua tác phẩm nghệ thuật. Tất cả những gì còn lại cho các công tố viên là lấy Martoma ra làm gương và tuyên bố chiến thắng dù họ đã không đạt được mục tiêu tối thượng của mình.

Với một người quan sát từ bên ngoài, vụ Martoma thật khó hiểu. Martoma đã có rất nhiều cơ hội làm chứng chống lại sếp cũ của mình để đổi lấy một bản án nhẹ hơn, và anh ta đã từ chối. Thay vì thế, anh ta trải qua một phiên tòa đầy hồ thẹn và giờ đối mặt với mức án hơn 10 năm tù giam. Tại sao? Đó là câu hỏi đã vây quanh vụ việc của anh ta trong ba năm trời. Các công tố viên liên bang đã theo đuổi Steven Cohen trong gần một thập niên chắc chắn rằng Martoma có thông tin để kết tội ông ta. Những người bị truy tố với các tội danh hình sự như Martoma, sẽ phải đối mặt với các bản án ngắn tù dài ngày, gần như luôn hợp tác. Tại sao Martoma lại không?

Luôn có khả năng là anh ta không có thông tin nào để buộc tội được Cohen. Nhưng ngay cả như thế, bất cứ đi đâu gì anh ta có đâu có khả năng giúp anh ta giảm án. Điều khó hiểu ở đây là anh ta thậm chí không thêm *thử*. Có ba giả thuyết được mọi người thảo luận nhiều nhất.

Đầu tiên là danh dự. Có lẽ Martoma đơn giản không thể chấp nhận ý tưởng trở thành một tay chỉ điểm. Một lập trường mang tính nguyên tắc cao như thế là rất bất thường trong các vụ tội phạm cổ cồn trắng, và với một người có quá khứ như Martoma, nó lại càng đặc biệt khó tin. Phải chăng đây bỗng nhiên là thời điểm anh ta lựa chọn con đường chính trực?

Thứ hai là nỗi sợ. Có lẽ Martoma tin rằng mình sẽ phải đối mặt với sự trả thù nếu lật mặt Cohen. Cả đi đâu này nữa cũng khó chấp nhận. Martoma đã rời bỏ ngành tài chính, và với tất cả sự nhấn tâm của Cohen trong vai trò một doanh nhân, không có bằng chứng cho thấy Cohen thực thi việc bảo đảm lòng trung thành theo kiểu găng-xơ thật sự.

Một giả thuyết khác, giả thuyết được hầu hết mọi người liên quan tới quá trình thực hiện vụ này nhắc tới, là các lợi ích vật chất, hay Martoma ấp ủ niềm hy vọng đầy tuyệt vọng rằng Cohen sẽ đền đáp cho lòng trung

thành của mình. Không có bằng chứng ủng hộ giả thuyết này, nhưng nó dễ tin hơn những giả thuyết kia. Tiền bạc, rốt cuộc, là những gì thúc đẩy hầu hết mọi người ở Phố Wall, và vụ này đã khiến Martoma khuynh gia bại sản. Chính quyền lệnh cho Martoma phải giao nộp căn nhà của anh ta và Rose ở Boca Raton, 3,2 triệu đô la Mỹ trong tài khoản Ngân hàng American Express đứng tên Martoma, 245.000 đô la trong một tài khoản ING Direct đứng tên Rosemary, cũng như 934.897 đô la còn lại trong Quỹ Mathew và Rosemary Martoma. Hóa ra, sau khi thành lập quỹ phi lợi nhuận này vào năm 2010 và bỏ vào tài khoản của quỹ 1 triệu đô la và nói về việc tận hiến mình cho hoạt động từ thiện, nhà Martoma đã được nhận một khoản miễn thuế cho những khoản từ thiện mà họ hầu như chưa hề cho đi. Cùng năm đó, họ chi 22.826 đô la cho việc đi lại và các chi phí khác của quỹ. Tất cả những gì còn lại trong tài khoản sẽ thuộc về chính quyền.

Rosemary tranh luận rằng cô và các con có nguy cơ phải ra đường. Cả hai gia đình nội ngoại đều không có nguồn lực để giúp đỡ họ, cô van nài thẩm phán qua hàng loạt các đơn gửi tòa.

Dù có nói giảm đi nữa, công tác hậu cần để Cohen chuyển các nguồn lực cho nhà Martoma sẽ rất rủi ro. (Các hình thức mua chuộc nhân chứng trắng trợn nhất cũng là bất hợp pháp.) Các kiểm toán viên của chính quyền sẽ nhanh chóng tịch thu bất cứ nguồn thu nhập bí ẩn nào. Ngay cả khi không có bằng chứng, những ai theo dõi vụ này vẫn không tránh được đoán đoán rằng hẳn phải có chuyện gì đó xảy ra. Rosemary đã không hề tìm cách dập tắt các tin đồn khi cô nói, bằng thứ ngôn ngữ pháp lý rối rắm: “Không có, và chưa bao giờ có, và sẽ không bao giờ có, bất cứ thảo luận nào về việc Steve Cohen đang chăm lo cho chúng tôi.” Đó có vẻ là những

lời mà cô đã nói theo sự chỉ vẽ của luật sư. Tới giờ, động cơ của Martoma vẫn là một điếu bí ẩn.

ooo

Trong những tuần lễ trước phiên nghe tuyên án, gia đình Martoma rơi vào trạng thái đau khổ tột cùng. Ác mộng của họ cuối cùng đã thành sự thật. Trong những đòn đau nhất có một lá thư từ Stanford tước bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của Martoma vì nói dối trong đơn xin nhập học.

Bất chấp, Rosemary vẫn lặn xả yêu cầu bạn bè, đồng nghiệp và người thân gửi thư ủng hộ cho vị thẩm phán sẽ tuyên án Mathew. Mathew dẹp bỏ lòng kiêu hãnh và nhờ giáo sư dạy môn đạo đức học ngày xưa của mình ở Đại học Duke, Bruce Payne. Payne cảm thấy thật tệ cho học trò cũ, người ông coi là bạn, dù ông cũng biết Martoma đã từng đánh lừa ông khi yêu cầu ông viết thư giới thiệu cho anh ta vào Trường Kinh doanh Stanford mà không nói chuyện gì đã xảy ra ở Harvard. Đó là một vi phạm đạo đức quá lớn. Payne nói với Martoma rằng ông không thể giúp.

Tuy nhiên, chủ yếu nhờ vào các nỗ lực của Rosemary, rất nhiều người khác đã gửi thư, hàng chục người anh em họ hàng, cô dì chú bác, rất nhiều người là bác sĩ, một số người ở tận Ấn Độ. Những lá thư của họ nhắc tới những chủ đề lặp đi lặp lại: rằng việc bỏ tù Mathew sẽ là sự trừng phạt bất công với ba con nhỏ của anh, rằng Rosemary là người dễ tổn thương sẽ tuyệt vọng nếu Mathew bị tống giam, và rằng cô sẽ không thể một mình chăm sóc các con. Một số người nói rằng Martoma đã chịu đựng đủ rồi. Có cả những ám chỉ rằng Rosemary bị bệnh, đi đâu khiến cô yếu ớt hơn - nghe như thể chuyện cùng khổ thời Victoria, và không hợp với tính cách mạnh mẽ mà cô đã thể hiện rõ rệt khi biện hộ cho Martoma. Các công tố

viên thấy coi thường khi đọc những lá thư đó. Như Devlin-Brown sau này chỉ ra, không có lá thư nào từ một bác sĩ hay chuyên gia tâm lý xác nhận các triệu chứng Rosemary bị bệnh.

Cha của Martoma, Bobby, viết một lá thư xúc động dài mười ba trang, bao gồm các bức hình Martoma khi còn nhỏ, mỉm cười và mặc một bộ vest kẻ sọc, cổ thắt nơ. Sau khi mô tả nỗi thất vọng nào nê của bậc làm cha khi Martoma không vào được Harvard trong chương trình cử nhân, Bobby viết: “Gần 22 năm sau, ngày hôm nay, tôi cảm thấy có lẽ là tôi đã ép uổng nó quá mức để đạt được ước mơ của tôi. Chúng tôi đã ép nó phải xuất sắc cho tới khi nó kiệt sức.”

Rosemary biết vận may đang chống lại chõng cô. Strassberg và Braceras đã cố gắng, một cách kín đáo nhất có thể, chuẩn bị cho những gì sắp đến với cô. Các án tù trong những vụ giao dịch nội gián thường rất nặng. Rajaratnam chẳng hạn, đã bị tuyên 11 năm tù, và một giao dịch viên ở Galleon tên là Zvi Goffer nhận 10 năm. Dầu vậy, cô vẫn bầu vịu vào hy vọng rằng Mathew sẽ được tha bổng. Cô cầu nguyện cho đi ều đó mỗi ngày.

Vào lúc 3 giờ 30 phút chiều ngày 8 tháng Chín năm 2014, Martoma một lần nữa lại đứng trước thẩm phán Gardephe, đợi nghe những gì sẽ xảy đến với mình. Theo các khung hình phạt, anh ta đối mặt với mức án tối đa 19 năm rưỡi.

Thẩm phán tóm gọn lại câu chuyện đau lòng: cuộc gọi giữa Gilman và Martoma vào ngày 17 tháng Bảy năm 2008, khi họ xem lại những trang trình chiếu PowerPoint; chuyến bay của Martoma tới Detroit và cuộc gặp gỡ Gilman trong văn phòng của ông; cuộc gọi điện thoại 20 phút với Cohen ngày hôm sau; những vụ bán cổ phiếu Elan và Wyeth trong bí mật

của SAC vào tuần sau. Trong khi chính quyền không bao giờ nêu tên Cohen trong vụ kiện, ông là trung tâm trong câu chuyện phạm tội của Martoma.

“Bởi chuỗi các sự kiện này,” Gardephe nói, “có khả năng rất cao rằng Cohen, thật vậy, quả đã nhận thông tin chưa được công bố từ Martoma.” Vì mục đích tuyên án, Martoma có thể phải nhận trách nhiệm cho tất cả những chuyện này.

“Ông Martoma đã bị hủy hoại bởi cuộc truy tố này,” thẩm phán nói. Nhưng tuy nhiên, ông nói thêm, để vụ việc của anh có thể răn đe những kẻ khác, “Tôi thấy rằng một mức án tù nặng là cần thiết.”

Rosemary ôm đầu. Gardephe ngừng lại. Ông có vẻ thực sự buồn bởi những gì ông sắp sửa làm. “Tôi dự định tuyên mức 9 năm tù giam.”

Mất một lúc để ngấm câu nói đó. 9 năm. Rosemary bật khóc.

Một khoảng lặng dài diễn ra sau khi viên thẩm phán rời đi. Rồi Rosemary cầm tay Mathew và họ bước ra khỏi phòng xét xử.

ooo

Cha mẹ của Martoma đã im lặng suốt nhiều tháng, xua đuổi đầy can đảm đám đông phóng viên ảnh trên đường họ tới lui tòa án mỗi ngày, không nói một lời nào. Tuy nhiên, lão đảo bước ra ngoài ánh sáng mặt trời sau bản án, họ nổi cơn thịnh nộ.

“Nó đã bị oan!” Lizzie Thomas, mẹ của Martoma, hét lên ở cuối những bậc thềm bên ngoài tòa án. Mắt bà rục rịch. Bà không thể chịu đựng được nữa.

“Tôi là cha nó,” Bobby Martoma nói, đứng cạnh vợ. “Nếu phía công tố

biết ba năm trước, khi hai đặc vụ tới Boca Raton - nếu họ biết Mathew có tội, tại sao họ lại nói với nó rằng họ muốn nó trở thành kẻ chỉ điểm? Lý do là gì?” Bobby nói tiếp, “Nếu nó có tội, họ lẽ ra phải nói thế chứ, họ lẽ ra phải nói, ‘Anh có tội, chúng tôi sẽ đưa vụ này ra tòa!’ Thay vì thế, họ nói, ‘Chúng tôi muốn anh làm việc cho bọn tôi’...”

“Nó đã bị oan,” Bobby nói tiếp. “Ai kiếm được tiền từ vụ này? Có người đã kiếm được 275 triệu đô la và đổ tất cả lên đầu Mathew! Hôm nay thẩm phán đã đổ tất cả tội lỗi lên nó. Tay thẩm phán đó, không hề có công lý từ tay thẩm phán đó. *Đây* chẳng là gì ngoài một trò hề *Đây* là hệ thống kiểu Mỹ.”

“Ai đã kiếm được tiền?” Lizzie cắt ngang. “Con trai tôi kiếm được 9,3 triệu đô la từ đó, và phải trả 3 triệu đô la tiền thuế cho khoản này.”

Thế thì tại sao, một người hỏi, Mathew lại không cộng tác với các công tố viên và tự cứu lấy mình? Tại sao anh ta lại không giúp họ bắt được kẻ kiếm ra tiền, Steve Cohen?

“Các vị muốn tôi nói với các vị ư?” Bobby trả lời, giơ cao ngón tay lên trời với nỗi giận dữ chính đáng. “Vì nó tin vào Điều răn thứ Chín. Quý vị có biết Điều răn thứ Chín là gì không? Người chớ làm chứng gian dối chống lại người hàng xóm của mình.”

“Kẻ kiếm được khoản tiền đó đang ở trên một chiếc du thuyền,” Lizzie, rõ ràng ám chỉ các bức ảnh mà vợ Cohen đã đăng trên mạng mùa hè đó trong chuyến đi du thuyền của họ vòng quanh Hy Lạp. “Và con tôi thì phải ng ồi tù.”

“*Đây* không phải là công lý,” Bobby nói.

VĨ THANH

Vào ngày 11 tháng Năm năm 2015, tám tháng sau khi Mathew Martoma bị tuyên án, nhà đấu giá Christie's tổ chức một phiên đấu giá buổi tối theo chủ đề đặc biệt cho các nhà sưu tập nghệ thuật hàng đầu thế giới ở tổng hành dinh của họ tại Trung tâm Rockefeller. Cuộc đấu giá tên gọi “Đón chờ quá khứ”, và được tiến hành xung quanh nhóm các kiệt tác thế kỷ 20 được chọn lọc kỹ lưỡng, một sự pha trộn giữa các tác phẩm đương đại và cũ hơn một chút mà trong quãng thời gian trước khi các đại gia ngành quỹ phòng hộ biến việc mua tác phẩm nghệ thuật thành một môn thể thao đầy tính cạnh tranh, có lẽ đã có thể nằm yên ổn trong các bảo tàng lớn. Tác phẩm đỉnh của buổi tối là một bức họa *Les Femmes d'Alger* của Picasso, dự kiến bán với giá 140 triệu đô la. Tổng cộng, buổi tối hôm đó được chờ đợi sẽ là một vụ bán tranh phá kỷ lục, một chương nữa của cuộc bùng nổ thị trường nghệ thuật toàn cầu được tiếp sức chủ yếu bởi tiền bạc của Phố Wall và sự giàu có bùng nổ ở châu Á. Một trong những bức tranh sẽ được mang ra bán là từ bộ sưu tập của Cohen, *Paris Polka* của Jean Dubuffet^[123], với giá ước tính 25 triệu đô la.

Trong khi đờ đệ cũ của ông là Martoma đang làm đơn kháng án và chuẩn bị cho cuộc đời mới sau song sắt, Cohen làm đủ đi đâu ngoại trừ việc yên lặng. Với sự bảo đảm từ đội ngũ pháp lý của ông rằng mỗi nguy bị truy tố hình sự giờ đã qua, ông bắt đầu có những động thái rất hiệu chiến để cho thế giới thấy ông vẫn hùng mạnh như bất cứ khi nào. Ông có

chuyến đi tới hội nghị Davos và ngồi ngay sát sàn thi đấu ở Madison Square Garden^[124], trước hàng loạt ống kính máy quay. Vào ngày 10 tháng Mười một, ngày mà Martoma lẽ ra bắt đầu thụ án, Cohen được đưa tin đã chi ra 101 triệu đô la ở vụ đấu giá của Sotheby's để mua bức tượng của Alberto Giacometti^[125] tên gọi *The Chariot*.

“Steve là một nhà sưu tập rất nghiêm túc, rất sành sỏi,” William Acquavella, một trong những người môi giới nghệ thuật của Cohen, nói trên *The New York Times*. “Ông ấy cũng có bản năng chính xác, đi đâu không thể học được chỉ bằng mỗi việc đọc sách lịch sử nghệ thuật.”

Cohen cũng đã nỗ lực để lấy lại thanh danh ở Phố Wall, cố gắng tạo ra khoảng cách giữa ông và vụ bê bối pháp lý. Theo yêu cầu của vụ dàn xếp hình sự với công ty, Cohen đã đóng cửa SAC và biến nó thành một văn phòng gia đình đầu tư tư nhân chỉ đầu tư bằng chính tiền của ông, gần 10 tỉ đô la. Điều đó quan trọng với ông, con số 10 tỉ đô la ấy.

Vào tháng Tư năm 2014, ba tháng sau khi Martoma bị kết tội, Cohen đổi tên công ty từ SAC Capital Advisors thành *Point72 Asset Management*, ý chỉ địa chỉ của công ty ở số 72 đường Cummings Point ở Stamford. Ông cũng loại bỏ các nhân viên và tư vấn viên cấp cao của mình, những người đã giúp ông vượt qua các rắc rối pháp lý. Steven Kessler, trưởng bộ phận pháp chế của SAC, rời công ty, Tom Conheaney, chủ tịch SAC, cũng vậy. Sol Kumin, giám đốc phát triển kinh doanh của Cohen, người đã tham gia vào việc tuyển dụng rất nhiều giao dịch viên gặp rắc rối pháp lý, ra đi và khởi sự quỹ phòng hộ của riêng mình. Cohen tìm kiếm một người đứng đầu bộ phận pháp chế mới, và một người tuyển dụng đã liên lạc với vài công tố viên và đặc vụ FBI từng tham gia vào cuộc điều tra SAC.

Rốt cuộc, Cohen tuyển dụng một cựu công tố viên Mỹ ở Connecticut làm luật sư trưởng tại Point72 và công bố kế hoạch về một “ban tư vấn” sáu người, gồm những lãnh đạo kinh doanh nổi tiếng, những người sẽ tư vấn cho công ty về các vấn đề quản trị và đạo đức. Trong một diễn biến đầy chất hài cay đắng, Cohen khởi sự một chương trình cho các sinh viên đại học tên gọi Học viện Point72, một “chương trình đào tạo tỉ lệ chọi cao và cực kỳ năng động kéo dài 15 tháng”, với tham vọng dạy các chiến lược đầu tư cho những người trẻ đang tìm kiếm sự nghiệp trong ngành tài chính.

Vụ SEC kiện Cohen vì ông không giám sát được Martoma và Steinberg vẫn chưa được giải quyết. Cơ quan này muốn cấm ông trọn đời không được tham gia ngành chứng khoán, nhưng Cohen đã chiến đấu. Ông thuê luật sư bào chữa nổi tiếng David Boies để tham gia nhóm pháp lý làm vụ SEC. Ông nói với bạn bè rằng ông hy vọng đi đầu hành một quỹ phòng hộ khác trong tương lai không xa, đi đầu sẽ là bất khả thi nếu SEC thắng vụ kiện này. Trong khi đó, “văn phòng gia đình” của Cohen kiếm cho ông hàng trăm triệu đô la mỗi năm. Ông vẫn giao dịch hàng tỉ đô la, ông vẫn mua các tác phẩm nghệ thuật - chính quyên bỏ ra tám năm và mọi ngu ồn lực có thể nhắm vào Cohen nhưng vẫn không thể ngăn cản ông ta.

ooo

Trong vòng ba năm tôi tiến hành tìm hiểu để viết cuốn sách này, tôi đã liên lạc tới lui với văn phòng của Cohen, cố gắng sắp xếp một cuộc phỏng vấn ông ta. Tôi đã gọi điện và viết thư và gặp những người đại diện của Cohen. Đã có dấu hiệu rằng rốt cuộc ông ta sẽ nói chuyện với tôi, nhưng rồi ông không bao giờ xuất hiện. Tôi quyết phải nói chuyện với ông ta. Tôi biết

ông sẽ có mặt ở nhà đấu giá Christie's vào buổi tối mùa xuân năm 2015, nên tôi đã tới để gặp ông ta ở đó.

Buổi tối diễn ra cuộc đấu giá, tòa nhà của nhà đấu giá Christie's tràn ngập những phụ nữ có nhân dạng đa quốc gia với xương gò má cao chót vót^[126] và đàn ông với vẻ ngoài giàu có tới mức không cần phải quan tâm đến cuộc khủng hoảng tài chính ở Hy Lạp lúc bấy giờ đang thống trị tin tức quốc tế. Đây là một bầu không khí sôi sục. Một cuộc chơi hào nhoáng sắp diễn ra, cuộc chơi mà những kẻ thắng cuộc sẽ chia tay những khoản tiền khổng lồ.

Vào khoảng 6 giờ 30 phút tối, giao dịch viên cũ của Cohen, David Ganek, nhẹ nhàng bước vào sảnh, áo sơ mi mở cúc tới giữa ngực, nhìn như thể anh ta vừa bước ra từ một chiếc du thuyền. Rồi, chỉ vài phút trước cuộc đấu giá lúc 7 giờ tối, Cohen bước vào.

Ông thấp và vóc người như quả lê, mặc một chiếc áo nỉ màu xám kéo khóa lên tận cổ và quần kaki, và có vẻ ông đang được là chính mình. Gò má hồng hào, và ông ta nở nụ cười hết cỡ khi chen vào đám đông. Ông ta nhìn giống một đứa trẻ vừa bước vào FAO Schwarz^[127]. Đó là một động thái cho thấy quyền lực tối thượng, đến chỉ năm phút trước giờ bắt đầu theo lịch một trong những cuộc đấu giá nghệ thuật được chờ đợi nhất trong mùa. Cohen biết họ không thể bắt đầu nếu không có ông.

Tôi bước ra trước mặt Cohen khi ông ta bước vào lối đi dẫn tới cái bàn mà những người tham gia đấu giá nhận thẻ đấu giá của họ. “Xin chào,” tôi nói, tự giới thiệu. Lúc đó, tôi đã tiến hành hàng trăm cuộc phỏng vấn với các cựu đồng nghiệp, nhân viên và người tin cậy của ông ta. Tôi cảm thấy tôi biết rõ ông chẳng thua kém ai.

“A, là cô,” Cohen nói. Ông đứng lặng.

“Tôi rất muốn nói chuyện với ông,” tôi nói, cầm tay ông ta và lắc.

“Tôi cá là cô muốn nói chuyện với tôi, tôi cá là thế,” ông ta nói. Ông bắt đầu nhìn quanh để tìm lối thoát.

“Ông đã thắng,” tôi nói. “Tôi nghĩ ông có một câu chuyện thật hay ho để kể.”

“Tôi không nghĩ tôi có thể nói chuyện với cô,” ông ta nói, tránh đi chỗ khác. “Nhưng đừng bao giờ nói không bao giờ...”

Khi ông ta lách vào trong đám đông, tôi cố vắn một câu hỏi cuối cùng: “Ông mua hay bán tối nay?”

“Ồ, bán,” ông ta nói. “Bán.”

Ông đi hai nhịp cầu thang lên chỗ phòng tranh đầy nghẹt người, nơi cuộc đấu giá chuẩn bị bắt đầu. Mười lăm phút sau, một bức tượng đồng khác của Alberto Giacometti, *L'homme au doigt*, được đưa ra bán. Tác phẩm này được công nhận rộng rãi là một trong những tác phẩm lớn nhất của nhà nghệ sĩ.

Với Cohen, người vừa trải qua một quãng thời gian đầy thách thức, bức tượng là chỉ dấu về tương lai của chính ông, vốn đang tươi sáng trở lại sau vài năm bị cái bóng pháp lý bao phủ. Chính quyên đã nỗ lực hết sức để đưa một trong những người giàu nhất thế giới ra trước công lý, để rồi giờ ông ta vẫn ở trong tình trạng chẳng khác mấy so với trước kia. Cohen là người sống sót, một biểu tượng của thời đại lịch sử mà ông ta sống theo nhiều nghĩa hơn hẳn so với ông ta có thể muốn thừa nhận. Được giải thoát khỏi nỗi sợ, Cohen có thể mua bất cứ thứ gì mình muốn. Sau vài vòng đấu giá kịch liệt, ông ta đã thắng trong cuộc đấu giá cho tác phẩm của Giacometti, ở mức 141,3 triệu đô la. Đó là khoản tiền lớn nhất có người từng trả cho một bức tượng ở một cuộc đấu giá.

Sau khi Preet Bharara lãnh đạo cuộc đi điều tra các quỹ phòng hộ, việc đã biến ông trở thành một ngôi sao toàn quốc, hệ thống tư pháp đã đưa ra một sự khiển trách đáng kinh ngạc với bên công tố. Vào tháng Mười hai năm 2014, một tòa thượng thẩm đã đảo ngược các phán quyết có tội với Todd Newman và Anthony Chiasson, hai người này lần lượt là người của các hãng Diamondback và Level Global, những quỹ có liên hệ chặt chẽ với SAC. Các thẩm phán khiển trách văn phòng của Bharara vì quá hiếu chiến trong việc truy tố các giao dịch viên nhận thông tin nội gián một cách gián tiếp, từ bạn bè hoặc những người làm công, thay vì từ những người trong nội bộ công ty liên quan. Trong cái mà sau này sẽ được gọi là “phán quyết Newman”, tòa án nói rằng để truy tố một giao dịch viên với tội danh giao dịch dựa trên thông tin không được công khai, anh ta hay cô ta phải biết về lợi ích mà người tiết lộ thông tin ban đầu đã nhận được. Trong nhiều đường dây giao dịch nội gián, các giao dịch viên có được những con số về doanh thu hay thu nhập từ các giao dịch viên khác, biết rằng chúng có nguồn gốc từ một người ở trong công ty, nhưng chỉ có thế. Tòa cũng phán quyết rằng lợi ích mà người tiết lộ thông tin nhận được đổi lấy việc chia sẻ thông tin đó phải là thứ hữu hình, tương đương với tiền bạc. Tình bạn hay các giao dịch ưu đãi bản thân chúng là không đủ để kết tội.

“Phán quyết ngày hôm qua giống như lái một chiếc xe tải mười tám bánh qua pháp luật về giao dịch nội gián,” Richard Holwell, thẩm phán liên bang chủ tọa phiên xét xử Raj Rajaratnam đã nói. “Nó đã đẩy lùi sự việc lại quá xa tới mức nó sẽ quét sạch những hoạt động mà tới ngày hôm qua, hầu hết những người làm việc ở Phố Wall sẽ nói, ‘Nhu thế là sai trái.’”

Bharara nổi giận bởi quyết định đó. Ông cảm thấy nó không phản ánh đúng cách mọi thứ vận hành ở Phố Wall, nơi mà thông tin có thể giá trị như tiền mặt, được trao đổi giữa bạn bè và đồng sự đổi lấy thiện chí và những hứa hẹn ngấm ngầm về các món quà trong tương lai. Ông kháng nghị phán quyết Newman lên Tòa Tối cao. Khi Tòa Tối cao từ chối thụ lý vụ đó, Bharara thấy buộc phải hủy bỏ các cáo buộc chống lại bảy người, trong đó có Michael Steinberg; sau khi cuộc đời bỗng nhiên bị đảo lộn, giờ Steinberg được tự do. Ngoài Steinberg còn có chuyên viên phân tích cũ của ông Jon Horvath, bạn của Horvath, Jesse Tortora ở Diamondback Capital, và các nhân chứng chủ chốt khác trong vụ đó được hủy án tuyên có tội. Đây lại là một cách nữa để giải tội cho Cohen, về cơ bản đã hợp pháp hóa mô hình thu thập thông tin không-hỏi-không-trả-lời được triển khai ở SAC. Bharara nói quyết định này sẽ chỉ ảnh hưởng tới 10% số vụ văn phòng của ông đã nộp hồ sơ khởi kiện, nhưng ông tin rằng cả một hạng mục giao dịch nội gián lớn giờ sẽ không bị trừng phạt và tiền lệ đó tạo ra một lợi thế nữa cho những người giàu có và quan hệ rộng được tiếp cận thông tin giá trị. Về cơ bản nó đã cho phép giao dịch dựa trên thông tin chưa được công khai, miễn là bạn không biết quá nhiều về việc thông tin đó tới từ đâu.

“Điều này tạo ra một lộ trình rõ ràng cho những hành vi vô trách nhiệm,” Bharara nói. “Tôi nghĩ mọi người phải tự hỏi chính họ, liệu điều đó có tốt cho các thị trường hay không, liệu điều đó có tốt cho sự minh bạch của các thị trường hay không.” Hai năm sau phán quyết ban đầu với vụ Newman, vào tháng Mười hai năm 2016, Tòa Tối cao đã ra phán quyết với sự nhất trí hoàn toàn rằng phán quyết trong vụ Newman đã đi quá xa, và thông tin giá trị trao cho một người bạn hay người thân *quả thật* phải

tính là lợi nhuận không chính đáng, việc này minh oan chút ít cho Bộ Tư pháp.

Vào tháng Hai năm 2015, David Ganek kiện Bharara và FBI, cáo buộc họ vi phạm các quy định hiến định của anh ta và lục soát bất hợp pháp quỹ Level Global, quỹ này của anh ta đã bị đóng cửa vì việc đi điều tra pháp lý. Ganek tin rằng nhiều đời người và đời doanh nghiệp đã bị hủy hoại một cách bất công trên hành trình chính quyền săn đuổi Cohen, trong đó có cuộc đời chính anh ta. Cả quỹ của anh, Level Global, và quỹ Diamondback Capital nơi Todd Newman làm việc, đã bị đóng cửa vì áp lực của cuộc đi điều tra; sau vụ kháng án của Newman, cả hai khoản dàn xếp của hai công ty với Bộ Tư pháp (trong trường hợp Diamondback) và SEC được trả lại và các khoản phạt cũng vậy. Vụ của Ganek hiện đã qua được một đơn kiến nghị đòi bác vụ kiện của Văn phòng Công tố Mỹ và đang tiếp diễn. Trong văn bản bày tỏ ý kiến cho phép vụ kiện được tiếp tục, một thẩm phán liên bang khu vực đã viết: “Những phát hiện mới giờ phù hợp để xác quyết liệu vụ này chỉ là một hiểu lầm hay còn là thứ gì đó rắc rối phía trước.”

Các cáo buộc mà SEC đã trình chống lại Cohen vào năm 2013, buộc tội ông không giám sát Steinberg và Martoma, đã được dàn xếp lặng lẽ vào tháng Một năm 2016. Phán quyết của tòa thượng thẩm trong vụ Newman và Chiasson đã làm SEC suy yếu, và cơ quan này giải quyết vụ việc với chỉ một chế tài đáng kể nhắm vào Cohen, cấm ông quản lý tiền của các nhà đầu tư bên ngoài trong hai năm. Thỏa thuận này đồng nghĩa với việc ông có quyền trở lại ngành quỹ phòng hộ vào năm 2018. Nhà đầu tư quỹ phòng hộ Don Steinbrugge ở Agecroft Partners đã nói, “Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ông ta nhận được 2,5 tỉ đô la vào ngày mở cửa trở lại.”

“Người ta sẽ xếp hàng dài ngoài cửa,” một nhà đầu tư khác, Brad

Alford ở Alpha Capital Management, người trước kia từng có tiền ở SAC, nói. “Thật dễ ăn.”

Vụ Biovail kiện SAC và các quỹ phòng hộ khác vào năm 2006 cáo buộc họ thao túng cổ phiếu cũng bị bác. Biovail bị SEC cáo buộc phạm tội lừa đảo, và công ty sau đó đã trả cho SAC Capital 10 triệu đô la để dàn xếp những cáo buộc của họ gây phiền nhiễu cho SAC bởi việc kiện tụng. Trong một vụ khác mà Fairfax kiện SAC và các quỹ phòng hộ khác bị bác vào năm 2013. Vụ này hiện đang trong quá trình kháng cáo. Vụ kiện của Patricia, vợ cũ của Cohen, bị bác vào tháng Năm năm 2016; thẩm phán khu vực thấy rằng “không có bằng chứng cho thấy Steven đã che giấu tài sản với Patricia trong vụ ly dị”. Án tuyên với Mathew Martoma, người đang thụ án 9 năm tù giam ở Florida, hiện đang trong quá trình kháng cáo vào lúc cuốn sách này viết xong.

Trong khi đó, các công tố viên và những nhà quản lý và đi đầu tiết thị trường chứng khoán từng tham gia vào vụ chống lại Cohen và SAC đã chuyển sang những nghề nghiệp khác béo bở hơn. Lorin Reisner, người đứng đầu đơn vị hình sự của Bharara, đã giúp thương lượng khoản phạt 1,8 tỉ đô la với SAC, trở thành đối tác ở Paul, Weiss, cũng chính là công ty luật cung cấp đội ngũ bào chữa cho Cohen. Antonia Apps, công tố viên đã ra tòa ở vụ Steinberg, bỏ việc và làm đối tác ở Milbank, Tweed, Hadley & McCloy, một công ty luật doanh nghiệp khác, nơi cô phụ trách mảng bào chữa cho các tay tội phạm cổ cồn trắng. Cấp phó của Bharara, Richard Zabel, tuyên bố ông ta sẽ nhận vị trí luật sư trưởng ở một quỹ phòng hộ tên là Elliott Management, được đi đầu hành bởi nhà tỉ phú kiêm người tài trợ chính trị lớn Paul Singer. Sau hai mươi lăm năm làm ở FBI, sếp cũ của B. J. Kang, Patrick Carroll, gia nhập Goldman Sachs làm phó chủ tịch bộ

phận pháp chế. Arlo Devlin-Brown, đứng đầu phía công tố trong vụ Martoma, trở thành đối tác ở Covington & Burling.

Tuy nhiên, động thái đáng kinh ngạc nhất là của Amelia Cottrell, một luật sư mảng chấp pháp lâu năm ở SEC, người đã giám sát cuộc điều tra của cơ quan này với Martoma. Vào cuối tháng Sáu năm 2015, cô đã gây sốc cho các đồng nghiệp khi tuyên bố sẽ gia nhập Willkie Farr, công ty mà luật sư biện hộ lâu năm của Cohen, Marty Klotz, đang làm việc. Hóa ra, việc lãnh đạo vụ án mạnh mẽ nhất mà chính quyền triển khai chống lại Cohen chính là màn thử việc tốt nhất để làm việc cho quân sư của Cohen.

Ngành tài chính đã trở nên quá phức tạp tới mức những bộ phận lớn của ngành này gần như hoàn toàn ở ngoài tầm với của nhà chức trách và các nhân viên công quyền. Những công ty thành công nhất của Phố Wall liên tục tiến tới những biên giới mới; mỗi lần pháp luật gần như bắt kịp thì họ lại chạy đi xa hơn. Có cảm giác rằng trong những năm sau thời đại Milken, và nhất là kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, việc truy tố những kẻ phạm tội hoạt động ở tầng nấc cao nhất gần như bất khả thi, do sự thiếu quyết tâm hoặc kiến thức chuyên môn. Nỗi sợ hứng chịu thất bại bẽ mặt sau các phiên tòa dài đằng đặc, đất đỏ đã dẫn tới trạng thái tê liệt trong cơ quan công quyền. Bộ Tư pháp không thể, hay không sẵn sàng, đưa bất cứ nhân vật cấp cao nào của Phố Wall ra đối mặt với các cáo buộc hình sự vì việc lừa đảo rộng khắp đã càn quét hệ thống tài chính trước năm 2008. Thay vì thế, họ đã thu về hàng tỉ đô la tiền phạt từ các ngân hàng lớn nhất thế giới. Vào năm 2015, đáp lại chỉ trích liên quan tới việc thiếu các vụ truy tố cá nhân, Bộ Tư pháp tuyên bố những chính sách quyết liệt mới nhằm vào tội phạm tài chính, sẽ tập trung vào bắt các cá nhân chịu trách nhiệm, dù vào thời điểm tác giả đang viết cuốn sách này,

có vẻ chẳng có mấy thay đổi.

Ngành quỹ phòng hộ đã tạo ra những khối tài sản chưa từng có tiền lệ cho một thế hệ mới các tay giao dịch viên Phố Wall có sự sáng tạo chính yếu là tìm cách để thực hiện nhiều hơn các vụ đánh cược liều lĩnh trên thị trường chứng khoán. Cohen là người tiên phong, người tạo ra một đế chế giao dịch được thiết kế để giành lấy lợi thế trước những nhà đầu tư kém tinh vi hơn. Những năm sau, khi đã trả những khoản phạt lớn nhất trong lịch sử tội phạm tài chính - và chứng kiến một tá nhân viên của ông dính líu tới giao dịch nội gián - Cohen thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng đã vùi lấp công ty của mình và vẫn là một trong những người giàu nhất thế giới. Rốt cuộc, bằng chứng chống lại ông mà chính quyền đã dành gần mười năm để thu thập không bao giờ được trình ra trước một bồi thẩm đoàn. Tất cả những gì còn lại là Cohen tiếp tục chi những khoản tiền tỉ của ông và chuẩn bị quay trở lại.

Giờ Cohen đang kiếm được nhiều tiền hơn bao giờ hết. Vào năm 2014, chỉ giao dịch dựa trên vốn riêng của mình, ông đã kiếm được 2,5 tỉ đô la lợi nhuận, còn nhiều hơn các khoản tiền phạt mà ông được lệnh trả cho chính phủ Mỹ. Rồi, vào ngày 8 tháng Mười một năm 2016, Donald Trump đắc cử tổng thống, thề sẽ mở ra một thời đại mới cho việc nói lỏng đi đầu tiết ngành tài chính. Trưởng bộ phận pháp chế của Point72, công ty đầu tư tư nhân của Cohen, đã được chính quyền sắp lên của Trump chiêu mộ trong một thời gian ngắn để thực hiện việc tuyển dụng các ứng viên mới cho Bộ Tư pháp trong cuộc chuyển giao sóng gió. Trong khi đó, Cohen đang lên kế hoạch mở lại quỹ phòng hộ của mình càng sớm càng tốt.

BẢNG TRA CỨU NHÂN VẬT

(Vào thời điểm các sự kiện diễn ra)

1. SAC CAPITAL ADVISORS, STAMFORD, CONNECTICUT

CÁC LÃNH ĐẠO CẤP CAO

Steven A. Cohen, Người sáng lập và chủ sở hữu

Peter Nussbaum, Trưởng bộ phận tư vấn pháp lý

Solomon Kumin, Giám đốc Hoạt động

Tom Conheeneey, Chủ tịch

Steven Kessler, Trưởng bộ phận pháp chế

BỘ PHẬN CR NỘI BỘ, ĐƠN VỊ NGHIÊN CỨU CẤP CAO CỦA SAC

Matthew Grossman, Trưởng bộ phận CR Nội bộ

Mathew Martoma, Giám đốc danh mục

Jason Karp, Giám đốc nghiên cứu

David Munno, Giám đốc danh mục

Benjamin Slate, Giám đốc danh mục

Jonathan Hollander, Chuyên viên phân tích

Timothy Jandovitz, Giao dịch viên mảng y tế

SIGMA CAPITAL, ĐƠN VỊ CỦA SAC ĐÓNG Ở MANHATTAN

Michael Steinberg, Giám đốc danh mục

Jon Horvath, Chuyên viên phân tích làm việc cho Michael Steinberg

Gabriel Plotkin, Giám đốc danh mục

Richard Grodin, Giám đốc danh mục; đồng sáng lập Stratix Asset Management

Richard Choo-Beng Lee, Chuyên viên phân tích mảng công nghệ làm việc cho Grodin; đồng sáng lập Spherix Capital

NHỮNG NGƯỜI KHÁC Ở SAC

Wayne Holman, Giám đốc danh mục mảng y tế; người sáng lập Ridgeback Capital Management

Phillipp Villhauer, Giao dịch viên trưởng

David Ganek, Giám đốc danh mục; đồng sáng lập Level Global Investors

Richard Schimel, Giao dịch viên mảng chứng khoán tài chính; đồng sáng lập Diamondback Capital; kết hôn với Wendy em gái của Steven Cohen

Larry Sapanski, Giao dịch viên mảng năng lượng; đồng sáng lập Diamondback Capital

Donald Longueuil, Giám đốc danh mục

Noah Freeman, Giám đốc danh mục

Ken Lissak, Điều hành viên những ngày đầu; Giao dịch viên độc lập

Bác sĩ Ari Kiev, bác sĩ và “huấn luyện viên giao dịch”

2. VỤ GIAO DỊCH DELL

Todd Newman, Giám đốc danh mục, Diamondback Capital

Anthony Chiasson, đồng sáng lập Level Global Investors với David Ganek

Jesse Tortora, Chuyên viên phân tích dưới quyền Newman ở Diamondback Capital

Sam Adonakis, Chuyên viên phân tích dưới quyền Chiasson ở Level Global Investors

Sandeep Goyal, Chuyên viên phân tích, Neuberger Berman

Chandradip “Rob” Ray, nhân viên của Dell

3. GRUNTAL & CO., NEW YORK

Ronald Aizer, Trưởng bộ phận quy ền chọn

Jay Goldman, bạn của Steven Cohen; người sáng lập J. Goldman and Company

4. CÁC LUẬT SƯ CỦA MATHEW MARTOMA

STILLMAN & FRIEDMAN, NEW YORK

Charles Stillman, đối tác

Nathaniel Marmor, đối tác

GOODWIN PROCTER, NEW YORK

Richard Strassberg, đối tác và đ ồng chủ tịch bộ phận pháp lý chứng khoán và bào chữa cho giới cổ c ần trắng

Roberto Braceras, đối tác

5. CÁC LUẬT SƯ CỦA MICHAEL STEINBERG

KRAMER LEVIN NAFTALIS & FRANKEL, NEW YORK Barry Berke, đối tác và đ ồng chủ tịch bộ phận pháp lý

CÁC LUẬT SƯ CỦA STEVE COHEN

WILLKIE FARR & GALLAGHER, NEW YORK

Martin Klotz, cố vấn cấp cao, bộ phận pháp lý

Michael Schachter, đối tác

PAUL,WEISS, RIFKIND, WHARTON & GARRISON, NEW YORK Theodore V. Wells Jr., đối tác và đ ồng chủ tịch bộ phận pháp lý Michael Gertzman, đối tác và đ ồng chủ tịch bộ phận pháp lý Daniel Kramer, đối tác và đ ồng chủ tịch nhóm pháp lý chứng khoán và thi hành án

Mark Pomerantz, chuyên gia tư vấn

BOIES, SCHILLER & FLEXNER, NEW YORK David Boies, chủ tịch

6. VỤ FAIRFAX VÀ BIOVAIL

KASOWITZ BENSON TORRES & FRIEDMAN, NEW YORK Michael Bowe, đối

tác

7. VĂN PHÒNG HIỆN TRƯỜNG NEW YORK, CỤC ĐIỀU TRA LIÊN BANG
ĐƠN VỊ TỘI PHẠM CỔ CỜN TRẮNG

Patrick Carroll, sếp của B. J. Kang

David Chaves, sếp của David Makol

B. J. Kang, đặc vụ, đội C-1

David Makol, đặc vụ, đội C-35

Matthew Callahan, đặc vụ

James Hinkle, đặc vụ

Tom Zukauskas, đặc vụ

8. ỦY BAN CHỨNG KHOÁN VÀ SÀN GIAO DỊCH MỸ (SEC)
TỔNG HÀNH DINH, WASHINGTON, D.C.

Mary Schapiro, chủ tịch, 2009-2012

Mary Jo White, chủ tịch, 2013-2017

Andrew Ceresney, giám đốc, Bộ phận thi hành án, 2012-2016

George Canellos, phó giám đốc, Bộ phận thi hành án, 2012- 2013; đồng giám đốc, Bộ phận thi hành án, 2013-2014

VĂN PHÒNG VÙNG NEW YORK

Sanjay Wadhwa, trợ lý giám đốc vùng phụ trách thi hành án

Amelia Cottrell, giám đốc chi nhánh

Charles Riely, luật sư

Matthew Watkins, luật sư

Joseph Sansone, người đứng đầu đơn vị Vi phạm pháp luật liên quan tới thị trường của SEC

Daniel Marcus, luật sư

Justin Smith, luật sư

Neil Hendelman, chuyên viên phân tích

Thomas Smith, luật sư

Michael Holland, luật sư

9. VĂN PHÒNG CÔNG TỐ MỸ KHU NAM NEW YORK

Preet Bharara, Công tố viên trưởng

Richard Zabel, Công tố viên phó

Lorin Reisner, đứng đầu bộ phận hình sự ở Khu Nam New York

Antonia Apps, trợ lý công tố

Arlo Devlin-Brown, trợ lý công tố

Avi Weitzman, trợ lý công tố

Andrew Michaelson, trợ lý đặc biệt của công tố viên Hoa Kỳ mượn từ SEC

Joshua Klein, trợ lý công tố

Raymond Lohier, trưởng đội đặc nhiệm về lừa đảo hàng hóa thương phẩm và chứng khoán

Reed Brodsky, trợ lý công tố

Eugene Ingoglia, trợ lý công tố

Harry Chemoff, trợ lý công tố

Christopher Garcia, trưởng đội đặc nhiệm về lừa đảo hàng hóa thương phẩm và chứng khoán

Marc Berger, trưởng đội đặc nhiệm về lừa đảo hàng hóa thương phẩm và chứng khoán

Anjan Sahni, phó đội đặc nhiệm về lừa đảo hàng hóa thương phẩm và chứng khoán

MỘT SỐ GHI CHÚ

Tôi bắt đầu tường thuật câu chuyện này vào ngày 20 tháng Mười một năm 2012, ngày mà Mathew Martoma bị bắt, và việc tường thuật này tiếp tục tới tận hôm nay. Cuốn sách được dựa trên hàng trăm cuộc phỏng vấn với hơn hai trăm người, cùng vô số các bản ghi ở tòa, tang vật, lời chứng, ghi chú thẩm vấn của SEC, ghi chú của các đặc vụ FBI khi hỏi chuyện nhân chứng - vẫn được gọi là các bản 302, các đề mục nhật ký do các phóng viên hiện trường viết, và các tài liệu khác. Thêm vào đó, rất nhiều vụ việc và nhân vật ở đây được đề cập chi tiết trên báo chí, bởi các phóng viên đã làm việc rất giỏi ở *The New York Times*, Reuters, Bloomberg News, *The Wall Street Journal*, *Institutional Investor*, *Fortune*, *Vanity Fair*, *New York*, CNBC, và *The New Yorker*, cũng như trong nhiều cuốn sách, trong đó có *The Billionaire's Apprentice* (tạm dịch: Người tập sự của nhà tỉ phú) của Anita Raghavan, chắc chắn cuốn sách này đã kể lại câu chuyện vụ Raj Rajaratnam một cách đầy đủ nhất; *Den of Thieves* (tựa sách tiếng Việt: *Sào huyết của những ông trùm*) của James B. Stewart, một bản ghi chép tối quan trọng về giao dịch nội gián diễn ra ở Phố Wall trong thời Michael Milken.

Tôi đã viết về nhiều người, hay tôi đã mô tả nhiều nhân chứng ở các sự kiện có khả năng đối mặt với việc bị truy tố hình sự hay bị nhà chức trách trừng phạt vào thời điểm tôi tiến hành các cuộc phỏng vấn; những người khác đã ký các thỏa thuận không tiết lộ với chủ của họ - vốn là tiêu

chuẩn trong ngành tài chính - hay làm việc cho các cơ quan chính quyền cấm họ nói công khai về công việc của mình. Vì những lý do đó và vì bản chất nhạy cảm của vấn đề, phần lớn các cuộc phỏng vấn được tiến hành một cách kín đáo, nghĩa là tôi có thể sử dụng thông tin, có cả tâm tư lẫn đối thoại của các nhân vật, nhưng tôi không thể nêu tên của nguồn tin đó. Không nên cho rằng tôi tường thuật về tâm tư và đối thoại của một nhân vật hay bất cứ dữ kiện nào khác đồng nghĩa với việc nhân vật đó là nguồn tin; trong một số trường hợp, những đoạn như thế được rút ra từ các tài liệu, bản ghi, các nhân chứng, hay những người được thông báo về việc đã diễn ra. Để viết một số đoạn nhất định, tôi buộc phải dựa vào trí nhớ về các sự kiện đã diễn ra nhiều năm trong quá khứ. Tôi đã vô cùng nỗ lực để kết hợp các dữ kiện và các phiên bản sự kiện do những người khác nhau kể lại, với nhiều nguồn tin và tài liệu hết sức có thể. Tôi đã cố gắng hết sức trong quá trình viết và kiểm tra dữ kiện liên tục để đảm bảo câu chuyện được mô tả chính xác và hoàn chỉnh hết mức có thể. Cũng đáng nhắc rằng các vụ án này có những bước ngoặt và bất ngờ đầy kịch tính; một số người bị kết án hay nhận tội sau này được đảo ngược bản án hay lời nhận tội, và một số người tưởng sẽ bị truy tố hóa ra không bao giờ bị.

Gần như mọi người trong cuốn sách này đều được trao cơ hội đưa ra bình luận của mình. Steven Cohen không hợp tác trong quá trình viết sách, bất chấp vô số yêu cầu trong giai đoạn kéo dài ba năm, một trong số đó được thực hiện qua cuộc gặp trực tiếp ở nhà đấu giá Christie's. Cohen cố gắng ngăn chặn những người thân cận nhất của ông trao đổi với tôi, và có thời điểm, một đại diện báo chí làm việc cho Cohen đã đe dọa sẽ theo dõi tôi. Cohen (vẫn) duy trì ảnh hưởng cực lớn ở Phố Wall và còn vượt xa hơn nữa, mọi người nhìn chung là sợ ông ta.

Bất chấp nhiều trở ngại, hàng chục người đã quyết định trao đổi với tôi khi tôi viết cuốn sách này, vì lý do riêng của họ và vì hiểu rằng đây là một câu chuyện mang lại lợi ích cho công chúng và có ý nghĩa lịch sử. Cuốn sách này đã là bất khả nếu không có họ.

Chú Thích

[1] Nguyên văn: “Guide down”. (*Chú thích của người dịch. Các chú thích không ghi gì thêm đều là của người dịch*)

[2] Đơn vị tiền tệ sử dụng trong sách đầu là đồng đô la Mỹ.

[3] Nguyên văn “Hegde fund”.

[4] Nguyên văn “Birthday safar”.

[5] Giải vô địch của Liên đoàn Bóng B ầu dục quốc gia Mỹ (NFL), là một trong những sự kiện thể thao lớn nhất trong năm ở Mỹ, thường diễn ra vào Chủ nhật đầu tiên của tháng Hai.

[6] Wharton là trường kinh doanh thuộc Đại học Pennsylvania, một trường đại học tư nằm trong nhóm đại học tinh hoa Ivy League. Wharton đã đào tạo ra rất nhiều CEO của các công ty thuộc top 100 trong danh sách Fortune 500.

[7] Viết tắt của U.S. Securities and Exchange Commission: Ủy ban Chứng khoán và Sàn Giao dịch Mỹ.

[8] Nguyên văn: “hedged”, nghĩa là dựng hàng rào; đây cũng là tên tiếng Anh của quỹ phòng hộ: Hedge Fund.

[9] Nguyên văn: “short position”. Trong ngành chứng khoán, đầu tư vào cổ phiếu giá thấp và đợi lên giá gọi là “long”; còn ngược lại đi vay cổ phiếu đang có giá cao để bán rồi đợi cổ phiếu xuống giá thì mua để đem trả gọi là “short” (thường dịch là bán khống). Chữ “position” trong chứng

khoán là một dạng thuật ngữ, có thể hiểu là “vị thế tính toán cho khoản đầu tư của người sở hữu khoản đầu tư đó”, với hai chiến lược cụ thể là “long”: mua vào rồi đợi bán ra (đầu tư dài hạn), hoặc “short”: bán ra trước rồi mua vào trả sau (bán khống chứng khoán). Chúng tôi tạm dịch là “thương vị” tức vị thế buôn bán. Trường hợp mua rồi bán, thương vụ có thể chờ đợi, nên gọi là “long position”, chúng tôi dịch là “thương vị dài hạn”. Trái lại, khi bán rồi mua, do thời hạn ngắn, sẽ được gọi là “short position”, chúng tôi dịch là “thương vị ngắn hạn”. Một số tài liệu khác dịch “short position” là “đoản vị”, độc giả có thể tham khảo thêm cách dịch này.

[10] Hơn 1.800 mét vuông.

[11] Nguyên văn: “endowment fund”, còn được gọi là quỹ quyên tặng.

[12] Nguyên văn: “edge”.

[13] Từ chung dùng để chỉ các hợp chất chất béo hữu cơ hòa tan có nguồn gốc tự nhiên và tổng hợp, có tác dụng kích thích cơ bắp, bị cấm sử dụng trong thể thao chuyên nghiệp.

[14] “Money” tiếng Anh nghĩa là tiền, nhưng “Money, money, money” cũng là tên một bài hát nổi tiếng của ban nhạc ABBA về sức mạnh của đồng tiền, ở đây chúng tôi xin được giữ nguyên tiếng Anh.

[15] Tên gọi không chính thức với tám trường đại học hàng đầu nước Mỹ: Brown, Columbia, Cornell, Dartmouth, Harvard, Pennsylvania, Princeton và Yale.

[16] Đại lộ lớn chạy qua khu Manhattan ở trung tâm Thành phố New York, nổi tiếng là nơi có bất động sản giá cao bậc nhất ở Mỹ.

[17] Khu dân cư ở ven biển thuộc Thành phố New York, là nơi tập trung nhiều biệt thự và nhà nghỉ của giới siêu giàu tại Mỹ.

[18] William McKinley (1843-1901), tổng thống thứ 25 của nước Mỹ. Ông bị Leon Czolgosz ám sát ngày 13/9/1901, và qua đời một ngày sau đó.

[19] Nguyên văn: “proprietary trading”, chỉ hoạt động đầu tư sử dụng vốn của chính nhà đầu tư thay vì dùng tiền của khách hàng và hưởng phí quản lý.

[20] Nguyên văn: “option”, một loại chứng khoán phái sinh (derivative securities) khá quen thuộc trên các sàn chứng khoán, nhưng chưa phổ biến ở Việt Nam.

[21] Nguyên văn: “put”.

[22] Nguyên văn: “call”.

[23] Nguyên văn: “option arbitrage”.

[24] Viết tắt của “The New York Stock Exchange” - Sở Giao dịch Chứng khoán New York.

[25] Khoảng 32 km.

[26] Francis Scott Key Fitzgerald (1896-1940), văn hào người Mỹ.

[27] Nghĩa là “vạn, tỉ, nghìn tỉ”.

[28] Lễ trưởng thành cho trẻ em trai theo Do Thái giáo, được tiến hành vào năm đứa trẻ 13 tuổi.

[29] Nguyên văn: “rent-controlled apartment”; loại căn hộ được khống chế tiền thuê nhà, tức là việc kiểm soát mức tăng giá nhà hằng năm, không cho tăng quá nhanh, để bảo vệ quyền được gia hạn hợp đồng thuê nhà cho người đang thuê, cũng như các dịch vụ cơ bản mà chủ nhà phải cung cấp cho người thuê.

[30] Nguyên văn: “Unitarian church”.

[31] Ý chỉ đội bóng chày New York Yankees và ngôi sao Mickey Mantle

(1931-1995). Trong bóng chày, vị trí đập chủ lực là đập thứ tư. Đập thứ tám thường là những tay đập kém trong đội.

[32] Ronald Reagan (1911-2004), tổng thống thứ 40 của Mỹ.

[33] Nguyên văn: “junk bonds”.

[34] Ý nói các băng từ ghi số phiếu chứng khoán (ticker tape) khi các sàn chứng khoán chưa tin học hóa.

[35] Cách gọi tắt của chỉ số Dow Jones.

[36] Viết tắt của “Mergers and Acquisitions”, nghĩa là “Sáp nhập và Thâu tóm”.

[37] Hơn 510 mét vuông.

[38] Tức Bergdorf Goodman, trung tâm mua sắm tập trung các nhãn hiệu xa xỉ ở đại lộ số Năm, Manhattan, New York.

[39] 141 km.

[40] Tức Oprah Winfrey, sinh năm 1954, tỉ phú và là người dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng bậc nhất ở Mỹ.

[41] Hơn 45 kg.

[42] Hơn 557 mét vuông.

[43] Hơn 56.600 mét vuông.

[44] Gia đình Rockefeller là một trong những gia đình giàu có nổi tiếng nhất ở Mỹ, khởi sự với hai anh em John D. Rockefeller và William Rockefeller, những người đã làm nên khối tài sản khổng lồ nhờ ngành dầu mỏ vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

[45] John Pierpoint Morgan Sr. (1837-1913), nhà đại tài phiệt ngành tài chính người Mỹ, được coi là chủ ngân hàng lớn nhất lịch sử nước Mỹ.

[46] Hơn 557 mét vuông.

[47] Hơn 2,7 mét.

[48] Hơn 3.300 mét vuông.

[49] Nguyên văn: “risk arbitrage”, trong đó “arbitrage” - một trong những khái niệm nền tảng trong tài chính - là kinh doanh chênh lệch giá, được hiểu là hoạt động mua và bán đồng thời một loại tài sản như nhau trên hai thị trường khác nhau nhằm thu lợi nhuận từ sự khác biệt về giá.

[50] Nguyên văn: “murderers’ row”.

[51] Tên gọi tắt của Lực lượng Biệt kích của Hải quân Hoa Kỳ (The United States Navy’s “Sea, Land, and Air” Teams).

[52] Nghĩa là “lợi nhuận tích lũy”.

[53] Oscar-Claude Monet (1840-1926), họa sĩ lớn người Pháp, được coi là người sáng lập trường phái hội họa ấn tượng.

[54] Hơn 16.500 lít.

[55] Damien Hirst (sinh ngày 7/6/1965): nghệ sĩ người Anh, cũng là chủ doanh nghiệp và một nhà sưu tầm nghệ thuật.

[56] Nora Ephron (1941-2012), tác giả và nhà làm phim người Mỹ, ba lần được đề cử giải Oscar.

[57] Nicholas Pileggi, sinh năm 1933, tác giả, nhà sản xuất phim và tác giả kịch bản người Mỹ; ông là chồng của Nora Ephron.

[58] Barbara Walters (sinh năm 1929), nhà báo, tác giả và nhân vật truyền hình người Mỹ.

[59] Gustav Klimt (1862-1912): họa sĩ người Áo.

[60] Henri-Emile-Benoît Matisse (1869-1954): họa sĩ người Pháp.

[61] Pierre-Auguste Renoir (1841-1919): họa sĩ người Pháp, một trong những nhân vật quan trọng nhất của trường phái hội họa ấn tượng.

[62] Ý chỉ vụ lừa đảo và bê bối của Enron Corporation dẫn tới sự phá sản của công ty này trong giai đoạn 2000-2001. Cổ phiếu của công ty này đã giảm từ 90,75 xuống còn không tới 1 đô la từ giữa năm 2000 tới cuối năm 2001.

[63] Howard Hughes (1905-1976), nhà tài phiệt, nhà đầu tư, kỹ sư hàng không vũ trụ người Mỹ. Ông được coi là một trong những nhà đầu tư thành công nhất trong lịch sử, nhưng cũng nổi tiếng là người sống ẩn dật và lập dị.

[64] Nguyên văn: “Betting on a Fall”.

[65] Nguyên văn: “mixed martial art fight”.

[66] Một đạo luật liên bang của Hoa Kỳ nhắm vào các nhóm tội phạm có tổ chức, tức là được dùng để truy tố một nhóm người thống nhất cùng nhau trong tội phạm. RICO xét các yếu tố cấu thành: hành vi của một tổ chức (*enterprise*), có mô thức sử dụng quen thuộc, lặp đi lặp lại (*pattern*) và có tính chất làm giàu bất lương (*racketeering*).

[67] SAC và các quỹ phòng hộ khác đã thắng vụ này khi tòa bác đơn kiện. Tòa thấy SAC không có lợi ích kinh tế nào trong chương trình nói trên. Fairfax đệ đơn xin phúc thẩm vào năm 2013. (*Chú thích của tác giả - TG*)

[68] Nguyên văn: “the FBI’s securities fraud unit”.

[69] Nguyên văn: “collateralizing mortgages and other debt and turning It into securities”.

[70] Nguyên văn: “This is like gambling at Rick’s”, nhái một câu nói của Đại úy Renault trong phim *Casablanca*: “Tôi sốc, quá quá ư là sốc, khi biết ở quán này có đánh bạc.” Rick’s Cafe là tên quán cà phê trong phim,

còn Rick là tên chủ quán và cũng là nhân vật chính.

[71] Art Deco hay còn được gọi tắt là Deco, một loại hình nghệ thuật thị giác trong thiết kế và kiến trúc, xuất hiện lần đầu tiên ở Pháp ngay trước Thế chiến I.

[72] Nguyên văn lần lượt là: “tickle” và “get it dirty”.

[73] Nguyên văn: “Fight Club”, nghĩa đen là “Câu lạc bộ đánh nhau”. Đây cũng là tên bộ phim Hollywood nổi tiếng của đạo diễn David Fincher năm 1999 dựa trên tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Chuck Palahniuk. Tên phim được dịch sang tiếng Việt là “Sàn đấu sinh tử”.

[74] Nguyên văn: “gull-wing doors”.

[75] Nguyên văn: “Thoroughbred”, tức ngựa Anh, chỉ giống ngựa lai phối giữa ngựa đực Ả-Rập và ngựa cái Anh từ cuối thế kỷ 17, chuyên dùng cho mục đích đua ngựa.

[76] Tạm dịch: Cái tôi.

[77] Gần 3,8 lít.

[78] Tạm dịch: Sự bất khả vật chất của cái chết trong tâm trí người sống.

[79] Nguyên văn: “SAC compliance department”.

[80] Nguyên văn: “Conviction”.

[81] Nguyên văn: “Catalysts”.

[82] Tạm dịch: Tạp chí của Hội Y khoa Mỹ.

[83] Viết tắt của U.S. Food and Drug Administration: Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ.

[84] Nguyên văn: “vasogenic edema”.

[85] Chơi chữ từ “absolutely” (mang nghĩa “tuyệt đối”, “hoàn toàn”,

“chắc chắn”...) kết hợp với “bapi” (tên thuốc).

[86] Nguyên văn: “multiple sclerosis”, một chứng rối loạn não bộ và tùy sống với chức năng thần kinh bị giảm sút, kết hợp với hình thành sẹo trên lớp phủ ngoài của các tế bào thần kinh.

[87] Nhân vật trong truyện tranh *Little Orphan Annie* của tác giả Harold Gray.

[88] Nguyên văn: “unblended”, ám chỉ dữ liệu được tiết lộ đầy đủ, trọn vẹn.

[89] Nghĩa là “vàng cục”, “quặng vàng”.

[90] Trong các thử nghiệm thuốc thường có một nhóm người tham gia sử dụng giả dược, họ được cho dùng thuốc giả vờ, không có tác dụng đi điều trị nhưng không được báo trước đi đâu đó.

[91] Viết tắt của John F. Kennedy, tên tổng thống thứ 35 của nước Mỹ, được dùng để đặt cho tên sân bay chính ở New York.

[92] Dennis đã dàn xếp các cáo buộc giao dịch nội gián dân sự tại tòa với SEC vào năm 2014 và đồng ý việc bị cấm tham gia ngành chứng khoán và trả một khoản phạt 200.000 đô la, không thừa nhận và cũng không phủ nhận các cáo buộc. (Chú thích của tác giả)

[93] Màu đỏ là màu cho thấy chứng khoán giảm giá, ý chỉ việc bán tháo.

[94] Sau này vợ Goyal không bị cáo buộc bất cứ đi đâu gì.

[95] Nghĩa là “Những ý tưởng của Steve”.

[96] Nguyên văn “triple net lease,” nghĩa là các hợp đồng cho thuê bất động sản mà bên thuê đồng ý trả thuế bất động sản, bảo hiểm cho tòa nhà và tiền bảo trì, ngoài các loại phí thông thường khác như phí thuê, phí điện nước...

[97] Nguyên văn: “enforcement attorney”.

[98] Bernard Lawrence “Bernie” Madoff, sinh năm 1938, cậ̀m đậ̀u đượ̀ng dậy huy độṇg vộ́n đ̣a cậ́p và lự̀a đ̣ảo tṛị giạ́ lên tọ́i 64,8 ṭỉ độ la. Madoff bị ṭuyên án 150 năm ṭù vào ngạ̀y 29/6/2009.

[99] Tên một chuỗi hiệu thuốc ở Mỹ.

[100] Nguyên văn: “Office of Market Surveillance”.

[101] Nguyên văn: “the East River”, vốn là một eo biển thủy tri ều nước mặ̣n ở thàṇh phố New York, Hoa Kỳ.

[102] Sau này vợ chưa cưới của Longueuil không bị cáo buộc đi ầu gì sai trái. (TG)

[103] Một số câu thoại qua chat, tin nhắn hay email có lẽ được tác giả trích nguyên văn từ hồ sơ vụ án, và có thể những câu này là tài liệu do FBI nghe hoặc sao chụp từ tin nhắn gốc, nên trong bản tiếng Anh viết không đúng quy tắc chính tả, ngữ pháp. Chúng tôi giữ nguyên như vậy.

[104] Lý thuyết triết học đặt tên theo nhà khoa học người Anh nghĩ ra nó, William xứ Occam (hoặc Ockham) vào năm 1324. Lý thuyết này nói rằng lời giải thích đơn giản nhất thường cũng là lời giải thích xác đáng nhất.

[105] John Gotti (1940-2002), trùm băng đảng người Mỹ, đứng đậ̀u gia đìṇh tộ̣i phạm Gambino, khét tiếng ở Mỹ vào những năm 1970 và 1980, bị ṭuyên án chung thân năm 1992 và chết trong ṭù.

[106] Nghĩa là “Trym dài”.

[107] Viết tắt của bang Connecticut, ý chỉ SAC vì SAC có văn phòng ở đ̣ây.

[108] Nguyên văn: “Serious adverse events”.

[109] Có nguồn gốc từ tiếng Ý, nghĩa đen ám chỉ quân sư cho người cầ đầu băng đảng tội phạm.

[110] Chuỗi nhà hàng đờnướng và đờăn Mexico phổ biến ở Mỹ.

[111] Paul Gauguin (1848-1903), họa sĩ lớn thuộc trường phái hậu ấn tượng người Pháp.

[112] Willem de Kooning (1904-1997), họa sĩ trừu tượng tiên phong người Hà Lan-Mỹ.

[113] Jackson Pollock (1912-1956), họa sĩ trường phái biểu hiện trừu tượng người Mỹ. Ông được coi là một trong những người tài năng nhất trong thế hệ của mình.

[114] Édouard Manet (1832-1883), họa sĩ lớn người Pháp, người tiên phong của trường phái ấn tượng.

[115] Michael Robert Milken (sinh ngày 4/7/1946) là một cựu chuyên gia tài chính người Mỹ, và cũng là một nhà hoạt động từ thiện. Ông ghi dấu ấn với vai trò phát triển thị trường trái phiếu lãi suất cao, và nhận tội trong việc vi phạm luật pháp về chứng khoán của Hoa Kỳ.

[116] Nghĩa là “Thư chuyên tiếp: Dell”.

[117] Nguyên văn “private equity fund”.

[118] Nguyên văn tiếng Anh: “Memorial Day”, là ngày lễ liên bang ở Mỹ, rơi vào thứ Hai cuối cùng của tháng Năm hằng năm.

[119] Nguyên văn “failure to supervise”, hàm ý Cohen không thể giám sát các hành vi và hoạt động của các bộ phận dưới quyền, dẫn đến việc hoạt động kinh doanh của SAC không tuân thủ quy định pháp luật.

[120] Alphonse Gabriel Capone (1899-1947), biệt danh “Gã mặt sẹo” – Scarface là một trùm băng đảng tội phạm có tổ chức khét tiếng ở Mỹ thời

kỳ cấm rượu.

[121] Như chúng tôi đã chú thích từ trước, các thành viên của bồi thẩm đoàn là những công dân Mỹ bình thường. Họ được gọi tham gia bồi thẩm đoàn như một hình thức thực hiện nghĩa vụ công dân. Trong phiên tòa này, các thuật ngữ, khái niệm tài chính, chứng khoán và giao dịch chứng khoán khá xa lạ với kiến thức nền tảng của bồi thẩm đoàn. Tuy nhiên như chúng ta sẽ thấy, có tội và không có tội là vấn đề đạo đức, và bồi thẩm đoàn sẽ cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra phán quyết cuối cùng.

[122] Tạm dịch: “Người được miễn tội”.

[123] Jean Dubuffet (1901-1985), họa sĩ và nhà điêu khắc người Pháp, ông nổi tiếng với việc sáng lập ra trường phái Art Brut, mang nghĩa chỉ thuần nghệ thuật.

[124] Sân thể thao đa năng nổi tiếng ở Manhattan, New York.

[125] Alberto Giacometti (1901-1966), họa sĩ, nhà điêu khắc và nghệ sĩ người Thụy Sĩ.

[126] Nguyên văn: “cheekbones could have sliced a wheel of Brie”, nghĩa đen là “xương gò má có thể cắt đứt một bánh phô mai Brie”, có lẽ ám chỉ những người Trung Quốc giàu có mới đến Mỹ.

[127] Thương hiệu đồ chơi lâu đời của Mỹ, nổi tiếng với các sản phẩm cực kỳ cao cấp.

Table of Contents

Lời mở đầu LẬT MẶT

PHẦN MỘT

Chương 1 MONEY, MONEY, MONEY[14]

Chương 2 STEVIE MUỐN GÌ CÓ ĐÓ

Chương 3 ĐỘI HÌNH SÁT THỦ

PHẦN HAI

Chương 4 GIỐNG TRÒ CỜ BẠC Ở QUÁN CÀ PHÊ CỦA RICK

Chương 5 THÔNG TIN ĐỘC QUYỀN, LỢI THẾ

Chương 6 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chương 7 CHẤT LIỆU LÀM NÊN NHỮNG HUYỀN THOẠI

PHẦN BA

Chương 8 NGƯỜI CHỈ ĐIỂM

Chương 9 CÁI CHẾT CỦA NHỮNG VỊ VUA

Chương 10 ĐAO CẠO CỦA OCCAM[104]

Chương 11 BẤT KHẢ CHIẾN BẠI

Chương 12 CON CÁ VOI

Chương 13 NGHIỆP CHƯỚNG

Chương 14 CHIẾC XUỒNG CỨU SINH

PHẦN BỐN

Chương 15 CÔNG LÝ

Chương 16 PHÁN XỬ

VĨ THANH

BẢNG TRA CỨU NHÂN VẬT (Vào thời điểm các sự kiện diễn ra)

MỘT SỐ GHI CHÚ

Chú Thích